

KẾ HOẠCH BÀI HỌC NGỮ VĂN 6

Bộ sách: CÁNH DIỀU (Năm học 2022-2023)

Ngày dạy:

Tiết 1,2,3,4:

BÀI MỞ ĐẦU

NỘI DUNG VÀ CẤU TRÚC SÁCH NGỮ VĂN 6

Thời gian thực hiện: 4 tiết

A.MỤC TIÊU

1.Kiến thức:

- Thông qua các hoạt động, học sinh nhận biết được nội dung cơ bản của cuốn sách giáo khoa Ngữ văn 6- bộ “ Cánh diều”.
- Biết được một số phương pháp học đọc, học viết, học nghe và nói theo từng thể loại.
- Chia sẻ được tâm tình khi nói về môi trường học tập mới, những niềm vui và sự hồi hộp khi gặp thầy mới, bạn mới.
- Biết cấu trúc một bài học trong SGK và cách tiếp cận từng hoạt động trong từng bài.

2. Năng lực:

- Giải quyết vấn đề: nêu được những khó khăn của học sinh khi tiếp cận chương trình SGK mới và hướng giải quyết.
- Hợp tác: tham gia hoạt động nhóm, điều chỉnh thái độ, cách ứng xử phù hợp.
- Năng lực giao tiếp: Khiêm tốn, lắng nghe tích cực trong giao tiếp. Diễn đạt ý tưởng một cách tự tin; thể hiện được biểu cảm phù hợp với đối tượng và bối cảnh giao tiếp.

3. Phẩm chất:

- Yêu Tổ quốc: Có ý thức tìm hiểu và gìn giữ các truyền thống tốt đẹp của dân tộc Việt Nam thể hiện qua các nội dung bài học: cảm thu văn học, sử dụng tiếng mẹ đẻ, ...
- Luôn trung thực, có trách nhiệm, biết vươn lên tự hoàn thiện bản thân.
- Tự học: khám phá nội dung SGK - liên hệ - trao đổi tìm kiếm sự giúp đỡ.

II. THIẾT BỊ VÀ HỌC LIỆU

- Giáo viên: Thiết bị, học liệu: Ngữ liệu/Sách giáo khoa, phiếu học tập, tài liệu tham khảo.
- Học sinh: Đọc, tìm hiểu trước bài.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Hoạt động 1: Mở đầu

- Mục tiêu: Tạo tâm thế và định hướng chú ý cho học sinh; tạo vấn đề vào chủ đề
- Nội dung hoạt động: HS trả lời câu hỏi.
- Sản phẩm học tập: Câu trả lời/chia sẻ của HS bằng ngôn ngữ
- Tổ chức hoạt động:

* Chuyển giao nhiệm vụ:

(1) Hát tập thể bài “ Em yêu trường em.”

(2) Quan sát các hình ảnh, thông tin trên bìa cuốn SGK Ngữ văn 6, tập 1 và cho biết:
Cảm nhận của em về tên bộ sách và cuốn Ngữ văn 6 tập 1, tập 2?

* **Thực hiện nhiệm vụ:** HS quan sát, trả lời câu hỏi.

* **Báo cáo kết quả:** Tổ chức cho HS nhận xét, đánh giá, bổ sung.

* **Đánh giá nhận xét, dẫn vào bài:** *Ngữ văn là môn học công cụ. Các văn bản khiến chúng ta rung động trước những cảnh, những người được tái hiện để rồi trái tim mình biết yêu thương nhiều hơn, biết sống nhân hậu và lương thiện hơn, biết phấn đấu vượt qua mọi khó khăn để đạt mục tiêu trong cuộc sống... Ngữ văn còn giúp chúng ta nghe, nói, đọc viết đúng hơn, hay hơn, thuyết phục hơn... Vì vậy, có thể nói, môn Ngữ văn giúp ta làm giàu trí tuệ, làm đẹp tâm hồn, làm giàu tình cảm... Vậy chương trình ngữ văn 6 gồm những gì?*

2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức

*CÁC NỘI DUNG CẦN THỰC HIỆN:

Phần 1: Tìm hiểu nội dung Sách Ngữ văn 6

I. HỌC ĐỌC

1. Đọc hiểu văn bản truyện
2. Đọc hiểu văn bản thơ
3. Đọc hiểu văn bản kí
4. Đọc hiểu văn bản nghị luận
5. Đọc hiểu văn bản thông tin
6. Rèn luyện Tiếng Việt

II. HỌC VIẾT

III. HỌC NÓI VÀ NGHE

Phần 2: Tìm hiểu cấu trúc của sách và cấu trúc của mỗi bài học trong sách.

Phần 3: Hướng dẫn học sinh soạn bài, chuẩn bị bài học, ghi bài, tự đánh giá, hướng dẫn tự học.

* **THỜI LƯỢNG THỰC HIỆN:** 4 tiết

NỘI DUNG 1: TÌM HIỂU NỘI DUNG SÁCH NGỮ VĂN 6

a) **Mục tiêu:** Nhận biết được nội dung cơ bản về sách giáo khoa Ngữ văn lớp 6.

b) **Nội dung hoạt động:** Làm việc cá nhân để hoàn thành phiếu học tập.

c) **Sản phẩm:** Câu trả lời cá nhân vào phiếu học tập đã hoàn thiện của mình.

d) **Tổ chức thực hiện hoạt động.**

* Chuyển giao nhiệm vụ học tập:

* Trước khi đọc nội dung sgk Ngữ văn 6

- HS hoàn thiện bảng sau:

Phiếu số 1: Bảng KWL

Những điều em đã biết về SGK Ngữ văn 6	Những điều em mong đợi học được ở SGK Ngữ văn 6	Những điều học được (Cuối tiết học sẽ điền cột này)
...	...	
...	...	
...	...	

- GV chiếu cho HS xem video **Giới thiệu Sách giáo khoa Ngữ văn**

GV yêu cầu HS chú ý lắng nghe, nắm được các thông tin để trả lời các câu hỏi tìm hiểu bài.

Hoạt động của GV và HS	Nội dung cần đạt
GV yêu cầu HS đọc phần Nội dung Sách Ngữ văn 6 (tr	A. TÌM HIỂU NỘI DUNG

Phiếu học tập số 2: Tìm hiểu nội dung I. Đọc của sách Ngũ văn 6

Nhóm	Nhóm 1	Nhóm 2	Nhóm 3	Nhóm 4
Nội dung tìm hiểu	1. Đọc hiểu văn bản truyện	2. Đọc hiểu văn bản thơ	3. Đọc hiểu văn bản kí	4. Đọc hiểu văn bản thông tin và 5. Đọc hiểu văn bản thông tin
Câu hỏi tìm hiểu	Tổng kê các văn bản và nội dung của các văn bản trong từng thể loại.			

GV tổ chức trò chơi **Liệt kê nhanh**.

* **Chuyển giao nhiệm vụ:** Mỗi em sẽ hoàn thành nhanh nhiệm vụ trên phiếu học tập 02 trong thời gian 5 phút.

+ Liệt kê tên các văn bản được học trong chương trình theo thể loại.

+ Nêu nội dung chính của các văn bản đó.

* **Thực hiện nhiệm vụ.**

Các nhóm thảo luận, hoàn thành nhanh sản phẩm PHT.

* **Báo cáo sản phẩm.**

* **GV nhận xét, chốt kiến thức**

I. HỌC ĐỌC**1. Các thể loại văn bản đọc hiểu:**

Thể loại	Các văn bản tìm hiểu
Văn bản truyện	- <i>Thánh Gióng</i> ; <i>Sự tích Hồ Gươm</i> ; <i>Thạch Sanh</i> ; <i>Cô bé bán diêm</i> ; <i>Ông lão đánh cá và con cá vàng</i> ; <i>Bức tranh của em gái tôi</i> ; <i>Điều không tính trước</i> ; <i>Chích bông ơi</i> ; <i>Dế Mèn phiêu lưu kí</i> .
Văn bản thơ	<i>Ái ơi tay mẹ</i> (Bình Nguyên); <i>Về thăm mẹ</i> (Đình Nam Khương); <i>Đêm nay Bác không ngủ</i> (Minh Huệ); <i>Lượm</i> (Tố Hữu); <i>Gấu con chân vòng kiềng</i> (U - xa - chớp)
Văn bản kí	<i>Trong lòng mẹ</i> (Nguyên Hồng); <i>Đồng Tháp Mười mùa nước nổi</i> (Văn Công Hùng); <i>Thời thơ ấu của Hon - đa</i> (Hon -đa Sô-i-chi-rô)
Văn bản nghị luận	<i>Nguyên Hồng - nhà văn của những người cùng khổ</i> (Nguyễn Đăng Mạnh); <i>Vẻ đẹp của một bài ca dao</i> (Hoàng Tiến Tựu);

		Thánh Gióng - tượng đài vĩnh cửu của lòng yêu nước (Bùi Mạnh Nhị); Vì sao chúng ta phải đối xử thân thiện với động vật? (Kim Hạnh Bảo - Trần Nghi Du); Khan hiếm nước ngọt (Trịnh Văn),...						
	Văn bản thông tin	Hồ Chí Minh và “Tuyên ngôn độc lập” (Bùi Đình Phong); Diễn biến chiến dịch Điện Biên Phủ; Phạm Tuyên và ca khúc mừng ngày chiến thắng (Nguyệt Cát); Điều gì giúp bóng đá Việt Nam chiến thắng?; Những phát minh tình cờ và bất ngờ; Giờ Trái Đất,...						
* Chuyển giao nhiệm vụ: Đọc mục I.6. Rèn luyện tiếng Việt (Tr 10/SGK): + Sách NV6 gồm những loại bài tập tiếng Việt nào? + Bài tập vận dụng kiến thức tiếng Việt nhằm mục đích gì và phục vụ các hoạt động nào? * Thực hiện nhiệm vụ: HS suy nghĩ cá nhân để trả lời câu hỏi. * Báo cáo, thảo luận: HS trả lời câu hỏi. * Kết luận, nhận định: GV nhận xét và chuẩn kiến thức.		2. Rèn luyện tiếng Việt Các loại bài tập tiếng Việt trong Sách ngữ văn 6: + Bài tập nhận biết các hiện tượng và đơn vị ngôn ngữ (nhận biết các từ đơn, từ phức, kiểu câu, các biện pháp tu từ,...) --> Chiếm số lượng ít + Bài tập vận dụng kiến thức tiếng Việt rèn luyện các kỹ năng đọc, viết, nói và nghe--> chiếm số lượng lớn. ++ Vận dụng kiến thức tiếng Việt phục vụ hoạt động tiếp nhận văn bản (tập trung vào kỹ năng đọc hiểu văn bản). ++ Vận dụng kiến thức tiếng Việt phục vụ hoạt động tạo lập văn bản (thuyết trình, thảo luận, viết văn bản)						
Phiếu học tập số 3: Tìm hiểu nội dung II. Viết và III. Nói và nghe của Sách Ngữ văn 6 <table border="1"> <tr> <th>Nhóm</th><th>Nhóm 1 + 2</th><th>Nhóm 3 + 4</th></tr> <tr> <td>Nội dung cần tìm hiểu</td><td>Mục II. Viết (Tr 11/SGK)</td><td>Mục III. Nói và nghe (Tr 12/SGK)</td></tr> </table>			Nhóm	Nhóm 1 + 2	Nhóm 3 + 4	Nội dung cần tìm hiểu	Mục II. Viết (Tr 11/SGK)	Mục III. Nói và nghe (Tr 12/SGK)
Nhóm	Nhóm 1 + 2	Nhóm 3 + 4						
Nội dung cần tìm hiểu	Mục II. Viết (Tr 11/SGK)	Mục III. Nói và nghe (Tr 12/SGK)						

Câu hỏi tìm hiểu	1. Ở bậc Tiểu học, em đã được học cách viết các kiểu văn bản nào? 3. Sách Ngữ văn 6 rèn luyện cho các em viết các kiểu văn bản nào? Kiểu văn bản nào chưa được học ở cấp Tiểu học? 4. Nêu yêu cầu chính cần đạt của mỗi kiểu văn bản.	1. Khi nói và nghe, em cần chú ý những gì? 2. Nêu các yêu cầu chính cần đạt ở lớp 6 của kĩ năng nói kĩ năng nghe, kĩ năng nói nghe tương tác. 3. Kể ra một số lỗi HS hay mắc trong quá trình nói và nghe. Chỉ ra cách khắc phục.
-------------------------	---	--

HOẠT ĐỘNG NHÓM

* Chuyển giao nhiệm vụ:

HS đọc mục II. HỌC VIẾT (Tr 10 - 11/SGK) và mục III. HỌC NÓI VÀ NGHE (Tr 12/SGK).

Hoàn thành phiếu học tập 03 theo nhiệm vụ được phân công.

Thời gian : 05 phút

* Thực hiện nhiệm vụ:

+ HS làm nhiệm vụ.

+ GV quan sát, động viên.

* Báo cáo, thảo luận:

+ HS báo cáo sản phẩm .

+ HS nhận xét lẫn nhau.

* **Kết luận, nhận định:** GV nhận xét và chuẩn hoá kiến thức.

Nhóm 1 thuyết trình về nội dung phần **II. HỌC VIẾT**.

Các bạn nhận xét, phản biện (nếu có). Các nhóm khác bổ sung ý kiến.

GV tổng hợp, chốt kiến thức.

II. HỌC VIẾT

HS thực hành tạo lập 6 kiểu văn bản:

Kiểu văn bản	Yêu cầu
1. VB tự sự	- Viết được bài văn kể lại một truyền thuyết hoặc truyện cổ tích. - Viết được bài văn kể lại một trải nghiệm của bản thân, dùng ngôi kể thứ nhất
2. VB miêu tả	Viết được bài văn tả cảnh sinh hoạt.
3. VB biểu cảm	Bước đầu biết làm thơ lục bát, viết đoạn văn ghi lại cảm xúc sau khi đọc bài thơ lục bát.
4. VB thuyết minh	Bước đầu biết viết văn bản thuyết minh thuật lại một sự kiện.
5. VB nghị luận	Bước đầu biết viết bài văn trình bày ý kiến về một vấn đề mà mình quan tâm.

	6. VB nhật dụng	- Viết được biên bản về một vụ việc hay một cuộc họp, cuộc thảo luận. - Tóm tắt được nội dung chính của một số văn bản đơn giản đã học bằng sơ đồ.
	- Ở mỗi bài học lớn, yêu cầu viết có quan hệ chặt chẽ với đọc hiểu văn bản. III. HỌC NÓI VÀ NGHE	
	Kĩ năng	Yêu cầu
	Nói	- Kể được một truyền thuyết hoặc truyện cổ tích, một trải nghiệm, một kỉ niệm đáng nhớ. - Trình bày được ý kiến về một vấn đề đáng quan tâm (một sự kiện lịch sử hay một vấn đề trong cuộc sống). - Có thái độ và kĩ năng nói phù hợp.
	Nghe	- Hiểu được nội dung tình huống của người khác. - Có thái độ và kĩ năng nghe phù hợp.
	Nói nghe tương tác	- Biết tham gia thảo luận về một vấn đề. - Có thái độ và kĩ năng trao đổi phù hợp.

Ngày dạy:

Tiết 3,4: NỘI DUNG 2: TÌM HIỂU CẤU TRÚC CỦA SÁCH NGŨ VẤN 6

a) Mục tiêu: Nhận biết được cấu trúc của sách và các bài học trong sách giáo khoa Ngữ văn lớp 6.

b) Nội dung hoạt động: Làm việc cá nhân, thảo luận nhóm để hoàn thành phiếu học tập.

c) Sản phẩm: Câu trả lời cá nhân, phiếu học tập đã hoàn thiện của các nhóm.

d) Tổ chức thực hiện hoạt động

HD của GV và HS	Nội dung cần đạt
HOẠT ĐỘNG THEO CẶP: * Chuyển giao nhiệm vụ:	B. TÌM HIỂU CẤU TRÚC CỦA SÁCH NGŨ VẤN 6

HS đọc phần **CẤU TRÚC CỦA SÁCH NGỮ VĂN 6** (Tr 13/SGK) trả lời các câu hỏi sau.

+ *Sách Ngữ văn 6 (2 tập) có tổng số bao nhiêu bài học?*

+ *Cấu trúc của một bài học trong sách gồm những phần chính nào? Những nhiệm vụ mà các em cần làm ở lớp và ở nhà là gì?*

+ *Theo em, tại sao cần biết cấu trúc của sách trước khi học?*

*** Thực hiện nhiệm vụ:**

+ HS suy nghĩ nhiệm vụ.

+ GV quan sát, động viên.

*** Báo cáo, thảo luận:**

+ Đại diện các em báo cáo sản phẩm thảo luận.

+ HS nhận xét lẫn nhau.

*** Kết luận, nhận định:** GV nhận xét và chuẩn hoá kiến thức.

- Sách Ngữ văn 6 gồm 10 bài học.

- Mỗi bài học đều giúp HS thực hành 4 kỹ năng: Đọc hiểu văn bản - Viết - Nói và nghe.

- Cuối mỗi bài học có phần Tự đánh giá và Hướng dẫn tự học.

NỘI DUNG 3: HƯỚNG DẪN HỌC SINH SOẠN BÀI, CHUẨN BỊ BÀI HỌC, GHI BÀI, TỰ ĐÁNH GIÁ.

a) Mục tiêu: học sinh nắm được khâu soạn bài, chuẩn bị bài học, ghi bài, tự đánh giá, hướng dẫn tự học.

b) Nội dung hoạt động: Làm việc cá nhân, thảo luận nhóm để hoàn thành phiếu học tập.

c) Sản phẩm: Câu trả lời cá nhân, phiếu học tập đã hoàn thiện của các nhóm.

d) Tổ chức thực hiện hoạt động

? Trước khi học bài mới, em cần phải có công đoạn gì?

- Công đoạn soạn bài, chuẩn bị bài học

? Công đoạn soạn bài, chuẩn bị bài học em cần tiến hành như thế nào?

- Đọc trước nội dung bài học, trả lời các câu hỏi sau mỗi bài học vào vở soạn bài ở nhà.

- Thực hiện các phiếu học tập thầy cô giao trước về nhà.

- Trao đổi, thảo luận với bạn về nội dung sẽ học.

Tìm kiếm thông tin có liên quan đến bài học trên mạng để phục vụ cho bài học.

1, Hướng dẫn học sinh soạn bài, chuẩn bị bài học

1.1 Chuẩn bị đầy đủ phương tiện học tập:

a. Sách:

- Bắt buộc: Sách giáo khoa (quyển tập 1 và tập 2)

- Sách tham khảo: (Khuyến khích học sinh đọc thêm để mở rộng hiểu biết)

Ví dụ: + Truyện dân gian Việt Nam

+ *Đế Mèn phiêu lưu kí* – Tô Hoài

+ Tập thơ “*Góc sân và khoảng trời*”

– Trần Đăng Khoa

b. Chuẩn bị đủ vở ghi

3 quyển:

- Vở trên lớp: ghi chép nội dung học trên lớp và những dặn dò cho bộ môn

- Vở soạn: dùng để soạn phần nhiệm vụ ở nhà

	+ Đối với truyện: tóm tắt văn bản (có thể làm miệng), tìm bố cục, trả lời câu hỏi trong SGK (theo khả năng tìm hiểu của bản thân) + Đối với thơ: không soạn tóm tắt, chỉ tìm bố cục, trả lời câu hỏi SGK - <u>Vở bài tập</u>: Làm bài tập của bài học GV giao. 1.2. Sự chuẩn bị trước tiết học - Mang đầy đủ sách, vở bộ môn khi đến lớp; - Đọc bài (ít nhất 3 lần), soạn bài, làm bài đầy đủ trước khi đến lớp; - Tập kể lại truyện nhiều lần không nhìn vào sách, vở; - Sưu tầm tài liệu liên quan bài học (video, clip, hình ảnh, bài hát,...) - Thường xuyên đọc sách, báo, truyện, ... phù hợp với lứa tuổi và có tính nhân văn; - Cần đọc nhiều để mở rộng kiến thức, trau dồi vốn từ, mở rộng kiến thức; - Chia sẻ những thắc mắc, những tâm đắc cho bạn bè (qua mail, điện thoại, ...) Với Đọc hiểu văn bản: - Tóm tắt, nắm được nội dung, nghệ thuật; - Đọc thêm nguyên tác để hiểu rõ về đoạn trích. Với Thực hành Tiếng Việt: - Thực hành nhiều bài tập; - Tìm thêm ví dụ. Với kĩ năng Viết: - Lập dàn ý, học cách viết theo từng thể loại (tự sự, miêu tả, biểu cảm, nghị luận, nhật dụng); - Tập viết nhiều để rèn kĩ năng tạo lập văn bản (viết từng đoạn và viết thành bài). Với kĩ năng Nói và nghe: Tập điều chỉnh thái độ, cảm xúc và kĩ năng nói/nghe cho phù hợp; tích cực khắc phục các lỗi mắc phải.
? Em cần ghi chép như thế nào?	2, Hướng dẫn học sinh ghi bài - Ghi bài theo nội dung giáo viên trình bày trên bảng; - Chú ý lắng nghe để ghi chép chất lọc nội dung thầy cô truyền tải. - Tóm tắt nội dung bài học bằng sơ đồ .

? Em cần tự đánh giá như thế nào sau mỗi bài học?	3, Hướng dẫn học sinh tự đánh giá -Học sinh nhận rõ những sai lầm của mình và tìm cách giải quyết vấn đề một cách chính xác -Đánh giá mới để tiếp tục ghi nhận sự tiến bộ của bản thân. -Lưu giữ hồ sơ học tập của cá nhân.
---	---

3. Hoạt động 3: Luyện tập

- a) Mục tiêu: Học sinh vận dụng kiến thức đã học để thực hiện bài tập giáo viên giao.
 b) Nội dung hoạt động: HS làm việc cá nhân hoàn thành phiếu KWL và sơ đồ tư duy bài học.
 c) Sản phẩm học tập:
 - Mục L trong phiếu KWL
 - Sơ đồ tư duy cá nhân về nội dung bài học.
 d) Tổ chức thực hiện:
 * **Chuyển giao nhiệm vụ:**
 - Hoàn thành phiếu KWL (Cột Những điều học được)

Phiếu học tập số 1: Bảng KWL

Những điều em đã biết về SGK Ngữ văn 6	Những điều em mong đợi học được ở SGK Ngữ văn 6	Những điều học được (Cuối tiết học sẽ điền cột này)		
...	...			
...	...			
...	...			

- Vẽ sơ đồ tư duy nội dung bài học.

* Thực hiện nhiệm vụ:

- HS tự hoàn thành phiếu KWL.

* Báo cáo kết quả:

- GV gọi một số HS rút ra những điều học được trong phiếu KWL

* Kết luận, đánh giá:

- HS, GV đánh giá, nhận xét.

4. Hoạt động 4: Vận dụng

- a) Mục tiêu: HS hiểu chia sẻ cảm xúc của bản thân.
 b) Nội dung: HS làm việc cá nhân, đưa ra suy nghĩ của bản thân về một vấn đề GV đặt ra.
 c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời của học sinh.
 d) Tổ chức thực hiện:

* **Chuyển giao nhiệm vụ học tập:** Chia sẻ cảm xúc, suy nghĩ của em khi bước vào môi trường mới - phiếu gợi ý.

Cảm xúc	Thuận lợi	Khó khăn	Nguyện vọng

* **Thực hiện nhiệm vụ:** HS thực hiện nhiệm vụ chuẩn bị theo hướng dẫn

* Báo cáo, thảo luận:

- + GV gọi đại diện các nhóm chia sẻ suy nghĩ.
 + Các nhóm HS khác lắng nghe trình bày và nhận xét., bổ sung ý kiến.

1. Cảm xúc: -Vui vì... -Lo lắng vì...

2. Thuận lợi:

- Thầy cô và bố mẹ quan tâm, bạn bè thân thiện.
- Phương tiện và tài liệu học tập đầy đủ.

3. Khó khăn:

- Lớp 6 có nhiều môn học mới, mỗi môn học là một giáo viên khác nhau nên chưa quen cách học.
- Mỗi ngày đều phải học rất nhiều môn học và nhiều bài tập phải hoàn thành.
- Cách đánh giá xếp loại khác bậc tiểu học.

4. Nguyên vọng:

- Với thầy cô và các bạn:

*** Đánh giá, kết luận:** Giáo viên quan sát , lắng nghe, cùng HS tháo gỡ những điều còn vướng mắc, động viên các em và giúp các em có thêm tự tin, hào hứng học tập.

VỀ NHÀ:

1.Chuẩn bị bài 1 theo yêu cầu SGK.

-Đọc kỹ phần “ Kiến thức Ngữ văn”

-Đọc các văn bản trong bài và thực hiện yêu cầu phần chuẩn bị.

2.Sưu tầm tư liệu, hình ảnh, câu chuyện liên quan đến bài học.

.....

Ngày dạy:

BÀI 1

Tiết 5,6,7: Đọc hiểu văn bản: THÁNH GIÓNG

I. Mục tiêu:

1. Về kiến thức:

a. Đọc- hiểu

- Nhận diện thể loại truyền thuyết.
- Nắm vững được các sự kiện chính, tóm tắt cốt truyện, nắm vững hệ thống nhân vật.
- Chỉ ra được các chi tiết kì ảo hoang đường của truyền thuyết

b. Viết.

- Viết được đoạn văn phân tích hình ảnh tiêu biểu trong tác phẩm
- Viết bài văn bày tỏ suy nghĩ của mình về tác phẩm

c. Nói và nghe.

- Nêu nhận xét về nội dung và nghệ thuật của văn bản.
- Cảm nhận được phần trình bày của GV và bạn bè
- Biết tham gia thảo luận trong nhóm nhỏ về một vấn đề cần có giải pháp thống nhất, biết đặt câu hỏi và trả lời, biết nêu một vài đề xuất dựa trên các ý tưởng được trình bày trong quá trình thảo luận.

2. Về năng lực

a.Năng lực chung:

- Năng lực tự chủ và tự học: Tìm kiếm thông tin, đọc sách giáo khoa, quan sát tranh ảnh để tìm hiểu được một số yếu tố hình thức (chi tiết, cốt truyện, nhân vật, yếu tố hoang đường....), nội dung (đề tài, chủ đề, ý nghĩa, thái độ người kể,...) của truyện truyền thuyết.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Thảo luận nhóm để thực hiện phiếu học tập, hợp tác giải quyết vấn đề để tìm hiểu được một số yếu tố hình thức (chi tiết, cốt truyện, nhân vật, yếu tố hoang đường....), nội dung (đề tài, chủ đề, ý nghĩa, thái độ người kể,...) của truyện truyền thuyết.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Năng lực trình bày và trao đổi thông tin trước lớp.

b. Năng lực đặc thù:

- Đọc-hiểu văn bản truyền thuyết theo đặc trưng thể loại.

- Thực hiện thao tác phân tích một vài chi tiết nghệ thuật kì ảo trong văn bản..

- Nắm bắt tác phẩm thông qua hệ thống các sự việc được kể theo trình tự thời gian

3. Về phẩm chất:

- **Yêu nước:** Tự hào về truyền thống đánh giặc giữ nước của dân tộc.

- **Chăm chỉ:** Thích đọc sách, báo, tìm tư liệu trên mạng Internet để mở rộng hiểu biết.

- **Nhân ái:** Có thái độ cảm thông, giúp đỡ những người nghèo khổ, bất hạnh

- **Trung thực:** Biết lên án thói xấu trong xã hội, bênh vực và bảo vệ người lương thiện.

II. Thiết bị dạy học và học liệu.

- Giáo viên: Học liệu: Ngữ liệu/Sách giáo khoa, phiếu học tập, tài liệu tham khảo.

- Học sinh: Đọc, tìm hiểu trước bài.

III. Tiến trình dạy học.

1. Hoạt động 1: Mở đầu

a) Mục tiêu: Tạo tâm thế và định hướng chú ý cho học sinh; tạo vấn đề vào chủ đề

b) Nội dung hoạt động: HS trả lời câu hỏi.

c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời/chia sẻ của HS bằng ngôn ngữ

d) Tổ chức hoạt động:

*** Chuyển giao nhiệm vụ:**

Trình chiếu video clips “ Lễ hội làng Gióng”. Em cảm nhận được gì từ đoạn phim trên?

*** Thực hiện nhiệm vụ:** Hs xem và trả lời câu hỏi.

*** Báo cáo kết quả:** HS trình bày kết quả (cá nhân).

*** Đánh giá nhận xét, dẫn vào bài:** Hội Gióng là một lễ hội văn hóa cổ truyền mô phỏng rõ một cách sinh động và khoa học diễn biến các trận đấu của Thánh Gióng và nhân dân Văn Lang với giặc Ân. *Yêu nước chống ngoại xâm là một chủ đề lớn xuyên suốt tiến trình phát triển của Văn học Việt Nam. Nhiều tác phẩm đã tạc vào thời gian những người anh hùng bất tử với non sông. Thánh Gióng là một trong những truyền thuyết bất hủ như vậy. Điều gì đã làm nên sức hấp dẫn của thiên truyện?*

2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới

Nội dung 1: Tìm hiểu về thể loại truyền thuyết

a) **Mục tiêu:** Giúp hs nhận diện thể loại truyền thuyết.

b) Nội dung hoạt động: Tìm hiểu đặc điểm cơ bản của truyền thuyết.

c) Sản phẩm học tập: Khái niệm truyền thuyết

d) Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Nội dung cần đạt
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS đọc phần Kiến thức ngữ văn trong SGK trang 14, 15 để nêu những hiểu biết về thể loại. + <i>Khái niệm của truyện truyền thuyết?</i> + Phân loại truyền thuyết? Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập	I, Tìm hiểu về thể loại truyền thuyết 1, Khái niệm: - <i>Truyện truyền thuyết</i> là loại truyện dân gian, có yếu tố hoang đường, kì ảo, kể về các sự việc và nhân vật liên quan đến lịch sử hoặc giải thích nguồn gốc phong tục,

HS đọc **Tri thức đọc hiểu** trong SGK và tái hiện lại kiến thức trong phần đó.

Bước 3: Báo cáo sản phẩm học tập

- HS trình bày cá nhân.
- Các HS khác nhận xét.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ:

- GV nhận xét và chuẩn kiến thức.

cảnh vật địa phương theo quan niệm của nhân dân.

2, Phân loại truyền thuyết

- + Truyền thuyết thời Hùng Vương – thời đại mở đầu lịch sử Việt Nam. Đặc điểm: gắn với việc giải thích nguồn gốc dân tộc và công cuộc dựng nước, giữ nước thời đại vua Hùng.
- + Truyền thuyết của các triều đại phong kiến. Đặc điểm: bám sát lịch sử hơn, và sử dụng ít yếu tố hoang đường, kì ảo hơn các truyền thuyết thời Hùng Vương.

Nội dung 2: Phân tích văn bản

Hoạt động của GV và HS	Nội dung cần đạt										
a) Mục tiêu: Giúp học sinh nắm được những nét khái quát về văn bản. b) Nội dung hoạt động: HS trả lời câu hỏi. c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời/chia sẻ của HS bằng ngôn ngữ, bằng phiếu học tập. d) Tổ chức hoạt động: *PP, kĩ thuật: Giải quyết vấn đề, động não, làm việc nhóm thông qua phiếu bài tập. GV hướng dẫn cách đọc: Đọc rõ ràng, rành mạch, nhấn giọng ở những chi tiết kì lạ. Chú ý lời nói của các nhân vật. GV đọc mẫu. Gọi 3 HS đọc Nhận xét cách đọc của các bạn? GV nhận xét bổ sung Gọi HS đọc chú thích (Sgk) - GV phát phiếu bài tập số 1, yêu cầu HS làm việc nhóm để điền thông tin vào phiếu bài tập. - Sau khi HS thực hiện xong từng nhiệm vụ, GV nhận xét và chốt lại. PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1 <table border="1"> <tr> <td colspan="2">Văn bản :</td></tr> <tr> <td>Bố cục văn bản</td><td></td></tr> <tr> <td>Nhận vật chính</td><td></td></tr> <tr> <td>Sự việc chính</td><td></td></tr> <tr> <td>Phương thức BD</td><td></td></tr> </table> Gv chiếu các sự việc, yc hs tóm tắt. Tóm tắt. Đời Hùng Vương thứ 6, ở làng Gióng có hai vợ chồng làm ruộng. Một hôm bà vợ ra đồng, ướm chân mình vào vết chân lạ, rồi có thai, sau sinh ra một cậu bé khôi ngô, nhưng 3 tuổi mà chẳng biết	Văn bản :		Bố cục văn bản		Nhận vật chính		Sự việc chính		Phương thức BD		II. Tìm hiểu chung văn bản Thánh Gióng 1, Đọc 2, Tác phẩm * Phương thức BD: Tự sự * Bố cục văn bản: Văn bản chia làm 4 phần - <u>Phần 1:</u> Từ đầu đến “...đặt đâu nằm đấy” (Sự ra đời của Thánh Gióng) - <u>Phần 2:</u> Tiếp đến “...cứu nước” (Sự lớn lên của Thánh Gióng) - <u>Phần 3:</u> Tiếp đến “...bay lên trời” (Thánh Gióng đánh giặc và về trời) - <u>Phần 4:</u> Còn lại (các dấu tích còn lại) * Nhân vật và sự việc: - Nhận vật chính: Thánh Gióng - Truyền thuyết Thánh Gióng liên quan đến sự thật lịch sử ở thời đại Hùng Vương: + Đã có những cuộc chiến tranh ác liệt diễn ra giữa dân tộc ta và giặc ngoại xâm từ phương Bắc. + Người Việt thời bấy giờ đã chế tạo ra vũ khí bằng sắt, thép. + Người Việt cổ đã cùng đoàn kết đứng lên chống giặc ngoại xâm, dùng tất cả các phương tiện để đánh giặc. - Sự việc chính:
Văn bản :											
Bố cục văn bản											
Nhận vật chính											
Sự việc chính											
Phương thức BD											

nói, biết cười. Khi giặc Ân xâm lược nước ta. Gióng bỗng cất tiếng nói yêu cầu nhà vua sắm roi sắt, ngựa sắt để đi đánh giặc. Sau đó, Gióng ăn rất khỏe, bà con xóm làng góp gạo, nuôi chú. Gióng lớn nhanh như thổi, vươn vai thành một tráng sĩ cao lớn, hùng mạnh. Nhận được các thứ cần thiết, Gióng nhảy lên ngựa, vung roi đi đánh giặc. Giặc tan, Gióng lên núi Sóc và bay về trời. Nhân dân nhớ ơn, lập đền thờ, Hùng Vương phong Gióng là *Phù Đổng Thiên Vương*. Đến bây giờ vẫn còn các dấu tích: ao, hồ, tre đằng ngà, làng Cháy và Hội làng Phù Đổng- hội Gióng để kỉ niệm.

Tìm hiểu chú thích:

+ Giáo viên hướng dẫn HS tìm hiểu các chú thích SGK.

+ HS trao đổi với bạn bên cạnh về những từ ngữ mình không hiểu hoặc hiểu chưa rõ ràng.

- HS đọc chú thích SGK trang 16, 17

- Giải thích các từ khó trong phần chú thích.

+ Hoàn cảnh ra đời khác thường của Gióng.

+ Gióng xin đi đánh giặc và lớn nhanh như thổi.

+ Gióng ra trận đánh thắng giặc và bay về trời.

+ Vua và dân làng ghi nhớ công ơn của Gióng; những dấu tích Gióng để lại..

C, Từ khó (SGK-T15, 16, 17, 18)

III, Đọc – hiểu văn bản .

a) Mục tiêu: Giúp hs hiểu được sự ra đời của Thánh Gióng vừa bình thường vừa khác thường.

b) Nội dung hoạt động: Đọc và tìm các chi tiết trong văn bản

c) Sản phẩm học tập: Sự ra đời của Thánh Gióng vừa bình thường vừa khác thường.

d) Tổ chức thực hiện:

- Sử dụng kĩ thuật động não

- PP: Thảo luận nhóm, Giải quyết vấn đề

* Chuyển giao nhiệm vụ học tập:

+ Đọc thầm phần1 của văn bản truyện: từ đầu đến “...nằm đấy”.

+ Suy nghĩ – thời gian 3 phút:

Tìm những chi tiết kể về sự ra đời của Gióng (bình thường/ khác thường)? Nhận xét về những chi tiết ấy?

Suy nghĩ gì về nguồn gốc của Gióng?

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2

Sự ra đời của Thánh Gióng	
Sự bình thường	Sự khác thường
.....	
➔ Nhận xét về sự ra đời ấy?	

* Thực hiện nhiệm vụ:

- Học sinh đọc ngữ liệu văn bản.

- HS hoạt động cá nhân ghi vào phiếu bài tập.

- GV quan sát, hỗ trợ HS.

* Báo cáo kết quả:

- HS trình bày kết quả

Dự kiến sp:

Sự ra đời của Thánh Gióng	
Sự bình thường	Sự khác thường

III, Đọc – hiểu văn bản .

1.Sự ra đời của Thánh Gióng

Con hai vợ chồng ông lão chăm chỉ làm ăn và phúc đức.	+ bà mẹ ướm vết chân lạ, về thụ thai. + mười hai tháng sau sinh một cậu bé + lên ba vẫn không biết nói, biết cười, chẳng biết đi, cứ đặt đâu thì nằm đấy.
---	--

→ *Sự ra đời của Thánh Gióng rất kì lạ.*

*** Đánh giá nhận xét:**

- HS khác theo dõi, đánh giá, nhận xét, bổ sung.
- GV : Người ta thường nói 1 đứa trẻ sinh ra thường “ 3 tháng biết lẫy, 7 tháng biết bò, 9 tháng lò dò biết đi”, đến 2, 3 tuổi là sẽ nói được những tiếng đơn giản. Vậy mà TG lên ba vẫn không biết nói, biết cười, chẳng biết đi, cứ đặt đâu thì nằm đấy.

? Sự ra đời kì lạ này có ý nghĩa gì không?

Môtip về sự ra đời kì lạ trong các câu chuyện dân gian là một mô tip quen thuộc, những nhân vật ra đời rất đặc biệt thường là những con người phi thường. Và nó báo hiệu rằng những người ấy sinh ra không phải giống như người bình thường mà họ gắn với một sứ mệnh đặc biệt nào đó đến khi sứ mệnh ấy đến thì mọi thứ sẽ thay đổi bất ngờ. Và ở đây sự ra đời của Gióng là như vậy. Nó thể hiện nguồn gốc về người anh hùng xuất thân từ nhân dân. Dự báo về cuộc đời và những chiến công bất thường mà sau này Gióng làm nên

Gióng ra đời một cách kì lạ như vậy, còn sự Sự trưởng thành của Thánh Gióng? Các em cùng sang phần 2

a) Mục tiêu: Giúp hs hiểu được sự lớn lên của Thánh Gióng là tổng hợp sức mạnh của cộng đồng dân tộc.

b) Nội dung hoạt động: Đọc và tìm các chi tiết trong văn bản

c) Sản phẩm học tập: sự lớn lên của Thánh Gióng

d) Tổ chức thực hiện:

- **Sử dụng kĩ thuật công đoạn**

- **PP: giải quyết vấn đề.**

*** Chuyển giao nhiệm vụ học tập:**

Sự trưởng thành của Thánh Gióng diễn ra trong hoàn cảnh nào?

Lời nói, hành động nào chứng tỏ điều đó?

Bạn 1:

Lời nói, hành động	Ý nghĩa
.....	

- *Sự bình thường:*

Con hai vợ chồng ông lão chăm chỉ làm ăn và phúc đức.

- *Sự khác thường:*

+ bà mẹ ướm vết chân lạ, về thụ thai.

+ mười hai tháng sau sinh một cậu bé

+ lên ba vẫn không biết nói, biết cười, chẳng biết đi, cứ đặt đâu thì nằm đấy.

-> *Sự ra đời của Thánh Gióng kì lạ, khác thường. Nhưng Gióng xuất thân bình dị, gần gũi – người anh hùng của nhân dân.*

2. Sự trưởng thành của Thánh Gióng

a, Hoàn cảnh:

- Giặc Ân xâm lược

- Vua sai xứ giả đi tìm người tài giỏi

.....	
-------	-------

Bạn 2:

<i>Sự thay đổi của Gióng</i>	Ý nghĩa
.....	

Bạn 3:

Chi tiết	Ý nghĩa
- Bà con dân làng góp gạo nuôi Gióng?	

*** Thực hiện nhiệm vụ:**

- Học sinh đọc ngữ liệu văn bản.
- HS hoạt động cá nhân
- GV quan sát, hỗ trợ HS.

*** Báo cáo kết quả:**

- HS trình bày kết quả (đại diện nhóm).

Dự kiến sp:

Bạn 1:

Lời nói, hành động	Ý nghĩa
- Tiếng nói đầu tiên: “Mẹ ra mời sư giả vào đây cho con!”	-> Tiếng nói của tinh thần yêu nước
- Yêu cầu nhà vua chuẩn bị roi sắt, ngựa sắt, giáp sắt.	-> <i>Nhiệm vụ cao cả, ý chí quyết tâm đánh giặc.</i>

Bạn 2:

<i>Sự thay đổi của Gióng</i>	Ý nghĩa
- Lớn nhanh như thổi	➔ Sự trưởng thành bất ngờ để đáp ứng nhiệm vụ cấp bách: đánh giặc cứu nước
- Cơm ăn mấy cũng không no	
- Áo vừa mặc đã căng đứt chỉ	

Bạn 3:

Chi tiết	Ý nghĩa
- Bà con dân làng góp gạo nuôi Gióng?	- Tình yêu thương đoàn kết, sự đồng lòng của nhân dân trong đánh giặc - Người anh hùng của nhân dân, được nhân dân nuôi lớn, mang sức mạnh của toàn dân.

*** Đánh giá nhận xét:**

- HS khác theo dõi, đánh giá, nhận xét, bổ sung.

b, Lời nói, hành động

*** Tiếng nói đầu tiên:** “Mẹ ra mời sư giả vào đây cho con!” -> Tiếng nói của tinh thần yêu nước

* Yêu cầu nhà vua chuẩn bị roi sắt, ngựa sắt, giáp sắt.
-> *Nhiệm vụ cao cả, ý chí quyết tâm đánh giặc.*

C, Sự thay đổi của Gióng

- Lớn nhanh như thổi
- Cơm ăn mấy cũng không no
- Áo vừa mặc đã căng đứt chỉ
➔ Sự trưởng thành bất ngờ để đáp ứng nhiệm vụ cấp bách: đánh giặc cứu nước

d, Bà con góp gạo nuôi Gióng

- Tình yêu thương đoàn kết, sự đồng lòng của nhân dân trong đánh giặc
- Người anh hùng của nhân dân, được nhân dân nuôi lớn, mang sức mạnh của toàn dân.

- GV chốt và chuyển ý: Tinh thần đoàn kết, lá lành đùm lá rách đã trở thành truyền thống tốt đẹp ngàn đời của cha ông ta. Bên cạnh đó, ai cũng mong chú giết giặc cứu nước, <i>họ gặp nhau ở 1 điểm đó là tình thần yêu nước và mong muốn có 1 ng ah sẽ bảo vệ đất nước. Chi tiết này cho ta thấy ty thương đoàn kết đồng lòng của nhân dân trong hoàn cảnh đất nước gặp khó khăn thử thách</i> Người anh hùng Gióng được sinh ra từ nhân dân, được nhân dân nuôi lớn trưởng thành bởi vậy sẽ mang theo sức mạnh của G không chỉ là sức mạnh của 1 người, không phải là sức mạnh của thần linh mà chính là sức mạnh từ ý chí, từ tinh thần, và cả từ vật chất hành động của đông đảo toàn dân trên đất nước ta đó là sức mạnh của toàn dân và khi người người hợp sức lại giống như 1 bó đũa lớn không thể nào bẻ gãy nó tạo nên một sức mạnh phi thường không thể nào bẻ gãy tạo nên một sức mạnh đồng hành cùng người chiến sĩ ấy trong quá trình đánh giặc. Vậy Gióng đã đánh giặc như thế nào? Chúng ta cùng sang phần 3	
a) Mục tiêu: hs hiểu được sự anh hùng, dũng cảm, khí thế tiến công mãnh liệt của Thánh Gióng, sự ra đi bất tử của Tgióng. b) Nội dung hoạt động: Đọc và tìm các chi tiết trong văn bản c) Sản phẩm học tập: Hình ảnh, chi tiết Thánh Gióng đánh giặc d) Tổ chức thực hiện:	3. Thánh Gióng đánh giặc
- Sử dụng kĩ thuật động não. - PP: giải quyết vấn đề. HD cá nhân: *Chuyển giao nhiệm vụ - GV giao nhiệm vụ cho HS thông qua câu hỏi, hoạt động nhóm 1. Chỉ bức tranh trong SGK. Bức tranh trên vẽ lại cảnh gì? Bằng lời văn của mình, em hãy kể lại đoạn Gióng ra trận đánh giặc? 2. Nhận xét cách miêu tả trong đoạn văn? 3. Khi roi sắt gãy Gióng đã làm gì? 4. Chi tiết Gióng nhổ những bụi tre bên đường quật vào giặc khi roi sắt gãy có ý nghĩa gì? 5. Qua đây em hiểu thêm gì về nhân vật Thánh Gióng? * Hđ nhóm: Theo em, nguyên nhân nào giúp Gióng có chiến công này? →* Thực hiện nhiệm vụ: - HS làm việc cá nhân, hoạt động nhóm, suy nghĩ, trả lời. - HS hình thành kĩ năng khai thác văn bản. - Giáo viên: Quan sát, theo dõi quá trình học sinh thực hiện, gợi ý nếu cần. * Báo cáo kết quả: - Học sinh lần lượt trả lời các câu hỏi Giặc đến chân núi ... sứ giả mang ... Gióng vươn vai thành một tráng sĩ... - Mặc áo giáp, cầm roi, nhảy lên mình ngựa, phi thẳng đến nơi có giặc, đón đầu, đánh giết	

hết lớp này đến lớp khác

- Chi tiết tường tượng, kì ảo.
- Roi sắt gãy, nhổ những bụi tre bên đường quật vào giặc.
- Sinh động, cụ thể như mở ra trước mắt ta bức tranh hoành tráng, kỳ vĩ về người anh hùng đánh giặc, cứu nước.
- Nhổ tre làm vũ khí đánh giặc.
- Tinh thần tiến công mãnh liệt của người anh hùng.

Thảo luận nhóm:

? Theo em nguyên nhân nào giúp Gióng có chiến công này?

Dự kiến:

Người anh hùng Gióng, sự chung sức của nhân dân, vũ khí: hiện đại, thô sơ..

- + Sức mạnh của tổ tiên, thần thánh(sự ra đời thần kì)
 - + Sức mạnh của tập thể, cộng đồng (bà con, làng xóm góp gạo nuôi Gióng)
 - + Sức mạnh của thiên nhiên, văn hoá, kĩ thuật(núi non khắp vùng trung châu, tre và sắt)
- Là nhân vật anh hùng thần thoại tiêu biểu cho sức mạnh tiềm tàng của lòng yêu nước quật cường của dân tộc Việt Nam thời đại Hùng Vương

*** Đánh giá nhận xét:**

- HS khác theo dõi, đánh giá, nhận xét, bổ sung.
 - GV chốt và chuyển ý: G đánh giặc bằng những hành động rất mạnh mẽ, dứt khoát quyết đoán ..Và có một hành động roi sắt gãy... Gióng đã vận dụng ngay những loài cây rất thân thuộc của nhân dân ta đó là cây tre, Gióng nhổ tre để quật vào giặc...như vậy chúng ta thấy không chỉ có sức mạnh của con người mà còn có cả sức mạnh của thiên nhiên, cũng góp phần làm nên chiến thắng của Gióng.
- Sự oai phong, lẫm liệt ...chính là những từ khóa mà ta có thể thấy được khi chứng kiến Gióng đánh giặc.
- Sức mạnh của Gióng là sức mạnh không gì có thể địch nổi: đó là sức mạnh của nhân dân, sức mạnh của ý chí, của tinh thần đoàn kết và đồng lòng quyết tâm cùng đánh giặc và làm mạnh thêm sức mạnh ấy là thiên nhiên cây cỏ cũng góp phần vào đánh giặc.

- Là nhân vật anh hùng thần thoại tiêu biểu cho sức mạnh tiềm tàng của lòng yêu nước quật cường của dân tộc Việt Nam thời đại Hùng Vương.

a) Mục tiêu: hiểu được hành động Gióng không ở lại mà bay về trời là hành động không màng danh lợi, và bất tử trong lòng dân tộc.

b) Nội dung hoạt động: Đọc và tìm các chi tiết trong văn bản

c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời cá nhân bằng ngôn ngữ

d) Tổ chức thực hiện:

***Chuyển giao nhiệm vụ**

1. Sau khi đánh tan giặc, anh hùng Gióng đã làm gì? Chi tiết ấy gợi cho em suy nghĩ như thế nào?

2. Hình tượng Gióng có ý nghĩa gì? Gợi cho em suy nghĩ gì về quan niệm và ước mơ của nhân dân?

*** Thực hiện nhiệm vụ:**

4. Gióng về trời:

- Sau khi thắng giặc, Gióng cởi giáp sắt bỏ lại, rồi cả người lẫn ngựa từ từ bay thẳng lên trời.
- => Là người có công đánh giặc.
- Không màng danh lợi
- Bất tử trong lòng dân tộc.

-

- Học sinh đọc ngữ liệu văn bản.
- HS hoạt động cá nhân kết quả ghi vào phiếu bài tập.
- GV quan sát, hỗ trợ HS.

*** Báo cáo kết quả:**

1. Thánh Gióng là hình tượng tiêu biểu, rực rỡ của người anh hùng đánh giặc cứu nước, là hình tượng người anh hùng mang sức mạnh toàn dân, là hình ảnh tiêu biểu của lòng yêu nước.

2. Thể hiện ước mơ của nhân dân về sức mạnh chiến thắng ngoại xâm của dân tộc.

*** Đánh giá nhận xét:** Gióng bay về trời là hình ảnh đẹp đầy ý nghĩa: Là vị thần giúp dân đánh giặc không vì danh lợi vinh hoa... Gióng là non nước, đất trời, là biểu tượng của người dân Văn Lang... Gióng sống mãi...

GV bình: Đây là sự ra đi thật kì lạ mà cũng rất trân trọng, nó chứng tỏ Gióng không màng danh lợi, đồng thời cho chúng ta thấy thái độ của nhân dân ta đối với người anh hùng đánh giặc cứu nước. Nhân dân yêu mến, trân trọng muốn giữ mãi hình ảnh của người anh hùng nên đã để Gióng về với cõi vô biên, bất tử. Bay lên trời Gióng là non nước, là đất trời, là biểu tượng của người dân Văn Lang

a) Mục tiêu: hs hiểu được những chi tiết, dấu vết còn lại của Gióng là sự biết ơn, trân trọng đối với người anh hùng dân tộc.

b) Nội dung hoạt động: Đọc và tìm các chi tiết trong văn bản

c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời cá nhân bằng ngôn ngữ

d) Tổ chức thực hiện:

***Chuyển giao nhiệm vụ**

Gv chiếu 4 hình ảnh.

? Hãy chỉ ra các dấu tích còn lại của Gióng?

? Những chi tiết, dấu vết còn lại của Gióng có ý nghĩa gì?

*** Thực hiện nhiệm vụ:**

- Học sinh đọc ngữ liệu văn bản.
- HS hoạt động cá nhân kết quả ghi vào phiếu bài tập.
- GV quan sát, hỗ trợ HS.

*** Báo cáo kết quả:**

- HS trình bày kết quả (cá nhân).

*** Đánh giá nhận xét:** Những nv là có thật, làng Gióng, hay Phù Đổng Thiên Vương hay là lễ hội Gióng hằng năm được tổ chức vào tháng tư đó chính là sự biết ơn, trân trọng đối với người anh hùng dân

5, Những chi tiết, dấu vết còn lại của Gióng

- Bụi tre đằng ngà huyện Gia Bình...

- Vết chân ngựa thành ao hồ...

- Ngựa thét ra lửa thiêu cháy một làng...

=> Dấu tích chiến công, Gióng để lại cho quê hương thể hiện quan niệm, thái độ của nhân: Sự biết ơn, trân trọng đối với người anh hùng dân tộc

> Sức sống của truyền thuyết Thánh Gióng.

tộc. ? Theo em truyện Thánh Gióng có thật không? Giáo viên mở rộng: Cơ sở sự thật lịch sử của truyện: - Vào thời đại Hùng Vương, chiến tranh tự vệ ngày càng trở nên ác liệt, đòi hỏi phải huy động sức mạnh của cả cộng đồng. - Số lượng và kiểu loại vũ khí của người Việt cổ tăng lên từ giai đoạn Phùng Nguyên đến giai đoạn Đông Sơn. - Vào thời đại Hùng Vương, cư dân Việt cổ tuy nhỏ nhưng đã kiên quyết chống lại mọi đạo quân xâm lược lớn mạnh để bảo vệ cộng đồng.	
a) Mục tiêu: Giúp hs hiểu được những đặc trưng của truyền thuyết Thánh Gióng b) Nội dung hoạt động: Đọc và tìm các chi tiết trong văn bản c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời cá nhân bằng ngôn ngữ d) Tổ chức thực hiện: *Chuyển giao nhiệm vụ ? Căn cứ vào nd cốt truyện , đặc điểm của nhân vật, thái độ của nhân dân để xác định những đặc trưng của truyền thuyết Thánh Gióng? * Thực hiện nhiệm vụ: - Học sinh đọc ngữ liệu văn bản. - HS hoạt động cá nhân kết quả ghi vào phiếu bài tập. - GV quan sát, hỗ trợ HS. * Báo cáo kết quả: - HS trình bày kết quả (cá nhân). * Đánh giá nhận xét:	5, Những đặc trưng của truyền thuyết Thánh Gióng - Là truyện dân gian(tự sự dân gian) - Sự kiện, nhân vật lịch sử: vua Hùng, giặc Ân đến Gióng. - Yếu tố tưởng tượng kì ảo: Sự ra đời kì lạ, Gióng lớn nhanh như thổi, ngựa phun lửa bay về trời. - Ý nghĩa: + Ca ngợi, biết ơn người anh hùng có công đánh giặc cứu nước nhưng không màng danh lợi. + Thể hiện khát vọng về sức mạnh đánh đuổi giặc ngoại xâm của nhân dân. + Phân tích lịch sử chống ngoại xâm của ông cha ta.
HĐ cá nhân – KT trình bày 1 phút: * GV yêu cầu HS làm việc cá nhân thực hiện yêu cầu sau : Em hãy khái quát nghệ thuật và nội dung chính của văn bản?	III, Tổng kết 1, Nghệ thuật của truyện. - Xây dựng thành công hình tượng Thánh Gióng sử dụng nhiều yếu tố tưởng tượng kì ảo, tô đậm vẻ phi thường của nhân vật. - Nhiều chi tiết, hình ảnh đẹp và giàu ý nghĩa. 2, Ý nghĩa văn bản: Hình tượng Thánh Gióng với nhiều màu sắc thần kì là biểu tượng rực rỡ của ý thức và sức mạnh bảo vệ đất nước, đồng thời là sự thể hiện quan niệm và ước mơ của nhân

dân ta ngay từ buổi đầu lịch sử về người anh hùng cứu nước chống ngoại xâm.

3. Hoạt động 3: Luyện tập

a) Mục tiêu: Học sinh vận dụng kiến thức đã học vào giải bài tập

b) Nội dung hoạt động:

- HS luyện đọc kĩ một đoạn trích trong văn bản và thực hiện các nhiệm vụ/trả lời các câu hỏi, bài tập để rèn kĩ năng đọc hiểu văn bản.

c) Sản phẩm học tập:

- Câu trả lời của các câu hỏi, bài tập.

d) Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Nội dung cần đạt
- PP thảo luận nhóm. * Chuyển giao nhiệm vụ: 1, Tìm các chi tiết cho thấy truyện có liên quan đến lịch sử? 2, Trong truyện, Thánh Gióng đã bộc lộ những phẩm chất nào? Tên truyện Thánh Gióng gợi cho em những suy nghĩ gì về thái độ của người kể đối với nhân vật? 3, Chi tiết: “Bà con hàng xóm góp gạo nuôi Gióng.” Đã thể hiện tinh thần đoàn kết của dân tộc. Hãy viết đoạn văn từ 6-8 câu nêu suy nghĩ của em về tinh thần trên? * Thực hiện nhiệm vụ: - HS suy nghĩ, hình thành và triển khai ý tưởng, tư duy độc lập... * Báo cáo kết quả: - GV gọi bất kì cá nhân nào trình bày kết quả. * Kết luận, đánh giá: - HS, GV đánh giá, nhận xét.	1, Tìm các chi tiết cho thấy truyện có liên quan đến lịch sử? Truyện thuyết “Thánh Gióng” liên quan đến sự thật lịch sử ở thời đại Hùng Vương: - Cuộc chiến tranh ác liệt giữa dân tộc ta và giặc ngoại xâm từ phương Bắc là những trận chiến có thật trong lịch sử. - Người Việt đã cùng đoàn kết đứng lên chống giặc ngoại xâm, dùng tất cả các phương tiện để đánh giặc. 2, Trong truyện, Thánh Gióng bộc lộ những phẩm chất dũng cảm, mưu trí và có sức khỏe vô song, đánh giặc cứu nước, hoàn thành nhiệm vụ là quay về trời, không ham vinh hoa phú quý. Thái độ của người kể đối với nhân vật Gióng đó là thái độ trân trọng, nể phục và ngợi ca vị Phù Đổng Thiên Vương đánh giặc cứu nước. 3, Chi tiết: “Bà con hàng xóm góp gạo nuôi Gióng.” Đã thể hiện tinh thần đoàn kết của dân tộc. Hãy viết đoạn văn từ 6-8 câu nêu suy nghĩ của em về tinh thần trên? Viết đoạn văn: Đoàn kết là một trong những phẩm chất cần có của mỗi con người(1). Đoàn kết giúp huy động được nhiều nguồn lực cả về vật chất, trí tuệ và tinh thần, tạo nên sức mạnh to lớn giúp cho tổ chức, tập thể dễ dàng vượt qua khó khăn, thử thách để chinh phục mục tiêu(2). Đoàn kết, hỗ trợ lẫn nhau sẽ giúp rút ngắn thời gian làm việc(3). Tinh thần đoàn kết là sức mạnh quý giá của mỗi tập thể, mỗi quốc gia, dân tộc mà chúng ta cần phải có, cần phải bồi đắp(4). Phê phán những tư tưởng, hành động chia rẽ, phá hoại tập thể(5). Đồng thời, cần phân biệt đoàn kết với a đua, kết bè kết phái và bao che(6). Cần sống đoàn kết, chan

	hòa với mọi người và hành động tích cực vì lợi ích chung của tập thể(7). Tóm lại, tinh thần đoàn kết là một trong những điều kiện để tạo nên thành công(8).
--	---

ĐÁNH GIÁ SẢN PHẨM ĐOẠN VĂN

Tiêu chí	Mức 3	Mức 2	Mức 1
Nội dung	- Đoạn văn có chủ đề rõ ràng, thống nhất. - Các câu liên kết chặt chẽ. - Sử dụng từ ngữ hợp lý, tự nhiên. (5,5 – 7,0 điểm)	- Đoạn văn có chủ đề tương đối rõ ràng. - Các liên kết khá chặt chẽ. - Sử dụng từ ngữ tương đối hợp lý. (3,0 – 5,25 điểm)	- Đoạn văn chưa rõ chủ đề. - Các câu còn rời rạc. - Có xuất hiện từ ngữ (0 – 2,75 điểm)
Hình thức	- Diễn đạt linh hoạt, trôi chảy. - Không mắc lỗi chính tả, dùng từ, ngữ pháp. (2,0 – 3,0 điểm)	- Diễn đạt rõ ràng. - Mắc rất ít lỗi chính tả, dùng từ, ngữ pháp. (1,25 – 1,75 điểm)	- Diễn đạt chưa rõ ràng. - Mắc nhiều lỗi chính tả, dùng từ, ngữ pháp. (0 – 1,0 điểm)

4. Hoạt động 4: Vận dụng

a) Mục tiêu: Giúp HS khắc sâu kiến thức đã học.

b) Nội dung: HS vận dụng kiến thức đã học để làm bài tập.

c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời của hs

d) Tổ chức thực hiện:

* **Giao nhiệm vụ học tập:** GV nêu yêu cầu bài tập.

* **Thực hiện nhiệm vụ:** HS suy nghĩ, hình thành và triển khai ý tưởng, tư duy độc lập...

* **Báo cáo kết quả:** GV gọi bất kì cá nhân nào trình bày kết quả.

* **Kết luận, đánh giá.**

Hoạt động của GV và HS	Nội dung cần đạt
* Chuyển giao nhiệm vụ: 1. Việc lập đền thờ và hàng năm mở hội Gióng thể hiện điều gì? Nêu một vài hiểu biết của em về hội Gióng? 2. Tại sao hội thi thể thao trong nhà trường mang tên “Hội khỏe Phù Đổng”? * Thực hiện nhiệm vụ: - HS suy nghĩ, hình thành và triển khai ý tưởng, tư duy độc lập... * Báo cáo kết quả:	1, Việc lập đền thờ và hàng năm mở hội Gióng thể hiện tấm lòng tri ân người anh hùng bất tử, hướng về cội nguồn. Hội Gióng là một lễ hội văn hóa cổ truyền mô phỏng rõ một cách sinh động và khoa học diễn biến các trận đấu của <u>thánh Gióng</u> và nhân dân <u>Văn Lang</u> với giặc Ân. Thông qua đó có thể nâng cao “nhận thức cộng đồng về các hình thức chiến tranh bộ lạc thời cổ xưa và liên tưởng tới cuộc chiến tranh nhân dân, toàn dân, toàn diện trong sự nghiệp giải phóng và bảo vệ Tổ quốc”. 2, Lí do đặt tên: – Hội thi dành cho lứa tuổi thiếu niên, lứa tuổi Thánh Gióng trong thời đại mới. – Hình ảnh Thánh Gióng là hình ảnh của sức mạnh, của tinh thần chiến thắng rất phù hợp với ý nghĩa của một hội thi thể thao.

- GV gọi bất kì cá nhân nào trình bày kết quả. * Kết luận, đánh giá: - HS, GV đánh giá, nhận xét.	– Mục đích của hội thi là rèn luyện thể lực, sức khoẻ để học tập, lao động, góp phần bảo vệ và xây dựng Tổ quốc sau này.
--	--

- Tiếp tục đọc và soạn bài: Thạch Sanh tiết sau học

.....

Ngày dạy:

Tiết 8,9 : Đọc hiểu văn bản: THẠCH SANH

I. Mục tiêu:

1. Về kiến thức:

a. Đọc- hiểu

- Hiểu, cảm nhận được những nét chính về nội dung và nghệ thuật *Thạch Sanh* mâu thuẫn trong đời sống; khát vọng về sự chiến thắng của cái thiện, về công bằng, hạnh phúc của nhân dân lao động, về phẩm chất và năng lực kì diệu của một số kiểu nhân vật; nghệ thuật kì ảo, kết thúc có hậu.

- Nhớ được cốt truyện, nhân vật, sự kiện, ý nghĩa và những đặc sắc nghệ thuật của từng truyện cổ tích về kiểu nhân vật dũng sĩ tiêu diệt cái ác

b. Viết.

- Viết được đoạn văn phân tích hình ảnh tiêu biểu trong tác phẩm
- Viết bài văn bày tỏ suy nghĩ của mình về tác phẩm

c. Nói và nghe.

- Nêu nhận xét về nội dung và nghệ thuật của văn bản.
- Cảm nhận được phần trình bày của GV và bạn bè
- Biết tham gia thảo luận trong nhóm nhỏ về một vấn đề cần có giải pháp thống nhất, biết đặt câu hỏi và trả lời, biết nêu một vài đề xuất dựa trên các ý tưởng được trình bày trong quá trình thảo luận.

2. Về năng lực

a. Năng lực chung:

- Năng lực tự chủ và tự học: Tìm kiếm thông tin, đọc sách giáo khoa, quan sát tranh ảnh để hiểu, cảm nhận được những nét chính về nội dung và nghệ thuật *Thạch Sanh* mâu thuẫn trong đời sống; khát vọng về sự chiến thắng của cái thiện, về công bằng, hạnh phúc của nhân dân lao động.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Thảo luận nhóm để thực hiện phiếu học tập, hợp tác giải quyết vấn đề để hiểu, cảm nhận được những nét chính về nội dung và nghệ thuật *Thạch Sanh* mâu thuẫn trong đời sống; khát vọng về sự chiến thắng của cái thiện, về công bằng, hạnh phúc của nhân dân lao động, về phẩm chất và năng lực kì diệu của một số kiểu nhân vật; nghệ thuật kì ảo, kết thúc có hậu. Nhớ được cốt truyện, nhân vật, sự kiện, ý nghĩa và những đặc sắc nghệ thuật của từng truyện cổ tích về kiểu nhân vật dũng sĩ tiêu diệt cái ác

b. Năng lực đặc thù:

- Rèn kỹ năng đọc diễn cảm – kể lại câu chuyện bằng ngôn ngữ của mình.
- Nhận diện những sự việc chính của truyện.
- Nhận diện một số chi tiết tưởng tượng kì ảo tiêu biểu trong truyện.

- Bước đầu biết nhận diện thể loại, ngôi kể; kể lại cốt truyện và nêu nhận xét về nội dung và nghệ thuật những truyện không được học trong chương trình.

3. Về phẩm chất:

- **Yêu nước:** Tự hào về truyền thống đánh giặc giữ nước của dân tộc.
- **Chăm chỉ:** Thích đọc sách, báo, tìm tư liệu trên mạng Internet để mở rộng hiểu biết.
- **Nhân ái:** Có thái độ cảm thông, giúp đỡ những người nghèo khổ, bất hạnh
- **Trung thực:** Biết lên án thói xấu trong xã hội, bênh vực và bảo vệ người lương thiện.

II. Thiết bị dạy học và học liệu.

- Giáo viên: Thiết bị và Học liệu: Ngữ liệu/Sách giáo khoa, KHBH, tài liệu tham khảo.

- Học sinh: Đọc, nghiên cứu, soạn trước bài.

III. Tiến trình dạy học.

1. Hoạt động 1: Mở đầu

- a) Mục tiêu: Tạo tâm thế và định hướng chú ý cho học sinh; tạo vấn đề vào chủ đề
- b) Nội dung hoạt động: HS xem video và trả lời câu hỏi.
- c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời/chia sẻ của HS bằng ngôn ngữ
- d) Tổ chức hoạt động:

* Chuyển giao nhiệm vụ:

Cho hs xem đoạn vi deo về TS

? Video em vừa xem nhắc tới nhân vật nào? Em biết gì về nhân vật này?

* Thực hiện nhiệm vụ: Hs trả lời

* Báo cáo kết quả:

- HS trình bày kết quả (cá nhân).

* **Đánh giá nhận xét, dẫn vào bài:** Vậy để giúp các em hiểu rõ hơn về nhân vật TS có cuộc đời và số phận ra sao. Và qua truyện cổ tích Thạch Sanh tác giả dân gian muốn gửi gắm điều gì? Cô trò chúng ta cùng tìm hiểu văn bản “ Thạch Sanh”nhé!

2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới

Nội dung 1: Tìm hiểu về thể loại truyện cổ tích

- a) Mục tiêu: Giúp hs nhận diện thể loại truyện cổ tích.
- b) Nội dung hoạt động: Tìm hiểu đặc điểm cơ bản của truyện cổ tích.
- c) Sản phẩm học tập: Khái niệm truyện cổ tích.
- d) Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Nội dung cần đạt
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS đọc phần Kiến thức ngữ văn trong SGK trang 14, 15 để nêu những hiểu biết về thể loại. + <i>Khái niệm của truyện truyền thuyết?</i> + Phân loại truyền thuyết? + So sánh truyện truyền thuyết và truyện cổ tích. Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập HS đọc Tri thức đọc hiểu trong	I, Tìm hiểu về thể loại truyện thuyết 1, Khái niệm: - <i>Truyện cổ tích</i> là loại truyện dân gian, thường có yếu tố hoang đường, kì ảo, kể về cuộc đời của một số kiểu nhân vật như: nhân vật có tài năng kì lạ, nhân vật thông minh, nhân vật bất hạnh, nhân vật ngốc nghếch, người mang lốt vật,... nhằm thể hiện ước mơ, niềm tin của nhân dân về chiến thắng cuối cùng của cái thiện đối với cái ác, cái tốt đối với cái xấu.... 2, Phân loại truyện cổ tích + Cổ tích về loài vật + Cổ tích thần kì + Cổ tích sinh hoạt

SGK và tái hiện lại kiến thức trong phần đó.

Bước 3: Báo cáo sản phẩm học tập

- HS trình bày cá nhân.
- Các HS khác nhận xét.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ:

- GV nhận xét và chuẩn kiến thức.

3, So sánh truyện truyền thuyết và truyện cổ tích:

- Giống nhau:

- Đều là một thể loại văn học dân gian.
- Đều có yếu tố kì ảo.

- Khác nhau:

- Truyền thuyết ra đời trước truyện cổ tích.
- Truyền thuyết kể về các nhân vật và sự kiện có liên quan đến lịch sử thời quá khứ; truyện cổ tích phản ánh cuộc sống hằng ngày của nhân dân ta.
- Truyền thuyết có cốt lõi là những sự thực lịch sử còn cổ tích hoàn toàn hư cấu.
- Trong truyền thuyết, yếu tố kì ảo đóng vai trò thần kì hóa để ngợi ca các nhân vật lịch sử còn trong cổ tích, yếu tố hoang đường, kì ảo đóng vai trò cân cân công lí, thể hiện khát vọng công bằng, mơ ước và niềm tin của nhân dân về sự chiến thắng của cái thiện đối với cái ác, cái tốt với cái xấu.
- Truyền thuyết thể hiện quan điểm, thái độ và cách đánh giá của nhân dân đối với các sự kiện và nhân vật lịch sử được kể; truyện cổ tích biểu hiện cách nhìn hiện thực của nhân dân đối với thực tại, đồng thời nói lên những quan điểm đạo đức, những quan niệm về công lí xã hội và ước mơ về một cuộc sống tốt đẹp hơn cuộc sống hiện tại.

Nội dung 2: Phân tích văn bản

Hoạt động của GV và HS	Nội dung cần đạt										
*PP, kĩ thuật: Giải quyết vấn đề, động não, <i>GV hướng dẫn HS đọc: to, rõ ràng, nhấn mạnh những chiến công của Thạch Sanh. Thể hiện giọng của từng nhân vật: Thạch Sanh thật thà, tin người; mẹ con Lí Thông nham hiểm, độc ác.</i> <i>Gv cho học sinh đọc phân vai</i> <i>Sau đó nhận xét và tuyên dương em nào nhập vai tốt.</i> Gọi HS đọc chú thích (Sgk) - GV chiếu bài tập số 1, yêu cầu HS làm việc điền thông tin vào phiếu bài tập. - Sau khi HS thực hiện xong từng nhiệm vụ, GV nhận xét và chốt lại. PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1 <table border="1" data-bbox="76 1899 798 2134"> <tr> <th colspan="2">Văn bản :</th></tr> <tr> <td>Bố cục văn bản</td><td></td></tr> <tr> <td>Nhân vật chính</td><td></td></tr> <tr> <td>Sự việc chính</td><td></td></tr> <tr> <td>Phương thức BD</td><td></td></tr> </table>	Văn bản :		Bố cục văn bản		Nhân vật chính		Sự việc chính		Phương thức BD		II. Tìm hiểu chung văn bản Thạch Sanh 1, Đọc 2, Tác phẩm * Bố cục văn bản: Văn bản chia làm 3 phần +Phần 1: Từ đầu đến “mọi phép thần thông”: Sự ra đời và lớn lên của Thạch Sanh. +Phần 2: Tiếp đến “kéo nhau về nước”: Những thử thách và chiến công của TS +Phần 3: Còn lại: Thạch Sanh được vua nhường ngôi * Nhân vật và sự việc: - Nhân vật chính: Thạch Sanh - Sự việc chính: - Sự ra đời của Thạch Sanh. - Thạch Sanh lớn lên học võ và phép thần thông.
Văn bản :											
Bố cục văn bản											
Nhân vật chính											
Sự việc chính											
Phương thức BD											

Tìm hiểu chú thích: + Giáo viên hướng dẫn HS tìm hiểu các chú thích SGK. + HS trao đổi với bạn bên cạnh về những từ ngữ mình không hiểu hoặc hiểu chưa rõ ràng. - HS đọc chú thích SGK trang 16, 17 - Giải thích các từ khó trong phần chú thích.	- Thạch Sanh kết nghĩa anh em với Lí Thông. - Mẹ con Lí Thông lừa Thạch Sanh đi chết thay cho mình. - Thạch Sanh giết được chằn tinh, bị Lí Thông cướp công. - Thạch Sanh giết đại bàng, cứu công chúa lại bị cướp công một lần nữa. - Thạch Sanh giết được chằn tinh, bị Lí Thông cướp công một lần nữa. - Thạch Sanh diệt Hồ Tinh, cứu thái tử- con trai Thủy Tề và bị bắt vào ngục. - Thạch Sanh được giải oan. - Chiến thắng quân 18 nước chư hầu. - Thạch Sanh được lên ngôi vua. C, Từ khó(SGK)
--	---

III, Đọc – hiểu văn bản .							
a) Mục tiêu: Giúp hs hiểu được sự ra đời của Thạch Sanh kì lạ, khác thường . Thấy được những phẩm chất tốt đẹp của Thạch Sanh thông qua những chiến công và thử thách. b) Nội dung hoạt động: Đọc và tìm các chi tiết trong văn bản c) Sản phẩm học tập: sự ra đời của Thạch Sanh và những phẩm chất tốt đẹp của Thạch Sanh. d) Tổ chức thực hiện:	III, Đọc – hiểu văn bản . 1. Nhân vật Thạch Sanh. a, Sự ra đời và lớn lên của Thạch Sanh:						
* Chuyển giao nhiệm vụ: Gv chiếu tranh và hỏi: Bức tranh minh họa cho sự việc gì? Sự việc đó nằm ở phần nào của câu chuyện? Hãy nhìn tranh kể lại phần đó? ? Em hiểu “ tứ cố vô thân” là gì? Gv nhấn mạnh đây là một thành ngữ Hán Việt các em sẽ được tìm hiểu kĩ hơn ở bài học Từ Hán Việt. Làm việc cá nhân(5p)- sử dụng kĩ thuật công đoạn Liệt kê các chi tiết kể về sự ra đời và lớn lên của Thạch Sanh? Em có nhận xét gì về sự ra đời và lớn lên của Thạch Sanh? GV chiếu Phiếu học tập số 2 <table border="1"> <tr> <td>Sự ra đời của Thạch Sanh bình thường</td><td>Sự ra đời của Thạch Sanh khác thường</td></tr> <tr> <td>.....</td><td>.....</td></tr> <tr> <td>.....</td><td>.....</td></tr> </table>	Sự ra đời của Thạch Sanh bình thường	Sự ra đời của Thạch Sanh khác thường					
Sự ra đời của Thạch Sanh bình thường	Sự ra đời của Thạch Sanh khác thường						
.....							
.....							

..... ⇒ Nhận xét về sự ra đời và lớn lên của Thạch Sanh?					
* Thực hiện nhiệm vụ: Suy nghĩ trả lời * Báo cáo kết quả: Đáp án <table border="1"> <tr> <th>Sự ra đời của Thạch Sanh bình thường</th><th>Sự ra đời của Thạch Sanh khác thường</th></tr> <tr> <td>- Sinh ra trong một gia đình nghèo, sống bằng nghề kiếm củi.</td><td>- Là Thái Tử do Ngọc Hoàng sai xuống đầu thai. - Mẹ mang thai nhiều năm mới sinh ... - Được thần dạy võ nghệ và phép thần thông.</td></tr> </table> -> xuất thân gần gũi với người dân -> sinh ra đã có tài, sinh ra là để lập công, để cứu giúp dân lành. => Nguồn gốc xuất thân cao quý, nhưng sống giản dị, gần gũi.	Sự ra đời của Thạch Sanh bình thường	Sự ra đời của Thạch Sanh khác thường	- Sinh ra trong một gia đình nghèo, sống bằng nghề kiếm củi.	- Là Thái Tử do Ngọc Hoàng sai xuống đầu thai. - Mẹ mang thai nhiều năm mới sinh ... - Được thần dạy võ nghệ và phép thần thông.	- Nguồn gốc xuất thân: đẹp đẽ, cao quý. - Lớn lên: sống giản dị, gần gũi. -> Ra đời kì lạ, khác thường
Sự ra đời của Thạch Sanh bình thường	Sự ra đời của Thạch Sanh khác thường				
- Sinh ra trong một gia đình nghèo, sống bằng nghề kiếm củi.	- Là Thái Tử do Ngọc Hoàng sai xuống đầu thai. - Mẹ mang thai nhiều năm mới sinh ... - Được thần dạy võ nghệ và phép thần thông.				
* Kết luận, đánh giá: - HS, GV đánh giá, nhận xét. Truyện cổ tích thường có yếu tố tưởng tượng kì ảo, em hãy chỉ rõ yếu tố đó trong đoạn truyện nó về sự ra đời và lớn lên của Thạch Sanh? * Chi tiết tưởng tượng kì ảo - Là Thái Tử do Ngọc Hoàng sai xuống đầu thai. - Mẹ mang thai nhiều năm mới sinh ... - Được thần dạy võ nghệ và phép thần thông. Kể về sự ra đời kì lạ của Thạch Sanh, nhân dân muốn thể hiện quan niệm gì về người anh hùng, dũng sĩ? Chi tiết khác thường: Tô đậm tính chất kỳ lạ, lớn lao, đẹp đẽ, độc đáo của mẫu người dũng sĩ trong ước mơ của nhân dân. Làm câu chuyện càng trở nên hấp dẫn, đó cũng chính là cơ sở cho những chiến công sau này của Thạch Sanh. ? Sự ra đời của Thạch Sanh gợi em nhớ tới nhân vật nào? Thánh Gióng – người anh hùng dân tộc, vừa bình thường vừa khác thường... ? Em hãy so sánh những điểm giống và khác nhau giữa sự ra đời của Thạch Sanh với sự ra đời của					

Thánh Gióng?

- Giống nhau: Cả hai đều không có xuất thân giống người thường mà sự ra đời đều mang màu sắc kì ảo. Cả hai đều được đầu thai xuống những gia đình nông dân nghèo nhưng lại vô cùng đáng quý bởi phẩm chất, đạo đức, là yếu tố để tạo nên những người anh hùng sau này. Ngoài ra sự kì ảo trong sự ra đời của họ còn nằm ở trong bụng mẹ một khoảng thời gian lâu hơn so với những đứa trẻ bình thường.

- Khác nhau:

+ Thánh Gióng được thụ thai một cách lạ kì sau khi bà mẹ ướm thử chân vào một vết chân khá to trên ruộng. Cho đến khi lên ba, Gióng vẫn không hề biết nói, biết cười.

+ Thạch Sanh vốn có xuất thân là thái tử được Ngọc Hoàng sai xuống đầu thai. Sau khi lớn lên, Thạch Sanh sớm mồ côi bố mẹ, phải tự mình làm ăn kiếm sống nhưng ngoài ra cũng được Ngọc Hoàng phái người xuống dạy dỗ chu đáo.

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: Q/sát phiếu học tập số 3 để hoàn thiện nội dung

Thạch Sanh trải qua mấy lần thử thách ? Chiến công chàng đạt được ?

Nhận xét về mức độ các thử thách và chiến công ?

Phẩm chất nhân vật Thạch Sanh ?

Thử thách	Chiến công
-Lần 1:	
....	
....	
Nhận xét:	Nhận xét:

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:

+ Tổ chức cho HS tìm hiểu.

+ GV quan sát, khích lệ HS.

Bước 3: Báo cáo:

+ HS trình bày nội dung. Mỗi em trình bày 01 thử thách và chiến công của TS.

+ HS nhận xét lẫn nhau.

Bước 4: Đánh giá, kết luận: GV tổng hợp ý kiến, chốt kiến thức

b, Những thử thách và chiến công của Thạch Sanh

Thử thách	Chiến công
- Bị mẹ con Lí Thông lừa đi canh miếu thờ, thể mạng.	- TS diệt chằn tinh
- Xuống hang diệt đại bàng, cứu công chúa, bị Lí Thông lấp cửa hang.	- Diệt đại bàng, cứu chúa, cứu con vua Th
- Bị hồn chằn tinh, đại bàng báo thù, TS bị bắt vào ngục.	- TS minh oan, lấy cô
- 18 nước chư hầu kéo quân sang đánh.	- Chiến thắng 18 nước hầu.

⇒ Thử thách ngày một tăng, mức độ ngày càng nguy hiểm, chiến công ngày rực rỡ về vang.

* **Phẩm chất:**

	- Sự thật thà chất phác - Sự dũng cảm và tài năng - Nhân hậu, cao thượng, yêu hoà bình.
a) Mục tiêu: Giúp hs hiểu được nhân vật Lí Thông là một con người lừa lọc, độc ác, bất nghĩa, bất nhân. b) Nội dung hoạt động: Đọc và tìm các chi tiết trong văn bản c) Sản phẩm học tập: nhân vật Lí Thông là một con người lừa lọc, độc ác, bất nghĩa, bất nhân. d) Tổ chức thực hiện:	2, Nhân vật Lí Thông.
* Chuyển giao nhiệm vụ học tập: PHIẾU HỌC TẬP SỐ 4 Câu 1: Hãy kể ra những việc làm, những hành động của Lí Thông? Những hành động đó cho ta thấy hắn là con người như thế nào? Câu 2: Em có nhận xét gì về hành động và tính cách giữa 2 nhân vật LT và TS? Hai nhân vật đó đại diện cho lực lượng nào? * Thực hiện nhiệm vụ: - Học sinh đọc ngữ liệu văn bản. - HS hoạt động cá nhân, ghi vào phiếu bài tập. - GV quan sát, hỗ trợ HS. * Báo cáo kết quả: - HS trình bày kết quả (đại diện nhóm). Dự kiến sp: Câu 1: -Lừa Thạch Sanh thể mạng cho mình. - Cướp công giết chằn tinh, diệt đại bàng, cứu công chúa của Thạch Sanh ->Lừa lọc, xảo trá, độc ác, bất nghĩa, bất nhân. Câu 2: TS: Thật thà, vị tha, giúp người vô tư(Thiện) LT:Lừa lọc, độc ác, bất nghĩa, bất nhân. (ác) * Đánh giá nhận xét: - HS khác theo dõi, đánh giá, nhận xét, bổ sung. - GV quan sát, hỗ trợ, tư vấn; nhận xét, đánh giá kết quả làm việc của HS, chốt kiến thức, chuyển giao nhiệm vụ mới.	- Lừa Thạch Sanh thể mạng cho mình. - Cướp công giết chằn tinh, diệt đại bàng, cứu công chúa của Thạch Sanh . ->Lừa lọc, xảo trá, độc ác, bất nghĩa, bất nhân. Thạch Sanh: Thật thà, vị tha, giúp người vô tư(Thiện) Lí Thông: Lừa lọc, độc ác, bất nghĩa, bất nhân. (ác)
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: q/sát PHIẾU HỌC TẬP SỐ 5 Câu 1: Chỉ ra các chi tiết hoang đường, kì ảo trong truyện? Ý nghĩa của các chi tiết trong việc khắc hoạ hình tượng Thạch Sanh?	3, Nhận xét về kết thúc truyện Thạch Sanh được cưới công chúa, lại được vua nhường ngôi cho. Còn mẹ con Lý Thông bị sét đánh chết, biến thành bọ hung. → Ý nghĩa kết thúc truyện: Đây là

Câu 2: Truyện kết thúc như thế nào? Qua kết thúc này nhân dân ta muốn thể hiện điều gì? Kết thúc này có phổ biến trong truyện cổ tích không? Hãy nêu 1 số ví dụ.... Câu 3: <i>Kết truyện mẹ con Lí Thông bị sét đánh chết, rồi bị hóa kiếp thành bọ hung có ý nghĩa như thế nào?</i> Câu 4: <i>Chi tiết tiếng đàn thần, niêu cơm trong phần kết chuyện Thạch Sanh gửi gắm ước mơ gì của nhân dân ?</i> Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: + Tổ chức cho HS tìm hiểu. + GV quan sát, khích lệ HS. Bước 3: Báo cáo + Tổ chức trao đổi, trình bày nội dung Bước 4: Đánh giá, kết luận: GV tổng hợp ý kiến, chốt kiến thức.	kết thúc có hậu: + Thể hiện ước mơ, niềm tin của nhân dân về công lý xã hội, sự chiến thắng cuối cùng của những con người chính nghĩa lương thiện (ở hiền gặp lành, ở ác gặp ác) và ước mơ của nhân dân về sự đổi đời + Thể hiện thái độ kiên quyết của nhân dân muốn trừng phạt cái ác: Cái ác sẽ bị trừng trị đích đáng. Nếu chết đi thì chưa đủ. Hai mẹ con còn bị biến thành bọ hung, loài vật bẩn thỉu. Những kẻ xấu xa bạc ác như mẹ con LT không chỉ bị trừng trị ở đời này kiếp này, mà mãi mãi về sau, cho dù có đầu thai kiếp khác cũng vẫn bị người đời xa lánh khinh rẻ. * Chi tiết tiếng đàn thần kì: - Tiếng đàn giúp cho nhân vật được giải oan, giải thoát. Nhờ tiếng đàn mà công chúa khỏi câm, giải thoát cho TS, Lí Thông bị vạch mặt. Đó là tiếng đàn của công lí. Tác giả dân gian đã sử dụng chi tiết thần kì để thể hiện quan niệm và ước mơ công lí của mình. - Tiếng đàn làm cho quân 18 nước chư hầu phải cuốn giáp xin hàng. Nó là vũ khí đặc biệt để cảm hoá kẻ thù. Tiếng đàn là đại diện cho cái thiện và tinh thần yêu chuộng hoà bình của nhân dân ta. * Chi tiết niêu cơm thần kì: - Niêu cơm có sức mạnh phi thường cứ ăn hết lại đầy, làm cho quân 18 nước chư hầu phải từ chỗ coi thường, chế giễu, phải ngạc nhiên, khâm phục - Niêu cơm và lời thách đố đã chứng tỏ sự tài giỏi của Thạch Sanh. - Niêu cơm thần kì là tượng trưng cho tấm lòng nhân đạo, tư tưởng yêu hoà bình của nhân dân.
HD cá nhân, trình bày 1 phút: * GV yêu cầu HS làm việc cá nhân thực hiện yêu cầu sau : <i>Em hãy khái quát nghệ thuật và</i>	IV, Tổng kết. 1, Nghệ thuật: - Sắp xếp các tình tiết tự nhiên,

<i>nội dung chính của văn bản?</i>	khéo léo . - Sử dụng những chi tiết thần kỳ giàu ý nghĩa như : + Tiếng đàn . + Niêu cơm thần . 2, Nội dung: Thạch Sanh là truyện cổ tích về người dũng sĩ cứu người bị hại, vạch mặt kẻ vong ân bội nghĩa, chiến thắng quân xâm lược. Truyện thể hiện ước mơ, niềm tin vào đạo đức, công lý xã hội và lý tưởng nhân đạo, yêu hòa bình của nhân dân ta .
---	--

3. Hoạt động 3: Luyện tập

a) Mục tiêu: Học sinh vận dụng kiến thức đã học vào giải bài tập

b) Nội dung hoạt động:

- HS luyện đọc kĩ một đoạn trích trong văn bản và thực hiện các nhiệm vụ/trả lời các câu hỏi, bài tập để rèn kĩ năng đọc hiểu văn bản.

c) Sản phẩm học tập:

- Câu trả lời của các câu hỏi, bài tập.

d) Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Nội dung cần đạt
* Chuyển giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS làm bài tập sau: Bài tập 1 Đọc đoạn trích sau và trả lời câu hỏi: “ Ngày xưa ở quận Cao Bình, có hai vợ chồng tuổi già mà chưa có con. Tuy nhà nghèo, hằng ngày phải lên rừng chặt củi về đổi lấy gạo nuôi than, họ vẫn thường giúp mọi người. Thấy họ tốt bụng, Ngọc Hoàng bèn sai thái tử xuống đầu thai làm con. Từ đó người vợ có mang, nhưng đã qua mấy năm mà không sinh nở. Rồi người chồng lâm bệnh, chết. Mãi về sau người vợ mới sinh được một cậu con trai. Khi cậu bé vừa khôn lớn thì mẹ chết. Cậu sống thui thủi trong túp lều cũ dựng dưới gốc đa, cả gia tài chỉ có một lưỡi búa của cha để lại. Người ta gọi cậu là Thạch Sanh. Năm Thạch Sanh bắt đầu biết dùng búa, Ngọc Hoàng sai thiên thần xuống dạy cho đủ các môn võ nghệ và mọi phép thần thông.” (Thạch Sanh) Câu 1: Truyện “ Thạch sanh” thuộc thể loại truyện cổ tích gì? So sánh sự giống nhau và khác nhau giữa	Gợi ý: Bài 1 Câu 1: “Thạch Sanh” là truyện cổ tích về người dũng sĩ cứu người bị hại, vạch mặt kẻ vong ân bội nghĩa, chiến thắng quân xâm lược. **Sự giống nhau và khác nhau giữa truyện truyền thuyết và truyện cổ tích Giống nhau: – Đều có yếu tố hoang đường, kì ảo. – Đều có mô típ như sự ra đời kì lạ và tài năng phi thường của nhân vật chính. Khác nhau: – Nếu truyền thuyết kể về các nhân vật, sự kiện lịch sử và cách đánh giá của nhân dân đối với những nhân vật, sự kiện được kể thì truyện cổ tích kể về cuộc đời của các nhân vật nhất định và thể hiện niềm tin, ước mơ của nhân dân về công lí xã hội. Câu 2: Nội dung: Kể về sự ra đời và lớn lên của Thạch Sanh. Câu 3: Những chi tiết nói về sự ra đời và lớn lên của Thạch Sanh

truyện truyền thuyết và truyện cổ tích.

Câu 2: Nêu nội dung của đoạn trích?

Câu 3: Tìm những chi tiết nói về sự ra đời và lớn lên của Thạch Sanh?

Câu 4: Kể về sự ra đời của Thạch Sanh, nhân dân muốn thể hiện điều gì? (quan niệm gì) về người anh hùng dũng sĩ?

*** Thực hiện nhiệm vụ:**

- HS suy nghĩ, hình thành và triển khai ý tưởng, tư duy độc lập...

*** Báo cáo kết quả:**

- GV gọi bất kì cá nhân nào trình bày kết quả.

*** Kết luận, đánh giá:**

- HS, GV đánh giá, nhận xét.

Bài 2: Hãy chỉ ra các chi tiết hoang đường, kì ảo trong truyện. Những chi tiết này có tác dụng gì trong việc khắc họa nhân vật Thạch Sanh?

- Là thái tử con Ngọc Hoàng

- Mẹ mang thai trong nhiều năm

- Lớn lên mồ côi cha mẹ, sống nghèo khổ bằng nghề kiếm củi

- Được thiên thần dạy đủ võ nghệ...

Câu 4: Kể về sự ra đời và lớn lên của Thạch Sanh nhân dân ta nhằm:

+ Tô đậm tính chất kì lạ, đẹp đẽ cho nhân vật, làm tăng sức hấp dẫn của truyện.

+ Thể hiện ước mơ, niềm tin: con người bình thường cũng là những con người có năng phẩm chất kì lạ.

Bài 2:

* Những chi tiết hoang đường, kì ảo trong truyện “Thạch Sanh” là:

- Ngọc Hoàng sai thái tử xuống làm con nuôi cho hai vợ chồng già.

- Bà vợ mang thai mấy năm mới đẻ.

- Chăn tinh hiện nguyên hình là con trăn khổng lồ, chết để lại bộ cung tên bằng vàng.

- Tiếng đàn của Thạch Sanh vang lên trong ngục và lúc ra với quân giặc.

- Niêu cơm của Thạch Sanh ăn mãi không hết.

* Tác dụng

- Những chi tiết này giúp cho nhân vật Thạch Sanh hiện lên trong câu chuyện thật phi thường. Ngoài ra các chi tiết đó còn thể hiện được quan niệm của nhân dân về cái thiện, cái ác, lòng yêu chuộng hòa bình.

4. Hoạt động 4: Vận dụng

a) Mục tiêu: Giúp HS khắc sâu kiến thức đã học.

b) Nội dung: HS vận dụng kiến thức đã học để làm bài tập.

c) Sản phẩm học tập: Đoạn văn.

d) Tổ chức thực hiện:

*** Giao nhiệm vụ học tập:** Trong truyện em thích nhất chi tiết nào? Hãy viết đoạn văn khoảng 6- 8 câu cảm nhận của em về chi tiết đó?

*** Thực hiện nhiệm vụ:** HS suy nghĩ, hình thành và triển khai ý tưởng, tư duy độc lập...

*** Báo cáo kết quả:** GV gọi bất kì cá nhân nào trình bày kết quả.

Tham khảo:

Đoạn 1: Đọc truyện cổ tích “Thạch Sanh”, em thích nhất chi tiết, bị bắt giam trong ngục tối, Thạch Sanh mang đàn thần ra gảy(1). Tiếng đàn nỉ non :”Đàn kêu tích tịch tình tang/ Ai mang công chúa dưới hang mà về” (2). Nghe tiếng đàn kêu, công chúa đang bị cầm bồng cười cười, nói nói vui vẻ, còn nhà vua thấy ngờ ngợ nên sai quân lính cho thả Thạch

Sanh ra để hỏi han sự tình(3). Biết được sự thật, nhà vua không những thả Thạch Sanh ra mà còn cho chàng dừng sĩ chân đất ấy kết duyên với công chúa và xử tội ác của mẹ con Lí Thông(4). Kì diệu thay!(5) Tiếng đàn thần đã phát huy công lực(6)! Phải chăng tiếng đàn là thần được giải cảm cho công chúa; tiếng đàn là tiếng nói công lí để đòi lại công bằng cho Thạch Sanh và vạch mặt tội ác nham hiểm, thủ đoạn của mẹ con Lí Thông; tiếng đàn còn là sợi dây tơ hồng se duyên đôi lứa hạnh phúc cho Thạch Sanh với công chúa(7). Thú vị thay, trí tưởng tượng phong phú bay bổng của người lao động xưa đã thêu dệt nên một chi tiết nghệ thuật giàu ý nghĩa mang lại sức hấp dẫn cho câu chuyện đẹp ngàn năm cổ tích!(8)

Đoạn 2: Đọc truyện cổ tích “Thạch Sanh”, em thích nhất chi tiết, Thạch Sanh bị Lí Thông lừa đi canh miếu thần nhưng chàng lại giết được chằn tinh(1). Lúc quái độc ác, mỗi năm, ăn thịt một mạng người, liệu Thạch Sanh có thoát được nạn này(4)? Thấy Thạch Sanh dùng sức khỏe vô địch và dùng các phép võ nghệ thần thông của mình để bủa giăng lưới sắt, vây bắt, chém đầu chằn tinh, em thích thú vô cùng(5). Thạch Sanh thần diệu quá(6)! Thạch Sanh dũng cảm, can đảm quá(7)! Cây cung tên vàng phải chăng là phần thưởng xứng đáng cho chiến công hiển hách đầu tiên của Thạch Sanh- chàng dừng sĩ dân gian bách chiến, bách thắng.(8)

RUBRIC ĐÁNH GIÁ SẢN PHẨM ĐOẠN VĂN

Tiêu chí	Mức 3	Mức 2	Mức 1
Nội dung	- Đoạn văn có chủ đề rõ ràng, thống nhất. - Các câu liên kết chặt chẽ. - Sử dụng từ ngữ hợp lý, tự nhiên. (5,5 – 7,0 điểm)	- Đoạn văn có chủ đề tương đối rõ ràng. - Các liên kết khá chặt chẽ. - Sử dụng từ ngữ tương đối hợp lý. (3,0 – 5,25 điểm)	- Đoạn văn chưa rõ chủ đề. - Các câu còn rời rạc. - Có xuất hiện từ ngữ (0 – 2,75 điểm)
Hình thức	- Diễn đạt linh hoạt, trôi chảy. - Không mắc lỗi chính tả, dùng từ, ngữ pháp. (2,0 – 3,0 điểm)	- Diễn đạt rõ ràng. - Mắc rất ít lỗi chính tả, dùng từ, ngữ pháp. (1,25 – 1,75 điểm)	- Diễn đạt chưa rõ ràng. - Mắc nhiều lỗi chính tả, dùng từ, ngữ pháp. (0 – 1,0 điểm)

- **Về nhà:** Học nắm vững nội dung đã học
Chuẩn bị tiếp bài: Thực hành Tiếng Việt

.....

Ngày dạy :

Tiết 10: THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT

Từ đơn và từ phức

I. Mục tiêu:

1. Về kiến thức:

a. Đọc- hiểu:

- Ôn lại kiến thức về từ, cấu tạo từ Tiếng Việt.
- Thực hành làm các dạng bài tập, từ đó hiểu những phương thức cấu tạo từ Tiếng Việt.

- Hoàn thành các nhiệm vụ học tập.

b. Viết.

- Viết được đoạn văn có sử dụng từ loại.

c. Nói và nghe.

- Cảm nhận được phần trình bày của GV và bạn bè

- Biết tham gia thảo luận trong nhóm nhỏ về một vấn đề cần có giải pháp thống nhất, biết đặt câu hỏi và trả lời, biết nêu một vài đề xuất dựa trên các ý tưởng được trình bày trong quá trình thảo luận.

2. Về năng lực

a. Năng lực chung:

- Năng lực tự chủ và tự học: Tìm kiếm thông tin, đọc sách giáo khoa, quan sát tranh ảnh để hiểu về từ, cấu tạo của từ. Biết phân biệt các kiểu cấu tạo từ

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Thảo luận nhóm để thực hiện phiếu học tập, hợp tác giải quyết vấn đề về từ, cấu tạo của từ. Biết phân biệt các kiểu cấu tạo từ.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Năng lực trình bày và trao đổi thông tin trước lớp.

b. Năng lực đặc thù:

- Nhận diện phân biệt được:

- Từ và tiếng

+ từ đơn – từ phức

- Từ ghép – từ láy

- Phân tích cấu tạo từ.

3. Về phẩm chất:

- **Chăm chỉ:** Có ý thức vận dụng kiến thức, kĩ năng học được ở nhà trường, trong sách báo và từ các nguồn tin cậy khác vào học tập và đời sống hằng ngày.

- **Trách nhiệm:** Có ý thức giữ gìn sự trong sáng của Tiếng Việt.

II. Thiết bị dạy học và học liệu.

- Giáo viên: Học liệu: Kế hoạch bài dạy, Ngữ liệu/Sách giáo khoa, phiếu học tập.

- Học sinh: Đọc, tìm hiểu trước bài.

III. Tiến trình dạy học.

1. Hoạt động 1: Mở đầu

a) Mục tiêu: Tạo tâm thế và định hướng chú ý cho học sinh; tạo vấn đề vào chủ đề

b) Nội dung hoạt động: HS trả lời câu hỏi.

c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời/chia sẻ của HS bằng ngôn ngữ

d) Tổ chức hoạt động:

* **Chuyển giao nhiệm vụ:** Em hiểu từ của tiếng Việt dùng để làm gì? Từ của tiếng Việt được phân loại như thế nào?

* **Thực hiện nhiệm vụ:** HS trả lời câu hỏi

* **Báo cáo kết quả:** HS trình bày kết quả (cá nhân).

* **Đánh giá nhận xét, dẫn vào bài:** đó là những kiến thức các em đã học ở bậc tiểu học. Hôm nay chúng ta cùng tìm hiểu sâu hơn về những đơn vị kiến thức này

2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới

Hoạt động của GV và HS	Nội dung cần đạt
a) Mục tiêu: hs nhớ lại kiến thức về từ loại đã học ở tiểu học. b) Nội dung hoạt động: HS trả lời câu hỏi. c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời/chia sẻ của HS bằng ngôn ngữ	I, Nhắc lại kiến thức về từ đơn, từ phức (từ ghép, từ láy) * Từ đơn là từ được cấu tạo bởi chỉ một tiếng. VD: Ông, bà, nói, cười, đi, mừng...

d) Tổ chức hoạt động:

*** Chuyển giao nhiệm vụ:**

Thảo luận theo cặp trong bàn:

- Giáo viên yêu cầu HS dựa vào phần Kiến thức ngữ văn và kiến thức bậc Tiểu học, nhắc lại khái niệm, dấu hiệu nhận biết của từ đơn và từ phức (từ ghép, từ láy).

*** Thực hiện nhiệm vụ**

- Học sinh: suy nghĩ và trả lời miệng.
- Giáo viên: nghe, quan sát, gọi nhận xét

*** Báo cáo, thảo luận kết quả:** HS trả lời miệng, trình bày kết quả.

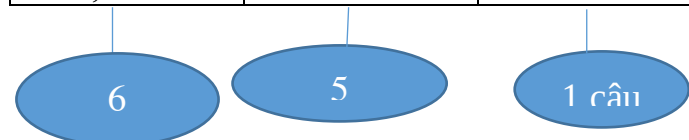
*** Đánh giá kết quả:** GV nhận xét, chốt kiến thức.

Phiếu học tập số 1: Em hiểu về từ trong tiếng Việt.

STT	Câu hỏi	Câu trả lời
Cho câu sau: Bạn An trông thật xinh xắn.		
1	Câu văn trên có bao nhiêu tiếng?	
	Câu trên có bao nhiêu từ?	
	Tìm một từ đơn trong câu văn trên?	
	Tìm một từ phức trong câu văn trên?	
2	Điểm giống nhau của từ ghép và từ láy là gì? Lấy ví dụ?	
3	Phân biệt từ ghép và từ láy, lấy ví dụ?	

Dự kiến:

Tiếng	Từ	Câu
Bạn, An, trông, thật, xinh, xắn	Bạn, An, trông, thật, xinh xắn	Bạn An trông thật xinh xắn.



Kiểu cấu tạo		Ví dụ
Từ đơn		Ông, bà, nói, cười, đi, mừng...
Từ phức	Từ ghép	cha mẹ, hiền lành

*** Từ phức** là từ có hai hay nhiều tiếng ví dụ: cha mẹ, hiền lành, hợp tác xã, sạch sẽ, sạch sành sanh...

*** Phân biệt các loại từ phức:** Từ phức được chia ra làm hai loại là Từ ghép và Từ láy.

+ **Từ ghép:** là từ phức do hai hay nhiều tiếng có quan hệ về nghĩa với nhau toạ thành. Ví dụ: cha mẹ, hiền lành
Căn cứ vào quan hệ mặt nghĩa giữa các tiếng trong từ ghép, người ta chia làm hai loại: *từ ghép đẳng lập* và *từ ghép chính phụ*

VD: sách vở, bàn ghế, quần áo (từ ghép đẳng lập)

Xe đạp, lớp xe, (từ ghép chính phụ)

+ **Từ láy:** là những từ được cấu tạo bởi hai tiếng trở lên, giữa các tiếng có quan hệ với nhau về mặt âm. Trong từ láy chỉ có một tiếng gốc có nghĩa, các tiếng khác lấy lại tiếng gốc

VD: Lung linh, xinh xinh, đo đỏ..

Từ láy chia ra làm hai loại: *Láy bộ phận* (láy âm và láy vần) và *láy toàn bộ*

	Từ láy	Lung linh, xinh xinh, đo đỏ, nhanh nhẹn, sáng sủa, tươi tắn...
--	---------------	--

SO SÁNH TỪ GHÉP VỚI TỪ LÁY

Giống nhau		Khác nhau
Từ ghép	Từ phức	Ghép các tiếng có quan hệ với nhau về nghĩa.
Từ láy		Các tiếng có quan hệ với nhau về mặt hình thức: lấy lại âm đầu, vần, hoặc cả âm đầu và vần.

Gv chiếu sơ đồ cấu tạo từ Tv.

- a) Mục tiêu: Giúp hs củng cố lí thuyết thông qua các bài tập.
b) Nội dung hoạt động: HS trả lời câu hỏi.
c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời/chia sẻ của HS bằng ngôn ngữ
d) Tổ chức hoạt động:

* Chuyển giao nhiệm vụ:

Thảo luận theo cặp trong bàn:

- Giáo viên yêu cầu HS dựa vào phần Kiến thức ngữ văn và kiến thức bậc Tiểu học, nhắc lại khái niệm, dấu hiệu nhận biết của từ đơn và từ phức (từ ghép, từ láy).

* Thực hiện nhiệm vụ

- Học sinh: suy nghĩ và trả lời miệng.
- Giáo viên: nghe, quan sát, gọi nhận xét

* **Báo cáo, thảo luận kết quả:** HS trả lời miệng, trình bày kết quả.

* **Đánh giá kết quả:** GV nhận xét, chốt kiến thức.

HOẠT ĐỘNG NHÓM TỔ:

GV giao nhiệm vụ: thảo luận theo 4 tổ trong 03 phút:

- Tổ 1: Bài tập 1/Tr 24
- Tổ 2: Bài tập 2/Tr 24
- Tổ 3: Bài tập 3/Tr 24
- Tổ 4: Bài tập 4/ Tr 25

II. Thực hành Tiếng Việt

1. Bài tập 1/ Tr 24: Tìm và lập danh sách các từ đơn, từ ghép, từ láy trong hai câu sau:

a) Sứ giả / vừa / kinh ngạc, / vừa / mừng rỡ, / vội vàng / về / tàu / vua.

(Thánh Gióng)

b) Từ / ngày / công chúa / bị / mất tích, / nhà vua / vô cùng / đau đớn.

(Thạch Sanh)

Từ đơn	Từ ghép	Từ láy
về, tàu, vua, ngày	Sứ giả, kinh ngạc, mừng rỡ, công chúa, mất tích, nhà vua, vô cùng,	vội vàng, đau đớn

2. Bài tập 2: Mỗi từ ghép dưới đây được tạo ra bằng cách nào?

Làng xóm, ngày đêm, trước sau, trên dưới, đầu đuôi, được thua, tìm kiếm, phải trái, bờ cõi, tài giỏi, hiền lành, non yếu, trốn tránh, giẫm đạp

a) Ghép các yếu tố có nghĩa gần nhau hoặc giống nhau, ví dụ: núi non.

b) Ghép các yếu tố có nghĩa trái ngược nhau, ví dụ: hơn kém.

Bài làm:

a) Ghép các yếu tố có nghĩa gần nhau hoặc giống nhau: *làng xóm, tìm kiếm, bờ cõi, tài giỏi, hiền lành, non yếu, trốn tránh, giẫm đạp*

-Thực hiện nhiệm vụ:

- + Tổ chức cho HS thảo luận theo nhóm.
- + GV quan sát, khích lệ HS.

- Báo cáo, thảo luận:

- + Tổ chức trao đổi, trình bày nội dung đã thảo luận.
- + HS nhận xét lẫn nhau.

- Kết luận: GV tổng hợp ý kiến, chốt kiến thức.

Bài tập 5/ Tr 25:

Dựa theo câu mở đầu các truyền thuyết và cổ

b) Ghép các yếu tố có nghĩa trái ngược nhau: *ngày đêm, trước sau, trên dưới, đầu đuôi, phải trái, được thua, , ,*

3. Bài tập 3: Yếu tố nào trong mỗi từ ghép dưới đây thể hiện sự khác nhau giữa các món ăn được gọi là bánh? Xếp các yếu tố đó vào nhóm thích hợp.

Bánh tẻ, bánh tày voi, bánh khoai, bánh khúc, bánh đậu xanh, bánh nướng, bánh xốp, bánh bèo, bánh cốm, bánh tôm

a) Chỉ chất liệu để làm món ăn, ví dụ: bánh nếp.

b) Chỉ cách chế biến món ăn, ví dụ: bánh rán.

c) Chỉ tính chất của món ăn, ví dụ: bánh dẻo.

d) Chỉ hình dáng của món ăn, ví dụ: bánh gối.

Bài làm:

a) Chỉ chất liệu để làm món ăn: *bánh tẻ, bánh khoai, bánh khúc (xôi khúc -> làm từ lá rau khúc), bánh đậu xanh, bánh cốm, bánh tôm*

b) Chỉ cách chế biến món ăn: *bánh nướng*

c) Chỉ tính chất của món ăn: *bánh xốp, bánh bèo*

d) Chỉ hình dáng của món ăn: *bánh tày voi*

4. Bài tập 4: Xếp từ lấy trong các câu dưới đây vào nhóm thích hợp:

- *Cậu sống lủi thủi trong túp lều cũ dựng dưới gốc đa. (Thạch Sanh)*

- *Suốt ngày, nàng chẳng nói, chẳng cười, mặt buồn rười rượi. (Thạch Sanh)*

- *Một hôm, cô út vừa mang cơm đến dưới chân đồi thì nghe tiếng sáo véo von. Cô lấy làm lạ, rón rén bước lên, nấp sau bụi cây rình xem thì thấy một chàng trai khôi ngô đang ngồi trên chiếc võng đào mắc vào hai cành cây, thổi sáo cho đàn bò gặm cỏ. (Sọ Dừa)*

a) Gọi tả dáng vẻ, trạng thái của sự vật, ví dụ: lom khom.

b) Gọi tả âm thanh, ví dụ: riu rít.

Bài làm:

a) Gọi tả dáng vẻ, trạng thái của sự vật:

tích đã học, em hãy viết câu mở đầu giới thiệu nhân vật của một truyền thuyết hoặc cổ tích khác mà em muốn kể. - Ngày xưa vào đời Hùng Vương thứ 6, ở Làng Gióng, có hai vợ chồng nông dân nghèo, mãi về sau mới sinh được một đứa con trai, đã lên ba mà vẫn không biết nói, biết đi, cứ đặt đâu thì nằm đấy.	<i>lủi thủi, rười rượi, rón rén</i> b) Gọi tả âm thanh: véo von
---	--

3. Hoạt động 3: Luyện tập

a) Mục tiêu: Học sinh vận dụng kiến thức đã học vào giải bài tập

b) Nội dung hoạt động:

- HS luyện đọc kĩ một đoạn trích trong văn bản và thực hiện các nhiệm vụ/trả lời các câu hỏi, bài tập để rèn kĩ năng đọc hiểu văn bản.

c) Sản phẩm học tập:

- Câu trả lời của các câu hỏi, bài tập.

d) Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Nội dung cần đạt								
* Chuyển giao nhiệm vụ: Cho đoạn trích sau “ Ít lâu sau ,Ấu Cơ có mang , đến kỳ sinh ,chuyện thật lạ , nàng sinh ra một bọc trăm trứng, trăm trứng nở ra một trăm người con hồng hào, đẹp đẽ lạ thường. Đàn con không cần bú mớm mà tự lớn nhanh như thổi, mặt mũi khôi ngô, tuấn tú, khoẻ mạnh như thần .”(“Con Rồng Cháu Tiên”) <i>a, Căn cứ vào đặc điểm cấu tạo từ, em hãy phân loại từ?</i> <i>B, Các tổ hợp ngôn ngữ :Mặt mũi, trăm trứng có phải là từ láy không ? Vì sao?</i> * Thực hiện nhiệm vụ: - HS suy nghĩ, hình thành và triển khai ý tưởng, tư duy độc lập... * Báo cáo kết quả: - GV gọi bất kì cá nhân nào trình bày kết quả. * Kết luận, đánh giá: - HS, GV đánh giá, nhận xét.	Gợi ý: a, Các từ trong đoạn văn được phân loại như sau : <table><tr><th rowspan="2">Từ đơn</th><th colspan="2">Từ phức</th></tr><tr><th>Từ ghép</th><th>Từ láy</th></tr><tr><td>ít, lâu ,sau, có, mang, đến, kỳ, sinh, chuyện, thật, lạ, nàng, sinh, ra, một, cái, bọc, nở, ra, người, con</td><td>Ấu Cơ, lạ thường, bú mớm , mặt mũi khôi ngô, khoẻ mạnh</td><td>Tuấn tú hồng hào đẹp đẽ</td></tr></table> b, Các từ : “mặt mũi”, “trăm trứng” không phải là từ láy mặc dù có sự giống nhau về phụ âm đầu của hai tiếng nhưng đây chỉ là sự ngẫu nhiên. - Từ “mặt mũi ”được cấu tạo bằng cách ghép hai tiếng có nghĩa “mặt +mũi dùng để chỉ về mặt nói chung. - Từ “trăm trứng” là một tổ hợp từ gồm hai từ : + “trăm” là số từ, “trứng”là danh từ + “trăm trứng” là một cụm danh từ	Từ đơn	Từ phức		Từ ghép	Từ láy	ít, lâu ,sau, có, mang, đến, kỳ, sinh, chuyện, thật, lạ, nàng, sinh, ra, một, cái, bọc, nở, ra, người, con	Ấu Cơ, lạ thường, bú mớm , mặt mũi khôi ngô, khoẻ mạnh	Tuấn tú hồng hào đẹp đẽ
Từ đơn	Từ phức								
	Từ ghép	Từ láy							
ít, lâu ,sau, có, mang, đến, kỳ, sinh, chuyện, thật, lạ, nàng, sinh, ra, một, cái, bọc, nở, ra, người, con	Ấu Cơ, lạ thường, bú mớm , mặt mũi khôi ngô, khoẻ mạnh	Tuấn tú hồng hào đẹp đẽ							

Viết một đoạn văn ngắn có sử dụng từ láy và từ ghép. Chỉ ra các từ ghép và từ láy được sử dụng

Tk:

Buổi sáng mùa hè ở quê hương thật yên lành và trong trẻo. Sau một đêm dài, ông **mặt trời** thức giấc từ từ nhô lên sau lũy tre làng, chiếu những tia nắng yếu ớt đầu tiên đánh thức nhân gian. Vạn vật đang ngủ say bỗng bừng lên trong nắng sớm. Những giọt sương

như hạt ngọc trời **long lanh** vẫn còn đọng lại trên những chiếc lá, giăng mắc trên những lùm cây tạo một sự huyền ảo mơ hồ. Chú gà trống dường như cũng thức giấc cùng ông mặt trời, đứng trên đồng rom gáy vang bài ca quen thuộc chào đón ngày mới. Màu xanh của cây được **ánh nắng** chiếu vào trở nên tươi tắn, rực rỡ hơn, tràn đầy nhựa sống. Những chú chim cũng rời tổ bay lượn khắp trời, **vui vẻ** hát lên những khúc ca hay nhất để ca ngợi quê hương yên bình và hạnh phúc.

- Từ láy: vui vẻ, long lanh,...
- Từ ghép: mặt trời, ánh nắng,...

• **RUBRIC ĐÁNH GIÁ SẢN PHẨM ĐOẠN VĂN**

Tiêu chí	Mức 3	Mức 2	Mức 1
Nội dung	- Đoạn văn có chủ đề rõ ràng, thống nhất. - Các câu liên kết chặt chẽ. - Sử dụng từ láy, từ ghép hợp lý, tự nhiên. (5,5 – 7,0 điểm)	- Đoạn văn có chủ đề tương đối rõ ràng. - Các liên kết khá chặt chẽ. - Sử dụng từ láy, từ ghép tương đối hợp lý. (3,0 – 5,25 điểm)	- Đoạn văn chưa rõ chủ đề. - Các câu còn rời rạc. - Có xuất hiện từ láy, từ ghép (0 – 2,75 điểm)
Hình thức	- Diễn đạt linh hoạt, trôi chảy. - Không mắc lỗi chính tả, dùng từ, ngữ pháp. (2,0 – 3,0 điểm)	- Diễn đạt rõ ràng. - Mắc rất ít lỗi chính tả, dùng từ, ngữ pháp. (1,25 – 1,75 điểm)	- Diễn đạt chưa rõ ràng. - Mắc nhiều lỗi chính tả, dùng từ, ngữ pháp. (0 – 1,0 điểm)

•
4. Hoạt động 4: Vận dụng

a) Mục tiêu: HS mở rộng kiến thức.

b) Nội dung: HS vận dụng kiến thức đã học để làm bài tập.

c) Sản phẩm học tập: câu trả lời

d) Tổ chức thực hiện:

*** Giao nhiệm vụ học tập:**

1, Có khoảng bao nhiêu từ trong kho tàng từ vựng tiếng Việt?

- Rất nhiều không thống kê được con số chính xác. Theo từ điển Tiếng Việt của viện Ngôn ngữ học thống kê được khoảng 40.000 từ thông dụng.

2, Trong kho từ vựng tiếng Việt, có xuất hiện các từ ngữ mới không? Em biết những từ ngữ mới nào?

Có

Nhu cầu của đời sống thay đổi, đòi hỏi những từ vựng mới để diễn tả những khái niệm, sự vật, sự việc mới...)

VD: Phượt, cơm bụi, đường cao tốc, chat chít.

3, Có hiện tượng rơi rụng bởi từ ngữ trong kho tàng tiếng Việt không?

- Trước đây, có những từ như: tác(tuổi), chiền(chùa), hoặc những từ như: thái y, thái giám,... nông hội, khổ chủ...
- Ngày nay, trong đời sống giao tiếp thường nhật, chúng gần như vắng bóng hẳn, hoặc hoàn toàn không còn nữa.

*** Thực hiện nhiệm vụ:** HS suy nghĩ, hình thành và triển khai ý tưởng, tư duy độc lập...

*** Báo cáo kết quả:** GV gọi bất kì cá nhân nào trình bày kết quả.

* **Hướng dẫn học:** Về nhà học bài, hoàn thành bài tập, tìm hiểu trước y/c bài: Sự tích Hồ Gươm

.....

Ngày dạy :

Tiết 11,12: Thực hành đọc hiểu: “SỰ TÍCH HỒ GƯƠM”

I. Mục tiêu:

1. Về kiến thức:

a. Đọc- hiểu

- Nêu được ấn tượng chung về truyền thuyết, nhận biết được các chi tiết tiêu biểu của câu chuyện, nhân vật trong tính chỉnh thể của tác phẩm.
- Nhận biết được chủ đề của văn bản.
- Tóm tắt được văn bản một cách ngắn gọn.
- Nhận biết được một số yếu tố của truyền thuyết, cốt truyện, nhân vật
- Nhận biết được tình cảm, thái độ của tác giả đan gian thể hiện qua văn bản.
- Nêu được bài học về cách nghĩ, cách ứng xử của cá nhân do văn bản gợi ra.

b. Viết.

- Viết được đoạn văn phân tích hình ảnh tiêu biểu trong tác phẩm
- Viết bài văn bày tỏ suy nghĩ của mình về tác phẩm

2. Về năng lực

a. Năng lực chung:

- Năng lực tự chủ và tự học: Tìm kiếm thông tin, đọc sách giáo khoa, quan sát tranh ảnh để hiểu và cảm nhận được nội dung, ý nghĩa của truyền thuyết Sự tích Hồ Gươm: Nhân vật, sự kiện trong tác phẩm thuộc truyền thuyết địa danh; Cốt lõi lịch sử trong một tác phẩm thuộc chuỗi truyền thuyết về người anh hùng Lê Lợi và cuộc khởi nghĩa Lam Sơn. Nắm được sơ lược về đẹp của một số hình ảnh, chi tiết kì ảo giàu ý nghĩa trong tác phẩm.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Thảo luận nhóm để thực hiện phiếu học tập, hợp tác giải quyết vấn đề để hiểu và cảm nhận được nội dung, ý nghĩa của truyền thuyết Sự tích Hồ Gươm: Nhân vật, sự kiện trong tác phẩm thuộc truyền thuyết địa danh; Cốt lõi lịch sử trong một tác phẩm thuộc chuỗi truyền thuyết về người anh hùng Lê Lợi và cuộc khởi nghĩa Lam Sơn. Nắm được sơ lược về đẹp của một số hình ảnh, chi tiết kì ảo giàu ý nghĩa trong tác phẩm.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Năng lực trình bày và trao đổi thông tin trước lớp.

b. Năng lực đặc thù:

- Đọc-hiểu văn bản truyền thuyết theo đặc trưng thể loại.
- Thực hiện thao tác phân tích một vài chi tiết nghệ thuật kì ảo trong văn bản..
- Nắm bắt tác phẩm thông qua hệ thống các sự việc được kể theo trình tự thời gian

3. Về phẩm chất:

- **Yêu nước:** Tự hào về truyền thống đánh giặc giữ nước của dân tộc.
- **Trách nhiệm:** Luôn có ý thức rèn luyện bản thân để có lối sống tích cực, hướng thiện.
- **Chăm chỉ:** Thích đọc sách, báo, tìm tư liệu trên mạng Internet để mở rộng hiểu biết.

II. Thiết bị dạy học và học liệu.

- Học liệu: Ngữ liệu/Sách giáo khoa, phiếu học tập.
- Thiết bị: Máy tính

III. Tiến trình dạy học.

1. Hoạt động 1: Mở đầu

- a) Mục tiêu: Tạo tâm thế và định hướng chú ý cho học sinh; tạo vấn đề vào chủ đề
- b) Nội dung hoạt động: HS trả lời câu hỏi.
- c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời/chia sẻ của HS bằng ngôn ngữ
- d) Tổ chức hoạt động:
 - * **Chuyển giao nhiệm vụ:** GV trình chiếu các hình ảnh/đoạn video về Hồ Gươm(Hà Nội) và đặt câu hỏi: *Em hãy trình bày những hiểu biết về địa danh này?*
 - * **Thực hiện nhiệm vụ:** Hs quan sát và trả lười câu hỏi.
 - * **Báo cáo kết quả:** HS trình bày kết quả (cá nhân).
 - * **Đánh giá nhận xét, dẫn vào bài:** Hồ Gươm như một lăng hoa đẹp giữa lòng Hà Nội. Địa danh này gắn với tên tuổi người anh hùng Lê Lợi và tên gọi xuất phát từ một truyền thuyết – Sự tích Hồ Gươm. Vậy truyền thuyết này có những đặc sắc gì về nội dung và nghệ thuật? Bài học hôm nay chúng ta sẽ cùng tìm hiểu văn bản này.

2. Hoạt động 2: Khám phá

Hoạt động của GV và HS	Nội dung cần đạt																
a) Mục tiêu: học sinh nắm được những nét khái quát chung về văn bản b) Nội dung hoạt động: HS trả lời câu hỏi. c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời/chia sẻ của HS bằng ngôn ngữ , bằng phiếu học tập. d) Tổ chức hoạt động: *PP, kĩ thuật: Giải quyết vấn đề, động não, <i>GV hướng dẫn HS đọc:</i> GV hướng dẫn HS đọc diễn cảm, rõ ràng, rành mạch, chậm rãi. + GV đọc mẫu 1 đoạn. + Gọi 3 HS lần lượt đọc. - GV phát phiếu bài tập số 1, yêu cầu HS làm việc nhóm để điền thông tin vào phiếu bài tập. - <i>Sau khi HS thực hiện xong từng nhiệm vụ, GV nhận xét và chốt lại.</i> PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1 Tóm tắt truyện Sự tích Hồ Gươm với những sự kiện tiêu biểu <table><tr><th>Trình tự</th><th>Sự kiện tiêu biểu</th></tr><tr><td>1</td><td>.....</td></tr><tr><td>2</td><td>.....</td></tr><tr><td>3</td><td>.....</td></tr><tr><td>4</td><td>.....</td></tr><tr><td>5</td><td>.....</td></tr><tr><td>6</td><td>.....</td></tr><tr><td>7</td><td>.....</td></tr></table> Dự kiến sp: PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1 Tóm tắt truyện Sự tích Hồ Gươm với những sự	Trình tự	Sự kiện tiêu biểu	1		2		3		4		5		6		7		I.Tìm hiểu chung văn bản . 1, Tìm hiểu sự kiện tiêu biểu
Trình tự	Sự kiện tiêu biểu																
1																	
2																	
3																	
4																	
5																	
6																	
7																	

kiến tiêu biểu

Trình tự	Sự kiện tiêu biểu
1	Nghĩa quân Lam Sơn buổi đầu chống giặc còn non yếu nên Đức Long Quân cho mượn gương thần
2	Lê Thận nhặt được lưỡi gương ở dưới nước.
3	Lê Lợi đến nhà Lê Thận, thấy lưỡi gương phát sáng, lưỡi gương hiện chữ “ Thuận Thiên”
4	Lê Lợi có được chuôi gương nạm ngọc trên rừng, lắp với lưỡi gương thì vừa như in.
5	Có thanh gương thần, hào khí của nghĩa quân tăng cao, quét sạch giặc Minh.
6	Đất nước thanh bình, Rùa Vàng hiện lên giữa hồ Tả Vọng, yêu cầu vua hoàn gương cho Long quân, vua đã hoàn trả lại.
7	Từ đó, hồ Tả Vọng mang tên Hồ Gươm, hay Hồ Hoàn Kiếm.

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2

Tìm hiểu cốt truyện của Sự tích Hồ Gươm

Sự kiện lịch sử	
Chi tiết, sự kiện chứa yếu tố kì ảo.	
Dấu tích còn lại đến ngày nay	

Dự kiến sp:

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2

Tìm hiểu cốt truyện của Sự tích Hồ Gươm

Sự kiện lịch sử	Chủ tướng Lê Lợi lãnh đạo nghĩa quân lam Sơn đánh đuổi giặc Minh xâm lược.
Chi tiết, sự kiện chứa yếu tố kì ảo.	Đức Long Quân cho mượn gương thần. Lưỡi gương 3 lần mắc lại vào lưỡi đánh cá của Lê Thận Lưỡi gương phát sáng, hiện hai chữ “ Thuận Thiên” Lê Lợi thấy chuôi gương trong rừng, lắp vào vừa với

2, Tìm hiểu cốt truyện

3, Đặc điểm cốt truyện

Xoay quanh công trạng của người anh hùng Lê Lợi- người lãnh đạo nghĩa quân Lam Sơn chống giặc Minh.

Sử dụng yếu tố kì ảo xoay quanh thanh gương thần.

Cuối truyện thường gọi nhắc các dấu tích xưa còn lưu lại đến ngày nay : Hồ Hoàn Kiếm.

4, Bố cục : 2 phần

Phần 1: Từ đầu → đất nước: Long

	lưỡi gươm ở nhà Lê Thận.	Quân cho nghĩa quân mượn gươm thần.												
	Đức Long quân cho rùa vàng đòi gươm từ Lê Lợi.													
Dấu tích còn lại đến ngày nay	Hồ Hoàn Kiếm.	Phần 2: Còn lại: Long Quân đòi lại gươm thần.												
		5, Từ khó(SGK)												
a) Mục tiêu: Giúp Hs hiểu được Long quân cho nghĩa quân Lam Sơn mượn gươm thần trong hoàn cảnh lịch sử giặc Minh đô hộ. Nghĩa quân Lam Sơn nổi dậy nhiều lần bị thua.		II, Đọc- hiểu văn bản 1. Long quân cho nghĩa quân Lam Sơn mượn gươm thần a. Hoàn cảnh lịch sử - Giặc Minh đô hộ. - Nghĩa quân Lam Sơn nổi dậy nhiều lần bị thua. b. Cách Long Quân cho mượn gươm - Lê Thận là người đánh cá nhặt được lưỡi gươm dưới nước. - Lê Lợi đến nhà Lê Thận thanh gươm sáng lên 2 chữ “Thuận thiên” - Lê Lợi nhặt được chuôi gươm trên rừng (gươm sáng trên ngọn cây đa) . - Gươm tra vào vừa như in. → Chi tiết kì ảo, hoang đường c. Lê Thận dâng gươm cho Lê Lợi và nói: “ Đây là ý trời ...theo mình công”: - Lê Thận tin tưởng vào Lê Lợi - Thanh gươm gặp được minh chủ sử dụng vào việc lớn, hợp lòng dân, thuận ý trời. →Việc Long Quân cho mượn gươm thần chứng tỏ cuộc khởi nghĩa được tổ tiên, thần thiêng ủng hộ → Tính chất toàn dân trên dưới một lòng tham gia đánh giặc.. d. Sức mạnh của gươm thần: * Trước khi có gươm : - Non yếu. - Trốn tránh. - Ăn uống khổ sở * Sau khi có gươm : - Nhuệ khí tăng tiến - Xông xáo tìm địch - Đầy đủ, chiếm được các kho lương của địch												
b) Nội dung hoạt động: Làm việc cá nhân, thảo luận nhóm để hoàn thành phiếu học tập.														
c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời của HS, phần chốt kiến thức cần đạt của GV.														
d) Tổ chức thực hiện:														
* GV giao nhiệm vụ:														
PHIẾU HỌC TẬP SỐ 3														
<table><tr><td colspan="3">Long quân cho nghĩa quân Lam Sơn mượn gươm thần</td></tr><tr><td>Hoàn cảnh lịch sử</td><td>.....</td><td>.....</td></tr><tr><td>Cách thức hành động</td><td>..... ...</td><td>.....</td></tr><tr><td>Ý nghĩa</td><td>.....</td><td>.....</td></tr></table>			Long quân cho nghĩa quân Lam Sơn mượn gươm thần			Hoàn cảnh lịch sử			Cách thức hành động			Ý nghĩa		
Long quân cho nghĩa quân Lam Sơn mượn gươm thần														
Hoàn cảnh lịch sử														
Cách thức hành động														
Ý nghĩa														
* Thực hiện nhiệm vụ:														
+Tổ chức cho HS thảo luận, hoàn thành phiếu học tập.														
+ GV quan sát, khích lệ HS.														
* Báo cáo, thảo luận:														
+ Tổ chức trao đổi, trình bày nội dung đã thảo luận.														
+ HS nhận xét lẫn nhau.														
* Đánh giá, kết luận: GV tổng hợp ý kiến, chốt kiến thức.														

	→ Chuyển bại thành thắng, chuyển yếu thành mạnh, tạo bước ngoặt mở đường cho nghĩa quân quét sạch ngoại xâm.												
b) Mục tiêu: Giúp Hs hiểu được Long quân cho nghĩa quân Lam Sơn mượn gươm thần trong hoàn cảnh lịch sử giặc Minh đô hộ. Nghĩa quân Lam Sơn nổi dậy nhiều lần bị thua. b) Nội dung hoạt động: Làm việc cá nhân c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời của HS, phần chốt kiến thức cần đạt của GV. d) Tổ chức thực hiện: * GV giao nhiệm vụ: PHIẾU HỌC TẬP SỐ 4 <table><tr><th colspan="3">Long Quân đòi gươm</th></tr><tr><td>Hoàn cảnh lịch sử</td><td>.....</td><td>.....</td></tr><tr><td>Cách thức hành động</td><td>..... ...</td><td>.....</td></tr><tr><td>Ý nghĩa</td><td>.....</td><td>.....</td></tr></table> * Thực hiện nhiệm vụ: + Tổ chức cho HS thảo luận, hoàn thành phiếu học tập. + GV quan sát, khích lệ HS. * Báo cáo,: + hs trình bày nội dung . + HS nhận xét lẫn nhau. * Đánh giá, kết luận: GV tổng hợp ý kiến, chốt kiến thức.	Long Quân đòi gươm			Hoàn cảnh lịch sử			Cách thức hành động			Ý nghĩa			2. Long Quân đòi gươm a. Hoàn cảnh lịch sử - Đất nước thanh bình. - Lê Lợi lên làm vua. b. Cảnh trả gươm: - Ở hồ Tả Vọng - Một năm sau khi đuổi giặc Minh - Nhân vật đòi gươm: Vua vàng - Vua nâng gươm → Rùa vàng đớp lấy rồi chìm xuống đáy hồ. - Chi tiết đòi gươm: + Giải thích tên gọi của Hồ Hoàn Kiếm + Đánh dấu và khẳng định chiến thắng hoàn toàn của nghĩa quân Lam Sơn. + Phản ánh tư tưởng, tình cảm yêu hoà bình đã thành truyền thống của nhân dân ta. + Ý nghĩa cảnh giác răn đe với những kẻ có ý dòm ngó nước ta.
Long Quân đòi gươm													
Hoàn cảnh lịch sử													
Cách thức hành động													
Ý nghĩa													
HD cá nhân: + Em biết truyền thuyết nào của nước ta cũng có hình ảnh Rùa Vàng? Theo em, hình tượng Rùa Vàng trong truyền thuyết Việt Nam tượng trưng cho ai và cho cái gì? → Truyền thuyết An Dương Vương, Mị Châu – Trọng Thủy cũng có hình ảnh Rùa Vàng. - Hình ảnh Rùa Vàng là sử giả của Long Quân, tượng trưng cho tổ tiên, khí thiêng sông núi, tư tưởng, tình cảm, trí tuệ của nhân dân.													
HD cá nhân – KT trình bày 1 phút: * GV yêu cầu HS làm việc cá nhân thực hiện yêu cầu sau : Em hãy khái quát nghệ thuật và nội dung chính của văn bản?	III, Tổng kết 1, Nghệ thuật : - Các chi tiết tưởng tượng kì ảo nhiều ý nghĩa. (như Rùa Vàng, gươm thần...), nhiều chi tiết nghệ thuật tiêu biểu cho truyền dân gian.												

-Kết cấu chặt chẽ, các chi tiết nghệ thuật thực - ảo đan xen hợp lí khiến cho câu chuyện trở nên hấp dẫn, tô đậm hình ảnh người anh hùng Lê Lợi – linh hồn của cuộc khởi nghĩa Lam Sơn.

2, Nội dung :

- + Ca ngợi tính chất toàn dân, chính nghĩa của cuộc khởi nghĩa Lam Sơn. Đề cao, suy tôn Lê Lợi và nhà Lê.
- + Giải thích nguồn gốc tên gọi Hồ Hoàn Kiếm.

3. Hoạt động 3: Luyện tập

- a) Mục tiêu: HS hiểu được kiến thức trong bài học để thực hiện bài tập giáo viên giao.
- b) Nội dung hoạt động: HS làm việc cá nhân hoàn thành bài tập GV giao.
- c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời của các câu hỏi, bài tập.
- d) Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Nội dung cần đạt
* Chuyển giao nhiệm vụ: 1. Vì sao khi mượn gươm thì ở Thanh Hoá còn khi trả gươm lại ở hồ Tả Vọng? Điều đó có ý nghĩa gì? 2. Vẽ tranh về chủ đề của truyện hoặc sân khấu hoá 1 cảnh trong tác phẩm truyện (Bài tập về nhà). * Thực hiện nhiệm vụ: + HS suy nghĩ, hoàn thiện sản phẩm. + GV quan sát, khích lệ HS. * Báo cáo, thảo luận: + Tổ chức trao đổi, trả lời câu hỏi. + HS nhận xét lẫn nhau. * Đánh giá, kết luận: GV tổng hợp ý kiến, chốt kiến thức.	1. Vì sao khi mượn gươm thì ở Thanh Hoá còn khi trả gươm lại ở hồ Tả Vọng? Điều đó có ý nghĩa gì? 2. Vẽ tranh về chủ đề của truyện hoặc sân khấu hoá 1 cảnh trong tác phẩm truyện (Bài tập về nhà).

4. Hoạt động 4: Vận dụng

- a) Mục tiêu: HS hiểu được kiến thức trong bài học để vận dụng vào thực tế.
- b) Nội dung: HS làm việc cá nhân, đưa ra suy nghĩ, cảm nhận của bản thân về một vấn đề GV đặt ra.
- c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời của học sinh.
- d) Tổ chức thực hiện:

* GV giao nhiệm vụ:

Nhóm 1: Tập làm phóng viên hoặc hướng dẫn viên du lịch: Giới thiệu về lễ hội Gióng hoặc thắng cảnh Hồ Gươm qua các tư liệu, ảnh sưu tầm được.

Nhóm 2: Tập làm hoạ sĩ: Vẽ các bức tranh minh hoạ nội dung của 1 tác phẩm truyện (ghép nhiều tranh lại theo trình tự tạo thành 1 truyện tranh).

* Thực hiện nhiệm vụ:

- + HS thảo luận nhóm..
 - + GV quan sát, khích lệ HS.
- * Báo cáo, thảo luận:**
- + Tổ chức trao đổi, nêu ý kiến.

+ HS nhận xét lẫn nhau.

* **Kết luận, đánh giá.** GV tổng hợp, nhận xét ý kiến, chốt kiến thức.

* **Về nhà:** Tìm hiểu y/c bài: Viết bài văn kể lại một truyện truyền thuyết hoặc cổ tích

Ngày dạy:

Tiết 13,14,15: VIẾT BÀI VĂN KỂ LẠI MỘT TRUYỆN TRUYỀN THUYẾT HOẶC CỔ TÍCH

I. Mục tiêu:

1. Về kiến thức:

- Biết cách làm văn tự sự qua các bước cơ bản
- Thực hành viết bài văn kể lại câu chuyện cổ tích hoặc truyện thuyết một cách mạch lạc, có sự độc lập, tự giác sáng tạo.

2. Về năng lực

a. Năng lực chung:

- Năng lực tự chủ và tự học: Tìm kiếm thông tin, đọc sách giáo khoa, để biết cách làm văn tự sự qua các bước cơ bản. Thực hành viết bài văn kể lại câu chuyện cổ tích hoặc truyện thuyết một cách mạch lạc, có sự độc lập, tự giác sáng tạo.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Thảo luận nhóm để thực hiện phiếu học tập, hợp tác giải quyết vấn đề để biết cách làm văn tự sự qua các bước cơ bản. Thực hành viết bài văn kể lại câu chuyện cổ tích hoặc truyện thuyết một cách mạch lạc, có sự độc lập, tự giác sáng tạo.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Năng lực trình bày và trao đổi thông tin trước lớp.

b. Năng lực đặc thù:

- Có khả năng viết một bài văn kể lại một truyện truyền thuyết hoặc truyện cổ tích thuộc loại văn kể chuyện.

3. Về phẩm chất:

- **Chăm chỉ:** Thích đọc sách, báo, tìm tư liệu trên mạng Internet để mở rộng hiểu biết.
- **Trách nhiệm:** Có ý thức học tập môn học.

II. Thiết bị dạy học và học liệu.

- Học liệu: Ngữ liệu/Sách giáo khoa, phiếu học tập.
- Thiết bị: Máy tính.

III. Tiến trình dạy học.

1. Hoạt động 1: Mở đầu

- Mục tiêu: Tạo tâm thế và định hướng chú ý cho học sinh; tạo vấn đề vào chủ đề
- Nội dung hoạt động: HS trả lời câu hỏi.
- Sản phẩm học tập: Câu trả lời/chia sẻ của HS bằng ngôn ngữ
- Tổ chức hoạt động:

* **Chuyển giao nhiệm vụ:** Quan sát tranh và trả lời câu hỏi.



Hình ảnh trên gợi cho em liên tưởng tới nghề nào?(Nghề cầm bút/ nhà văn/ người viết.)

* **Thực hiện nhiệm vụ học tập:** Hs trả lời

* **Báo cáo kết quả:** HS trình bày kết quả

* **Đánh giá nhận xét, dẫn vào bài:** Bài học hôm nay cô sẽ giúp các em viết bài văn kể lại một truyện truyền thuyết hoặc cổ tích..

2. Hoạt động 2: Khám phá

Hoạt động của GV và HS	Nội dung cần đạt
* GV giao nhiệm vụ: + Trong chương trình Tiếng Việt lớp 5, trong phần Tập làm văn, các em đã làm quen với cách kể lại một Câu chuyện đã nghe/đã đọc/đã tham gia/đã chứng kiến. PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1: 1, Kể lại một câu chuyện truyền thuyết hoặc truyện cổ tích nghĩa là làm gì? 2, Để kể lại một câu chuyện truyền thuyết hoặc truyện cổ tích, người viết cần đảm bảo những yêu cầu gì? * HS thực hiện nhiệm vụ: + Tổ chức thảo luận nhóm theo các câu hỏi. + GV quan sát, khuyến khích * Báo cáo, thảo luận + HS báo cáo kết quả thảo luận. + Các nhóm nhận xét. * Đánh giá, kết luận	I. Quy trình viết một bài văn kể lại một truyện truyền thuyết hoặc cổ tích 1, Kể lại một truyện truyền thuyết hoặc cổ tích. Kể lại một truyện truyền thuyết hoặc cổ tích là dùng lời văn của mình kể lại nội dung một truyện truyền thuyết hoặc cổ tích đã học (hoặc đã đọc, đã nghe) 2, Yêu cầu chung. - Bám sát cốt truyện nhưng không chép lại nguyên văn. - Có thể thay đổi: + Từ ngữ, cách đặt câu. + Thêm một vài chi tiết. + Thêm yếu tố biểu cảm, miêu tả. 3. Lựa chọn truyện: Chọn một truyện mà em yêu thích

3. Hoạt động 3: Luyện tập

a) Mục tiêu: Học sinh vận dụng kiến thức đã học vào thực hành, luyện tập.

b) Nội dung hoạt động: Viết bài văn

d) Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của thầy và trò	Nội dung cần đạt		
Hoạt động nhóm, kĩ thuật viết tích cực. * GV giao nhiệm vụ: + Đề bài 1: Kể lại truyền thuyết Thánh Gióng. Xác định các bước? * HS thực hiện nhiệm vụ: + Dựa vào dàn ý trên, viết thành một bài văn hoàn chỉnh + HS tự kiểm tra lại bài viết của mình theo gợi ý của GV + HS đọc lại câu chuyện của mình lần thứ 2 và kiểm tra để điều chỉnh bài viết . * Báo cáo, thảo luận - GV gọi một vài HS trình bày sản phẩm trước lớp.	I.Thực hành Đề bài: Kể lại truyền thuyết Thánh Gióng (Hs xem hướng dẫn ở SGK) *<u>Bước 1</u>: Chuẩn bị - Đọc lại truyền thuyết Thánh Gióng, ghi lại những sự kiện chính, tưởng tượng về nhân vật Thánh Gióng. <table border="1"><tr><td>Gióng được sinh ra một cách kì lạ</td></tr><tr><td>Khi Giặc Ân lấn le xâm lược nước ta, Gióng mới lên ba đã cất tiếng nói đòi đi đánh giặc; cũng từ đó Gióng lớn nhanh như thổi phải nhờ bà con làng xóm góp gạo nuôi chàng.</td></tr></table>	Gióng được sinh ra một cách kì lạ	Khi Giặc Ân lấn le xâm lược nước ta, Gióng mới lên ba đã cất tiếng nói đòi đi đánh giặc; cũng từ đó Gióng lớn nhanh như thổi phải nhờ bà con làng xóm góp gạo nuôi chàng.
Gióng được sinh ra một cách kì lạ			
Khi Giặc Ân lấn le xâm lược nước ta, Gióng mới lên ba đã cất tiếng nói đòi đi đánh giặc; cũng từ đó Gióng lớn nhanh như thổi phải nhờ bà con làng xóm góp gạo nuôi chàng.			

- Nhận xét sản phẩm của bạn và góp ý cho bạn.

* **Đánh giá, nhận xét.**

Phiếu học tập xây dựng bố cục bài viết văn kể chuyện truyền thuyết Thánh Gióng.

Phần	Nội dung
Mở bài	
Thân bài	
Kết bài	

Khi giặc đến chân núi Trâu, Gióng vươn vai thành tráng sĩ lên đường đánh giặc

Đánh tan giặc Gióng bay về trời.

Vua nhớ công ơn Gióng

Những vết tích mà Gióng còn để lại.

- **Suy nghĩ về những chi tiết, hình ảnh, từ ngữ biểu cảm thêm vào.**

Ví dụ: Sự việc: Gióng sinh ra kì lạ

Có thể thêm các từ ngữ, hình ảnh:

Một ngày đẹp trời, bà lão ra đồng, nhìn thấy vết chân to, rất tò mò, bà liền ướm thử.

Về nhà, bà thụ thai. Hai vợ chồng mừng rỡ khôn xiết chờ mong ngày đưa con ra đời.

Nhưng thật lạ lùng làm sao.

***Bước 2: Tìm ý và lập dàn ý**

- **Kể chuyện gì?**

Kể lại truyện về người anh hùng làng Gióng một mình đánh đuổi giặc Ân bảo vệ nước nhà.

- **Sự kiện và nhân vật chính nào?**

Các sự kiện xoay quanh cuộc đời Thánh Gióng.

Diễn biến của câu chuyện như thế nào?

- Dựa theo các sự kiện chính như đã nêu ở phần chuẩn bị.

Em có những suy nghĩ, cảm xúc gì khi kể chuyện?

- Sự biết ơn người anh hùng Thánh Gióng

- Yêu mến những con người đã sinh ra và nuôi dưỡng Gióng.

***Bước 3: Viết**

***Bước 3: Viết**

- Bám sát chủ đề, bố cục, truyện dân gian.

- Ghi nhớ các sự việc chính, mối quan hệ giữa các sự việc, nhân vật, thời gian, không gian.

- Nên chọn thứ tự kể xuôi theo trình tự thời gian, mối quan hệ nhân quả của sự việc.

- Dùng ngôn ngữ diễn đạt chủ động, có sáng tạo nhưng không làm sai lệch chi tiết, tính cách nhân vật, ý nghĩa truyện.

Viết Mở bài: Giới thiệu việc em kể truyện truyền thuyết Thánh Gióng. (khoảng 3 câu, mở bài gián tiếp, có sự liên hệ mở rộng)

Thân bài: Lần lượt kể các sự việc bằng lời văn của em.

1, Thánh Gióng ra đời kì lạ.

Chuyện kể rằng vào đời Hùng Vương thứ sáu, đã rất xa xưa, ở làng Gióng có hai vợ chồng ông lão nông dân, chăm chỉ hiền lành, luôn giúp đỡ mọi người. Ngặt nổi, họ đã già mà chẳng có nổi một mụn con. Rồi một hôm đi ra đồng bà lão trông thấy một vết chân to, tò mò, bà đặt bàn chân mình lên ướm thử. Về nhà bà mang thai. Lạ kì là tận

mười hai tháng sau bà mới sinh ra một cậu bé trông rất tuấn tú. Hai vợ chồng mừng lắm. Nhưng đến tận khi 3 tuổi, đứa trẻ vẫn chẳng biết nói cười, đi đứng, đặt đâu thì nằm đấy.

2, Gióng xin đi đánh giặc, lớn như thổi.

Cũng vào năm ấy, giặc Ân thế mạnh như chẻ tre, tràn sang xâm lược nước ta. Chúng gây ra bao nhiêu tội ác, nhân dân khổ cực nhiều bề. Nhà vua lo lắng, người sai sứ giả đi khắp cả nước để tìm người tài giỏi, dũng cảm đánh giặc. Khi qua làng Gióng, đứa bé ba tuổi hằng ngày vẫn im lặng không nói không rằng bỗng cất tiếng bảo mẹ: “Mẹ ra mời sứ giả vào đây”. Bà mẹ vừa ngạc nhiên, vừa sùng sượng vô cùng, vội vàng ra mời sứ giả vào nhà. Rồi cậu bé bảo sứ giả: “Ông về tâu với vua sắm cho ta một con ngựa sắt, một cái roi sắt và một tấm áo giáp sắt, ta sẽ phá tan lũ giặc này.”. Sứ giả mừng rỡ lắm nên vội về tâu vua. Nhà vua chấp nhận và sai người ngày đêm làm đủ những vật mà chú bé yêu cầu.

Lạ lùng thay, từ hôm gặp sứ giả, chú bé bỗng lớn nhanh như thổi. Cơm ăn không biết no, áo vừa mới mặc đã chật. Hai vợ chồng làm lụng cực nhọc cũng không đủ nuôi con đành nhờ đến bà con hàng xóm. Ai cũng phấn khởi, vui lòng góp gạo, tương, cà, để chú bé lớn nhanh, sớm ngày ra giết giặc, giúp dân cứu nước.

3, Gióng ra trận đánh giặc

Cho tới ngày giặc vừa đến chân núi Trâu, thế nước rất nguy cấp, đúng lúc đó sứ giả cũng kịp mang vũ khí tới. Gióng bèn vươn vai, đứng dậy. Tức thì trở thành một tráng sĩ cao lớn, khoẻ mạnh. Chẳng mặc áo giáp sắt, cầm roi sắt, tiễn biệt mẹ và dân làng rồi nhảy lên lưng ngựa. Ngựa lao ra chiến trường phun lửa. Còn Gióng tả đột hữu xung mạnh mẽ như một vị thần khiến lũ giặc chết như ngã rạ. Bỗng roi sắt gãy, tráng sĩ nhanh trí, nhổ luôn cụm tre bên đường quật tới tấp vào giặc. Bấy giờ chúng chỉ là một đám tàn quân. Lũ giặc yếu ớt nhanh chóng tháo chạy, giẫm đạp lên nhau, chết nhiều vô kể.

4, Giặc tan: Gióng cưới ngựa sắt bay về trời.

Đất nước sạch bóng quân thù, nhưng Gióng chẳng trở về kinh đô để nhận thưởng mà phi ngựa đến chân núi Sóc Sơn, cởi bỏ áo giáp sắt, cả người và ngựa bay lên trời.

5, Vua ghi nhớ công ơn Thánh Gióng

Sau đó, để ghi nhớ công ơn của người anh hùng cứu nước, nhà vua đã phong Gióng là Phù Đổng Thiên Vương, cho lập đền thờ tại quê nhà.

6, Gióng còn để lại dấu tích

Cho tới những đời sau, nhân dân còn kể khi ngựa sắt thét lửa đã thiêu trụi một làng. Đến nay làng ấy còn gọi là làng cháy. Những vết chân ngựa ngày xưa nay đã thành ao hồ liên tiếp, là minh chứng cho những chiến công oanh liệt của Thánh Gióng.

Phần kết bài: nêu cảm nghĩ của em về Thánh Gióng hay truyện thánh Gióng.

Từ đây trở đi, người dân quê Phù Đổng của Gióng năm nào cũng mở hội vào ngày 9-4, để nhớ lại chiến trận năm xưa và tưởng nhớ công ơn của vị thánh làng mình. Trong kí ức của em và thế hệ hôm nay, vị thánh ấy vẫn còn sống mãi, thiêng liêng, bất tử cùng những chiến công lẫy lừng đã ghi vào lịch sử dựng nước và giữ nước vẻ vang, hào hùng của dân tộc Việt nam.

***Bước 4: Kiểm tra và chỉnh sửa**

- Đọc to văn bản

- Đặt các câu hỏi: Bộ cục đã đảm bảo như phần tìm lập dàn ý chưa? Các lỗi chính tả, các lỗi dùng từ đặt câu, ngôi kể đã đồng nhất và phù hợp hay chưa?

- Chỉnh sửa.

3. Hoạt động 3: Luyện tập

a) Mục tiêu: HS hiểu được kiến thức trong bài học để thực hiện bài tập giáo viên giao.

b) Nội dung hoạt động: HS làm việc cá nhân hoàn thành bài tập GV giao.

c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời của các câu hỏi, bài tập.

d) Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Nội dung cần đạt
* Chuyển giao nhiệm vụ: Phát hiện lỗi và sửa lại các câu văn/ đoạn văn sau: 1, Vào đời Hùng Vương thứ 6, ở làng gióng, có 2 vợ chồng phúc đức quá nên ao ước có một đứa con. 2, Tục truyền đời Hùng Vương thứ sáu, ở làng Gióng, có 2 vợ chồng ông lão chăm chỉ làm ăn và có tiếng là phúc đức. 3, Đời Hùng Vương thứ sáu, có hai vợ chồng già, ao ước có một đứa con.	III, Luyện tập Phát hiện lỗi và sửa lại các câu văn/ đoạn văn sau: 1, Vào đời Hùng Vương thứ 6, ở làng gióng, có 2 vợ chồng phúc đức quá nên ao ước có một đứa con. 2, Tục truyền đời Hùng Vương thứ sáu, ở làng Gióng, có 2 vợ chồng ông lão chăm chỉ làm ăn và có tiếng là phúc đức. 3, Đời Hùng Vương thứ sáu, có hai vợ chồng già, ao ước có một đứa con.
* Thực hiện nhiệm vụ: + HS thảo luận nhóm, hoàn thiện sản phẩm theo nhóm. + GV quan sát, khích lệ HS. * Báo cáo, thảo luận: + Tổ chức trao đổi, trả lời câu hỏi. + HS nhận xét lẫn nhau. 1, Vào đời Hùng Vương thứ 6, ở làng gióng, có 2 vợ chồng phúc đức quá nên ao ước có một đứa con. Lỗi viets số và thừa từ. Sửa: Vào đời Hùng Vương thứ sáu, ở làng Gióng, có hai vợ chồng đã già và phúc đức, họ luôn ao ước có một đứa con. 2, Tục truyền đời Hùng Vương thứ sáu, ở làng Gióng, có 2 vợ chồng ông lão chăm chỉ làm ăn và có tiếng là phúc đức. Lỗi sao chép y nguyên trong truyện. Sửa: Ngày xưa ở làng Gióng, vào đời Hùng Vương thứ sáu, có hai vợ chồng ông lão tốt bụng, hay giúp đỡ mọi người và làm lụng rất chăm chỉ. 3, Đời Hùng Vương thứ sáu, có hai vợ chồng già, ao ước có một đứa con. Lỗi câu văn cộc lốc, không mềm mại và uyển chuyển: Sửa: Ở làng Gióng vào đời Hùng Vương thứ sáu, có hai vợ chồng người nông dân tốt bụng, phúc đức, họ ao ước có một đứa con. * Đánh giá, kết luận: GV tổng hợp ý kiến, chốt kiến thức.	

4. Hoạt động 4: Vận dụng

- Mục tiêu: HS hiểu được kiến thức trong bài học để vận dụng vào thực tế.
- Nội dung: HS làm việc cá nhân, đưa ra suy nghĩ, cảm nhận của bản thân về một vấn đề GV đặt ra.
- Sản phẩm học tập: Câu trả lời của học sinh.

d) Tổ chức thực hiện:

* **GV giao nhiệm vụ:**

1, Trong quá trình viết, em thường mắc những lỗi nào? Hãy hoàn thành phiếu học tập số 2

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2

NHỮNG LỖI THƯỜNG GẶP KHI VIẾT BÀI VĂN KỂ CHUYỆN(cốt truyện có sẵn)

Tên lỗi	Cách sửa lỗi.

2, **Viết mở bài, kết bài kể lại truyện cổ tích Thạch Sanh.**

* **Thực hiện nhiệm vụ:**

+ HS thảo luận nhóm..

+ GV quan sát, khích lệ HS.

* **Báo cáo, thảo luận:**

+ Tổ chức trao đổi, nêu ý kiến.

+ HS nhận xét lẫn nhau.

DỰ KIẾN SP:

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2

NHỮNG LỖI THƯỜNG GẶP KHI VIẾT BÀI VĂN KỂ CHUYỆN(cốt truyện có sẵn)

Tên lỗi	Cách sửa lỗi.
1. Sai lỗi chính tả	1, Mở rộng vốn từ: Đọc, viết
2. Không đủ bộ cục ba phần.	2, Phân bố thời gian hợp lí
3. Trình tự các sự việc lộn xộn	4, Lập dàn ý
4. Lời kể rập khuôn sách giáo khoa.	5, Tập diễn tả lại bằng các từ/ cụm từ đồng nghĩa, có thể thay thế mà không làm mất đi sắc thái nghĩa. Thêm vào các ý bộc lộ cảm xúc của người viết.

* **Kết luận, đánh giá.** GV tổng hợp, nhận xét ý kiến, chốt kiến thức.

Viết mở bài, kết bài kể lại truyện cổ tích Thạch Sanh.

Mở bài: Tôi yêu truyện cổ nước tôi

Vừa nhân hậu lại tuyệt vời sâu xa

Thương người rồi mới thương ta

Yêu nhau dù mấy cách xa cũng tìm.

Quả thực vậy, có lẽ ai lớn lên trong vòng tay của mẹ, của bà cũng đều đem lòng yêu mến những cô Tấm, anh Khoai, những bà Tiên, ông Bụt trong các câu chuyện cổ tích. Qua lời kể dịu dàng của mẹ, tôi thấy truyện Thạch Sanh thật thú vị biết bao. Câu chuyện làm tôi nhớ mãi...

Kết bài: Tuổi thơ đi qua, nhưng những kí ức vẫn còn ở lại. Kí ức có chàng Thạch sanh hiền hậu, dũng cảm, thật thà đã dạy tôi những bài học, giúp tôi lớn khôn và trưởng thành hơn. Tôi yêu truyện cổ nước tôi!

- **Về nhà: Thực hành phần viết tốt, tập nói để giờ sau luyện giờ Nói và nghe...**

Ngày dạy:

Tiết 16: NÓI VÀ NGHE:

KỂ LẠI MỘT TRUYỆN TRUYỀN THUYẾT, CỔ TÍCH

I. Mục tiêu:

1. Về kiến thức:

- HS nắm bắt được thông tin bài nói của các bạn, có thể đưa ra nhận xét, góp ý cho bạn.
- HS có kỹ năng, tự tin trình bày sản phẩm trước tập thể lớp.

2. Về năng lực

a. Năng lực chung:

- Năng lực tự chủ và tự học: Tìm kiếm thông tin, đọc sách giáo khoa, quan sát tranh ảnh để kể lại một truyện truyền thuyết hoặc truyện cổ tích thuộc loại văn kể chuyện, trong đó, người viết kể lại câu chuyện bằng lời văn của mình (người kể sử dụng ngôi thứ 3).
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Thảo luận nhóm để thực hiện phiếu học tập, hợp tác giải quyết vấn đề để kể lại một truyện truyền thuyết hoặc truyện cổ tích thuộc loại văn kể chuyện, trong đó, người viết kể lại câu chuyện bằng lời văn của mình (người kể sử dụng ngôi thứ 3).
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Năng lực trình bày và trao đổi thông tin trước lớp.

b. Năng lực đặc thù:

- Có khả năng kể lại một truyện truyền thuyết hoặc truyện cổ tích thuộc loại văn kể chuyện.

3. Về phẩm chất:

- **Chăm chỉ:** Thích đọc sách, báo, tìm tư liệu trên mạng Internet để mở rộng hiểu biết.
- **Trách nhiệm:** Có ý thức học tập môn học.

II. Thiết bị dạy học và học liệu.

- Học liệu: Ngữ liệu/Sách giáo khoa, phiếu học tập.
- Thiết bị: Máy tính.

III. Tiến trình dạy học.

1. Hoạt động 1: Mở đầu

- Mục tiêu: Tạo tâm thế và định hướng chú ý cho học sinh; tạo vấn đề vào chủ đề
- Nội dung hoạt động: HS trả lời câu hỏi.
- Sản phẩm học tập: Câu trả lời/chia sẻ của HS bằng ngôn ngữ
- Tổ chức hoạt động:

* **Chuyển giao nhiệm vụ:** - GV mở youtube cho HS nghe một đoạn video (có tiếng và hình) kể một câu chuyện cổ tích?

* **Thực hiện nhiệm vụ học tập:** Em có nhận xét gì về giọng kể, ngôi kể?

* **Báo cáo kết quả:** HS trình bày kết quả

* **Đánh giá nhận xét:** Bài học hôm nay các em sẽ kể cho các bạn nghe và mình nghe các bạn kể lại một câu chuyện truyền thuyết hoặc cổ tích.

2. Hoạt động 2: Khám phá

Hoạt động của GV và HS	Nội dung cần đạt
- Mục tiêu: Giúp học sinh nắm được yêu cầu chung với người nói và người nghe. - Nội dung hoạt động: : HS trình bày yêu cầu - Sản phẩm học tập: Câu trả lời - Tổ chức thực hiện: * GV giao nhiệm vụ: - Yêu cầu của việc kể lại truyện bằng lời	I. Yêu cầu chung * Với người nói: - Không viết văn mà kể lại truyền thuyết hoặc cổ tích đó bằng lời. - Bám sát sự kiện chính nhưng có thể sáng tạo thêm những chi tiết hình ảnh, cách kết thúc truyện - Phân biệt kể miệng (văn nói) với kể bằng

nói là gì?

- Đề bài kể lại truyện bằng lời nói thêm hấp dẫn người nghe, em có thể sử dụng thêm các phương tiện hỗ trợ nào ngoài giọng nói?

- Yêu cầu của người nghe như thế nào?

*** Thực hiện nhiệm vụ:**

HS suy nghĩ cá nhân trả lời.

*** Báo cáo sản phẩm học tập**

- HS trình bày cá nhân.

- Các HS khác nhận xét.

*** Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ:**

- GV nhận xét và chuẩn kiến thức.

a) Mục tiêu: học sinh nắm được các bước xây dựng bài nói kể lại truyện truyền thuyết/truyện cổ tích

b) Nội dung hoạt động: : HS trình bày các bước.

c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời

d) Tổ chức thực hiện:

*** GV giao nhiệm vụ:**

- Trước khi kể lại truyện bằng lời nói, hãy trả lời các câu hỏi sau:

+ Bài kể lại truyện bằng lời nói nhằm mục đích gì?

+ Người nghe là ai?

+ Em chọn không gian nào để thực hiện bài nói (trình bày)?

+ Em dự định trình bày trong bao nhiêu phút?

-Hãy lập dàn ý cho bài nói của mình?

*** Thực hiện nhiệm vụ**

*** Báo cáo, thảo luận**

- GV gọi 1 số em lên thực hành trước lớp: Em hãy trình bày lại bài viết của mình bằng ngôn ngữ nói đã hoàn thiện qua kĩ năng Viết. Bài trình bày phải chú ý giọng điệu, ngữ điệu, cảm xúc...

- Nhận xét của HS.

*** Đánh giá**

- Nhận xét của GV.

-Đánh giá sản phẩm bằng điểm hoặc quà....:

*** GV giao nhiệm vụ về nhà:**

- Em có thể rủ nhóm cùng tập luyện hoặc nhờ bố mẹ quay lại video bài tập luyện của

viết (văn viết), chú ý cách kể, giọng kể, kết hợp với ngôn ngữ hình thể (cử chỉ, ánh mắt, nét mặt,...) phù hợp với nội dung câu chuyện. Trong trường hợp cần thiết, người kể có thể sử dụng các thiết bị hỗ trợ khác (tranh, ảnh, video,...)

***Với người nghe:**

- Chú ý lắng nghe bạn trình bày để nắm và hiểu được nội dung chính của câu chuyện mà bạn kể; có đưa ra được những nhận xét được về ưu điểm, yếu tố sáng tạo trong lời kể của bạn hay điểm hạn chế của bạn.

- Cần có thái độ chú ý tôn trọng, nghiêm túc, đúng mực, động viên khi nghe bạn kể chuyện.

II.Các bước xây dựng bài nói kể lại truyện truyền thuyết/truyện cổ tích

1. Bước 1: Chuẩn bị

- Xác định đề tài, người nghe, mục đích, không gian và thời gian nói (trình bày).

- Đọc lại truyện.

- Sắp xếp tranh ảnh hoặc các phương tiện hỗ trợ khác (nếu có).

2. Bước 2: Tìm ý, lập dàn ý.

Xem lại dàn ý đã chuẩn bị ở phần Viết đề bổ sung, chỉnh sửa.

- Chú ý kiểm tra các sự kiện chính, các yếu tố sáng tạo trong nội dung và cách kể lại câu chuyện.

3. Bước 3: Thực hành nói và nghe

- Dựa vào dàn ý và thực hiện việc kể lại truyện trước tổ hoặc lớp. (có thể luyện tập kể trước gương khi ở nhà).

- Chú ý bảo đảm nội dung và cách kể để câu chuyện trở nên hấp dẫn.

- Có thể sử dụng thêm tranh ảnh, đạo cụ...kết hợp với ngôn ngữ hình thể để bài nói thêm sinh động và hấp dẫn hơn.

4.Bước 4: Kiểm tra và chỉnh sửa:

*** Bảng tự kiểm tra kĩ năng nói:**

Nội dung kiểm tra	Đạt/ chưa đạt
- Bài nói có đủ các phần	

mình để xem lại, tự điều chỉnh hoặc gửi video cho các bạn trong nhóm để cùng góp ý cho nhau. - Em tự nhận xét về nội dung và cách nói của bản thân; cách nghe các trình bày của bản thân. HS thực hiện nhiệm vụ.	mở bài, thân bài, kết bài.	
	- Người kể trình bày chi tiết các sự việc xảy ra.	
	- Các sự việc được kể theo trình tự thời gian.	
	- Các hành động của nhân vật được kể đầy đủ.	
	- Người kể dùng ngôi thứ ba để kể lại câu chuyện.	
	- Yếu tố sáng tạo trong nội dung, chi tiết, lời kể và cách kể.	
	- Người kể thể hiện cảm xúc, giọng kể, điệu bộ, phương tiện hỗ trợ phù hợp với nội dung được kể.	
* Bảng tự kiểm tra kĩ năng nghe:		
Nội dung kiểm tra		Đạt/ chưa đạt
- Nắm và hiểu được nội dung chính của câu chuyện mà bạn kể; - Cần có		
-Đưa ra được những nhận xét được về ưu điểm, yếu tố sáng tạo trong lời kể của bạn hay điểm hạn chế của bạn.		
-Thái độ chú ý tôn trọng, nghiêm túc, động viên khi nghe bạn kể chuyện		

3. Hoạt động 3: Luyện tập- Tự đánh giá.

- a) Mục tiêu: Học sinh vận dụng kiến thức đã học vào giải bài tập
 b) Nội dung hoạt động: Hs làm bài tập
 c) Sản phẩm học tập: Kết quả qua phiếu học tập.
 d) Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Nội dung cần đạt												
HOẠT ĐỘNG NHÓM: Thảo luận theo bàn * GV giao nhiệm vụ: - HS trả lời các câu hỏi phần Tự đánh giá * HS thực hiện nhiệm vụ: Hs trả lời ra phiếu Học tập: + Trả lời bằng cách chọn 1 đáp án:	TỰ ĐÁNH GIÁ : Tìm hiểu văn bản “Em bé thông minh” (trang 31 – SGK) <table> <tr> <th>Câu</th><th>Đáp án</th></tr> <tr> <td>1</td><td>B</td></tr> <tr> <td>2</td><td>D</td></tr> <tr> <td>3</td><td>D</td></tr> <tr> <td>4</td><td>A</td></tr> <tr> <td>5</td><td>C</td></tr> </table>	Câu	Đáp án	1	B	2	D	3	D	4	A	5	C
Câu	Đáp án												
1	B												
2	D												
3	D												
4	A												
5	C												

Câu	Đáp án				
1			6	C	
...			7	D	
			8	B	
			9	C	

+ Câu 10: Nêu quan điểm
***HS báo cáo sản phẩm.**
*** Đánh giá, kết luận**
GV chốt kiến thức, chấm sản phẩm bằng điểm.

Câu 10: HS nêu quan điểm
Ý kiến thứ hai là ý kiến đúng đắn hơn bởi lí do thiên tài chỉ có 1% là thông minh còn 99% là sự nỗ lực rèn luyện. Càng đối mặt và vượt qua nhiều thử thách thì con người càng tích lũy được nhiều kinh nghiệm, áp dụng thực tiễn, trí tuệ được rèn luyện sắc bén hơn, sáng tạo không ngừng để bản thân mình có thể vươn lên trong mọi nghịch cảnh.

HƯỚNG DẪN TỰ HỌC

1. Tìm đọc các truyện truyền thuyết, cổ tích bằng cách:

- Sử dụng các công cụ tìm kiếm trên internet để thu thập thêm những tư liệu về truyện truyền thuyết hoặc cổ tích.
- Mượn sách từ thư viện của trường hoặc của người thân, bạn bè,...
- Mua ở các hiệu sách hoặc tìm ở tủ sách gia đình.

2. Lưu ý trong và sau khi đọc:

- Ghi lại những cảm xúc, điều tâm đắc, thích thú, băn khoăn, điều chưa hiểu,... của em trong lúc đọc.

- Tóm tắt truyện truyền thuyết, cổ tích sau khi em đã đọc.

→ HS ghi lại nhật kí đọc truyện và trao đổi với các bạn những câu chuyện đã đọc vào tiết học sau.

Chuẩn bị bài 2: Thơ (thơ lục bát)

BÀI 2: THƠ

(Thơ lục bát)

YÊU CẦU CẦN ĐẠT

- Nhận biết được một số yếu tố hình thức (vần, nhịp, dòng và khổ thơ...), nội dung (đề tài, chủ đề, cảm xúc, ý nghĩa...) của bài thơ lục bát.
- Nhận biết và nêu được tác dụng của biện pháp tu từ ẩn dụ
- Biết kể về một trải nghiệm đáng nhớ.
- Yêu thương những người thân, trân trọng tình cảm gia đình.

Ngày

Tiết 17,18.

ĐỌC HIỂU VĂN BẢN

Văn bản 1:

À OI TAY MẸ

Bình Nguyên

I. . MỤC TIÊU BÀI HỌC. Học xong bài, hs sẽ đạt được:

1. Kiến thức:

- Cảm xúc trân trọng, biết ơn, sự xúc động sâu sắc trước tình yêu thương hết mực và đức hi sinh lặng thầm của người mẹ

- Thể thơ lục bát với âm hưởng ngọt ngào của lời ru từ ca dao với hình ảnh phong phú, giàu sức gợi
- hình ảnh đôi bàn tay mạng phép nhiệm màu của mẹ là một biểu tượng đẹp, tạo nên xúc động cho người đọc.

2. Về năng lực:

- Giao tiếp, hợp tác trong làm việc nhóm và trình bày sản phẩm nhóm
- Phát triển khả năng tự học qua việc hoàn thiện các phiếu học tập và bài tập về nhà.
- Nhận biết được một số yếu tố hình thức (vần, nhịp, dòng và khổ thơ...), nội dung (đề tài, chủ đề, cảm xúc, ý nghĩa...) của bài thơ lục bát.
- Nhận biết và bước đầu phân tích được cảm xúc, tình cảm trong bài thơ được thể hiện qua các yếu tố hình thức như từ ngữ, hình ảnh, biện pháp tu từ...
- Đọc diễn cảm bài thơ.

3. Về phẩm chất:

- *Nhân ái*: - yêu thương những người thân, trân trọng tình cảm gia đình.
- *Chăm học, chăm làm*: tự học, yêu thích và sáng tạo trong đọc hiểu văn bản thơ lục bát.
- *Trách nhiệm*: có trách nhiệm với người thân trong gia đình, chủ động rèn kĩ năng đọc hiểu văn bản trữ tình

B. HỌC LIỆU, PHƯƠNG TIỆN.

1. Thiết bị: Máy tính, , Phiếu học tập, Bảng kiểm tra, đánh giá thái độ làm việc nhóm, rubic chấm đoạn văn, bài trình bày của HS.

2. Học liệu: Sgk, kế hoạch bài dạy, sách tham khảo, phiếu học tập,

- KHBH, Sách điện tử Ngữ văn 6

- Tài liệu về tác giả Bình Nguyên, Đinh Nam Khương và các tài liệu về một số văn bản ca dao VN

HS: sưu tầm thơ về tình cảm gia đình (bài thơ về mẹ), ca dao về tình cảm gia đình

Phiếu học tập số 1: LỜI RU CỦA MẸ

1. Tìm các câu thơ viết về lời hát ru của mẹ trong bài.

.....

2. Đọc kĩ các dòng thơ về lời hát ru của mẹ và trả lời các câu hỏi trong bảng:

- Lời ru của mẹ dành cho những ai? Mẹ mong điều gì qua những lời ru ấy?	
Tác giả đã sử dụng biện pháp nghệ thuật gì trong các câu thơ?	
Qua những lời ru, hình ảnh người mẹ hiện lên với những phẩm chất gì?	

C. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY-HỌC

1. Hoạt động 1: KHỞI ĐỘNG

a. *Mục tiêu*: kết nối kiến thức trong cuộc sống vào nội dung của bài học xác định nhiệm vụ học tập, có tâm thế tự tin, thoải mái trước khi đọc – hiểu bài thơ.

b. *Nội dung*: Giáo viên cho học sinh chia sẻ cảm nhận của cá nhân nhằm khơi gợi cảm xúc, suy nghĩ của HS về tình cảm gia đình, tình cảm với mẹ.

c. *Sản phẩm*: Câu trả lời của học sinh

d. Tổ chức thực hiện:

B 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập

- GV: Chiếu video bài hát “**Mẹ yêu con**”& đặt câu hỏi

Cho biết nội dung của bài hát? Bài hát gợi cho em cảm xúc gì?

2. Đọc một bài thơ/ đoạn thơ/ câu thơ viết về tình mẫu tử mà em biết? Em thích nhất bài thơ, câu thơ nào?

- HS quan sát, lắng nghe

B 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập

- Giáo viên: hướng dẫn học sinh trả lời câu hỏi, gợi ý nếu cần.

- Quan sát video, lắng nghe lời bài hát và suy nghĩ cá nhân.

B 3: Báo cáo kết quả và thảo luận

- Học sinh lần lượt trình bày các câu trả lời.

- Giáo viên: Quan sát, theo dõi quá trình học sinh thực hiện, gợi ý nếu cần.

B 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá

- Giáo viên nhận xét, đánh giá

GV giới thiệu bài học:

Cùng với dòng sữa ngọt ngào, lời ru của mẹ đã dưỡng nuôi thể chất và vun bồi tinh thần của con khi còn ấu thơ. Những lúc được đôi bàn tay mềm mại âu yếm vừa xoa lưng và nghe lời ru của mẹ chính là khoảng thời gian con được hưởng trọn vẹn niềm hạnh phúc ngọt ngào. Nhà thơ Bình Nguyên đã nói lên tiếng lòng của bao người qua bài “À ơi tay mẹ”....

2. HĐ hình thành kiến thức mới:

I. Tìm hiểu chung.

a. Mục tiêu: Học sinh biết được những nét chính về nhà thơ Bình Nguyên và tác phẩm “À ơi tay mẹ”, nêu được những đặc điểm thể thơ lục bát.

b. Nội dung: Giáo viên hướng dẫn học sinh cách đọc và tìm hiểu tác giả, những nét chung của văn bản qua các nguồn tài liệu và qua phần Kiến thức ngữ văn trong SGK

TỔ CHỨC THỰC HIỆN	SẢN PHẨM
NV 1: Tìm hiểu chung về tác giả B 1: Chuyển giao nhiệm vụ Gv chiếu mục 1,2 của phần Kiến thức ngữ văn và đặt câu hỏi 1. Nêu một số yếu tố hình thức của bài thơ? 2. Khái quát những đặc trưng của thơ lục bát? Hs nhận nhiệm vụ B 2: Thực hiện nhiệm vụ - HS chuẩn bị đọc lập (khi ở nhà đọc văn bản, đọc kiến thức ngữ văn, tìm tư liệu). GV: Hướng theo dõi, quan sát HS, hỗ trợ (nếu HS gặp khó khăn). B 3: Báo cáo kết quả và thảo luận - Học sinh lần lượt trình bày các câu trả lời. - Giáo viên: Quan sát, theo dõi quá trình học	1. Một số kiến thức ngữ văn a. Một số yếu tố hình thức của bài thơ. - Dòng thơ: ... - Vần là.... - Nhịp là những điểm ngắt hơi khi đọc một dòng thơ... b. Thơ lục bát: - Là thể thơ truyền thống của VN - Cấu trúc dòng: 1 dòng sáu/1 –tám - Vần: vần chân và vần lưng Tiếng thứ 6 của dòng 6 vần với tiếng

sinh thực hiện, gợi ý nếu cần. B 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập - Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá. Nhận xét câu trả lời của HS và chốt kiến thức. NV 2: Tìm hiểu chung về tác giả B 1: Chuyển giao nhiệm vụ Yêu cầu HS đọc SGK và trả lời câu hỏi ? Nêu những hiểu biết của em về thơ Bình Nguyên? Hs nhận nhiệm vụ B 2: Thực hiện nhiệm vụ - HS chuẩn bị độc lập (khi ở nhà đọc văn bản, đọc <i>kiến thức ngữ văn</i>, tìm tư liệu). GV: Hướng theo dõi, quan sát HS, hỗ trợ (nếu HS gặp khó khăn). B 3: Báo cáo kết quả và thảo luận - Học sinh lần lượt trình bày các câu trả lời. - Giáo viên: Quan sát, theo dõi quá trình học sinh thực hiện, gợi ý nếu cần. B 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập - Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá. Nhận xét câu trả lời của HS và chốt kiến thức. NV3: Đọc và tìm hiểu chung về bài thơ B 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập: Hướng dẫn cách đọc Đọc mẫu & yêu cầu HS đọc. HD hs chú ý các từ ngữ chú thích ? Bài thơ “À ơi tay mẹ” thuộc thể thơ nào? Dựa vào phần kiến thức ngữ văn ở đầu bài 2 chỉ ra những yếu tố đặc trưng của thể thơ trong bài thơ (vần, nhịp, dòng, khổ thơ) Nhan đề bài thơ và hình ảnh minh họa gợi cho em cảm nhận được điều gì về nội dung bài thơ? B 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập - HS làm việc theo nhóm. - HS tương tác với các bạn trong lớp hoàn thiện sản phẩm đã chuẩn bị GV: Theo dõi, hỗ trợ HS trong hoạt động nhóm (nếu HS gặp khó khăn).	6 của dòng 8.... - Nhịp: thường ngắt nhịp chẵn. 2. Tác giả Bình Nguyên - Bình Nguyên tên thật là Nguyễn Đăng Hào (25/1/1959) - Quê : xã Ninh Phúc, TP Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình. - Ông vừa là nhà thơ vừa là nghệ sĩ nhiếp ảnh VN - Hiện tại làm chủ tịch Hội Văn học Nghệ thuật NB - Giải thưởng: “Thơ lục bát” Giải A- 2003, Giải ba -2010 3. Bài thơ: a. Đọc, tìm hiểu chú thích - mưa sa - cái khuyết - dãi dàu - nín b. Tìm hiểu chung. - Thể loại :Văn bản thuộc thể thơ lục bát Đặc điểm: + Dòng thơ: gồm các câu thơ 6 tiếng và 8 tiếng xen kẽ. + Bài thơ được gieo vần đặc trưng cho thể lục bát: tiếng thứ 6 của dòng lục gieo vần xuống tiếng sáu của dòng bát (sa - qua, dàu – vàng, tròn - còn); tiếng thứ tám của dòng bát gieo xuống tiếng thứ sáu của dòng lục tiếp theo (ngon-tròn, mòn – còn)
---	---

B 3: Báo cáo kết quả và thảo luận -HS trình bày. - Giáo viên: Quan sát, theo dõi quá trình học sinh thực hiện, gợi ý nếu cần B4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá Nhận xét về thái độ học tập & sản phẩm học tập của HS. ->Chốt kiến thức và chuyển dẫn vào mục sau	+ Nhịp thơ: ngắt nhịp chẵn 2/2/2 và 4/4 - Nhan đề : Gợi lời hát ru của mẹ + Bức tranh minh họa mẹ đang bế bé, nâng niu, ấp ủ => gợi cho người đọc về tình yêu thương của mẹ - Nội dung khái quát: Bài thơ thể hiện cảm xúc của tác giả về: + Hình ảnh đôi bàn tay mẹ + Lời ru của mẹ.
--	---

II. Đọc – hiểu chi tiết bài thơ.

- a. *Mục tiêu:* - Tìm được các chi tiết, hình ảnh thơ thể hiện nỗi vất vả của người mẹ
 - Phát hiện và nêu được ý nghĩa của các hình ảnh ẩn dụ, biện pháp điệp ngữ được sử dụng trong khổ thơ.
 - Cảm nhận được sức mạnh của đôi bàn tay của mẹ, qua đó thể hiện tình yêu thương của mẹ dành cho con.
- b. *Nội dung:* Hướng dẫn học sinh khám phá nội dung, nghệ thuật của văn bản bằng hệ thống câu hỏi, phiếu bài tập

HD của GV	Sản phẩm dự kiến
NV 1: Tìm hiểu về cảm nhận của tác giả về đôi bàn tay mẹ. B 1: Chuyển giao nhiệm vụ Trao đổi cặp đôi: Tìm những câu thơ, hình ảnh thơ thể hiện cảm nhận của tg về đôi bàn tay mẹ trước giông bão cuộc đời? Nhận xét về cách dùng từ ngữ, hình ảnh của tg? Hs nhận nhiệm vụ B 2: Thực hiện nhiệm vụ - HS trao đổi cùng bạn - tìm câu trả lời GV: Hướng theo dõi, quan sát HS, hỗ trợ (nếu HS gặp khó khăn). B 3: Báo cáo kết quả và thảo luận - Học sinh lần lượt trình bày các câu trả lời. - Giáo viên: Quan sát, theo dõi quá trình học sinh thực hiện, gợi ý nếu cần. B 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập - Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá. Nhận xét câu trả lời của HS và chốt kiến thức. Hs có thể chưa trả lời được tác dụng của	1. Cảm nhận của tác giả về đôi bàn tay mẹ. - Bàn tay mẹ chặn mưa sa Bàn tay mẹ chặn bão qua mùa màng. “Bàn tay mẹ” – lặp lại 2 lần nhấn mạnh: -> Bàn tay mẹ mang sức mạnh phi thường, chặn mọi giông bão, ngăn mọi khó khăn của cuộc đời. - Vẫn bàn tay mẹ dịu dàng À ơi tay mẹ vẫn còn hát ru + Từ “à ơi” được lặp lại 5 lần . Đó là tiếng đệm trong lời hát ru . Tạo âm hưởng lời ru êm đềm, nhịp nhàng, ru vỗ của mẹ dành cho con →Gợi ra hình ảnh đôi bàn tay mẹ cần mẫn, dịu dàng, mềm mại tựa cánh võng nâng giấc cho con. + Sử dụng linh hoạt các từ ngữ để chỉ em nhỏ: cái trắng vàng, cái trắng tròn, cái mặt trời bé con . Các hình ảnh từ ngữ đẹp, gợi cái lớn lao, có giá trị . Làm nổi bật tình yêu thương vô bờ, sự

<i>việc dùng từ ngữ, hình ảnh thơ.</i> <i>Gv hỗ trợ bằng các câu hỏi nhỏ gợi mở.</i> NV 2: Tìm hiểu lời ru của mẹ. B 1: Chuyển giao nhiệm vụ Cả lớp đọc bài thơ và trả lời câu hỏi 1 trong phiếu học tập 1 Trao đổi nhóm, hoàn thành câu hỏi 2. Hs nhận nhiệm vụ B 2: Thực hiện nhiệm vụ - HS trao đổi cùng bạn - tìm câu trả lời GV: Hướng theo dõi, quan sát HS, hỗ trợ (nếu HS gặp khó khăn). B 3: Báo cáo kết quả và thảo luận - Các nhóm báo cáo sp, Cùng nhận xét. - Giáo viên: Quan sát, theo dõi quá trình học sinh thực hiện, gợi ý nếu cần. B 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập - Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá. Nhận xét câu trả lời của HS và chốt kiến thức. Gv gợi mở cho hs nhận ra được giá trị của các hình ảnh thơ.	nâng niu, trù mên của mẹ cho con -> Với mẹ, con là cả vũ trụ, là ánh sáng, là sự sống. → Vẫn là đôi bàn tay mẹ có lúc mạnh mẽ, vững vàng trước khó khăn; lúc lại thật dịu dàng, mềm mại chăm chút, nâng niu con thơ. Đó là đôi bàn tay mang phép nhiệm màu kì diệu 2. Cảm nhận của tác giả về lời ru của mẹ. * Mong ước của mẹ trong mỗi lời ru. - <i>Ru cho mềm ngọn gió thu</i> <i>Ru cho tan đám sương mù lá cây</i> -> Mẹ mong cho mọi khó khăn, trắc trở của cuộc đời đều tan mau, qua mau thật nhẹ nhàng <i>Ru cho cái khuyết tròn đầy</i> <i>Cái thương cái nhớ nặng ngày xa nhau.</i> -> Mẹ nghĩ cho nỗi nhớ nhung mong ngóng của con thơ những khi xa mẹ. <i>Ru cho sóng lặng bãi bồi</i> <i>Mưa không dột chỗ ngoại ngôi và khâu</i> -> Mẹ nghĩ cho cả gia đình được bình yên, đủ đầy, cho ngoại được thanh thoi may vá <i>Ru cho đời nín cái đau</i> <i>À ơi... Mẹ chẳng một câu ru mình</i> -> Mẹ nghĩ cho cả cuộc đời chung của mọi nhà, mọi người. * <i>Nhận xét về cách thể hiện:</i> - + Điệp ngữ, điệp cấu trúc: "Ru cho". + Hình ảnh ẩn dụ "cái khuyết tròn đầy". + Nhân hóa "đời nín cái đau". + Nhịp thơ uyển chuyển, sâu lắng như nhịp của lời ru → <i>Tác dụng:</i> Diễn tả cảm xúc trân trọng, biết ơn, sự xúc động sâu sắc của tác giả trước đức hi sinh thầm lặng của người mẹ.
--	---

III. Tổng kết

- Mục tiêu:** Hs nắm được nội dung ý nghĩa khái quát và nghệ thuật của bài thơ
- Nội dung:** Hướng dẫn học sinh trả lời câu hỏi tổng kết văn bản để chỉ ra những thành công về nghệ thuật, nêu nội dung, ý nghĩa bài học của văn bản.

TỔ CHỨC THỰC HIỆN	SẢN PHẨM
B 1: Chuyển giao nhiệm vụ GV: khái quát những nét nghệ thuật chính và nội dung ý nghĩa của bài thơ. Hs nhận nhiệm vụ B 2: Thực hiện nhiệm vụ - HS suy nghĩ trả lời GV: Hướng theo dõi, quan sát HS, hỗ trợ (nếu HS gặp khó khăn). B 3: Báo cáo kết quả và thảo luận - Hs trình bày câu trả lời - Gv: Quan sát, theo dõi quá trình học sinh thực hiện, gợi ý nếu cần. B 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập - Hs nhận xét, bổ sung, đánh giá. - Gv nhận xét, chốt kiến thức	1. Nghệ thuật. - Thể thơ lục bát mang âm hưởng ngọt ngào của lời ru - Hình ảnh thơ phong phú, giàu sức gợi. - Hình ảnh đôi bàn tay mẹ mang s nghĩa biểu tượng, gây xúc động. 2. Nội dung. Bài thơ thể hiện cảm xúc trân trọng, biết ơn, sự xúc động sâu sắc trước tình yêu thương hết mực và đức hi sinh lặng thầm của người mẹ

Hoạt động 3: Luyện tập

a. *Mục tiêu:* Học sinh biết vận dụng kiến thức vừa học giải quyết bài tập cụ thể.

b. *Nội dung:* GV hướng dẫn cho HS làm bài tập.

c. *Sản phẩm:* Câu trả lời học sinh

d. *Tổ chức thực hiện:*

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập

Em thích khổ thơ nào nhất? Vì sao?

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập

- Hs hiểu được yêu cầu, thực hiện nhiệm vụ.

- Gv: Quan sát, theo dõi quá trình học sinh thực hiện, gợi ý nếu cần

Bước 3: Báo cáo kết quả

- Hs phát biểu tùy theo cảm nhận của từng cá nhân.

- Gv: Quan sát, theo dõi quá trình học sinh thực hiện, gợi ý nếu cần.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

- Hs nhận xét câu trả lời.

- Gv đánh giá chung và giới thiệu thêm những bài thơ, câu thơ về mẹ.

4. Hoạt động 4: Vận dụng

a. *Mục tiêu:*

HS vận dụng những kiến thức đã học để giải quyết một số vấn đề trong cuộc sống

b. *Nội dung:* Giáo viên yêu cầu học sinh thảo luận theo tổ để thực hiện dự án, hoàn thành nhiệm vụ: làm bài tập viết đoạn văn cảm nhận, miêu tả, vẽ tranh, làm thơ...

c. *Sản phẩm:* Bài làm của học sinh

d. *Tổ chức thực hiện:*

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập

***GV giao bài tập dự án viết đoạn, vẽ tranh, làm thơ, hoạt cảnh....:**

Tự viết bài thơ lục bát thể hiện tình cảm của em về mẹ, về gia đình/

Tự làm thiệp tặng mẹ nhân ngày 20/10/

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập

- Học sinh thực hiện dự án ở nhà

- Giáo viên: theo dõi quá trình học sinh thực hiện, gợi ý nếu cần

Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận

Học sinh báo cáo sản phẩm trên Teams

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

- Học sinh nhận xét câu trả lời
- Giáo viên nhận xét, biểu dương những sản phẩm ý nghĩa

Ngày dạy:...../...../2022

Tiết 19,20

Văn bản:

Về thăm mẹ

Đinh Nam Khương

I. MỤC TIÊU BÀI HỌC. Học xong bài, hs sẽ đạt được:

1. Kiến thức:

- Tình cảm yêu thương, rung rung xúc động của người con trước sự tàn tảo, vất vả, lam lũ và tình yêu, sự chăm chút mà mẹ dành cho con
- Thể thơ lục bát với hình ảnh giản dị, mộc mạc, chân chất, gợi xúc động sâu sắc

2. Về năng lực:

- Giao tiếp, hợp tác trong làm việc nhóm và trình bày sản phẩm nhóm
- Phát triển khả năng tự học qua việc hoàn thiện các phiếu học tập và bài tập về nhà.
- Nhận biết được một số yếu tố hình thức (vần, nhịp, dòng và khổ thơ...), nội dung (đề tài, chủ đề, cảm xúc, ý nghĩa...) của bài thơ lục bát.
- Nhận biết và bước đầu phân tích được cảm xúc, tình cảm trong bài thơ được thể hiện qua các yếu tố hình thức như từ ngữ, hình ảnh, biện pháp tu từ...
- Đọc diễn cảm bài thơ.

3. Về phẩm chất:

- Nhân ái: - yêu thương những người thân, trân trọng tình cảm gia đình.
- Chăm học, chăm làm: tự học, yêu thích và sáng tạo trong đọc hiểu văn bản thơ lục bát.
- Trách nhiệm: có trách nhiệm với người thân trong gia đình, chủ động rèn kỹ năng đọc hiểu văn bản trữ tình

B. HỌC LIỆU, PHƯƠNG TIỆN.

1. Thiết bị: Máy chiếu, máy tính, Giấy A1 hoặc bảng phụ để HS làm việc nhóm, Phiếu học tập, Bảng kiểm tra, đánh giá thái độ làm việc nhóm, rubic chấm đoạn văn, bài trình bày của HS.

2. Học liệu: Sgk, kế hoạch bài dạy, sách tham khảo, phiếu học tập,

- KHBH, Sách điện tử Ngữ văn 6

- Tài liệu về tác giả Đinh Nam Khương và tác phẩm Về thăm mẹ

HS: sưu tầm thơ về tình cảm gia đình, quê hương.

C. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY-HỌC

1. Hoạt động 1: KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: kết nối kiến thức trong cuộc sống vào nội dung của bài học xác định nhiệm vụ học tập, có tâm thế tự tin, thoải mái trước khi đọc – hiểu bài thơ.

b. Nội dung: Giáo viên cho học sinh chia sẻ cảm nhận của cá nhân nhằm khơi gợi cảm xúc, suy nghĩ của HS về tình cảm gia đình, tình cảm với mẹ.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh

d. Tổ chức thực hiện:

B 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập

- GV: Chiếu video bài hát “Gánh mẹ” đặt câu hỏi

Bài hát gợi cho em cảm xúc, ấn tượng như thế nào? Chia sẻ cảm xúc của em về mẹ của mình?

- HS quan sát, lắng nghe

B 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập

- Giáo viên: hướng dẫn học sinh trả lời câu hỏi, gợi ý nếu cần.

- Quan sát video, lắng nghe lời bài hát và suy nghĩ cá nhân.

B 3: Báo cáo kết quả và thảo luận

- Học sinh lần lượt trình bày các câu trả lời.
- Giáo viên: Quan sát, theo dõi quá trình học sinh thực hiện, gợi ý nếu cần.

B 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá
- Giáo viên nhận xét, đánh giá

GV giới thiệu bài học: Tình yêu thương của mẹ là cội nguồn của

2. HĐ hình thành kiến thức mới:**I. Đọc và tìm hiểu chung.**

a. *Mục tiêu:* Học sinh biết được những nét chính về nhà thơ Đinh Nam Khương và tác phẩm “*Về thăm mẹ*”, nêu được những đặc điểm thể thơ lục bát.

b. *Nội dung:* Giáo viên hướng dẫn học sinh cách đọc và tìm hiểu tác giả, những nét chung của văn bản qua các nguồn tài liệu và qua phần *Kiến thức ngữ văn* trong SGK

TỔ CHỨC THỰC HIỆN	SẢN PHẨM
NV 1: Tìm hiểu chung về tác giả B 1: Chuyển giao nhiệm vụ Yêu cầu HS đọc SGK và trả lời câu hỏi ? Nêu những hiểu biết của em về tg ĐNK? Hs nhận nhiệm vụ B 2: Thực hiện nhiệm vụ - HS chuẩn bị độc lập (khi ở nhà đọc văn bản, đọc <i>kiến thức ngữ văn</i>, tìm tư liệu). GV: Hướng theo dõi, quan sát HS, hỗ trợ (nếu HS gặp khó khăn). B 3: Báo cáo kết quả và thảo luận - Hs lần lượt trình bày các câu trả lời. - Gv: Quan sát, theo dõi quá trình học sinh thực hiện, gợi ý nếu cần. B 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập - Hs nhận xét, bổ sung, đánh giá. Gv: Nhận xét chung và chốt kiến thức. NV2: Đọc và tìm hiểu chung về bài thơ B 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập: Hướng dẫn cách đọc Đọc mẫu & yêu cầu HS đọc. HD hs chú ý các từ ngữ chú thích ? Bài thơ “<i>Về thăm mẹ</i>” thuộc thể thơ nào? Dựa vào phần kiến thức ngữ văn ở đầu bài 2 chỉ ra những yếu tố đặc trưng của thể thơ qua bài thơ (vần, nhịp, dòng, khổ thơ) Nhan đề bài thơ và hình ảnh minh họa gợi cho em cảm nhận được điều gì về nội dung bài thơ?	I. Đọc và tìm hiểu chung. 1, Tác giả Đinh Nam Khương. - Quê quán: Đục Khê, Hương Sơn, Mỹ Đức, Hà Nội. - Hội viên Hội Nhà văn Việt Nam. - Giải thưởng: + Giải A cuộc thi thơ 1981-1982 - Báo <i>Văn nghệ</i> + Tặng thưởng bài thơ hay nhất 1992 - Báo <i>Văn nghệ Quân đội</i> + Tặng thưởng chùm thơ hay nhất 2001 - Báo <i>Văn nghệ</i> + Giải B cuộc thi thơ Lục bát 2002-2003 2. Bài thơ <i>Về thăm mẹ</i>. a. Đọc, tìm hiểu chú thích. b. Tìm hiểu chung: - Thể thơ: Lục bát. Nhịp thơ: 4/2, 4/4 Vần: Chữ thứ 6 của câu 6 vần với chữ thứ 6 câu 8. Chữ thứ 8 của câu 8 vần với chữ thứ 6 câu 6 <i>sa/ qua; màng/dàng....</i> - PTBD: Biểu cảm

Bài thơ là lời của ai? Thể hiện cảm xúc gì? Xác định mạch cảm xúc được thể hiện trong từng khổ thơ? B 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập - HS làm việc theo nhóm. - HS tương tác với các bạn trong lớp hoàn thiện sản phẩm đã chuẩn bị GV: Theo dõi, hỗ trợ HS trong hoạt động nhóm (nếu HS gặp khó khăn). B 3: Báo cáo kết quả và thảo luận -HS trình bày. - Gv: Quan sát, theo dõi quá trình học sinh thực hiện, gợi ý nếu cần B4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - Hs nhận xét, bổ sung, đánh giá - Gv chốt kiến thức và chuyển dẫn vào mục sau	- Cảm xúc chủ đạo: Tình cảm yêu thương, rung rung xúc động của người con trước sự tần tảo, vất vả, lam lũ khi về thăm mẹ sau bao ngày xa cách. - Mạch cảm xúc (bố cục): + Đoạn 1: Hoàn cảnh về thăm mẹ và cảm xúc lúc mới về đến nhà. + Đoạn 2,3: Cảm xúc trước những cảnh vật thân thuộc trong ngôi nhà gắn với mẹ + Đoạn 4 (hai câu cuối): Tình cảm yêu thương mẹ dâng trào trong con.
--	--

II. Đọc – hiểu chi tiết bài thơ.

- a. *Mục tiêu:* - Tìm được các chi tiết, hình ảnh thơ thể hiện nỗi vất vả của người mẹ
- Phát hiện và nêu được ý nghĩa của các hình ảnh ẩn dụ, biện pháp điệp ngữ được sử dụng trong khổ thơ.
 - Cảm nhận được sức mạnh của đôi bàn tay của mẹ, qua đó thể hiện tình yêu thương của mẹ dành cho con.
- b. *Nội dung:* Hướng dẫn học sinh khám phá nội dung, nghệ thuật của văn bản bằng hệ thống câu hỏi, phiếu bài tập

TỔ CHỨC THỰC HIỆN	SẢN PHẨM
NV1: Tìm hiểu khổ 1 B 1: Chuyển giao nhiệm vụ GV: Hd hs chú ý đoạn 1 của bài và đặt câu hỏi -Khổ thơ gợi ra cho người đọc thấy hoàn cảnh người con về thăm mẹ vào thời điểm nào? - Tại sao tác giả không về thăm mẹ vào mùa hè, mùa xuân mà lại về thăm mùa đông? - Nhận xét về các hình ảnh, từ ngữ? Qua đó cho em cảm nhận gì về cảm xúc của người con? Hs nhận nhiệm vụ B 2: Thực hiện nhiệm vụ	1. Cảm xúc khi mới vừa về thăm mẹ. <i>Con về thăm mẹ chiều đông</i> <i>Bếp chưa lên khói mẹ không có nhà</i> + Thời gian giàu: Buổi chiều-> gợi cảm xúc nhớ thương trong lòng người đọc - <i>chiều đông: gợi cảm giác lạnh lẽo (rất cần hơi ấm của gia đình)</i> + Không gian: <i>bếp chưa lên khói, mẹ vắng nhà.</i> Bếp lửa tượng trưng cho hơi ấm cho mỗi nhà náu gắn liền với hình ảnh mẹ tần tảo vun vồn chăm lo cho gia đình. + Lời thơ nhẹ nhàng, giản dị như lời giải bày hoàn cảnh, khơi nguồn cảm xúc - <i>Mình con thơ thẩn vào ra</i> <i>Trời đang yên vậy bỗng oà mưa rơi</i>

- HS suy nghĩ trả lời GV: Hướng theo dõi, quan sát HS, hỗ trợ (nếu HS gặp khó khăn). B 3: Báo cáo kết quả và thảo luận - Hs trình bày câu trả lời - Gv: Quan sát, theo dõi quá trình học sinh thực hiện, gợi ý nếu cần. B 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập - Hs nhận xét, bổ sung, đánh giá. - Gv nhận xét, chốt kiến thức NV2: Tìm hiểu khổ 2,3. B 1: Chuyển giao nhiệm vụ Thảo luận nhóm: GV: Đọc lại khổ thơ 2,3 của bài và trả lời câu hỏi. -Cảnh vật quanh ngôi nhà của mẹ hiện lên với những hình ảnh nào? Nhận xét về các hình ảnh, từ ngữ, biện pháp tu từ trong các khổ thơ? Tác dụng của các biện pháp tu từ? Nhận xét về cách gieo vần trong câu lục bát: “<i>Áo tôi qua buổi chày bừa.....rom</i>” Qua hai khổ thơ, cho em cảm nhận ntn về hình ảnh người mẹ và cảm xúc của tác giả? Hs nhận nhiệm vụ B 2: Thực hiện nhiệm vụ - HS suy nghĩ, trao đổi nhóm, hoàn thành nhiệm vụ. GV: Hướng theo dõi, quan sát HS, hỗ trợ (nếu HS gặp khó khăn). B 3: Báo cáo kết quả và thảo luận - Hs trình bày sản phẩm Các nhóm nhận xét, bổ sung - Gv: Quan sát, theo dõi quá trình học sinh thực hiện, gợi ý nếu cần. B 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập - Hs nhận xét, bổ sung, đánh giá. - Gv nhận xét, chốt kiến thức Dự kiến khó khăn: Hs chưa nhận ra được tác dụng của các biện pháp nhân hoá, dụng ý khi gieo vần bất thường....	+ từ láy gợi tả hình dáng <i>thơ thẩn</i>: gợi cảnh người con loanh quanh trong ngôi nhà thân thuộc như để tìm mẹ.. + Hình ảnh thơ độc đáo, đa nghĩa: <i>trời...oà mưa rơi</i>. ->Tả thực trận mưa bất chợt đến ->Những cảm xúc chợt đến, vỡ oà trong con. <i>Hoàn cảnh đặc biệt, là cơ hội để tác giả tĩnh tâm quan sát ngôi nhà để hiểu thêm về mẹ, về cuộc đời mẹ</i> →Khổ thơ diễn tả cảm xúc rung rung, xúc động nghẹn ngào của người con khi gặp lại khung cảnh quen thuộc trong ngôi nhà mình sau thời gian xa cách. 2. Cảm xúc trước những cảnh vật thân thuộc trong ngôi nhà gần với mẹ. (Khổ 2,3) * Cảnh vật quanh ngôi nhà của mẹ. - Chum tương mẹ đã dậy - Nón mê đang dầm mưa - Áo tôi khoác trên người rom - Đàn gà con trong nơm - Trái na cuối vụ trên cành mẹ để phần con * Nhận xét nghệ thuật + Tác giả chọn lọc những hình ảnh tiêu biểu giàu giá trị gợi tả → Đồ vật, cảnh vật bình dị, thân thuộc, gắn liền với những công việc tảo tần, vất vả mà mẹ làm thường ngày, mọi vật, mọi góc trong ngôi nhà đều mang bóng dáng, hơi ấm bàn tay mẹ Đó cũng có thể là những đồ vật quen thuộc với cuộc sống của con suốt tuổi ấu thơ khi chưa rời vòng tay mẹ + Biện pháp nhân hoá: <i>Nón mê...mưa</i> Hành động “đứng, ngồi dầm mưa” khiến hình ảnh chiếc nón mê hiện ra như bóng dáng lam lũ, vất vả, nhọc nhằn, tảo tần suốt bốn mùa mưa nắng của mẹ → Giúp tác giả thể hiện tình cảm yêu thương, gắn bó với mẹ và mái nhà của mẹ. + Cách gieo vần thơ sáng tạo: <i>bừa – hờ</i> -> Theo quy tắc gieo vần thơ lục bát thì gieo vần không thật chuẩn xác. -> Trong bài cách gieo ấy hay và ý nghĩa hơn -> đó là dụng ý của nhà thơ, giúp khơi
---	--

Giải pháp: Gv gợi mở bằng câu hỏi. NV3: Tìm hiểu khổ cuối. B 1: Chuyển giao nhiệm vụ GV: Đọc đoạn cuối của bài và trả lời ? Khổ thơ có gì khác so với 3 khổ trên? Dấu ba chấm có tác dụng gì? Điều gì làm người con “nghe ngào....” Hs nhận nhiệm vụ B 2: Thực hiện nhiệm vụ - HS suy nghĩ trả lời GV: Hướng theo dõi, quan sát HS, hỗ trợ (nếu HS gặp khó khăn). B 3: Báo cáo kết quả và thảo luận - Hs trình bày câu trả lời - Gv: Quan sát, theo dõi quá trình học sinh thực hiện, gợi ý nếu cần. B 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập - Hs nhận xét, bổ sung, đánh giá. - Gv nhận xét, chốt kiến thức	gợi sự liên tưởng và cảm xúc ở người đọc. → Qua những cảnh vật bình dị quanh ngôi nhà, hai khổ thơ gợi hình ảnh người mẹ: tần tảo, lam lũ, vất vả và hết lòng thương con. → Cảm xúc của tác giả: xúc động trước cảnh vật quen thuộc, thân thương của ngôi nhà, hiểu thêm về cuộc sống giản đơn thường ngày của mẹ. 3. Tình cảm yêu thương mẹ dâng trào trong con. Nghẹn ngào thương mẹ nhiều hơn Rung rung từ chuyện giản đơn thường ngày - Khổ thơ đặc biệt, chỉ hai dòng tạo cái kết mở giàu sức gợi trong liên tưởng và cảm xúc của tác giả và cho chính mỗi độc giả. - Dấu “....” như khoảng lặng rung rung không nói lên lời đang dâng lên trong con: đó là sự xúc động, tình yêu thương, là bao điều con nghĩ về mẹ, bao điều con cảm nhận được về những gì mẹ dành cho con - Tác giả bộc lộ trực tiếp nỗi xúc động dâng trào thông qua những từ nghe ngào, rung rung, thương. Bởi lẽ, tác giả nhận ra bao điều về mẹ mà có lẽ trước đó con chưa thấy: cả đời mẹ vất vả, tần tảo; cả đời mẹ gắn với ruộng vườn, cây trái lam lũ nhọc nhằn; cả đời mẹ yêu thương, chăm chút và dành dụm phần con mọi hoa thơm, trái ngọt. → Khổ thơ đặc biệt với cảm xúc đang trào mở đường cho mỗi chúng ta cùng rung rung nghĩ lại và thương nhớ hơn về những điều giản đơn thường ngày mẹ làm cho mình
--	---

III. Tổng kết

a. *Mục tiêu:* Hs nắm được nội dung ý nghĩa khái quát và nghệ thuật của bài thơ

b. *Nội dung:* Hướng dẫn học sinh trả lời câu hỏi tổng kết văn bản để chỉ ra những thành công về nghệ thuật, nêu nội dung, ý nghĩa bài học của văn bản.

TỔ CHỨC THỰC HIỆN	SẢN PHẨM
B 1: Chuyển giao nhiệm vụ GV: khái quát những nét nghệ thuật chính và nội dung ý nghĩa của bài thơ.	1. Nghệ thuật. - Thể thơ lục bát với hình ảnh giản dị, mộc mạc, chân chất, gợi xúc động

Khái quát những lưu ý khi đọc hiểu thơ lục bát? Hs nhận nhiệm vụ B 2: Thực hiện nhiệm vụ - HS suy nghĩ trả lời GV: Hướng theo dõi, quan sát HS, hỗ trợ (nếu HS gặp khó khăn). B 3: Báo cáo kết quả và thảo luận - Hs trình bày câu trả lời - Gv: Quan sát, theo dõi quá trình học sinh thực hiện, gợi ý nếu cần. B 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập - Hs nhận xét, bổ sung, đánh giá. - Gv nhận xét, chốt kiến thức	sâu sắc 2. Nội dung. Bài thơ thể hiện tình cảm yêu thương, rung rung xúc động của người con trước sự tần tảo, vất vả, lam lũ và tình yêu, sự chăm chút mà mẹ dành cho con Những lưu ý khi đọc hiểu thơ lục bát. - Trước khi đọc: Xem kĩ phần kiến thức ngữ văn để biết những đặc điểm của thể thơ - Trong khi đọc: + chú ý cách chia khổ, ngắt nhịp, gieo vần.. + Xác định bài thơ là lời của ai, viết về ai và về điều gì? + Nhận ra các biện pháp nghệ thuật, cách dùng từ ngữ, hình ảnh hay, mới, lạ và suy nghĩ về tác dụng + Cảm nhận về cảm xúc của người viết được thể hiện trong bài.
---	--

Hoạt động 3: Luyện tập

a. *Mục tiêu:* Học sinh biết vận dụng kiến thức vừa học giải quyết bài tập cụ thể.

b. *Nội dung:* GV hướng dẫn cho HS làm bài tập.

c. *Sản phẩm:* Câu trả lời học sinh

d. *Tổ chức thực hiện:*

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập

Em thích khổ thơ nào nhất? Vì sao?

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập

- Hs hiểu được yêu cầu, thực hiện nhiệm vụ.

- Gv: Quan sát, theo dõi quá trình học sinh thực hiện, gợi ý nếu cần

Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận

- Hs phát biểu tùy theo cảm nhận của từng cá nhân.

- Gv: Quan sát, theo dõi quá trình học sinh thực hiện, gợi ý nếu cần.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

- Hs nhận xét câu trả lời.

- Gv đánh giá chung và giới thiệu thêm những bài thơ, câu thơ về mẹ.

4. Hoạt động 4: Vận dụng

a. *Mục tiêu:*

HS vận dụng những kiến thức đã học để giải quyết một số vấn đề trong cuộc sống

b. *Nội dung:* Giáo viên yêu cầu học sinh thảo luận theo tổ để thực hiện dự án, hoàn thành nhiệm vụ: làm bài tập viết đoạn văn cảm nhận, miêu tả, vẽ tranh, làm thơ...

c. *Sản phẩm:* Bài làm của học sinh

d. *Tổ chức thực hiện:*

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập

***GV giao bài tập dự án viết đoạn, vẽ tranh, làm thơ, hoạt cảnh....:**

Viết đoạn văn 5-7 câu thể hiện cảm nhận của em về tình yêu thương của mẹ dành cho mình..

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập

- Học sinh thực hiện dự án ở nhà
- Giáo viên: theo dõi quá trình học sinh thực hiện, gợi ý nếu cần

Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận

Học sinh báo cáo sản phẩm trên Teams

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

- Học sinh nhận xét câu trả lời
- Giáo viên nhận xét, biểu dương những sản phẩm ý nghĩa

Ngày dạy:/10/2022

Tiết 22

THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT

TỪ LÁY VÀ BIỆN PHÁP TU TỪ ẪN DỤ

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức:

- + Tri thức về tác dụng của từ láy
- + Biện pháp tu từ; biện pháp tu từ ẩn dụ: các kiểu ẩn dụ, tác dụng

2. Về năng lực:

- Xác định được từ láy, biện pháp tu từ ẩn dụ trong câu
- Phân tích tác dụng của từ láy trong thơ, văn.
- Nhận biết biện pháp tu từ ẩn dụ, các kiểu ẩn dụ và bước đầu nêu được tác dụng của bptt này
- Rèn luyện được kĩ năng nói, viết, đặt câu có sử dụng từ láy, ẩn dụ.

3. Về phẩm chất:

- *Chăm chỉ:* HS có ý thức vận dụng bài học vào các tình huống, hoàn cảnh thực tế đời sống của bản thân.
- *Trách nhiệm:* Làm chủ được bản thân trong quá trình học tập, có ý thức vận dụng kiến thức vào giao tiếp và tạo lập văn bản

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Thiết bị: Máy tính, , Phiếu học tập, Bảng kiểm tra, đánh giá thái độ làm việc nhóm, rubric chấm đoạn văn, bài trình bày của HS.

2. Học liệu: Sgk, kế hoạch bài dạy, sách tham khảo, phiếu học tập,

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Hoạt động 1: Xác định vấn đề

a. *Mục tiêu:* Giúp học sinh huy động những hiểu biết về từ láy kết nối vào bài học, tạo tâm thế hào hứng cho học sinh và nhu cầu tìm hiểu.

b. *Nội dung:* Giáo viên cho học sinh chơi trò chơi “Ai nhanh hơn” và yêu cầu HS trả lời câu hỏi của GV. Câu hỏi này nhằm tạo không khí và dẫn dắt hs vào bài học.

c. *Sản phẩm:* Câu trả lời của học sinh

Ô chữ: **Từ đơn**

d. *Tổ chức thực hiện:*

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập

- GV giao nhiệm vụ cho HS thông qua trò chơi: “Thử tài ghi nhớ”

Luật chơi:

Gv chia lớp thành 4 nhóm. Trong 3 phút thi xem nhóm nào tìm được nhiều từ lấy gợi tả hình dáng con người, cảnh vật

+ Đội nào tìm được nhiều hình ảnh sẽ giành chiến thắng.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập

- Học sinh làm việc nhóm, suy nghĩ, trả lời.

- Giáo viên: Quan sát, theo dõi quá trình học sinh thực hiện, gợi ý nếu cần

Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận

- Học sinh chơi trò chơi “Thử tài ghi nhớ”.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá

- Giáo viên nhận xét, đánh giá

GV nhận xét và giới thiệu bài học:

2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới

a. Mục tiêu:

- Xác định được từ láy, biện pháp tu từ ẩn dụ trong câu

- Phân tích tác dụng của từ láy trong thơ, văn.

- Nhận biết biện pháp tu từ ẩn dụ, các kiểu ẩn dụ và bước đầu nêu được tác dụng của bptt này

- Rèn luyện được kĩ năng nói, viết, đặt câu có sử dụng từ láy, ẩn dụ.

b. Nội dung: Giáo viên hướng dẫn học sinh vận dụng kiến thức để thực hiện nhiệm vụ học tập bằng câu hỏi gợi mở.

TỔ CHỨC THỰC HIỆN	SẢN PHẨM
HOẠT ĐỘNG CHUNG CẢ LỚP B 1: Chuyển giao nhiệm vụ Theo dõi sgk trang 37, mục 3,4 phần Kiến thức ngữ văn để biết những đặc trưng của BPTT, biện pháp ẩn dụ? Hs nhận nhiệm vụ B 2: Thực hiện nhiệm vụ - HS suy nghĩ trả lời GV: Hướng theo dõi, quan sát HS, hỗ trợ (nếu HS gặp khó khăn). B 3: Báo cáo kết quả và thảo luận - Hs trình bày câu trả lời - Gv: Quan sát, theo dõi quá trình học sinh thực hiện, gợi ý nếu cần. B 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập - Hs nhận xét, bổ sung, đánh giá. - Gv nhận xét, chốt kiến thức	I. Kiến thức ngữ văn 1 - Biện pháp tu từ là việc sử dụng ngôn ngữ theo một cách đặc biệt (về ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp, văn bản) làm cho lời văn hay hơn, đẹp hơn, nhằm tăng sức gợi hình, gợi cảm trong diễn đạt và tạo ấn tượng với người đọc. 2. Biện pháp tu từ ẩn dụ Ẩn dụ (so sánh ngầm) là biện pháp tu từ, theo đó, sự vật, hiện tượng này được gọi bằng tên của sự vật, hiện tượng khác có nét tương đồng với nó nhằm tăng sức gợi hình, gợi cảm cho sự diễn đạt

3. Hoạt động 3: Luyện tập

a. Mục tiêu:

- HS thực hành làm bài tập để hiểu kiến thức về từ đơn, từ ghép và từ láy.

b. *Nội dung*: Học sinh làm tập SGK/24.

TỔ CHỨC THỰC HIỆN	SẢN PHẨM
Nv 1: Bài tập 1: từ láy. B 1: Chuyển giao nhiệm vụ Theo dõi sgk trang 41, thực hiện các nhiệm vụ trong bài tập1. Hs nhận nhiệm vụ B 2: Thực hiện nhiệm vụ - HS suy nghĩ, trao đổi cặp đôi trả lời GV: Hướng theo dõi, quan sát HS, hỗ trợ (nếu HS gặp khó khăn). B 3: Báo cáo kết quả và thảo luận - Hs trình bày câu trả lời - Gv: Quan sát, theo dõi quá trình học sinh thực hiện, gợi ý nếu cần. B 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập - Hs nhận xét, bổ sung, đánh giá. - Gv nhận xét, chốt kiến thức Nv 2: Bài tập 2. B 1: Chuyển giao nhiệm vụ Theo dõi sgk trang 41, thực hiện các nhiệm vụ trong bài tập 2, 3 Tìm và nêu tác dụng của biện pháp tu từ ẩn dụ trong khổ thơ. Hs nhận nhiệm vụ B 2: Thực hiện nhiệm vụ - HS suy nghĩ, trao đổi cặp đôi trả lời GV: Hướng theo dõi,	II. Luyện tập. Bài tập 1: Tìm từ láy và chỉ ra tác dụng . a) <i>Bàn tay mang phép nhiệm màu</i> <i>Chắt chiu từ những dải dàu dầy thôi.</i> (Bình Nguyên) - <i>Chắt chiu</i>: dành dụm cẩn thận từng chút một những thứ quý giá. - <i>Dãi dàu</i>: chịu đựng, trải qua nhiều mưa nắng, vất vả, gian truân → Tác dụng: qua hai từ láy, tác giả muốn chỉ ra rằng những phép nhiệm màu hay những gì tốt đẹp mà bàn tay mẹ tạo ra cho những đứa con và cho cuộc sống sở dĩ có được là nhờ lao động vất vả, gian truân; nhờ sự dành dụm, chắt chiu từng ít một những thứ quý giá b) <i>Nghẹn ngào thương mẹ nhiều hơn...</i> <i>Rưng rưng từ chuyện giản đơn thường ngày.</i> (Định Nam Khương) - <i>Nghẹn ngào</i>: nghẹn lời ko nói được vì quá xúc động - <i>Rưng rưng</i>: (nước mắt) ứa ra đọng đầy tròng nhưng chưa chảy xuống thành giọt → Tác dụng: giúp tác giả thể hiện sự xúc động mãnh liệt ko kìm nén nổi khi chứng kiến nỗi vất vả của người mẹ và tình yêu thương sâu sắc đối với người mẹ tần tảo vất vả của mình. Bài tập 2: - Các ẩn dụ: cái trắng vàng, cái trắng tròn, cái trắng còn nằm nôi, cái mắt trời bé con.. - Tác dụng: + Đối với việc miêu tả: -> Điều để ngầm chỉ đứa con nhỏ thân thương của người mẹ Cơ sở của sự so sánh ngầm . dựa trên sự tương đồng (sự gần gũi) nhất định về hình thức (sự tròn đầy, sự sống động) . Dựa trên sự tương đồng về phẩm chất: đối với người mẹ, đứa con nhỏ là sinh thể hoàn thiện, kì diệu, ngời sáng, có thể ví với mặt trời, Mặt trăng mà trong

quan sát HS, hỗ trợ (nếu HS gặp khó khăn). B 3: Báo cáo kết quả và thảo luận - Hs trình bày câu trả lời - Gv: Quan sát, theo dõi quá trình học sinh thực hiện, gợi ý nếu cần. B 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập - Hs nhận xét, bổ sung, đánh giá. - Gv nhận xét, chốt kiến thức Nv 3 Bài tập 3. B 1: Chuyển giao nhiệm vụ Theo dõi sgk trang 41, trao đổi nhóm, thực hiện các nhiệm vụ trong bài tập 3 Hs nhận nhiệm vụ B 2: Thực hiện nhiệm vụ - HS suy nghĩ, trao đổi nhóm trả lời GV: Hướng theo dõi, quan sát HS, hỗ trợ (nếu HS gặp khó khăn). B 3: Báo cáo kết quả và thảo luận - Hs các nhóm chia sẻ câu trả lời - Gv: Quan sát, theo dõi quá trình học sinh thực hiện, gợi ý nếu cần. B 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập - Hs nhận xét, bổ sung, đánh giá. - Gv nhận xét, chốt kiến thức	hình dung của con người là những thực thể hoàn thiện nhất, kì diệu nhất, toả sáng rực rỡ nhất thế gian + Đối với việc thể hiện cảm xúc (Tác dụng biểu cảm) Các ẩn dụ thể hiện tình cảm sâu nặng của người mẹ với đứa con nhỏ. Khi nhìn nhận đứa con nhỏ như là sinh thể hoàn thiện, kì diệu, ngời sáng (được ví với mặt trời, trăng), người mẹ đặt tất cả tình yêu thương, sự kì vọng vào sinh thể nhỏ bé đó. Bài tập 3. a. Cái khuyết tròn đầy (trăng khuyết rồi sẽ tròn) được so sánh ngầm với sự vật, sự việc tương đồng thuộc đời sống con người: đứa con nhỏ (chưa trưởng thành) rồi sẽ lớn khôn, trưởng thành, hoàn thiện (dưới sự chăm sóc ân tình của <i>bàn tay mẹ</i>) b. Sự việc khi ta ăn quả phải nhớ đến người trồng cây được so sánh ngầm với sự vật, sự việc mang tính khái quát: hưởng thụ thành quả, cần biết ơn người tạo ra thành quả đó. c. Hiện tượng gần mực sẽ bị bôi đen, gần đèn sẽ được chiếu sáng được so sánh ngầm với sự việc tương đồng mang tính trừu tượng: sống trong môi trường, hoàn cảnh xấu sẽ bị nhiễm, bị ảnh hưởng cái xấu; trái lại, ở trong môi trường, hoàn cảnh tốt, sẽ học tập được, tiếp thu được điều tốt đẹp.
---	--

Hoạt động 4: Vận dụng

a. Mục tiêu:

- Rèn luyện được kĩ năng nói, viết, đặt câu có sử dụng từ đơn, từ phức, các loại từ phức.
- Viết đc câu mở đầu giới thiệu hoàn cảnh và nhân vật của một TT hoặc CT.

b. Nội dung: Giáo viên hướng dẫn học sinh làm bài 5 SGK/25 và bài tập mở rộng.

c. Sản phẩm: Bài viết của học sinh.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập:

Bài tập 4. Viết ngắn- *Viết một đoạn văn ngắn khoảng 4-5 dòng về chủ đề tình cảm gia đình trong đó có sử dụng ít nhất 1 phép ẩn dụ*

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS làm việc cá nhân, viết ra giấy kết quả.
- GV hướng dẫn HS bám sát yêu cầu của đề bài, hướng dẫn HS hoàn thành nhiệm vụ.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

GV:- Yêu cầu HS lên trình bày.

- Hướng dẫn HS cách trình bày (nếu cần).

HS:- Trình bày kết quả làm việc cá nhân.

- Nhận xét và bổ sung cho bạn (nếu cần).

Bước 4: Kết luận, nhận định (GV)

- Nhận xét thái độ học tập và kết quả làm việc của HS.

=====

Ngày dạy: 16/10/2022

Tiết 23, 24 : THỰC HÀNH ĐỌC HIỂU

Văn bản: Ca dao Việt Nam

I. Mục tiêu:

1. Về kiến thức:

- + Nhận biết được chủ đề của bài ca dao
- + Nhận biết được một số hình thức của một bài ca dao (thể loại, ngôn ngữ, hình ảnh và một số biện pháp nghệ thuật) trong bài ca dao cụ thể.
- + Nhận biết được chủ đề của văn bản.
- + Viết được đoạn văn phân tích hình ảnh tiêu biểu trong tác phẩm. Viết bài văn bày tỏ suy nghĩ của mình về tác phẩm

2. Về năng lực

a. Năng lực chung:

- Năng lực tự chủ và tự học: Tìm kiếm thông tin, đọc sách giáo khoa, quan sát tranh ảnh để tìm hiểu về chủ đề của bài ca dao
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Thảo luận nhóm để thực hiện phiếu học tập, hợp tác giải quyết vấn đề về chủ đề của bài ca dao
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Năng lực trình bày và trao đổi thông tin trước lớp.

b. Năng lực đặc thù:

- Đọc hiểu một văn bản ca dao
- Có khả năng trình bày những suy nghĩ, cảm nhận về một hình ảnh thơ, ...

3. Về phẩm chất:

- *Nhân ái:* Yêu thương những người thân, trân trọng tình cảm gia đình.
- *Chăm chỉ:* Có ý thức vận dụng kiến thức, kĩ năng học được ở nhà trường, trong sách báo và từ các nguồn tin cậy khác vào học tập và đời sống hằng ngày.

II. Thiết bị dạy học và học liệu.

- Thiết bị: phiếu học tập
- Học liệu: Ngữ liệu/Sách giáo khoa, kế hoạch bài dạy

III. Tiến trình dạy học.

1. Hoạt động 1: Mở đầu

- a) Mục tiêu: Tạo tâm thế và định hướng chú ý cho học sinh; tạo vấn đề vào chủ đề

b) Nội dung hoạt động: HS trả lời câu hỏi.

c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời/chia sẻ của HS bằng ngôn ngữ

d) Tổ chức hoạt động:

*** Chuyển giao nhiệm vụ học tập:** Gv cho hs nghe một bài hát ru “ Công cha...”

? Cảm nhận của em khi nghe lời bài hát?

*** Thực hiện nhiệm vụ:** Hs nghe bài hát và trả lời câu hỏi.

*** Báo cáo kết quả:** HS trình bày kết quả (cá nhân).

*** Đánh giá nhận xét, dẫn vào bài:** Về đẹp tâm hồn con người Việt Nam ẩn chứa bao tình cảm qua những câu ca dao sâu lắng đó là tình yêu quê hương, đất nước, đó là tâm hồn lạc quan, yêu cuộc sống, yêu con người. Phải chăng, trong những cung bậc ấy, tình yêu giữa người với người là âm điệu vang nhất, lắng sâu và thiết tha nhất đó là tình cảm gia đình: tình yêu mẹ, kính cha, biết ơn tổ tiên ông bà, tình cảm anh em ruột thịt... Bắt nguồn từ tình cảm gia đình gần gũi thân thuộc, tâm hồn người Việt Nam mở rộng, người Việt Nam yêu đồng bào, yêu những người cùng chung nòi giống. Tâm hồn người Việt thật mộc mạc, trong sáng! Tâm hồn ấy như chuyển đồ ngang chở đầy tâm tư, tình cảm: tình mẹ con, chồng vợ, tình bè bạn, tình anh em, tình yêu đôi lứa... Hôm nay cô trò chúng ta sẽ đi khám phá vẻ đẹp đó qua bài **THỰC HÀNH ĐỌC HIỂU**

Văn bản: Ca dao Việt Nam

2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới

Hoạt động của GV và HS	Nội dung cần đạt
a) Mục tiêu: Hs tìm hiểu chung về kho tàng ca dao Việt Nam b) Nội dung hoạt động: Trả lời câu hỏi c) Sản phẩm học tập: trả lời được những vấn đề chung về kho tàng ca dao Việt Nam d) Tổ chức thực hiện: * GV giao nhiệm vụ: <i>? Dựa vào phần chuẩn bị, em hãy nêu những hiểu biết của em về thể loại ca dao (định nghĩa, đặc điểm hình thức, đặc điểm nội dung)</i> * Thực hiện nhiệm vụ: HS suy nghĩ cá nhân * Báo cáo sản phẩm: HS báo cáo kết quả tìm hiểu. * Đánh giá, nhận xét: GV nhận xét và kết luận .	I . Tìm hiểu chung về kho tàng ca dao Việt Nam - Là một hình thức thơ ca dân gian truyền thống lâu đời của dân tộc Việt Nam - Tác giả: Khuyết danh, sản phẩm của tập thể - Thể thơ: Ca dao sử dụng nhiều thể thơ nhưng phổ biến là thể lục bát, mỗi bài ca dao có ít nhất 2 câu (1 cặp lục bát) - Nghệ thuật: có sự kết hợp nhiều biện pháp tu từ, phổ biến là so sánh và ẩn dụ. - Ca dao thể hiện đời sống tình cảm của người dân lao động. Tình cảm gia đình là một trong số đó.
Yêu cầu đọc: + Có thể đọc thầm, đọc thành tiếng + Khi đọc cần chú ý nhịp điệu, đọc diễn cảm. + Giọng dịu nhẹ, chậm êm, tha thiết, tình cảm + Chú ý nhịp 4/4 câu 8, hoặc 2/2/2/2 Câu 6: 2/2/2 GV đọc mẫu 1 lần rồi gọi 1- 2 em đọc lại, lớp nhận xét, sửa *GV hướng dẫn HS tìm hiểu chú thích và từ khó trong văn bản.	II, Tìm hiểu chung văn bản ca dao Việt Nam 1. Đọc văn bản.

a) Mục tiêu: Hs tìm hiểu bài ca dao số 1 để thấy được công lao to lớn của cha mẹ đối với con cái và bổn phận của người làm con phải ghi nhớ công lao đó.

b) Nội dung hoạt động:

- HS luyện đọc kĩ một đoạn trích trong văn bản và thực hiện các nhiệm vụ/trả lời các câu hỏi, bài tập để rèn kĩ năng đọc hiểu văn bản.

c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời/chia sẻ của HS bằng ngôn ngữ, bằng phiếu học tập.

d) Tổ chức thực hiện:

Hs đọc bài ca dao 1

Thực hiện phiếu học tập số 1: Tìm hiểu thể loại

Nhịp thơ	Vần	Thanh điệu
Nhịp: 2/4- câu lục 4/4 cho câu bát	Vần chân: biên Đồng- mênh mông Biên thể vần lưng	-Biên thể bằng- trắc (câu 2) -Các câu khác tuân thủ luật bằng –trắc

? Nhận xét?

- Biên thể vần lưng: không nhận thấy có sự hiệp vần ở hai cặp lục bát: 1-2, 3-4.
- Biên thể thanh điệu:

	1	2	3	4	5	6	7	8
Câu lục		Bằng		Trắc		Bằng		
Câu bát		Bằng		Trắc		Bằng		Bằng

2, Khám phá văn bản

Bài ca dao số 1:

- Tìm hiểu thể loại:

Phiếu học tập số 2:

Câu thơ	Biện pháp nghệ thuật	Tác dụng
Công cha như núi ngất trời, Nghĩa mẹ như nước ở ngoài Biển Đông.		

→ Ý nghĩa?

DỰ KIẾN:

Câu thơ	Biện pháp nghệ thuật	Tác dụng
<i>Công</i>	Công cha nghĩa	Nhấn mạnh và làm

a, Hai câu đầu

**Công cha như núi ngất trời,
Nghĩa mẹ như nước ở ngoài Biển Đông.**

- Công cha nghĩa mẹ được so sánh với những lớn lao, kì vĩ.
Công cha- núi Thái Sơn
Nghĩa mẹ- nước ngoài biển Đông.
Công cha- nghĩa mẹ là điểm tựa bền vững, luôn dẫn dắt con.
Cha: - đối sánh với núi: cứng rắn
Mẹ: - đối sánh với nước: mềm mại- linh hoạt.

=>Tác dụng: Nhấn mạnh và làm khắc sâu thêm ấn tượng về “công cha” và “nghĩa mẹ”

- Ý nghĩa: Khẳng định và ca ngợi công cha, nghĩa mẹ là vô cùng to

cha như núi ngất trời, Nghĩa mẹ như nước ở ngoài Biển Đông.	mẹ được so sánh với những lớn lao, kì vĩ. Công cha- núi Thái Sơn Nghĩa mẹ- nước ngoài biển Đông. Công cha- nghĩa mẹ là điểm tựa bền vững, luôn dẫn dắt con. Cha: - đối sánh với núi: cứng rắn Mẹ: - đối sánh với nước: mềm mại- linh hoạt.	khắc sâu thêm ấn tượng về “công cha” và “nghĩa mẹ”	lớn không thể nào kể xiết.
➔ Khẳng định và ca ngợi công cha, nghĩa mẹ là vô cùng to lớn không thể nào kể xiết.			
GV: Cái hay của bài ca dao là dùng nghệ thuật so sánh ví von. Đây là lối ví von quen thuộc ta thường gặp trong ca dao. Núi và biển là những cái to lớn, mênh mông, cao rộng, vĩnh hằng của thiên nhiên được đưa ra làm đối tượng để so sánh. Điều đó muốn nói rằng công cha nghĩa mẹ là vô cùng to lớn không thể nào kể hết được. Đặc biệt hình ảnh núi, biển được miêu tả bổ sung bằng những từ ngữ chỉ mức độ: núi- ngất trời, cao; biển-rộng, mênh mông càng cho ta thấy công lao cha mẹ to lớn đến dường nào. ? Tại sao tác giả dân gian không so sánh “công cha với nước ở ngoài biển đông” và “nghĩa mẹ” với “núi ngất trời” - Vì cha uy nghiêm, mẹ dịu dàng, nhỏ nhẹ GV: Vì cha uy nghiêm, vững trãi, được so sánh với núi. Mẹ dịu dàng bao dung được so sánh với biển. Cách so sánh đầy thú vị phù hợp với tính cách của mỗi người.			
Phiếu học tập số 3: <i>Núi cao biển rộng mênh mông, Cù lao chín chữ ghi lòng con ơi!</i>			b, Hai câu cuối
Nhận xét gì về cách ngắt nhịp, giọng điệu hai câu cuối của bài ca dao?	Ngắt nhịp 2/2/2; 2/2/2/2, Giọng thiết tha ngọt ngào.	-> Nhấn mạnh công ơn của cha mẹ lớn lao như trời biển không thể gì so sánh được, đạo làm con phải ghi lòng tạc dạ và đền đáp công ơn ấy	

Nhận xét gì về cách dùng từ ngữ trong hai câu cuối	- Dùng từ Hán việt: Cù lao chín chữ. - Dùng từ cảm thán: “Con ơi”. - Nghệ thuật ẩn dụ: núi cao biển rộng- > chỉ công ơn to lớn của cha mẹ								
? Như vậy qua phân tích, em cảm nhận được điều gì từ bài ca dao thứ nhất GV bình: Bài ca dao chính là bài học nhẹ nhàng mà thấm thía. Biết ơn, kính trọng và đền đáp công ơn cha mẹ là nghĩa vụ, trách nhiệm, là đạo lý làm người mà mỗi chúng ta cần phải có. Thể thơ lục bát mềm mại và sự ngọt ngào của điệu hát ru đó làm cho bài ca dao giống như lời thủ thi tâm tình sâu lắng. “Mẹ ru cái lễ ở đời Sữa nuôi phần xác, hát nuôi phần hồn” “Gió mùa thu mẹ ru con ngủ Năm canh chày, thức đủ năm canh” “Công cha như núi Thái Sơn Nghĩa mẹ như nước trong nguồn chảy ra Một lòng thờ mẹ kính cha Cho tròn chữ hiếu mới là đạo con”		- Ca ngợi công lao to lớn của cha mẹ và nhắc nhở phận làm con phải chăm sóc và phụng dưỡng cha mẹ.							
a) Mục tiêu: Hs tìm hiểu bài ca dao số 2 để thấy được biết ơn và trân trọng, phát huy những truyền thống gia đình. b) Nội dung hoạt động: - HS luyện đọc kĩ một đoạn trích trong văn bản và thực hiện các nhiệm vụ/trả lời các câu hỏi, bài tập để rèn kĩ năng đọc hiểu văn bản. c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời/chia sẻ của HS bằng ngôn ngữ , bằng phiếu học tập. d) Tổ chức thực hiện: Hs đọc bài ca dao 2 Giải thích từ “cổ”, “cội”, “nguồn”. Tìm hiểu các chú thích này phần nào các em đã hiểu nội dung bài ca dao. Thực hiện phiếu học tập số 4		Bài ca dao số 2: - Tìm hiểu thể loại: Nhịp thơ 2/4, 4/4 Vần lưng có “công”- như “sông” Thanh điệu: BTB, BTBB							
<table><tr><td>Nhịp thơ</td><td>Vần</td><td>Thanh điệu</td></tr><tr><td>.....</td><td>.....</td><td>.....</td></tr></table>		Nhịp thơ	Vần	Thanh điệu					
Nhịp thơ	Vần	Thanh điệu							
.....									

.....												
? Tìm biện và nêu pháp nghệ thuật được sử dụng trong bài ca dao?												
Gv: Tình cảm gia đình được xây dựng trên mối quan hệ con cháu với các thế hệ đi trước. là những con người như là có cây có cội có nguồn gốc, cũng như chúng ta sinh ra phải có ông bà, rồi cha mẹ.			Nghệ thuật so sánh: - Làm tăng sức gợi hình gợi cảm cho sự diễn đạt. - Đề cao tư tưởng biết ơn và trân trọng, phát huy những truyền thống gia đình.									
a) Mục tiêu: Hs tìm hiểu bài ca dao số 3 để thấy được anh em phải hoà thuận thương yêu, đùm bọc lẫn nhau để cha mẹ vui lòng. b) Nội dung hoạt động: - HS luyện đọc kĩ một đoạn trích trong văn bản và thực hiện các nhiệm vụ/trả lời các câu hỏi, bài tập để rèn kĩ năng đọc hiểu văn bản. c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời/chia sẻ của HS bằng ngôn ngữ , bằng phiếu học tập. d) Tổ chức thực hiện: Thực hiện phiếu học tập số 5			Bài ca dao số 3: - Tìm hiểu thể loại: Nhịp thơ 2/4 cho câu 6, 4/4 cho câu 8 - Vần lưng: xa, nhà; chân-thân - Vần chân: cùng thân- tay chân - Thanh điệu: BTB, BTBB									
<table><tr><td>Nhịp thơ</td><td>Vần</td><td>Thanh điệu</td></tr><tr><td>.....</td><td>.....</td><td>.....</td></tr><tr><td>.....</td><td>.....</td><td>.....</td></tr></table>			Nhịp thơ	Vần	Thanh điệu							
Nhịp thơ	Vần	Thanh điệu										
.....												
.....												
Bài ca dao có giai điệu trầm bổng theo từ ngữ cho nên bài ca dao rất nhẹ nhàng, rất tình cảm và có tính nhạc.			Hai câu thơ đầu:									
? Cơ sở để xây dựng tình anh em?			- Tình cảm anh em được cất nghĩa trên các cơ sở: Không phải người xa lạ Cùng chung cha mẹ sinh ra Có quan hệ máu mủ ruột thịt.									
<table><tr><td>Cơ sở để xây dựng tình anh em</td><td>Nghệ thuật</td><td></td></tr><tr><td></td><td></td><td></td></tr></table>			Cơ sở để xây dựng tình anh em	Nghệ thuật					- Điệp ngữ “cùng”(cùng chung- bác mẹ; cùng thân- một nhà-> Nhấn mạnh và nhắc nhở chúng ta (cùng chung cha mẹ, cùng một nhà) đó là những cái thiêng liêng quan trọng nhất của đời người.			
Cơ sở để xây dựng tình anh em	Nghệ thuật											
GV: Như vậy các em thấy tình anh em được hình thành không phải từ những gì xa lạ mà rất quen thuộc, gần gũi cùng lớn lên với nhau, có quan hệ gắn bó ruột thịt, máu mủ. “Nào phải người xa”-sự nhắc nhở nhẹ nhàng, để người nghe giật mình suy ngẫm. Điệp ngữ “cùng”(cùng chung- bác mẹ; cùng thân- một nhà.												
Thực hiện phiếu học tập số 6			- Hai câu thơ sau: - So sánh: yêu quý nhau- như tay chân. Thể hiện tình cảm anh em trong gia đình là một sự gắn bó không thể tách rời, không thể thiếu như các bộ phận trong cơ									
<table><tr><td>Nghệ thuật</td><td>Tác dụng</td></tr><tr><td>.....</td><td>.....</td></tr><tr><td>.....</td><td>.....</td></tr></table>			Nghệ thuật	Tác dụng								
Nghệ thuật	Tác dụng											
.....												
.....												

	thể. - Anh em gắn bó với nhau, khiến cho cha mẹ vui lòng. Đây cũng là cách báo hiếu cho cha mẹ.
HD cá nhân - KT trình bày 1 phút: <i>* GV yêu cầu HS làm việc cá nhân thực hiện yêu cầu sau: Em hãy khái quát nghệ thuật và nội dung chính của văn bản?</i>	III, Tổng kết 1, Nghệ thuật - Thể thơ lục bát với âm điệu thiết tha, phù hợp để bộc lộ tình cảm. - Ngôn ngữ giàu hình ảnh, gợi cảm. - Sử dụng linh hoạt các biện pháp tu từ, nhất là biện pháp so sánh, đối xứng. 2. Nội dung - Ghi nhớ công ơn cha mẹ, trân trọng những giá trị về tình cảm gia đình, từ đó có những hành động phù hợp, phát triển bản thân, gìn giữ, phát huy những giá trị của gia đình, dòng họ

3. Hoạt động 3: Luyện tập

a) Mục tiêu: Học sinh vận dụng kiến thức đã học vào làm bài tập.

b) Nội dung hoạt động:

- HS luyện đọc kĩ một đoạn trích trong văn bản và thực hiện các nhiệm vụ/trả lời các câu hỏi, bài tập để rèn kĩ năng đọc hiểu văn bản.

c) Sản phẩm học tập:

- Câu trả lời của các câu hỏi, bài tập.

d) Tổ chức thực hiện:

*** Chuyển giao nhiệm vụ:** Vẽ sơ đồ tư duy bài học

*** Thực hiện nhiệm vụ:** Hs vẽ

*** Báo cáo kết quả:** Hs lên trình bày sản phẩm

*** Kết luận, đánh giá:** HS, GV đánh giá, nhận xét. Gv chiếu sơ đồ.

4. Hoạt động 4: Vận dụng

a) Mục tiêu: Giúp HS khắc sâu kiến thức đã học.

b) Nội dung: HS hiểu được kiến thức trong bài học để vận dụng vào thực tế.

c) Sản phẩm học tập: Đoạn văn.

d) Tổ chức thực hiện:

*** Giao nhiệm vụ học tập:** Nếu vẽ minh họa cho bài ca dao thứ nhất, em sẽ vẽ như thế nào? hãy vẽ hoặc miêu tả lại nội dung bức tranh bằng lời.

Tìm thêm các bài ca dao về tình cảm gia đình để đọc

*** Thực hiện nhiệm vụ:** HS suy nghĩ, hình thành và triển khai ý tưởng, tư duy độc lập...

*** Báo cáo kết quả:** GV gọi bất kì cá nhân nào trình bày kết quả.

*** Kết luận, đánh giá.**

*** Về nhà:** Học bài, tìm hiểu trước bài Viết: Tập làm thơ lục bát

Ngày dạy:

**TIẾT 25,26,27: VIẾT
TẬP LÀM THƠ LỤC BÁT**

I. Mục tiêu:

1. Về kiến thức:

- Yêu cầu về thể thơ, nhịp thơ, gieo vần trong thơ lục bát;
- Lựa chọn từ ngữ phù hợp;
- Kết hợp một số biện pháp tu từ: so sánh, ẩn dụ.

2. Về năng lực:

- Biết lựa chọn từ ngữ phù hợp;
- Nắm được quy tắc B - T trong thơ lục bát;
- Bước đầu biết viết bài thơ theo thể lục bát về 1 nội dung cụ thể có kết hợp một số biện pháp tu từ: so sánh, ẩn dụ.

3. Về phẩm chất:

- *Chăm chỉ*: HS có ý thức học tập, kiên trì, học hỏi, sáng tạo.
- *Trách nhiệm*: Làm chủ được bản thân trong quá trình học tập, có ý thức vận dụng kiến thức vào giao tiếp và tạo lập văn bản.
- Yêu thương, biết ơn, trân trọng công lao của cha mẹ, ông bà, thầy cô giáo...
- Bồi dưỡng tình yêu tiếng Việt.

II. Thiết bị dạy học và học liệu.

- Học liệu: Ngữ liệu/Sách giáo khoa, phiếu học tập.
- Thiết bị: Máy tính, máy chiếu.

III. Tiến trình dạy học.

1. Hoạt động 1: Mở đầu

- a) Mục tiêu: Tạo tâm thế và định hướng chú ý cho học sinh; tạo vấn đề vào chủ đề
- b) Nội dung hoạt động: HS trả lời câu hỏi.
- c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời/chia sẻ của HS bằng ngôn ngữ
- d) Tổ chức hoạt động:

*** Chuyển giao nhiệm vụ học tập:**

GV giao nhiệm vụ cho HS thông qua phiếu bài tập GV đã chuẩn bị.

*** Thực hiện nhiệm vụ học tập**

HS: Hoàn thiện vào phiếu học tập của GV.

GV: - Dự kiến khó khăn HS gặp: chưa hoàn thiện được đầy đủ câu 8 tiếng để tạo nên 1 cặp LB hoàn chỉnh, hoặc điền được nhưng chưa đúng theo luật của thể thơ (do thiếu vốn từ, chưa nắm được luật thơ...);

- GV tháo gỡ khó khăn của HS bằng cách gợi ý: Nhìn vào văn bản *Về thăm mẹ* vừa học, ở mỗi cặp thơ lục bát có điểm gì đáng chú ý về vần và thanh điệu?

*** Báo cáo kết quả và thảo luận**

- GV chỉ định 1 - 2 học sinh trình bày nội dung trong phiếu học tập của mình.
- HS trình bày.
- Các bạn còn lại nhận xét về nội dung báo cáo của bạn đã trình bày.
- GV thu lại toàn bộ phiếu học tập (đọc, đánh giá vào phiếu cho học sinh sau).

*** Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ:** GV nhận xét câu trả lời của HS kết hợp giới thiệu vào bài. Bài học hôm nay cô trò chúng ta sẽ tập làm thơ lục bát nhé.

2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới

Hoạt động của GV và HS	Nội dung cần đạt
a) Mục tiêu: HS biết được các yêu cầu đối với thể thơ lục	1, Định hướng a. <i>Sáng ra trời rộng đến đâu</i>

bát: - Việc lựa chọn từ ngữ cho phù hợp; - Biết quy tắc B – T trong thơ lục bát. b) <i>Nội dung:</i> - GV sử dụng KT động não để hỏi HS; - HS trả lời. c) <i>Sản phẩm:</i> Các câu trả lời của học sinh d) <i>Tổ chức thực hiện:</i> Phần a) * Chuyển giao nhiệm vụ học tập: - GV yêu cầu HS đọc yêu cầu a và thực hiện vào phiếu bài tập đã chuẩn bị ở nhà. ? Từ VD trên, hãy rút ra đặc điểm về vần điệu trong thơ lục bát. * Thực hiện nhiệm vụ: HS: - Lắng nghe yêu cầu, tập trung thực hiện nhiệm vụ học tập; - Trao đổi cặp đôi và thống nhất nội dung. GV: hướng dẫn HS hoàn thành nhiệm vụ. * Báo cáo kết quả: GV: - Yêu cầu đại diện học sinh của một vài cặp đôi trình bày. - Hướng dẫn HS cách trình bày (nếu cần). HS: - Trình bày kết quả làm việc nhóm; - Nhận xét và bổ sung cho nhóm bạn (nếu cần). * Đánh giá nhận xét: Nhận xét sản phẩm của HS và chốt kiến thức.	<i>Trời xanh như mới <u>lần đầu</u> (1) biết xanh</i> <i>Tiếng chim lay động lá cành</i> <i>Tiếng chim đánh thức <u>chồi xanh</u> (2) dậy</i> <i>cùng.</i> Giải thích: -(1) Điền <i>lần đầu</i>: vì tiếng <i>đầu</i> sẽ tạo vần với tiếng <i>đầu</i> ở dòng trên để phù hợp với cách gieo vần của thơ lục bát; -(2) Điền <i>chồi xanh</i> vì tiếng <i>xanh</i> sẽ tạo vần với tiếng <i>cành</i> ở dòng trên để phù hợp với cách gieo vần của thơ lục bát *Nhận xét: Trong thơ LB: - Tiếng thứ 6 của câu lục vần với tiếng thứ 6 của câu bát; - Tiếng thứ 8 của câu bát vần với tiếng thứ 6 của câu lục tiếp theo.
Phần b) * Chuyển giao nhiệm vụ học tập: GV: yêu cầu HS theo dõi và hoàn thiện ý b để nắm được cách sắp xếp thanh điệu trong các dòng thơ LB; * Thực hiện nhiệm vụ HS: - Lắng nghe yêu cầu, tập trung thực hiện nhiệm vụ học tập; - Trao đổi cặp đôi và thống nhất nội dung. - Sử dụng phiếu học tập đã được chuẩn bị để điền kí hiệu B – T. GV: hướng dẫn HS hoàn thành nhiệm vụ. * Báo cáo kết quả: GV: - Yêu cầu đại diện học sinh của một vài cặp đôi trình bày.	Con về thăm mẹ chiều đông B B B T B B Bếp chưa lên khói, mẹ không có nhà T B B T T B T B Mình con thơ thân vào ra B B B T B B Trời đang yên vậy bỗng oà mưa rơi. B B B T T B B B Thanh điệu trong thơ lục bát: Việc sắp xếp các tiếng có thanh bằng (B) và thanh trắc (T) phải theo quy tắc.

- GV tổ chức cho HS làm việc theo bàn. Mỗi nhóm viết thêm dòng bát cho các câu lục đã được tạo lập. GV lưu ý HS tuân thủ quy định về thanh của các tiếng 2 - 4 - 6 - 8 tương ứng bên cạnh quy định về vần. * Thực hiện nhiệm vụ: - Các bàn nhóm HS thảo luận, đại diện nhóm ghi vào phiếu học tập dòng bát cho phù hợp nội dung, vần, nhịp và luật bằng trắc. - GV: Phát hiện các khó khăn HS gặp phải và tháo gỡ. * Báo cáo kết quả: - GV: Yêu cầu HS báo cáo sản phẩm. - HS: + Đại diện nhóm trình bày sản phẩm; + Theo dõi, nhận xét, bổ sung (nếu cần) cho bài của nhóm bạn. * Đánh giá nhận xét: - Nhận xét thái độ làm việc nhóm và sản phẩm của HS, góp ý, bổ sung; - Chuyển dẫn sang mục sau.	Gợi ý: <i>Tiếng chim ríu rít trên cành cây cao.</i> (2) <i>Tre xanh tự những thuở nào</i> Gợi ý: <i>Dựng làng, giữ nước, chặn bao quân thù.</i> (3) <i>Phượng đang thắp lửa sân trường</i> Gợi ý: <i>Hè sang nắng đỏ, nhớ thương học trò.</i> (4) <i>Bàn tay mẹ dịu dàng sao</i> Gợi ý: <i>Đưa nôi con ngủ biết bao giấc nồng.</i>
Phần b) * Chuyển giao nhiệm vụ học tập: - GV tổ chức cho HS chia thành 4 nhóm thực hiện yêu cầu ở ý b: + Chuẩn bị; + Tìm ý; + Mỗi nhóm thảo luận sau đó viết thành một bài thơ lục bát (ngắn dài tùy ý) về ông, bà, cha, mẹ, thầy, cô giáo (tùy chọn). + Đọc, sửa lại bài sau khi đã viết xong. * Thực hiện nhiệm vụ: GV: - Hướng dẫn HS nhớ lại kiến thức đã học về thơ lục bát và nắm rõ yêu cầu của phần viết. - Phát hiện các khó khăn học sinh gặp phải và giúp đỡ HS. HS: - Suy nghĩ, thảo luận theo hệ thống câu hỏi trong SGK; - Viết bài theo gợi ý. * Báo cáo kết quả: - GV: Yêu cầu HS báo cáo sản phẩm. - HS: + Trình bày sản phẩm của mình. + Theo dõi, nhận xét, bổ sung (nếu cần) cho bài của nhóm bạn.	b, Viết một bài thơ lục bát. - Bước 1: Chuẩn bị: + Đối tượng bài thơ? Ví dụ: Mẹ. + Điều em định viết trong bài? Ví dụ: Tình yêu thương, sự hi sinh của mẹ cho con. - Bước 2: Viết bài thơ: + Bắt đầu bằng hình ảnh người em muốn viết hoặc tình cảm em dành cho người ấy... Ví dụ: Hình ảnh mẹ ru con ngủ, hình ảnh mẹ đưa nôi. + Lựa chọn từ ngữ thích hợp thể hiện hình ảnh người mà em muốn viết và diễn tả tình cảm của em với người đó. Thử vận dụng các biện pháp tu từ như so sánh, ẩn dụ,... + Sắp xếp các từ ngữ theo quy định về số tiếng, vần, nhịp của thể thơ lục bát. - Bước 3: Kiểm tra và chỉnh sửa: + Đọc lại bài thơ. + Bài thơ đã đảm bảo số tiếng, vần, nhịp và luật bằng trắc của thơ lục bát chưa? Có mắc lỗi chính tả không? + Bài thơ có tập trung thể hiện về người

* Đánh giá nhận xét: - Nhận xét thái độ làm việc nhóm và sản phẩm của HS. - GV thu nộp bài, chấm điểm và trả sau.	em chọn viết và tình cảm của em với người đó không? + Có nên thay thế từ ngữ nào để bài thơ diễn tả chính xác hoặc hay hơn không? Gợi ý: À <u>oi</u> tay <u>me</u> đưa <u>nôi</u> B T B À <u>oi</u> tay <u>me</u> đưa <u>nôi</u> em <u>nằm</u>. B T B B Đưa <u>nôi</u> lên <u>bây</u> lên <u>nằm</u>, B T B Đưa <u>nôi</u> đưa <u>mãi</u> trăm <u>năm</u> cuộc <u>đời</u>. B T B B Bước 4: Trình bày sản phẩm trước lớp và tham gia góp ý cho bạn cùng bàn.
--	---

3. Hoạt động 3: Luyện tập

- Mục tiêu: Học sinh vận dụng kiến thức đã học vào làm bài tập.
- Nội dung hoạt động: suy nghĩ cá nhân làm bài tập của GV giao.
- Sản phẩm học tập: Bài làm của học sinh.
- Tổ chức thực hiện

Hoạt động của GV và HS	Nội dung cần đạt
* Chuyển giao nhiệm vụ: Giáo viên giao bài tập cho HS. Bài tập: Nhận diện lỗi sai: Các câu LB sau sai ở đâu, hãy sửa lại cho đúng: - Vườn em cây quý đủ loài Có cam, có quýt, có bông, có na. - Thiếu nhi là tuổi học hành Chúng em phấn đấu tiến lên hàng đầu. * Thực hiện nhiệm vụ: GV: Hướng dẫn HS: Nhìn vào tiếng thứ 6 của câu lục và tiếng thứ 6 của câu bát về vần; chú ý luật B – T ở cả 2 câu. HS: Đọc kĩ bài tập, suy nghĩ trả lời. * Báo cáo kết quả: - GV yêu cầu HS trình bày sản phẩm của mình. - HS trình bày, theo dõi, nhận xét, đánh giá và bổ sung cho bài của bạn (nếu cần). * Kết luận, đánh giá: - GV nhận xét bài làm của HS. - Chuyển dẫn sang mục sau.	<i>Vườn em cây quý đủ loài Có cam, có quýt, có xoài, có na.</i> <i>Thiếu nhi là tuổi học hành Chúng em phấn đấu để thành trò ngoan.</i>

4. Hoạt động 4: Vận dụng

- Mục tiêu: Phát triển năng lực làm thơ lục bát.
 - Nội dung: Giáo viên giao nhiệm vụ, HS thực hiện nhiệm vụ.
 - Sản phẩm: Sản phẩm của HS sau khi đã được chỉnh sửa (nếu cần).
 - Tổ chức thực hiện:
- * Chuyển giao nhiệm vụ:**
- ? Tự sáng tác bài thơ lục bát ngắn chủ đề về mái trường hoặc bạn bè.

- Nộp sản phẩm về qua zalo của cô giáo.

*** Thực hiện nhiệm vụ:**

GV: Hướng dẫn HS xác định nhiệm vụ.

HS: Đọc, xác định yêu cầu của bài tập.

*** Báo cáo kết quả:**

GV: Hướng dẫn các em cách nộp sản phẩm.

HS: Nộp sản phẩm cho GV qua zalo của cô giáo.

*** Kết luận, đánh giá:**

- Nhận xét ý thức làm bài của HS (HS nộp bài không đúng qui định (nếu có)).

- Dặn dò HS những nội dung cần học ở nhà:

+ Ghi nhớ nội dung kiến thức về thơ lục bát;

+ Tìm đọc thêm các bài thơ lục bát để có thêm kinh nghiệm, năng lực làm thơ.

+ Chuẩn bị trước bài học tiết sau: Nói và nghe: Kể lại một trải nghiệm đáng nhớ

Ngày dạy:..../10/2022

TIẾT 28: NÓI VÀ NGHE
KỂ LẠI MỘT TRẢI NGHIỆM ĐÁNG NHỚ

I. MỤC TIÊU (Học xong bài học, học sinh sẽ đạt được)

1. Về kiến thức:

- Người kể chuyện ngôi thứ nhất;
- Trải nghiệm đáng nhớ của bản thân;
- Cảm xúc, suy nghĩ của người nói trước sự việc được kể.

2. Về năng lực:

- Biết kể chuyện về một trải nghiệm của bản thân ở ngôi thứ nhất, bằng lời văn nói;
- Biết kết hợp ngôn ngữ nói với điệu bộ, cử chỉ, nét mặt (ngôn ngữ hình thể);
- Biết cách nói và nghe phù hợp với đặc trưng của kiểu bài.

3. Về phẩm chất:

- Nhân ái: Trân trọng, yêu mến những trải nghiệm của bản thân và các bạn;
- Chăm chỉ: Có ý thức vận dụng kiến thức, kỹ năng học được ở nhà trường, trong sách báo và từ các nguồn tin cậy khác vào học tập và đời sống hằng ngày.

Tự tin, mạnh dạn trong giao tiếp.

- Bồi dưỡng tình yêu tiếng Việt thông qua hoạt động nói.

II. Thiết bị dạy học và học liệu.

- Học liệu: Ngữ liệu/Sách giáo khoa, Kế hoạch bài dạy, phiếu học tập.
- Thiết bị: Máy tính.

III. Tiến trình dạy học.

1. Hoạt động 1: Mở đầu

a) Mục tiêu:

- Biết được kiểu bài kể về một trải nghiệm.
- Nhận biết được ngôi kể thứ nhất trong văn kể chuyện.

b) Nội dung: GV hỏi, HS trả lời.

c) Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

d) Tổ chức thực hiện:

*** Chuyển giao nhiệm vụ học tập:**

+ Mỗi em hãy ghi nhanh ra giấy những kỉ niệm đáng nhớ với ông bà/cha mẹ/anh chị em/thầy cô giáo.

+ Trong số các kỉ niệm đó, em ấn tượng nhất kỉ niệm nào? Vì sao?

*** Thực hiện nhiệm vụ:** Hs suy nghĩ và trả lời.

*** Báo cáo kết quả:** - GV gọi 1 vài em chia sẻ, rồi dẫn vào nội dung nói và nghe.

*** Đánh giá nhận xét:** Mỗi chúng ta, ai cũng có những trải nghiệm đáng nhớ của riêng mình. Bài học hôm nay các em sẽ học cách viết bài văn kể lại một trải nghiệm đáng nhớ đó.

2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới

Hoạt động của GV và HS	Nội dung cần đạt
a) <i>Mục tiêu:</i> - HS nắm được thể nào là kể lại một trải nghiệm đáng nhớ, ngôi kể; - Nắm được các bước cụ thể cần thực hiện để hoàn thành bài nói. b) <i>Nội dung:</i> - GV hỏi & nhận xét, đánh giá câu trả lời của HS. - HS trả lời câu hỏi của GV & nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. c) <i>Sản phẩm:</i> Các câu trả lời của học sinh d) <i>Tổ chức thực hiện:</i> * Chuyển giao nhiệm vụ học tập: ? Theo em, thể nào là kể lại một trải nghiệm đáng nhớ về người thân trong gia đình. ? Khi kể, người kể thường sử dụng ngôi kể nào. - GV yêu cầu HS quan sát SGK, gọi 1 HS đọc to mục 1.b (tr.45) để HS nắm chắc được các bước cần làm để kể lại một trải nghiệm đáng nhớ về người thân. * Thực hiện nhiệm vụ: - HS tiếp nhận và tập trung thực hiện nhiệm vụ; - GV cùng những HS khác hỗ trợ khó khăn trong việc trả lời câu hỏi của HS được gọi. * Báo cáo kết quả: - GV: + Yêu cầu HS trả lời câu hỏi, hỗ trợ HS (nếu cần); + Lưu ý HS: ➢ Ở phần <i>Nói và nghe</i>, các em không viết thành văn mà kể lại trải nghiệm đó bằng lời. ➢ Phân biệt kể miệng với kể bằng viết, chú ý cách kể, giọng kể, kết hợp với ngôn ngữ hình thể (cử chỉ, ánh mắt, nét mặt) phù hợp với nội dung câu chuyện. - HS: + Cá nhân trả lời câu hỏi; + Các HS khác theo dõi, nhận xét, bổ sung (nếu	I. Định hướng a) Định nghĩa: Kể lại một sự kiện đáng nhớ của em về người thân trong gia đình (ông, bà, cha, mẹ,...) là kể về một sự việc, một hành động,... của người thân mà em đã chứng kiến và có ấn tượng sâu sắc. Trong bài nói, người kể sử dụng ngôi thứ nhất, thường xưng "tôi". b) Các bước: Để kể lại một trải nghiệm đáng nhớ về người thân trong gia đình, các em cần - Xác định một sự việc, hành động, tình huống,... của người thân trong gia đình (ông, bà, cha, mẹ,...) mà em đã chứng kiến và để lại ấn tượng sâu sắc. - Xác định đối tượng người nghe và thời gian em sẽ kể để có cách trình bày phù hợp. - Tìm ý và lập dàn ý cho bài nói. - Chuẩn bị các tư liệu, tranh ảnh liên quan đến trải nghiệm sẽ kể (nếu có). - Nêu lên cảm xúc, suy nghĩ hoặc bài học em rút ra từ trải nghiệm đáng nhớ đó. - Sử dụng nét mặt, ánh mắt, hành động,... phù hợp với câu chuyện để tác động đến người nghe.

cần). * Đánh giá nhận xét: - Nhận xét câu trả lời của HS và chốt kiến thức. - Chuyển dẫn sang mục sau.	
a) <i>Mục tiêu:</i> Giúp HS: - Chuẩn bị tốt cho bài nói; - Tìm ý và lập dàn ý cho bài nói; - Thực hành nói và nghe; b) <i>Nội dung:</i> - GV giao nhiệm vụ học tập, hỏi & nhận xét, đánh giá câu trả lời của HS. - HS thực hiện nhiệm vụ của GV & nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. c) <i>Sản phẩm:</i> Các câu trả lời của học sinh. d) <i>Tổ chức thực hiện:</i> * Chuyển giao nhiệm vụ học tập: -GV ra đề bài cho HS: <i>Hãy kể lại cho các bạn nghe câu chuyện mà em đã trải nghiệm và có ấn tượng sâu sắc về một người thân trong gia đình.</i> Hãy lập dàn ý cho bài nói của mình? * Thực hiện nhiệm vụ: HS lập dàn ý cho bài nói. * Báo cáo kết quả: + GV gọi 1 số em lên thực hành nói trước lớp: <i>Chia sẻ trải nghiệm đáng nhớ về người thân.</i> + Các HS khác lắng nghe và nhận xét. * Đánh giá nhận xét: GV đánh giá kĩ năng nói và kĩ năng nghe, cho điểm bài nói HS.	II. THỰC HÀNH Đề bài: Hãy kể lại cho các bạn nghe câu chuyện mà em đã trải nghiệm và có ấn tượng sâu sắc về một người thân trong gia đình. Đề bài: <i>Hãy kể lại cho các bạn nghe câu chuyện mà em đã trải nghiệm và có ấn tượng sâu sắc về một người thân trong gia đình.</i> Bước 1: Chuẩn bị - Đọc và xác định yêu cầu đề bài, lựa chọn trải nghiệm mà em có ấn tượng sâu sắc về một người thân (cha, mẹ, ông, bà,...). Ví dụ: Kể về một lần em bị ốm, mẹ chăm sóc em như thế nào. - Nhớ lại các chi tiết về trải nghiệm và cảm xúc, suy nghĩ của em qua trải nghiệm, - Tìm các tư liệu, tranh, ảnh liên quan để minh họa cho trải nghiệm (nếu thấy cần thiết). Bước 2: Tìm ý, lập dàn ý. - Tìm ý cho bài kể theo gợi dẫn: + Nêu sự việc, hành động, tình huống của người thân để lại ấn tượng sâu sắc trong em. + Phát triển các ý bằng cách đặt và trả lời các câu hỏi: Sự việc, tình huống đó diễn ra vào thời gian nào, ở đâu? Sự việc, tình huống đó cụ thể như thế nào? Em có cảm xúc, tâm trạng, suy nghĩ gì khi chứng kiến sự việc đó? Em rút ra bài học gì từ sự việc, tình huống đó?;... - Lập dàn ý cho bài kể (có thể bằng sơ đồ tư duy): + Mở đầu: Chào hỏi, giới thiệu người thân và sự việc, tình huống người thân để lại ấn tượng sâu sắc trong em. Gợi ý: Xin chào thầy cô và các bạn. Tôi tên là....., học lớp....., trường..... Sau đây tôi xin kể lại một trải nghiệm đáng nhớ trong

đời của mình. Trước khi bắt đầu bài nói của mình, tôi có một câu hỏi "Các bạn học sinh đã bao giờ dầm mưa rồi cảm lạnh chưa ạ?" (Có thể giao lưu với 1 bạn hỏi lí do, sự việc của buổi cảm lạnh ấy). Bản thân tôi cũng đã từng trải nghiệm cảm giác không mấy dễ chịu ấy. Chuyện là..... (Lời dẫn vào bài nói).

+ **Nội dung chính:** Lựa chọn và sắp xếp các ý tìm được theo một trình tự hợp lí.

Ví dụ: Với bài viết kể về trải nghiệm mẹ chăm sóc khi em ốm có thể triển khai theo gợi ý như sau:

- Nêu lí do xuất hiện trải nghiệm:
Em bị mưa ướt, người sốt,...
- Trình bày diễn biến trải nghiệm.

+ **Kết thúc:**

- Phát biểu suy nghĩ của mình về tấm lòng người mẹ đối với những người con.
- Bày tỏ mong muốn nhận được sự chia sẻ từ người nghe về trải nghiệm.

Bước 3: Thực hành nói và nghe

- Dựa vào dàn ý và thực hiện việc kể lại trải nghiệm đáng nhớ của mình trước tổ hoặc lớp.
- Chú ý bảo đảm nội dung và cách kể để câu chuyện trở nên hấp dẫn.
- Có thể sử dụng thêm tranh ảnh, đạo cụ...kết hợp với ngôn ngữ hình thể để bài nói thêm sinh động và hấp dẫn hơn.

Bước 4: Kiểm tra và chỉnh sửa:

* **Bảng tự kiểm tra kĩ năng nói:**

Nội dung kiểm tra	Đạt/ chưa đạt
- Kể về trải nghiệm theo dàn ý.	
-- Sử dụng những từ ngữ thể hiện được trình tự thời gian hoặc diễn biến của sự việc; những từ phù hợp để tả các chi tiết về sự vật, hành động;...	

	- Nói rõ ràng, âm lượng phù hợp, kết hợp lời nói và cử chỉ, ánh mắt, điệu bộ, hình ảnh (nếu có sử dụng). Đảm bảo thời gian quy định.		
	- Trả lời các câu hỏi của người nghe (nếu có).		
	* Bảng tự kiểm tra kĩ năng nghe:		
	Nội dung kiểm tra	Đạt/ chưa đạt	
	- Nắm và hiểu được nội dung chính của trải nghiệm mà bạn kể;		
-Đưa ra được những nhận xét được về ưu điểm, yếu tố sáng tạo trong lời kể của bạn hay điểm hạn chế của bạn.			
-Thái độ chú ý tôn trọng, nghiêm túc, động viên khi nghe bạn kể chuyện			

3. Hoạt động 3: Luyện tập

a) *Mục tiêu:* Vận dụng kiến thức của bài học vào làm bài tập cụ thể.

b) *Nội dung:* HS suy nghĩ cá nhân, làm bài tập của GV giao.

c) *Sản phẩm:* Bài làm của học sinh.

d) *Tổ chức thực hiện:*

Hoạt động của GV và HS	Nội dung cần đạt
* Giao nhiệm vụ học tập Giáo viên giao bài tập cho HS: Kể lại một kỉ niệm tuổi thơ đáng nhớ của em. * Thực hiện nhiệm vụ: - HS nhớ lại, liệt kê các sự việc đã trở thành kỉ niệm đối với bản thân, lựa chọn và kể lại một kỉ niệm ấn tượng trong số đó. - GV hướng dẫn, hỗ trợ HS (nếu cần). * Báo cáo kết quả: - GV yêu cầu HS trình bày sản phẩm của mình. - HS trình bày, theo dõi, nhận xét, đánh giá và bổ sung cho bài của bạn (nếu cần).	Kể lại một kỉ niệm tuổi thơ đáng nhớ của em.

*** Kết luận, đánh giá.**

- Nhận xét bài làm của HS, những ưu điểm của bài nói này so với bài trước.
- Chuyển dẫn sang mục khác.

4. Hoạt động 4: Vận dụng

a) *Mục tiêu:* Củng cố và mở rộng kiến thức, nội dung của bài học cho HS,

b) *Nội dung:* Giáo viên giao nhiệm vụ, HS thực hiện nhiệm vụ.

c) *Sản phẩm:* Sản phẩm của HS sau khi đã được chỉnh sửa (nếu cần).

d) *Tổ chức thực hiện:*

*** Giao nhiệm vụ học tập** (GV giao bài tập)

Bài tập 1: Kể lại một việc tốt mà em đã làm.

Bài tập 2: Hãy giới thiệu một số bài kể về trải nghiệm của bản thân của các bạn học sinh mà em sưu tầm được, nhận xét về những bài đó.

*** Thực hiện nhiệm vụ:**

- GV hướng dẫn các em tìm hiểu yêu cầu của đề.
- HS đọc và xác định yêu cầu của bài tập 1 & 2.

*** Báo cáo kết quả:**

- GV hướng dẫn các em cách nộp sản phẩm cho GV sau khi hoàn thành.
- HS làm bài tập ra giấy và nộp lại cho GV qua hệ thống CNTT mà GV hướng dẫn.

*** Kết luận, đánh giá.**

- Nhận xét ý thức làm bài của HS;
- Dặn dò HS những nội dung cần học ở nhà và chuẩn bị cho bài học sau.

=====

Ngày dạy :.../.../2022

BÀI 3: KÍ (HÒI KÍ VÀ DU KÍ)

I. MỤC TIÊU

1. Năng lực

a, Năng lực đặc thù

Nhận biết được một số yếu tố hình thức (ngôi kể thứ nhất, tính xác thực, cách kể sự việc, hình thức ghi chép,...), nội dung (đề tài, chủ đề, tình cảm, cảm xúc người viết,...) của văn bản hồi kí hoặc du kí.

Nhận biết và vận dụng được từ đa nghĩa, từ đồng âm, từ mượn trong đọc, viết, nói và nghe.

Viết và kể về một kỉ niệm của bản thân.

Trân trọng tình mẫu tử và những kỉ niệm thời thơ ấu; yêu thiên nhiên, thích khám phá....

b, Năng lực chung

- Năng lực tự chủ và tự học: Tìm kiếm thông tin, đọc sách giáo khoa, quan sát tranh ảnh để tìm hiểu được nội dung của chủ đề.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Thảo luận nhóm để thực hiện phiếu học tập, hợp tác giải quyết vấn đề để tìm hiểu được nội dung của chủ đề.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Năng lực trình bày và trao đổi thông tin trước lớp.

2, Phẩm chất

- **Chăm chỉ:** Thích đọc sách, báo, tìm tư liệu trên mạng Internet để mở rộng hiểu biết.
- **Nhân ái:** Trân trọng tình mẫu tử và những kỉ niệm thời thơ ấu;
- **Trách nhiệm:** -Luôn có ý thức rèn luyện, tu dưỡng đạo đức để người thân vui lòng.

II. THIẾT BỊ VÀ HỌC LIỆU

- Học liệu: Ngữ liệu/Sách giáo khoa, phiếu học tập.
- Thiết bị: Máy tính, máy chiếu.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

Tiết 29,30: VĂN BẢN “ TRONG LÒNG MẸ”(NGUYỄN HỒNG)

1. Hoạt động 1: Mở đầu

- Mục tiêu: Tạo tâm thế và định hướng chú ý cho học sinh; tạo vấn đề vào chủ đề
 - Nội dung hoạt động: HS trả lời câu hỏi.
 - Sản phẩm học tập: Câu trả lời/chia sẻ của HS bằng ngôn ngữ
 - Tổ chức hoạt động:
 - * **Chuyển giao nhiệm vụ học tập:** Gv chiếu tranh: Em thấy những gì từ bức tranh?
 - * **Thực hiện nhiệm vụ:** Hs quan sát tranh và trả lời câu hỏi.
 - * **Báo cáo kết quả:** HS trình bày kết quả (cá nhân)
- Hình ảnh 1 người con trai đang ngồi nhìn một cái gì đó, ở ngoài sân có đàn gà, đồng rơm...những hình ảnh thân thuộc của làng quê.
- * **Đánh giá nhận xét, dẫn vào bài:**

2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới

Trong mỗi chuyến du lịch, thăm quan đến những vùng đất mới, các khu du lịch lịch sử hay khu bảo tồn thiên nhiên hoang dã, người thì dùng điện thoại thông minh, hay máy ảnh, máy quay phim để lưu lại những khoảnh khắc tuyệt vời nơi đây, khung cảnh có thể được lưu giữ dưới dạng hình ảnh hoặc các đoạn phim, vậy còn cảm xúc suy nghĩ của mỗi người khi được đắm chìm trong khung cảnh đó thì sao, chúng ta phải dùng phương tiện gì để lưu giữ những điều đó đây. Hay trong cuộc sống thường nhật các em đã bao giờ nghĩ đến việc ghi chép lại những việc xảy ra với mình chưa? Để làm được hai điều trên thì chúng ta sẽ cần đến một thể loại văn xuôi phổ biến trong văn học có tên là kí, vậy kí là gì, đặc điểm của thể kí ra sao, kí được phân loại như thế nào chúng ta sẽ cùng nhau tìm hiểu trong bài học ngày hôm nay.

Nội dung 1: Giới thiệu bài học và tri thức ngữ văn

- Mục tiêu: Hs nắm được tri thức ngữ văn về kí, đặc điểm của thể kí.
- Nội dung hoạt động: HS trả lời câu hỏi.
- Sản phẩm học tập: Câu trả lời/chia sẻ của HS bằng ngôn ngữ
- Tổ chức hoạt động:

Hoạt động của GV và HS	Nội dung cần đạt
* GV giao nhiệm vụ: yêu cầu HS đọc phần Kiến thức ngữ văn trong SGK trang 50 để nêu những hiểu biết về thể loại kí: <i>Kí là gì?</i> <i>Hồi kí là gì?</i> <i>? Đặc điểm ngôi kể</i> - HS đọc phần Kiến thức ngữ văn trong SGK và tái hiện lại kiến thức trong phần đó. * Thực hiện nhiệm vụ HS suy nghĩ để trả lời các câu hỏi. * Báo cáo, thảo luận - HS trình bày cá nhân. - Các HS khác nhận xét.	I. Tìm hiểu chung về thể kí - Kí là một thể loại văn xuôi thường ghi lại sự việc và con người một cách xác thực. - Hồi kí là một thể của kí dùng để ghi chép lại những sự việc, những quan sát, nhận xét và tâm trạng có thực mà tác giả đã trải qua. - Ngôi kể ngôi thứ nhất trong truyện hoặc kí thường xưng “tôi”, trực tiếp kể lại những gì đã chứng kiến, trải qua, trực tiếp thể hiện suy nghĩ, cảm xúc, tình cảm của mình.

***GV nhận xét và chuẩn kiến thức.**

Nội dung 2: Thực hành đọc văn bản “ Trong lòng mẹ”

Trên thế gian này, bài ca đẹp đẽ nhất bao giờ cũng là bài ca về tình mẫu tử, ngày hôm nay chúng ta lại quay trở về dòng hồi ức rất ngọt ngào của nhà văn Nguyên Hồng. Những câu chuyện ấy không chỉ có ở trong những trang văn, trang thơ mà ngay trong thực tế đời thường chúng ta cũng chứng kiến rất nhiều những câu chuyện cổ tích về tấm lòng bao la, cao cả của người mẹ.

Gv cho hs quan sát ảnh chị Liên.

Gv: Rất là kì diệu, sau khi mổ xong cả mẹ và cả con cho đến thời điểm này không hiểu là do một phép màu kì diệu nào đã xảy ra, hay do chính sức mạnh lớn lao của tình mẫu tử mà 2 chị em đã được đồng hành cùng với nhau đã gần như chiến thắng căn bệnh ung thư vú và đang chứng kiến sự lớn khôn những nụ cười của bé Bình An mỗi ngày.

Hoạt động của GV và HS	Nội dung cần đạt
a) Mục tiêu: Hs nắm những thông tin cơ bản về tác giả, những vấn đề chung về văn bản. b) Nội dung hoạt động: Hs thuyết trình và trả lời các câu hỏi. c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời của các câu hỏi, bài tập. d) Tổ chức thực hiện:	II, VĂN BẢN: Trong lòng mẹ
* Chuyển giao nhiệm vụ: ? Qua sự chuẩn bị bài ở nhà các nhóm lên thuyết trình về tác và văn bản? * Thực hiện nhiệm vụ: - HS suy nghĩ, hình thành và triển khai ý tưởng, tư duy độc lập... * Báo cáo kết quả: Đại diện nhóm lên thuyết trình * Kết luận, đánh giá: - HS, GV đánh giá, nhận xét. Gv: Nguyên Hồng có một tuổi thơ bất hạnh, thiếu vắng tình thương, phải tự lập và kiếm sống khi còn rất nhỏ, có lẽ chính bởi vì những năm tháng cơ cực và được sống cùng những con người nghèo khổ dưới đáy xã hội. * Đọc sao cho hay? - Đọc rõ ràng, ngắt nghỉ đúng ngữ liệu, diễn cảm - Giọng trầm, chậm rãi, ngậm ngùi ở phần 1 - Phân biệt giọng của nhân vật “tôi” trong câu chuyện ở phần 2 - Phần 3 giọng đọc thiết tha, vui vẻ thể hiện niềm hạnh phúc ngọt ngào. Gv gọi hs đọc	1, Tác giả Nguyên Hồng (1918 - 1982), sinh ra ở Nam Định, lớn lên ở Hải Phòng. - Cuộc đời: Thiếu tình thương gia đình, tự lập kiếm sống từ nhỏ, nên ông có nhiều thấu cảm với những kiếp người bất hạnh. - Vị trí: Là cây bút xuất sắc của văn học hiện đại Việt Nam -Đề tài: Viết về những con người nghèo khổ, đặc biệt là phụ nữ và trẻ em với những niềm thương cảm sâu sắc. -Tác phẩm nổi tiếng: <i>Bỉ vỏ</i> (1938), <i>Những ngày thơ ấu</i> (1938), 2, Văn bản: a, Hoàn cảnh sáng tác: Trích từ chương IV hồi kí <i>Những ngày thơ ấu</i>(1938) b, Thể loại: Thê kí- hồi kí, ngôi kể thứ nhất. c, Nội dung: Những ngày tháng đau thương, cơ cực của chú bé Hồng khi phải sống xa mẹ trong sự ghẻ lạnh của nhà nội d, Giá trị: Bài học nhân văn sâu sắc về việc trân trọng những giá trị thiêng liêng về gia đình.
HS tìm hiểu chú thích: Bóng đèn, Xe kéo, mẹ,	e, Tìm hiểu chú thích

câu Phiếu học tập số 1: Các sự việc chính trong câu chuyện <table border="1"> <thead> <tr> <th>STT</th><th>Sự việc</th></tr> </thead> <tbody> <tr> <td>1</td><td></td></tr> <tr> <td>2</td><td></td></tr> <tr> <td>3</td><td></td></tr> </tbody> </table> 1, Sự việc chính mà tác giả kể lại ở đoạn trích T lòng mẹ là gì? Sự việc ấy được tập trung thể hi phần nào của văn bản? 2, Theo em, sức truyền cảm của đoạn hồi kí này tạo nên từ những yếu tố nào? Gv: Chúng ta có thể nhận ra rằng cái mạch kí ức trôi chảy rất là tự nhiên và chân thực lôi cuốn người đọc. ? Tóm tắt đoạn trích một cách ngắn gọn xoay quanh các sự việc chính , tập trung vào các từ khoá , những từ quan trọng thông báo về mặt thời gian, không gian, nhân vật, những hành động của nhân vật ,những xúc cảm của nhân vật nữa. 1, Chú bé Hồng có một tuổi thơ đầy bất hạnh: bố chết sớm vì nghiện ngập, mẹ vì cảnh túng quá phải bỏ con đi tha hương cầu thực, chú sống với bà cô cay nghiệt. 2, Một hôm, bà cô gọi Hồng đến và hỏi có muốn vào Thanh Hoá với mẹ không. 3, Nhận ra vẻ mặt rất kịch và tâm địa độc ác của bà cô, Hồng nén lại niềm thương nhớ mẹ và trả lời không muốn vào. 4, Nhưng bà cô vẫn cố tình kể chuyện mẹ Hồng khốn khổ, đã có con với người khác làm cho Hồng đau đớn, càng căm phẫn những cô tục đã đầy đoạ mẹ mình. 5, Gần đến ngày giỗ bố, trên đường đi học về, Hồng thấy bóng người ngồi trên xe kéo giống mẹ, chú đã đuổi theo và khóc nức nở khi nhận ra mẹ. 6, Hồng cảm thấy sung sướng và hạnh phúc vô cùng khi được ở trong lòng mẹ, chú đã quên hết mọi lời xúc xiểm của bà cô. ? Những nhân vật nào được khắc hoạ nổi bật trong câu chuyện? - Nhân vật người mẹ, nhân vật Bé Hồng, nhân vật người cô. a) Mục tiêu: Học sinh tìm hiểu nhân vật bé Hồng trong cuộc trò chuyện với bà cô và mẹ để thấy được Hồng là một chú bé bất hạnh, có		STT	Sự việc	1		2		3	
STT	Sự việc								
1									
2									
3									
g, Bố cục: 3 phần - Phần 1: Từ đầu ...”sống bằng cách đó”: Hoàn cảnh của bé Hồng -Phần 2: “ Một hôm... thom tho lạ lùng”: Cuộc trò chuyện với bà cô. -Phần 3: Phải bé lại...không mấy may nghĩ ngợi gì hết”: giây phút thiêng liêng khi gặp mẹ. h, Các yếu tố tạo nên sức truyền cảm (chất trữ tình) của đoạn hồi kí. -Ngôi kể thứ nhất: Người kể xưng tôi, dễ dàng diễn tả thế giới tâm hồn, cảm xúc của nhân vật một cách sống động, chân thực. -Tình huống và nội dung truyện: Cậu bé mồ côi cha, xa mẹ, sống trong sự ghẻ lạnh của nhà nội nhưng luôn dành sự tin yêu và tình thương cho mẹ mình. Sự kết hợp các yếu tố biểu cảm và tự sự, miêu tả: Những sự việc éo le trong tuổi thơ đan cài với dòng cảm xúc phong phú của bé Hồng khiến lời văn mơn man dạt dào cảm xúc. i. Tóm tắt									
II, ĐỌC – HIỂU VĂN BẢN 1. Nhân vật bé Hồng									

tuổi thơ cay đắng nhưng vẫn người sáng những nét đẹp tâm hồn. b) Nội dung hoạt động: Hs thực hiện các phiếu học tập và trả lời các câu hỏi. c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời của các câu hỏi, bài tập. d) Tổ chức thực hiện: * Chuyển giao nhiệm vụ: ? Hoàn cảnh của bé Hồng có gì đặc biệt? ? Nhân vật bé Hồng hiện lên như thế nào trong cuộc trò chuyện với bà cô, trong cuộc gặp gỡ với mẹ? Phiếu học tập số 2: Nhân vật bé Hồng <table><tr><td>Yêu cầu</td><td>Trong cuộc trò chuyện với bà cô</td><td>Trong cuộc gặp gỡ với mẹ</td></tr><tr><td>Dẫn chứng</td><td>.....</td><td>.....</td></tr><tr><td>Nhận xét</td><td>.....</td><td>.....</td></tr></table> 1, Nêu cảm nhận của em về nhân vật bé Hồng? 2, Em có nhận xét gì về nghệ thuật xây dựng nhân vật của tác giả? * Thực hiện nhiệm vụ: - HS suy nghĩ, hình thành và triển khai ý tưởng, tư duy độc lập... * Báo cáo kết quả: Đại diện nhóm lên thuyết trình * Kết luận, đánh giá: - HS, GV đánh giá, nhận xét.	Yêu cầu	Trong cuộc trò chuyện với bà cô	Trong cuộc gặp gỡ với mẹ	Dẫn chứng			Nhận xét			- Hoàn cảnh: + Mồ côi cha. + Mẹ đi tha hương cầu thực + Sống trong sự ghẻ lạnh của nhà nội. ⇒ Tuổi thơ bất hạnh, đau khổ, luôn khao khát tình thương. - Trong cuộc trò chuyện với bà cô: + Nhận ra sự cay độc của bà cô, cậu cười và đáp lại tự tin: Cuối năm thế nào mợ cháu cũng về. + Lòng thất lại, khoé mắt cay cay, thương mẹ và cười dài trong tiếng khóc. + Cổ họng nghẹn ứ, khóc không ra tiếng, cảm xúc tốt cùng những hủ tục... ⇒ Cậu bé tủi thân, kìm nén nỗi nhớ mẹ, tìm mẹ, muốn bảo vệ mẹ. - Trong cuộc gặp gỡ với mẹ: + Đuổi theo xe kéo, gọi bồi rồi, lo sợ nếu đó không phải là mẹ. + Oà khóc nức nở khi lên xe cùng mẹ. + Ngắm nhìn mẹ, tận hưởng niềm vui sướng khi ở trong lòng mẹ. ⇒ Khao khát và lo sợ, xúc động và tủi hờn, sung sướng tốt đỉnh.
Yêu cầu	Trong cuộc trò chuyện với bà cô	Trong cuộc gặp gỡ với mẹ								
Dẫn chứng										
Nhận xét										
	Một chú bé bất hạnh, có tuổi thơ cay đắng nhưng vẫn người sáng những nét đẹp tâm hồn: -Giàu cảm xúc, biết cảm thông và chia sẻ -Luôn có niềm tin và yêu mẹ mãnh liệt -Mạnh mẽ, cứng cỏi, bản lĩnh.									
Nhân vật được khắc hoạ qua những khía cạnh nào? Gv: Đặt nhân vật bé Hồng đối lập tương phản hoàn toàn với bà cô càng làm nổi bật cái sự đáng thương trong hoàn cảnh rất tội nghiệp.	Nghệ thuật khắc hoạ nhân vật - Hành động cử chỉ lời nói - Tình huống - Diễn biến tâm trạng tinh tế và chân thực - Hệ thống các động từ, tính từ.									

rất bất hạnh của cậu bé và đồng thời cũng đề cao tình yêu thương mà cậu dành cho mẹ.	phép so sánh độc đáo. - Nghệ thuật tương phản												
Chuyển ý: Ngoài nhân vật Bé Hồng trong văn bản còn ngồi sáng lên hình ảnh người mẹ, người mẹ này được soi chiếu qua rất nhiều những góc nhìn của những nhân vật khác nhau, vậy chúng ta cùng đi tìm hiểu hình ảnh người mẹ trong văn bản.													
a) Mục tiêu: Học sinh tìm hiểu hình ảnh người mẹ để thấy được người mẹ rất mực yêu con, đẹp đẽ và giàu nghị lực sống. b) Nội dung hoạt động: Hs thực hiện các phiếu học tập và trả lời các câu hỏi. c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời của các câu hỏi, bài tập. d) Tổ chức thực hiện:	2, Hình ảnh người mẹ												
* Chuyển giao nhiệm vụ: Phiếu học tập số 3: Hình ảnh người mẹ <table><tr><td>Yêu cầu</td><td>Qua lời kể của bà cô</td><td>Qua tâm trí của Hồng trong cuộc trò chuyện</td><td>Qua cuộc gặp gỡ với Bé Hồng</td></tr><tr><td>Dẫn chứng</td><td>.....</td><td>.....</td><td></td></tr><tr><td>Nhận xét</td><td>.....</td><td>.....</td><td></td></tr></table> 1, Em có nhận xét gì về tính cách của người cô 2, Em có ấn tượng gì về hình ảnh người mẹ? * Thực hiện nhiệm vụ: - HS suy nghĩ, hình thành và triển khai ý tưởng, tư duy độc lập... * Báo cáo kết quả: Đại diện nhóm lên thuyết trình * Kết luận, đánh giá: - HS, GV đánh giá, nhận xét. ? Em có nhận xét gì về người mẹ? - Người mẹ rất mực yêu con, đẹp đẽ và giàu nghị lực sống. - Qua đó, tác giả thể hiện sự thương cảm với những người phụ nữ trong xã hội xưa, sống trong sự lạnh lùng, nhẫn tâm, cổ hủ của người đời và xã hội.	Yêu cầu	Qua lời kể của bà cô	Qua tâm trí của Hồng trong cuộc trò chuyện	Qua cuộc gặp gỡ với Bé Hồng	Dẫn chứng				Nhận xét				- Qua lời kể của bà cô: + Mẹ Hồng là một người đàn bà goá chồng, nợ nần cùng túng, bỏ quê nhà và con cái đi làm ăn xa; sống rách rưới và nghèo nàn bằng việc đi bán bóng đèn và vàng hương ở chợ => Người phụ nữ không ra gì, bỏ bê gia đình, không thương con cái. - Qua tâm trí của Hồng trong cuộc trò chuyện: + Mẹ Hồng là một người đáng thương: Phải chịu đựng mọi dèm pha, dè bĩu, sự khinh miệt của xã hội. Chồng mất, nợ nần chồng chất, nhà chồng coi khinh phía bỏ quê nhà đi tha hương. Bất đắc dĩ để lại con cho nhà nội nuôi. => Người phụ nữ cùng cực, bất hạnh, chịu nhiều thiệt thòi, đáng thương và vô tội. - Qua cuộc gặp gỡ với bé Hồng: + Mẹ mang theo nhiều quà bánh. + Mẹ cầm nón vẩy tôi, kéo tay, xoa đầu, lấy vạt áo nâu thấm nước mắt cho tôi. + Gương mặt tươi sáng, đôi mắt trong, nước da mịn, gò má hồng, khuôn miệng xinh xắn. => Người mẹ yêu con, đẹp đẽ, can đảm, vượt lên mọi bất hạnh, đắng cay.
Yêu cầu	Qua lời kể của bà cô	Qua tâm trí của Hồng trong cuộc trò chuyện	Qua cuộc gặp gỡ với Bé Hồng										
Dẫn chứng													
Nhận xét													
Trong kí ức của tác giả trong những năm tháng	3, Nhân vật người cô:												

thơ ấu ngoài hình ảnh của mẹ, ngoài hình ảnh của chính mình trong những năm tháng xa xưa ấy thì còn có một hình ảnh người cô hiện lên rất rõ nét về mặt cả giọng nói, lời nói, cử chỉ nữa. ? Nhân vật người cô hiện lên qua về mặt như thế nào? Giọng nói ra sao? Lời nói và cử chỉ như thế nào? Chú ý vào phần 2 của truyện. - Vẻ mặt: tươi cười - Giọng nói: ngọt ngào, mỉa mai, cay độc. - Lời nói: cửa vào lòng bé Hồng những nỗi đau. - Cử chỉ: rất kịch, giả tạo.	-Vẻ mặt: tươi cười -Giọng nói: ngọt ngào, mỉa mai, cay độc. -Lời nói: cửa vào lòng bé Hồng những nỗi đau. -Cử chỉ: rất kịch, giả tạo.
?Em hãy chỉ rõ lời nói của nhân vật bà cô? -Cô tôi gọi đến bên cười hỏi: Mày có muốn vào Thanh Háo chơi với mẹ mày không? -Sao lại không vào? Mợ mày phát tài lắm, có như dạo trước đâu! Mày dại quá, cứ vào đi, tao chạy cho tiền tàu. Vào mà bắt mợ mày may vá sắm sửa cho và thăm em bé chứ. -Kể các chuyện về mẹ ăn vận rách rưới, mặt mày xanh bủng, người gầy rạc đi cho con bú bên rõ bóng đèn... ? Nhận xét về bà cô? - Bà cô là người giả dối cay nghiệt độc ác, hẹp hòi và tàn nhẫn. Gv: Phải chăng bà cô này chính là biểu tượng cho những hạng người xấu xa, tàn nhẫn khô héo tình người, tình máu mủ ruột già trong xã hội thực dân nửa phong kiến xưa, tượng trưng cho những thành kiến cổ hủ, thói nhỏ nhen lúc bấy giờ. ? Ý nghĩa biểu tượng của nhân vật bà cô? Qua hình ảnh bà cô, tác giả muốn tố cáo những hạng người sống tàn nhẫn, khô héo tình máu mủ ruột rà trong xã hội thực dân nửa phong kiến đầy những thành kiến cổ hủ, thói nhỏ nhen lúc bấy giờ.	
HD cá nhân - KT trình bày 1 phút: * GV yêu cầu HS làm việc cá nhân thực hiện yêu cầu sau: Em hãy khái quát nghệ thuật và nội dung chính của văn bản?	4, Tổng kết a, Nghệ thuật: -Thể văn hồi kí thấm đượm chất trữ tình, kết hợp nhuần nhuyễn giữa kể, tả, bộc lộ cảm xúc. - Các hình ảnh thể hiện tâm trạng các so sánh gây ấn tượng đều giàu sức gợi cảm. -Lời văn nhiều khi say mê khác thường như được viết trong dòng cảm xúc mơn

man dạt dào.

b, Nội dung: Đoạn trích “Trong lòng mẹ” đã kể lại một cách chân thực và cảm động tình cảnh đáng thương và nỗi đau tinh thần của chú bé Hồng, cùng tình yêu thương cháy bỏng của nhà văn thời thơ ấu đối với người mẹ bất hạnh.

III Luyện tập

3. Hoạt động 3: Luyện tập

a) Mục tiêu: Học sinh vận dụng kiến thức đã học vào làm bài tập.

b) Nội dung hoạt động:

- HS luyện đọc kĩ một đoạn trích trong văn bản và thực hiện các nhiệm vụ/trả lời các câu hỏi, bài tập để rèn kĩ năng đọc hiểu văn bản.

c) Sản phẩm học tập:

- Câu trả lời của các câu hỏi, bài tập.

d) Tổ chức thực hiện:

* **Chuyển giao nhiệm vụ:**

- GV phát phiếu bài tập.

* **Thực hiện nhiệm vụ:**

- HS suy nghĩ, hình thành và triển khai ý tưởng, tư duy độc lập...

* **Báo cáo kết quả:**

- GV gọi bất kì cá nhân nào trình bày kết quả.

* **Kết luận, đánh giá:**

- HS, GV đánh giá, nhận xét.

III, LUYỆN TẬP

1, Chỉ ra đặc điểm thể loại hồi kí và nêu một số biểu hiện của thể loại này trong đoạn trích.

ĐẶC TRƯNG CỦA THỂ LOẠI HỒI KÍ:

- Ghi chép các sự việc quá khứ
- Tính chân thực, sự việc, số liệu, thời gian.
- Tác giả là người chứng kiến, tham dự.
- Lời văn trữ tình, giàu xúc cảm cá nhân.

BIỂU HIỆN CỦA THỂ LOẠI HỒI KÍ TRONG TRÍCH ĐOẠN “TRONG LÒNG MẸ”

- Nhân vật bé Hồng chính là tác giả- nhà văn Nguyên Hồng
- Kể lại cuộc trò chuyện với bà cô và cuộc gặp gỡ mẹ trong tuổi thơ mình đã từng trải qua.

2, Viết đoạn văn 4-5 dòng nêu lên tình cảm và suy nghĩ của em sau khi đọc đoạn trích Trong lòng mẹ của nhà văn Nguyên Hồng.

Gợi ý:

1, Giới thiệu tác giả, tác phẩm, vấn đề

2, Cảm nghĩ về vẻ đẹp nghệ thuật

3, Cảm nhận về vẻ đẹp nội dung nhân vật, chi tiết ấn tượng, giá trị hiện thực nhân đạo.

4, Kết đoạn: Thông điệp của tác phẩm và cảm xúc của em.

Tham khảo đoạn văn: Trích đoạn Trong lòng mẹ(Trích “ Những ngày thơ ấu” của Nguyên Hồng là những trang viết đẹp, lấp lánh về tình mẫu tử thiêng liêng (1). Những dòng chữ giản dị mà mon man và dạt dào cảm xúc đã khiến ta xúc động trước cảnh ngộ cực khổ của chú bé Hồng (2). Chú có một tuổi thơ cay đắng và khổ cực nhường

nào nhưng trái tim vẫn vẹn nguyên niềm tin và tình yêu thương vô bờ dành cho mẹ(3). Giây phút được ở trong lòng mẹ, chú đã hạnh phúc và sung sướng bao nhiêu đến mức quên hết đi những tủi hờn đau khổ, quên đi cả lời xúc xiểm cay nghiệt của bà cô tàn nhẫn(4). Câu chuyện như vang lên một lời nhắn nhủ: Hãy yêu thương và kính trọng mẹ nhiều hơn thế nữa vì tình mẹ mệnh mang là món quà lớn nhất trong cuộc đời mỗi con người.(5)

4. Hoạt động 4: Vận dụng

a) Mục tiêu: HS khắc sâu kiến thức đã học.

b) Nội dung: HS hiểu được kiến thức trong bài học để vận dụng vào thực tế.

c) Sản phẩm học tập: Trả lời câu hỏi.

d) Tổ chức thực hiện:

* **Giao nhiệm vụ học tập: 1, Khảo sát**

Phiếu học tập số 4: Con yêu mẹ			
Ôm mẹ	Chưa bao giờ	Thi thoảng	Thường xuyên
Mỉm cười với mẹ			
Nói “Con yêu mẹ”			
Hỏi thăm mẹ			
Làm việc nhà cùng mẹ			
Lắng nghe những ước mơ, sở thích, nỗi buồn... của mẹ.			

2, Có nhiều bạn cho rằng: Việc mẹ hi sinh cho con, quan tâm và yêu thương con là chuyện bình thường, là điều hiển nhiên mà con cái được nhận. Suy nghĩ của em về ý kiến trên?

- Tình mẫu tử, phụ tử là thứ tình cảm nguyên sơ, đẹp đẽ nhất của con người.
- Nhiều cha mẹ dành cả cuộc đời để hi sinh vì con cái, đôi khi họ coi đó là trách nhiệm kể từ khi con cái chào đời. Họ dành tất cả những gì ngon nhất, tốt nhất cho con.
- Đôi lại họ chỉ cần con học tập chăm chỉ, ngoan ngoãn, sau này có một công việc ổn định, cuộc sống bình yên.

Tình yêu vô điều kiện ấy đã khiến nhiều đứa con có những suy nghĩ chưa đúng:

_ Cảm thấy sự lo lắng, quan tâm của cha mẹ là hiển nhiên, con cái mặc nhiên được nhận.

- Không cần trân trọng, biết ơn: đòi hỏi nhiều hơn, khó chịu, oán trách khi không được như ý mình.

Ngược lại trong nhiều trường hợp:

Cha mẹ quan tâm thái quá, chưa đúng cách:

- + Cha mẹ quan tâm thái quá, chưa đúng cách.
- + Thêm việc chênh lệch tuổi tác, các yếu tố xã hội, khiến cha mẹ không có tiếng nói chung
- + Áp lực cho con.

Hành động của con:

- Đối thoại với cha mẹ tìm ra những phương hướng giải quyết.
- Chứng minh bằng những hành động, lời nói của mình, thể hiện mình đã trưởng thành, tạo niềm tin cho cha mẹ.
- Hành động giao tiếp: tặng sách cho cha mẹ, viết thư.

* **Thực hiện nhiệm vụ:** HS suy nghĩ, hình thành và triển khai ý tưởng, tư duy độc lập...

- * **Báo cáo kết quả:** GV gọi bất kì cá nhân nào trình bày kết quả.
- * **Kết luận, đánh giá.**
- * Về nhà: Học bài, nắm vững nội dung đã học, soạn bài Đồng Tháp Mười mùa nước nổi

=====

Tiết 31, 32

ĐỌC HIỂU VĂN BẢN **ĐỒNG THÁP MƯỜI MÙA NƯỚC NỔI** (VĂN CÔNG HÙNG)

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức

- Vẻ đẹp của vùng đất Đồng Tháp Mười.
- Một số yếu tố hình thức (ngôi kể, tính xác thực, cách kể sự việc, hình thức ghi chép), nội dung (đề tài, chủ đề, cảm xúc, ý nghĩa...) của văn bản du kí.

2. Về năng lực

- Xác định được phương thức biểu đạt, ngôi kể của văn bản.
- Nhận biết được các chi tiết về cảnh đẹp và con người vùng Đồng Tháp Mười.
- Phân tích được tác dụng của các biện pháp nghệ thuật có trong văn bản.

3. Về phẩm chất:

- Giúp học sinh thêm yêu và tự hào về cảnh sắc thiên nhiên, đất nước.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU:

1. Chuẩn bị của giáo viên:

- Giáo án
- Tranh ảnh, video về vùng Đồng Tháp Mười
- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp
- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà

2. Chuẩn bị của học sinh: SGK, SBT Ngữ văn 6, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi. _

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC:

1. Hoạt động 1: Mở đầu

- Mục tiêu: Tạo tâm thế và định hướng chú ý cho học sinh; tạo vấn đề vào chủ đề
- Nội dung hoạt động: HS trả lời câu hỏi.
- Sản phẩm học tập: Câu trả lời/chia sẻ của HS bằng ngôn ngữ
- Tổ chức hoạt động:

* **Chuyển giao nhiệm vụ học tập:** Hs chơi trò chơi “ VẼ ĐẸP MUÔN MÀU”

* **Thực hiện nhiệm vụ:**

Câu 1:

Ở đâu thẳng cánh cò bay
Ở đâu lấp lánh cá tôm suốt ngày
Là nơi nào?

Gợi ý: Địa danh này ở Miền Nam nơi có hệ sinh thái vô cùng phong phú và đa dạng, nơi có rất nhiều rừng tràm, có rất nhiều chim cá, cá tôm(Đồng Tháp Mười)

Gv chiếu và đọc bài ca dao về Đồng Tháp Mười .

Câu 2:

Tên của biểu tượng vui được sử dụng trong tất cả các sự kiện kinh tế, văn hoá, thể thao và du lịch tại tỉnh Đồng Tháp?

Gợi ý:

Biểu tượng vui này được coi là linh vật của tỉnh Đồng Tháp được thiết kế ssangs tạo từ

trên một cánh hoa sen và mang 3 màu sắc chủ đạo màu vàng, màu xanh và màu hồng (Bé Sen trông rất khoẻ khoắn và năng động)

Câu 3: Đây là loài hoa đặc trưng của vùng Đồng Tháp Mười mùa lũ, tên của nó là gì?
Gợi ý: Đây là những bông hoa mang sắc vàng rất là tươi tắn và mỗi khi mùa nước lũ tràn về vào tầm khoảng tháng 7, 8, 9 âm lịch thì những loài hoa này nở vàng ven đê, ven những triền sông và ven những con kênh rạch. Loài hoa này có thể dùng để có thể ăn sống, có thể dùng làm muối dưa chua, hoặc ăn cùng những món lẩu cá(Bông điên điển)

Câu 4: Một điểm đến nổi tiếng khi bạn đến thăm Đồng Tháp? Đây là đâu?(CHÙA PHƯỚC KIẾN)

* **Báo cáo kết quả:** HS trình bày kết quả (cá nhân)

* **Đánh giá nhận xét, dẫn vào bài:** Ngày hôm nay cô trò sẽ lên đường để khám phá một chuyến đi đồng hành cùng với một tác giả và bài học đó chính là “...”

2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới

Hoạt động của GV và HS	Nội dung cần đạt								
a) Mục tiêu: Hs nắm những thông tin cơ bản về về tác giả, những vấn đề chung về văn bản. b) Nội dung hoạt động: Hs thuyết trình và trả lời các câu hỏi. c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời của các câu hỏi, bài tập. d) Tổ chức thực hiện:	I, ĐỌC –TÌM HIỂU CHUNG								
* Chuyển giao nhiệm vụ: ? Qua sự chuẩn bị bài ở nhà các nhóm lên thuyết trình về tác và văn bản? * Thực hiện nhiệm vụ: - HS suy nghĩ, hình thành và triển khai ý tưởng, tư duy độc lập... * Báo cáo kết quả: Đại diện nhóm lên thuyết trình * Kết luận, đánh giá: - HS, GV đánh giá, nhận xét. Gv: Nguyên Hồng có một tuổi thơ bất hạnh, thiếu vắng tình thương, phải tự lập và kiếm sống khi còn rất nhỏ, có lẽ chính bởi vì những năm tháng cơ cực và được sống cùng những con người nghèo khổ dưới đáy xã hội. * Đọc sao cho hay? - Đọc to, rõ ràng, ngắt nghỉ đúng nhịp. - Thể hiện được sự thích thú say mê của người viết. Gv gọi hs đọc Phiếu học tập số 1	1, Tác giả - Quê quán: sinh năm 1958 quê Thừa Thiên Huế. - Quan niệm: “Viết ..là cuộc vật lộn khổ sở, là nghiệp đeo đẳng suốt đời. Chứ không làm cho người no, nhưng cho ta cảm giác bình an và như thế là hạnh phúc.” - Hội viên: Hội Nhà văn Việt Nam, Hội Nhà báo Việt Nam, Hội Văn nghệ dân gian Việt Nam, Văn học nghệ thuật các dân tộc thiểu số Việt Nam. 2, Văn bản: a, Xuất xứ: Báo văn nghệ, số 49, tháng 12-2021 b, Thể loại: Du kí là một thể một thể của kí nhằm ghi lại những điều đã chứng kiến trong một chuyến đi diễn ra chưa lâu của bản thân tới một miền đất khác. c, Bố cục: 6 phần + Vai trò của lũ với Đồng Tháp								
<table border="1"> <tr> <td colspan="2">Phiếu học tập số 1: Tìm hiểu chung về văn bản</td></tr> <tr> <td>Nêu xuất xứ của văn bản</td><td></td></tr> <tr> <td>Thể loại của văn bản là gì? nêu hiểu biết của em về thể loại đó?</td><td></td></tr> <tr> <td>Văn bản có thể chia làm mấy phần? Nêu nội dung</td><td></td></tr> </table>		Phiếu học tập số 1: Tìm hiểu chung về văn bản		Nêu xuất xứ của văn bản		Thể loại của văn bản là gì? nêu hiểu biết của em về thể loại đó?		Văn bản có thể chia làm mấy phần? Nêu nội dung	
Phiếu học tập số 1: Tìm hiểu chung về văn bản									
Nêu xuất xứ của văn bản									
Thể loại của văn bản là gì? nêu hiểu biết của em về thể loại đó?									
Văn bản có thể chia làm mấy phần? Nêu nội dung									

tùng phần?	+ Tác giả tới thăm Tràm Chim + Những món đặc sản ở Đồng Tháp + Vẻ đẹp của sen Tháp Mười + Khu du lịch Gò Tháp + Cảm nhận chung về vùng đất này. d, Chú thích
Nội khái niệm của từ với những từ ngữ đã cho? a) Mục tiêu: Học sinh thấy được những vẻ đẹp riêng của Đồng Tháp Mười qua chuyến du lịch của tác giả Văn Công Hùng b) Nội dung hoạt động: Hs thực hiện các phiếu học tập và trả lời các câu hỏi. c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời của các câu hỏi, bài tập. d) Tổ chức thực hiện:	II, KHÁM PHÁ VĂN BẢN 1, Chuyến đi khám phá về đẹp của Đồng Tháp Mười
Dẫn dắt: Các em biết rằng ngay cả khi chúng ta đi du lịch hay đi tham quan đến bất kì một địa danh nào chúng ta cũng thường có ấn tượng rất là riêng biệt về những vẻ rất là riêng của nó. Ví dụ khi ta đi vào văn miếu Quốc Tử Giám, thấy ở trong đó có rất nhiều bia đá, đây là ấn tượng đầu tiên, trên văn bia đã có khắc ghi tên của những người chiến sĩ. Thế thì đến Tháp Mười Văn Công Hùng đã ghi lại những vẻ riêng của Đồng Tháp Mười thông qua những yếu tố gì? Các em hãy xem lại 6 phần trong sgk, 6 đoạn có 6 từ khoá các em sẽ phải tìm. ? Tác giả đã lựa chọn những gì để làm nổi bật màu sắc riêng của Đồng Tháp Mười mùa nước nổi? - Lũ và kênh rạch, ẩm thực, Tràm Chim, đầm sen, gò tháp, con người. ? Dựa trên 6 từ khoá , hãy vẽ sơ đồ khái quát hành trình chuyến đi Đồng Tháp Mười? ? Sau này chúng ta gặp một tác phẩm du kí khác thì sao? Chúng ta có sử dụng sơ đồ này không? - Có, chúng ta cũng sẽ lần lượt liệt kê ra những điểm đến, những điều thú vị ở trên một vùng đất nào đấy về thiên nhiên, con người, về ẩm thực, về văn hoá và lịch sử. Gv: Để giúp các em có thêm những chìa khoá quan trọng thêm vào cuộc hành trình đi khám phá của tác gia ... cô mời các em thực hiện phiếu học tập số 2:	- Lũ: Là nguồn sống mang phù sa màu mỡ về, mang tôm cá về, làm nên một nền văn hóa đồng bằng và cung cấp nước ngọt cho người dân. Kênh rạch: chằng chịt, thông thương, nổi những cù lao, giồng.. thành một đồng bằng rộng lớn và đầy màu sắc; mục đích còn để lấy nước, lấy đất đắp đường. -Tràm Chim: Đơn giản là tràm và chim: Tràm là gồm những cây tràm kết thành rừng và chim thì dày đặc thành vườn. Muốn thấy chim phải chiều tối, hàng vạn, chục vạn con lượn bé to nhỏ rợp cả một khoảng trời. -Ẩm thực: Đặc sản của Đồng Tháp Mười: diên điển xào tôm, cá linh kho ngọt. -Sen: Một thế lực của cái đẹp tự nhiên. Bạt ngàn, tinh khiết

Phiếu học tập số 2: Chuyến đi khám phá vẻ đẹp của Đồng Tháp Mười	
1. Lũ và kênh rạch	
2. Tràm Chim	
3. Âm thực	
4. Sen	
5. Lịch sử	
6. Con người.	
Hs thực hiện phiếu học tập sau đó hoàn thiện thêm vào bản đồ hành trình các từ khoá- Gv chiếu bản đồ hành trình. Gv: Trong tay các em đã có một tấm bản đồ xinh xinh, hi vọng có thời điểm những bạn nào chưa được vào tháp Mười, các em sẽ mang những tấm bản đồ hành trình này và chúng ta sẽ sử dụng trong chuyến đi thử khám phá những vẻ đẹp của Đồng Tháp Mười thậm chí có những bạn có thể sáng tạo thêm sơ đồ hành trình mới trên mỗi chuyến đi khám phá của mình. Chuyển ý: Ở đây không chỉ cung cấp cho chúng ta thông tin, nếu đơn thuần là cung cấp thông tin thôi thì rõ ràng không phải là thể loại du kí nữa, nó sẽ giống như một bài địa lí học, nhưng mà ở đây rõ ràng ngoài những thông tin khoa học mà tác giả cung cấp về cảnh vật, con người, thiên nhiên, về cây cối thì tác giả còn gửi gắm những tình cảm của mình trong bài du kí nữa.	
a) Mục tiêu: Học sinh thấy được tình cảm của tác giả gửi gắm trong bài kí. b) Nội dung hoạt động: Hs thực hiện trả lời các câu hỏi. c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời của các câu hỏi, bài tập. d) Tổ chức thực hiện:	2, Tình cảm của tác giả gửi gắm trong bài kí.
? Tìm ra những câu văn bộc lộ được xúc cảm của Văn Công Hùng trong hành trình đi khám phá. Tác giả đã gửi gắm những tình cảm gì trong bài kí? - Trong khi chúng tôi chỉ có một ngày cưỡi xe, mà lại muốn đi nhiều, thấy nhiều, chiêm ngưỡng nhiều... - Bằng nỗi khát khao và trân trọng của mình, tôi đã miệt mài ăn hai món quốc hồn quốc túy đồng bằng ấy. - Con người chột chùng lại, băng khuâng, ngơ ngác giữa thế giới sen. ⇒ Nhiều cảm xúc đan xen: ngỡ ngàng, choáng ngợp, tận hưởng, tiếc nuối... Và vô cùng trân trọng	-Trong khi chúng tôi chỉ có một ngày cưỡi xe, mà lại muốn đi nhiều, thấy nhiều, chiêm ngưỡng nhiều... -Bằng nỗi khát khao và trân trọng của mình, tôi đã miệt mài ăn hai món quốc hồn quốc túy đồng bằng ấy. -Con người chột chùng lại, băng khuâng, ngơ ngác giữa thế giới sen. =>Nhiều cảm xúc đan xen: ngỡ ngàng, choáng ngợp, tận

chuyến đi tìm hiểu về vùng đất mới này. ? Theo em, bài du kí về một vùng đất mới cần chú ý giới thiệu những gì? - Cảnh quan thiên nhiên - Văn hoá ẩm thực - Văn hoá lịch sử - Con người. ? Việc sử dụng ngôi kể thứ nhất trong bài du kí có tác dụng gì? - Nhân vật tôi, chính là tác giả người thực hiện chuyến đi. - Bài kí trở nên chân thực, sinh động, giàu cảm xúc. Gv: Nó khiến cho bài du kí không phải là cái bài mà mang những thông tin về địa lí nữa, đơn thuần về địa lí nữa mà còn là cái chuyến trải nghiệm về văn hoá, về tinh thần nó khơi mở cho trái tim của chúng ta nó gạn đục khơi trong, thanh lọc tâm hồn của chúng ta hướng chúng ta tới những nét đẹp của những vùng đất đầy với rung cảm rất nghệ sĩ của nhà văn đánh thức những xúc cảm đẹp đẽ trong trái tim của chúng ta, trong lòng người đọc	hương, tiếc nuối... Và vô cùng trân trọng chuyến đi tìm hiểu về vùng đất mới này.
HD cá nhân - KT trình bày 1 phút: * GV yêu cầu HS làm việc cá nhân thực hiện yêu cầu sau: Em hãy khái quát nghệ thuật và nội dung chính của văn bản?	III, TỔNG KẾT 1, Nghệ thuật: Kết hợp nhuần nhuyễn các yếu tố kể với miêu tả, biểu cảm. 2, Nội dung: Chuyến đi Đồng Tháp Mười với nhiều trải nghiệm thú vị đã khơi gợi cho người đọc niềm ham thích và ước mơ khám phá những vẻ đẹp về thiên nhiên, ẩm thực, văn hoá lịch sử và con người nơi đây.

3. Hoạt động 3: Luyện tập

- a) Mục tiêu: Học sinh vận dụng kiến thức đã học vào làm bài tập.
- b) Nội dung hoạt động:
- HS luyện đọc kĩ một đoạn trích trong văn bản và thực hiện các nhiệm vụ/trả lời các câu hỏi, bài tập để rèn kĩ năng đọc hiểu văn bản.
- c) Sản phẩm học tập:
- Câu trả lời của các câu hỏi, bài tập.
- d) Tổ chức thực hiện:
- * Chuyển giao nhiệm vụ:**
- GV phát phiếu bài tập.
- * Thực hiện nhiệm vụ:**
- HS suy nghĩ, hình thành và triển khai ý tưởng, tư duy độc lập...
- * Báo cáo kết quả:**
- GV gọi bất kì cá nhân nào trình bày kết quả.
- * Kết luận, đánh giá:**
- HS, GV đánh giá, nhận xét.

Hoạt động của GV và HS	Nội dung cần đạt
Gợi ý: - Gọi tên nơi mình muốn đến - Miêu tả lại những nét đẹp, đặc sắc của nơi đó. - Bày tỏ cảm xúc, những mong muốn.	IV, LUYỆN TẬP 1, Vẽ sơ đồ tư duy bài học 2, Nếu được đi thăm quan Đồng Tháp Mười, em sẽ đến nơi nào trong bài du kí? Vì sao?

4. Hoạt động 4: Vận dụng

a) Mục tiêu: HS khắc sâu kiến thức đã học.

b) Nội dung: HS hiểu được kiến thức trong bài học để vận dụng vào thực tế.

c) Sản phẩm học tập: Trả lời câu hỏi.

d) Tổ chức thực hiện:

* **Giao nhiệm vụ học tập:**

1, Em có thường xuyên đi du lịch không?

2, Theo em, những chuyến đi mang lại những lợi ích gì?

- Về với tự nhiên, thư giãn, vui khỏe...
- Mở rộng tầm mắt thêm nhiều kiến thức về văn hoá, lịch sử.. Và phát triển các kĩ năng sống.
- Lòng tự hào dân tộc và tình yêu quê hương.

3, Con người cần làm gì để giữ gìn vẻ đẹp của thiên nhiên?

- Phát triển du lịch bền vững, du lịch sinh thái..
- Nâng cao ý thức con người.

* **Thực hiện nhiệm vụ:** HS suy nghĩ, hình thành và triển khai ý tưởng, tư duy độc lập...

* **Báo cáo kết quả:** GV gọi bất kì cá nhân nào trình bày kết quả.

* **Kết luận, đánh giá.**

* **Hoạc bài, tìm hiểu tiếp nội dung bài Thời thơ ấu của Hon-da**

=====

Ngày

Tiết 33, 34

THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT (Từ đa nghĩa, Từ đồng âm, Từ mượn)

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức

- Đặc điểm về nguồn gốc và nghĩa của từ Tiếng Việt: đa nghĩa, từ đồng âm, từ mượn.
- Đa dạng về từ đa nghĩa, từ đồng âm, từ mượn và tác dụng của nó trong văn bản.

2. Năng lực

- Thu thập, sưu tầm những từ mượn được sử dụng thông dụng trong cuộc sống.
- Năng lực nhận diện từ đa nghĩa, đa âm, từ mượn trong văn bản.
- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận về nguồn gốc và nghĩa của từ.
- Năng lực giao tiếp và sử dụng ngôn ngữ trong giao tiếp.

3. Phẩm chất:

- Có ý thức vận dụng kiến thức vào giao tiếp và tạo lập văn bản. Trân trọng giữ gìn vẻ đẹp và sự trong sáng của Tiếng Việt.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- SGK, SGV Ngữ văn 6 tập một
- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi
- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp
- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Hoạt động 1: Mở đầu

a) Mục tiêu: Tạo tâm thế và định hướng chú ý cho học sinh; tạo vấn đề vào chủ đề

b) Nội dung hoạt động: HS trả lời câu hỏi.

c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời/chia sẻ của HS bằng ngôn ngữ

d) Tổ chức hoạt động:

* **Giao nhiệm vụ học tập:** Trả lời các câu đố vui sau và cho biết đó là các hiện tượng nào trong tiếng việt?

Câu đố 1: Nhanh tay- lẹ mắt

Trên màn hình xuất hiện 12 hình ảnh, nhiệm vụ của các em là nhanh chóng tìm các từ gọi tên các sự vật tương ứng trong hình.

Gv: Chúng ta đã nhanh chóng tìm Những từ có tiếng giống nhau nhưng lại chỉ các sự vật khác nhau hoàn toàn

Câu 2: Gọi tên sự vật trong hình?(Từ chỉ 1 tiếng để gọi tên các sự vật trong hình)

Câu 3: Gọi tên các hình ảnh bằng các từ hay các cụm từ? Điểm chung của các từ đó là gì?

* **Thực hiện nhiệm vụ:** HS suy nghĩ, hình thành và triển khai ý tưởng, tư duy độc lập...

* **Báo cáo kết quả:** GV gọi bất kì cá nhân nào trình bày kết quả.

* **Kết luận, đánh giá kết nối bài học:** Buổi học hôm nay chúng ta sẽ thực hành tiếng việt: **Từ đa nghĩa, Từ đồng âm, Từ mượn**

2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới

Hoạt động của GV và HS			Nội dung cần đạt
* Chuyển giao nhiệm vụ: Xem tri thức ngữ văn trang 51/ sgk			I, TỪ ĐA NGHĨA, TỪ ĐỒNG ÂM, TỪ MUỘN 1, Từ đa nghĩa là từ có hai nghĩa trở lên(có một nghĩa gốc và một hay một số nghĩa chuyển, các nghĩa của từ bao giờ cũng có mối liên hệ với nhau) Ví dụ: Từ "ăn" có hơn 10 nghĩa, trong đó có các nghĩa như: a) <i>đưa thức ăn vào cơ thể qua miệng (ăn cơm); b) ăn uống nhân dịp gì đó (ăn Tết); c) máy móc phương tiện giao thông tiếp nhận nhiên liệu (tàu ăn than);...</i> 2, Từ đồng âm là những từ có cách phát âm và viết chữ giống nhau nhưng có nghĩa khác nhau. Ví dụ: <i>đường</i> với nghĩa <i>chất kết tinh có</i>
Phiếu học tập số 1: Khám phá kiến thức tiếng v			
	Khái niệm	Ví dụ	
TỪ ĐA NGHĨA			
TỪ ĐỒNG ÂM			
TỪ MUỘN			
* Thực hiện nhiệm vụ: - HS suy nghĩ, hình thành và triển khai ý tưởng, tư duy độc lập...			
* Báo cáo kết quả: - GV gọi bất kì cá nhân nào trình bày kết quả.			
* Kết luận, đánh giá: - HS, GV đánh giá, nhận xét.			

	vị ngọt (ngọt như đường) đồng âm với đường có nghĩa lối đi được tạo ra để nối các nơi (đường đến trường). Trong câu mỗi từ thường chỉ được dùng với một nghĩa. Để hiểu đúng nghĩa của từ trong câu, cần dựa vào các từ ngữ xung quanh nó. Tuy nhiên, trong một số trường hợp, người nói, người viết có thể cố ý dùng một từ theo hai nghĩa như một cách chơi chữ. Ví dụ: “ Con ngựa đá đá con ngựa đá” Đá- hành động(Đt) Đá- được làm bằng chất liệu đá(danh từ) 3. Từ mượn là những từ mượn tiếng nước ngoài để biểu thị những sự vật, hiện tượng, đặc điểm,... mà tiếng Việt chưa có từ thích hợp để biểu thị. Ví dụ: + Từ mượn tiếng Hàn (tiếng Trung Quốc): tác phẩm, văn học, sứ giả, hòa bình,... + Từ mượn tiếng Pháp: (nhà) ga, xà phòng, mùi soa, pa nô, áp phích,... + Từ mượn tiếng Anh: mít tinh, ti vi,... Các từ đã được Việt hóa thì viết như tiếng Việt. Còn thuật ngữ khoa học thì cần viết theo nguyên trạng để dễ tra cứu khi cần thiết, ví dụ: acid, oxygen, hydro,... Mượn từ là một cách làm giàu cho ngôn ngữ dân tộc. Tuy nhiên để bảo vệ sự trong sáng của ngôn ngữ dân tộc chỉ nên mượn từ khi thật sự cần thiết và đã mượn thì phải tìm hiểu kỹ để sử dụng cho đúng.
HS chơi trò chơi: KHÁM PHÁ TIẾNG VIỆT Gv: Cô hi vọng với trò chơi này các em đã khắc sâu hơn nữa về Từ đa nghĩa, Từ đồng âm, Từ mượn.	

Tiết 34:

3. Hoạt động 3: Luyện tập

a) Mục tiêu: Học sinh vận dụng kiến thức đã học vào làm bài tập.

b) Nội dung hoạt động:

- HS luyện đọc kỹ một đoạn trích trong văn bản và thực hiện các nhiệm vụ/trả lời các câu hỏi, bài tập để rèn kỹ năng đọc hiểu văn bản.

c) Sản phẩm học tập:

- Câu trả lời của các câu hỏi, bài tập.

d) Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Nội dung cần đạt														
* Chuyển giao nhiệm vụ: Sử dụng kĩ thuật công đoạn Nhóm 1: Làm phiếu học tập bài tập 1 Nhóm 2: Làm phiếu học tập bài tập 2 Nhóm 3: Làm phiếu học tập bài tập 3 Nhóm 4: Làm phiếu học tập bài tập 4 * Chuyển giao nhiệm vụ: - GV phát phiếu bài tập. * Thực hiện nhiệm vụ: - HS suy nghĩ, hình thành và triển khai ý tưởng, tư duy độc lập... * Báo cáo kết quả: - GV gọi bất kì cá nhân nào trình bày kết quả. * Kết luận, đánh giá: - HS, GV đánh giá, nhận xét.	II, LUYỆN TẬP Bài tập 1: Xác định nghĩa của các từ <i>chân, chạy</i> trong mỗi trường hợp dưới đây: Từ chân: a, Bộ phận dưới cùng của cơ thể người hay động vật; dùng để đi, đứng, chạy, nhảy. b, Phần dưới cùng, phần gốc của sự vật. c, Phần dưới cùng của một ngọn núi tiếp giáp mặt đất Từ chạy: a, Di chuyển thân thể bằng những bước nhanh, mạnh và liên tiếp. b, Di chuyển đến nơi khác trên một bề mặt . c, Khẩn trương lo liệu để mau chóng có được , đạt được cái đang cần, đang muốn. d, Nằm trải ra thành dải dài và hẹp.														
PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2: Từ đa nghĩa Xác định nghĩa của các từ <i>chân, chạy</i> trong mỗi trường hợp dưới đây <table border="1" data-bbox="92 1070 933 1848"> <tr> <td>a) Tôi thở hồng hộc, trán đẫm mồ hôi khi trèo lên xe, tôi rúi cả hai <u>chân</u> lại. (Nguyễn Hồng)</td><td></td></tr> <tr> <td>b) Dù ai nói ngả, nói nghiêng Lòng ta vẫn vững như kiềng ba <u>chân</u>. (Ca dao)</td><td></td></tr> <tr> <td>c) Đám tàn quân giẫm đạp lên nhau chạy trốn, tráng sĩ đuổi đến <u>chân</u> núi Sóc. (Thánh Gióng)</td><td></td></tr> <tr> <td>a) Thằng Khìn <u>chạy</u> lon ton quanh sân... (Cao Duy Sơn)</td><td></td></tr> <tr> <td>b) Xe <u>chạy</u> chậm chậm. (Nguyễn Hồng)</td><td></td></tr> <tr> <td>c) Vào Thanh Hóa đi, tao <u>chạy</u> cho tiền tàu. (Nguyễn Hồng)</td><td></td></tr> <tr> <td>d) Bãi cát trắng phau, <u>chạy</u> dài hàng mấy nghìn thước. (Mộng Tuyết)</td><td></td></tr> </table>	a) Tôi thở hồng hộc, trán đẫm mồ hôi khi trèo lên xe, tôi rúi cả hai <u>chân</u> lại. (Nguyễn Hồng)		b) Dù ai nói ngả, nói nghiêng Lòng ta vẫn vững như kiềng ba <u>chân</u> . (Ca dao)		c) Đám tàn quân giẫm đạp lên nhau chạy trốn, tráng sĩ đuổi đến <u>chân</u> núi Sóc. (Thánh Gióng)		a) Thằng Khìn <u>chạy</u> lon ton quanh sân... (Cao Duy Sơn)		b) Xe <u>chạy</u> chậm chậm. (Nguyễn Hồng)		c) Vào Thanh Hóa đi, tao <u>chạy</u> cho tiền tàu. (Nguyễn Hồng)		d) Bãi cát trắng phau, <u>chạy</u> dài hàng mấy nghìn thước. (Mộng Tuyết)		Bài tập 2: Tìm thêm ba từ chỉ bộ phận cơ thể người và kể ra một số ví dụ về sự chuyển nghĩa của chúng (sang nghĩa chỉ bộ phận của vật).
a) Tôi thở hồng hộc, trán đẫm mồ hôi khi trèo lên xe, tôi rúi cả hai <u>chân</u> lại. (Nguyễn Hồng)															
b) Dù ai nói ngả, nói nghiêng Lòng ta vẫn vững như kiềng ba <u>chân</u> . (Ca dao)															
c) Đám tàn quân giẫm đạp lên nhau chạy trốn, tráng sĩ đuổi đến <u>chân</u> núi Sóc. (Thánh Gióng)															
a) Thằng Khìn <u>chạy</u> lon ton quanh sân... (Cao Duy Sơn)															
b) Xe <u>chạy</u> chậm chậm. (Nguyễn Hồng)															
c) Vào Thanh Hóa đi, tao <u>chạy</u> cho tiền tàu. (Nguyễn Hồng)															
d) Bãi cát trắng phau, <u>chạy</u> dài hàng mấy nghìn thước. (Mộng Tuyết)															
PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2: PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2: Tìm thêm ba từ chỉ bộ phận cơ thể người và kể ra một số ví dụ về sự chuyển nghĩa của chúng (sang nghĩa chỉ bộ phận của vật). Ví dụ: mũi dao, mũi thuyền, mũi súng, mũi đất, mũi															

quân, mũi thuyền....		
1		
2		
3		
Ghi chú những điều cần lưu ý:		
Dự kiến sp:		
PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2: Tìm thêm ba từ chỉ bộ phận cơ thể người và kể ra một số ví dụ về sự chuyển nghĩa của chúng (sang nghĩa chỉ bộ phận của vật).		
Ví dụ: mũi dao, mũi thuyền, mũi súng, mũi đất, mũi quân, mũi thuyền....		
1. Đầu	- Đầu tàu - Đầu đàn	
2. Mắt	- Mắt na - Mắt lưới	
3. Miệng	- Kiểm tra miệng - Miệng giếng	
Ghi chú những điều cần lưu ý: - Từ nhiều nghĩa nào cũng có một nghĩa gốc(nghĩa đen, nghĩa chính) và từ đó nảy sinh ra các nghĩa chuyển. Các nghĩa này có một cơ sở ngữ nghĩa chung. - Trong từ điển, nghĩa gốc được xếp ở vị trí đầu tiên.		
Thực hiện phiếu học tập sau: PHIẾU HỌC TẬP SỐ 3: Từ đồng âm Bài tập 3: Tìm từ đa nghĩa, từ đồng âm .		3. Bài tập 3: Tìm từ đa nghĩa, từ đồng âm trong những câu dưới đây: a, Chín (1): ở vào giai đoạn phát triển đầy đủ nhất, thường có màu đỏ hoặc vàng, có hương thơm, vị ngọt. (Một nghề cho) chín (2): giỏi, thành thạo. chín (3) trong “chín nghề”: chỉ số đếm. => Từ “chín” (1), “chín”(2) là từ đa nghĩa. => Từ “chín” (2) với “chín” (3) là từ đồng âm.
a) Chín: Quýt nhà ai <u>chín</u> đỏ cây Hỡi em đi học, hãy hãy má tròn. (Tổ Hữu)		
b) Cắt: Nhanh như <u>cắt</u> , rùa há miệng đón lấy thanh gươm rồi lặn xuống nước. (Sự tích Hồ Gươm) Việc làm <u>khấp</u> chốn cùng nơi Giục đi <u>cắt</u> cỏ vai tôi đã mòn. (Ca dao) Bài viết bị <u>cắt</u> mất một đoạn. (Dẫn theo Hoàng Phê) Chúng <u>cắt</u> lượm nhau suốt ngày vào cả khía làm cho Trũi không chịu được. (Tô Hoài)		b, Từ cắt chỉ loài chim. Từ cắt chỉ một hành động dùng kéo/ liềm/...để dọn sạch cỏ.

			Từ cắt chỉ sự phân công, phân chia, thay phiên.
Thực hiện thảo luận cặp đôi: So sánh từ đa nghĩa, từ đồng âm.			So sánh từ đa nghĩa, từ đồng âm. Giống: Về hình thức(âm thanh, chữ viết) Khác: Từ đa nghĩa
So sánh từ đa nghĩa, từ đồng âm.			
	Từ đa nghĩa	Từ đồng âm	
Giống			
Khác			
Dự kiến sp:			
So sánh từ đa nghĩa, từ đồng âm.			
	Từ đa nghĩa	Từ đồng âm	
Giống	Về hình thức(âm thanh, chữ viết)		
Khác	-Là 1 từ có nhiều nghĩa và các nghĩa có mối liên hệ với nhau. -Có thể thay thế từ nhiều nghĩa ở nghĩa chuyển bằng một từ khác.	-Là các từ khác nhau nên nghĩa cũng khác xa nhau , đều là nghĩa gốc. -Không thể thay thế bằng từ khác mà chỉ có thể diễn tả khái niệm/ nghĩa của từ.	
Phiếu học tập số 4			
Phiếu học tập số 4- TỪ MƯỢN (Bài 4, 5) Bài tập 4: Tìm các từ mượn trong những câu dưới đây. Đối chiếu với nguyên dạng trong tiếng Pháp, tiếng Anh để biết nguồn gốc của những từ đó.			
a) Đó là lần đầu tiên tôi thấy ô tô. (Hon-đa Sô-i-chi-rô)			
b) Chọn lúc cả nhà không ai để ý, tôi lén lấy 2 xu để làm tiền lộ phí. (Hon-đa Sô-i-chi-rô)			
c) Lúc đó, tôi vô cùng cảm phục những chủ thợ điện với túi đồ nghề gồm kìm, tuốc nơ vít cột ngang lưng trèo lên cột điện nối dây cáp. (Hon-đa Sô-i-chi-rô)			
d) Khi tôi đọc sách, mọi thông tin vào đầu tôi rất chậm, những khi xem ti vi bằng tai và mắt thì tôi cảm nhận mọi việc nhạy bén hơn nhiều. (Hon-đa Sô-i-chi-rô)			
Làm việc cá nhân bài tập 5, 6 Theo em, có thể thay thế các từ mượn trong những câu ở bài tập 4 bằng các từ gốc Việt không? Vì sao?			
Bài tập 4+ 5: Tìm các từ mượn trong những câu dưới đây. Đối chiếu với nguyên dạng trong tiếng Pháp, tiếng Anh để biết nguồn gốc của những từ đó. a, Tiếng Pháp: auto. b, Tiếng Pháp: xu c, Tiếng Pháp: tournevis. d, Tiếng Anh: TV - television. e, Tiếng Pháp: carton.			
5. Bài tập 5: Không thể thay thế các từ mượn ở bài 4 bằng các từ gốc			

	Việt. Lí do: vì chưa có các từ gốc Việt tương ứng để diễn tả. Lưu ý: Không lạm dụng từ mượn trong khi có thể sử dụng từ thuần Việt để giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt.
	6. Bài tập 6 Qua văn bản <i>Về từ "ngọt"</i>, tác giả đã nêu lên nhận thức trong tiếng Việt về khái niệm "ngọt" qua các cấp bậc. Đầu tiên, tác giả khẳng định tầm quan trọng của từ này trong cả đời sống vật chất và tình cảm của con người. Từ khi ra đời, chúng ta đã hiểu thế nào là ngọt từ dòng sữa mẹ. Lớn lên thì lại càng hiểu thêm hơn nữa về nó. Đầu tiên, ngọt được hiểu theo nghĩa cơ bản như ngọt của mía, ngọt của bát canh cua,... Từ ngọt đã được nhận thức qua lần lượt cả năm giác quan: từ vị giác đến khứu giác, thị giác sau đó đến xúc giác và cuối cùng là thính giác. Từ đó mới sinh ra lối so sánh vẫn dùng <i>nói ngọt như mía lùi</i>.

4. Hoạt động 4: Vận dụng

- Mục tiêu: HS khắc sâu kiến thức đã học.
- Nội dung: HS hiểu được kiến thức trong bài học để vận dụng vào thực tế.
- Sản phẩm học tập: Trả lời câu hỏi.

d) Tổ chức thực hiện:

*** Giao nhiệm vụ học tập:**

Tìm các từ mượn trong tiếng Pháp mà ta cứ ngỡ là từ thuần việt?

Các câu thơ, ca dao sử dụng từ đồng âm để chơi chữ trong TV?

- * **Thực hiện nhiệm vụ:** HS suy nghĩ, hình thành và triển khai ý tưởng, tư duy độc lập...
- * **Báo cáo kết quả:** GV gọi bất kì cá nhân nào trình bày kết quả.
- * **Kết luận, đánh giá.**
- * **Hướng dẫn học:** về nhà học bài, tìm hiểu, soạn bài VB Thời thơ ấu của Hon-đa

=====

(**TIẾT 35,36: ÔN TẬP GIỮA KÌ**
TIẾT 37,38: KIỂM TRA GIỮA KÌ
(ĐỂ LẠI SAU THEO KẾ HOẠCH PGD)

Ngày dạy:

TIẾT 35,36: ÔN TẬP GIỮA HỌC KÌ

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

a. Đọc hiểu:

- Phát biểu được đặc điểm của thể loại đã học: Truyện (truyện thuyết, cổ tích), thơ (lục bát), kí (hồi kí và du kí) đã học từ đầu năm học.
- Khái quát nội dung các văn bản đã thể hiện: Lòng yêu nước, tình gia đình, tình yêu thiên nhiên, cuộc sống...
- Khắc sâu đặc điểm hình thức đặc trưng thể loại trong mỗi thể loại văn bản.
- Liên hệ, mở rộng: thực hành làm một số bài tập vận dụng.

b. Viết: Viết được bài văn kể lại một truyện cổ tích, truyện thuyết,; kể được một trải nghiệm của bản thân hay sáng tác được một bài thơ lục bát đơn giản.

c. Tiếng Việt: hiểu và sử dụng hiệu quả: *từ đơn, từ phức (từ láy, từ ghép), biện pháp tu từ ẩn dụ, từ đồng âm, đa nghĩa, từ mượn* vào đọc hiểu và tạo lập văn bản.

2 Năng lực

a, Năng lực đặc thù: Hệ thống được các kiến thức về đọc hiểu, thực hành tiếng việt và tạo lập văn bản trong 8 tuần đầu của học kì.

b, Năng lực chung

- Năng lực tự chủ và tự học: Tìm kiếm thông tin, đọc sách giáo khoa, quan sát tranh ảnh để hệ thống được các kiến thức về đọc hiểu, thực hành tiếng việt và tập làm văn trong 8 tuần đầu của học kì.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Thảo luận nhóm để thực hiện phiếu học tập, hợp tác giải quyết vấn đề hệ thống được các kiến thức về đọc hiểu, thực hành tiếng việt và tập làm văn trong 8 tuần đầu của học kì.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Năng lực trình bày và trao đổi thông tin trước lớp.\

2, Phẩm chất

- Chăm chỉ: Thích đọc sách, báo, tìm tư liệu trên mạng Internet để mở rộng hiểu biết.
- Trách nhiệm: Có ý thức học tập môn học.

II. THIẾT BỊ VÀ HỌC LIỆU

- Học liệu: Ngữ liệu/Sách giáo khoa, phiếu học tập.
- Thiết bị: Máy tính, máy chiếu.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Hoạt động 1: Mở đầu

- Mục tiêu: Tạo tâm thế và định hướng chú ý cho học sinh; tạo vấn đề vào chủ đề
- Nội dung hoạt động: HS trả lời câu hỏi.

c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời/chia sẻ của HS bằng ngôn ngữ

d) Tổ chức hoạt động:

* **Chuyển giao nhiệm vụ:** Hãy kể tên các đơn vị kiến thức các em đã được học trong chủ đề 1 và chủ đề

* **Thực hiện nhiệm vụ:** Hs trả lời

* **Báo cáo kết quả:** HS trình bày kết quả (cá nhân).

* **Đánh giá nhận xét, dẫn vào bài:** Hôm nay chúng ta sẽ đi ôn tập kiến thức đã học để chuẩn bị cho làm bài kiểm tra của tiết sau cho đạt kết quả cao.

2. Hoạt động 2+ 3: Ôn tập

Hoạt động của GV và HS	Nội dung cần đạt
a) Mục tiêu: củng cố kiến thức về từ đơn, từ phức, nghĩa của từ và các biện pháp tu từ. b) Nội dung hoạt động: Hs làm việc nhóm, HS trả lời câu hỏi. c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời/chia sẻ của HS bằng ngôn ngữ d) Tổ chức hoạt động:	A, PHẦN THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT
Kĩ thuật công đoạn * Chuyển giao nhiệm vụ: Nhóm 1: Nhắc lại từ đơn, từ phức, nghĩa của từ Nhóm 2: Nhắc lại các biện pháp tu từ ẩn dụ Nhóm 3: Nhắc lại từ đa nghĩa, từ đồng âm, Từ mượn. * Thực hiện nhiệm vụ: Hs trả lời * Báo cáo kết quả: HS trình bày kết quả (cá nhân). * Đánh giá nhận xét, chốt kiến thức.	I, TỪ ĐƠN, TỪ PHỨC - Từ đơn do một tiếng tạo thành. - Từ phức do hai hay nhiều tiếng tạo thành. Từ phức được phân làm hai loại (từ ghép và từ láy). + Từ ghép là những từ phức được tạo ra bằng cách ghép các tiếng có nghĩa với nhau. + Từ láy là những từ phức được tạo ra nhờ phép láy âm
	II, BIỆN PHÁP TU TỪ ẨN DỤ Ẩn dụ là biện pháp tu từ gọi tên sự vật, hiện tượng này bằng tên sự vật, hiện tượng khác có nét tương đồng với nó nhằm tăng khả năng gợi hình, gợi cảm cho sự diễn đạt. * Tác dụng của ẩn dụ - Ẩn dụ làm câu văn thêm giàu hình ảnh và mang tính biểu cảm, hàm súc cao - Tạo cho văn bản sự lôi cuốn, hấp dẫn với người đọc, người nghe. III, TỪ ĐA NGHĨA, TỪ ĐỒNG ÂM, TỪ MUỐN 1, Từ đa nghĩa là từ có hai nghĩa trở lên(có một nghĩa gốc và một hay một số nghĩa chuyển, các nghĩa của từ bao giờ cũng có mối liên hệ với nhau) Ví dụ: Từ "ăn" có hơn 10 nghĩa,

trong đó có các nghĩa như: a) *đưa thức ăn vào cơ thể qua miệng (ăn cơm)*; b) *ăn uống nhân dịp gì đó (ăn Tết)*; c) *máy móc phương tiện giao thông tiếp nhận nhiên liệu (tàu ăn than)*;...

2, Từ đồng âm là những từ có cách phát âm và viết chữ giống nhau nhưng có nghĩa khác nhau.

Ví dụ: *đường* với nghĩa *chất kết tinh có vị ngọt (ngọt như đường)* đồng âm với *đường* có nghĩa *lối đi được tạo ra để nối các nơi (đường đến trường)*.

Trong câu mỗi từ thường chỉ được dùng với một nghĩa. Để hiểu đúng nghĩa của từ trong câu, cần dựa vào các từ ngữ xung quanh nó. Tuy nhiên, trong một số trường hợp, người nói, người viết có thể cố ý dùng một từ theo hai nghĩa như một cách chơi chữ.

Ví dụ: “Con ngựa đá đá con ngựa đá”

Đá- hành động(Dt)

Đá- được làm bằng chất liệu đá(danh từ)

3. Từ mượn là những từ mượn tiếng nước ngoài để biểu thị những sự vật, hiện tượng, đặc điểm,... mà tiếng Việt chưa có từ thích hợp để biểu thị.

Ví dụ:

+ Từ mượn tiếng Hàn (tiếng Trung Quốc): tác phẩm, văn học, sứ giả, hòa bình,...

+ Từ mượn tiếng Pháp: (nhà) ga, xà phòng, mùi soa, pa nô, áp phích,...

+ Từ mượn tiếng Anh: mít tinh, ti vi,...

Các từ đã được Việt hóa thì viết như tiếng Việt. Còn thuật ngữ khoa học thì cần viết theo nguyên trạng để dễ tra cứu khi cần thiết, ví dụ: acid, oxygen, hydro,...

Mượn từ là một cách làm giàu cho ngôn ngữ dân tộc. Tuy nhiên để bảo vệ sự trong sáng của ngôn ngữ dân

	tộc chỉ nên mượn từ khi thật sự cần thiết và đã mượn thì phải tìm hiểu kỹ để sử dụng cho đúng.
a) Mục tiêu: củng cố kiến thức về các văn bản trong chủ đề 1 và 2 b) Nội dung hoạt động: Hs làm việc nhóm, HS trả lời câu hỏi. c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời/chia sẻ của HS bằng ngôn ngữ d) Tổ chức cho hoạt động:	B, PHẦN ĐỌC HIỂU VĂN BẢN
Kĩ thuật công đoạn * Chuyển giao nhiệm vụ: Nhắc lại kiến thức về tác giả, về xuất xứ, ngôi kể, phương thức biểu đạt, các sự việc.... Nhóm 1: Văn bản Thạch Sanh Nhóm 2: Văn bản Thánh Gióng Nhóm 3: Văn bản Sự tích Hồ Gươm Nhóm 4: Văn bản À ơi tay mẹ Nhóm 5: Văn bản Về thăm mẹ Nhóm 6: Văn bản Ca dao Việt Nam * Thực hiện nhiệm vụ: Hs trả lời * Báo cáo kết quả: HS trình bày kết quả (cá nhân). * Đánh giá nhận xét, chốt kiến thức.	

Văn bản	Tác giả	Thể loại	Nghệ thuật	Nội dung
Thạch Sanh	Dân gian	Truyện cổ tích	- Sắp xếp các tình tiết tự nhiên, khéo léo . - Sử dụng những chi tiết thần kỳ giàu ý nghĩa như : + Tiếng đàn . + Niêu cơm thần .	Thạch Sanh là truyện cổ tích về người dũng sĩ cứu người bị hại, vạch mặt kẻ vong ân bội nghĩa, chiến thắng quân xâm lược. Truyện thể hiện ước mơ, niềm tin vào đạo đức, công lý xã hội và lý tưởng nhân đạo, yêu hòa bình của nhân dân ta .
Thánh Gióng	Dân gian	Truyện truyền thuyết	- Xây dựng thành công hình tượng Thánh Gióng sử dụng nhiều yếu tố tưởng tượng kì ảo, tô đậm vẻ phi thường của nhân vật. - Nhiều chi tiết, hình ảnh đẹp và giàu ý nghĩa.	Hình tượng Thánh Gióng với nhiều màu sắc thần kì là biểu tượng rực rỡ của ý thức và sức mạnh bảo vệ đất nước, đồng thời là sự thể hiện quan niệm và ước mơ của nhân dân ta ngay từ buổi đầu lịch sử về người anh hùng cứu nước chống ngoại xâm.
Sự tích Hồ Gươm	Dân gian	Truyện truyền thuyết	Các chi tiết tưởng tượng kì ảo nhiều ý	+ Ca ngợi tính chất toàn dân, chính nghĩa của cuộc khởi nghĩa Lam

Gương		thuyết	ghĩa. (như Rùa Vàng, gương thần...), nhiều chi tiết nghệ thuật tiêu biểu cho truyện dân gian. Kết cấu chặt chẽ, các chi tiết nghệ thuật hợp - ảo đan xen hợp lý khiến cho câu chuyện trở nên hấp dẫn, tô đậm hình ảnh người anh hùng Lê Lợi - linh hồn của cuộc khởi nghĩa Lam Sơn.	Sơn. Đề cao, suy tôn Lê Lợi và nhà Lê. + Giải thích nguồn gốc tên gọi Hồ Hoàn Kiếm.
À ơi tay mẹ	Bình Nguyên	Thơ lục bát	- Nghệ thuật so sánh, điệp ngữ, ẩn dụ, từ láy	Ca ngợi tình yêu thương con và sự hi sinh của mẹ. Từ đó bài thơ đã mang đến cho ta sự cảm nhận sâu sắc hơn về tình yêu thương, sự hi sinh của người mẹ để ta càng trân trọng, thấu hiểu sự vất vả của đáng sinh thành.
Về thăm mẹ	Đinh Nam Khương	Thơ	+ Nghệ thuật: Ẩn dụ, liệt kê + Sử dụng hình ảnh, từ ngữ có sức gợi hình, gợi cảm cao	+ Khắc họa hình ảnh người mẹ tảo tần, vất vả + Tô đậm tình cảm mẹ - con đầy yêu thương, trân trọng
Ca dao Việt Nam	Dân gian	Thơ lục bát	Thể thơ lục bát với âm điệu thiết tha, phù hợp để bộc lộ tình cảm. - Ngôn ngữ giàu hình ảnh, gợi cảm. - Sử dụng linh hoạt các biện pháp tu từ, nhất là biện pháp so sánh, đối xứng.	- Ghi nhớ công ơn cha mẹ, trân trọng những giá trị về tình cảm gia đình, từ đó có những hành động phù hợp, phát triển bản thân, gìn giữ, phát huy những giá trị của gia đình, dòng họ

Mục tiêu: củng cố kiến thức về các kiểu bài: kể lại một truyền thuyết hoặc cổ tích, kể lại một kỉ niệm của bản thân
b) Nội dung hoạt động: HS làm việc nhóm, HS trả lời câu hỏi.
c) Sản phẩm học tập: Câu trả

C, PHÂN TẠO LẬP VĂN BẢN

lời/chia sẻ của HS bằng ngôn ngữ																		
d) Tổ chức cho hoạt động:																		
* Chuyển giao nhiệm vụ: Em đã thực hành viết các kiểu bài: kể lại một trải nghiệm của bản thân, kể lại một truyện thuyết hoặc cổ tích. Hãy thực hiện những yêu cầu sau đây: a.. Trình bày yêu cầu đối với mỗi kiểu bài b. Nêu đề tài mà em lựa chọn nếu thực hành viết một trong các kiểu bài. * Thực hiện nhiệm vụ: Hs trả lời * Báo cáo kết quả:HS trình bày kết quả (cá nhân). * Đánh giá nhận xét, chốt kiến thức.	I. Yêu cầu đối với bài văn kể lại một truyện thuyết hoặc cổ tích 1, Kể lại một truyện truyền thuyết hoặc cổ tích. Kể lại một cổ tích là dùng lời văn của mình kể lại nội dung một truyện truyền thuyết hoặc có tích đã đọc, đã nghe ngoài SGK. 2, Yêu cầu chung. - Bám sát cốt truyện nhưng không chép lại nguyên văn. - Có thể thay đổi: + Từ ngữ, cách đặt câu. + Thêm một vài chi tiết. + Thêm yếu tố biểu cảm, miêu tả. - Ngôi kể: thứ 3 - Các sự việc được trình bày theo trình tự thời gian - Đảm bảo được đầy đủ các sự việc quan trọng trong truyện, đặc biệt là các yếu tố kì ảo hoang đường. - Bài văn gồm có 3 phần: Mở bài: Giới thiệu truyện cổ tích sẽ kể lại(tên truyện, lí do kể..) Thân bài: Giới thiệu nhân vật, hoàn cảnh xảy ra câu chuyện. Trình bày những sự việc đã xảy ra trong câu chuyện theo trình tự thời gian. Kết bài: nêu cảm nghĩ về truyện vừa kể. 3, Lựa chọn truyện: Chọn một truyện mà em yêu thích ngoài sách giáo khoa. 4, Đối chiếu bảng kiểm. <table><tr><th><i>Các phần của bài viết</i></th><th><i>Nội dung kiểm tra</i></th><th><i>Đạt / Chưa đạt</i></th></tr><tr><td rowspan="3">Mở bài</td><td>Nêu tên truyện</td><td></td></tr><tr><td>Nêu lí do muốn kể lại truyện</td><td></td></tr><tr><td>Dùng ngôi thứ ba để kể</td><td></td></tr><tr><td rowspan="3">Thân bài</td><td>Giới thiệu nhân vật, hoàn cảnh xảy ra câu chuyện</td><td></td></tr><tr><td>Trình bày chi tiết các sự việc xảy ra từ lúc mở đầu cho đến khi kết thúc</td><td></td></tr><tr><td>Các sự việc được kể theo trình tự thời gian</td><td></td></tr></table>	<i>Các phần của bài viết</i>	<i>Nội dung kiểm tra</i>	<i>Đạt / Chưa đạt</i>	Mở bài	Nêu tên truyện		Nêu lí do muốn kể lại truyện		Dùng ngôi thứ ba để kể		Thân bài	Giới thiệu nhân vật, hoàn cảnh xảy ra câu chuyện		Trình bày chi tiết các sự việc xảy ra từ lúc mở đầu cho đến khi kết thúc		Các sự việc được kể theo trình tự thời gian	
<i>Các phần của bài viết</i>	<i>Nội dung kiểm tra</i>	<i>Đạt / Chưa đạt</i>																
Mở bài	Nêu tên truyện																	
	Nêu lí do muốn kể lại truyện																	
	Dùng ngôi thứ ba để kể																	
Thân bài	Giới thiệu nhân vật, hoàn cảnh xảy ra câu chuyện																	
	Trình bày chi tiết các sự việc xảy ra từ lúc mở đầu cho đến khi kết thúc																	
	Các sự việc được kể theo trình tự thời gian																	

		Sự việc này nối tiếp sự việc kia một cách hợp lí	
		Thể hiện được các yếu tố kì ảo	
	Kết bài	Nêu cảm nghĩ của em về câu chuyện	

II. Yêu cầu đối với bài văn kể lại một trải nghiệm của bản thân.

- Được kể từ người kể chuyện ngôi thứ nhất.
- Giới thiệu được trải nghiệm đáng nhớ.
- Tập trung vào sự việc đã xảy ra.
- Thể hiện được cảm xúc của người viết trước sự việc được kể.

Các bước làm bài

1. Trước khi viết

a) Lựa chọn đề tài

b) Tìm ý

Đó là chuyện gì? Xảy ra khi nào?	
Những ai có liên quan đến câu chuyện? Họ đã nói gì và làm gì?	
Điều gì xảy ra? Theo thứ tự thế nào?	
Vì sao truyện lại xảy ra như vậy?	
Cảm xúc của em như thế nào khi câu chuyện diễn ra và khi kể lại câu chuyện?	

c) Lập dàn ý

- *Mở bài*: giới thiệu câu chuyện.
- *Thân bài*: kể diễn biến câu chuyện.
- + Thời gian
- + Không gian
- + Những nhân vật có liên quan
- + Kể lại các sự việc
- *Kết bài*: kết thúc câu chuyện và cảm xúc của bản thân.

2. Viết bài

- Kể theo dàn ý
- Nhất quán về ngôi kể
- Sử dụng những

3. Chỉnh sửa bài viết

- Đọc và sửa lại bài viết theo.

* Hướng dẫn học:

- Về ôn tập, nắm vững nội dung, chuẩn bị buổi sau làm bài kiểm tra giữa kỳ.

=====

Ngày dạy:

TIẾT 37, 38: KIỂM TRA GIỮA KỲ

I. MỤC TIÊU

Qua tiết kiểm tra giúp hs:

1. Kiến thức

Qua tiết kiểm tra giúp:

a. VB: Học sinh nhận ra được khả năng kiến thức của mình ở các thể loại Truyện (truyện thuyết, cổ tích), thơ (lục bát) đã học từ đầu năm học.

b. Viết: Viết được bài văn kể lại một truyện cổ tích, truyện thuyết.

c. Tiếng Việt: hiểu và sử dụng hiệu quả: *từ đơn, từ phức (từ láy, từ ghép), biện pháp tu từ ẩn dụ* vào đọc hiểu và tạo lập văn bản.

- GV đánh giá được chất lượng học tập của học sinh để điều chỉnh phương pháp cho phù hợp.

2 Năng lực

- Rèn năng lực đọc hiểu, năng lực cảm thụ văn bản

- Trình bày diễn đạt, thể hiện sự hiểu biết, sáng tạo của mình trong bài kiểm tra tổng hợp.

2, Phẩm chất

- Nghiêm túc, trung thực khi làm bài, yêu mến và có ý thức học tập bộ môn.

II. CHUẨN BỊ

Gv: Ra ma trận, đề kiểm tra đảm bảo kiến thức đã học, đánh giá được năng lực hs

HS: Ôn tập kỹ các nội dung kiến thức đã học

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Hoạt động 1: Mở đầu

a) Mục tiêu: Tạo tâm thế cho học sinh để làm bài được tốt.

b) Nội dung hoạt động: HS nghe và tiếp nhận đề bài

c) Sản phẩm học tập: Thực hiện theo h/d

d) Tổ chức hoạt động:

* **Chuyển giao nhiệm vụ học tập:** Gv giao đề cho hs

* **Thực hiện nhiệm vụ:** Hs đọc đề và định hướng làm bài

* **Báo cáo kết quả:** HS làm bài cá nhân

2. Hoạt động 2+3: Hs làm bài kiểm tra

A.MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KÌ

Chủ đề		Mức độ			Tổng số
		Biết	Hiểu	Vận dụng	
Đọc hiểu	Văn bản thơ (tương đương về đề tài, thể thơ với các văn bản trong SGK)	- Nhận biết được thể thơ. - Nhận biết được văn của bài thơ/khổ thơ. - Nhận biết được phép tu từ ẩn dụ trong	- Nêu được chủ đề của bài thơ. - Nêu được tác dụng của phép ẩn dụ trong bài thơ. - Nêu được cảm xúc của tác giả trong bài thơ.		

		bài thơ.			
	Số câu Số điểm Tỉ lệ	2 2,0 2%	2 2,0 20%		4 4,0 40%
Viết	Viết bài văn tự sự.			Kể lại một truyền thuyết hoặc cổ tích.	
	Số câu Số điểm Tỉ lệ			1 6,0 60%	1 6,0 60%
Tổng số		2 2,0 20%	2 2,0 20%	1 6,0 60%	5 10 100%

B.ĐỀ BÀI:

PHẦN I: ĐỌC HIỂU: (4 điểm)

Đọc kĩ bài thơ sau và trả lời các câu hỏi bên dưới:

Tình mẹ -

Lại Văn Hạ

Cho con giấc ngủ trong nôi
Ngọt ngào lời mẹ à ơi tháng ngày
Gió về từ những bàn tay
Lời ru của mẹ đong đầy giấc con

À ơi hình bóng nước non
Có con sáo sậu, đậu mòn cành đa
Dịu dàng câu hát dân ca
Giọt mồ hôi mặn chắt ra lúa vàng

Xanh xanh là lũy tre làng
Dòng sông biêng biếc bên hàng phi lao
Ấm lòng con khúc ca dao
Rót vào con những ngọt ngào thương yêu

Thương sao làn khói lam chiều
 Từ mái rạ chôn quê nghèo bay lên
 Ngủ yên, con nhé ngủ yên
 À ơi... tiếng mẹ dịu hiền ru con...

Câu 1(1 điểm): Bài thơ trên được viết theo thể thơ nào? Chỉ ra các tiếng vần với nhau trong khổ thơ thứ 2.

Câu 2 (1 điểm): Bài thơ thể hiện tình cảm gì, của ai đối với ai?

Câu 3 (1,5 điểm): Chỉ ra và nêu tác dụng của biện pháp ẩn dụ được sử dụng ở 2 câu thơ sau:

“*Ấm lòng con khúc ca dao*

Rót vào con những ngọt ngào thương yêu”.

Câu 4 (0,5 điểm): Trong chương trình Ngữ văn lớp 6, em đã được học bài thơ nào cũng viết theo thể thơ lục bát mang âm hưởng lời ru? Cho biết tên tác giả.

PHẦN II: TẬP LÀM VĂN (6 điểm)

Em hãy viết một bài văn kể lại một câu chuyện truyền thuyết (hoặc cổ tích) mà em đã đọc (ngoài SGK) bằng lời văn của mình.

C. HƯỚNG DẪN CHẤM BÀI KIỂM TRA

Câu	Nội dung	Điểm
PHẦN I		
1	- Bài thơ được viết theo thể thơ lục bát	0,5
	- Các tiếng vần với nhau ở khổ thơ thứ 2: non – mơn, đa – ca, ca - ra	0,5
2	Bài thơ nói lên tình yêu thương bao la của mẹ dành cho con.	1
3	Biện pháp ẩn dụ: ở từ “ rót ”	0,5
	- Gọi liên tưởng đến lời ru của mẹ dịu dàng, nhẹ nhàng	0,5
	- Qua đó thể hiện tình yêu thương dạt dào của mẹ	0,5
4	- Bài thơ lục bát đã học mang âm hưởng lời ru: <i>À ơi tay mẹ</i>	0,25
	- Tác giả: Bình Nguyên	0,25
PHẦN II		
	* Hình thức: - Đảm bảo bố cục đủ 3 phần - Biết tách đoạn - Bài văn có độ dài từ 25-30 câu trở lên * Nội dung: - Xác định đúng câu chuyện theo yêu cầu của đề bài (truyện cổ tích hoặc truyền thuyết ngoài SGK).	1

- Đảm bảo đủ các sự việc	
- Diễn đạt bằng lời văn của mình	
- Mở bài: Giới thiệu được câu chuyện định kể	0,5
- Thân bài: Kể chi tiết các sự việc theo trình tự hợp lí	4
- Biết rút ra ý nghĩa hoặc bài học cho bản thân	0,5

4. Hoạt động 4:

Gv thu bài nhận xét ý thức làm bài của hs trong giờ kiểm tra

5. Hướng dẫn về nhà:

- Nắm vững nội dung đã học
- Soạn bài: Nguyên Hồng- nhà văn của những người cùng khổ.

=====

Ngày dạy:

Tiết 39, 40 : THỰC HÀNH ĐỌC HIỂU

Văn bản: *Thời thơ ấu của Hon – da* (Hon-đa Sô-i-chi-rô)

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức:

- Những nét tiêu biểu về Hon-đa Sô-i-chi-ô
- Một số yếu tố hình thức (ngôi kể, tính xác thực, cách kể sự việc, hình thức ghi chép), nội dung (đề tài, chủ đề, cảm xúc, ý nghĩa...) của văn bản hồi kí.
- Những kỉ niệm thời thơ ấu.

2. Về năng lực:

- Thu thập được thông tin liên quan đến VB, tác giả Hon-đa Sô-i-chi-rô.
- Nhận biết được một số yếu tố hình thức, nội dung của văn bản hồi kí.
- Trình bày được suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân về hồi kí.
- Hợp tác khi trao đổi, thảo luận về nội dung, nghệ thuật.
- Phân tích, so sánh được đặc điểm nghệ thuật của VB với các VB có cùng chủ đề.

3. Về phẩm chất:

- Trân trọng những kỉ niệm thời thơ ấu, thích khám phá, xây dựng ước mơ cao đẹp và nỗ lực vượt qua khó khăn.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- SGK, SGV Ngữ văn 6.
- Tranh ảnh liên quan đến VB, tác giả Hon-đa Sô-i-chi-rô..

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Hoạt động 1: Mở đầu

- Mục tiêu: Tạo tâm thế và định hướng chú ý cho học sinh; tạo vấn đề vào chủ đề
- Nội dung hoạt động: HS trả lời câu hỏi.
- Sản phẩm học tập: Câu trả lời/chia sẻ của HS bằng ngôn ngữ
- Tổ chức hoạt động:

* Giao nhiệm vụ học tập: Trò chơi: **THỬ THÁCH NGƯỜI GIẤU MẶT.**

HỌ LÀ AI?(Dựa vào các dữ liệu)

* Thực hiện nhiệm vụ: Quan sát và trả lời câu hỏi.

Bức tranh số 1: Khi còn nhỏ cậu được coi là một cậu bé lười biếng, chậm chạp. Cậu ghét phải tuân theo nhwungx qui định của nhà trường. Đến năm 16 tuổi cậu đã bị thi trượt vào kì thi tuyển sinh vào đại học và phải đi sang một trường nhỏ hơn. Sau khi tốt nghiệp phải 2 năm sau cậu mới xin được việc và cậu đã có những công trình nghiên cứu, đặc biệt là thuyết tương đối, sau đó ông trở thành nhà khoa học lỗi lạc vĩ đại bậc nhất trong lịch sử nhân loại.(A.EINSTEIN)

Bức tranh số 2: Cậu sinh ra trong một căn nhà gỗ nhỏ, cha mẹ là những nông dân thất học và mù chữ của vùng nông trại của Mĩ. Đến năm 23 tuổi chấp nhận nợ nần để cùng với đối tác mua chịu một cửa hàng tạp hoá và sau đó đối tác đã qua đời để lại cho cậu một món nợ chồng chất mà có lẽ cần phải rất nhiều năm sau cậu mới có thể trả hết được. Đến năm 37 tuổi cậu đã được bầu vào quốc hội Mĩ nhưng lại sớm thất bại trong cuộc tái bầu cử hai năm sau đó. Đến năm 51 tuổi cậu đã đắc cử trong cuộc bầu chọn tổng thống Hoa Kì.(tổng thống thứ 16 của nước Mĩ A.LINCOLN

Bức tranh số 3: Bà viết tiểu thuyết khi đang là một bà mẹ đơn thân, phá sản thất nghiệp vừa li hôn và đang sống nhờ tiền trợ cấp phúc lợi để nuôi con. Khi bà viết bản thảo “ Hòn đá phù thủy” khi đang ở quán cà phê vừa ăn vừa ru con ngủ, cuốn sách Harry Potter của bà cũng đã được hơn 12 nhà xuất bản từ chối cho đến khi nhận được cái gật đầu của nhà xuất bản thứ 13.(J.K.ROWLING) (Là tác giả của bộ tiểu thuyết nổi tiếng Harry Potter) ? Điểm chung giữa họ là gì?

Cuối cùng họ có được thành công

Họ là những người đã trải qua nhiều thất bại

Họ là người dám theo đuổi ước mơ và đam mê của mình.

* **Báo cáo kết quả:** GV gọi bất kì cá nhân nào trình bày kết quả.

* **Kết luận, đánh giá kết nối bài học:** Nếu ở tiết học trước các em đã tìm hiểu thời thơ ấu của Nguyên Hồng, nỗi bất hạnh của một cậu bé mồ côi cha và sống xa mẹ. buổi hôm nay chúng ta lại trở lại với một tác phẩm hồi kí hoàn toàn mới về một nhân vật như thế nào? Đó là “ Thời thơ...” chúng ta cũng sẽ phần nào cảm nhận hình ảnh của những vĩ nhân của ngày hôm nay thấp thoáng ở đâu đó trong hành trình họ vươn tới ước mơ và đam mê của mình, hay trong tuổi ấu thơ họ đã phải trải qua những khó khăn nào?

2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới

Hoạt động của GV và HS	Nội dung cần đạt
a) Mục tiêu: Hs nắm những thông tin cơ bản về về tác giả, những vấn đề chung về văn bản. b) Nội dung hoạt động: Hs thuyết trình và trả lời các câu hỏi. c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời của các câu hỏi, bài tập. d) Tổ chức thực hiện:	I, ĐỌC – TÌM HIỂU CHUNG
* Giao nhiệm vụ học tập: ? Qua sự chuẩn bị bài ở nhà các nhóm lên thuyết trình về tác và văn bản?	
* Thực hiện nhiệm vụ: HS suy nghĩ, hình thành và triển khai ý tưởng, tư duy độc lập... * Báo cáo kết quả: GV gọi bất kì cá nhân nào trình bày kết quả. * Kết luận, đánh giá .	1, Tác giả Hon - đa Sô-i-chi-rô - Hon-đa Sô-i-chi-rô (1906 - 1991) - Quê quán: làng Komyo, quận Iwata, nay là thành Tenryu, thành phố Hamamatsu, tỉnh Shizouka, Nhật Bản. - Là người sáng lập ra hãng xe

	Honda. 2, Văn bản: a, Xuất xứ. Trích từ <i>Biển giặc mơ thành sức mạnh đi tới (Bản lí lịch đời tôi)</i>. b, Thể loại: Hồi kí. c, Ngôi kể thứ nhất của truyện, thể hiện cách nhìn, tình cảm của chính tác giả.															
? Tác phẩm viết về ai, sự việc gì, nhằm mục đích gì?	d, Tác giả viết về chính những suy nghĩ, kỉ niệm tuổi thơ mình. Từ đó, ông bộc lộ những cảm xúc chân thực, những suy nghĩ rất trẻ thơ về những kỉ niệm mình đã trải qua và hành theo đuổi ước mơ ngay từ những ngày thơ bé.															
Gv cho hs tìm hiểu một số chú thích? Gv chuyển ý: Thời thơ ấu của Honda có những kỉ niệm những kỉ ức như thế nào, xuất thân gia đình ra sao, chúng ta cùng sang phần 2	e, Bố cục: 3 phần + Phần 1 (từ đầu đến <i>không diễn tả được</i>): Xuất thân và tuổi thơ của nhân vật tôi. + Phần 2 (tiếp đến <i>công em chạy đi xem</i>): Quãng thời gian đi học và niềm hứng thú của nhân vật tôi với oto. + Phần 3 (còn lại): Kỉ niệm đi xem cuộc biểu diễn máy bay của nhân vật tôi.															
a) Mục tiêu: Hs tìm hiểu xuất thân và gia đình. Niềm yêu thích máy móc và thiên hướng kĩ thuật. Kỉ niệm lần đầu đi xem máy bay. b) Nội dung hoạt động: Hs thực hiện phiếu học tập và trả lời các câu hỏi. c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời của các câu hỏi, bài tập. d) Tổ chức thực hiện: * Giao nhiệm vụ học tập:	II, ĐỌC – HIỂU VĂN BẢN															
<table><tr><td colspan="3">Phiếu học tập số 1: Xuất thân và gia đình</td></tr><tr><td>Yêu cầu</td><td>Xuất thân</td><td>Gia đình</td></tr><tr><td>Dẫn chứng</td><td></td><td></td></tr><tr><td colspan="3">⇒ Nhận xét về xuất thân và gia đình của Honda</td></tr><tr><td></td><td></td><td></td></tr></table>	Phiếu học tập số 1: Xuất thân và gia đình			Yêu cầu	Xuất thân	Gia đình	Dẫn chứng			⇒ Nhận xét về xuất thân và gia đình của Honda						1, Xuất thân và gia đình (đoạn 1)
Phiếu học tập số 1: Xuất thân và gia đình																
Yêu cầu	Xuất thân	Gia đình														
Dẫn chứng																
⇒ Nhận xét về xuất thân và gia đình của Honda																
Dự kiến sp: <table><tr><td colspan="3">Phiếu học tập số 1: Xuất thân và gia đình</td></tr><tr><td>Yêu cầu</td><td>Xuất thân</td><td>Gia đình</td></tr><tr><td>Dẫn</td><td>Sinh năm 1906</td><td>-Gia đình nghèo, đời</td></tr></table>	Phiếu học tập số 1: Xuất thân và gia đình			Yêu cầu	Xuất thân	Gia đình	Dẫn	Sinh năm 1906	-Gia đình nghèo, đời							
Phiếu học tập số 1: Xuất thân và gia đình																
Yêu cầu	Xuất thân	Gia đình														
Dẫn	Sinh năm 1906	-Gia đình nghèo, đời														

chứng	Quê: Làng Komyo, quận lwaka, nay là thành Tenryo, thành phố Hamamatso tỉnh Shizouka	ông của Hon-đa làm nghề nông. -Tới đời cha là Gihei, làm nghề thợ rèn -Là trưởng nam trong gia đình hàng ngày phải cõng em gái đến trường, giúp cha đập ống thổi lửa.	=>Nhận xét về xuất thân và gia đình của Hon-đa: Hon-đa sinh ra và lớn lên trong một gia đình nghèo khó, từ sớm ông đã biết lao động giúp đỡ cha mẹ.									
* Thực hiện nhiệm vụ: HS suy nghĩ, hình thành và triển khai ý tưởng, tư duy độc lập... * Báo cáo kết quả: GV gọi bất kì cá nhân nào trình bày kết quả. * Kết luận, đánh giá . Mặc dù có một xuất phát điểm thấp như vậy, ở trong một gia đình nghèo khó, cơ cực, tuổi nhỏ đã phải lao động rất là vất vả để phụ giúp gia đình với vai trò là một người con trai cả thế nhưng bằng những cái nghị lực, bằng cái niềm đam mê, bằng cái sự nỗ lực không ngừng thì Hon-đa đã vươn lên và chạm vào giấc mơ của mình và hình ảnh chiếc ô tô là giấc mơ trong cuộc đời của Hon-đa. Giấc mơ này không phải ngay trong một chốc, một lát được hoàn thành, cái niềm khiêu khích máy móc, cái niềm yêu thích và hứng thú cùng với kĩ thuật ô tô đã có từ hồi rất nhỏ và Hon-đa đã nuôi dưỡng, khám phá nó như thế nào chúng ta sẽ cùng đi sang phần tiếp theo												
<table><tr><td colspan="3">Phiếu học tập số 2: Niềm yêu thích máy móc và thiên hướng kĩ thuật.</td></tr><tr><td>Thời thơ ấu</td><td></td><td></td></tr><tr><td>Khi đi học</td><td></td><td></td></tr></table>			Phiếu học tập số 2: Niềm yêu thích máy móc và thiên hướng kĩ thuật.			Thời thơ ấu			Khi đi học			2, Niềm yêu thích máy móc và thiên hướng kĩ thuật.
Phiếu học tập số 2: Niềm yêu thích máy móc và thiên hướng kĩ thuật.												
Thời thơ ấu												
Khi đi học												
Gv: Thông qua những dẫn chứng đó, em có nhận xét như thế nào về tuổi thơ của nhân vật? Tuổi thơ của các em có điều gì thú vị không? Có điểm tương đồng với Hon-đa không? - Hon-đa là người đã sớm nhận ra được những đam mê, ước mơ của mình, nhận ra ngay từ nhỏ đã yêu thích những âm thanh của những tiếng máy móc, hay tiếng đe, búa. - Hon-đa đã biết cách nuôi dưỡng cái đam mê của mình, bất chấp cả hoàn cảnh rất khắc nghiệt để có thể tiếp tục theo đuổi đam mê của mình. Trong những hành động của Hon-đa Em thấy ấn			Thời thơ ấu: -Tuy còn nhỏ đã rất thích thú với công việc đập búa chày cheng, sửa chữa đồ dùng và làm ra công cụ làm nông. -Chưa đi học nhưng thích chơi đùa với máy móc, động cơ. -Bị lôi cuốn bởi âm thanh bùm chát của máy nổ ở tiệm xay lúa và tiếng máy nổ bùm bùm, bánh răng cửa quay tít ở tiệm xẻ gỗ Khi đi học: -Thích thú khi thấy pin, cân, ống									

tượng với suy nghĩ, hành động nào nhất?

- Kể lại một kỉ niệm một lần đi xem máy bay.=>
Đây là một kỉ niệm đáng nhớ, mang tính quyết định trên hành trình theo đuổi ước mơ.

nghiệm, máy móc...

- Khi xem tivi bằng tai, mắt thì cảm nhận mọi việc nhạy bén hơn
 - Cảm phục các chú thợ điện vái túi đồ nghề là kim, tuốc, nơ vít...
 - Thấy ô tô liên bám theo, phần khích, dí cả mũi xuống mặt đất để ngủi khịt khịt như chó ngủi, lấy tay quẹt dầu rồi đưa lên mũi hít vào đầy lồng ngực. Rồi nảy ra ước mơ sau này có thể làm ra xe ô tô
 - Cứ đi học về là lại công em đi xem ô tô
 - Trôn học, một mình lên đi xem máy bay , về nhà bắt chước chủ phi công
- => Ngay từ nhỏ Hon-đa đã có niềm yêu thích máy móc và thiê về kĩ thuật

Phiếu học tập số 3: Kỉ niệm lần đầu đi xem máy bay.

Hoàn cảnh	
Diễn biến	
Cảm xúc	

Em có nhận xét gì về hành động của Hon-đa? Điều đó thể hiện phẩm chất gì ở cậu bé?

3, Kỉ niệm lần đầu đi xem máy bay.

Dự kiến sp:

Hoàn cảnh	-Thời gian: Mùa thu năm 1914. -Địa điểm: sân bay cách nhà 20 km có cuộc biểu diễn máy bay ở Liên đội Bộ binh Ha – ma – mát – su .
Diễn biến	-Chuẩn bị: lén lấy hai xu làm tiền lộ phí. -Lên đường: Trôn học, lấy xe đạp của cha đi suốt chặng đường. -Tới nơi: Không đủ tiền vào cửa, trèo lên cây thông lớn, bẻ cành để nguy trang -Khi về: Xin cha mua cho chiếc mũ kết, tự tay làm cặp kính, gắn quạt gió

	lên xe đạp, bắt trước phi công.	
Cảm xúc	-Tim đập không ngừng, vui sướng khi nhìn thấy doanh trại Liên đội. -Vô cùng cảm kích khi thấy chiếc Neils Smith bay lên. -Trên đường về đạp xe không biết mệt và lưu giữ mãi hình ảnh người phi công hùng dũng.	=>Hành động mạnh mẽ, đầy bản lĩnh, quyết tâm vượt qua khó khăn để khám phá những điều mới mẻ. -Có ước mơ đẹp và chủ động nuôi dưỡng, thực hiện ước mơ. Có nỗ lực bền bỉ để chiến thắng hoàn cảnh.
“ Hãy theo đuổi đam mê thành công sẽ đến với bạn”		
HĐ cá nhân - KT trình bày 1 phút: * GV yêu cầu HS làm việc cá nhân thực hiện yêu cầu sau: Em hãy khái quát nghệ thuật và nội dung chính của văn bản?		III, TỔNG KẾT 1, Nghệ thuật: - Thể văn hồi kí thấm đượm chất trữ tình, kết hợp nhuần nhuyễn giữa kể, tả, bộc lộ cảm xúc. - Lời văn chân thực, gần gũi, dung dị giàu sức lôi cuốn. 2, Nội dung: Đoạn trích Thời thơ ấu của Hon-đa kể về tuổi thơ sớm nhận ra hứng thú của Hon-đa với máy móc, kĩ thuật. Niềm yêu thích ấy được cậu bé nuôi dưỡng và trở thành đam mê, được cất cánh dẫn tới sự thành công trong sự nghiệp sau này.

3. Hoạt động 3: Luyện tập

a) Mục tiêu: Học sinh vận dụng kiến thức đã học vào làm bài tập.

b) Nội dung hoạt động:

- HS luyện đọc kĩ một đoạn trích trong văn bản và thực hiện các nhiệm vụ/trả lời các câu hỏi, bài tập để rèn kĩ năng đọc hiểu văn bản.

c) Sản phẩm học tập:

- Câu trả lời của các câu hỏi, bài tập.

d) Tổ chức thực hiện:

* **Chuyển giao nhiệm vụ:**

- GV phát phiếu bài tập.

* **Thực hiện nhiệm vụ:**

- HS suy nghĩ, hình thành và triển khai ý tưởng, tư duy độc lập...

* **Báo cáo kết quả:**

- GV gọi bất kì cá nhân nào trình bày kết quả.

* **Kết luận, đánh giá:**

- HS, GV đánh giá, nhận xét.

Hoạt động của GV và HS	Nội dung cần đạt
Hs xem video http://tapchicongthuong.vn/video/soichiro-honda-suc-manh-nhung-giac-mo-cua-chu-chon-mui-den-28653.htm	IV, LUYỆN TẬP 1, Vẽ sơ đồ tư duy bài học 2, Qua đoạn trích hồi kí trên, em thấy những dấu hiệu sớm

Gợi ý:

- Gọi tên nơi mình muốn đến
- Miêu tả lại những nét đẹp, đặc sắc của nơi đó.
- Bày tỏ cảm xúc, những mong muốn.

Gv: ta có cảm giác trong suốt thời thơ ấu của Hon-đa việc theo đuổi ước mơ của mình, chạm đến máy móc và đã trở thành một cái gì đó rất là thiêng liêng, rất là hạnh phúc, mỗi một giây phút mà Hon-đa được chạm vào máy móc được đến gần máy móc nó trở thành một nguồn động lực để cho cậu bé cứ nuôi dưỡng đam mê của mình như vậy. Sự nghiệp của Hon-đa là gì? Nếu các bạn đi ra ngoài đường các bạn thử đếm trên đường trong khoảng 10 bao nhiêu phút có bao nhiêu xe thương hiệu Hon-đa chạy trên đường chúng ta sẽ thấy sự nổi tiếng của hãng xe Hon-đa với cả thế giới này. Như vậy, hành trình Hon-đa đi từ ngày nhỏ cho đến có sự nghiệp sau này nó có một mối quan hệ vô cùng mật thiết với nhau bởi vì ngày nhỏ có thiên hướng kỹ thuật, bởi vì ngày nhỏ có đam mê, bởi vì ngày nhỏ đã không ngần ngại đi theo những đam mê của mình như vậy cho nên cuối cùng đã kết xuất ra một cái thành quả rất là lớn, đó không chỉ chạm tay vào ước mơ mà ông còn biến ước mơ đó trở thành một sự nghiệp rất là rất là rực rỡ, rất là lừng lẫy, không chỉ có một cuộc đời thịnh vượng về tiền bạc mà theo đuổi đam mê khiến ông có sự hạnh phúc, hàng ngày được làm việc công việc mình yêu thích, được phụng sự, được cống hiến, được tạo ra các tác phẩm từ trí tưởng tượng, sáng tạo, sự thăng hoa của mình.

Hon-đa còn là một tay đua rất cừ khôi đã tham gia rất nhiều giải đua, sau này có một bạn Robocon Asimo có liên quan rất là nhiều đến nhân vật Hon-đa. Sẽ có rất nhiều điều bí ẩn liên quan đến nv này, cho nên ngày hôm nay những thông tin mà cô đưa ra nó chỉ là gieo những hạt mầm rất gợi mở, gieo hạt mầm tò mò để chúng ta đầu tư thêm thời gian sẽ tìm hiểu thêm về nv này nhé.

bộc lộ thiên hướng về kỹ thuật của Hon-đa có liên quan gì đến sự nghiệp của ông sau này?

- Yêu thích máy móc, kỹ thuật
- Kiên trì, không ngại khó.
- Chủ động theo đuổi đam mê.

4. Hoạt động 4: Vận dụng

a) Mục tiêu: HS khắc sâu kiến thức đã học.

b) Nội dung: HS hiểu được kiến thức trong bài học để vận dụng vào thực tế.

c) Sản phẩm học tập: Trả lời câu hỏi.

d) Tổ chức thực hiện:

* **Giao nhiệm vụ học tập:** Em có suy nghĩ gì về ý kiến sau: Xuất phát điểm thấp sẽ khiến bạn khó thành công

* **Thực hiện nhiệm vụ:** HS suy nghĩ, hình thành và triển khai ý tưởng, tư duy độc lập...

* **Báo cáo kết quả:** GV gọi bất kỳ cá nhân nào trình bày kết quả.

Gợi ý:

Không đồng ý

Xuất phát không quan trọng, mà sự nỗ lực chủ động mới là yếu tố quyết định
=> Cố gắng, nỗ lực, theo đuổi ước mơ.

Trên thế giới có nhiều người: Macxim Gorky

Việt Nam: Nông dân Tạ Đình Huy và phát minh máy nông nghiệp 15 công năng.

Vì đó là suy nghĩ của những người sống thụ động, chỉ thích dựa dẫm vào người khác, than thân trách phận.

Kết luận:

- Sống ước mơ, sống chủ động
- Lập kế hoạch hành động.
- Dù con đường có gập gềnh: chẳng đường nào trải bước trên hoa hồng bàn chân thấm đau vì những mũi gai.

Phản biện

- Nỗ lực nửa vời, không kiên định
- Sự lựa chọn không phù hợp.

KHẢO SÁT: NHỮNG YẾU TỐ KIẾN TẠO THÀNH CÔNG

Yếu tố	Mức độ 1: Rất quan trọng	Mức độ 2: Quan trọng	Mức độ 3: Bình thường
1, Tài năng bẩm sinh			
2, Sự kiên trì, không sợ thất bại, khó khăn.			
3, Có đam mê và chủ động theo đuổi đam mê			
4, Có niềm tin vào bản thân			
5, Sự trợ giúp của gia đình, người thân			
6, Môi trường xung quanh và thầy cô, bạn bè.			

Theo em, đâu là yếu tố quan trọng nhất? Vì sao?

* **Kết luận, đánh giá.**

* **HĐVN: Học bài, tìm hiểu :viết bài văn kể về một kỉ niệm của bản thân.**

=====

Ngày

TIẾT 41,42: VIẾT BÀI VĂN KỂ VỀ MỘT KỈ NIỆM CỦA BẢN THÂN

I. MỤC TIÊU

1. Mức độ/yêu cầu cần đạt:

- Biết viết, kể về một kỉ niệm sâu sắc của bản thân

2. Năng lực

a. Năng lực chung

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

b. Năng lực riêng biệt:

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến đề bài.
- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân.
- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận.

- Năng lực viết, tạo lập văn bản.

3. Phẩm chất:

- Ý thức tự giác, tích cực trong học tập.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên:

- Giáo án , máy tính

2. Chuẩn bị của học sinh: SGK, SBT Ngữ văn 6, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Hoạt động 1: Mở đầu

a) Mục tiêu: Tạo tâm thế và định hướng chú ý cho học sinh; tạo vấn đề vào chủ đề

b) Nội dung hoạt động: HS trả lời câu hỏi.

c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời/chia sẻ của HS bằng ngôn ngữ

d) Tổ chức hoạt động:

* **Chuyển giao nhiệm vụ học tập:** Cô đã từng nghe ai đó nói rằng: Tuổi thơ là một mùa đẹp nhất trong tất cả những mùa của cuộc đời và tuổi thơ gắn với rất nhiều các hình ảnh, những kỉ niệm những thanh âm và những màu sắc thú vị. Hình ảnh sau gợi em nhớ về ai?

* **Thực hiện nhiệm vụ:** Hs quan sát tranh và trả lời câu hỏi.

* **Báo cáo kết quả:** HS trình bày kết quả (cá nhân)

Ảnh 1: Một cô gái đang vận một tà áo dài trông rất duyên dáng, một gương mặt rất là tươi tắn, một nụ cười trong veo gợi chúng ta nhớ đến một giáo viên mà ta ấn tượng nhất trong những năm tháng hồi tiểu học

Ảnh 2: Những trò chơi mà chúng ta thường chơi ở hồi tiểu học là gì? bắn bi, đá cầu, nhảy dây,...có rất nhiều trò chơi rất thú vị, chắc hẳn những kỉ niệm của chúng ta thường gắn liền với những cô bạn, cậu bạn thân mà cùng chúng ta tham gia những trò chơi, để có thể cùng viết nên những kỉ ức.

Ảnh 3: Mỗi mùa thi tới chúng ta thường hô những quyết tâm, quyết tử trong mùa thi tới, rất nhiều áp lực nhưng mà cũng có những kỉ niệm cả vui, cả buồn trong mùa thi

* **Đánh giá nhận xét, dẫn vào bài:** Ngày hôm nay, các em sẽ viết về những kỉ niệm của bản thân trong những năm tháng dưới trường tiểu học.

2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới

Hoạt động của GV và HS	Nội dung cần đạt
* Chuyển giao nhiệm vụ học tập: - Kỉ niệm là gì? - Yêu cầu khi viết bài văn kể về một kỉ niệm của bản thân ? * Thực hiện nhiệm vụ: Hs quan sát tranh và trả lời câu hỏi. * Báo cáo kết quả: HS trình bày kết quả (cá nhân) * Đánh giá nhận xét, chốt kiến thức.	1, ĐỊNH HƯỚNG VIẾT 1, Kỉ niệm là những câu chuyện còn giữ lại được trong trí nhớ của mỗi người. 2, Yêu cầu khi viết bài văn kể về một kỉ niệm của bản thân - Được kể từ người kể chuyện ngôi thứ nhất. - Giới thiệu được kỉ niệm sâu sắc. - Tập trung vào các sự việc đã xảy ra. - Sắp xếp các sự việc theo trình tự hợp lí. - Có cảm xúc và rút ra

		được ý nghĩa của kỉ niệm. - Sử dụng các chi tiết miêu tả thời gian, không gian.
* Chuyển giao nhiệm vụ học tập:* Thực hiện phiếu học tập số 1:		3, Khám phá văn bản mẫu “Người thủ thư thời thơ ấu”
Câu chuyện được kể theo ngôi thứ mấy?		
Đâu là phần giới thiệu kỉ niệm?		
Kỉ niệm đã xảy ra như thế nào?		
Kỉ niệm đó có gì đặc sắc và đáng nhớ?		
Ảnh hưởng của kỉ niệm là gì?		
* Thực hiện nhiệm vụ: Hs điền phiếu học tập theo nhóm bàn * Báo cáo kết quả: HS trình bày kết quả (đại diện nhóm) Dự kiến sp:		-Chuyện được kể theo ngôi thứ nhất (dễ dàng trình bày những suy nghĩ, quan sát, cảm xúc của bản thân) -Phần nhan đề mở bài giới thiệu kỉ niệm. -Kỉ niệm đã xảy ra Khi “tôi” khi lên 6, 7 tuổi, ở thư viện trường. Người thủ thư giả gom một tủ sách nhỏ, tôi dù ít tuổi, vẫn được bác làm cho cái thẻ đọc màu xanh... -Kỉ niệm đó đặc sắc và đáng nhớ: Ngày đầu đăng kí thẻ đọc, tôi không đủ tuổi nên cứ mon men đứng nhìn, bác Hải đã đưa tôi cuốn Búp sen xanh để tôi mang về đọc, rồi động viên tôi rất nhiều, giúp tôi dám viết, nói... -Kỉ niệm đẹp, đã khơi lên trí tưởng tượng của trẻ thơ và niềm ham thích đọc, viết...
Câu chuyện được kể theo ngôi thứ mấy?	Ngôi thứ nhất (dễ dàng trình bày những suy nghĩ, quan sát, cảm xúc của bản thân)	
Đâu là phần giới thiệu kỉ niệm?	Phần nhan đề mở bài	
Kỉ niệm đã xảy ra như thế nào?	Khi “tôi” khi lên 6, 7 tuổi, ở thư viện trường Người thủ thư giả gom một tủ sách nhỏ, tôi dù ít tuổi, vẫn được bác làm cho cái thẻ đọc màu xanh...	
Kỉ niệm đó có gì đặc sắc và đáng nhớ?	Ngày đầu đăng kí thẻ đọc, tôi không đủ tuổi nên cứ mon men đứng nhìn, bác Hải đã đưa tôi cuốn Búp sen xanh để tôi mang về đọc, rồi động viên tôi rất nhiều, giúp tôi dám viết, nói...	
Ảnh hưởng của kỉ niệm là gì?	Kỉ niệm đẹp, đã khơi lên trí tưởng tượng của trẻ thơ và niềm ham thích đọc, viết...	

* Đánh giá nhận xét, chốt kiến thức. Như vậy các em sẽ hình dung ra ntn khi kể về một kỉ niệm tuổi thơ.								
Thảo luận cặp đôi: Truyện có những sự việc nào?		Những sự việc cơ bản: 1, Giới thiệu người thủ thư thời thơ ấu. 2, Bác Hải gom một tủ sách nhỏ thành niềm vui cho lũ trẻ 3, Lần đầu đi đăng kí thẻ đọc, tôi không đủ tuổi nhưng bác đã hỏi han và đưa cho một cuốn sách. 4, Khi bác biết tôi thích đọc và có thể nhớ được, bác đã rất vui và khen ngợi mãi. 5, Những kỉ niệm và kỉ ức sống mãi.						
Gv: 5 sự việc ngắn gọn nối kết lại trở thành một câu chuyện. Nếu bài văn chỉ đơn giản thuần túy là có các sự việc thôi thì bài văn sẽ rất khô khan đấy chính là lí do mà yếu tố miêu tả, biểu cảm xuất hiện trong bài văn nó giống như một trợ thủ đắc lực để khiến cho bài văn trở nên lôi cuốn và ấn tượng, để cho kỉ niệm trở nên sống động hơn, chân thực hơn. ? Em hãy liệt kê các yếu tố miêu tả và biểu cảm								
Thực hiện phiếu học tập số 2: Liệt kê các yếu tố miêu tả và biểu cảm. <table><tr><th>Miêu tả</th><th>Biểu cảm</th></tr><tr><td>.....</td><td>.....</td></tr><tr><td>.....</td><td>.....</td></tr></table>		Miêu tả	Biểu cảm					- Miêu tả: + “Chòm râu quai nón đã bạc” + “ Buổi chiều rét buốt, mơ màng dạo một khúc nhạc réo rắt...” + “ Chiếc xe đạp lộc cộc, chòm râu bạc rung rung..” + “ Một cái thẻ đọc bằng bài mà xanh xám” + “ Tiếng dấn “ trong trẻo, róc rách như nước chảy buổi sớm từ trên núi cao của những con suối nhỏ...” - Biểu cảm: + “ Bác còn đẹp hơn nữa...” + “ Chúng tôi mê say đọc”, “ngong ngóng đợi bác..” + “ Tôi thâm tự hào và bỗng trở nên tự tin lên rất nhiều.”
Miêu tả	Biểu cảm							
.....								
.....								
? Em rút ra bài học gì thông qua việc tìm hiểu văn bản “ Người thủ thư thời thơ ấu?		Bài học gì thông qua việc tìm hiểu văn bản “ Người thủ thư thời thơ ấu”: -Nên lựa chọn kỉ niệm để kể.						

- Cần lựa chọn, sắp xếp các sự việc theo trình tự nhất định.
- Gia tăng các yếu tố miêu tả, biểu cảm.

3. Hoạt động 3: Luyện tập

- Mục tiêu: Học sinh vận dụng kiến thức đã học vào làm bài tập.
- Nội dung hoạt động: làm đề bài trong sgk
- Sản phẩm học tập: Câu trả lời của các câu hỏi, bài tập.
- Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS		Nội dung cần đạt					
GV chiếu “ Mô hình bậc thang” trong cách làm bài văn tự sự. ? Chuẩn bị như thế nào? ? Bài viết gồm có những ý gì?		II, THỰC HÀNH Đề bài: Kể lại một kỉ niệm sâu sắc của em với thầy cô, bạn bè khi học ở trường tiểu học. Bước 1: Chuẩn bị Cùng nhớ lại thật nhiều kỉ niệm của em. Bước 2: Tìm ý và lập dàn ý -Kỉ niệm đó là kỉ niệm gì? -Kỉ niệm xảy ra khi nào? Với ai? -Vì sao kỉ niệm ấy trở nên sâu sắc?					
Phiếu học tập số 3: Lập dàn ý kể lại một kỉ niệm tuổi học trò.		- Lập dàn ý bằng cách dựa vào các ý đã tìm được, sắp xếp lại theo ba phần lớn của bài văn, gồm: + Mở bài: Nêu khái quát về kỉ niệm em định kể. + Thân bài: Kể chi tiết, cụ thể về kỉ niệm ấy bằng cách làm rõ các nội dung sau: - Nêu địa điểm và thời gian xảy ra câu chuyện, các nhân vật liên quan. - Kể lại diễn biến câu chuyện từ bắt đầu đến kết thúc; chú ý các sự việc, hành động, ngôn ngữ,... đặc sắc, đáng nhớ. - Nêu điều đặc biệt làm em nhớ hay vui buồn, xúc động. + Kết bài: - Nêu cảm nghĩ của em về kỉ niệm hoặc bài học rút ra từ kỉ niệm ấy. - Nói lên mong ước từ kỉ niệm ấy.					
<table><tr><td>1, Mở bài</td><td>.....</td></tr><tr><td>2, Thân bài</td><td>.....</td></tr><tr><td>3, Kết bài</td><td>.....</td></tr></table>	1, Mở bài			2, Thân bài		3, Kết bài	
1, Mở bài							
2, Thân bài							
3, Kết bài							
LƯU Ý KHI VIẾT BÀI VĂN KỂ VỀ MỘT KỈ NIỆM CỦA BẢN THÂN 1, Nội dung: Chọn một kỉ niệm mà em đặc biệt nhớ. 2, Hình thức: -Đảm bảo 3 phần: Mở bài, thân bài, kết bài. -Kết hợp các yếu tố kể và miêu tả, biểu cảm. -Sử dụng các từ láy, tính từ, các từ miêu tả,							

biểu cảm, phép so sánh để bài viết thêm sự đặc sắc. -Ví dụ: Sân trường nắng vàng rực rỡ, ánh nắng chói chang. -Những kỉ niệm ủa về khiến tôi rạo rực, có gì đó nảy nở trong lòng như mặt đất sau bao ngày nắng hạn gặp mưa rào tươi mát. -Gv: Như vậy ngoài việc sử dụng hệ thống các từ láy, các tính từ còn sử dụng các câu văn so sánh, chúng ta có thể mở rộng câu ra viết câu văn dài hơn ra bằng cách thêm các từ ngữ chỉ thời gian, chỉ không gian, những từ láy. Một câu văn dài hơn so với một câu văn ngắn ngủi cô lốc đọc lên nó sẽ có dư vang hơn, nghe nó hay hơn có giọng điệu êm ái, du dương hơn. Ngoài ra chúng ta có thể sử dụng số lượng câu đặc biệt. Ví dụ: Trong lành! Tươi mát!	
Ví dụ : Các cách viết mở bài đúng và hay cho bài kể chuyện. Cách 1: Mỗi khi hạ về, trời xanh đầy nắng thì những kỉ niệm hồn nhiên đẹp đẽ của tuổi thơ lại ủa về trong tâm hồn tôi. Những năm tháng nơi ngôi trường tiểu học thật đẹp, có tiếng cười trong trẻo của lũ bạn thân, có tiếng giảng bài sang sảng của thầy tôi... Và tôi còn nhớ mãi một lần tôi bị điểm kém môn Toán. Cách 2: Thầy tôi thường bảo rằng tuổi thơ trôi đi nhưng kỉ niệm sẽ chẳng bao giờ mất. Nó mãi còn ở lại đó theo thời gian để gợi nhớ, gợi thương, để ta thêm yêu mến cuộc đời và ghi sâu những bài học quý. Tôi, mỗi khi nghĩ về thời thơ ấu, đều nhớ tới điểm 3 môn môn Toán ngày đó đã dạy tôi một bài học lớn...	Bước 3: Viết 1, Mở bài: Có nhiều cách mở bài - Cách 1: Câu thơ, câu hát về tuổi học trò, gợi về những kỉ niệm. - Cách 2: Câu hỏi - Cách 3: Dấu hiệu, màu sắc riêng, đặc trưng của quãng thời gian học tiểu học. - Cách 4: Không gian, thời gian gợi nhắc kỉ niệm.
Đoạn 1: Hồi đó, tôi học lớp 4A, lớp khá nhất khối, khối phải nói chúng tôi luôn tự hào về mình nhiều như thế nào. Hôm làm bài kiểm tra, tôi đã rất tự tin. Toàn những phép tính dễ ợt, tôi làm vèo cái là xong. Tôi còn nhớ, lúc tôi nộp bài thầy còn hỏi tôi: “ Em đã chắc chắn chưa? Em có nên soát lại bài lần nữa không?” Tôi ngạo nghễ trả lời: “Dạ không cần đâu thầy ạ! “Rồi tôi mỉm cười hãnh diện trước cả lớp, cho rằng mình thật là siêu khi làm bài xong trước tiên. Lúc đó, tôi quay sang nhìn các bạn trong lớp. Mấy	2, Thân bài

đưa bạn trong lớp còn mắt tròn mắt dẹt nhìn tôi với ánh mắt ghen tị và rồi chúng nó thờ dài, tiếp tục cầm cúi tính tính toán toán, chau mày, vắt óc... Tôi trở về chỗ ngồi, nghĩ vãn vợ và mừng tượng đến điểm 10 đỏ chói. Ngoài cửa sổ, một vài chùm phượng đã nở đỏ rực, có một chú chim khế hót lích chích vui tai. Tôi nghĩ về kì nghỉ hè năm nay, điểm cao, nhất định mẹ sẽ thưởng cho tôi một bộ quần áo đẹp và một đôi bông tai dài, có những hạt tròn xanh đỏ mà tôi vẫn ao ước.

Đoạn 2: Nội dung xoay quanh giờ trả bài

- Giới thiệu giờ trả bài.
- Cảm xúc của tôi trước khi nhận điểm kém.
- Cảm xúc của tôi sau khi nhận điểm kém.

Đoạn 3:

- Sự việc tiếp theo xảy ra là gì?
- Cảm xúc của nhân vật tôi trước sự việc đó là gì?
- Mẫu lời thầy dặn dò: “Đề bài này không khó nhưng đòi hỏi các em phải cẩn thận khi làm bài, đặt phép tính thật đúng và thử lại kết quả trước khi nộp bài. Lần sau em rút kinh nghiệm nhé, điểm kém lần này là một bài học để cuối kì em cố gắng hơn. Cố lên, không được chán nản mà bỏ bê việc ôn tập em nhé!”

Đoạn 4: Đưa ra bài học mà kỉ niệm đem lại:

- Không cầu thả, khoongyr lại, chủ quan vào sức của mình.
- Ai cũng có những lần sai, quan trọng là biết nhận ra và sửa sai.
- Nhắc đến một sự việc nữa sau khi nhận vật tôi đã rút kinh nghiệm.
- Đạt điểm cao ở bài kiểm tra cuối kì.
- Biết ơn thầy cô

Cách 1: Kết nối mở bài với kết bài, tạo mối quan hệ tương ứng giữa kết bài và mở bài.

“ Năm tháng qua đi, nỗi buồn điểm 3 giờ không còn nữa, vương lại trong kí ức tôi chỉ còn là một bài học quý giá và tấm lòng ấm áp của thầy tôi. Tôi luôn tự nhủ rằng trong mọi việc dù là nhỏ nhất cũng đừng bao giờ cầu thả. Và tôi mong nếu ai đã từng bị điểm

3, Kết bài

Cách 1: Kết nối mở bài với kết bài, tạo mối quan hệ tương ứng giữa kết bài và mở bài.

Cách 2: Kết bài bằng một câu hát.

kém, từng thất bại trong việc học cũng đừng vội buồn bã và thất vọng về bản thân, hãy dũng cảm sửa sai và cố gắng, bạn sẽ thành công!”.

Cách 2: Kết bài bằng một câu hát.

ĐỌC LẠI BÀI VÀ SOÁT LỖI

Tiêu chí		Tự đánh giá
1, Hình thức	Trình bày khoa học	
	Có bố cục ba phần: mở bài, thân bài, kết bài, tách đoạn rõ ràng.	
	Sai ít lỗi chính tả (2-3 lỗi), trình bày sạch đẹp và khoa học	
	Diễn đạt trôi chảy, từ ngữ phù hợp.	
2, Nội dung	Lựa chọn kỉ niệm có ý nghĩa sâu sắc.	
	Đảm bảo các ý nêu ở dàn bài	
	Thực hiện được cảm xúc của người viết.	

Bước 4: Kiểm tra và chỉnh sửa:

- Đọc thành tiếng, diễn cảm lại bài văn của mình, để cảm nhận và dễ dàng phát hiện ra những chỗ dùng từ không hợp, dấu câu chưa chuẩn...
- Đối chiếu với phần lập dàn ý để kiểm tra xem đã đủ ý chưa.

4. Hoạt động 4: Vận dụng

a) Mục tiêu: HS khắc sâu kiến thức đã học.

b) Nội dung: HS hiểu được kiến thức trong bài học để vận dụng vào thực tế.

c) Sản phẩm học tập: Trả lời câu hỏi.

d) Tổ chức thực hiện:

* Giao nhiệm vụ học tập:

THAM KHẢO CUỐN SÁCH VIẾT VỀ KỈ NIỆM TUỔI HỌC TRÒ.

- Bảy bước tới mùa hè.

- Kính vạn hoa

* **Thực hiện nhiệm vụ:** HS suy nghĩ, hình thành và triển khai ý tưởng, tư duy độc lập...

* **Báo cáo kết quả:** GV gọi bất kì cá nhân nào trình bày kết quả.

* **Kết luận, đánh giá.**

* **Về nhà:** Viết hoàn thành bài, luyện nói giờ sau học

=====

Ngày

TIẾT 43,44: NÓI VÀ NGHE KỂ VỀ MỘT KỈ NIỆM CỦA BẢN THÂN

1. Hoạt động 1: Mở đầu

a) Mục tiêu: Tạo tâm thế và định hướng chú ý cho học sinh; tạo vấn đề vào chủ đề

b) Nội dung hoạt động: HS trả lời câu hỏi.

c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời/chia sẻ của HS bằng ngôn ngữ

d) Tổ chức hoạt động:

* **Chuyển giao nhiệm vụ học tập:** Gv chiếu tranh: Em thấy những gì từ bức tranh?

* **Thực hiện nhiệm vụ:** Hs quan sát tranh và trả lời câu hỏi.

* **Báo cáo kết quả:** HS trình bày kết quả (cá nhân)

Một bạn đang đứng trước lớp và đầu gối tai khi đang chuẩn bị nói một vấn đề gì đó?

? Em đã bao giờ nói trước đám đông chưa? Tâm trạng của em ntn? Em hãy chia sẻ?

* **Đánh giá nhận xét, dẫn vào bài:** Bài học hôm nay sẽ giúp các em tự tin hơn khi nói trước tập thể.

2. Hoạt động 2+3: Hình thành kiến thức mới+ Luyện tập

Hoạt động của GV và HS	Nội dung cần đạt
a) Mục tiêu: Hs nắm các bước để có bài văn hay b) Nội dung hoạt động: HS trả lời câu hỏi.. c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời/chia sẻ của HS bằng ngôn ngữ d) Tổ chức hoạt động:	I, CÁC BƯỚC ĐỂ CÓ MỘT BÀI NÓI HAY
* Chuyển giao nhiệm vụ học tập: ? Hãy nêu các bước để có một bài nói hay? * Thực hiện nhiệm vụ: Hs quan sát tranh và trả lời câu hỏi. * Báo cáo kết quả: HS trình bày kết quả (cá nhân) * Đánh giá nhận xét, chốt kiến thức.	BƯỚC 1 - Xác định kỉ niệm mình sẽ kể - Chọn kỉ niệm có ý nghĩa, sự việc lôi cuốn. BƯỚC 2 - Xây dựng dàn ý cho bài kể miệng - Tìm ý thông qua các câu hỏi. - Lập dàn ý dựa trên các phiếu học tập đã có. BƯỚC 3: Phân biệt văn nói và văn viết.
a) Mục tiêu: Hs chia sẻ bí kíp nói thật hay trước đám đông. b) Nội dung hoạt động: HS trả lời câu hỏi.. c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời/chia sẻ của HS bằng ngôn ngữ d) Tổ chức hoạt động: * Chuyển giao nhiệm vụ học tập: ? Em hãy chia sẻ bí kíp nói thật hay trước đám đông với các bạn? - Hs chia sẻ	II, BÍ KÍP NÓI THẬT HAY TRƯỚC Đám ĐÔNG Với bản thân -Phong thái tự tin, tinh thần thoải mái: Luyện tập nhiều bằng các hình thức (tự đứng trước gương tập, nói với bạn thân, tự quay video bài nói...) -Trau dồi thêm vốn từ bằng nhiều hình thức (đọc truyện, xem các bài nói)

* Thực hiện nhiệm vụ: Hs quan sát tranh và trả lời câu hỏi. * Báo cáo kết quả: HS trình bày kết quả (cá nhân) * Đánh giá nhận xét, chốt kiến thức.	-Học tập phong thái, từ vựng của những người mà em thích trên truyền hình. Với nội dung bài nói -Có dàn ý rõ ràng, chi tiết. -Nội dung lôi cuốn, hấp dẫn																		
) Mục tiêu: Hs nắm được các bước thực hành bài kể. b) Nội dung hoạt động: HS trả lời câu hỏi. Thực hiện phiếu học tập.. c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời/chia sẻ của HS bằng ngôn ngữ d) Tổ chức hoạt động: * Chuyển giao nhiệm vụ học tập: Gv chiếu: “ Mô hình bậc thang” – Các bước thực hành bài kể Bước 1 các em cần chuẩn bị gì? Bước 2: Tìm ý và lập dàn ý ? Em hãy dựa vào dàn ý bài viết hôm trước để xây dựng bố cục cho bài kể chuyện trước lớp? Hoàn thành phiếu học tập số 1: Xây dựng bố cục cho bài kể chuyện trước lớp <table border="1" data-bbox="92 1025 933 1288"> <tr> <th colspan="2">Hoàn thành phiếu học tập số 1: Xây dựng bố cục cho bài kể chuyện trước lớp</th></tr> <tr> <th>Phần</th><th>Nội dung</th></tr> <tr> <td>Mở đầu</td><td></td></tr> <tr> <td>Nội dung</td><td></td></tr> <tr> <td>Kết thúc</td><td></td></tr> </table> * Thực hiện nhiệm vụ: Hs quan sát tranh và trả lời câu hỏi. * Báo cáo kết quả: HS trình bày kết quả (cá nhân) DỰ KIẾN SP: <table border="1" data-bbox="92 1460 933 2101"> <tr> <th colspan="2">Hoàn thành phiếu học tập số 1: Xây dựng bố cục cho bài kể chuyện trước lớp</th></tr> <tr> <th>Phần</th><th>Nội dung</th></tr> <tr> <td>Mở đầu</td><td>1, Lời chào 2, Giới thiệu kỉ niệm định kể: một lần bị điểm kém.</td></tr> <tr> <td>Nội dung</td><td>1, Hoàn cảnh xảy ra câu chuyện: Hồi lớp 2, Tôi đã làm xong bài kiểm tra nhanh nhất lớp và tự hào về điều đó. 3, Tới tiết trả bài, tôi tự tin nghĩ về điểm 10 và kết quả thực sự khiến tôi thất vọng, chán nản và xấu hổ. 4, Lời động viên của thầy tôi khiến tôi nhận ra sai lầm và cố gắng hơn. 5, Tôi hoàn thành tốt bài kiểm tra cuối kì</td></tr> </table>	Hoàn thành phiếu học tập số 1: Xây dựng bố cục cho bài kể chuyện trước lớp		Phần	Nội dung	Mở đầu		Nội dung		Kết thúc		Hoàn thành phiếu học tập số 1: Xây dựng bố cục cho bài kể chuyện trước lớp		Phần	Nội dung	Mở đầu	1, Lời chào 2, Giới thiệu kỉ niệm định kể: một lần bị điểm kém.	Nội dung	1, Hoàn cảnh xảy ra câu chuyện: Hồi lớp 2, Tôi đã làm xong bài kiểm tra nhanh nhất lớp và tự hào về điều đó. 3, Tới tiết trả bài, tôi tự tin nghĩ về điểm 10 và kết quả thực sự khiến tôi thất vọng, chán nản và xấu hổ. 4, Lời động viên của thầy tôi khiến tôi nhận ra sai lầm và cố gắng hơn. 5, Tôi hoàn thành tốt bài kiểm tra cuối kì	III, CÁC BƯỚC THỰC HÀNH BÀI KỂ Bước 1: Chuẩn bị Xem lại bài văn kể lại một kỉ niệm sâu sắc của em với thầy cô, bạn bè,...ở phần viết. Bước 2: Tìm ý và lập dàn ý • Mở đầu: 1, Lời chào 2, Giới thiệu kỉ niệm định kể: một lần bị điểm kém. * Nội dung 1, Hoàn cảnh xảy ra câu chuyện: Hồi lớp 2, Tôi đã làm xong bài kiểm tra nhanh nhất lớp và tự hào về điều đó. 3, Tới tiết trả bài, tôi tự tin nghĩ về điểm 10 và kết quả thực sự khiến tôi thất vọng, chán nản và xấu hổ. 4, Lời động viên của thầy tôi khiến tôi nhận ra sai lầm và cố gắng hơn. 5, Tôi hoàn thành tốt bài kiểm tra cuối kì năm đó. * Kết thúc 1, Cảm nghĩ về kỉ niệm hoặc bài học rút ra từ kỉ niệm ấy. 2, Lời cảm ơn.
Hoàn thành phiếu học tập số 1: Xây dựng bố cục cho bài kể chuyện trước lớp																			
Phần	Nội dung																		
Mở đầu																			
Nội dung																			
Kết thúc																			
Hoàn thành phiếu học tập số 1: Xây dựng bố cục cho bài kể chuyện trước lớp																			
Phần	Nội dung																		
Mở đầu	1, Lời chào 2, Giới thiệu kỉ niệm định kể: một lần bị điểm kém.																		
Nội dung	1, Hoàn cảnh xảy ra câu chuyện: Hồi lớp 2, Tôi đã làm xong bài kiểm tra nhanh nhất lớp và tự hào về điều đó. 3, Tới tiết trả bài, tôi tự tin nghĩ về điểm 10 và kết quả thực sự khiến tôi thất vọng, chán nản và xấu hổ. 4, Lời động viên của thầy tôi khiến tôi nhận ra sai lầm và cố gắng hơn. 5, Tôi hoàn thành tốt bài kiểm tra cuối kì																		

	năm đó.	
Kết thúc	1, Cảm nghĩ về kỉ niệm hoặc bài học rút ra từ kỉ niệm ấy. 2, Lời cảm ơn.	
* Đánh giá nhận xét, chốt kiến thức.		
Hoàn thành phiếu học tập		Bước 3: Nói và nghe
Yêu cầu cần đạt của bài nói và nghe		Yêu cầu cần đạt của bài nói và nghe
NÓI		NGHE
Dự kiến sp:		
Yêu cầu cần đạt của bài nói và nghe		
NÓI		NGHE
1, Chọn được kỉ niệm hay, có ý nghĩa. 2, Nội dung câu chuyện kể phong phú, lời cuốn. 3, Cách kể tự tin, diễn cảm, lời cuốn: nói đủ nghe, có cảm xúc; sử dụng yếu tố phi ngôn ngữ hợp lí		1, Nhớ được nội dung bài văn kể của bạn.ư 2, Nhận xét và đánh giá được bài nói theo các tiêu chí ở cột bên. 3, Có thái độ tập trung và tích cực khi lắng nghe.
		THỰC HÀNH NÓI
Gv: Khi nói các em cần: - Nụ cười thân thiện cởi mở - Sử dụng câu hỏi tương tác để gây sự chú ý tập trung Ví dụ: Ai trong số chúng ta ở đây có rất nhiều kỉ niệm thuở đến trường, khi mà chúng ta còn học tập ở dưới ngôi trường tiểu học, chúng ta có nhiều kỉ niệm như vậy, thì ngày hôm nay tớ cũng chia sẻ với các cậu một kỉ niệm rất là thú vị một lần trước khi tớ bước lớp 6 , hồi lớp 4 tớ đã bị điểm kém Toán chẳng hạn, hoặc chúng ta có thể bắt đầu bằng một lời chào: Ví dụ: Xin chào tất cả các bạn! Ai trong số chúng ta ngồi đây cũng có những kí ức đẹp về ngôi trường tiểu học, nơi chúng ta đã gắn bó và thân thiết trước khi bước lên lớp 6 như bây giờ. Và tôi cũng vậy, có một lần tôi bị điểm kém môn Toán đấy các bạn ạ. Ngày hôm nay, tôi sẽ kể lại cho các bạn nghe nhé!		1, Mở đầu: Ví dụ: Xin chào tất cả các bạn! Ai trong số chúng ta ngồi đây cũng có những kí ức đẹp về ngôi trường tiểu học, nơi chúng ta đã gắn bó và thân thiết trước khi bước lên lớp 6 như bây giờ. Và tôi cũng vậy, có một lần tôi bị điểm kém môn Toán đấy các bạn ạ. Ngày hôm nay, tôi sẽ kể lại cho các bạn nghe nhé!
Gv: kể lại lần lượt các sự việc bằng lời văn của mình và kết hợp với các cử chỉ phi ngôn ngữ: tay, ánh mắt, nụ cười, thỉnh thoảng ta có thể bước lên một vài bước tiến gần các bạn trong lớp, thế rồi chúng ta sẽ lùi lại. Nếu ta lúng túng khi nói thì chúng sẽ sử dụng: - Dùng sơ đồ tư duy để tự nhắc nhở các ý chính - Sử dụng các hình ảnh minh họa để hỗ trợ bài nói		2, Thân bài: kể lại lần lượt các sự việc bằng lời văn của mình. Sự việc 1: Hoàn cảnh xảy ra câu chuyện: Hồi lớp 4, tôi ngồi ở một lớp rất khá. Sự việc 2. Tôi đã làm xong bài kiểm tra nhanh nhất lớp và tự

	hào về điều đó. Sự việc 3. Tới tiết trả bài, tôi tự tin nghĩ về điểm 10 và kết quả thực sự khiến tôi thất vọng, chán nản và xấu hổ. Sự việc 4. Thầy đã nhẹ nhàng an ủi và động viên tôi cố gắng. Sự việc 5. Tôi hoàn thành tốt bài kiểm tra cuối kì năm đó																
Tôi đã nhớ như in lời thầy năm đó “Đừng thấy dễ rồi mà chủ quan”. Tôi đã cẩn trọng trong việc đặt phép tính và cuối cùng trời không phụ lòng người. Bài kiểm tra của tôi đã được điểm tối đa, tôi đã hoàn thành tốt nhiệm vụ của mình.	3, Kết thúc bài kể: Cảm nghĩ về kỉ niệm hoặc bài học rút ra từ kỉ niệm ấy. - Nỗi buồn điểm kém chẳng còn... - Chỉ còn tình thầy ấm áp và bài học quý giá.																
Phiếu học tập số <table border="1"> <tr> <td colspan="2">Phiếu học tập số 3: Những lỗi thường gặp kể về kỉ niệm thời tiểu học</td></tr> <tr> <th>Tên lỗi</th><th>Cách sửa lỗi</th></tr> <tr> <td>1, 2, 3, 4,</td><td></td></tr> </table>	Phiếu học tập số 3: Những lỗi thường gặp kể về kỉ niệm thời tiểu học		Tên lỗi	Cách sửa lỗi	1, 2, 3, 4,		Bước 4: Kiểm tra và sửa lỗi.										
Phiếu học tập số 3: Những lỗi thường gặp kể về kỉ niệm thời tiểu học																	
Tên lỗi	Cách sửa lỗi																
1, 2, 3, 4,																	
Tự đánh giá <table border="1"> <tr> <td colspan="2">Phiếu học tập số 4: Tự đánh giá</td></tr> <tr> <th>Nội dung kiểm tra</th><th>Nhận xét</th></tr> <tr> <td>1, Chọn được kỉ niệm hay, có ý nghĩa.</td><td></td></tr> <tr> <td>2, Nội dung phong phú lôi cuốn.</td><td></td></tr> <tr> <td>3, Cách kể tự tin, diễn cảm, lôi cuốn: nói đủ nghe, có cảm xúc.</td><td></td></tr> <tr> <td>4, Sử dụng yếu tố phi ngôn ngữ hợp lí</td><td></td></tr> <tr> <td>5, Mở đầu và kết thúc hợp lý.</td><td></td></tr> <tr> <td colspan="2">Rút kinh nghiệm:.....</td></tr> </table>	Phiếu học tập số 4: Tự đánh giá		Nội dung kiểm tra	Nhận xét	1, Chọn được kỉ niệm hay, có ý nghĩa.		2, Nội dung phong phú lôi cuốn.		3, Cách kể tự tin, diễn cảm, lôi cuốn: nói đủ nghe, có cảm xúc.		4, Sử dụng yếu tố phi ngôn ngữ hợp lí		5, Mở đầu và kết thúc hợp lý.		Rút kinh nghiệm:.....		
Phiếu học tập số 4: Tự đánh giá																	
Nội dung kiểm tra	Nhận xét																
1, Chọn được kỉ niệm hay, có ý nghĩa.																	
2, Nội dung phong phú lôi cuốn.																	
3, Cách kể tự tin, diễn cảm, lôi cuốn: nói đủ nghe, có cảm xúc.																	
4, Sử dụng yếu tố phi ngôn ngữ hợp lí																	
5, Mở đầu và kết thúc hợp lý.																	
Rút kinh nghiệm:.....																	

4. Hoạt động 4: Vận dụng

a) Mục tiêu: HS khắc sâu kiến thức đã học.

b) Nội dung: HS hiểu được kiến thức trong bài học để vận dụng vào thực tế.

c) Sản phẩm học tập: Trả lời câu hỏi.

d) Tổ chức thực hiện:

*** Giao nhiệm vụ học tập:**

ĐỀ TRỞ THÀNH DIỄN GIẢ THÀNH CÔNG

- Lựa chọn một đề tài hấp dẫn: ước mơ, danh nhân lịch sử...

- Lắng nghe những diễn giả nổi tiếng
- Đọc sách để mở rộng vốn từ, tìm kiếm ý tưởng.
- Tích lũy những câu chuyện hay.
- Kết hợp với sự hài hước, thoải mái.
- Chuẩn bị và luyện tập.
- * **Thực hiện nhiệm vụ:** HS suy nghĩ, hình thành và triển khai ý tưởng, tư duy độc lập...
- * **Báo cáo kết quả:** GV gọi bất kì cá nhân nào trình bày kết quả.
- * **Kết luận, đánh giá.**

TỰ ĐÁNH GIÁ

- a. Mục tiêu:** HS hiểu được kiến thức trong bài học để thực hiện bài tập phần Tự đánh giá (Trang 68/SGK).
- b. Nội dung:** HS làm việc cá nhân.
- c. Sản phẩm:** Câu trả lời đúng của HS.
- d. Tổ chức thực hiện: TỰ ĐÁNH GIÁ (Trang 68 – 69 – 70 - 71/SGK):**

HD của GV và HS	Dự kiến sản phẩm																										
Hs làm việc cá nhân: * GV giao nhiệm vụ: - HS trả lời nhanh các câu hỏi phần Tự đánh giá - HS thực hiện nhiệm vụ: các nhóm thảo luận, trả lời ra phiếu Học tập: + Trả lời bằng cách chọn 1 đáp án: <table border="1"> <thead> <tr> <th>Câu</th><th>Đáp án</th></tr> </thead> <tbody> <tr> <td>1</td><td></td></tr> <tr> <td>...</td><td></td></tr> </tbody> </table> + Cá nhân tự trả lời Câu 10: Viết 1 – 2 dòng nhận xét con đường đến bản Hồng Ngải. - HS báo cáo sản phẩm. - Đánh giá sản phẩm bằng điểm. GV chốt kiến thức	Câu	Đáp án	1		...		Tìm hiểu văn bản “<i>Thăm sâu Hồng Ngải</i>” (Lam Linh) - trang 68 – SGK <table border="1"> <thead> <tr> <th>Câu</th><th>Đáp án</th></tr> </thead> <tbody> <tr> <td>1</td><td>B</td></tr> <tr> <td>2</td><td>A</td></tr> <tr> <td>3</td><td>C</td></tr> <tr> <td>4</td><td>D</td></tr> <tr> <td>5</td><td>B</td></tr> <tr> <td>6</td><td>B</td></tr> <tr> <td>7</td><td>C</td></tr> <tr> <td>8</td><td>C</td></tr> <tr> <td>9</td><td>B</td></tr> </tbody> </table> Câu 10: HS nêu nhận xét con đường đến bản Hồng Ngải (viết 1 – 2 dòng). - Con đường đến Hồng Ngải là một con đường vô cùng xa xôi, trắc trở. - Con đường đến Hồng Ngải là con đường gập ghềnh, địa hình khó đi, vô cùng gian nan với du khách.	Câu	Đáp án	1	B	2	A	3	C	4	D	5	B	6	B	7	C	8	C	9	B
Câu	Đáp án																										
1																											
...																											
Câu	Đáp án																										
1	B																										
2	A																										
3	C																										
4	D																										
5	B																										
6	B																										
7	C																										
8	C																										
9	B																										

Hướng dẫn học:

- Học bài, tìm hiểu, soạn bài Nguyên Hồng.....

Ngày

Tiết 45: TRẢ BÀI KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ GIỮA KỲ I

A. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

- Hướng dẫn học sinh tự đánh giá kết quả bài làm của mình. Nhận ra những ưu nhược điểm để có biện pháp phát huy ưu điểm, khắc phục hạn chế.
- Phát hiện và đánh giá những khó khăn, thách thức đặt ra trong quá trình tạo lập văn bản nói và viết.

2. Năng lực

2.1. Năng lực chung

- Năng lực giao tiếp: Khiêm tốn, lắng nghe tích cực trong giao tiếp. Diễn đạt ý tưởng một cách tự tin; thể hiện được biểu cảm phù hợp với đối tượng và bối cảnh giao tiếp.
- Năng lực nhận thức và tự hoàn thiện: nhận thức được điểm mạnh, yếu và hoàn thiện bản thân

2.2. Năng lực bộ môn

- Năng lực viết sáng tạo, độc đáo, hiệu quả.
- Năng lực phát hiện lỗi sai khi dùng từ, đặt câu, lỗi diễn đạt.
- Năng lực hợp tác trong các hoạt động học tập

3. Phẩm chất

- Sống thật thà, trung thực, trách nhiệm với bản thân và trong công việc.

B. PHƯƠNG TIỆN VÀ HỌC LIỆU

1. Phương tiện: bảng, phấn, bảng phụ

2. Học liệu

- Giáo viên: Bài kiểm tra của học sinh đã đánh giá điểm số, nhận xét, thống kê điểm và lỗi sai, kế hoạch dạy học
- Học sinh: sách, vở

C. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

HOẠT ĐỘNG 1

KHỞ ĐỘNG(5')

* GV chuyển giao nhiệm vụ

? Hãy chia sẻ những khó khăn và thuận lợi của em khi làm bài kiểm tra giữa kì? Em đã làm như thế nào để phát huy hết những thuận lợi và khó khăn đó khi kiểm tra?

* HS chia sẻ

* GV phân tích, đánh giá và chốt

HOẠT ĐỘNG 2

HÌNH THÀNH KIẾN THỨC(35')

Hoạt động 1: I. Đề và phân tích yêu cầu đề

Hoạt động của GV và HS	Nội dung
* GV chuyển giao <u>nhiệm vụ học tập 1</u> (Bài thơ: Tình mẹ.) <i>Câu 1(1 điểm)</i>: Bài thơ trên được viết theo thể thơ nào? Chỉ ra các tiếng vần với nhau trong khổ thơ thứ 2. <i>Câu 2 (1 điểm)</i>: Bài thơ thể hiện tình cảm gì, của ai đối với ai?	I. Đề và phân tích yêu cầu đề PHẦN I: ĐỌC HIỂU: (4 điểm) Đọc kĩ bài thơ sau và trả lời các câu hỏi bên dưới: Tình mẹ - Lại Văn Hạc

Câu 3 (1,5 điểm): Chỉ ra và nêu tác dụng của biện pháp ẩn dụ được sử dụng ở 2 câu thơ sau: <i>“Ấm lòng con khúc ca dao Rót vào con những ngọt ngào thương yêu”.</i> Câu 4 (0,5 điểm): Trong chương trình Ngữ văn lớp 6, em đã được học bài thơ nào cũng viết theo thể thơ lục bát mang âm hưởng lời ru? Cho biết tên tác giả. PHẦN II: TẬP LÀM VĂN (6 điểm) Em hãy viết một bài văn kể lại một câu chuyện truyền thuyết (hoặc cổ tích) mà em đã học, đọc bằng lời văn của mình. - GV treo bảng phụ ghi đề bài (1) <i>Đọc lại đề và chỉ ra các yêu cầu về nội dung và hình thức?</i> (2) <i>Lập dàn ý cho phần II</i> - 1 HS đọc lại đề bài. * HS thực hiện nhiệm vụ - HS làm việc các nhân phân tích đề, xác định các yêu cầu về nội dung và hình thức (chú ý đến câu hỏi đánh giá kĩ năng viết) - HS thảo luận theo cặp xây dựng đáp án (dàn ý) cho bài viết. - GV nhận xét và bổ sung cho hoàn chỉnh dàn ý và các yêu cầu cần đạt.(Chú ý trọng tâm đến phần thân bài) - HS trả lời. HS khác lắng nghe, nhận xét và bổ sung * GV nhận xét, đánh giá và treo bảng phụ có ghi dàn ý	Cho con giấc ngủ trong nôi Ngọt ngào lời mẹ à ơi tháng ngày Gió về từ những bàn tay Lời ru của mẹ đọng đầy giấc con À ơi hình bóng nước non Có con sáo sậu, đậu mơn cành đa Dịu dàng câu hát dân ca Giọt mồ hôi mặn chắt ra lúa vàng Xanh xanh là lũy tre làng Dòng sông biêng biếc bên hàng phi lao Ấm lòng con khúc ca dao Rót vào con những ngọt ngào thương yêu Thương sao làn khói lam chiều Từ mái rạ chôn quê nghèo bay lên Ngủ yên, con nhé ngủ yên À ơi... tiếng mẹ dịu hiền ru con.
--	--

Hoạt động 2: II. Trả bài và đánh giá ưu, nhược điểm

Hoạt động của GV và HS	Nội dung
* GV chuyển giao nhiệm vụ học tập 2 - HS trả bài, xem lại bài làm, đánh giá của GV và tự nhận xét bài viết của mình - HS trao đổi bài kiểm tra (GV phân loại các đối tượng có bài viết đạt các mức điểm giỏi, khá, TB, yếu) và nhận xét đánh giá theo cặp	II. Trả bài và đánh giá ưu, nhược điểm 1. Học sinh tự nhận xét, đánh giá bài viết * Ưu điểm: Phản đọc, hiểu :

- HS nêu nhận xét của mình về bài viết của bạn, mỗi đối tượng 2HS: + Giỏi: + Khá: + Đạt: + Chưa đạt: * HS thực hiện nhiệm vụ - HS nghe để phát huy hoặc rút kinh nghiệm. * Gv tổng hợp nhận xét ưu nhược điểm của HS rút kinh nghiệm.	Phần làm văn * Nhược điểm: 2. Giáo viên đánh giá chung cả lớp: * Về ưu điểm - Phần đọc hiểu: Đa số các em nắm vững kiến thức đã học về thể thơ lục bát, về kiến thức tu từ, biết nhận diện bài thơ cùng đề tài..... - Phần làm văn: Biết kể lại các chuyện mà mình đã đọc được * Về nhược điểm - Kỹ năng phân tích đề: - Kiến thức: một số bạn chưa nắm vững yêu cầu của thể thơ lục bát, chưa biết phân tích tác dụng của biện pháp tu từ, chưa nắm vững cốt truyện truyền thuyết, cổ tích..... - Trình bày, diễn đạt, lỗi chính tả....
--	--

Hoạt động 3: III. Chữa lỗi

Hoạt động của GV và HS	Nội dung
* GV chuyển giao <u>nhiệm vụ học tập 3</u> - GV dùng bảng phụ thống kê một số lỗi tiêu biểu trong bài viết của HS và yêu cầu HS phát hiện, sửa lỗi (tập trung vào lỗi chính tả, dùng từ, đặt câu, bố cục). * HS thực hiện nhiệm vụ - HS quan sát ở bảng phụ, trao đổi, phát hiện và nêu hướng sửa chữa trong thời gian nhóm, 5 phút * GV chốt lỗi cơ bản của bài viết và phương pháp sửa. - GV nhận xét, bổ sung và kết luận về hướng sửa chữa. - HS tự đối chiếu với yêu cầu của đề phát hiện lỗi và trao đổi với bạn bên cạnh và sửa - HS đọc phần đã sửa (GV yêu cầu HS về nhà tiếp tục chữa các lỗi còn lại)	III. Chữa lỗi

Lỗi	Lỗi sai	Sửa
Chính tả		
Câu, dùng từ		
Diễn đạt		
Bố cục trình bày		

HOẠT ĐỘNG 3

VẬN DỤNG(5')

* **GV giới thiệu một số bài viết tốt**

- GV chọn 3 bài viết tốt cho HS đọc, HS học tập.

* **HS đọc**

* **GV hướng dẫn HS tự học ở nhà**

- Xem lại đề bài và dàn ý

- Chữa các lỗi đã mắc trong bài làm

- Soạn bài: Nguyên Hồng – nhà văn của những người cùng khổ.

=====

Ngày dạy:

BÀI 4

VĂN BẢN NGHỊ LUẬN (NGHỊ LUẬN VĂN HỌC) (12 tiết)

MỤC TIÊU CHUNG

1. Về năng lực:

- Nhận biết được một số yếu tố hình thức (ý kiến, lí lẽ, bằng chứng,...), nội dung (đề tài, vấn đề, tư tưởng, ý nghĩa,...) của các văn bản nghị luận văn học.

- Vận dụng các hiểu biết về nghĩa của một số thành ngữ thông dụng và dấu chấm phẩy vào đọc hiểu, viết, nói, nghe có hiệu quả.

- Viết đoạn văn ghi lại cảm xúc khi đọc một bài thơ lục bát.

- Biết trình bày ý kiến về một vấn đề.

2. Về phẩm chất:

- Nhân ái: biết quan tâm, chi ái yêu thương mọi người xung quanh.

- Yêu nước: trân trọng tự hào về kho tàng văn học dân gian của cha ông để lại.

- Trung thực: trong học tập, trong các mối quan hệ với bạn bè, thầy cô và gia đình,...

Ngày dạy:

A. ĐỌC HIỂU VĂN BẢN

TIẾT 46.47: BÀI 1

NGUYỄN HỒNG – NHÀ VĂN CỦA NHỮNG NGƯỜI CÙNG KHỔ (Nguyễn Đăng Mạnh)

I. MỤC TIÊU

1 Về kiến thức:

- Một vài thông tin về nhà phê bình Nguyễn Đăng Mạnh

- Đặc điểm của văn bản nghị luận (Nghị luận văn học) thể hiện qua nội dung, hình thức của văn bản

- Tuổi thơ cơ cực với nhiều cay đắng, tủi hờn của nhà văn Nguyên Hồng

2 Về năng lực:

- Năng lực hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề, năng lực ngôn ngữ...
- Nhận biết được các đặc điểm của văn bản nghị luận văn học qua các văn bản đọc hiểu trong SGK

- Phân tích, so sánh được những điểm khác biệt cơ bản giữa văn bản nghị luận với một số kiểu văn bản đã học như thơ, truyện

3 Về phẩm chất:

- Nhân ái: Biết quan tâm, chia sẻ, yêu thương mọi người đặc biệt là những người bạn có hoàn cảnh khó khăn hơn mình
- Trung thực: chân thành, thẳng thắn với bạn bè, thành thật với thầy cô, cha mẹ...

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- SGK, SGV.
- Máy tính.
- Tranh ảnh về nhà văn Nguyên Hồng và nhà phê bình Nguyễn Đăng Mạnh.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Hoạt động 1: Khởi động

a) Mục tiêu:

- Tạo không khí cho tiết học (kể chuyện, chiếu video clip, tranh, ảnh, bài hát,...)
- Huy động kiến thức nền của HS về đề tài sẽ học (nêu câu hỏi)
- Giới thiệu bài học (dẫn dắt, nêu vấn đề, giới thiệu).

b) Nội dung: GV hỏi, HS trả lời.

c) Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

d) Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ Cách 1: GV nêu câu hỏi: + SGK đã lưu ý em điều gì trước khi đọc văn bản <i>Nguyên Hồng – nhà văn của những người cùng khổ</i>? + Em nào đã đọc văn bản này ở nhà? + Trong văn bản này, tác giả nêu lên ý kiến gì? Có thể tìm thấy ý kiến ấy ở đâu? Cách 2: - GV bắt đầu bằng việc gọi mở lại bài đọc <i>Trong lòng mẹ</i> của Nguyên Hồng vừa học ở bài 3. Từ đó, GV nêu vấn đề: “Qua văn bản <i>Trong lòng mẹ</i>, các em thấy Nguyên Hồng là người như thế nào? Em có ấn tượng gì sâu đậm nhất về con người Nguyên Hồng?”. B2: Thực hiện nhiệm vụ	Phần I. Kiến thức ngữ văn 1. Văn bản nghị luận - VBNL là loại văn bản nhằm thuyết phục người đọc, người nghe về một vấn đề nào đó, ví dụ: “Bài thơ này rất hay” hoặc “Cần phải trồng nhiều cây xanh”,... Để thuyết phục, người viết, người nói phải nêu lên được ý kiến (quan điểm) của mình, sau đó dùng lí lẽ và các bằng chứng cụ thể làm sáng tỏ ý kiến ấy. Nghị luận văn học là văn bản nghị luận bàn về các vấn đề văn học. 2. Ý kiến, lí lẽ và bằng chứng - Ý kiến thường là một nhận xét

HS - Đọc phần Kiến thức ngữ văn. - Xác định ý kiến được tác giả đề cập tới trong văn bản. GV: - Hướng dẫn HS quan sát và đọc. - Hỗ trợ nếu cần. B3: Báo cáo thảo luận GV: - Hướng dẫn HS báo cáo (nếu các em còn gặp khó khăn). HS: - Trả lời câu hỏi của GV. - HS còn lại theo dõi, nhận xét, bổ sung (nếu cần). B4: Kết luận, nhận định (GV) - Nhận xét, chốt kiến thức, chuyển dẫn vào bài. + Trong văn bản này, tác giả nêu vấn đề: Nguyên Hồng thực sự là nhà văn của những người lao động cùng khổ. + Vấn đề này được nêu ngay ở nhan đề bài viết. Cách 1: Từ câu trả lời của HS, GV dẫn dắt vào bài “Hôm nay, chúng ta sẽ tìm hiểu bài văn nghị luận <i>Nguyên Hồng – nhà văn của những người cùng khổ</i> của Nguyễn Đăng Mạnh để hiểu thêm về nhà văn Nguyên Hồng, tác giả của đoạn trích hồi kí <i>Trong lòng mẹ</i> mà các em đã được học ở bài 3”. Cách 2: Sau khi HS trả lời, GV dẫn vào bài “Để hiểu rõ hơn con người nhà văn Nguyên Hồng, hôm nay, chúng ta đọc hiểu văn bản <i>Nguyên Hồng – nhà văn của những người cùng khổ</i>. Khi đọc, các em chú ý xem tại sao văn bản này được coi là nghị luận văn học.	mang tính khẳng định hoặc phủ định như: “Nguyên Hồng thực sự là nhà văn của nhân dân lao động”. Hoặc “Sổ nước ngọt như vậy không phải là vô tận, không phải cứ dùng hết lại có”. Ý kiến của văn bản nghị luận thường nêu ở nhan đề hoặc mở đầu bài viết. - Lí lẽ thường tập trung nêu nguyên nhân, trả lời các câu hỏi: <i>Vì sao? Do đâu?</i> (Chẳng hạn: <i>Vì sao “Thánh Gióng” là truyện truyền thuyết? Do đâu nước ngọt ngày càng khan hiếm?</i>) - Bằng chứng (dẫn chứng) thường là các hiện tượng, số liệu cụ thể nhằm minh hoạ, làm sáng tỏ cho lí lẽ. 3. Lưu ý khi đọc văn bản nghị luận - Văn bản viết về vấn đề gì? - Ở văn bản này, người viết định thuyết phục điều gì?
--	---

2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới

I. TÌM HIỂU CHUNG
1. Tác giả
a. Mục tiêu: Giúp HS tìm hiểu được những thông tin chính về nhà phê bình Nguyễn Đăng Mạnh b. Nội dung:

- HS tìm hiểu thông tin trước ở nhà và trình bày tại lớp

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện

Hoạt động của GV & HS	Sản phẩm dự kiến
B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV) ? Nêu những hiểu biết của em về tác giả Nguyễn Đăng Mạnh. B2: Thực hiện nhiệm vụ GV hướng dẫn HS sắp xếp lại thông tin đã tìm hiểu HS chuẩn bị lại các nội dung đã chuẩn bị B3: Báo cáo, thảo luận GV yêu cầu HS trình bày HS trả lời câu hỏi của GV. B4: Kết luận, nhận định (GV) Nhận xét câu trả lời của HS và chốt kiến thức lên màn hình.	 - Nguyễn Đăng Mạnh (1930-2018) - Quê: Hà Nội - Là nhà nghiên cứu phê bình văn học nổi tiếng của Việt Nam.

2. Tác phẩm

a. Mục tiêu: Giúp HS

- Biết được những nét chung của văn bản (Đặc điểm về thể loại, mục đích sử dụng...)

b. Nội dung:

- GV sử dụng một số kĩ thuật dạy học phù hợp giúp hs khám phá tri thức

- HS suy nghĩ cá nhân để trả lời, làm việc nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

c. Sản phẩm: Câu trả lời và phiếu học tập đã hoàn thành của HS

d. Tổ chức thực hiện

Hoạt động của GV & HS	Sản phẩm dự kiến
B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV) - Hướng dẫn cách đọc & yêu cầu HS đọc. - Chú ý quan sát các ô chỉ dẫn bên phải để dễ dàng hiểu nội dung văn bản hơn - Nêu những từ ngữ, hình ảnh, biểu tượng, điển tích,... khó, cần chú ý và giải thích. - Chia nhóm lớp, phát phiếu học tập số 1, giao nhiệm vụ: ? Văn bản “<i>Nguyên Hồng nhà văn của những người cùng khổ</i>” thuộc thể loại nào? Dựa vào đâu em nhận ra điều đó? ? Văn bản gồm 3 phần. Nêu nội dung của từng phần?	2. Tác phẩm a. Đọc và tìm hiểu chú thích b. Thể loại: Văn bản nghị luận - Hệ thống các lí lẽ, bằng chứng, quan điểm, ý kiến của người viết c. Bố cục + P1: Nguyên Hồng rất dễ xúc

Phiếu học tập số 1	
1. Thể loại:	

2. Dấu hiệu nhận biết thể loại:		động, rất dễ khóc. + P2: Tuổi thơ Nguyên Hồng thiếu tình yêu thương + P3: Phong cách riêng của nhà văn Nguyên Hồng
3. Bố cục:		
Phần 1		
Phần 2		
Phần 3		
B2: Thực hiện nhiệm vụ HS: - Đọc văn bản - Làm việc cá nhân 2', nhóm 5' + 2 phút đầu, hs trình bày ra phiếu cá nhân (tự chuẩn bị) + 5 phút tiếp theo, HS làm việc nhóm. GV:- Chính cách đọc cho HS (nếu cần). - Theo dõi, hỗ trợ HS trong hoạt động nhóm.		
B3: Báo cáo, thảo luận HS: Trình bày sản phẩm của nhóm mình. Theo dõi, nhận xét, bổ sung cho nhóm bạn (nếu cần). GV: - Nhận xét cách đọc của và định hướng cách đọc phù hợp cho HS. - Hướng dẫn HS trình bày bằng cách nhắc lại từng câu hỏi		
B4: Kết luận, nhận định (GV) - Nhận xét về thái độ học tập & sản phẩm học tập của HS. - Chốt kiến thức và chuyển dẫn vào mục sau .		

II. ĐỌC-TÌM HIỂU CHI TIẾT

a. Mục tiêu: + Gv hướng dẫn Hs đọc và tìm hiểu cụ thể nội dung và các đặc điểm nghệ thuật của văn bản từ đó thấy được đặc điểm của văn bản nghị luận văn học + Hs nắm được nội dung và nghệ thuật của từng phần trong văn bản. b. Nội dung: Hướng dẫn học sinh khám phá, phát hiện những dấu hiệu đặc trưng của một văn bản nghị luận văn học thông qua văn bản cụ thể bằng hệ thống câu hỏi, phiếu bài tập. c. Sản phẩm: câu trả lời của HS, sản phẩm của nhóm d. Tổ chức thực hiện	
Hoạt động của GV & HS	Sản phẩm dự kiến
Nội dung 1 B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV) - Tác giả nêu những bằng chứng nào để khẳng định Nguyên Hồng rất dễ xúc động, rất dễ khóc. B2: Thực hiện nhiệm vụ	1. Nguyên Hồng “rất dễ xúc động, rất dễ khóc”. - Bằng chứng: + Khóc khi nhớ đến bạn bè, đồng chí...

Hs - Trao đổi thảo luận theo bàn, ghi kết quả ra phiếu GV hướng dẫn HS làm (nếu cần). trao đổi để hoàn thành những nhiệm vụ còn lại. B3: Báo cáo kết quả GV: - Hướng dẫn HS trình bày (nếu cần). HS: - Các bạn khác theo dõi, quan sát, nhận xét, bổ sung (nếu cần) cho bạn. B4: Kết luận, nhận định (GV) - Nhận xét thái độ và kết quả làm việc của từng em, chỉ ra những ưu điểm và hạn chế trong HĐ của HS. - Chốt kiến thức & chuyển dẫn sang mục 2	+ Khóc khi nghĩ đến đời sống khổ cực của nhân dân + Khóc khi nói đến công ơn Tổ Quốc... + Khóc khi kể lại khổ đau, oan trái của những nhân vật do mình tạo ra. => Dẫn chứng được liệt kê cụ thể, tỉ mỉ, toàn diện - Ý kiến tác giả: + Ai biết được Nguyên Hồng đã khóc bao nhiêu lần... + Mỗi dòng chữ ông viết ra là một dòng nước mắt (so sánh) => Ý kiến , lí lẽ, dẫn chứng thuyết phục => Đặc điểm của văn bản nghị luận
Tiết 47 Nội dung 2 B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV) - Yêu cầu Hs đọc lại phần 2 - Nêu những bằng chứng mà tác giả đưa ra để chứng minh Nguyên Hồng là một người thiếu tình thương từ nhỏ. - Những bằng chứng đó do tác giả tự tưởng tượng ra hay có nguồn gốc từ đâu? ? Theo em tác giả đưa ra những câu trong hồi kí của Nguyên Hồng là bằng chứng cho ý kiến nào? - Nhận xét về tính thuyết phục của các bằng chứng đó. B2: Thực hiện nhiệm vụ - Gv hướng dẫn hs đọc lại phần 2 chú ý vào các ô bên phải chỉ dẫn, định hướng nội dung - Hs Hoạt động theo cặp đôi để phát hiện những bằng chứng, lí lẽ mà tác giả nêu ra. B3. Báo cáo, thảo luận GV: Yêu cầu hs trả lời và hướng dẫn (nếu cần). B4: Kết luận, nhận định (GV) - Nhận xét thái độ và kết quả làm việc của từng cặp đôi , chỉ ra những ưu điểm và hạn chế trong	2. Nguyên Hồng là người thiếu tình thương từ nhỏ - Nguyên Hồng thiếu tình thương từ nhỏ nên luôn khao khát tình thương và dễ thông cảm với người bất hạnh * Bằng chứng - Mồ côi cha khi 12 tuổi - Mẹ lấy chồng khác, thường đi làm ăn xa - “Giá ai cho tôi một xu nhỉ? Chỉ một xu thôi!...” (Những ngày thơ ấu) => Bằng chứng lấy từ thực tế cuộc đời nhà văn Nguyên Hồng, từ tập hồi kí <i>Những ngày thơ ấu</i> => Các bằng chứng, lí lẽ rất rõ ràng, thuyết phục người nghe, người đọc

HD nhóm của HS. - Chốt kiến thức & chuyển dẫn sang mục 3	
Nội dung 3 B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV) - Yêu cầu Hs đọc lại phần 3 - Đặc điểm nào ở Nguyên Hồng không thể có ở những cây bút khác? - Điều gì đã tạo nên đặc điểm riêng đó? - Đặc điểm riêng đó được biểu hiện cụ thể qua những bằng chứng nào? Những bằng chứng đó do tác giả tự tưởng tượng ra hay có nguồn gốc từ đâu? - Nhận xét về tính thuyết phục của các bằng chứng đó. - Cảm nhận của em về tình cảm của người viết dành cho nhà văn Nguyên Hồng? B2: Thực hiện nhiệm vụ - Hs đọc lại phần 3 chú ý vào các ô bên phải chỉ dẫn, định hướng nội dung - Hs Hoạt động theo cặp đôi để phát hiện những bằng chứng, lí lẽ mà tác giả nêu ra. B3. Báo cáo kết quả GV: Yêu cầu hs trả lời và hướng dẫn (nếu cần). B4: Kết luận, nhận định (GV) - Hs bổ sung ý kiến - Gv nhận xét, chốt kiến thức	3. Phong cách riêng của nhà văn Nguyên Hồng - Đặc điểm: “Chất dân nghèo, chất lao động”. - Bằng chứng: • Cơ sở tạo nên đặc điểm riêng của Nguyên Hồng: + Sống trong môi trường những người cùng khổ nhất trong xã hội cũ. + “Ngay từ tuổi cắp sách đến trường...con cá, lá rau” + Năm 16 tuổi đến thành phố Hải Phòng sinh sống, nhập hũn vào cuộc sống của hạng người dưới đáy XH thành thị. • Biểu hiện cụ thể: + Cung cách sinh hoạt vô cùng giản dị: thói quen ăn mặc, đi đứng, nói năng, thái độ giao tiếp... + Lời nói của bà Nguyên Hồng. + Văn chương Nguyên Hồng => Thái độ tôn trọng, ngưỡng mộ, ngợi ca tài năng và phẩm chất tốt đẹp của nhà văn Nguyên Hồng.
III. Tổng kết a. <i>Mục tiêu:</i> Hs nắm được đặc điểm của văn bản nghị luận (Nghị luận văn học) b. <i>Nội dung:</i> <i>Hướng dẫn học sinh</i> trả lời câu hỏi tổng kết văn bản để củng cố khắc sâu kiến thức về bài nghị luận văn học c. <i>Sản phẩm:</i> Các câu trả lời của học sinh d. <i>Tổ chức thực hiện</i>	
B1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập: GV giao nhiệm vụ cho HS thông qua hệ thống câu hỏi - Trình bày khái quát nội dung và những đặc sắc về nghệ thuật của văn bản. - Hãy nêu những đặc điểm của kiểu văn bản nghị luận và nghị luận văn học	1. Nghệ thuật: - Các bằng chứng đa dạng, cụ thể, sinh động, phong phú, thuyết phục - Hệ thống lí lẽ, ý kiến nêu ra vừa có tình vừa có lí bộc lộ cảm xúc, thái độ trân trọng của người viết.

B 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập

- Học sinh làm việc cá nhân, suy nghĩ, trả lời.
- Giáo viên: Quan sát, theo dõi quá trình học sinh thực hiện, gợi ý nếu cần

B 3: Báo cáo kết quả

- Học sinh trình bày cá nhân:
- + Văn bản nghị luận là loại văn bản nhằm thuyết phục người đọc, người nghe về một vấn đề nào đó
- + Nghị luận văn học là văn bản nghị luận bàn về các vấn đề văn học

B 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

- Yêu cầu học sinh nhận xét câu trả lời.
- Gv sửa chữa, đánh giá, chốt kiến thức.

2. Nội dung

- Nguyên Hồng có tuổi thơ cay đắng, bất hạnh và đó là tiền đề tạo nên một nhà văn Nguyên Hồng rất giàu cảm xúc và dạt dào tình yêu thương.

3. Hoạt động 3: Luyện tập

- Mục tiêu: Học sinh biết vận dụng kiến thức vừa học giải quyết bài tập cụ thể.
- Nội dung: GV hướng dẫn cho HS làm bài tập thông qua phiếu bài tập.
- Sản phẩm: Câu trả lời học sinh
- Tổ chức thực hiện:

B 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập***GV giao phiếu học tập cho học sinh**

Viết một đoạn văn (khoảng 10 dòng) thể hiện cảm nghĩ của em về nhà văn Nguyên Hồng trong đó có sử dụng một trong các thành ngữ sau: *chân lấm tay bùn, khó rách áo ôm, đầu đường xó chợ, tình sâu nghĩa nặng.*

- Học sinh tiếp nhận, hiểu rõ yêu cầu của nhiệm vụ học tập

B2: Thực hiện nhiệm vụ học tập

HS:

- Suy nghĩ cá nhân và viết bài.

GV hướng theo dõi, quan sát làm việc nhóm, hỗ trợ (nếu HS gặp khó khăn).

B3: Báo cáo kết quả

HS: Trao đổi -> Trình bày trước lớp.

B4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

- Học sinh nhận xét câu trả lời.
- Gv sửa chữa, đánh giá, chốt kiến thức.

IV. Luyện tập**4. Hoạt động 4: Hoạt động vận dụng**

- Mục tiêu: HS vận dụng những kiến thức đã học để giải quyết một vấn đề trong cuộc sống
- Nội dung: Giáo viên yêu cầu học sinh thảo luận theo tổ để tìm một số trường hợp ta sử dụng kiểu văn bản nghị luận văn học
- Sản phẩm: Câu trả lời của hs

d. Tổ chức thực hiện:

B1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập

* Gv nêu nhiệm vụ học tập hs cần giải quyết

1. Các tình huống sử dụng văn bản nghị luận văn học
2. Em đã từng xây dựng đoạn văn hoặc văn bản thuộc kiểu bài nghị luận văn học hay chưa?

B2: Thực hiện nhiệm vụ học tập

- Học sinh trả lời câu hỏi.
- Giáo viên: Quan sát, theo dõi quá trình học sinh thực hiện, gợi ý nếu cần.

B3: Báo cáo kết quả

- Học sinh làm việc theo tổ cử đại diện trình bày.
- Giáo viên: Quan sát, theo dõi quá trình học sinh thực hiện, gợi ý nếu cần

B4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

- Học sinh nhận xét
- Giáo viên sửa chữa, đánh giá, chốt kiến thức.

*** Hướng dẫn tự học:**

- Tiếp tục ôn tập và tìm hiểu về kiểu bài nghị luận văn học
- Tìm đọc đầy đủ hồi kí *Những ngày thơ ấu* của Nguyên Hồng
- Chuẩn bị trước bài “Vẻ đẹp của một bài ca dao”

=====

Ngày dạy:

**TIẾT 48,49 : BÀI 2
VỀ ĐẸP CỦA MỘT BÀI CA DAO
(Hoàng Tiến Tựu)**

I. MỤC TIÊU (Học xong bài học, học sinh sẽ đạt được)

1. Về kiến thức:

- Tri thức về văn bản nghị luận (Nghị luận văn học): ý kiến, lí lẽ, bằng chứng và mối quan hệ chặt chẽ giữa các yếu tố này.
- Mối quan hệ giữa nhan đề với nội dung của văn bản
- Tư tưởng, tình cảm của tác giả Hoàng Tiến Tựu thể hiện qua văn bản *Vẻ đẹp của một bài ca dao*

2. Về năng lực:

- Nhận biết được đặc điểm nổi bật của kiểu văn bản nghị luận; các ý kiến, lí lẽ, bằng chứng trong văn bản; chỉ ra được mối liên hệ giữa các ý kiến, lí lẽ, bằng chứng.
- Tóm tắt được các nội dung chính trong một văn bản nghị luận có nhiều đoạn; nhận ra được ý nghĩa của vấn đề đặt ra trong văn bản đối với bản thân.

3. Về phẩm chất:

- *Yêu nước* : Tự hào về vẻ đẹp và sự phong phú của nền văn học dân gian của dân tộc (ca dao)
- *Trách nhiệm*: có ý thức, trách nhiệm gìn giữ và phát huy vẻ đẹp của ca dao Việt Nam.
- *Chăm chỉ* : Tự giác, chăm chỉ trong học tập và lao động, ham tìm hiểu và yêu thích văn học

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Thiết bị:

Máy chiếu, máy tính, bảng phụ để HS làm việc nhóm, Phiếu học tập, Bảng kiểm tra, đánh giá thái độ làm việc nhóm

2. Học liệu:

Sgk, kế hoạch bài dạy, sách tham khảo, phiếu học tập, ...

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

Hoạt động 1: Khởi động

a. Mục tiêu: Giúp học sinh huy động kiến thức cũ để trả lời câu hỏi

b. Nội dung: Giáo viên yêu cầu hs nêu lại những đặc điểm tiêu biểu của kiểu bài nghị luận đã được học

c. Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của thầy và trò	Sản phẩm dự kiến
B1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập: - Gv giao nhiệm vụ cho học sinh thông qua cuộc thi: Thi đọc các bài ca dao dân ca mà em biết? - HS nhắc lại các kiến thức đã học ở buổi trước: <i>Em hiểu thế nào là văn bản nghị luận? Văn bản nghị luận muốn thuyết phục cần có đặc điểm gì? Lưu ý khi đọc văn bản nghị luận?</i> B2: Thực hiện nhiệm vụ học tập - Học sinh làm việc, trao đổi, thống nhất ý kiến B3: Báo cáo kết quả - Hs trả lời các câu hỏi của giáo viên. - GV quan sát, động viên khích lệ và hỗ trợ học sinh nếu cần B4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - Hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của các cặp đôi - Gv nhận xét, định hướng, chốt kiến thức kiến thức, dẫn dắt sang nội dung bài học: Chúng ta sẽ đọc hiểu văn bản <i>Vẻ đẹp của một bài ca dao</i> để làm sáng tỏ các đặc điểm của văn bản nghị luận vừa nêu.	- VBNL là loại văn bản nhằm thuyết phục người đọc, người nghe về một vấn đề nào đó. - Để thuyết phục, người viết, người nói phải nêu lên được ý kiến (quan điểm) của mình, sau đó dùng lí lẽ và các bằng chứng cụ thể làm sáng tỏ ý kiến ấy. Nghị luận văn học là văn bản nghị luận bàn về các vấn đề văn học. - Lưu ý khi đọc văn bản nghị luận: + Văn bản viết về vấn đề gì? + Ở văn bản này, người viết định thuyết phục điều gì?

Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới

Nhiệm vụ 1: Tìm hiểu chung

- a) *Mục tiêu*: Thông tin khái quát về tác giả Hoàng Tiến Tựu. Đọc văn bản và nhận biết nội dung khái quát của văn bản
- b) *Nội dung*: Giáo viên hướng dẫn học sinh trình bày thông tin về tác giả trên cơ sở đã tìm hiểu trước ở nhà.
- c) *Sản phẩm*: Ý kiến trình bày của các nhóm
- d) *Tổ chức thực hiện*

Hoạt động của GV và HS	Sản phẩm dự kiến
B1: Chuyển giao nhiệm vụ GV đặt câu hỏi: - Nêu những hiểu biết của em về tác giả Hoàng Tiến Tựu dựa trên phần chuẩn bị bài ở nhà. B2: Thực hiện nhiệm vụ - Các em thực hiện theo hướng dẫn của giáo viên. - Gv quan sát, hỗ trợ học sinh nếu cần B3: Báo cáo kết quả - HS trả lời câu hỏi. B4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - Giáo viên sửa chữa, đánh giá, rút kinh nghiệm, chốt kiến thức.	I. Đọc-Tìm hiểu chung 1. Tác giả  - Hoàng Tiến Tựu (1933 - 1998) - Quê quán: Thanh Hóa - Là nhà nghiên cứu hàng đầu về chuyên ngành <i>Văn học dân gian</i>
B1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV hướng dẫn HS đọc văn bản. - Tổ chức kiểm tra việc đọc văn bản ở nhà của HS bằng cách yêu cầu HS tóm tắt văn bản hoặc chọn một số thông tin nêu trong các ô ở cột bên phải của văn bản. - Trả lời các câu hỏi: + Văn bản thuộc thể loại gì? + Vấn đề nghị luận ở đây là gì? B2: Thực hiện nhiệm vụ - HS đọc văn bản. - Gv quan sát, hỗ trợ học sinh nếu cần B3: Báo cáo kết quả và thảo luận - HS trả lời câu hỏi. B4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - Giáo viên sửa chữa, đánh giá, rút	2. Văn bản a. Đọc – chú thích b. Thể loại : Nghị luận văn học c. Vấn đề nghị luận: Về đẹp của một bài ca dao

kinh nghiệm, chốt kiến thức.	
Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới Nhiệm vụ 2: Đọc - hiểu văn bản a. Mục tiêu: + Gv hướng dẫn Hs tìm hiểu cụ thể nội dung, nghệ thuật của văn bản. + Nhận biết những yếu tố để thấy được đây là một văn bản nghị luận văn học + Cảm nhận được tình cảm của tác giả đối với bài ca dao b. Nội dung: Hướng dẫn học sinh khám phá nội dung, nghệ thuật của văn bản bằng hệ thống câu hỏi, phiếu bài tập theo đúng đặc trưng thể loại của một văn bản nghị luận c. Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh, sản phẩm hoạt động nhóm d. Tổ chức thực hiện:	
Nội dung 1: B1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập: - GV giao nhiệm vụ cho HS thông qua câu hỏi: 1. Nội dung chính của văn bản <i>Vẻ đẹp của một bài ca dao</i> là gì? Nhan đề đã khái quát được nội dung chính của văn bản hay chưa? 2. Theo tác giả, bài ca dao có những vẻ đẹp gì? Vẻ đẹp nào được tác giả chú ý phân tích nhiều hơn? Bằng chứng? 3. Để làm rõ vẻ đẹp của bài ca dao, tác giả đã dựa vào những từ ngữ, hình ảnh nào? Em hãy chỉ ra một số ví dụ cụ thể trong văn bản. 3. Bản thân em đã từng được trải nghiệm nhìn ngắm cánh đồng lúa quê hương chưa? Đó là thời điểm lúa đang ở giai đoạn nào? Nêu một vài cảm nghĩ của em về cánh đồng lúa. B2: Thực hiện nhiệm vụ học tập HS: Trình bày - GV: theo dõi, quan sát HS thảo luận, hướng dẫn, hỗ trợ học sinh nếu cần B 3: Báo cáo kết quả GV:- Yêu cầu HS báo cáo, nhận xét, đánh giá. HS:- lên báo cáo sản phẩm của mình. - Bạn khác theo dõi, nhận xét và bổ sung (nếu cần) cho bạn. B4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - Yêu cầu học sinh nhận xét câu trả lời. - Gv sửa chữa, đánh giá, chốt kiến thức.	II. Đọc - hiểu văn bản 1. Vẻ đẹp của bài ca dao - Mở đầu trích dẫn bài ca dao => Cách vào đề trực tiếp - Phần (1) nêu vấn đề: Bài ca dao có hai vẻ đẹp: vẻ đẹp của cánh đồng và vẻ đẹp của cô gái đi thăm đồng. - Vẻ đẹp của cô gái đi thăm đồng được chú ý nhiều hơn. Bằng chứng: phần (2), (3), (4) đều nói tới vẻ đẹp của cô gái. - Phần (2), (3), (4) làm rõ vấn đề đã nêu ở phần (1). - Từ ngữ, hình ảnh thể hiện vẻ đẹp của bài ca dao: <i>mênh mông, bát ngát, bát ngát mênh mông, chên lúa đồng đồng, ngọn nắng hồng ban mai.</i> - Kết luận “Bài ca dao quả là...” -> khẳng định vấn đề.
Tiết 49	2. Cảm nhận, đánh giá bài ca

Nội dung 2:**B1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập:**

- GV giao nhiệm vụ cho HS thông qua hệ thống câu hỏi

1. Tác giả lần lượt trình bày ý kiến của mình về hai câu đầu và hai câu cuối của bài ca dao như thế nào?

2. Nêu một số từ ngữ, cụm từ có tác dụng làm tăng tính thuyết phục cho ý kiến tác giả nêu ra.

- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

B2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**HS:**

- Làm việc cá nhân 5' (trao đổi, chia sẻ và đi đến thống nhất để hoàn thành câu trả lời).

GV: Hướng theo dõi, quan sát HS hỗ trợ (nếu HS gặp khó khăn).

B3: Báo cáo kết quả**GV:**

- Yêu cầu HS báo cáo, nhận xét, đánh giá.

- Hướng dẫn HS trình bày (nếu cần).

HS:

- HS trình bày

- HS khác theo dõi, nhận xét và bổ sung (nếu cần) cho bạn.

B4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

- Yêu cầu học sinh nhận xét câu trả lời.

- Gv sửa chữa, đánh giá, chốt kiến thức.

dao**a. Hai câu đầu**

- Tác giả đánh giá về hai câu đầu bài ca dao ở đoạn (2) và (3):

+ Đoạn (2): Nêu ý kiến “ngay từ hai câu đầu, hình ảnh cô gái đi thăm đồng đã xuất hiện rõ nét và sống động”.

+ Đoạn (3): Nêu ý kiến: Hai câu đầu đều không có chủ ngữ khiến cho người nghe, người đọc đồng cảm với cô gái, và cảm nhận rõ hơn về sự mệnh mông mênh bát ngát của cánh đồng.

b. Hai câu cuối

- Tác giả đánh giá về hai câu cuối bài ca dao ở đoạn (4).

- Dẫn dắt bằng kiểu kết cấu “*nếu như...thì...*” => rất tự nhiên, thuyết phục.

- Nêu ý kiến:

+ “*tập trung ngắm nhìn, quan sát và đặc tả riêng một “chẽn lúa đòng đòng”*”.

+ “*liên hệ so sánh với bản thân mình một cách rất hồn nhiên*”.

Nhiệm vụ 3: Tổng kết

a. *Mục tiêu:* Hs nắm được những đặc sắc về nội dung nghệ thuật từ đó có những hiểu biết đầy đủ, cụ thể hơn về đặc điểm của văn bản nghị luận

b. *Nội dung:* *Hướng dẫn học sinh* nêu ý kiến để khái quát lại những thành công về nghệ thuật, nội dung.

c. *Sản phẩm:* Các câu trả lời của học sinh

d. *Tổ chức thực hiện*

B1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập:

GV giao nhiệm vụ cho HS thông qua hệ thống câu hỏi

1. Nét đặc sắc về nội dung và nghệ thuật của văn bản?

III. Tổng kết**1. Nghệ thuật:**

- Ý kiến nêu ra rõ ràng, chân thực, trình bày có hệ thống

- Lí lẽ ngắn gọn, thuyết phục, giàu cảm

2. Tóm tắt lại nội dung chính của các phần 3. Đọc thuộc 1 bài ca dao mà em đã học B2: Thực hiện nhiệm vụ học tập - Học sinh làm việc cá nhân, suy nghĩ, trả lời. - Giáo viên: theo dõi, định hướng, hỗ trợ học sinh (nếu cần) B3: Báo cáo kết quả - Học sinh trình bày cá nhân - Hoạt động cá nhân, đại diện trình bày	xúc => Bộc lộ tình cảm yêu mến, trân trọng của tác giả với bài ca dao 2. Nội dung Qua <i>Vẻ đẹp của một bài ca dao</i>, Hoàng Tiến Tựu đã nêu lên ý kiến của mình về vẻ đẹp cũng như cách khai thác nội dung của một bài ca dao cụ thể. Từ đó khơi gợi được sự đồng cảm và tình yêu đối với ca dao ở bạn đọc								
3. Hoạt động 3: Luyện tập a) <i>Mục tiêu:</i> Học sinh biết vận dụng kiến thức vừa học giải quyết bài tập cụ thể. b) <i>Nội dung:</i> GV hướng dẫn cho HS làm bài tập. c) <i>Sản phẩm:</i> Câu trả lời học sinh d) <i>Tổ chức thực hiện:</i>									
B1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập *GV phát phiếu học tập cho học sinh 1. Hãy tóm tắt nội dung chính của phần 2,3,4 trong văn bản <i>Vẻ đẹp của một bài ca dao theo mẫu sau:</i> <table border="1" data-bbox="148 1115 826 1368"> <tr> <td>Phần (1)</td><td>Nêu ý kiến: Bài ca dao có hai vẻ đẹp.</td></tr> <tr> <td>Phần (2)</td><td></td></tr> <tr> <td>Phần (3)</td><td></td></tr> <tr> <td>Phần (4)</td><td></td></tr> </table> 2. Kết hợp với kiến thức đã học ở bài 2, hãy nêu những hiểu biết của em về nội dung và hình thức của ca dao. B2: Thực hiện nhiệm vụ học tập - Học sinh tiếp nhận: Nắm được yêu cầu, thực hiện nhiệm vụ. B3: Báo cáo kết quả - Học sinh phát biểu tùy theo cảm nhận của từng cá nhân. - Giáo viên: Quan sát, theo dõi quá trình học sinh thực hiện, gợi ý nếu cần Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - Học sinh nhận xét câu trả lời. - Giáo viên nhận xét, chốt kiến thức	Phần (1)	Nêu ý kiến: Bài ca dao có hai vẻ đẹp.	Phần (2)		Phần (3)		Phần (4)		IV. Luyện tập 1. Tóm tắt nội dung chính theo sơ đồ. 2. + <i>Nội dung:</i> Ca dao, dân ca là những bài thơ dân gian do nhân dân lao động sáng tác và thuộc thể loại trữ tình đã diễn tả một cách sinh động và sâu sắc đời sống tâm hồn, tình cảm, tư tưởng của người lao động. + <i>Hình thức:</i> Thể thơ gồm những loại chính như: các thể văn, thể lục bát, thể song thất và song thất lục bát, thể hỗn hợp (hợp thể)
Phần (1)	Nêu ý kiến: Bài ca dao có hai vẻ đẹp.								
Phần (2)									
Phần (3)									
Phần (4)									

4. Hoạt động 4: Vận dụng

a) *Mục tiêu*: HS vận dụng những kiến thức đã học để thực hiện theo định hướng của giáo viên

b) *Nội dung*: Nêu ý kiến của em về một bài ca dao đã được học

d) *Tổ chức thực hiện*:

B1 Chuyển giao nhiệm vụ học tập

***GV giao bài tập** Trình bày ngắn gọn ý kiến của em về một bài ca dao đã được học

B2: Thực hiện nhiệm vụ học tập

- Học sinh trả lời câu hỏi

- Giáo viên: quan sát, động viên, khích lệ

B3: Báo cáo kết quả

Học sinh suy nghĩ, trình bày.

- Giáo viên: Quan sát, theo dõi quá trình học sinh thực hiện, gợi ý nếu cần

B4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

Học sinh nhận xét câu trả lời

-Giáo viên sửa chữa, đánh giá, chốt kiến thức.

*** Hướng dẫn tự học:**

- Đọc lại hai văn bản đọc hiểu để nắm rõ hơn kiểu bài nghị luận văn học

- Chuẩn bị trước bài “Thực hành Tiếng Việt *thành ngữ, dấu chấm phẩy*”

- Vận dụng kiến thức đọc trước văn bản “*Thánh Gióng- tượng đài vĩnh cửu của lòng yêu nước*”

=====

Ngày dạy:.

Tiết 50, 51:

B – THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT

Thành ngữ, dấu chấm phẩy

I. MỤC TIÊU (Học xong bài học, học sinh sẽ đạt được)

1. Về kiến thức:

+ Tri thức được thành ngữ, dấu chấm phẩy

+ Nghĩa của thành ngữ, công dụng của dấu chấm phẩy.

2. Về năng lực:

- Nhận biết được một số thành ngữ.

- Giải thích được nghĩa của một số thành ngữ thông dụng.

- Nhận biết được công dụng của dấu chấm phẩy.

- Rèn luyện được kĩ năng nói, viết, đặt câu có sử dụng thành ngữ, dấu chấm phẩy.

-Biết cách viết một đoạn văn theo mẫu có phép so sánh.

3. Về phẩm chất:

- *Yêu nước*: Hiểu và tự hào về sự phong phú của tiếng Việt, bồi dưỡng tình yêu với tiếng Việt – ngôn ngữ của dân tộc chúng ta.

- *Chăm chỉ*: HS có ý thức vận dụng bài học vào các tình huống, hoàn cảnh thực tế đời sống của bản thân.

-**Trách nhiệm:** Làm chủ được bản thân trong quá trình học tập, có ý thức vận dụng kiến thức vào giao tiếp và tạo lập văn bản.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Thiết bị: Máy chiếu, máy tính, Bảng kiểm tra, đánh giá thái độ làm việc nhóm, rubric chấm đoạn văn, bài trình bày của HS.

2. Học liệu: Sgk, kế hoạch bài dạy, sách tham khảo, phiếu học tập,

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. HĐ 1: Khởi động

Mục tiêu: HS kết nối kiến thức trong cuộc sống vào nội dung của bài học.

Nội dung: GV tổ chức cho HS chơi trò chơi: **Đuổi hình bắt chữ**

Tổ chức thực hiện	Dự kiến sản phẩm
-------------------	------------------

GV giao nhiệm vụ cho HS thông qua trò chơi: “Đuổi hình bắt chữ”

Luật chơi:

- + HS quan sát các hình ảnh minh họa.
- + Đoán các hình ảnh trên gợi liên tưởng tới câu thành ngữ nào?
- + Giáo viên gọi tinh thần xung phong để học sinh thể hiện sự tự tin của mình.



Mò kim đáy bể



Đàn gảy tai trâu



Thọc gậy bánh xe



Ếch ngồi đáy giếng



Giận cá chém thớt



Há miệng chờ sung

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập

- Giáo viên: hướng dẫn học sinh đoán từ, gợi ý nếu cần
- Học sinh làm việc cá nhân, suy nghĩ, trả lời.

Bước 3: Báo cáo kết quả

- Học sinh lần lượt trả lời.
- Giáo viên: Quan sát, theo dõi quá trình học sinh thực hiện, gợi ý nếu cần

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá

- Giáo viên nhận xét, đánh giá, dẫn dắt vào bài: các cụm từ các em vừa tìm được được gọi là Thành ngữ và bài học hôm nay sẽ giúp các em tìm hiểu về kiến thức này cũng như giới thiệu đến các em công dụng của một dấu câu nữa: dấu chấm phẩy.

2. HĐ 2: Hình thành kiến thức mới

1. Thành ngữ

Mục tiêu: Giúp HS

- Hiểu được thế nào là Thành ngữ
- Giải thích được nghĩa của một số thành ngữ thông dụng
- Biết tìm thành ngữ theo yêu cầu

Nội dung:

- GV đặt câu hỏi cho HS và hướng dẫn học sinh làm các bài tập
- HS làm việc cá nhân, làm việc nhóm để hoàn thiện nhiệm vụ.
- HS trình bày sản phẩm, theo dõi, nhận xét và bổ sung cho nhóm bạn (nếu cần).

Tổ chức thực hiện

Sản phẩm

B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)

- GV yêu cầu HS đọc phần kiến thức Ngữ văn và trả lời các câu hỏi.
- ? Thế nào là Thành ngữ
- ? Cho ví dụ.

B2: Thực hiện nhiệm vụ

HS: HS quan sát, suy nghĩ trả lời câu hỏi

- Đọc phần kiến thức ngữ văn SGK trang 73

GV: Hướng dẫn HS hoàn thành nhiệm vụ.

B3: Báo cáo

HS: Trả lời câu hỏi

- Nhận xét và bổ sung cho bạn (nếu cần)

B4: Kết luận, nhận định (GV)

- Chốt kiến thức lên màn hình
- Chuyển dẫn sang câu hỏi phần bài tập

1. Thành ngữ

a) Kiến thức cơ bản

- Thành ngữ là những cụm từ cố định quen dùng, thường ngắn gọn, có hình ảnh
- Ví dụ: khỏe như voi, chậm như rùa, trên đe dưới búa, một cổ hai tròng...
- Việc sử dụng thành ngữ giúp cho lời ăn tiếng nói sinh động, có tính biểu cảm cao.

B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)

- Yêu cầu HS xác định yêu cầu của bài tập 1, 2, 3, 4 SGK trang 78- 79.
- Chia lớp thành 4 nhóm thảo luận

B2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS đọc bài tập trong SGK và xác

b) Luyện tập

Bài tập 1:

- Lớn nhanh như thổi: chỉ người hoặc sự việc lớn rất nhanh
- Hôi như cú: chỉ cơ thể có mùi hôi khó chịu

định yêu cầu của đề bài.

- Suy nghĩ cá nhân và viết ra giấy kết quả
- GV hướng dẫn HS bám sát yêu cầu của đề bài.

B3: Báo cáo kết quả

- GV yêu cầu và hướng dẫn HS báo cáo.
- HS báo cáo sản phẩm thảo luận nhóm.

B4: Kết luận, nhận định (GV)

- Nhận xét và chốt kiến thức, chuyển dẫn sang đề mục sau.

c. Cá chấu chim lồng: chỉ tình cảnh bị giam giữ, tù túng, mất tự do.

d. Bể cạn non mòn: nói về sự thay đổi của thiên nhiên, của trời đất

e. Buôn thúng bán bưng: chỉ những người nghèo khổ, có ít vốn liếng buôn bán vật vãnh, tần tảo.

Bài tập 2

Thành ngữ	Nghĩa
Êm như ru	Nhẹ nhàng êm ái, đem lại cảm giác dễ chịu
Lúng túng như gà mắc tóc	Thiếu bình tĩnh, bối rối
Nhanh như chớp	Rất nhanh giống như tia chớp trên bầu trời lóe lên rồi vụt tắt.
Ngọt như mía lùi	Nói năng khéo léo, nhẹ nhàng, có sức thuyết phục

Bài tập 3

Thành ngữ	Nghĩa
Nói trước quên sau	Vừa nói xong đã quên rồi
Có mới nói cũ	Phụ bạc không chung thủy, có cái mới thường coi thường rẻ rúng cái cũ, người cũ
Trước lạ sau quen	Lần đầu gặp mặt một người cảm giác rất lạ nhưng dần khi biết nhau rồi thì sẽ trở nên quen thuộc.
Ma cũ bắt nạt ma mới	Người cũ cậy quen biết nhiều nên ra oai, bắt nạt người mới đến chưa hiểu biết gì

Bài tập 4

1– e

4 - c

2– d

5 - a

3– b

		-> Biện pháp tu từ: tương phản (sử dụng từ ngữ đối lập) và biện pháp ẩn dụ.
2. Dấu chấm phẩy		
Mục tiêu: Giúp HS: - Hiểu được vai trò của dấu chấm phẩy - Biết sử dụng dấu chấm phẩy trong tạo lập văn bản. Nội dung: - GV chia nhóm, đưa ra yêu cầu cho HS - HS làm việc thảo luận nhóm thống nhất ý kiến đưa ra đáp án		
Tổ chức thực hiện		Sản phẩm
B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV) - Yêu cầu HS đọc “Chuyện vui về dấu câu” và trả lời câu hỏi: Có một người chẳng may đánh mất dấu phẩy. Anh ta trở nên sợ những câu phức tạp...Sau đó, không may, anh lại làm mất dấu chấm than. Anh bắt đầu nói khe khẽ, đều đều, không ngữ điệu. Anh không cảm thấy không suýt xoa...Kể đó, anh ta đánh mất dấu chấm hỏi và chẳng bao giờ hỏi ai điều gì nữa. Mọi sự kiện xảy ra ở đâu, dù trong vũ trụ hay trên mặt đất hay ngay trong nhà mình mà anh ta không biết, anh ta đánh mất khả năng học hỏi...Một vài tháng sau anh ta đánh mất dấu hai chấm. Từ đó anh ta không liệt kê được, không giải thích được hành vi của mình...Cứ mất dần các dấu cuối cùng anh ta chỉ còn dấu ngoặc kép mà thôi. Anh ta không phát biểu được một ý kiến nào của riêng mình nữa, lúc nào cũng chỉ trích dẫn lời của người khác...Cứ như vậy anh ta đi đến dấu chấm hết. ... (Lược trích trên Báo Hoa học trò) ? Câu chuyện nhắc đến các dấu câu nào em đã được học. ? Theo em dấu câu có quan trọng không? ? Từ phần Kiến thức ngữ văn SGK trang 74 em hiểu gì về dấu chấm phẩy? B2: Thực hiện nhiệm vụ - HS đọc Chuyện vui về dấu câu và Kiến thức ngữ văn - Trả lời câu hỏi B3: Báo cáo kết quả - GV yêu cầu và hướng dẫn HS báo cáo. - HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ . B4: Kết luận, nhận định (GV)		2. Dấu chấm phẩy a) Kiến thức cơ bản - Dấu chấm phẩy dùng để đánh dấu ranh giới giữa các bộ phận trong một phép liệt kê phức tạp. VD: “Những bí quyết để sống lâu: từ: nhân đức, phúc hậu; kiệm: chừa mực; hòa: vui vẻ, khoan dung; tĩnh: điềm đạm, không nóng nảy”(Ngạn ngữ phương Đông).

- Nhận xét và chốt kiến thức, chuyển dẫn sang đề mục sau.	
B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV) - Yêu cầu HS xác định yêu cầu của bài tập 5 SGK trang 79. - GV chia nhóm cho HS tìm hiểu B2: Thực hiện nhiệm vụ HS đọc SGK ,tìm dấu và xác định tác dụng của dấu chấm phẩy GV hướng dẫn HS thực hiện nhiệm vụ B3: Báo cáo, thảo luận HS báo cáo sản phẩm của nhóm. GV yêu cầu và hướng dẫn HS báo cáo. B4: Kết luận, nhận định (GV) - Nhận xét thái độ và kết quả làm việc của HS, chuyển dẫn vào HĐ sau.	b) Luyện tập Bài tập 5 a) Tác dụng: Đánh dấu ranh giới các bộ phận trong phép liệt kê phức tạp. b) Tác dụng:Đánh dấu ranh giới các bộ phận trong phép liệt kê phức tạp.
3. HĐ 3: Luyện tập a) Mục tiêu:Vận dụng kiến thức của bài học vào việc làm bài tập cụ thể b) Nội dung:HS suy nghĩ cá nhân làm bài tập của GV giao c) Sản phẩm: Đáp án đúng của bài tập d) Tổ chức thực hiện	
B1: Chuyển giao nhiệm vụ: Giáo viên giao bài tập cho HS Bài tập Viết một đoạn văn ngắn (khoảng 5-7 dòng) về một tác phẩm, tác giả hoặc nhân vật trong những tác phẩm văn học em đã học trong đoạn văn có sử dụng biện pháp tu từ so sánh như trong câu sau: Có thể nói mỗi dòng chữ ông viết ra là một dòng nước mắt nóng bỏng tình xót thương ép thẳng ra từ trái timvoo cùng nhạy cảm của mình. (Nguyễn Đăng Mạnh). <i>(Khuyến khích sử dụng thành ngữ hoặc dấu chấm phẩy)</i> B2: Thực hiện nhiệm vụ GV hướng dẫn HS: đúng hình thức, đúng chủ đề + Một đoạn văn, không xuống dòng, tách đoạn, có liên kết câu chặt chẽ. + Đúng chủ đề, có sử dụng câu chủ đề trong đoạn văn. HS : Làm bài theo yêu cầu của GV B3: Báo cáo kết quả:	Sản phẩm dự kiến : Thực hành viết đoạn văn (bài viết sưu tầm) Nhân vật Hồng trong đoạn trích <i>Trong lòng mẹ</i> là một nhân vật bất hạnh nhưng kiên cường. Hồng được sinh ra trong một gia đình đặc biệt: cha nghiện ngập mất sớm, mẹ vì túng quẫn quá nên phải đi tha hương cầu thực. Thiếu vắng tình thương gia đình, ngay cả đến tình thương của người thân, họ hàng em cũng không được trải nghiệm khi mọi người đều ghét bỏ, lạnh lùng với em. Cả nhà, mà nổi bật nhất là nhân vật bà cô, luôn cố tình gieo rắc những ý nghĩ xấu xa, thù hằn về mẹ trong

- GV yêu cầu HS trình bày sản phẩm của mình. - HS trình bày, theo dõi, nhận xét, đánh giá và bổ sung cho bài của bạn (nếu cần). B4: Kết luận, nhận định:GV đánh giá bài làm của HS bằng điểm số.	em. Tuy nhiên, với sự trưởng thành, thông minh và lòng yêu thương mẹ vô bờ, chú bé Hồng không bao giờ mất niềm tin cũng như sự thương cảm của mình với người mẹ. <i>Bé Hồng luôn ước những cổ tục giống như hòn đá hay cục thủy tinh để nhai, để nghiền cho vụn nát mới thôi.</i> Qua văn bản, Nguyên Hồng đã kể lại thuở thơ ấu tủi khổ của mình, đồng thời thể hiện tình mẫu tử thiêng liêng, cao cả.
4. HĐ 4: Vận dụng a) Mục tiêu: Củng cố kiến thức, liên hệ thực tiễn Phát triển năng lực sử dụng CNTT trong học tập. b) Nội dung: GV giao nhiệm vụ, HS thực hiện nhiệm vụ. c) Sản phẩm: Sản phẩm của HS sau khi đã được chỉnh sửa (nếu cần). d) Tổ chức thực hiện	
B1: Chuyển giao nhiệm vụ: (GV giao nhiệm vụ) (1) Tổ chức Trò chơi: “Ai nhanh hơn” - Nội dung: HS xem một đoạn phim hoạt hình Tom and Jerry. Từ các hình ảnh trong đoạn phim hãy tìm các thành ngữ có hình ảnh “con chuột” - Hình thức trò chơi: Tiếp sức (theo tổ) - Thời gian: 3’ - Kết thúc: Tổ nào tìm được thành ngữ chính xác, nhiều nhất sẽ là đội thắng cuộc (2) Su rầm thành ngữ có hình ảnh “con mèo” và giải nghĩa thành ngữ đó. (Làm ở nhà) B2: Thực hiện nhiệm vụ HS:(1) Xem phim hoạt hình, xác định yêu cầu của bài tập và thi đua tìm thành ngữ. (2) Tìm kiếm tư liệu trên mạng internet. GV hướng dẫn HS xác định nhiệm vụ và cách tìm kiếm tư liệu trên nhiều nguồn cách nộp sản phẩm qua zalo, hoặc gmail B3: Báo cáo kết quả HS (1) Tham gia trò chơi tiếp sức	Sản phẩm: -Đầu voi đuôi chuột -Cháy nhà ra mặt chuột -Chuột sa chĩnh gạo -Chuột chạy cùng sào -Chuột gặm chân mèo...

(2) Nộp sản phẩm cho GV qua hệ thống CNTT mà GV hướng dẫn.

B4: Kết luận, nhận định (GV)

- Nhận xét ý thức tham gia trò chơi của HS và kết quả trò chơi.

• **Hướng dẫn học:**

- Học bài
- Soạn bài: Thánh Gióng- tượng đài vĩnh cửu.

=====

Ngày dạy:

Tiết 52,53:

THỰC HÀNH ĐỌC HIỂU
THÁNH GIÓNG – TƯỢNG ĐÀI VĨNH CỬU CỦA LÒNG YÊU NƯỚC
(Nguyễn Mạnh Nhị)

1. HĐ 1: KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: HS kết nối kiến thức đã học vào nội dung của bài học.

b. Nội dung: GV hỏi, HS trả lời

Tổ chức thực hiện



-GV cho HS quan sát tranh minh họa và trả lời các câu hỏi:

? Hình ảnh minh họa cho truyện nào đã học?

? Kể lại các sự kiện chính trong truyện?

? Nêu ấn tượng của em về một sự kiện mà em thấy ấn tượng nhất? Lí giải vì sao?

HS: Quan sát tranh minh họa, suy nghĩ cá nhân, trả lời câu hỏi

GV: Quan sát HS, khuyến khích, hỗ trợ (nếu cần)

Dự kiến sản phẩm

* Hình ảnh minh họa cho truyền thuyết Thánh Gióng

* Các sự kiện chính

- Sự ra đời của Thánh Gióng

- Thánh Gióng biết nói và nhận trách nhiệm đánh giặc

- Thánh Gióng lớn nhanh như thổi

- Thánh Gióng vươn vai thành tráng sĩ cưỡi ngựa sắt đi đánh giặc và đánh tan giặc.

- Vua phong là Phù Đổng Thiên Vương và những dấu tích còn lại của Thánh Gióng.

(HS lựa chọn 1 sự kiện trong truyện bản thân ấn tượng nhất và lí giải)

- GV nhận xét, dẫn vào bài.

2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức

I. TÌM HIỂU CHUNG

Mục tiêu: Giúp HS

- Nêu được những nét chung về tác giả Bùi Mạnh Nhị và văn bản Thánh Gióng – tượng đài bất tử về lòng yêu nước (Thể loại, xuất xứ, bố cục...)

Nội dung:

- HS đọc, quan sát SGK và tìm thông tin, suy nghĩ cá nhân để trả lời, làm việc nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.
- GV hướng dẫn HS đọc văn bản và sử dụng KT đặt câu hỏi

Tổ chức thực hiện

Sản phẩm

(Chuyển giao phiếu học tập số 1 cho HS chuẩn bị ở nhà)

- Yêu cầu HS tạo nhóm cặp, sưu tầm tư liệu, trả lời câu hỏi trong phiếu học tập số 1

Phiếu học tập số 1

1/ Tìm hiểu và giới thiệu ngắn gọn về tác giả

2/ Giải thích 1 số từ sau:

- Gióng hoá
- Bất tử hoá

3/ Xuất xứ của văn bản

4/ Thể loại của văn bản

5/ Bố cục của văn bản

Đoạn (1)

Đoạn (2)

Đoạn (3)

Đoạn (4)

HS trao đổi, thống nhất các nội dung trong phiếu học tập.

GV hỗ trợ HS (nếu cần)

- 2 HS báo cáo trước lớp
- HS các nhóm khác theo dõi, nhận xét bổ sung,...
- Nhận xét câu trả lời của HS.

1. Tác giả



Bùi Mạnh Nhị (1955)

- **Quê quán:** Xã Thành Lợi, Huyện Vụ Bản, Nam Định.
- **Vị trí:** Là Nhà giáo Ưu tú; Từng được trao tặng Huân chương Lao động hạng Nhất.

2. Tác phẩm

a) Xuất xứ: Trích *Phân tích tác phẩm văn học dân gian trong nhà trường* (2012).

b) Thể loại

- Văn nghị luận văn học

c) Bố cục

- 5 phần

+ Phần 1: Đoạn 1: Nêu vấn đề: Thánh Gióng - bức tượng đài bất tử về lòng yêu nước

+ Phần 2: Đoạn 2: Gióng ra đời kì lạ

+ Phần 3: Đoạn 3: Gióng lớn lên cũng kì lạ

Phần 4: Đoạn 4: Gióng vươn vai ra trận đánh giặc.

Phần 5: Đoạn 5: Gióng bay lên trời và

- Chốt kiến thức lên MC và chuyển dẫn vào mục sau.	dấu xưa còn lại .
--	-------------------

II. TÌM HIỂU VĂN BẢN

1. Vấn đề nghị luận

Mục tiêu: Giúp HS

- Tìm ra được ý kiến, vấn đề nghị luận trong bài

Nội dung:

- Hs đọc SGK, trả lời các câu hỏi trong phiếu học tập

- GV hướng dẫn HS (nếu cần)

Tổ chức thực hiện	Sản phẩm												
? Ở bài trước các em đã được học hai văn bản nghị luận văn học. Theo các em khi đọc hiểu một văn bản nghị luận văn học ta cần trang bị cho mình những kiến thức cơ bản nào? - GV : Giao phiếu học tập số 2 cho HS chuẩn bị trước ở nhà. Cho HS thảo luận thống nhất ý kiến. (2') <table border="1"> <thead> <tr> <th colspan="2">Phiếu học tập số 2</th></tr> </thead> <tbody> <tr> <td>1/ Văn bản viết về vấn đề gì?</td><td></td></tr> <tr> <td>2/ Vấn đề ấy được nêu khái quát ở phần nào?</td><td></td></tr> <tr> <td>3/ Nhận xét cách nêu vấn đề của tác giả</td><td></td></tr> <tr> <td>4/ Qua văn bản, em hiểu truyền thuyết <i>Thánh Gióng</i> có ý nghĩa như thế nào?</td><td></td></tr> <tr> <td>5/ Rút ra bài học gì khi muốn xác định vấn đề nghị luận.</td><td></td></tr> </tbody> </table> - HS thảo luận nhóm đôi, thống nhất câu trả lời - 2 HS cùng báo cáo trước lớp - HS nhóm khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung (nếu cần) Nhận xét câu trả lời của HS và chốt kiến thức lên màn hình.	Phiếu học tập số 2		1/ Văn bản viết về vấn đề gì?		2/ Vấn đề ấy được nêu khái quát ở phần nào?		3/ Nhận xét cách nêu vấn đề của tác giả		4/ Qua văn bản, em hiểu truyền thuyết <i>Thánh Gióng</i> có ý nghĩa như thế nào?		5/ Rút ra bài học gì khi muốn xác định vấn đề nghị luận.		- Nghị luận văn học là văn bản nghị luận bàn về các vấn đề văn học - Ý kiến thường là một nhận xét mang tính khẳng định hoặc phủ định. Ý kiến của văn bản nghị luận thường nêu ở nhan đề hoặc mở đầu bài viết. - Lí lẽ: là cơ sở cho ý kiến, quan điểm của người viết, người nói. - Bằng chứng: là những minh chứng làm rõ lí lẽ. => Ý kiến, lí lẽ, bằng chứng có mối quan hệ chặt chẽ với nhau. * Dự kiến sản phẩm - Vấn đề nghị luận: Thánh Gióng là tác phẩm tiêu biểu thuộc chủ đề yêu nước trong văn học. - Vấn đề được nêu ở nhan đề và được khái quát lại ở đoạn đầu văn bản. - Cách nêu vấn đề: đi từ khái quát đến cụ thể - Truyền thuyết <i>Thánh Gióng</i> có ý nghĩa: lưu giữ, giúp người dân tin vào truyền thống yêu nước của nhân dân ta
Phiếu học tập số 2													
1/ Văn bản viết về vấn đề gì?													
2/ Vấn đề ấy được nêu khái quát ở phần nào?													
3/ Nhận xét cách nêu vấn đề của tác giả													
4/ Qua văn bản, em hiểu truyền thuyết <i>Thánh Gióng</i> có ý nghĩa như thế nào?													
5/ Rút ra bài học gì khi muốn xác định vấn đề nghị luận.													

2. Chứng minh vấn đề nghị luận

Mục tiêu: Giúp HS

- Nhận biết được các lí lẽ, bằng chứng trong văn bản
- Hiểu mối quan hệ giữa lí lẽ và bằng chứng trong việc làm sáng tỏ vấn đề

Nội dung:

- GV tổ chức cho HS làm việc nhóm
- HS làm việc cá nhân, làm việc nhóm, trình bày sản phẩm, quan sát và bổ sung (nếu cần)

Tổ chức thực hiện	Sản phẩm																		
1. Các mục (2) <i>Giống ra đời kì lạ</i>, (3) <i>Giống lớn lên cũng kì lạ</i>, (4) <i>Giống vươn vai ra trận đánh giặc</i> và (5) <i>Giống bay lên trời và dấu xưa còn lại</i> đều dựa vào các sự kiện trong truyện Thánh Gióng nhưng tác giả không kể lại các sự kiện mà chủ yếu nêu lên nội dung gì? 2. Để làm sáng tỏ điều đó tác giả đã sử dụng các lí lẽ và dẫn chứng nào? (GV giao phiếu học tập số 3a, b, c, d cho HS cả lớp chuẩn bị trước ở nhà) - Tại lớp: Chia lớp ra làm 4 nhóm thảo luận thống nhất ý kiến trong nhóm và báo cáo. Nhóm I: Phiếu học tập (3a) <table border="1" style="width: 100%; border-collapse: collapse;"> <tr> <th colspan="2" style="text-align: center;">Phiếu học tập 3a</th></tr> <tr> <td colspan="2" style="text-align: center;">Đọc phần (2) và trả lời câu hỏi:</td></tr> <tr> <td style="width: 30%;">1/ Nội dung chính của phần (2) là gì?</td><td></td></tr> <tr> <td>2/ Tìm lí lẽ và dẫn chứng làm sáng tỏ nội dung đó.</td><td></td></tr> <tr> <td>3/ Ý nghĩa của các lí lẽ và dẫn chứng đó.</td><td></td></tr> </table> Nhóm II: Phiếu học tập 3-b <table border="1" style="width: 100%; border-collapse: collapse;"> <tr> <th colspan="2" style="text-align: center;">Phiếu học tập 3b</th></tr> <tr> <td colspan="2" style="text-align: center;">Đọc phần (3) và trả lời câu hỏi:</td></tr> <tr> <td style="width: 30%;">1/ Nội dung chính của phần (3) là gì?</td><td></td></tr> <tr> <td>2/ Tìm lí lẽ và dẫn chứng làm sáng tỏ nội</td><td></td></tr> </table>	Phiếu học tập 3a		Đọc phần (2) và trả lời câu hỏi:		1/ Nội dung chính của phần (2) là gì?		2/ Tìm lí lẽ và dẫn chứng làm sáng tỏ nội dung đó.		3/ Ý nghĩa của các lí lẽ và dẫn chứng đó.		Phiếu học tập 3b		Đọc phần (3) và trả lời câu hỏi:		1/ Nội dung chính của phần (3) là gì?		2/ Tìm lí lẽ và dẫn chứng làm sáng tỏ nội		* Các mục (2) <i>Giống ra đời kì lạ</i>, (3) <i>Giống lớn lên cũng kì lạ</i>, (4) <i>Giống vươn vai ra trận đánh giặc</i> và (5) <i>Giống bay lên trời và dấu xưa còn lại</i> đều dựa vào các sự kiện trong truyện Thánh Gióng nhưng tác giả không kể lại các sự kiện mà chủ yếu nêu lên nội dung lòng yêu nước. a. Giống ra đời kì lạ - Mẹ Gióng mang thai Gióng không bình thường: ướm chân mang thai, thai 12 tháng - Nêu ra những sự ra đời kì lạ khác như Gióng trong truyện cổ dân gian (Lê Lợi, Nguyễn Huệ). => Ý nghĩa sự ra đời kì lạ: Khiến nhân vật trở nên phi thường; thể hiện sự yêu mến, tôn kính với nhân vật; đặt niềm tin vào những chiến công kì lạ. b. Giống lớn lên kì lạ - 3 năm không nói, lần cất tiếng nói đầu tiên là tiếng nói yêu nước, cứu nước. → Tiếng nói không bình thường. - Gióng lớn nhanh, lớn bằng thức ăn, thức mặc của nhân dân. → Sức mạnh dũng sĩ được nuôi dưỡng từ những cái bình thường, giản dị. Gióng tiêu biểu cho sức mạnh toàn dân. c. Giống vươn vai ra trận đánh giặc - Sự vươn vai liên quan đến mô típ truyền thống: người anh hùng phải khổng lồ về hình thể, sức mạnh, chiến công.
Phiếu học tập 3a																			
Đọc phần (2) và trả lời câu hỏi:																			
1/ Nội dung chính của phần (2) là gì?																			
2/ Tìm lí lẽ và dẫn chứng làm sáng tỏ nội dung đó.																			
3/ Ý nghĩa của các lí lẽ và dẫn chứng đó.																			
Phiếu học tập 3b																			
Đọc phần (3) và trả lời câu hỏi:																			
1/ Nội dung chính của phần (3) là gì?																			
2/ Tìm lí lẽ và dẫn chứng làm sáng tỏ nội																			

dung đó.	
3/ Việc trích dẫn ý kiến của Lê Trí Viễn có tác dụng gì?	

Nhóm III: Phiếu học tập 3-c

Phiếu học tập 3c Đọc phần (4) và trả lời câu hỏi:	
1/ Nội dung chính của phần (4) là gì?	
2/ Tìm lí lẽ và dẫn chứng làm sáng tỏ nội dung đó.	
3/ Việc trích dẫn ý kiến của Lê Trí Viễn có tác dụng gì?	

Nhóm IV: Phiếu học tập 3-d

Phiếu học tập 3d Đọc phần (5) và trả lời câu hỏi:	
1/ Nội dung chính của phần (4) là gì?	
2/ Tìm lí lẽ và dẫn chứng làm sáng tỏ nội dung đó.	
3/ Các từ “Giống hoá”, “bất tử hoá” có ý nghĩa gì?	

HS:

-HS ghi kết quả ra phiếu học tập

GV hướng dẫn HS (nếu cần).

- báo cáo kết quả học tập. Các bạn còn lại lắng nghe, nhận xét, bổ sung ...

- GV hướng dẫn HS trình bày (nếu cần).

- Nhận xét thái độ và kết quả làm việc của từng nhóm, chỉ ra những ưu điểm và hạn chế của HS.

- Chốt kiến thức & chuyển dẫn sang mục tiếp theo

→ Tượng đài bất hủ về sự trưởng thành, hùng khí, tinh thần trước thế nước lâm nguy.

- Quang cảnh ra trận hùng vĩ, hoành tráng.

→ Tất cả sức mạnh, ý chí cộng đồng, thành tựu lao động, văn hóa được bộc lộ trong cuộc đối đầu giặc.

d. Giống bay lên trời và dấu xưa còn lại

- Giống bay về trời là sự ra đi phi thường.

→ Sự trân trọng, yêu mến, muốn bất tử hóa nhân vật. Đây là phần thưởng cao nhất trao tặng người anh hùng.

- Chiến tích còn để lại: dấu ngựa, ao hồ,... Nhân dân kể chuyện Giống, tổ chức Hội Giống.

→ Minh chứng câu chuyện có thật, giúp mọi người tin và giữ truyền thống dân tộc.

III. TỔNG KẾT

<table border="1" data-bbox="165 129 826 577"> <tr> <th colspan="2">Phiếu học tập số 4</th></tr> <tr> <td>1/ Nêu những đặc sắc nghệ thuật được sử dụng trong văn bản?</td><td></td></tr> <tr> <td>2/ Nội dung chính của văn bản là gì?</td><td></td></tr> <tr> <td>3/ Qua văn bản em nhận ra thái độ, tình cảm nào của người viết?</td><td></td></tr> </table> HS: Suy nghĩ cá nhân 2', 3' (trao đổi, chia sẻ và đi đến thống nhất để hoàn thành phiếu học tập). GV hướng theo dõi, quan sát, hỗ trợ (nếu HS gặp khó khăn). HS:- Đại diện lên báo cáo kết quả làm việc nhóm, HS khác theo dõi, nhận xét và bổ sung (nếu cần) cho nhóm bạn. GV:- Yêu cầu HS nhận xét, đánh giá chéo giữa các nhóm. - Nhận xét thái độ và kết quả làm việc của từng nhóm. - Chuyển dẫn sang đề mục sau.	Phiếu học tập số 4		1/ Nêu những đặc sắc nghệ thuật được sử dụng trong văn bản?		2/ Nội dung chính của văn bản là gì?		3/ Qua văn bản em nhận ra thái độ, tình cảm nào của người viết?		1. Nghệ thuật - Lí lẽ bằng chứng chặt chẽ, giàu sức thuyết phục. - Bố cục mạnh mẽ, làm sáng tỏ vấn đề nghị luận. 2. Nội dung - Qua văn bản Thánh Gióng- tượng đài vĩnh cửu của lòng yêu nước, Bùi Mạnh Nhi đã chứng minh rằng: Thánh Gióng là một tác phẩm thành công, tiêu biểu viết về lòng yêu nước của dân tộc ta. <i>* Niềm yêu mến, say mê tìm tòi và giải mã những giá trị văn hóa dân gian.</i>
Phiếu học tập số 4									
1/ Nêu những đặc sắc nghệ thuật được sử dụng trong văn bản?									
2/ Nội dung chính của văn bản là gì?									
3/ Qua văn bản em nhận ra thái độ, tình cảm nào của người viết?									
3. HĐ 3: Luyện tập a) Mục tiêu: Vận dụng kiến thức của bài học vào việc làm bài tập cụ thể b) Nội dung: HS suy nghĩ cá nhân làm bài tập của GV giao <table border="1" data-bbox="165 1370 1453 2054"> <tr> <td data-bbox="165 1370 839 2054"> Giáo viên giao bài tập cho HS Bài tập: Hãy viết một đoạn văn (khoảng 4 - 5 dòng) về hình tượng Thánh Gióng, trong đó có sử dụng thành ngữ "độc nhất vô nhị" ("có một không ai"). GV hướng dẫn HS: tìm ý và tạo đoạn HS : viết đoạn - GV yêu cầu HS trình bày sản phẩm của mình. - HS trình bày, theo dõi, nhận xét, đánh giá và bổ sung cho bài của bạn (nếu cần). GV đánh giá bài làm của HS bằng điểm số. </td><td data-bbox="839 1370 1453 2054"> Bài tập Hình tượng Thánh Gióng với nhiều màu sắc thần kì, hoang đường song là biểu tượng về lòng yêu nước và sức mạnh chống giặc ngoại xâm của nhân dân ta. Người anh hùng độc nhất vô nhị ấy được sinh ra từ nhân dân, do nhân dân nuôi dưỡng thể hiện quan niệm và ước mơ của nhân dân ta về hình mẫu lí tưởng của người anh hùng chống giặc ngoại xâm, là sức mạnh của sự kết hợp giữa con người và thiên nhiên, bằng cả vũ khí thô sơ và hiện đại. </td></tr> </table>		Giáo viên giao bài tập cho HS Bài tập: Hãy viết một đoạn văn (khoảng 4 - 5 dòng) về hình tượng Thánh Gióng, trong đó có sử dụng thành ngữ "độc nhất vô nhị" ("có một không ai"). GV hướng dẫn HS: tìm ý và tạo đoạn HS : viết đoạn - GV yêu cầu HS trình bày sản phẩm của mình. - HS trình bày, theo dõi, nhận xét, đánh giá và bổ sung cho bài của bạn (nếu cần). GV đánh giá bài làm của HS bằng điểm số.	Bài tập Hình tượng Thánh Gióng với nhiều màu sắc thần kì, hoang đường song là biểu tượng về lòng yêu nước và sức mạnh chống giặc ngoại xâm của nhân dân ta. Người anh hùng độc nhất vô nhị ấy được sinh ra từ nhân dân, do nhân dân nuôi dưỡng thể hiện quan niệm và ước mơ của nhân dân ta về hình mẫu lí tưởng của người anh hùng chống giặc ngoại xâm, là sức mạnh của sự kết hợp giữa con người và thiên nhiên, bằng cả vũ khí thô sơ và hiện đại.						
Giáo viên giao bài tập cho HS Bài tập: Hãy viết một đoạn văn (khoảng 4 - 5 dòng) về hình tượng Thánh Gióng, trong đó có sử dụng thành ngữ "độc nhất vô nhị" ("có một không ai"). GV hướng dẫn HS: tìm ý và tạo đoạn HS : viết đoạn - GV yêu cầu HS trình bày sản phẩm của mình. - HS trình bày, theo dõi, nhận xét, đánh giá và bổ sung cho bài của bạn (nếu cần). GV đánh giá bài làm của HS bằng điểm số.	Bài tập Hình tượng Thánh Gióng với nhiều màu sắc thần kì, hoang đường song là biểu tượng về lòng yêu nước và sức mạnh chống giặc ngoại xâm của nhân dân ta. Người anh hùng độc nhất vô nhị ấy được sinh ra từ nhân dân, do nhân dân nuôi dưỡng thể hiện quan niệm và ước mơ của nhân dân ta về hình mẫu lí tưởng của người anh hùng chống giặc ngoại xâm, là sức mạnh của sự kết hợp giữa con người và thiên nhiên, bằng cả vũ khí thô sơ và hiện đại.								

4.HĐ 4: Vận dụng

a) Mục tiêu: Củng cố kiến thức, làm rõ mối quan hệ của ý kiến, lí lẽ, bằng chứng bằng sơ đồ. Biết ứng dụng sơ đồ trong việc tóm tắt nội dung bài học.

b) Nội dung: GV giao nhiệm vụ, HS thực hiện nhiệm vụ.

(GV giao nhiệm vụ)

? Hãy hệ thống lại nội dung bài học bằng sơ đồ để thấy được mối quan hệ giữa ý kiến, lí lẽ, bằng chứng trong văn nghị luận (trình bày một ý kiến)

GV hướng dẫn HS xác định nhiệm vụ.

HS đọc, xác định yêu cầu của bài tập, suy nghĩ và hệ thống kiến thức bài học

HS: báo cáo kết quả học tập, tự đánh giá

GV: Nhận xét sản phẩm của hs, hướng dẫn học sinh tự đánh giá.

- Nhận xét ý thức làm bài của HS (HS nộp bài không đúng qui định (nếu có)).

*** Hướng dẫn học:** Học, nắm vững nội dung bài học

Tìm hiểu tiếp nội dung bài: Viết đoạn văn nêu cảm nghĩ về bài thơ lục bát.

Ngày dạy:

Tiết 54, 55, 56

VIẾT

VIẾT ĐOẠN VĂN GHI LẠI CẢM NGHĨ VỀ BÀI THƠ LỤC BÁT

PHIẾU TÌM Ý VÀ LẬP DÀN Ý (Phiếu số 1)

Họ và tên HS:

Đề bài : Viết đoạn văn ghi lại cảm nghĩ về một trong hai bài thơ lục bát “À ơi tay mẹ”, “Về thăm mẹ” hoặc về một bài ca dao Việt Nam đã học.

Bài thơ lục bát em thích là bài thơ nào?

Tác giả là ai?

Em có suy nghĩ và cảm xúc gì khi đọc bài thơ?

Nội dung bài thơ viết về điều gì?

Trong nội dung ấy em thích chi tiết nội dung hoặc yếu tố nghệ thuật nào? Vì sao?

Khi viết đoạn văn em dự kiến sẽ viết phần Mở đoạn, thân đoạn, kết đoạn như thế nào?

PHIẾU GÓP Ý BÀI VIẾT (Phiếu số 2)

Họ và tên HS viết bài:

Họ và tên HS góp ý:

Bài viết đã giới thiệu được tên bài thơ lục bát và tác giả bài thơ chưa?	
Hình thức đoạn văn đã đảm bảo chưa? Về chỉnh thể và bố cục	
Nội dung đoạn văn đã thể hiện được cảm xúc suy nghĩ ấn tượng nhất về chi tiết nội dung hoặc yếu tố nghệ thuật trong bài thơ chưa?	
Đoạn văn có cần bổ sung thêm nội dung gì không? (Nếu có hãy chỉ rõ)	
Đoạn văn có cần lược bỏ từ ngữ, hoặc câu, đoạn nào không? (Nếu có hãy chỉ rõ)	
Nếu được được giá em đánh giá bạn đạt bao nhiêu điểm	

1. Hoạt động 1: Khởi động

a. Mục tiêu:

- Biết được kiểu bài: cảm nghĩ về một bài thơ lục bát (đã học, đã đọc, đã nghe).
- Học sinh biết nêu cảm nghĩ về nội dung và yếu tố nghệ thuật trong bài thơ lục bát

b. Nội dung: GV phát vấn, HS chia sẻ.

c. Sản phẩm: Nội dung trả lời của HS.

d) Tổ chức thực hiện:

HD của thầy và trò	Sản phẩm dự kiến
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập: - GV giao nhiệm vụ cho HS thông qua hoạt động chia sẻ ? Em đã học bài thơ nào viết theo thể thơ lục bát? Em còn thuộc những bài thơ lục bát nào ngoài các bài đã học ? ? Em có thích thể thơ lục bát không? Vì sao? ? Hãy đọc một đoạn thơ lục bát mà em thích? Chia sẻ với thầy (cô) và các bạn vì sao em thích đoạn thơ đó? Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập HS: chia sẻ. GV: - Dự kiến khó khăn HS gặp: lúng túng khi lí giải, dùng từ diễn đạt chưa thoát ý... - Giúp đỡ học sinh bằng cách đặt thêm một số câu hỏi phụ gợi ý hoặc khích lệ HS mạnh dạn chia sẻ cảm xúc: Bước 3: Báo cáo kết quả - GV chỉ định 3 - 5 học sinh chia sẻ	- Nêu một số bài thơ lục bát hoặc một số bài ca dao đã học, đã nghe hoặc đã đọc. - Đặc điểm thơ lục bát: Thể thơ dân tộc, dễ thuộc dễ nhớ, giai điệu tha thiết, ngọt ngào đầm ấm, giàu nhạc điệu, phù hợp bộc lộ cảm xúc, dễ đi vào lòng người.... - Đọc được một số đoạn thơ lục bát - Chia sẻ lí do như: thể thơ dễ thuộc dễ nhớ, âm điệu tha thiết,...; nội dung đoạn thơ thể hiện tư tưởng tình cảm....

- HS trình bày. - HS bày tỏ suy nghĩ về phần chia sẻ của các bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét phần chia sẻ của HS. - Kết nối với một số bài thơ đã học và một số bài ca dao, bài thơ quen thuộc với HS trong chương trình tiểu học và mầm non	
---	--

2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới

I. ĐỊNH HƯỚNG

a) *Mục tiêu:* Nhận biết được các yêu cầu đối với đoạn văn thể hiện cảm nghĩ về một bài thơ lục bát;

- Nêu được cảm xúc, suy nghĩ về bài thơ lục bát.
- Biết dùng từ ngữ biểu cảm, nhận xét về nội dung hoặc yếu tố nghệ thuật ẩn tượng trong bài thơ lục bát

b) *Nội dung:*

- GV hỏi, HS về xác định yêu cầu, nội dung của đề.
- HS trả lời

c) *Sản phẩm:* Các câu trả lời của học sinh

d) *Tổ chức thực hiện:*

HOẠT ĐỘNG CỦA GV & HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV cho HS đọc mục <i>Định hướng</i> trong SGK. - Đặt câu hỏi: + Theo SGK, viết đoạn văn ghi lại cảm nghĩ về một bài thơ lục bát là thế nào? + Để viết đoạn văn ghi lại cảm nghĩ về bài thơ lục bát, các em cần chú ý những gì?	I. ĐỊNH HƯỚNG - Viết đoạn văn ghi lại cảm nghĩ về bài thơ lục bát là nêu lên những cảm xúc và suy nghĩ của em về bài thơ đó. Người viết cần trả lời câu hỏi: Bài thơ gọi cho em những cảm nghĩ gì? Đoạn văn có thể chỉ nêu cảm nghĩ về một chi tiết nội dung hoặc yếu tố nghệ thuật của bài thơ lục bát mà em có ấn tượng và yêu thích. - Để viết đoạn văn ghi lại cảm nghĩ về bài thơ lục bát, các em cần chú ý: + Đọc kĩ để hiểu bài thơ. + Lựa chọn một yếu tố trong bài thơ mà em thấy yêu thích, thú vị nhất. + Viết đoạn văn nêu rõ: Em thích nhất chi tiết nội dung hoặc yếu tố nghệ thuật nào trong bài thơ? Vì sao?

3. Hoạt động 3: Luyện tập

II. THỰC HÀNH

a) Mục tiêu:

- Biết viết đoạn văn ghi lại cảm nghĩ về bài thơ lục bát: tìm ý, lập dàn ý, viết đoạn
- Tập trung vào các chi tiết đặc sắc.
- Lựa chọn từ ngữ bày tỏ xúc cảm, suy nghĩ riêng của bản thân

b) Nội dung:

- HS thực hiện yêu cầu trong phiếu học tập số 1, 2
- HS suy nghĩ cá nhân và trả lời độc lập vào phiếu.

c) Sản phẩm:

- Phiếu học tập đã làm của HS.

d) Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV & HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV đưa ra đề bài: <i>Em hãy viết một đoạn văn ghi lại cảm nghĩ về một trong hai bài thơ lục bát: “À ơi tay mẹ”, “Về thăm mẹ” hoặc về một bài ca dao Việt Nam đã học.</i> - Khi viết đoạn văn cho đề văn trên chúng ta thực hiện những bước nào? - Nhiệm vụ cụ thể của từng bước là gì? - Gv yêu cầu HS đọc thầm lại “À ơi tay mẹ”, “ Về thăm mẹ”; giao nhiệm vụ cho HS thông qua hệ thống câu hỏi trong phiếu học tập số 1 - GV hướng dẫn HS viết bài - Sửa lại bài sau khi đã viết xong (hoạt động theo cặp - Phiếu số 1, 2) Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ GV: Hướng dẫn HS đọc thầm lại hai bài thơ đã học hoặc bài ca dao đã học mà HS thích - Phát phiếu học tập số 1,2 - Phát hiện các khó khăn học sinh gặp phải và giúp đỡ HS. Học sinh: - Tìm ý và lập dàn ý theo hệ thống câu hỏi phiếu (Hoàn thiện phiếu học tập số 1 – làm việc cá nhân) - Viết bài theo yêu cầu	II. THỰC HÀNH 1. Chuẩn bị - Đọc kĩ đề bài và yêu cầu của đề. - Chọn bài thơ mà em sẽ nêu cảm nghĩ. - Đọc lại bài thơ. 2. Tìm ý và lập dàn ý * Mở đoạn: - Nêu tên bài thơ, tác giả, cảm nghĩ chung về bài thơ và nội dung hoặc nghệ thuật mà mình ấn tượng nhất * Thân đoạn: - Bài thơ để lại cho em ấn tượng cụ thể gì về : nội dung tư tưởng tình cảm hoặc yếu tố nghệ thuật (thể hiện qua chi tiết thơ (câu thơ, hình ảnh...) hoặc biện pháp tu từ, từ loại, loại từ... - Em có cảm xúc như vậy là vì: Đó là những tình cảm, gợi cho em cảm xúc về.... * Kết đoạn - Khái quát lại cảm nghĩ của bản thân về nội dung mình thích và ý nghĩa chung của bài thơ 3. Viết bài - Viết thành văn theo dàn ý đã lập. - Chú ý lựa chọn các từ ngữ phù hợp để diễn tả cảm nghĩ của em về bài thơ. 4. Kiểm tra và chỉnh sửa bài viết - Kiểm tra lại đoạn văn đã viết, phát hiện các lỗi về nội dung (thiếu ý, trùng lặp ý,...) và hình thức (chính tả, ngữ pháp, liên kết câu,...) - Xác định những chỗ mắc lỗi và nêu cách sửa

- Trao đổi bài theo cặp kiểm tra và sửa chữa dựa theo phiếu số 1 và phiếu số 2 (làm việc theo cặp). Bước 3: Báo cáo kết quả - GV: Yêu cầu 3 HS báo cáo sản phẩm. - HS: Trình bày sản phẩm của mình. + Theo dõi, nhận xét, bổ sung cho bài của bạn và chữa bài của mình (nếu cần). Bước 4: Kết luận, nhận định - Nhận xét thái độ học tập và sản phẩm của HS. Chuyển dẫn sang mục sau.	chữa.
--	-------

Ví dụ: Bài thơ À ơi tay mẹ của tác giả Bình Nguyên viết về những hi sinh, vất vả vì tình yêu bao la của mẹ dành cho con. Bài thơ sử dụng thể thơ lục bát với cách ngắt nhịp và gieo vần độc đáo làm nổi bật lên tình cảm, đức hi sinh của người mẹ. Bằng việc kết hợp khéo léo giữa các biện pháp tu từ ẩn dụ với việc sử dụng điệp từ cùng từ ngữ nhẹ nhàng giàu tính tượng hình, tượng thanh; giúp cho bài thơ nhẹ nhàng tựa lời hát ru, giàu hình ảnh, mang tính biểu tượng cao, thể hiện tình cảm mẹ dành cho con chứa chan thấm thiết.

Bàn tay mẹ chần mưa sa

.....
Chắt chiu từ những dải dầu đầy thôi

Hình ảnh bàn tay mẹ chần mưa sa, chặn bão, thức một đời đã thể hiện được những hi sinh to lớn mẹ dành cho con. Mẹ hi sinh tất cả, che chắn mọi khó khăn trong cuộc sống, chỉ mong con có được cuộc sống bình yên. Bàn tay mẹ giống như có phép nhiệm màu vậy, không khó khăn, vất vả nào mà mẹ không vượt qua được; điều đó nó lên tình yêu vô bờ vô tận mà mẹ dành cho con. Tình yêu của mẹ theo con cả một đời. Bài thơ giúp em hiểu được tình cảm vô bờ bến mà mẹ dành cho em: "Cả đời mẹ vất vả vì con, lam lũ nhọc nhằn chịu mọi đắng cay, nguyện hi sinh cả cuộc đời để cho con có cuộc sống tốt đẹp".

Vì vậy, chúng ta hãy trân trọng và yêu thương cha mẹ của mình, vì cha mẹ dành cả đời hi sinh và yêu thương chúng ta.

Hoạt động 4: Vận dụng

a) *Mục tiêu:*

- Biết vận dụng nội dung đã học vào viết một đoạn văn hoàn chỉnh ghi lại cảm nghĩ về bài thơ lục bát

b) *Nội dung:*

- HS viết một đoạn văn hoàn chỉnh.

c) *Sản phẩm:* Đoạn văn.

d) *Tổ chức thực hiện:*

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

- GV đưa ra đề bài:

Hãy ghi lại các bước cảm thụ bài ca dao sau:

Trong đầm gì đẹp bằng sen,
Lá xanh, bông trắng lại chen nhụy vàng.
Nhụy vàng, bông trắng, lá xanh,
Gần bùn mà chẳng hôi tanh mùi bùn

Bước a: Đọc

_ Đọc đi đọc lại nhiều lần

- Đọc diễn cảm: Gì đẹp bằng sen, xanh, trắng vàng...

Bước b: Đặt câu hỏi tìm ý

- Cảm xúc khi đọc bài ca dao: Bài thơ hay, đẹp: Vẻ đẹp của đầm sen, của làng quê Việt, của tâm hồn con người Việt bình dị

- Thể thơ: Lục bát, ngọt ngào, sâu sắc, tha thiết

- Nghệ thuật ngôn từ

+ Câu hỏi tu từ: Trong đầm gì đẹp bằng sen-> Kiêu hãnh khẳng định sen là đẹp nhất.

Bằng cách đảo vị trí và điệp lại các hình ảnh nhị, vàng, bông trắng, lá xanh đã gợi ra chi tiết tỉ mỉ về từng bộ phận của hoa sen: Màu xanh của lá, màu trắng của hoa, sắc vàng của nhị...

Hình ảnh tương phản: gần bùn>< không tanh mùi bùn-> Sen vẫn rực rỡ và thơm ngát.

Ẩn dụ sâu sắc: Cuộc đời khó nhọc, cay đắng nhưng tâm hồn nhân dân ta vẫn luôn thanh cao và sạch trong.

Nội dung chính: Ca ngợi vẻ đẹp của tâm hồn con người Việt Nam luôn trong sáng, cao đẹp và bình dị tựa như hoa sen trong đầm lầy vẫn luôn tỏa ngời hương sắc.

Bước c: Lập dàn ý:

1, Mở đoạn: Giới thiệu bài ca dao và cảm xúc của mình về bài ca dao đó

2, Thân đoạn: Trình bày những cảm xúc về các yếu tố nội dung và nghệ thuật của bài thơ.

Làm rõ những cảm xúc bằng những hình ảnh, từ ngữ trong bài thơ (phần đặt câu hỏi)

3, Kết đoạn: Khái quát lại cảm xúc và ý nghĩa của bài thơ với bản thân

Bước d: Viết và chỉnh sửa: Viết theo dàn ý

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

GV: Hướng dẫn HS đọc thầm bài ca dao.

- Phát phiếu học tập số 1,2

- Phát hiện các khó khăn học sinh gặp phải và giúp đỡ HS.

Học sinh:

- Tìm ý và lập dàn ý theo hệ thống câu hỏi phiếu (Hoàn thiện phiếu học tập số 1 – làm việc cá nhân)

- Viết bài theo yêu cầu

- Trao đổi bài để kiểm tra và sửa chữa dựa theo phiếu số 1 và phiếu số 2 (làm việc theo cặp).

Bước 3: Báo cáo kết quả

- **GV:** Yêu cầu 3 HS báo cáo sản phẩm.

- **HS:** Trình bày sản phẩm của mình.

+ Theo dõi, nhận xét, bổ sung cho bài của bạn và chữa bài của mình (nếu cần).

Bước 4: Kết luận, nhận định

- Nhận xét thái độ học tập và sản phẩm của HS.

* Hướng dẫn chuẩn bị bài sau: Hướng dẫn tự đọc phần: Nói và nghe: Trình bày ý kiến về một vấn đề (Theo gợi ý SGK). Tìm hiểu bài : Tự đánh giá (T 86)

Ngày dạy:.....

- NÓI VÀ NGHE
TRÌNH BÀY Ý KIẾN VỀ MỘT VẤN ĐỀ
Khuyến khích học sinh tự đọc

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức:

- HS nắm vững những yêu cầu khi trình bày ý kiến về một vấn đề bằng ngôn ngữ nói (nêu lên những suy nghĩ, nhận xét, đưa ra lí lẽ và những bằng chứng cụ thể để làm sáng tỏ cho ý kiến của mình.)
- củng cố kiến thức về các vấn đề có liên quan đến nội dung nói.
- Biết tìm ý, lập dàn ý, cách trình bày ý kiến về một vấn đề xã hội (hoặc văn học), để thông qua đó tập nói năng một cách mạnh dạn, tự nhiên, trôi chảy.
- Nắm bắt được những thông tin bài nói của các bạn, có thể đưa ra được những nhận xét, góp ý cho bạn.

2. Năng lực

- Năng lực tự chủ và tự học, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo, năng lực giao tiếp và hợp tác.
- Năng lực sử dụng ngôn ngữ: tạo điều kiện để HS thể hiện tư tưởng của mình một cách trung thực nhất, tự nhiên nhất. Tôn trọng những ý kiến, cách nhìn nhận, quan điểm của cá nhân người học về các vấn đề được đặt ra.

3. Phẩm chất:

- *Nhân ái:* Qua tiết luyện nói và nghe, HS biết đoàn kết, nhận xét đánh giá theo hướng khích lệ, động viên.
- *Chăm học, chăm làm:* HS có ý thức vận dụng bài học vào các tình huống, hoàn cảnh thực tế đời sống của bản thân.
- *Trách nhiệm:* Trong việc chuẩn bị nội dung tiết nói và nghe một cách tích cực và trách nhiệm với hành vi của bản thân trong cuộc sống.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Thiết bị dạy học: Máy tính,...

2. Học liệu: Sách giáo khoa, kế hoạch bài dạy, tài liệu tham khảo

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC:

1. Hoạt động 1: Khởi động

a) Mục đích: Kết nối kiến thức thực tế với bài học, tạo hứng thú, tâm thế cho học sinh.

b) Nội dung: Giáo viên cho HS xem ảnh về 1 nhân vật nổi tiếng, đặt ra các câu hỏi để HS trả lời.

c) Sản phẩm: Câu trả lời của HS. d) Tổ chức thực hiện	
HOẠT ĐỘNG CỦA GV & HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập: - GV ổn định tổ chức, cho học sinh xem hình ảnh Nick Vujicic. - HS trả lời câu hỏi: Đây là ai? Nêu những hiểu biết của em về nhân vật này? Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập - HS làm việc cá nhân, suy nghĩ, trả lời. Bước 3: Báo cáo kết quả - Tổ chức cho HS lựa chọn, trình bày ý kiến. - Học sinh trả lời câu hỏi, báo cáo sản phẩm và chia sẻ ý kiến cá nhân. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - Gọi HS nhận xét, thống nhất ý kiến. - Giáo viên tổng hợp, kết nối bài học.	
2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới I. ĐỊNH HƯỚNG a) Mục đích: - HS hiểu được như thế nào là trình bày ý kiến về một vấn đề. - Nắm bắt được các yêu cầu chung để trình bày ý kiến của bản thân về một vấn đề - Có kĩ năng tự tin trình bày sản phẩm của cá nhân trước nhóm, trước tập thể,... b) Nội dung: - Học sinh tìm hiểu thông tin SGK, sử dụng các hình thức hoạt động nhóm, hoạt động chung cả lớp để thực hiện các nhiệm vụ. - HS trình bày sản phẩm của cá nhân, của nhóm bằng ngôn ngữ nói. c) Sản phẩm: Học sinh khai thác kênh chữ, trả lời câu hỏi, báo cáo sản phẩm thảo luận và chia sẻ ý kiến cá nhân. - Chuẩn bị đề cương (dàn ý). - Rèn kĩ năng nói, nghe. - Phần chuẩn bị của HS được trình bày bằng ngôn ngữ nói, đảm bảo các yêu cầu (nội dung, hình thức, giọng điệu,...) d) Tổ chức thực hiện	
HOẠT ĐỘNG CỦA GV & HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập: - GV cho HS tự tìm hiểu nội dung bài nói theo SGK. (1) Theo em thế nào là trình bày ý kiến về	a. Trình bày ý kiến về 1 vấn đề - Trình bày ý kiến về một vấn đề là người viết nêu lên những suy nghĩ, nhận xét đưa ra những lí lẽ và bằng

1 vấn đề? (2) Để trình bày ý kiến về 1 vấn đề, em cần làm những việc gì? Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập - HS làm việc cá nhân, thảo luận theo nhóm, suy nghĩ. - HS hình thành kỹ năng khai thác ngữ liệu trả lời. Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận: - GV mời HS trả lời câu hỏi, báo cáo sản phẩm thảo luận và chia sẻ ý kiến cá nhân. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - Gọi HS nhận xét, thống nhất ý kiến.	chúng cụ thể để làm sáng tỏ cho ý kiến của mình. - Ví dụ: + Có người cho rằng: Việc sử dụng các từ tiếng Anh trong giao tiếp của người Việt trẻ đang làm mất đi sự trong sáng của tiếng Việt. Ý kiến của em như thế nào? + Em có ý kiến gì về nhận xét: “Đi tham quan, du lịch, chúng ta sẽ được mở rộng tầm mắt và học hỏi được nhiều điều”? b. Để trình bày ý kiến của mình về một vấn đề, HS cần xác định: - Đó là vấn đề gì? Ý kiến của em về vấn đề đó như thế nào? - Các lí lẽ và bằng chứng mà em định sử dụng để làm sáng tỏ vấn đề, thuyết phục mọi người là những gì? - Khi trình bày cần có thêm thiết bị gì? - Cần chú ý như thế nào khi nói (âm lượng, tốc độ, tư thế, thái độ và các yếu tố phi ngôn ngữ,...)?
---	--

II. THỰC HÀNH

a) Mục đích:

- Biết tìm ý, lập dàn ý, cách trình bày ý kiến về một vấn đề xã hội (hoặc văn học), để thông qua đó tập nói năng một cách mạnh dạn, tự nhiên, trôi chảy.
- Nắm bắt các thông tin bài nói của các bạn trong nhóm, trong lớp và từ đó có thể đưa ra những nhận xét, góp ý cho nội dung nói của bạn.
- Có kỹ năng tự tin trình bày sản phẩm của cá nhân trước nhóm, trước tập thể,...

b) Nội dung: HS trình bày sản phẩm của cá nhân, của nhóm bằng ngôn ngữ nói.

c) Sản phẩm: Phần chuẩn bị của HS được trình bày bằng ngôn ngữ nói, đảm bảo các yêu cầu (nội dung, hình thức, giọng điệu,...)

d) Tổ chức thực hiện

HOẠT ĐỘNG CỦA GV & HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập: - GV nêu đề bài và hướng dẫn HS thảo luận, trình bày sự chuẩn bị của cá nhân, nhóm.	1. Chuẩn bị - Xác định mục đích và nội dung bài nói: + Mục đích nói: Nêu ý kiến, quan điểm của mình về nhận xét trên. + Nội dung nói: Những ưu điểm của việc

- Cho đề bài: Em có ý kiến gì về nhận xét: “*Đi tham quan, du lịch, chúng ta sẽ được mở rộng tầm mắt và học hỏi được nhiều điều*”?

(1) Với đề bài đã cho, em cần phải chuẩn bị những gì?

(2) Trình bày các ý và đề cương (dàn ý) của đề bài trên?

(3) Ngoài chuẩn bị đề cương, để thực hiện tốt tiết luyện nói, em cần chuẩn bị những gì?

(4) Nêu yêu cầu đối với người nói và người nghe.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV hướng dẫn HS thảo luận để tìm ra quy trình các bước trình bày ý kiến về một vấn đề.

- HS dựa vào hướng dẫn của GV chuẩn bị bài nói, trình bày ý kiến của bản thân mình theo yêu cầu của đề bài trên.

Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận:

- GV gọi HS đại diện cho nhóm trình bày bài nói của nhóm mình.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

- Gọi HS nhận xét.

- GV đưa ra nhận xét về các khía cạnh sau: nội dung, kĩ năng nói và kĩ năng nghe.

đi tham quan, du lịch.

- Suru tầm tư liệu liên quan đến bài nói sẽ trình bày (tranh, ảnh,... về các hoạt động tham quan, du lịch).

- Liên hệ bản thân và những người xung quanh về việc tham quan, du lịch. (Bản thân đã từng đi tham quan ở đâu? Vào thời gian nào? Bạn đã có được những lợi ích gì sau chuyến tham quan đó?....)

2. Tìm ý, lập dàn ý

*** Tìm ý** (đặt và trả lời cho các câu hỏi)

- Tham quan, du lịch là gì? (Tham quan, du lịch là hoạt động của con người tới một hay một số nơi nào đó với những mục đích nhất định.

- Mục đích của việc đi tham quan, du lịch? (Giúp con người có thời gian thư giãn, mở rộng vốn hiểu biết vủa bản thân, tạo hứng thú,...).

- Hoạt động tham quan, du lịch mang lại cho người tham gia những gì (về tình cảm, về nhận thức và kinh nghiệm)?

+ Về tình cảm: Khơi gợi tình cảm gia đình, tình yêu quê hương đất nước,...

+ Về nhận thức: Yêu và trân trọng cái đẹp, tự hào, bảo vệ và phát huy những vẻ đẹp của quê hương,...

+ Về kinh nghiệm: Phong phú thêm vốn sống, vốn hiểu biết của con người; biết lập kế hoạch và tổ chức các hoạt động trải nghiệm khác,...

- Nên đi tham quan, du lịch như thế nào cho phù hợp và hiệu quả? (Cân nhắc về thời gian, mục đích, sự an toàn và kinh tế,...)

*** Lập dàn ý:**

- Mở đầu: Giới thiệu được họ, tên và vấn đề cần trình bày ý kiến của bản thân.

- Nội dung chính:

+ Nêu ý kiến của bản thân về vấn đề được đặt ra (trong cuộc sống có nhiều

cách để con người có thể làm phong phú vốn hiểu biết của bản thân. Một trong số những cách đó là việc tham quan, du lịch.)

+ Giải thích tham quan, du lịch là gì? (VD: Tham quan, du lịch là đi thăm những vùng đất mới, những danh lam thắng cảnh và di tích lịch sử hoặc các viện bảo tàng, khu triển lãm, trường học, doanh nghiệp,...)

+ Nêu ích lợi của hoạt động tham quan, du lịch (mở mang vốn hiểu biết của bản thân, có thời gian thư giãn, ngắm nhìn vẻ đẹp của quê hương đất nước,...)

+ Nên đi tham quan, du lịch như thế nào cho phù hợp và hiệu quả? (xây dựng kế hoạch cụ thể, chuẩn bị đầy đủ, đảm bảo an toàn, luôn có ý thức học hỏi, tìm hiểu và ghi chép,...)

- Kết thúc:

+ Khẳng định lại ý kiến của mình về lợi ích của việc tham quan, du lịch.

+ Nêu nguyện vọng và dự định của bản thân nếu được đi tham quan, du lịch.

3. Nói và nghe:

- **Người nói:**

+ Phong thái bình tĩnh, tự tin, thân thiện.

+ Đảm bảo kết cấu của một bài nói (có lời mở đầu, kết thúc)

+ Trình bày nội dung ngắn gọn, rõ ràng với ngôn ngữ chính xác, trong sáng, có tính biểu cảm.

+ Kết hợp cử chỉ, điệu bộ, thái độ một cách phù hợp.

- **Người nghe:**

+ Thể hiện thái độ tôn trọng người nói.

+ Chú ý lắng nghe nắm bắt những nội dung chính của bài nói.

+ Mạnh dạn nhận xét, góp ý mang tính xây dựng khi được yêu cầu.

4. Kiểm tra và chỉnh sửa:

	- Người nói: Xem xét bài nói đã đầy đủ các ý có trong dàn bài chưa, còn thiếu nội dung nào, có mắc các lỗi về cách trình bày không,... - Người nghe: Kiểm tra các thông tin thu được từ người nói, tự xác định các lỗi cần khắc phục khi nghe.
--	--

THỰC HÀNH NÓI VÀ NGHE

a) Mục đích: Dựa vào dàn ý rèn kỹ năng trình bày ý kiến về một vấn đề trước tập thể, kỹ năng nhận xét và kỹ năng xây dựng, dẫn chương trình,...

b) Nội dung: Hướng dẫn HS trình bày sản phẩm trong nhóm, trước lớp bằng ngôn ngữ nói và nhận xét, cho điểm,...

c) Sản phẩm: Phần trình bày, nhận xét của HS.

d) Tổ chức thực hiện

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm đạt được															
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập: (1) <i>Giáo viên yêu cầu mỗi nhóm chọn ra 3 Hs nói trong nhóm cho các bạn góp ý.</i> (2) <i>Gv tổ chức cuộc thi “Em là nhà hùng biện”:</i> * Phân vai: + <i>Gv đóng vai người dẫn chương trình, trưởng ban tổ chức.</i> + <i>Mỗi nhóm cử 1 Hs tham gia cuộc thi, 1 Hs tham gia ban thư kí.</i> + <i>Hs còn lại trong lớp đóng vai khán giả</i> + <i>giám khảo. (HS nghe nhận xét, đánh giá vào phiếu theo tiêu chí đã hướng dẫn)</i> PHIẾU NHẬN XÉT <table><tr><th>Tên</th><th>Nội dung</th><th>Diễn đạt</th><th>Tác phong</th><th></th></tr><tr><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td></tr><tr><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td></tr></table>	Tên	Nội dung	Diễn đạt	Tác phong												1. Luyện nói trong nhóm 2. Luyện nói trước lớp <i>Cuộc thi “Em là nhà hùng biện”</i>
Tên	Nội dung	Diễn đạt	Tác phong													
Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập * Cách thức tiến hành: - <i>Người dẫn chương trình giới thiệu từng thí sinh lên thi.</i> - <i>Sau khi mỗi thí sinh kết thúc phần thi sẽ tiếp tục đứng trên sân khấu nghe lời nhận xét góp ý của khán giả.</i> - <i>Giám khảo sẽ lựa chọn mức điểm cho thí</i>																

sinh bằng cách giơ tay (MC đọc từng mức điểm cho GK lựa chọn)

- Thụ kí tổng hợp điểm (Điểm của thí sinh là điểm trung bình của các GK)

- Trưởng ban tổ chức tổng kết, đánh giá, thông báo kết quả, tuyên dương, khen thưởng.

- Gv quan sát, nhắc nhở, hỗ trợ các nhóm học tập

Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận:

- Học sinh đại diện nhóm báo cáo sản phẩm thảo luận và chia sẻ ý kiến cá nhân.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

- HS nêu cảm nghĩ sau khi được luyện nói trong tình huống trải nghiệm: tham gia một cuộc thi.

- Gv rút kinh nghiệm, hướng dẫn HS kỹ năng tổ chức, tham gia các hoạt động trải nghiệm.

4. Hoạt động 4: Vận dụng

a) *Mục tiêu:* HS hiểu được kiến thức trong bài học để vận dụng linh hoạt kiến thức đó vào thực hiện bài tập GV giao.

b) *Nội dung:* Phần nhiệm vụ GV giao, hoạt động cá nhân để thực hiện và hoàn thành phiếu học tập.

c) *Sản phẩm:* Phần làm việc và phiếu học tập của học sinh đã hoàn thiện.

d) *Tổ chức thực hiện:*

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập

- HS trả lời nhanh các câu hỏi phân tự đánh giá.

- **Tình huống giả định:** Tổ chức một diễn đàn văn học với chủ đề “**Đi tìm cái hay, cái đẹp trong tác phẩm văn chương**”. Em hãy chuẩn bị một bài nói để tham gia diễn đàn đó. (GV gợi ý: *Hs vận dụng các thao tác lập luận đã học để bàn về cái hay, cái đẹp có trong tác phẩm văn chương đó...*).

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS nghe câu hỏi, làm việc cá nhân, nhóm, suy nghĩ, trả lời.

Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận:

- Học sinh trả lời câu hỏi, báo cáo sản phẩm thảo luận và chia sẻ ý kiến cá nhân.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

- Gọi HS nhận xét ý kiến của bạn, thống nhất.

- GV tổng hợp - kết luận.

- Chuẩn bị bài: **Văn bản thông tin:** HS tìm hiểu những thông tin về tác giả Hồ Chí

Ngày dạy:

TIẾT 57: TỰ ĐÁNH GIÁ

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

HS ôn nhớ lại kiến thức trong bài 4 và vận dụng kiến thức trong bài học để thực hiện bài tập phần Tự đánh giá (Trang 68/SGK): Kiến thức về phần văn nghị luận, viết được đoạn văn trình bày được quan điểm của mình về đặc điểm của văn nghị luận., hiểu và sử dụng được kiến thức phần Tiếng việt: Thành ngữ, dấu chấm phẩy, biện pháp tu từ....

2 Năng lực

- Hệ thống được các kiến thức về văn nghị luận, về đọc hiểu văn bản nghị luận, thực hành tiếng việt và tạo lập đoạn văn nghị luận trong bài 4.
- Năng lực tự chủ, giao tiếp, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo.

2, Phẩm chất

- Chăm chỉ: Thích đọc sách, báo, tìm tư liệu trên mạng Internet để mở rộng hiểu biết.
- Trách nhiệm: Có ý thức học tập môn học.

II. THIẾT BỊ VÀ HỌC LIỆU

- Học liệu: Ngữ liệu/Sách giáo khoa, phiếu học tập.
- Thiết bị: Máy tính.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Hoạt động 1: Mở đầu

- Mục tiêu: Tạo tâm thế và định hướng chú ý cho học sinh; tạo vấn đề vào chủ đề
- Nội dung hoạt động: HS trả lời câu hỏi.
- Sản phẩm học tập: Câu trả lời/chia sẻ của HS bằng ngôn ngữ
- Tổ chức hoạt động:

* **Chuyển giao nhiệm vụ:** Hãy kể tên các đơn vị kiến thức các em đã được học trong bài 4

* **Thực hiện nhiệm vụ:** Hs trả lời

* **Báo cáo kết quả:** HS trình bày kết quả (cá nhân).

* **Đánh giá nhận xét, dẫn vào bài:** Hôm nay chúng ta học bài tự đánh giá kiến thức đã học trong bài 4 để nắm vững kiến thức đã học trong bài.

2. Hoạt động 2

Hoạt động của GV và HS	Nội dung cần đạt
------------------------	------------------

a) Mục tiêu: củng cố kiến thức về văn nghị luận và các VBNL b) Nội dung hoạt động: HS trả lời câu hỏi. c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời/chia sẻ của HS bằng ngôn ngữ d) Tổ chức hoạt động: ? Thế nào là văn bản nghị luận? ? Nêu những yếu tố cần có trong văn nghị luận? ? Có mấy loại văn nghị luận? ? Thế nào là nghị luận văn học?	A. Ôn tập I. Đọc hiểu văn bản 1. Văn nghị luận - VBNL là loại văn bản nhằm thuyết phục người đọc, người nghe về một vấn đề nào đó. - Để thuyết phục, người viết, người nói phải nêu lên được ý kiến (quan điểm) của mình, sau đó dùng lí lẽ và các bằng chứng cụ thể làm sáng tỏ ý kiến ấy. Nghị luận văn học là văn bản nghị luận bàn về các vấn đề văn học.
a. <i>Mục tiêu:</i> Hs nắm được những đặc sắc về nội dung nghệ thuật từ đó có những hiểu biết đầy đủ, cụ thể hơn về đặc điểm của văn bản nghị luận b. <i>Nội dung:</i> Hướng dẫn học sinh nêu ý kiến để khái quát lại những thành công về nghệ thuật, nội dung. c. <i>Sản phẩm:</i> Các câu trả lời của học sinh d. <i>Tổ chức thực hiện</i> B1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập: GV giao nhiệm vụ cho HS thông qua hệ thống câu hỏi - Trình bày khái quát nội dung và những đặc sắc về nghệ thuật của văn bản. - Hãy nêu những đặc điểm của kiểu văn bản nghị luận và nghị luận văn học B 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập - Học sinh làm việc cá nhân, suy nghĩ, trả lời. - Giáo viên: Quan sát, theo dõi quá trình học sinh thực hiện, gợi ý nếu cần B 3: Báo cáo kết quả và thảo luận - Học sinh trình bày cá nhân: + Văn bản nghị luận là loại văn bản nhằm thuyết phục người đọc, người nghe về một vấn đề nào đó + Nghị luận văn học là văn bản nghị luận bàn về các vấn đề văn học B 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - Yêu cầu học sinh nhận xét câu trả lời. - Gv sửa chữa, đánh giá, chốt kiến thức.	2. Đọc hiểu Văn bản: a. VB: Nguyên Hồng- nhà văn của người cùng khổ Nghệ thuật: - Các bằng chứng đa dạng, cụ thể, sinh động, phong phú, thuyết phục - Hệ thống lí lẽ, ý kiến nêu ra vừa có tình vừa có lí bộc lộ cảm xúc, thái độ trân trọng của người viết. Nội dung - Nguyên Hồng có tuổi thơ cay đắng, bất hạnh và đó là tiền đề tạo nên một nhà văn Nguyên Hồng rất giàu cảm xúc và dạt dào tình yêu thương. b. Văn bản: Vẻ đẹp của một bài ca dao Nghệ thuật: - Ý kiến nêu ra rõ ràng, chân thực,

	trình bày có hệ thống - Lí lẽ ngắn gọn, thuyết phục, giàu cảm xúc => Bộc lộ tình cảm yêu mến, trân trọng của tác giả với bài ca dao Nội dung Qua <i>Vẻ đẹp của một bài ca dao</i>, Hoàng Tiến Tựu đã nêu lên ý kiến của mình về vẻ đẹp cũng như cách khai thác nội dung của một bài ca dao cụ thể. Từ đó khơi gợi được sự đồng cảm và tình yêu đối với ca dao ở bạn đọc C, VB: Thánh Gióng- Tượng đài vĩnh cửu của lòng yêu nước Nghệ thuật - Lí lẽ bằng chứng chặt chẽ, giàu sức thuyết phục. - Bố cục mạnh mẽ, làm sáng tỏ vấn đề nghị luận. Nội dung - Qua văn bản Thánh Gióng- tượng đài vĩnh cửu của lòng yêu nước, Bùi Mạnh Nhi đã chứng minh rằng: Thánh Gióng là một tác phẩm thành công, tiêu biểu viết về lòng yêu nước của dân tộc ta. <i>* Niềm yêu mến, say mê tìm tòi và giải mã những giá trị văn hóa dân gian.</i>
B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV) - GV yêu cầu trả lời các câu hỏi. ? Thế nào là Thành ngữ, dấu chấm phẩy? ? Cho ví dụ. B2: Thực hiện nhiệm vụ HS: HS quan sát, suy nghĩ trả lời câu hỏi - Đọc phần kiến thức ngữ văn SGK trang 73 GV: Hướng dẫn HS hoàn thành nhiệm vụ. B3: Báo cáo HS: Trả lời câu hỏi - Nhận xét và bổ sung cho bạn (nếu cần) B4: Kết luận, nhận định (GV)	II. Kiến thức Tiếng việt 1. Thành ngữ - Thành ngữ là những cụm từ cố định quen dùng, thường ngắn gọn, có hình ảnh Ví dụ: khỏe như voi, chậm như rùa, trên đe dưới búa, một cổ hai tròng... -Việc sử dụng thành ngữ giúp cho lời ăn tiếng nói sinh động, có tính biểu cảm cao. 2. Dấu chấm phẩy

- Chốt kiến thức lên màn hình - Chuyển dẫn sang câu hỏi phần bài tập	- Dấu chấm phẩy dùng để đánh dấu ranh giới giữa các bộ phận trong một phép liệt kê phức tạp. VD: “Những bí quyết để sống lâu: từ: nhân đức, phúc hậu; kiệm: chừng mực; hòa: vui vẻ, khoan dung; tĩnh: điềm đạm, không nóng nảy”(Ngạn ngữ phương Đông).												
<i>Mục tiêu:</i> Nhận biết được các yêu cầu đối với đoạn văn thể hiện cảm nghĩ về một bài thơ lục bát; - Nêu được cảm xúc, suy nghĩ về bài thơ lục bát. - Biết dùng từ ngữ biểu cảm, nhận xét về nội dung hoặc yếu tố nghệ thuật ẩn tượng trong bài thơ lục bát <i>Nội dung:</i> - GV hỏi, HS về xác định yêu cầu, nội dung của đề. - HS trả lời <i>Sản phẩm:</i>Các câu trả lời của học sinh <i>Tổ chức thực hiện:</i> Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - Đặt câu hỏi: + Theo SGK, viết đoạn văn ghi lại cảm nghĩ về một bài thơ lục bát là thế nào? + Để viết đoạn văn ghi lại cảm nghĩ về bài thơ lục bát, các em cần chú ý những gì? Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ Bước 3: Báo cáo, thảo luận HS trả lời Bước 4: Kết luận, nhận định - Nhận xét kết quả học tập của hs	III. TLV: Viết đoạn văn - Viết đoạn văn ghi lại cảm nghĩ về bài thơ lục bát là nêu lên những cảm xúc và suy nghĩ của em về bài thơ đó. Người viết cần trả lời câu hỏi: Bài thơ gợi cho em những cảm nghĩ gì? Đoạn văn có thể chỉ nêu cảm nghĩ về một chi tiết nội dung hoặc yếu tố nghệ thuật của bài thơ lục bát mà em có ấn tượng và yêu thích. - Để viết đoạn văn ghi lại cảm nghĩ về bài thơ lục bát, các em cần chú ý: + Đọc kĩ để hiểu bài thơ. + Lựa chọn một yếu tố trong bài thơ mà em thấy yêu thích, thú vị nhất. + Viết đoạn văn nêu rõ: Em thích nhất chi tiết nội dung hoặc yếu tố nghệ thuật nào trong bài thơ? Vì sao?												
a. Mục tiêu: HS hiểu được kiến thức trong bài học để thực hiện bài tập phần Tự đánh giá (Trang 86/SGK). b. Nội dung: HS làm việc cá nhân. c. Sản phẩm: Câu trả lời đúng của HS. d. Tổ chức thực hiện: TỰ ĐÁNH GIÁ (Trang 86 , 87,88/SGK): * GV giao nhiệm vụ: - HS trả lời nhanh các câu hỏi phần Tự đánh giá	B, TỰ ĐÁNH GIÁ Tìm hiểu văn bản “ Con cò trong ca dao” <table border="1"> <thead> <tr> <th>Câu</th><th>Đáp án</th></tr> </thead> <tbody> <tr> <td>1</td><td>C</td></tr> <tr> <td>2</td><td>B</td></tr> <tr> <td>3</td><td>B</td></tr> <tr> <td>4</td><td>B</td></tr> <tr> <td>5</td><td>A</td></tr> </tbody> </table>	Câu	Đáp án	1	C	2	B	3	B	4	B	5	A
Câu	Đáp án												
1	C												
2	B												
3	B												
4	B												
5	A												

- HS thực hiện nhiệm vụ: các nhóm thảo luận, trả lời ra phiếu Học tập:

+ Trả lời bằng cách chọn 1 đáp án:

Câu	Đáp án
1	
...	

+ Cá nhân tự trả lời Câu 10: Viết 1 đoạn văn để trả lời cho câu hỏi : “Vì sao văn bản trên là văn bản nghị luận”?

- HS báo cáo sản phẩm.
 - Đánh giá sản phẩm bằng điểm.
- GV chốt kiến thức

6

C

7

D

8

B

9

C

Câu 10: HS trình bày

Văn bản trên là văn bản nghị luận bởi văn bản đưa ra vấn đề bạn luận ở đây chính là: "Tại sao khi hát nhân dân lao động Việt nam lại hay nói nhiều đến các loài chim ấy mà không nói đến loài chim khác". Bên cạnh việc đưa ra vấn đề bàn luận, những chứng cứ lí lẽ được đưa ra cũng rất hùng hồn, chứng thực. Hình ảnh cò chân thực gần gũi, gắn liền với hình ảnh người nông dân lao động lam lũ trên cánh đồng, gợi cảm hứng ca hát cho những người dân lam lũ hát ca trên đồng lúa khi làm việc vất vả.

Hướng dẫn tự học

1. Đọc sách báo, truy cập internet, sưu tầm, tìm đọc các bài nghị luận văn học trình bày một ý kiến về cái hay, cái đẹp của tác phẩm văn học, nhất là các tác phẩm đã học, theo cách sau:

- Sử dụng công cụ tìm kiếm, gõ tên các tác phẩm văn học cần tìm.
- Thu thập các nguồn tư liệu gồm: bài viết, hình ảnh, video,...

2. Ghi chép và tích lũy những đoạn văn nghị luận hay mà em đã đọc được.

* Về nhà:

- Nắm vững nội dung đã học
- Làm hoàn chỉnh bài tự đánh giá
- Đọc, tìm hiểu nội dung bài 5: Hồ Chí Minh và Tuyên ngôn Độc lập.

Ngày dạy:

Tiết 58+59

Đọc hiểu văn bản
HỒ CHÍ MINH VÀ TUYÊN NGÔN ĐỘC LẬP
 (Bùi Đình Phong)

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức:

- Học sinh hiểu được những thông tin chính gắn với các mốc thời gian cụ thể với những sự kiện lịch sử trọng đại của dân tộc ta: Bác đọc bản tuyên ngôn độc lập khai sinh ra nước Việt Nam dân chủ cộng hòa.
- Hiểu ý nghĩa của sự kiện trọng đại đó.

2. Năng lực

a. Năng lực chung:

- Năng lực tự chủ và tự học: Tìm kiếm thông tin, đọc sách giáo khoa, quan sát tranh ảnh để tìm hiểu về văn bản **HỒ CHÍ MINH VÀ TUYÊN NGÔN ĐỘC LẬP**
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Thảo luận nhóm để thực hiện phiếu học tập, hợp tác giải quyết vấn đề để tìm hiểu về văn bản **HỒ CHÍ MINH VÀ TUYÊN NGÔN ĐỘC LẬP**
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Năng lực trình bày và trao đổi thông tin trước lớp.

b. Năng lực đặc thù:

- Nhận biết một số yếu tố hình thức của văn bản thông tin: hình ảnh, nhan đề, sa pô...
- Nhận biết một số các chi tiết tiêu biểu: đề tài, chủ đề, ý nghĩa...
- Đọc hiểu một văn bản cùng thể loại, cùng chủ đề.

3. Phẩm chất:

- Tự hào về lịch sử dân tộc; quan tâm đến những sự kiện nổi bật của địa phương, đất nước và thế giới;...
- Thích đọc sách, báo, tìm tư liệu trên mạng Internet để mở rộng hiểu biết.

II. THIẾT BỊ VÀ HỌC LIỆU

- Học liệu: Ngữ liệu/Sách giáo khoa, phiếu học tập.
- Thiết bị: Máy tính, máy chiếu.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Hoạt động 1: Mở đầu

- Mục tiêu: Tạo tâm thế và định hướng chú ý cho học sinh; tạo vấn đề vào chủ đề
- Nội dung hoạt động: Xem vi deo và trả lời
- Sản phẩm học tập: Câu trả lời/chia sẻ của HS bằng ngôn ngữ
- Tổ chức hoạt động:

* **Chuyển giao nhiệm vụ:** Hs xem clip **Bác Hồ đọc Tuyên ngôn độc lập** tại Quảng trường Ba Đình- Hà Nội vào sáng ngày 02/9/1945

? Cảm xúc của em khi xem clip?

***Thực hiện nhiệm vụ:** Hs trả lời câu hỏi

* **Báo cáo kết quả :** - Hình ảnh vị cha già của dân tộc - Chủ tịch Hồ Chí Minh tuyên bố đồng ý với nhân dân thế giới khiến em xúc động, tự hào. Là một học sinh được sống trong hòa bình, em luôn nhớ đến công lao của thế hệ cha anh đi trước đã vất vả, hy sinh xương máu để thế hệ chúng em được sống yên vui, no ấm. như ngày hôm nay.

*** Gv kết luận, nhận xét và kết nối vào bài:** Các em vừa xem Clip Bác Hồ đọc bản tuyên ngôn độc lập tại Quảng trường Ba Đình- Hà Nội đó là giây phút thiêng liêng mà mỗi chúng ta không thể nào quên. Khát vọng hòa bình và tinh thần bất diệt của Tuyên ngôn độc lập ngày 02/9/1945 mãi mãi khắc sâu vào trái tim và khối óc của mỗi con người Việt Nam và đây là nguồn động viên lớn để khơi dậy lòng nhiệt huyết của thế hệ trẻ hôm nay quyết giữ vững nền độc lập tự do của dân tộc.

Sự kiện đó đã được Bùi Đình Phong ghi lại và trong tiết học hôm nay cô và các em sẽ tìm hiểu quá trình ra đời bản Tuyên ngôn Độc lập như thế nào? Nội dung, ý nghĩa ra đời của bản tuyên ngôn là gì ? Bài học này sẽ đem đến cho các em những thông tin ấy

2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức

Nội dung 1: Tìm hiểu tri thức về văn bản thông tin

Hoạt động của GV và HS	Nội dung cần đạt
a) Mục tiêu: Hs hiểu văn bản thông tin là gì? b) Nội dung hoạt động: Trả lời câu hỏi c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời/chia sẻ của HS bằng ngôn ngữ d) Tổ chức hoạt động:	A, TRI THỨC NGỮ VĂN
* Chuyển giao nhiệm vụ: Đọc kiến thức ngữ văn/ 89, 90 ? Thế nào là văn bản thông tin? ? Những điểm cần lưu ý khi đọc văn bản thông tin. Đọc chú thích 1/89 “Sa pô” *Thực hiện nhiệm vụ: Hs trả lời câu hỏi * Báo cáo kết quả : * Gv kết luận, nhận xét.	1, Văn bản thông tin: - Là văn bản dùng để cung cấp thông tin về các hiện tượng tự nhiên, danh lam thắng cảnh, các sự kiện theo trật tự thời gian... - Được trình bày bằng chữ viết kết hợp với các phương thức khác như: Hình ảnh, âm thanh, nhan đề, sậpô... - Văn bản thuật lại một sự kiện là loại văn bản thông tin, ở đó người viết thuyết minh (trình bày, miêu tả, kể lại) một sự kiện (lịch sử, văn hoá, khoa học,...). - Trong văn bản, người viết thường sử dụng hình ảnh và nhiều câu trần thuật với trạng ngữ chỉ thời gian, nơi chốn; thông tin thường được trình bày theo trật tự thời gian hoặc mối quan hệ nguyên nhân – kết quả. Trong văn bản thuật lại một sự kiện theo trật tự thời gian, người viết thường sắp xếp các thông tin về sự kiện xảy ra theo thứ tự từ trước đến sau, từ mở đầu đến diễn biến và kết thúc,... 2. Những điểm cần lưu ý khi đọc văn bản thông tin.

Nội dung 2: Tìm hiểu văn bản thông “ Hồ Chí Minh và Tuyên ngôn Độc lập.

Hoạt động của GV và HS	Nội dung cần đạt
a) Mục tiêu: Hs hiểu những vấn đề chung về văn bản . b) Nội dung hoạt động: Trả lời câu hỏi c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời/chia sẻ của HS bằng	I, ĐỌC –VĂN BẢN

ngôn ngữ d) Tổ chức hoạt động:	
Yêu cầu đọc: cần đọc diễn cảm và sáng tạo, chú ý chuyển đổi ngữ điệu giọng đọc phù hợp. Cần nhấn giọng các thông tin về ngày tháng, địa điểm để làm nổi bật sự kiện được nói đến trong bài. * Chuyên giao nhiệm vụ: Gv, học sinh đọc văn bản Trả lời các câu hỏi *Thực hiện nhiệm vụ: Hs trả lời câu hỏi * Báo cáo kết quả : * Gv kết luận, nhận xét. Khi đọc văn bản thông tin thuật lại một sự kiện trật tự thời gian, các em cần chú ý những gì? - Thời điểm và nơi xuất hiện của văn bản. Thời điểm đó có ý nghĩa gì? - Thông tin chính mà văn bản cung cấp cho người đọc, thông tin ấy được nêu ở phần nào của văn bản? - Những mốc thời gian được nhắc đến trong văn bản. Tương ứng với mỗi mốc thời gian đó là sự việc gì? - Các yếu tố nhan đề, sa pô, đề mục, chữ đậm, số thứ tự đầy đầy dòng, hình ảnh âm thanh trong văn bản. Những yếu tố đó có tác dụng gì? - Sự kiện được thuật lại. Ý nghĩa của việc thuật lại sự kiện đó đối với người đọc? Đọc trước văn bản HCM và Tuyên ngôn độc lập, tìm hiểu về tác giả Bùi Đình Phong. ? Qua việc tìm hiểu ở nhà em hãy nêu hiểu biết của em về tác giả Bùi Đình Phong? Gv nhấn mạnh: Phó Giáo sư, Tiến sĩ Bùi Đình Phong sinh năm 1950 Tại Hà Tĩnh. Ông là giảng viên Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh. Khi trao đổi với phóng viên về những giá trị xuyên thời đại của bản Tuyên ngôn Độc lập được Chủ tịch Hồ Chí Minh đọc tại Quảng trường Ba Đình cách đây 75 năm vào ngày 2/9/1945, ông khẳng định: “Với những ngôn từ danh thép, cứ liệu khoa học và cụ thể, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã khẳng định độc lập, tự do là quyền không thể chối cãi của bất kỳ một dân tộc nào.”	1, Tác giả - Bùi Đình Phong sinh năm 1950, quê ở Hà Tĩnh - Từ năm 1981, Bùi Đình Phong là giảng viên khoa Lịch sử, Trường Đại học Tổng hợp Hà Nội, chuyên giảng dạy về lịch sử cận hiện đại Việt Nam và Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam - Ông có nhiều đầu sách viết về đề tài Hồ Chí Minh. - Với một bề dày nghiên cứu và giảng dạy, đến nay PGS.TS. Bùi Đình Phong đã có trên 30 đầu sách cá nhân, chủ biên, đồng chủ biên về đề tài Hồ Chí Minh

? Nêu xuất xứ văn bản?

Thảo luận nhóm:

Câu 1: Văn bản HCM và Tuyên ngôn Độc lập thuộc thể loại gì? Thuật lại sự kiện gì? theo trình tự nào? Xác định PTBD của văn bản?

Câu 2: Văn bản này có thể chia làm mấy phần? Em hãy nêu giới hạn và nội dung chính của từng phần?

Câu 3:

Phần in đậm và thời gian đăng tải của văn bản có tác dụng gì? *Các bức ảnh được đưa ra vào văn bản nhằm mục đích gì?*

*** Dự kiến sản phẩm:**

Câu 1: Văn bản thông tin PTBD: thuyết minh

Văn bản *Hồ Chí Minh và Tuyên ngôn Độc lập* thuật lại sự kiện Bác Hồ soạn thảo và đọc bản *Tuyên ngôn Độc lập* khai sinh nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa; theo trình tự thời gian.

Câu 2: Bố cục: 3 phần

+ Phần 1: Bác yêu cầu giao cho Bác cuốn *Tuyên ngôn độc lập* của Mỹ.

+ Phần 2: Quá trình chuẩn bị, hoàn thiện bản *Tuyên ngôn độc lập*.

+ Phần 3: Bác đọc bản *Tuyên ngôn Độc lập* khai sinh ra nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.

Câu 3: Phần in đậm nằm ngay dưới nhan đề văn bản=> Gọi là **Sapo** Tác dụng của phần sa pô:

+ Thu hút sự chú ý của người đọc, xác định chủ đề của bài viết

+ Tóm tắt nội dung bài viết

+ Vừa thể hiện phong cách của tác giả vừa chứng minh tính thời sự

Thời gian đăng tải: Thứ 7 ngày 01/9/2008

Sự kiện nêu ở phần in đậm khẳng định giá trị của Tuyên ngôn độc lập có ý nghĩa vô cùng to lớn đối với dân tộc Việt Nam

- Các bức ảnh được đưa vào văn bản nhằm minh họa và thu hút người đọc.

GV chốt kiến thức: Trong văn bản thông tin Sa-pô (sapo) là đoạn văn mở đầu nhằm giới thiệu tóm tắt nội dung bài viết. Giúp bạn đọc hình dung bài viết sẽ nói gì đồng thời giải thích cho bạn đọc hiểu tại sao tác giả chọn viết về sự kiện hay hiện tượng này.

Sa-pô là một phần vô cùng quan trọng trong một bài viết thường được in đậm, ở vị trí dưới tiêu đề, gây ấn tượng lôi cuốn sự chú ý của người đọc đồng thời giúp mọi người hiểu rõ giá trị và ý nghĩa của bản Tuyên ngôn độc

2, Văn bản:

a. Xuất xứ: Ra đời ngày 1/9/2018, in trên trang baodanang.vn

b, Thể loại: Văn bản thông tin

c, PTBD: Thuyết minh

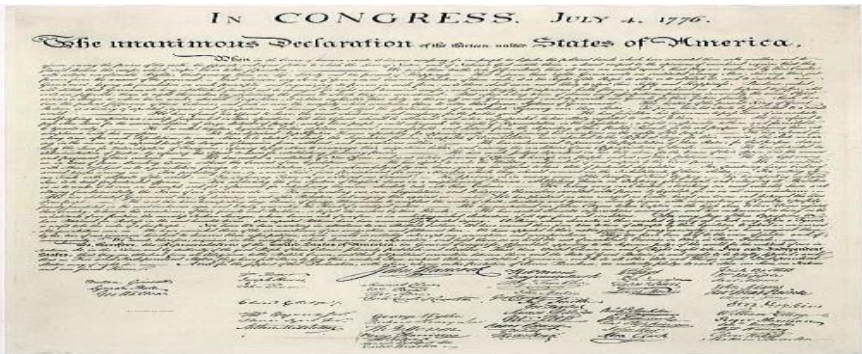
d, Bố cục: 3 phần

- Phần 1: Bác Hồ đề nghị Trung úy Giôn đưa cuốn

Tuyên ngôn độc lập của Hoa Kỳ cho Bác

- Phần 2: Quá trình viết và chuẩn bị, sửa chữa kỹ lưỡng tuyên ngôn độc lập của Bác

- Phần 3: Bác Hồ đọc Tuyên ngôn độc lập, khai sinh ra nước VNDCCH

lập. Đọc và tìm hiểu các chú thích trang 92, 94	
a) Mục tiêu: Hs hiểu những vấn đề chung về văn bản . b) Nội dung hoạt động: Trả lời câu hỏi c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời/chia sẻ của HS bằng ngôn ngữ d) Tổ chức hoạt động:	II, KHÁM PHÁ VĂN BẢN
* Chuyển giao nhiệm vụ: Gv, học sinh đọc đoạn 1 Thực hiện phiếu học tập số 1: Câu 1: Phần 1 thời gian và thông tin cụ thể nào được nhắc đến? Có ý nghĩa gì? Câu 2: Tìm hiểu thêm bản Tuyên ngôn Độc lập của Hoa Kỳ? tại sao Hồ Chí Minh lại đề nghị thả dù cho Người cuốn Tuyên ngôn độc lập của Hoa Kỳ. *Thực hiện nhiệm vụ: Hs trả lời câu hỏi * Báo cáo kết quả : Câu 1: + Phần 1 cung cấp thông tin: - 4/5/1945, Hồ Chí Minh rời Pắc Bó về Tân Trào. - Giữa tháng 5, Người đề nghị có bản <i>Tuyên ngôn Độc lập</i> của Hoa Kỳ. → Bước đầu chuẩn bị cho bản <i>Tuyên ngôn Độc lập</i>. Câu 2: HS trình bày hiểu biết về bản tuyên ngôn độc lập của Hoa Kỳ Tuyên ngôn độc lập của Hoa Kỳ được công bố ngày 4/7/1776 Đây là văn bản chính trị tuyên bố 13 thuộc địa Bắc Mỹ chính thức ly khai khỏi Anh Quốc, hình thành quốc gia độc lập. GV cho HS quan sát toàn văn Tuyên ngôn độc lập của Hoa	1, Bác yêu cầu giao cho Bác cuốn <i>Tuyên ngôn độc lập</i> của Mỹ.
 GV: giới thiệu thêm Trong Bản Tuyên ngôn Độc lập bất hủ khai sinh Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa Bác Hồ trích dẫn câu nói từ bản Tuyên ngôn độc lập của nước Mỹ năm 1776 <i>Tất cả mọi người đều sinh ra có quyền bình đẳng. Tạo hóa cho họ những quyền không ai có thể xâm phạm được; trong những quyền ấy, có quyền được sống, quyền tự do và quyền mưu cầu hạnh phúc</i>	- 4/5/1945, Hồ Chí Minh rời Pắc Bó về Tân Trào. - Giữa tháng 5, Người đề nghị có bản <i>Tuyên ngôn Độc lập</i> của Hoa Kỳ. → Bước đầu chuẩn bị cho

Bác sử dụng câu trích từ những bản Tuyên ngôn nổi tiếng của cách mạng Mỹ là một ẩn ý sâu xa về chính trị, ngoại giao của Người, nhằm quảng bá hình ảnh của một nước Việt Nam vừa giành được độc lập sau gần 100 năm chịu cảnh nô lệ, đồng thời khẳng định quyền độc lập, tự do bất khả xâm phạm của dân tộc trước toàn thế giới ?

*** Gv kết luận, nhận xét.**

*** Chuyển giao nhiệm vụ:**

Gv, học sinh đọc đoạn 2

Thực hiện phiếu học tập số 2:

Câu 1: Những thông tin cụ thể nào cần chú ý trong phần 2?

Mốc thời gian	Thông tin cụ thể

Câu 2: Tại sao Bác Hồ yêu cầu phải xét duyệt bản thảo Tuyên ngôn độc lập kĩ càng?

Câu 3: Em có nhận xét gì về quá trình chuẩn bị cho bản tuyên ngôn độc lập ra đời?

***Thực hiện nhiệm vụ:** Hs trả lời câu hỏi

*** Báo cáo kết quả :**

Câu 1:

Thời gian	Thông tin chính (Sự kiện)
4/5/1945	HCM rời Bắc Bộ về Tân trào.
22/8/1945	Bác rời Tân Trào về Hà Nội.
25/8/1945	Bác vào ở nội thành, ở tầng 2 nhà 48 Hàng Ngang.
Sáng 26/8/1945	HCM triệu tập họp Thường vụ Trung ương Đảng, chuẩn bị ra Tuyên ngôn Độc lập.
27/8/1945	Bác tiếp các bộ trưởng mới tham gia Chính phủ đưa ra đề nghị Chính phủ ra mắt quốc dân, đọc Tuyên ngôn Độc lập mà Người đã chuẩn bị.
Ngày 28 và 29/8/1945	Bác đến làm việc tại 12 Ngô Quyền, soạn thảo bản Tuyên ngôn Độc lập.
30/8/1945	Bác mời mọi người tới trao đổi góp ý cho bản Tuyên ngôn độc lập.
31/8/1945	Bác bổ sung một số điểm vào bản Tuyên ngôn độc lập.

bản *Tuyên ngôn Độc lập*.

2, Quá trình chuẩn bị, hoàn thiện bản Tuyên ngôn độc lập.

→ Chuẩn bị kĩ lưỡng, chu đáo vì *Tuyên ngôn Độc*

14 giờ ngày 2/9/1945	Chủ tịch HCM đọc bản Tuyên ngôn Độc lập khai sinh ra nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.	<i>lập</i> không chỉ đọc cho nhân dân toàn quốc mà còn đọc cho Chính phủ Pháp, nhân dân Pháp, các nước đồng minh.
Ý nghĩa: việc thuật lại sự kiện đó để người đọc có thể hình dung, nắm bắt được trình tự lịch sử, diễn biến từng sự kiện dẫn đến sự kiện lịch sử quan trọng: Bản tuyên ngôn độc lập ngày 2/9/1945 Câu 2: Vì đọc bản <i>Tuyên ngôn độc lập</i> không chỉ đọc cho nhân dân mà còn cho Chính phủ Pháp, nhân dân Pháp, các nước đồng minh. Câu 3. Chuẩn bị kĩ lưỡng, chu đáo * Gv kết luận, nhận xét. Nội dung Tuyên ngôn độc lập năm 1945, Hồ Chí Minh đã khẳng định quyền cơ bản của con người và quyền của các dân tộc. Điều đó có ý nghĩa rất to lớn, vì trong thời điểm sau chiến tranh thế giới lần thứ II, các nước thuộc địa và phụ thuộc chưa được luật pháp quốc tế bảo vệ. Với Bản Tuyên ngôn Độc lập, Hồ Chí Minh đã đóng góp một điểm son ngời sáng trong lịch sử luật pháp quốc tế và vẫn còn nguyên giá trị đến cả hôm nay và mai sau.	* Chuyên giao nhiệm vụ: Gv, học sinh đọc đoạn 3 Thực hiện phiếu học tập số 3: <i>Câu 1. Thông tin nào được nhắc đến ở phần 3?</i> <i>Câu 2. Nêu thời gian, địa điểm, thành phần tham gia, phương thức thực hiện nội dung thông tin đó?</i> <i>Câu 3. Sự kiện này có ý nghĩa gì với lịch sử dân tộc ta?</i> *Thực hiện nhiệm vụ: Hs trả lời câu hỏi * Báo cáo kết quả : Câu 1- Bác Hồ đọc bản Tuyên ngôn Độc lập Câu 2.-Thời gian: 14h ngày 2-9-1945. - Địa điểm: Cuộc mít tinh vườn hoa Ba Đình. - Thành phần tham gia: Hàng chục vạn đồng bào. - Phương thức: Trên diễn đàn cao và trang nghiêm, Chủ tịch Hồ Chí Minh đọc bản <i>Tuyên ngôn Độc lập</i>, khai sinh ra nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Câu 3.Khẳng định quyền độc lập- tự do của nhân dân ta, kết thúc hơn 80 năm thực dân Pháp xâm lược và đô hộ nước ta. Khai sinh ra nước VNDCCH. * Gv kết luận, nhận xét. THẢO LUẬN NHÓM BÀN <i>Em thấy thông tin nào trong văn bản cần chú ý nhất?</i> <i>Trong văn bản này em thấy có yếu tố hư cấu, tưởng tượng không? Vì sao?</i>	3, Bác Hồ đọc Tuyên ngôn độc lập, khai sinh ra nước VNDCCH -14h ngày 2-9-1945, tại vườn hoa Ba Đình, Bác đọc Tuyên

chú ý nhất. * <i>Bởi vì:</i> cần văn bản này cần có những yếu tố thời gian sự kiện chính xác để làm rõ nội dung sự ra đời của bản Tuyên ngôn. - Trong văn bản này không có yếu tố hư cấu, tưởng tượng vì kiểu văn bản này đòi hỏi người viết phải trình bày khách quan, trung thực -> Đây là đặc điểm cốt lõi của văn bản thông tin. ? <i>Vậy trong văn bản thông tin đòi hỏi người viết phải cung cấp tri thức như thế nào?</i> - Tri thức phải khách quan khoa học, chính xác, hữu ích . Gv: Đúng như vậy trong văn bản thông tin đòi hỏi người viết phải cung cấp tri thức khách quan, chính xác về sự vật, sự việc thì mới giúp cho người đọc có thể hiểu đầy đủ chính xác, chân thực về sự vật, sự việc. Tờ lịch sau đây nhắc đến sự kiện lịch sử nào và cho em biết những thông tin gì về sự kiện ấy? Cách trình bày thông tin về sự kiện lịch sử ở tờ lịch này có khác gì với văn bản HCM và ” Tuyên ngôn Độc lập”	ngôn Độc lập khai sinh ra nước Việt Nam
? Hãy khái quát ngắn gọn nghệ thuật và nội dung của văn bản?	3, Tổng kết 1, Nghệ thuật Ngôn ngữ rõ ràng, các mốc thời gian, địa điểm cụ thể, chính xác, thuyết phục. Kết hợp với tranh ảnh để văn bản thông tin sinh động. 2, Nội dung - Văn bản Hồ Chí Minh và Tuyên ngôn Độc lập đã cung cấp đầy đủ thông tin về sự kiện ra đời bản Tuyên ngôn Độc lập, khai sinh ra nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.

3. Hoạt động 3: Luyện tập

a) Mục tiêu: Học sinh vận dụng kiến thức đã học vào làm bài tập.

b) Nội dung hoạt động:

- HS luyện đọc kĩ một đoạn trích trong văn bản và thực hiện các nhiệm vụ/trả lời các câu hỏi, bài tập để rèn kĩ năng đọc hiểu văn bản.

c) Sản phẩm học tập:

- Câu trả lời của các câu hỏi, bài tập.

d) Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Nội dung cần đạt
* Giao nhiệm vụ học tập: Gv chiếu bài tập * Thực hiện nhiệm vụ: * Báo cáo kết quả : * Gv kết luận và nhận xét:	Bài 1: Nhận định nào sau đây đúng với văn bản thông tin:

4. Hoạt động 4: Vận dụng

a) Mục tiêu: HS khắc sâu kiến thức đã học.

b) Nội dung: HS hiểu được kiến thức trong bài học để vận dụng vào thực tế.

c) Sản phẩm học tập: Chia sẻ thông tin

d) Tổ chức thực hiện:

* **Giao nhiệm vụ học tập:** Em hãy chia sẻ với các bạn một thông tin nào đó liên quan đến Bác Hồ và quá trình thành lập nước mà em biết.

* **Thực hiện nhiệm vụ:** Hs chia sẻ thông tin

* **Báo cáo kết quả:** Cá nhân

* **Gv kết luận và nhận xét:**

Ngày dạy: Tiết 60+61

Đọc hiểu văn bản – Văn bản 2

DIỄN BIẾN CHIẾN DỊCH ĐIỆN BIÊN PHỦ

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức:

- Học sinh hiểu được những thông tin chính gắn với các mốc thời gian cụ thể với những sự kiện lịch sử trọng đại của dân tộc ta: Bác đọc bản tuyên ngôn độc lập khai sinh ra nước Việt Nam dân chủ cộng hòa.

- Hiểu ý nghĩa của sự kiện trọng đại đó.

2. Năng lực

a. Năng lực chung:

- Năng lực tự chủ và tự học: Tìm kiếm thông tin, đọc sách giáo khoa, quan sát tranh ảnh để tìm hiểu về văn bản **DIỄN BIẾN CHIẾN DỊCH ĐIỆN BIÊN PHỦ**

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Thảo luận nhóm để thực hiện phiếu học tập, hợp tác giải quyết vấn đề để tìm hiểu về văn bản **DIỄN BIẾN CHIẾN DỊCH ĐIỆN BIÊN PHỦ**

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Năng lực trình bày và trao đổi thông tin trước lớp.

b. Năng lực đặc thù:

- Nhận biết một số yếu tố hình thức của văn bản thông tin: hình ảnh, nhan đề, sa pô...

- Nhận biết một số các chi tiết tiêu biểu: đề tài, chủ đề, ý nghĩa...

- Đọc hiểu một văn bản cùng thể loại, cùng chủ đề.

3. Phẩm chất:

- Tự hào về lịch sử dân tộc; quan tâm đến những sự kiện nổi bật của địa phương, đất nước và thế giới;...

- Thích đọc sách, báo, tìm tư liệu trên mạng Internet để mở rộng hiểu biết.

II. THIẾT BỊ VÀ HỌC LIỆU

- Học liệu: Ngữ liệu/Sách giáo khoa, phiếu học tập.

- Thiết bị: Máy tính, máy chiếu.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Hoạt động 1: Mở đầu

a) Mục tiêu: Tạo tâm thế và định hướng chú ý cho học sinh; tạo vấn đề vào chủ đề

b) Nội dung hoạt động: Xem vi deo và trả lời

c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời/chia sẻ của HS bằng ngôn ngữ

d) Tổ chức hoạt động:

* **Chuyển giao nhiệm vụ:** Hs xem clip chiến thắng Điện Biên Phủ.

? Cảm xúc của em khi xem clip?

***Thực hiện nhiệm vụ:** Hs trả lời câu hỏi

* **Báo cáo kết quả :** Tự hào về dân tộc ta đã kiên cường đấu tranh

* **Gv kết luận, nhận xét và kết nối vào bài:**

“ Chín năm làm một Điện Biên

Nên vành Hoa đỏ nên thiên sử vàng”

Diễn biến chiến dịch Điện Biên Phủ của chúng ta đã làm hao tổn không biết bao nhiêu mực giấy của các nhà báo trên thế giới và chiến thắng này được diễn ra như thế nào? Hôm nay chúng ta sẽ đi tìm hiểu bài học hôm nay.

2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức

Hoạt động của GV và HS	Nội dung cần đạt
a) Mục tiêu: Hs hiểu những vấn đề chung về văn bản . b) Nội dung hoạt động: Trả lời câu hỏi c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời/chia sẻ của HS bằng ngôn ngữ d) Tổ chức hoạt động: Yêu cầu đọc: Xác định mục đích đọc là gì?: Đọc văn bản có thêm thông tin gì? Bài này cho ta biết cách thức thực hiện một văn bản thông tin như thế nào? - Sử dụng kết hợp kĩ năng đọc theo dõi, tóm tắt, diễn giải thông tin để đọc văn bản hiệu quả hơn. - Chú ý các phương tiện phi ngôn ngữ, hình ảnh. - Giọng đọc hào hứng, tiết tấu nhanh thể hiện niềm tự hào bản thân. Tìm hiểu chú thích:	I, ĐỌC –VĂN BẢN 1. Đồ họa thông tin: là sự kết hợp thông tin ngắn gọn với hình ảnh minh họa và màu sắc sinh động, bắt mắt để có thể truyền đạt thông tin nhanh và rõ ràng hơn.
+ Chiến dịch + Diễn biến: Phát triển theo một hướng nào đó. Từ “Diễn biến” trong nhan đề cho thấy thông tin trong bài viết sẽ được triển khai theo trình tự thời gian. * Chuyển giao nhiệm vụ: <i>Quan sát vào văn bản, các em hình thức trình bày của văn bản có gì đặc biệt?</i> <i>2. Em hiểu Đồ họa thông tin là gì?</i> <i>3. Nêu những hiểu biết của em về tác phẩm?</i> (xuất xứ, thể loại, phương thức biểu đạt chính) Gv, học sinh đọc văn bản Trả lời các câu hỏi *Thực hiện nhiệm vụ: Hs trả lời câu hỏi * Báo cáo kết quả : Dự kiến Sản phẩm: 1. Văn bản có nhiều hình ảnh minh họa và màu sắc sinh động, bắt mắt, các câu văn cũng rất ngắn gọn. 2. Đồ họa thông tin: Đồ họa thông tin (tiếng Anh: <i>infographic</i>, là từ ghép của Information graphic), là	

sự kết hợp thông tin ngắn gọn với hình ảnh minh họa và màu sắc sinh động, bắt mắt để có thể truyền đạt thông tin nhanh và rõ ràng hơn.

3. Tác phẩm:

- Xuất xứ: Theo infographics.vn - trang đồ họa, thông tấn xã Việt Nam ngày 06/5/2019.

- Thể loại: văn bản thông tin thuật lại một sự kiện lịch sử.

- Phương thức biểu đạt chính: thuyết minh.

* **Gv kết luận, nhận xét.**

- Bổ sung thông tin:

+ Đồ họa thông tin: tên tiếng Anh là **Infograpphics**. là dạng thức thể hiện những thông tin, số liệu, kiến thức bằng mô hình đồ họa. (kết hợp thông tin ngắn gọn, hình ảnh minh họa và màu sắc sinh động, bắt mắt)

Mục đích chính của thiết kế Infographic là nhằm trình bày thông tin sao cho trở nên gọn gàng, súc tích, dễ nắm bắt và thu hút được sự quan tâm, chú ý của người đọc, người xem hơn. Chúng ta có thể sử dụng hình thức thiết kế này để chuẩn bị những bản báo cáo, tường trình thông tin hoặc làm những tấm poster, quảng cáo.

+ Giới thiệu một số đồ họa thông tin

Phiếu học tập số 1

Dung lượng văn bản và hình ảnh minh họa có khác gì so với các văn bản trước (bài 1, bài 2, bài 3, bài 4) đã học?

	Văn bản trước (bài 1, bài 2, bài 3, bài 4)	Diễn biến chiến dịch Điện Biên Phủ
Dung lượng văn bản		
Hình ảnh minh họa		

Dự kiến sp:

	Văn bản trước (bài 1, bài 2, bài 3, bài 4)	Diễn biến chiến dịch Điện Biên Phủ
Dung lượng văn bản	In đậm, hai kiểu và hai màu chữ khác nhau, được phân chia thành hai dòng	Nêu lên một cách ngắn gọn nhất nội dung được thể hiện trong văn bản
Hình ảnh minh họa	In đậm, là một đoạn văn bản, có	Nội dung tóm tắt nội dung văn bản thông tin,

2. Văn bản

a, Xuất xứ:

Theo infographics.vn

b, Thể loại: Văn bản thông tin thuật lại một sự kiện lịch sử (theo trật tự thời gian)

c, Phương thức biểu đạt chính: thuyết minh

d, Hình thức

	phân biệt với phần văn bản phía dưới và tiêu đề phía trên.	đánh giá được giá trị của chiến dịch Điện Biên Phủ.
--	--	---

Phiếu học tập số 2

	Thể hiện trong văn bản	Mục đích
Nhan đề		
Sa pô		
Hình ảnh		
Các đề mục		
Thời gian		

Dự kiến sản phẩm:

	Thể hiện trong văn bản	Mục đích
Nhan đề	In đậm, hai kiểu và hai màu chữ khác nhau, được phân chia thành hai dòng	Nêu lên một cách ngắn gọn nhất nội dung được thể hiện trong văn bản
Sa pô	In đậm, là một đoạn văn bản, có phân biệt với phần văn bản phía dưới và tiêu đề phía trên.	Nội dung tóm tắt nội dung văn bản thông tin, đánh giá được giá trị của chiến dịch Điện Biên Phủ.
Hình ảnh	- Phân màu sắc minh họa được tương đồng với màu tiêu đề trùng màu với màu cờ Việt Nam. - Hình ảnh thật là hình ảnh tư liệu của chiến dịch	- Minh họa cho văn bản trở nên sinh động, tăng tính thẩm mỹ. - Tăng tính chân thực cho văn bản. - Phần nào đó thể hiện tinh thần dân tộc.
Các đề mục	- Dưới nhan đề có tiêu đề phụ: 3 đợt tiến công tập đoàn cứ điểm	- Làm rõ hơn nội dung được đề cập trong nội dung toàn bài

	Điện Biên Phủ. - Các đề mục được in đậm và có kí hiệu kèm theo.	cũng như trong từng đoạn. - Phần minh họa nhằm sinh động và phân biệt rõ ràng với các đoạn văn khác trong văn bản.
Thời gian	6/5/2019	Nêu lên thời gian tạo lập văn bản

? Nhận xét về hình thức của văn bản?

- Các yếu tố hình thức cần chú ý khi tìm hiểu về văn bản thông tin là: Nhan đề, sa pô, các hình ảnh minh họa, các đề mục, thời gian tạo lập
- Mỗi yếu tố đều không thể thiếu trong văn bản thông tin, khiến cho văn bản trở nên sinh động, hấp dẫn và tăng tính chân thực cho bài viết.

- a) Mục tiêu: Hs hiểu những vấn đề chung về văn bản .
b) Nội dung hoạt động: Trả lời câu hỏi
c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời/chia sẻ của HS bằng ngôn ngữ
d) Tổ chức hoạt động:

II, KHÁM PHÁ VĂN BẢN

* Chuyển giao nhiệm vụ:

Gv, học sinh đọc đoạn 1

Thực hiện phiếu học tập số 1:

Em đã biết gì về <i>Chiến dịch Điện Biên Phủ</i>	Em muốn biết gì thêm về <i>Chiến dịch Điện Biên Phủ</i>	Em đã học được gì khi đọc về diễn biến <i>Chiến dịch Điện Biên Phủ</i>

***Thực hiện nhiệm vụ:** Hs trả lời câu hỏi

* Báo cáo kết quả :

Dự kiến:

Em đã biết gì về <i>Chiến dịch Điện Biên Phủ</i>	Em muốn biết gì thêm về <i>Chiến dịch Điện Biên Phủ</i>	Em đã học được gì khi đọc về diễn biến <i>Chiến dịch Điện Biên Phủ</i>
Thời gian: là một chiến dịch trọng điểm của cuộc kháng chiến chống Pháp, kéo dài từ (13/3/1954 -	- Chiến dịch diễn ra như thế nào? - Câu chuyện người lính - Những tấm gương,	

7/3/1954			
* Gv kết luận, nhận xét.			
* Chuyển giao nhiệm vụ: Phiếu học tập số 4			1, Các giai đoạn của chiến dịch a, Đợt 1 (13 đến 17/3) - Tiêu diệt 2 cứ điểm - được phòng ngự tốt nhất - Him Lam và Độc Lập - Mở cánh cửa tiến vào khu lòng chảo ở phía Bắc và Đông Bắc b, Đợt 2 (30/3 -30/4) - Dai dẳng, dài ngày, cam go và quyết liệt nhất - Ta: Thu được quyền kiểm soát các điểm cao, khu trung tâm Điện Biên Phủ trong lòng bắn đại bác của ta. - Địch: rơi vào thế bị động c, Đợt 3 (1 – 7/5) - Tổng công kích tiêu diệt tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ - Ta: 7/5/1954: Toàn thắng
Giai đoạn	Thông tin cụ thể		
Đợt 1	Thời gian?		
Đợt 2	Hành động của ta?		
Đợt 3	Tương quan lực lượng của địch?		
Đợt 3	Ý nghĩa, tính chất của từng đợt tiến công? Hình ảnh?		
Nhóm 1: Giai đoạn 1 Nhóm 1: Giai đoạn 2 Nhóm 1: Giai đoạn 3 *Thực hiện nhiệm vụ: Hs thảo luận. * Báo cáo kết quả : Đại diện nhóm báo cáo kết quả * Gv kết luận, nhận xét.			
? Sau khi tìm hiểu nội dung em có nhận xét gì?			
GV trình chiếu và giới thiệu thêm cho HS về một số tư liệu liên quan đến chiến dịch Điện Biên Phủ để HS nâng cao nhận thức, niềm tự hào về lịch sử nước nhà.  Bộ đội tên lửa những ngày đánh trận Điện Biên Phủ trên không - Ảnh: Tư liệu/Internet GV (mở rộng): Văn bản này đã cho chúng ta hiểu rõ về chiến thắng lịch sử Điện Biên Phủ ngày 07/5/1954 của quân và dân ta đã đập tan âm mưu xâm lược của thực dân Pháp và có sự can thiệp của Mỹ. Chiến thắng này đã bắt buộc chính phủ Pháp phải			

ký Hiệp định Giơ-ne-vơ (tháng 7- 1954) công nhận độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của ba nước Đông Dương (trong đó có Việt Nam). Đồng thời kết thúc cuộc kháng chiến trường kỳ gian khổ kéo dài của Quân đội và Nhân dân Việt Nam, chấm dứt ách thống trị của thực dân Pháp kéo dài hàng thế kỷ. Chiến thắng lịch sử này đã mở ra một bước ngoặt phát triển mới trong công cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc Việt Nam và nhân dân tiến bộ trên toàn thế giới.	
? Hãy khái quát ngắn gọn nghệ thuật và nội dung của văn bản?	III, Tổng kết 1, Nghệ thuật Kết hợp văn bản truyền thống và hình ảnh, kí hiệu, áp dụng hình thức trình bày độc đáo...góp phần làm sinh động, hấp dẫn. 2, Nội dung - Diễn biến Chiến dịch Điện Biên Phủ cung cấp thông tin về chiến dịch quan trọng nhất làm nên chiến thắng lịch sử của dân tộc Việt Nam trước thực dân Pháp.

3. Hoạt động 3: Luyện tập

a) Mục tiêu: Học sinh vận dụng kiến thức đã học vào làm bài tập.

b) Nội dung hoạt động:

- HS luyện đọc kĩ một đoạn trích trong văn bản và thực hiện các nhiệm vụ/trả lời các câu hỏi, bài tập để rèn kĩ năng đọc hiểu văn bản.

c) Sản phẩm học tập:

- Câu trả lời của các câu hỏi, bài tập.

d) Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Nội dung cần đạt
* Giao nhiệm vụ học tập: Gv chiếu bài tập * Thực hiện nhiệm vụ: * Báo cáo kết quả : Gợi ý: -Tìm kiếm thông tin về chiến dịch (sách lịch sử hoặc trang báo uy tín) - Đọc và tóm tắt thông tin quan trọng - Tìm hình ảnh liên quan - Thiết kế trên máy tính hoặc vẽ tay. (Powerpoint, Canva, các phần mềm thiết kế chuyên nghiệp khác) * Gv kết luận và nhận xét:	Bài tập: Thực hành thiết kế một văn bản thông tin theo dạng Theo infographics.vn về một sự kiện lịch sử mà em biết. Ví dụ: Diễn biến chiến dịch 30/4/1975

4. Hoạt động 4: Vận dụng

a) Mục tiêu: HS khắc sâu kiến thức đã học.

b) Nội dung: HS hiểu được kiến thức trong bài học để vận dụng vào thực tế.

c) Sản phẩm học tập: Chia sẻ thông tin

d) Tổ chức thực hiện:

* **Giao nhiệm vụ học tập:** TÌM MỘT SỐ THÔNG TIN ĐỒ HOẠ KHÁ QUEN THUỘC

Trên trang Web: <https://infographics.vn/>

* **Thực hiện nhiệm vụ:** Hs chia sẻ thông tin

* **Báo cáo kết quả:** Cá nhân

* **Gv kết luận và nhận xét:**

Ngày dạy:

Tiết 62- 63

THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT:

MỞ RỘNG VỊ NGŨ

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

- Xác định được vị ngữ
- Nhận biết các cụm từ mở rộng vị ngữ.
- Rèn luyện được kĩ năng nói, viết, đặt câu có mở rộng thành phần vị ngữ.

2. Năng lực

a. Năng lực chung:

- Năng lực tự chủ và tự học: Tìm kiếm thông tin, đọc sách giáo khoa, quan sát tranh ảnh để nêu được các thành phần chính của câu(chủ ngữ- vị ngữ, cụm từ, các loại cụm từ
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Thảo luận nhóm để thực hiện phiếu học tập, hợp tác giải quyết vấn đề để nêu được các thành phần chính của câu(chủ ngữ- vị ngữ, cụm từ, các loại cụm từ
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Năng lực trình bày và trao đổi thông tin trước lớp.

b. Năng lực đặc thù:

- Nêu được tác dụng của việc mở rộng phần chính của câu bằng cụm từ.
- Viết đoạn văn ngắn có sử dụng câu mở rộng phần chính của câu bằng cụm từ.

3. Phẩm chất:

- **Chăm chỉ:** Có ý thức vận dụng kiến thức, kĩ năng học được ở nhà trường, trong sách báo và từ các nguồn tin cậy khác vào học tập và đời sống hằng ngày.
- **Trách nhiệm:** Có ý thức trân trọng, giữ gìn sự trong sáng của tiếng việt.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU.

- Học liệu: Ngữ liệu/Sách giáo khoa, phiếu học tập.
- Thiết bị: Máy tính.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Hoạt động 1: Mở đầu

- Mục tiêu: Tạo tâm thế và định hướng chú ý cho học sinh; tạo vấn đề vào chủ đề
- Nội dung hoạt động: HS quan sát ảnh
- Sản phẩm học tập: Câu trả lời/chia sẻ của HS bằng ngôn ngữ
- Tổ chức hoạt động:

* **Chuyển giao nhiệm vụ:** Dựa vào bức tranh, đóng vai Đế Mèn, viết câu:

- Miêu tả sợi râu của mình
- Thể hiện cảm xúc của Đế Mèn.

Sợi râu dài.(thông tin ngắn gọn chưa cụ thể)

Tôi tự hào.

Sợi râu tôi dài và nâu bóng.(Có mức độ đó là bóng)

Tôi tự hào về cặp râu ấy lắm.(Mức độ tự hào)

⇒ Hay hơn, thông đầy đủ hơn

“ Sợi râu tôi dài và uốn cong một vẻ rất đỗi hùng dũng”

“ Tôi lấy làm hãnh diện với bà con về cặp râu ấy lắm”.

Đáp ứng được yêu cầu cung cấp thông tin về sợi râu, về cảm xúc của Dế Mèn và đồng thời nó còn rất cụ thể hoá ví dụ như cho thấy được sự tự hào ngay trong câu số 1, ví dụ rất đỗi hùng dũng, hoặc sự tự hào vô cùng của Dế Mèn trước những đối tượng nhìn thấy mình đó là tự hào trước bà con về cặp râu của mình. Các em thấy hai câu mà tác giả Tô Hoài miêu tả rất là cụ thể và tác giả đã miêu tả một cách kĩ lưỡng nhất có thể để từ đó cái ngoại hình của Dế Mèn thể hiện một cách cụ thể trong mắt của người đọc để từ đó người đọc cũng hiểu hơn về lí do vì sao Dế Mèn đã rất là tự phụ, một trong những lí do là Dế Mèn yêu cái vẻ đẹp hình thể của mình đó là một vẻ đẹp rất là cường tráng, khoẻ mạnh. Vậy các em thấy đây là một trong những cách kể rất là sinh động và nó cũng làm cho các câu chuyện trở nên hay hơn, hấp dẫn hơn và phong phú hơn trong tâm thế của người đọc.

*** Thực hiện nhiệm vụ: Hs trả lời câu hỏi**

*** Báo cáo kết quả:** HS trình bày kết quả (cá nhân).

*** Đánh giá nhận xét, dẫn vào bài:** Vậy các em thấy cũng là những câu cùng mô tả một nội dung thông tin nhưng mà có những câu chỉ đáp ứng được những yêu cầu cơ bản trong khi đó có những câu rất là hay ví dụ như hai câu mà nhà văn Tô Hoài dùng để miêu tả về râu, về tâm trạng cảm xúc của Dế Mèn. Vậy các em thấy bên cạnh việc viết một câu đúng thì chúng ta vẫn cần phải rèn luyện, chúng ta vẫn cần phải có kiến thức kĩ năng hỗ trợ để từ câu đúng sẽ phát triển thêm làm cho câu trở nên hay hơn, hấp dẫn hơn. Vậy thì trong bài học ngày hôm nay cô sẽ cho các em một số những gợi ý và cùng các em thực hiện để mà làm cho câu của mình trở nên hay hơn, cũng như là sinh động hơn. Vậy thì cô cùng các em sẽ cùng nhau đến bài học hôm nay nhé. **THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT:**

MỞ RỘNG VỊ NGŨ

2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức

Hoạt động của GV và HS	Nội dung cần đạt
a) Mục tiêu: Tạo tâm thế và định hướng chú ý cho học sinh; tạo vấn đề vào chủ đề b) Nội dung hoạt động: HS quan sát ảnh c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời/chia sẻ của HS bằng ngôn ngữ d) Tổ chức hoạt động: * Chuyển giao nhiệm vụ: - Đọc phần kiến thức ngữ văn nhận biết mở rộng vị ngữ Câu 1: Vị ngữ là gì? Câu 2: Vị ngữ thường trả lời cho câu hỏi nào? * Thực hiện nhiệm vụ: Hs trả lời câu hỏi * Báo cáo kết quả: HS trình bày kết quả (cá nhân). * Đánh giá nhận xét,	Kiến thức cần ghi nhớ. a. Vị ngữ - Vị ngữ là một trong hai thành phần chính của câu, chỉ hoạt động, trạng thái, đặc điểm của sự vật, hiện tượng nêu ở chủ ngữ. -Vị ngữ thường được biểu hiện bằng động từ, tính từ và trả lời cho các câu hỏi <i>Làm gì?</i>, <i>Làm sao?</i>, <i>Như thế nào?</i> hoặc <i>Là gì?</i>. Câu có thể có một hoặc nhiều vị ngữ.
? Thế nào là cụm từ? Cụm từ do 2 từ trở lên kết hợp với nhau nhưng chưa tạo thành câu. Trong cụm từ, từ loại nào thường làm từ trung tâm?	b, Cụm từ

Trong cụm từ, có một từ (danh từ/động từ/ tính từ) đóng vai trò là thành phần trung tâm, các từ còn lại bổ sung ý nghĩa cho thành phần trung tâm. Cụm danh từ: Danh từ làm thành phần chính. Ví dụ: hai cái răng đen nhánh Cụm động từ: Động từ làm thành phần chính. Ví dụ: thường dẫn tôi ra vườn. Cụm tính từ: Tính từ làm thành phần chính. Ví dụ: rất chăm chỉ. Ví dụ, trong câu: “Bác tự đánh máy Tuyên ngôn Độc lập¹ ở một cái bàn tròn.”, vị ngữ (in đậm) là một cụm động từ trong đó trung tâm là <i>đánh máy</i>, các thành tố phụ là <i>tự</i>, <i>Tuyên ngôn Độc lập</i> và <i>ở một cái bàn tròn</i>.	
Ví dụ Gà/ gáy Gà / gáy rất to. Ví dụ: Chim sơn ca/ đang hót Chim sơn ca / đang hót véo von trên cành.	2, Cách thức mở rộng thành phần chính của câu bằng vị ngữ a, Biến vị ngữ của câu từ một từ thành một cụm từ(cụm động từ, cụm tính từ, bao gồm động từ, tính từ làm thành tố chính (trung tâm) và một hay một số thành tố phụ ở trước hoặc sau trung tâm.). b, Biến vị ngữ của câu từ một từ có thông tin đơn giản thành những cụm từ có thông tin cụ thể, chi tiết hơn.
Việc mở rộng thành phần chính của câu đem lại tác dụng gì?	3, Tác dụng của việc mở rộng thành phần chính của câu Làm cho thông tin của câu trở nên chi tiết, rõ ràng hơn: + Số lượng, hình dáng, kích thước, màu sắc, trạng thái, tính chất, nguồn gốc, quyền sở hữu.... + Hành động, tần suất, mức độ. + Thời gian, địa điểm.

3. Hoạt động 3: Luyện tập

a) Mục tiêu: Học sinh vận dụng kiến thức đã học vào giải bài tập

b) Nội dung hoạt động: Hs trả lời câu hỏi.

c) Sản phẩm học tập:

- Câu trả lời của các câu hỏi, bài tập.

d) Tổ chức thực hiện:

*** Chuyển giao nhiệm vụ:**

- GV phát phiếu bài tập.

*** Thực hiện nhiệm vụ:**

- HS suy nghĩ, hình thành và triển khai ý tưởng, tư duy độc lập...

*** Báo cáo kết quả:**

- GV gọi bất kì cá nhân nào trình bày kết quả.

*** Kết luận, đánh giá:**

- HS, GV đánh giá, nhận xét.

Hoạt động của GV và HS		Nội dung cần đạt				
?Tìm những câu được mở đầu bằng trạng ngữ chỉ thời gian trong các văn bản Hồ Chí Minh và “Tuyên ngôn Độc lập” hoặc Diễn biến Chiến dịch Điện Biên Phủ. Chỉ ra tác dụng của kiểu câu đó đối với việc trình bày các sự kiện lịch sử được đề cập trong văn bản <table><tr><th>Câu</th><th>Tác dụng</th></tr><tr><td></td><td></td></tr></table>		Câu	Tác dụng			II. Luyện tập 1. Bài tập 1 - Văn bản <i>Hồ Chí Minh và “Tuyên ngôn Độc lập”</i>: + Ngày 4-5-1945, Hồ Chí Minh rời Pác Bó về Tân Trào. + Giữa tháng 5, Người yêu cầu... cuốn <i>Tuyên ngôn Độc lập</i> của Hoa Kỳ. + Ngày 22-8-1945, Bác rời Tân Trào về Hà Nội. + Tối 25-8, Người vào nội thành, ở tầng 2 nhà 48 Hàng Ngang. + Sáng 26-8-1945, Hồ Chí Minh triệu tập... ra mắt nhân dân. + Ngày 27-8-1945, Người tiếp các bộ trưởng... mà Người đã chuẩn bị. + Ngày 28 và 29-8, ban ngày, Bác đến... lâm thời. + Buổi tối, tại 48 Hàng Ngang,... một cái bàn tròn. + Ngày 30-8, Bác mời một số... <i>Tuyên ngôn Độc lập</i>. + Ngày 31-8, Bác bổ sung... <i>Tuyên ngôn Độc lập</i>. + 14 giờ ngày 2-9-1945, trong cuộc mít tinh... Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. - Văn bản <i>Diễn biến Chiến dịch Điện Biên Phủ</i>: + Sau 56 ngày đêm chiến đấu dũng cảm, quân và dân ta... hoàn toàn. + Ngày 7/5/1954, chiến dịch Điện Biên Phủ toàn thắng. → Tác dụng của kiểu câu đó khiến cho việc trình bày các sự kiện lịch sử được đề cập trong văn bản được rõ ràng hơn. Người đọc nắm bắt được các mốc thời gian cụ thể, người viết dễ dàng viết hơn.
Câu	Tác dụng					
Xác định vị ngữ trong các câu dưới đây. Trong số các vị ngữ vừa tìm được, vị ngữ nào là cụm từ? a) Tráng sĩ mặc áo giáp, cầm roi, nhảy lên mình ngựa. (Thánh Gióng) b) Giặc tan vỡ. (Thánh Gióng) c) Người dành phần lớn thì giờ soạn thảo		2. Bài tập 2 a Các vị ngữ trong câu: a. mặc áo giáp, cầm roi, nhảy lên mình ngựa b. tan vỡ. c. soạn thảo bản “Tuyên ngôn Độc lập d. để các thành viên Chính phủ xét duyệt Trong số các vị ngữ vừa tìm được, vị ngữ a, c				

bản “Tuyên ngôn Độc lập ”. (Bùi Đình Phong) d) Người đưa bản thảo để các thành viên Chính phủ xét duyệt. (Theo Bùi Đình Phong)	là cụm từ																														
3. Tìm vị ngữ là cụm động từ, cụm tính từ trong những câu dưới đây. Xác định từ trung tâm và các thành tố phụ trong mỗi cụm từ đó. a) Đôi cánh tôi, trước kia ngắn hủn hoãn, bây giờ thành cái áo dài kín xuống tận chấm đuôi. (Tô Hoài) b) Dế Choắt trả lời tôi bằng một giọng rất buồn rầu. (Tô Hoài) c) Bác bổ sung một số điểm vào bản thảo " Tuyên ngôn Độc lập" (Theo Bài Đình Phong) d) Chủ tịch Hồ Chí Minh đọc " Tuyên ngôn Độc lập tại Quảng trường Ba Đình ngày 2/9/1945 (Theo Bùi Đình Phong)	<table><tr><th colspan="5">Vị ngữ</th></tr><tr><th>P h ầ n</th><th>Loại từ</th><th>Phần trước</th><th>Phần trung tâm</th><th>Phần sau</th></tr><tr><td>a.</td><td>Cụm tính từ</td><td>Trước kia</td><td>ngắn</td><td>hủn hoãn, bây giờ thành cái áo dài kín xuống tận chấm đuôi</td></tr><tr><td>b.</td><td>Cụm ĐT Cụm tính từ</td><td>rất</td><td>trả lời buồn rầu</td><td>tôi bằng một giọng rất buồn rầu</td></tr><tr><td>c.</td><td>Cụm động từ</td><td></td><td>bổ sung</td><td>một số điểm vào bản thảo " Tuyên ngôn Độc lập"</td></tr><tr><td>d.</td><td>Cụm động từ</td><td></td><td>đọc</td><td>“Tuyên ngôn Độc” lập tại Quảng Trường Ba Đình ngày 2-9-1945</td></tr></table>	Vị ngữ					P h ầ n	Loại từ	Phần trước	Phần trung tâm	Phần sau	a.	Cụm tính từ	Trước kia	ngắn	hủn hoãn, bây giờ thành cái áo dài kín xuống tận chấm đuôi	b.	Cụm ĐT Cụm tính từ	rất	trả lời buồn rầu	tôi bằng một giọng rất buồn rầu	c.	Cụm động từ		bổ sung	một số điểm vào bản thảo " Tuyên ngôn Độc lập"	d.	Cụm động từ		đọc	“Tuyên ngôn Độc” lập tại Quảng Trường Ba Đình ngày 2-9-1945
Vị ngữ																															
P h ầ n	Loại từ	Phần trước	Phần trung tâm	Phần sau																											
a.	Cụm tính từ	Trước kia	ngắn	hủn hoãn, bây giờ thành cái áo dài kín xuống tận chấm đuôi																											
b.	Cụm ĐT Cụm tính từ	rất	trả lời buồn rầu	tôi bằng một giọng rất buồn rầu																											
c.	Cụm động từ		bổ sung	một số điểm vào bản thảo " Tuyên ngôn Độc lập"																											
d.	Cụm động từ		đọc	“Tuyên ngôn Độc” lập tại Quảng Trường Ba Đình ngày 2-9-1945																											

4. Hoạt động 4: Vận dụng

- Mục tiêu: Giúp HS khắc sâu, mở rộng kiến thức đã học.
- Nội dung: HS hiểu được kiến thức trong bài học để vận dụng vào thực tế.
- Sản phẩm học tập: Đoạn văn
- Tổ chức thực hiện:

* Giao nhiệm vụ học tập:

Viết đoạn văn (Khoảng 4-5 dòng) nêu cảm nghĩ của em về một văn bản thông tin đã học (trong đoạn văn đó có sử dụng vị ngữ làm cụm từ). Xác định vị ngữ là cụm từ trong đoạn văn đó.

* **Thực hiện nhiệm vụ:** HS suy nghĩ, hình thành và triển khai ý tưởng, tư duy độc lập...

* **Báo cáo kết quả:** GV gọi bất kỳ cá nhân nào trình bày kết quả.

Tham khảo đoạn văn:

Ví dụ đoạn văn:

Từ nhỏ, em đã rất tự hào và xúc động khi tìm hiểu về những cuộc kháng chiến oai hùng của dân tộc ta. Văn bản *Diễn biến Chiến dịch Điện Biên Phủ* là một văn bản thông tin đặc sắc đã giúp chúng em hình dung ra trận chiến oai hùng của nhân dân ta diễn ra như thế nào qua những hình ảnh quý báu của quá khứ và những thông tin ngắn gọn về chiến dịch Điện Biên Phủ. Chiến dịch Điện Biên Phủ đã đuổi sạch quân Pháp và trả lại bầu trời hòa bình cho dân tộc ta. Qua đó, em càng thêm yêu đất nước, thêm yêu văn chương và thêm yêu những văn bản thông tin đã đem lại cho chúng em kiến thức bổ ích.

Loại từ	Phần trước	Phần trung tâm	Phần sau
cụm động từ	đã	đuổi sạch	quân Pháp và trả lại bầu trời hòa bình cho dân tộc ta

* **Kết luận, đánh giá.**

* **Giao nhiệm vụ về nhà:**

- Đặt câu có vị ngữ là một động từ, một tính từ, sau đó mở rộng thành phần vị ngữ.
- Đọc và soạn bài: Giờ Trỗi đất theo câu hỏi SGK.

Ngày dạy:

Tiết 64

THỰC HÀNH ĐỌC HIỂU VĂN BẢN: GIỜ TRÁI ĐẤT
-Theo baodautu.vn-

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức:

- Học sinh hiểu được những thông tin chính gắn với các mốc thời gian cụ thể với những sự kiện lịch sử trọng đại của dân tộc ta: Bác đọc bản tuyên ngôn độc lập khai sinh ra nước Việt Nam dân chủ cộng hòa.
- Hiểu ý nghĩa của sự kiện trọng đại đó.

2. Năng lực

a. Năng lực chung:

- Năng lực tự chủ và tự học: Tìm kiếm thông tin, đọc sách giáo khoa, quan sát tranh ảnh để tìm hiểu về văn bản **GIỜ TRÁI ĐẤT**
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Thảo luận nhóm để thực hiện phiếu học tập, hợp tác giải quyết vấn đề để tìm hiểu về văn bản **GIỜ TRÁI ĐẤT**
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Năng lực trình bày và trao đổi thông tin trước lớp.

b. Năng lực đặc thù:

- Nhận biết một số yếu tố hình thức của văn bản thông tin: hình ảnh, nhan đề, sa pô...
- Nhận biết một số các chi tiết tiêu biểu: đề tài, chủ đề, ý nghĩa...
- Đọc hiểu một văn bản cùng thể loại, cùng chủ đề.

3. Phẩm chất: Có ý thức giữ gìn và bảo vệ môi trường, sử dụng các nguồn năng lượng có hiệu quả.

II. THIẾT BỊ VÀ HỌC LIỆU

- Học liệu: Ngữ liệu/Sách giáo khoa, phiếu học tập.
- Thiết bị: Máy tính.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Hoạt động 1: Mở đầu

- a) Mục tiêu: Tạo tâm thế và định hướng chú ý cho học sinh; tạo vấn đề vào chủ đề
- b) Nội dung hoạt động: Xem vi deo và trả lời
- c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời/chia sẻ của HS bằng ngôn ngữ
- d) Tổ chức hoạt động:

* **Chuyển giao nhiệm vụ:** xem video ? Mục đích của việc tắt đèn trong ngày thực hiện giờ trái đất trên toàn thế giới là gì ?

***Thực hiện nhiệm vụ:** Hs trả lời câu hỏi

* **Báo cáo kết quả :**

DỰ KIẾN SP:

- Tiết kiệm năng lượng(điện), chống biến đổi khí hậu trên toàn cầu.

* **Gv kết luận, nhận xét và kết nối vào bài:** Trái Đất đang ngày càng nóng lên, các hiện tượng như thiên tai, hiệu ứng nhà kính, ô nhiễm môi trường... đang đe dọa đến môi trường sống của con người trên trái đất. Để góp phần chung tay cùng bảo vệ trái đất, xây dựng một trái đất lành mạnh, mọi nơi trên thế giới có một khoảng thời gian ngắn ngủi không một ánh đèn, đó chính là thời gian mà mọi người cùng nhau làm một việc ý nghĩa: Hưởng ứng chiến dịch Giờ Trái Đất. Cô và các em cùng nhau tìm hiểu bài học ngày hôm nay: “Giờ Trái Đất” để hiểu rõ hơn về chiến dịch này.

2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức

Hoạt động của GV và HS	Nội dung cần đạt
a) Mục tiêu: Hs hiểu những vấn đề chung về văn bản . b) Nội dung hoạt động: Trả lời câu hỏi c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời/chia sẻ của HS bằng ngôn ngữ d) Tổ chức hoạt động:	I, ĐỌC –VĂN BẢN
Yêu cầu đọc: Xác định mục đích đọc là gì?: Đọc văn bản có thêm thông tin gì? Bài này cho ta biết cách thức thực hiện một văn bản thông tin như thế nào? - Sử dụng kết hợp kĩ năng đọc theo dõi, tóm tắt, diễn giải thông tin để đọc văn bản hiệu quả hơn. - Chú ý các phương tiện phi ngôn ngữ, hình ảnh. - Giọng đọc hào hứng, tiết tấu nhanh thể hiện niềm tự hào bản thân. Tìm hiểu chú thích: GV yêu cầu HS đọc các chú thích dấu (*) trong SGK * Chuyển giao nhiệm vụ: 1. Văn bản Giờ Trái Đất thuật lại sự kiện gì? 2. Nêu những hiểu biết của em về tác phẩm? (xuất xứ, thể loại, phương thức biểu đạt chính, bố cục) Gv, học sinh đọc văn bản Trả lời các câu hỏi * Thực hiện nhiệm vụ: Hs trả lời câu hỏi * Báo cáo kết quả : Dự kiến Sản phẩm: 1. Văn bản thuật lại sự kiện quá trình hình thành và phát triển hưởng ứng của ngày giờ Trái đất trên thế giới	1. Xuất xứ: theo baodautu.vn 2. Thể loại: Văn bản thông tin 3. Phương thức biểu đạt chính: Thuyết minh

2,

1. Xuất xứ: theo baodautu.vn

2. Thể loại: Văn bản thông tin

3. Phương thức biểu đạt chính: Thuyết minh

Bố cục:

Đoạn 1:(Từ đầu đến nơi chúng ta đang sinh sống): Ý tưởng cho chiến dịch giờ trái đất xuất hiện

Đoạn 2: (Tiếp tục....đến 20h30): Ngày giờ trái đất ra đời

Đoạn 3: (Còn lại): Sự phát triển sự phát triển, tham gia hưởng ứng của tất cả mọi người trên thế giới

*** Gv kết luận, nhận xét.**

Thực hiện phiếu học tập số 1:

	Thể hiện trong văn bản	Mục đích
Sa pô		
<i>Thời gian đăng</i>		
<i>Sự kiện nêu ở Sapo</i>		

Dự kiến sản phẩm:

	Thể hiện trong văn bản	Mục đích
Sa pô	Nằm ngay dưới nhan đề, được in đậm	Để thu hút người đọc
<i>Thời gian đăng</i>	29/3/2014	Nêu lên thời gian tạo lập văn bản
<i>Sự kiện nêu ở Sapo</i>	29/3, 63 tỉnh thành tại Việt Nam sẽ cùng thế giới tham gia chiến dịch Giờ Trái Đất để sử dụng hiệu quả nguồn năng lượng và bảo vệ môi trường trước biến đổi khí hậu	Giúp mọi người hiểu rõ về ngày trái đất và hưởng ứng ngày này hơn

? Nhận xét về hình thức của văn bản?

- Các yếu tố hình thức cần chú ý khi tìm hiểu về văn bản thông tin là: Nhan đề, sa pô, các hình ảnh minh họa, các đề mục, thời gian tạo lập
- Mỗi yếu tố đều không thể thiếu trong văn bản thông tin, khiến cho văn bản trở nên sinh động, hấp dẫn và tăng tính chân thực cho bài viết.

a) Mục tiêu: Hs hiểu những vấn đề chung về văn bản .

II, KHÁM PHÁ VĂN BẢN

b) Nội dung hoạt động: Trả lời câu hỏi c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời/chia sẻ của HS bằng ngôn ngữ d) Tổ chức hoạt động:															
* Chuyển giao nhiệm vụ: Gv, học sinh đọc đoạn 1 Chỉ ra thông tin chính của phần 1? - Tìm phương pháp truyền thông thu hút chú ý người dân về biến đổi khí hậu=> Quá trình lên ý tưởng của giờ trái đất Thực hiện phiếu học tập số 2: 1. Nêu hoàn cảnh ra đời của sự kiện Giờ Trái Đất? 2. Họ dựa trên cơ sở nào để thực hiện chiến dịch lớn này? 3. Nhận xét cách vào phần mở đầu của văn bản? *Thực hiện nhiệm vụ: Hs trả lời câu hỏi * Báo cáo kết quả : 1. <i>Hoàn cảnh ra đời: Năm 2004, Tổ chức Bảo tồn Thiên nhiên Quốc tế của Australia tìm kiếm phương pháp truyền thông mới để đưa ra vấn đề biến đổi khí hậu vào hoạt động tuyên truyền nên đã thảo luận với công ty quảng cáo Leo Burnett Sydney.</i> 2. <i>Cơ sở: Chiến dịch dựa trên hi vọng mỗi cá nhân có trách nhiệm với tương lai của Trái Đất.</i> 3. <i>Thời gian, địa điểm, thông tin cụ thể, rõ ràng, xác thực giúp người đọc hiểu rõ hơn về hoàn cảnh ra đời của sự kiện Giờ Trái Đất.</i> * Gv kết luận, nhận xét.	1, Ý tưởng cho chiến dịch giờ trái đất xuất hiện - Hoàn cảnh ra đời: Năm 2004, Tổ chức Bảo tồn Thiên nhiên Quốc tế của Australia đưa ra vấn đề biến đổi khí hậu vào hoạt động tuyên truyền nên đã thảo luận với công ty quảng cáo Leo Burnett Sydney. - Cơ sở: Chiến dịch dựa trên hi vọng mỗi cá nhân có trách nhiệm với tương lai của Trái Đất. -> Thời gian, địa điểm, thông tin cụ thể, rõ ràng, xác thực giúp người đọc hiểu rõ hơn về hoàn cảnh ra đời của sự kiện Giờ Trái Đất.														
* Chuyển giao nhiệm vụ: Gv, học sinh đọc đoạn 2 ?Chú ý các mốc thời gian và thông tin cụ thể được nhắc đến ở phần 2? 1. Nêu các mốc thời gian và thông tin cụ thể được nhắc đến ở phần 2? (Nhóm 1) <table border="1" data-bbox="180 1753 914 2136"> <thead> <tr> <th>Thời gian</th><th>Thông tin chính</th></tr> </thead> <tbody> <tr><td> </td><td> </td></tr> <tr><td> </td><td> </td></tr> <tr><td> </td><td> </td></tr> <tr><td> </td><td> </td></tr> <tr><td> </td><td> </td></tr> <tr><td> </td><td> </td></tr> </tbody> </table>	Thời gian	Thông tin chính													2, Ngày giờ trái đất ra đời a. Sự ra đời -Sự ra đời của tên gọi Giờ Trái Đất: + 2005, tên gọi ban đầu là “Tiếng tắt lớn” + 2006, đặt tên lại là “Giờ Trái Đất” -
Thời gian	Thông tin chính														

2. Tên gọi “Giờ Trái Đất” được ra đời như thế nào? (Nhóm 2)

3. Nội dung của chiến dịch này là gì? (Nhóm 3)

4. Lễ khai mạc sự kiện Giờ Trái Đất được tổ chức vào thời gian nào? Diễn ra ở đâu? (Nhóm 4)

***Thực hiện nhiệm vụ:** Hs thảo luận.

*** Báo cáo kết quả :** Đại diện nhóm báo cáo kết quả Dự kiến sp:

1. Các mốc thời gian và thông tin cụ thể được nhắc đến ở phần 2:

<i>Thời gian</i>	<i>Thông tin chính</i>
2005	Sự kiện “Tiếng tắt lớn” ra đời
2006	Sự kiện “Tiếng tắt lớn” được đổi tên thành Giờ Trái Đất
31/03/2007	Khai mạc sự kiện Giờ Trái Đất tại Sydney
29/3/2008	Giờ Trái Đất được mở rộng ra 35 quốc gia trên thế giới
2009	Con số các quốc gia hưởng ứng giờ Trái Đất lên đến 88

2. Tên gọi “Giờ Trái Đất” được ra đời:

- 2005, dự án có tên "Tiếng tắt lớn" ra đời.

- 2006, đặt tên lại là "Giờ Trái Đất".

3. Nội dung chiến dịch: Kêu gọi mọi người tắt điện một tiếng đồng hồ tối thứ 7 cuối cùng của tháng 3 hàng năm.

-> Chiến dịch mở rộng mục tiêu sang mục tiêu có tinh thần bền vững, lâu dài hơn.

-> Được sự ủng hộ nhiệt tình của Thị trưởng Sydney.

4. Lễ khai mạc sự kiện Giờ Trái Đất được tổ chức ngày 30-3-2007, lễ khai mạc sự kiện Giờ Trái Đất được tổ chức tại Sydney.

*** Gv kết luận, nhận xét.**

*** Chuyển giao nhiệm vụ:**

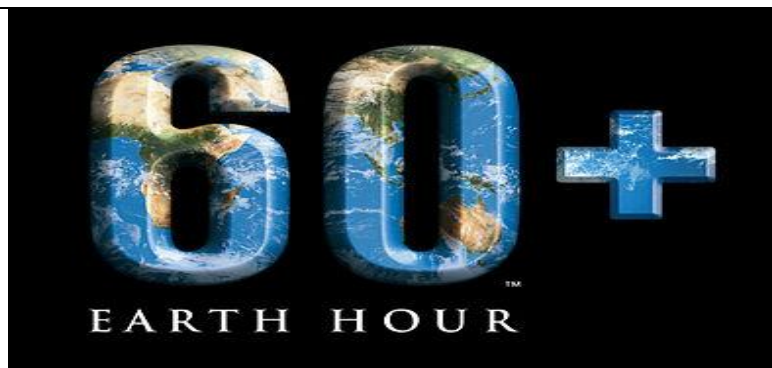
Thảo luận nhóm bàn:

1. Trình bày quá trình phát triển của “Giờ Trái Đất?

2. Chỉ ra một số câu có vị ngữ được mở rộng trong văn bản này?

3. Chỉ ra thông tin mà bức ảnh cung cấp thêm cho bài viết

b. Sự phát triển



4. Ý kiến của ông En-đi Rít-li được đưa vào văn bản có tác dụng gì?

5. Ý nghĩa của sự ra đời và quá trình phát triển của chiến dịch này?

***Thực hiện nhiệm vụ:** Hs thảo luận.

*** Báo cáo kết quả :** Đại diện nhóm báo cáo kết quả

Dự kiến sp:

1. Quá trình phát triển của “Giờ Trái Đất:

- Thu hút sự chú ý của thế giới, các nước bắt đầu tham gia nhiều hơn vào những năm sau đó.
- 29-3-2008, tổ chức ở 371 thành phố, thuộc hơn 35 quốc gia, hơn 50 triệu người.
- 2009, sự tham gia của hơn 4000 thành phố, thuộc 88 quốc gia.

2. Một số câu có vị ngữ được mở rộng trong văn bản này:

- “Sang năm 2005,... “Tiếng tắt lớn””
- “Từ đó, tên Giờ Trái Đất ra đời...tháng 3 hằng năm”
- “Vào ngày 31-03-2007 ... 20h30”

3. Thông tin mà bức ảnh cung cấp thêm cho bài viết

Bức ảnh có nội dung 60+: 60 là số phút mà chúng ta tắt điện. Bức ảnh có ý nghĩa, Giờ Trái Đất không chỉ có 60 phút mà còn có thể kéo dài hơn nữa. Lan tỏa thông điệp hãy chung tay bảo vệ môi trường đến mọi người.

4. Ý kiến của ông En-đi Rít-li được đưa vào văn bản có tác dụng:

- En-đi Rít-li là giám đốc và là người sáng lập chiến dịch Giờ Trái Đất. Câu nói của ông được đưa vào văn bản nhằm mở rộng suy nghĩ cho mọi người: Giờ Trái Đất không phải là hành động tắt điện, mà mục đích của Giờ Trái Đất là bảo vệ hành tinh yêu quý của chúng ta. Vì vậy, bất kỳ hành động nào bảo vệ môi trường đều nên được thực hiện.

5. Ý nghĩa của sự ra đời và quá trình phát triển của chiến dịch này:

Sự ra đời và quá trình phát triển của chiến dịch Giờ Trái Đất mang tính bền vững, lâu dài, kết nối mọi người trên khắp thế giới đoàn kết, thể hiện hành động trong suốt cả

- 29-3-2008, tổ chức ở 371 thành phố, thuộc hơn 35 quốc gia, hơn 50 triệu người.
- 2009, sự tham gia của hơn 4000 thành phố, thuộc 88 quốc gia.

⇒ Giờ Trái Đất giúp mọi người trên thế giới đoàn kết, thể hiện hành động trong suốt cả năm để bảo vệ hành tinh.

<i>năm để bảo vệ hành tinh.</i> * Chuyển giao nhiệm vụ: Chú ý phần 3 Thảo luận nhóm bàn: 1. Tại sao nói “<i>Giờ Trái Đất chính thức trở thành chiến dịch toàn cầu</i>” ? 2. Việt Nam chính thức gia nhập chiến dịch Giờ Trái Đất vào thời gian nào? 3. Văn bản trên đã sử dụng những phương tiện nào để cung cấp thông tin cho người đọc? Việc kết hợp các phương tiện đó có hiệu quả như thế nào? *Thực hiện nhiệm vụ: Hs thảo luận. * Báo cáo kết quả : Dự kiến sp: 1. Giờ Trái Đất chính thức trở thành chiến dịch toàn cầu: - Cuối 2009, trong Hội nghị biến đổi khí hậu Liên hiệp quốc (sự tham gia 192 quốc gia) tại Đan Mạch, nhận thức của thế giới về biến đổi khí hậu được nâng cao. 2. Việt Nam chính thức gia nhập chiến dịch Giờ Trái Đất vào thời gian: - Từ 2009, Việt Nam chính thức gia nhập chiến dịch Giờ Trái Đất. 3. Văn bản trên sử dụng: thông tin bằng từ ngữ, trích dẫn, hình ảnh... để cung cấp thông tin. -> Việc kết hợp đó khiến cho người đọc có thể tiếp nhận thông tin đầy đủ và không nhàm chán. * Gv kết luận, nhận xét.	3, Sự phát triển sự phát triển, tham gia hưởng ứng của tất cả mọi người trên thế giới - Cuối 2009, trong Hội nghị biến đổi khí hậu Liên hiệp quốc (sự tham gia 192 quốc gia) tại Đan Mạch, nhận thức của thế giới về biến đổi khí hậu được nâng cao. - Năm 2009, Việt Nam chính thức gia nhập chiến dịch Giờ Trái Đất.
? Sau khi tìm hiểu nội dung em có nhận xét gì? Nhận xét: - Cách trình bày các thông tin theo trình tự thời gian. - Cách trình bày với màu sắc dễ dàng phân biệt, kí hiệu đồng nhất, hình ảnh phù hợp với nội dung của thông tin giờ trái đất. Cỡ chữ thay đổi in đậm vào những câu có nội dung quan trọng thu hút người đọc, khiến người đọc dễ nắm bắt được nội dung. GV (mở rộng): Từ năm 2009, Việt Nam chính thức tham gia hưởng ứng sự kiện Giờ Trái Đất. Sau 1 giờ tắt đèn của sự kiện, trên phạm vi cả nước đã tiết kiệm được sản lượng điện là 492.000kWh, tương đương số tiền khoảng 917 triệu đồng. Chỉ riêng tại Việt Nam, con số tiết kiệm điện năng nhờ sự kiện Giờ Trái Đất đã là rất ấn tượng. Chính vì vậy, chúng ta càng thấy được tầm quan trọng và ý nghĩa to lớn của sự kiện này.	
? Hãy khái quát ngắn gọn nghệ thuật và nội dung của văn bản?	III, Tổng kết 1. Nghệ thuật

-Văn bản trên sử dụng: thông tin bằng từ ngữ, trích dẫn, hình ảnh... để cung cấp thông tin.

-Ngôn ngữ diễn đạt sáng rõ, chính xác, thuyết phục.

2. Nội dung

Giờ Trái Đất đã cung cấp đầy đủ thông tin về nguyên nhân, sự hình thành và phát triển của chiến dịch này.

3. Hoạt động 3: Luyện tập

a) Mục tiêu: Học sinh vận dụng kiến thức đã học vào làm bài tập.

b) Nội dung hoạt động:

- HS luyện đọc kĩ một đoạn trích trong văn bản và thực hiện các nhiệm vụ/trả lời các câu hỏi, bài tập để rèn kĩ năng đọc hiểu văn bản.

c) Sản phẩm học tập:

- Câu trả lời của các câu hỏi, bài tập.

d) Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Nội dung cần đạt
* Giao nhiệm vụ học tập: Chơi trò chơi * Thực hiện nhiệm vụ: Hs thực hiện trò chơi * Báo cáo kết quả : Cá nhân * Gv kết luận và nhận xét:	

4. Hoạt động 4: Vận dụng

a) Mục tiêu: HS khắc sâu kiến thức đã học.

b) Nội dung: HS hiểu được kiến thức trong bài học để vận dụng vào thực tế.

c) Sản phẩm học tập: Chia sẻ thông tin

d) Tổ chức thực hiện:

* **Giao nhiệm vụ học tập: Bài tập:** Thông tin từ văn bản trên có ý nghĩa gì đối với bản thân em? Chỉ ra ít nhất một việc em sẽ làm để thể hiện ý nghĩa đó.

* **Thực hiện nhiệm vụ:** Hs chia sẻ thông tin

* **Báo cáo kết quả :**Cá nhân

Gợi ý: Thông tin từ văn bản trên giúp bản thân em nhận ra rằng môi trường hiện tại đang gặp nguy hiểm, bản thân em cùng mọi người xung quanh phải đoàn kết với nhau, cùng nhau hành động. Đối với em, hành động đơn giản nhất mà chúng ta có thể cùng nhau làm là tắt điện nước khi không sử dụng...*không sử dụng vật liệu nhựa sử dụng 1 lần, phân loại rác, tiết kiệm nước ...*

* **Gv kết luận và nhận xét:**

* **Giao nhiệm vụ về nhà:**

- Qua văn bản Giờ trái đất em hãy chỉ ra ít nhất một việc em sẽ làm để thể hiện ý nghĩa và Ngày trái đất.

- Đọc và xem lại các nội dung đã học trong học kì I để ôn tập HK.

Ngày dạy:

(Chuyên dạy ôn trước)

Tiết 68+69

ÔN TẬP KÌ 1

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức:

- củng cố kiến thức về các thể loại văn bản đọc, kiểu bài viết, nội dung nói và nghe, kiến thức về tiếng Việt đã học ở kì 1.
- Vận dụng, tổng hợp các kiến thức đã học để luyện tập, củng cố kĩ năng đọc, viết, nói và nghe.

2. Năng lực

a. Năng lực chung:

- Năng lực tự chủ và tự học: Tìm kiếm thông tin, đọc sách giáo khoa, quan sát tranh ảnh để nhận biết được nội dung và chủ đề của văn bản.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Thảo luận nhóm để thực hiện phiếu học tập, hợp tác giải quyết vấn đề để nhận biết được nội dung và chủ đề của văn bản.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Năng lực trình bày và trao đổi thông tin trước lớp.

b. Năng lực đặc thù: Tổng hợp các vấn đề đã học.

3. Phẩm chất:

- *Chăm chỉ*: Có ý thức vận dụng kiến thức, kĩ năng học được ở nhà trường, trong sách báo và từ các nguồn tin cậy khác vào học tập và đời sống hằng ngày.
- *Trách nhiệm*: Trân trọng vẻ đẹp quê hương đất nước con người Việt Nam.

II. THIẾT BỊ VÀ HỌC LIỆU

- Học liệu: Ngữ liệu/Sách giáo khoa, phiếu học tập.
- Thiết bị: Máy tính.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Hoạt động 1: Mở đầu

a) Mục tiêu: Tạo tâm thế và định hướng chú ý cho học sinh; tạo vấn đề vào chủ đề

b) Nội dung hoạt động: Trò chơi Hs xem ảnh

c) Sản phẩm học tập:

- Câu trả lời/chia sẻ của HS bằng ngôn ngữ

d) Tổ chức hoạt động:

* Chuyển giao nhiệm vụ:

- Nhìn hình đoán tên chủ đề, sau đó sắp xếp các chủ đề theo đúng trình tự của sách Ngữ văn 6 kì 1?

* **Thực hiện nhiệm vụ:** Hs xem ảnh và trả lời câu hỏi.

* **Báo cáo kết quả:** Hs trả lời

* **Đánh giá nhận xét vào bài:** Bài học hôm nay chúng ta sẽ hệ thống hoá cả năm chủ đề đã học.

2. Hoạt động 2: ôn tập

Hoạt động của GV và HS			Nội dung cần đạt
Phiếu học tập số 1 Hãy chọn trong mỗi chủ đề của học kì I một văn bản mà em cho là tiêu biểu và điền nội dung vào bảng dưới đây.			1, ĐỌC HIỂU VĂN BẢN Câu 1: Hãy chọn trong mỗi chủ đề của học kì I một văn bản mà em cho là tiêu biểu và điền nội dung vào bảng dưới đây.
Loại	Tên văn bản	Nội dung chính	
Văn bản văn học			

Văn bản nghị luận			
Văn bản thông tin			
? Đây là văn bản nào? - Câu chuyện về nhân vật lên ba mà vẫn không biết nói, biết cười, cứ đặt đầu nằm đấy Là nhân vật anh hùng thần thoại tiêu biểu cho sức mạnh tiềm tàng của lòng yêu nước quật cường của dân tộc Việt Nam thời đại Hùng Vương. Tiếng nói đầu tiên của nhân vật là tiếng nói của tinh thần yêu nước Roi sắt gãy, nhổ những bụi tre bên đường quật vào giặc.			
Loại	Tên văn bản	Nội dung chính	
Văn bản văn học	Thánh Gióng	Hình tượng Thánh Gióng với nhiều màu sắc thần kì là biểu tượng rực rỡ của ý thức và sức mạnh bảo vệ đất nước, đồng thời là sự thể hiện quan niệm và ước mơ của nhân dân ta ngay từ buổi đầu lịch sử về người anh hùng cứu nước chống ngoại xâm.	
? Đây là văn bản nào? Văn bản ca ngợi tình yêu thương con và sự hi sinh của mẹ. Văn bản nói về bàn tay mẹ nhuộm màu, hi sinh vì con . Văn bản viết theo thể thơ lục bát Mẹ gọi con là : là <i>cái trắng vàng, cái trắng tròn, cái trắng còn nằm nôi,</i> -			
Loại	Tên văn bản	Nội dung chính	
Văn bản văn học	À ơi tay mẹ.	Ca ngợi tình yêu thương con và sự hi sinh của mẹ. Từ đó bài thơ đã mang đến cho ta sự cảm nhận sâu sắc hơn về tình yêu thương, sự hi sinh của người mẹ để ta càng trân trọng, thấu hiểu sự vất vả của đáng sinh thành.	
? Đây là văn bản nào? Câu chuyện kể về một chú bé xa mẹ phải sống trong sự ghẻ lạnh của bà cô Nhân vật trong truyện khiến người đọc xót xa, thương cảm vì hoàn cảnh bất hạnh và đáng thương của em. Một câu chuyện cảm động về tình mẫu tử Một câu chuyện hồi kí thấm đượm chất trữ tình, kết hợp nhuần nhuyễn giữa kể, tả, bộc lộ cảm xúc.			
Loại	Tên văn bản	Nội dung chính	

Văn bản văn học	Trong lòng mẹ	Đoạn trích “Trong lòng mẹ” đã kể lại một cách chân thực và cảm động tình cảnh đáng thương và nỗi đau tinh thần của chú bé Hồng, cùng tình yêu thương cháy bỏng của nhà văn thời thơ ấu đối với người mẹ bất hạnh.	
? Đây là văn bản nào? Văn bản đã bình luận về một bài ca dao. Văn bản được trình bày theo cách : Tổng – phân- hợp Văn bản có hệ thống các ý chính logic, chặt chẽ . Trong quá trình khai thác vẻ đẹp của bài ca dao, tác giả đã dẫn ra những từ ngữ hay, những biện pháp nghệ thuật tu từ...			
Loại	Tên văn bản	Nội dung chính	
Văn bản nghị luận	Vẻ đẹp của bài ca dao	Qua văn bản, Hoàng Tiến Tựu đã khẳng định vẻ đẹp của bài ca dao Đúng bên ni đồng, vẻ đẹp của cô gái (con người) hào hợp với cánh đồng lúa (thiên nhiên) tạo nên khung cảnh khoáng đạt, tươi mới.	
? Đây là văn bản nào? Văn bản đã thuật lại diễn biến từng sự kiện. Văn bản đã được Chủ tịch Hồ Chí Minh đọc tại Quảng trường Ba Đình cách đây 75 năm . Văn bản Ra đời ngày 1/9/2018, in trên trang baodanang.vn Văn bản được viết theo phương thức biểu đạt thuyết minh.			
Văn bản thông tin	HCM và “ Tuyên ngôn Độc lập”	- Văn bản Hồ Chí Minh và Tuyên ngôn Độc lập đã cung cấp đầy đủ thông tin về sự kiện ra đời bản Tuyên ngôn Độc lập, khai sinh ra nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.	
? Nêu những điểm cần chú ý về cách đọc truyện (truyền thuyết, cổ tích), thơ lục bát và kí (hồi kí, du kí)? Theo em, trong sách Ngữ văn 6, tập 1, có những nội dung nào gần gũi và có tác dụng với đời sống hiện nay và với chính bản thân em? Hãy nêu lên một văn bản và làm sáng tỏ điều đó?		Câu 3: ? Nêu những điểm cần chú ý về cách đọc truyện (truyền thuyết, cổ tích), thơ lục bát và kí (hồi kí, du kí)? - Ngắt nhịp, ngừng nghỉ đúng chỗ - Nói rõ ràng, âm lượng phù hợp, kết hợp với sử dụng nét mặt, ánh mắt, hành động phù hợp với câu chuyện để tác động tới người nghe. Câu 4: Theo em, trong sách Ngữ văn 6, tập 1, có những nội dung nào gần gũi và có tác dụng với đời sống hiện nay và với chính bản thân em? Hãy nêu lên một văn bản và làm sáng tỏ điều đó Theo em, trong sách Ngữ văn 6, tập 1, nội dung em thấy gần gũi và có tác dụng với đời sống hiện nay và với chính bản thân chính là văn bản về giờ trái đất bởi	

	văn bản này khuyến khích một cộng đồng toàn cầu hãy liên kết với nhau để chia sẻ những cơ hội và thách thức của việc tạo ra một thế giới phát triển bền vững. Chiến dịch Giờ Trái Đất góp phần không nhỏ vào việc tiết kiệm điện năng, giảm thiểu khí thải CO ₂ , giảm hiệu ứng nhà kính, chống biến đổi khí hậu.								
Thống kê tên các kiểu văn bản cần luyện viết các kiểu văn bản đó trong sách Ngữ văn 6 tập 1.	2, VIẾT Câu 5: Thống kê tên các kiểu văn bản cần luyện viết các kiểu văn bản đó trong sách Ngữ văn 6 tập 1. - Văn bản tự sự: + Viết được bài hoặc đoạn văn kể về một kỉ niệm của bản thân + Viết bài văn kể lại một truyền thuyết hoặc cổ tích + Kể lại một trải nghiệm đáng nhớ - Văn bản biểu cảm: + Viết đoạn văn nêu cảm nghĩ về thơ lục bát - Văn bản nghị luận: + Trình bày ý kiến về một vấn đề - Văn bản thông tin: + Viết bài văn thuyết minh thuật lại một sự kiện								
? Nêu các bước tiến hành viết một văn bản, chỉ ra nhiệm vụ từng bước	Câu 6: Nêu các bước tiến hành viết một văn bản, chỉ ra nhiệm vụ từng bước <table border="1"> <tr> <th>Thứ tự các bước</th><th>Nhiệm vụ cụ thể</th></tr> <tr> <td>- Bước 1: Chuẩn bị</td><td>- Thu nhập lựa chọn tư liệu và thông tin về vấn đề sẽ viết</td></tr> <tr> <td></td><td></td></tr> <tr> <td></td><td></td></tr> </table>	Thứ tự các bước	Nhiệm vụ cụ thể	- Bước 1: Chuẩn bị	- Thu nhập lựa chọn tư liệu và thông tin về vấn đề sẽ viết				
Thứ tự các bước	Nhiệm vụ cụ thể								
- Bước 1: Chuẩn bị	- Thu nhập lựa chọn tư liệu và thông tin về vấn đề sẽ viết								

Thứ tự các bước	Nhiệm vụ cụ thể
- Bước 1: Chuẩn bị	- Thu nhập lựa chọn tư liệu và thông tin về vấn đề sẽ viết
- Bước 2: Tìm ý và lập dàn ý	- Tìm ý cho bài viết và phát triển các ý bằng cách đặt và trả lời các câu hỏi, sắp xếp các ý có một bố cục rành mạch, hợp lí - Lập dàn bài (có thể bằng sơ đồ tư duy) đầy đủ 3 bước: Mở bài, thân bài, kết bài
- Bước 3: Viết	Diễn đạt các ý đã ghi trong bố cục thành những câu, đoạn văn chính xác, trong sáng, có mạch lạc và liên kết chặt chẽ với nhau

- Bước 4: Kiểm tra và chỉnh sửa	Kiểm tra lại văn bản để xem có đạt các yêu cầu đã nêu chưa và cần sửa chữa gì không.						
Nêu tác dụng của việc làm thơ lục bát và tập viết bài văn kể về một kỉ niệm của bản thân?	Câu 7: Nêu tác dụng của việc làm thơ lục bát và tập viết bài văn kể về một kỉ niệm của bản thân Tác dụng của làm thơ theo thể thơ lục bát để nắm được cách gieo vần và phối thanh, ngắt nhịp giản dị mà biến hoá vô cùng linh hoạt, phong phú và đa dạng trong khả năng diễn tả thể hiện sức sống mãnh liệt, mang đậm vẻ đẹp tâm hồn con người Việt Nam. Tập viết bài văn kể một kỉ niệm của bản thân để rèn luyện kĩ năng viết văn bản tự sự kể chuyện giúp các em tập cách diễn đạt kể chuyện, sử dụng ngôn ngữ phù hợp trong sáng để diễn tả lại điều muốn kể kể cả trong văn viết và văn nói.						
	3, NÓI VÀ NGHE Câu 8: Nêu các nội dung chính được rèn luyện trong kĩ năng nói và nghe ở sách Ngữ văn 6, tập một. Các nội dung nói và nghe liên quan gì đến nội dung đọc hiểu và viết?						
<table border="1"> <thead> <tr> <th>Kĩ năng</th><th>Nội dung</th></tr> </thead> <tbody> <tr> <td>Nói</td><td> Kể được một truyện truyền thuyết hoặc cổ tích, một trải nghiệm, kỉ niệm đáng nhớ Trình bày được ý kiến về một vấn đề quan tâm(sự kiện lịch sử hoặc vấn đề trong cuộc sống) Có thái độ và kĩ năng nói phù hợp </td></tr> <tr> <td>Nghe</td><td> Nắm được nội dung trình bày của người khác Có thái độ và kĩ năng nghe phù hợp </td></tr> </tbody> </table> => Học nói học nghe sẽ giúp chúng ta rèn luyện kĩ năng tiếp thu nội dung thông tin cả về thái độ và tình cảm khi nghe và nói, vận dụng vào trong bài viết của mình và rút được bài học khi đọc hiểu văn đề.		Kĩ năng	Nội dung	Nói	Kể được một truyện truyền thuyết hoặc cổ tích, một trải nghiệm, kỉ niệm đáng nhớ Trình bày được ý kiến về một vấn đề quan tâm(sự kiện lịch sử hoặc vấn đề trong cuộc sống) Có thái độ và kĩ năng nói phù hợp	Nghe	Nắm được nội dung trình bày của người khác Có thái độ và kĩ năng nghe phù hợp
Kĩ năng	Nội dung						
Nói	Kể được một truyện truyền thuyết hoặc cổ tích, một trải nghiệm, kỉ niệm đáng nhớ Trình bày được ý kiến về một vấn đề quan tâm(sự kiện lịch sử hoặc vấn đề trong cuộc sống) Có thái độ và kĩ năng nói phù hợp						
Nghe	Nắm được nội dung trình bày của người khác Có thái độ và kĩ năng nghe phù hợp						
	4, TIẾNG VIỆT Câu 9: Liệt kê các nội dung tiếng Việt được học thành mục riêng trong sách Ngữ văn 6 tập 1 theo bảng sau: Bài 1: Từ đơn và từ phức (từ ghép, từ láy) ...						
	- Bài 1: Từ đơn và từ phức (từ ghép, từ láy) - Bài 2: Các biện pháp tu từ(ẩn dụ) - Bài 3: Từ đa nghĩa, từ đồng âm, từ mượn - Bài 4: Thành ngữ, dấu chấm phẩy - Bài 5: Mở rộng vị ngữ						

*** Giao nhiệm vụ về nhà:**

- Ôn lại toàn bộ kiến thức đã học trong học kì I
- Chuẩn bị tốt nội dung kiến thức để làm bài kiểm tra học kì I

Ngày dạy:

Tiết 70+71

KIỂM TRA HỌC KÌ I

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức:

- Củng cố kiến thức về các thể loại văn bản đọc, kiểu bài viết, nội dung nói và nghe, kiến thức về tiếng Việt đã học ở kì 1 vận dụng vào làm bài.
- Vận dụng, tổng hợp các kiến thức đã học để vào làm bài.

2. Năng lực

a. Năng lực chung:

- Năng lực tự chủ và tự học: Biết tự vận dụng kiến thức đã học vào bài làm.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Năng lực trình bày các thông tin vào bài viết của mình.

b. Năng lực đặc thù: Tổng hợp các vấn đề đã học.

3. Phẩm chất:

- *Chăm chỉ*: Có ý thức vận dụng kiến thức, kĩ năng học được ở nhà trường, trong sách báo và từ các nguồn tin cậy khác vào bài viết và đời sống hằng ngày.
- *Trung thực*: Tự giác làm bài.
- *Trách nhiệm*: Trân trọng vẻ đẹp quê hương đất nước con người Việt Nam.

II. THIẾT BỊ VÀ HỌC LIỆU

- Học liệu: Ngữ liệu/Sách giáo khoa.
- Trao đổi với tổ chuyên môn để ra đề kiểm tra, đáp án, ma trận.
- Định hướng ôn tập cho học sinh qua các tiết văn bản (Tác giả, thể loại, nhân vật, nội dung ý nghĩa văn bản), qua phần tiếng Việt, phần viết.
- Thiết bị: Máy tính.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Hoạt động 1: Mở đầu

- Mục tiêu: Tạo tâm thế và định hướng chú ý cho học sinh; tạo vấn đề vào chủ đề
- Nội dung hoạt động: Trò chơi Hs xem ảnh
- Sản phẩm học tập:
 - Câu trả lời/chia sẻ của HS bằng ngôn ngữ

d) Tổ chức hoạt động:

* Chuyển giao nhiệm vụ:

Gv đọc đề - Hs chép đề.

Ma trận đề:

Chủ đề		Mức độ			Tổng số
		Biết	Hiểu	Vận dụng	
Đọc hiểu	Văn bản truyện (tương đương về đề tài, thể thơ với các văn bản trong SGK)	- Nhận diện thể thơ - Nhận biết nội dung văn bản - Xác định được từ đơn, từ ghép	- Phân tích được hiệu quả biện pháp tu từ	- Nêu được cảm nhận của bản thân về văn bản và bài học liên hệ	

	Số câu Số điểm Tỉ lệ	2 1,5 15%	1 2,0 20%	1 1,5 15%	4 5,0 50%
Viết	Viết bài văn tự sự.			Kể lại một trải nghiệm của bản thân em.	
	Số câu Số điểm Tỉ lệ			1 5,0 50%	1 5,0 50%
Tổng số		2 1,5 15%	1 2,0 20%	2 6,5 65%	5 10 100%

Chú thích:

- Ma trận đề thi trên theo phương án 1 trong kế hoạch của bộ môn.
- Mức độ đánh giá: chia làm 3 mức độ theo yêu cầu về KTĐG của CT Ngữ văn 2018 (biết, hiểu, vận dụng)
- Các chuẩn/tiêu chí kiểm tra và đánh giá hoạt động đọc hiểu: căn cứ vào yêu cầu cần đạt của đọc hiểu văn bản thơ trong CT Ngữ văn 2018 và sách giáo khoa (Bài 2).
- Các tiêu chí kiểm tra và đánh giá hoạt động viết: căn cứ vào yêu cầu cần đạt của hoạt động viết trong CT Ngữ văn 2018 và sách giáo khoa (Bài 1). - Thang điểm: 10

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I

Năm học: 2021-2022

MÔN: NGỮ VĂN 6

Thời gian: 90 phút

A- Đề bài:

Phần 1: Đọc hiểu (5đ)

a. Đọc ngữ liệu sau

Mẹ là cơn gió mùa thu
Cho con mát mẻ lời ru năm nào
Mẹ là đêm sáng trăng sao
Soi đường chỉ lối con vào bến mơ
(*Mẹ là tất cả - Lãng Kim Thanh*)

b. Trả lời câu hỏi

Câu 1 (1 điểm). Đoạn thơ trên được viết theo thể thơ nào? nêu nội dung đoạn thơ?

Câu 2 (0,5 điểm). Ghi lại 1 từ đơn, 1 từ ghép có trong đoạn thơ trên?

Câu 3 (2.0 điểm). Chỉ ra biện pháp tu từ được sử dụng trong đoạn thơ và nêu tác dụng của nó

Câu 4 (1.5 điểm). Từ những câu thơ trên em cảm nhận như thế nào về vai trò và tình cảm của cha mẹ đối với chúng ta? Em cần phải có bổn phận và trách nhiệm như thế nào đối với cha mẹ (Viết khoảng 3 -5dòng).

Phần 2: Viết (5đ)

Đọc bài thơ sau

VỀ QUÊ

*Nghỉ hè bé lại thăm quê
Được đi lên rẫy, được về tắm sông
Thăm bà, rồi lại thăm ông
Thả diều, câu cá... sướng không chi bằng
Đêm về ngồi ngắm ông trăng
Nghe ông kể chuyện chị Hằng ngày xưa
Bà rang đậu lạc thơm chưa
Mời ông bà, bé say sưa chuyện trò.*

(Nguyễn Lâm Thắng/ Về quê)

Dựa vào nội dung và nhan đề bài thơ trên, em hãy viết bài văn kể lại trải nghiệm của bản thân một lần về thăm quê.

B- Đáp án – biểu điểm:

Phần	Nội dung	Điểm
1. ĐỌC HIỂU	Câu 1 Đoạn thơ trên được viết theo thể thơ nào? nêu nội dung đoạn thơ?	1.0
	Đoạn thơ trên được viết theo thể thơ lục bát	0.5
	Nội dung: Đoạn thơ khẳng định tình cảm yêu thương, che chở, đùm bọc, soi sáng cho con của người mẹ dành cho con. Đó là tình mẫu tử thiêng liêng, quý giá! Hướng dẫn chấm: - Học sinh trả lời như Đáp án: 0.5 điểm - Học sinh trả lời được một nửa ý: 0.25 điểm - Học sinh có cách diễn đạt khác nhưng đủ ý vẫn cho điểm tối đa.	0.5
	Câu 2 Ghi lại 1 từ đơn, 1 từ ghép có trong đoạn thơ trên?	0.5
	Học sinh nêu được một trong số những từ sau: - Từ đơn: mẹ, con, trăng, sao,... - Từ ghép: mùa thu, lời ru, bến mơ,... Hướng dẫn chấm: - Học sinh trả lời như Đáp án: 0.5 điểm - Học sinh trả lời được 1 trong 2 ý: 0.25 điểm	0.5
	Câu 3: Chỉ ra biện pháp tu từ được sử dụng trong đoạn thơ và nêu tác dụng của nó	2.0
	Biện pháp tu từ: So sánh + Mẹ là cơn gió mùa thu + Mẹ là đêm sáng trăng sao Biện pháp tu từ: Điệp + Mẹ là cơn gió mùa thu + Mẹ là đêm sáng trăng sao	0.5

	Hướng dẫn chấm: - Học sinh trả lời như Đáp án: 0.5 điểm - Học sinh trả lời được một nửa ý: 0.25 điểm	
	Tác dụng: + Cho thấy mẹ chính là tất cả, là cơn gió ru con ngủ , là đêm trăng sáng soi đường chỉ lối cho ta đến với ước mơ của mình. + Khẳng định tầm quan trọng của một người mẹ đối với những đứa con thân. + Qua đó cũng cho thấy tình mẫu tử tuy bình dị nhưng rất thiêng liêng , cao quý Hướng dẫn chấm: - Học sinh trả lời như Đáp án: 1.5 điểm - Học sinh trả lời được 2 trong 3 nội dung: 1.0 điểm - Học sinh trả lời được 1 trong 3 nội dung: 0.5 điểm - Học sinh có cách diễn đạt khác nhưng đủ ý vẫn cho điểm tối đa.	1.5
	Câu 4 Từ những câu thơ trên em cảm nhận như thế nào về vai trò và tình cảm của cha mẹ đối với chúng ta? Em cần phải có bổn phận và trách nhiệm như thế nào đối với với cha mẹ (Viết khoảng 3 -5dòng).	1.5
	Hình thức: đoạn văn từ 3 đến 5 dòng + Không mắc lỗi diễn đạt + Không sai lỗi chính tả	0.5
	Nội dung: Học sinh nêu được những cảm nhận của mình về bài thơ không vi phạm những chuẩn mực đạo đức và pháp luật • Gợi ý: Vai trò và tình cảm của cha mẹ đối với chúng ta - Em cảm thấy hạnh phúc và sung sướng khi được sống trong vòng tay yêu thương của cha mẹ - Tình cảm của cha mẹ đối với chúng ta thật thiêng liêng và cao thượng... Bổn phận và trách nhiệm - Chúng ta cần chăm ngoan học giỏi hiểu thảo nghe lời cha mẹ - Luôn khắc ghi công ơn sinh thành và nuôi dưỡng... Hướng dẫn chấm: Học sinh nêu lên những suy nghĩ, quan điểm cá nhân nên giáo viên cần tôn trọng. Nếu học sinh mắc lỗi diễn đạt và lỗi chính tả thì tùy số lượng giáo viên sẽ trừ điểm.	1.0

Phần 2: Viết.	a. Đảm bảo cấu trúc một bài văn: có đầy đủ mở bài, thân bài, kết bài. Mở bài giới thiệu được vấn đề; thân bài triển khai được vấn đề; kết bài khái quát được vấn đề.	0.5
	b.Xác định đúng vấn đề: Kỉ niệm về một lần về thăm quê	0.5

	c. Học sinh có thể giải quyết vấn đề theo hướng sau:	
	* Mở bài: Giới thiệu khái quát về một kỉ niệm về thăm quê	1.0
	* Thân bài:	1.0
	- Tình huống (hoàn cảnh: địa điểm và thời gian) xảy ra trải nghiệm, các nhân vật liên quan. + Vào dịp: <i>Nghỉ hè</i> + Đi cùng ai? Đó là quê nội hay quê ngoại? (<i>Lưu ý: Giới thiệu tình huống (hoàn cảnh: địa điểm và thời gian) cần kết hợp yếu tố miêu tả không gian, cảnh sắc thiên nhiên, con người.</i>)	4.0
	- Diễn biến của trải nghiệm: + Kể về tâm trạng, cảm xúc của em trước chuyến đi, trên xe, khi xuống xe. + Kể những điều em được tận mắt chứng kiến về những thay đổi về quang cảnh của quê hương. + Kể lại cảnh đi thăm mộ tổ tiên; gặp gỡ người thân, họ hàng, làng xóm. + Kể về những hoạt động của em trong những ngày về thăm quê: <i>Được đi lên rẫy, được về tắm sông, thăm bà, thăm ông, thả diều, câu cá...đêm về ngồi ngắm ông trăng, nghe ông kể chuyện chị Hằng ngày xưa, bà rang đậu lạc thơm chưa..</i> (Kết hợp kể với bộ lộ cảm xúc (<i>sửng không chi bằng</i>) và miêu tả) + Kể lại những cảm xúc lúc chia tay người thân, trở về thành phố.. - Điều đặc biệt của trải nghiệm đó khiến em nhớ nó đến tận bây giờ hoặc khiến em thay đổi, tự hoàn thiện bản thân.	1.0
	* Kết bài: Nêu ý nghĩa của kỉ niệm đối với bản thân hoặc bài học rút ra từ kỉ niệm ấy.	1.0
	d. Sáng tạo: có cách diễn đạt độc đáo, thể hiện suy nghĩ sâu sắc, mới mẻ về vấn đề.	0,5
	e. Chính tả, dùng từ đặt câu: đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp, ngữ nghĩa Tiếng Việt.	0,5

C. Gv thu bài và nhận xét giờ làm bài.

D. HD và giao nhiệm vụ về nhà:

- Ôn lại các nội dung đã học ở HKI, chuẩn bị viết bài văn thuyết minh thuật lại một sự kiện.
- Chuẩn bị trước bài tập thực hành (101)

Ngày dạy:

Tiết : 65+66 - HOẠT ĐỘNG VIẾT

VIẾT BÀI VĂN THUYẾT MINH THUẬT LẠI MỘT SỰ KIỆN

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

- Thể loại văn thuyết minh

- Yêu cầu của một bài văn thuyết minh thuật lại một sự kiện: xác định được sự kiện; thu thập các thông tin về sự kiện và sắp xếp các thông tin một cách phù hợp theo trình tự thời gian; sử dụng chữ viết kèm theo hình ảnh để thuật lại sự kiện; lựa chọn được cách trình bày (truyền thống hay đồ họa thông tin).

- Bố cục một bài văn thuyết minh thuật lại một sự kiện.

2. Năng lực

a. Năng lực chung:

- Năng lực tự chủ và tự học: Tìm kiếm thông tin, đọc sách giáo khoa, quan sát tranh ảnh để viết bài văn thuyết minh thuật lại một sự kiện

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Thảo luận nhóm để thực hiện phiếu học tập, hợp tác giải quyết vấn đề để viết bài văn thuyết minh thuật lại một sự kiện

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Năng lực trình bày và trao đổi thông tin trước lớp.

b. Năng lực đặc thù:

- Viết được bài văn thuyết minh thuật lại một sự kiện đảm bảo các bước: chuẩn bị trước khi viết; tìm ý và lập dàn ý; viết bài; chỉnh sửa bài viết, rút kinh nghiệm.

3. Phẩm chất:

- **Chăm chỉ:** Có ý thức vận dụng kiến thức, kỹ năng học được ở nhà trường, trong sách báo và từ các nguồn tin cậy khác vào học tập và đời sống hằng ngày.

- **Trách nhiệm:** Có ý thức trân trọng, giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU.

- Học liệu: Ngữ liệu/Sách giáo khoa, phiếu học tập.

- Thiết bị: Máy tính.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Hoạt động 1: Mở đầu

a) Mục tiêu: Tạo tâm thế và định hướng chú ý cho học sinh; tạo vấn đề vào chủ đề

b) Nội dung hoạt động: HS quan sát ảnh

c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời/chia sẻ của HS bằng ngôn ngữ

d) Tổ chức hoạt động:

*** Chuyển giao nhiệm vụ:** ? *Em đã được xem, hoặc tham gia trực tiếp vào những sự kiện nào?*

? *Em có thể chia sẻ ngắn gọn về sự kiện đó cho cô và các bạn nghe? (tên sự kiện, thời gian, địa điểm diễn ra sự kiện, có những ai tham gia sự kiện, diễn biến sự kiện, sự kiện đã để lại trong em những ấn tượng gì?....)*

*** Thực hiện nhiệm vụ:** HS trả lời câu hỏi

*** Báo cáo kết quả:** HS trình bày kết quả (cá nhân).

*** Đánh giá nhận xét kết nối vào bài:** Trong bài học hôm nay chúng ta sẽ biết cách thuật lại một sự kiện theo phương thức thuyết minh dưới dạng văn bản viết.

2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức

Hoạt động của GV và HS	Nội dung cần đạt
a) Mục tiêu: - HS biết được kiểu văn thuyết minh. - HS nắm được những đặc trưng cơ bản cũng như biết được các yêu cầu đối với kiểu bài văn thuyết minh thuật lại một sự kiện. b) Nội dung hoạt động: HS đọc sgk/100	1, Định hướng

c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời/chia sẻ của HS bằng ngôn ngữ d) Tổ chức hoạt động:															
* Chuyển giao nhiệm vụ: ?Qua 3 văn bản em đã được học trong bài 5, em hiểu thuyết minh là gì? ?Yêu cầu của một bài văn thuyết minh thuật lại một sự kiện? * Thực hiện nhiệm vụ: Hs trả lời câu hỏi * Báo cáo kết quả: HS trình bày kết quả (cá nhân). * Đánh giá nhận xét	a. Thuyết minh là gì? Thuyết minh là phương thức giới thiệu những tri thức khách quan, xác thực và hữu ích về đặc điểm, tính chất, nguyên nhân...của các hiện tượng, sự vật trong tự nhiên, xã hội. b. Yêu cầu của một bài văn thuyết minh thuật lại một sự kiện: - Xác định sự kiện cần thuật lại - Tìm thông tin về sự kiện ở nhiều nguồn khác nhau (sách báo, internet, thực tế đời sống...), chọn lọc những thông tin quan trọng. - Lựa chọn trật tự sắp xếp các thông tin về sự kiện - Sử dụng chữ viết kèm theo hình ảnh để thuật lại tự kiện. - Trình bày theo cách truyền thống hoặc đồ họa thông tin, có thể viết tay hoặc thiết kế văn bản trên máy tính...														
<table border="1" data-bbox="164 1162 951 2101"> <thead> <tr> <th colspan="2" data-bbox="164 1162 951 1200">Thực hiện phiếu học tập</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td data-bbox="164 1200 558 1328">Tên của sự kiện được thuật lại nằm ở vị trí nào trong 3 văn bản?</td><td data-bbox="558 1200 951 1328"></td></tr> <tr> <td data-bbox="164 1328 558 1503">Sa pô tóm tắt nội dung của ba văn bản nằm ở vị trí nào trong văn bản? Có ý tác dụng gì?</td><td data-bbox="558 1328 951 1503"></td></tr> <tr> <td data-bbox="164 1503 558 1585">Các kiểu câu hay được dùng trong ba văn bản?</td><td data-bbox="558 1503 951 1585"></td></tr> <tr> <td data-bbox="164 1585 558 1803">Để thu hút người đọc, cung cấp thêm thông tin về sự kiện ba văn bản đã sử dụng thêm yếu tố nào?</td><td data-bbox="558 1585 951 1803"></td></tr> <tr> <td data-bbox="164 1803 558 1930">Các sự kiện trong ba văn bản được sắp xếp theo trình tự nào?</td><td data-bbox="558 1803 951 1930"></td></tr> <tr> <td data-bbox="164 1930 558 2101">Ba văn bản được trình bày theo cách nào?(truyền thống hay đồ họa thông tin)</td><td data-bbox="558 1930 951 2101"></td></tr> </tbody> </table>	Thực hiện phiếu học tập		Tên của sự kiện được thuật lại nằm ở vị trí nào trong 3 văn bản?		Sa pô tóm tắt nội dung của ba văn bản nằm ở vị trí nào trong văn bản? Có ý tác dụng gì?		Các kiểu câu hay được dùng trong ba văn bản?		Để thu hút người đọc, cung cấp thêm thông tin về sự kiện ba văn bản đã sử dụng thêm yếu tố nào?		Các sự kiện trong ba văn bản được sắp xếp theo trình tự nào?		Ba văn bản được trình bày theo cách nào?(truyền thống hay đồ họa thông tin)		c. Phân tích ví dụ: 3 văn bản thông tin đã học:
Thực hiện phiếu học tập															
Tên của sự kiện được thuật lại nằm ở vị trí nào trong 3 văn bản?															
Sa pô tóm tắt nội dung của ba văn bản nằm ở vị trí nào trong văn bản? Có ý tác dụng gì?															
Các kiểu câu hay được dùng trong ba văn bản?															
Để thu hút người đọc, cung cấp thêm thông tin về sự kiện ba văn bản đã sử dụng thêm yếu tố nào?															
Các sự kiện trong ba văn bản được sắp xếp theo trình tự nào?															
Ba văn bản được trình bày theo cách nào?(truyền thống hay đồ họa thông tin)															

Dự kiến sp:

Tên của sự kiện được thuật lại nằm ở vị trí nào trong 3 văn bản?	Tên của sự kiện được thuật lại nằm ở tiêu đề của văn bản
Sa pô tóm tắt nội dung của ba văn bản nằm ở vị trí nào trong văn bản? Có ý tác dụng gì?	Sa pô tóm tắt nội dung của văn bản nằm ở dưới tiêu đề, có tác dụng giới thiệu tóm tắt nội dung văn bản để thu hút sự chú ý của người đọc.
Các kiểu câu hay được dùng trong ba văn bản?	Các kiểu câu hay được dùng : câu trần thuật, câu có trạng ngữ chỉ thời gian, địa điểm để thuật lại sự kiện.
Để thu hút người đọc, cung cấp thêm thông tin về sự kiện ba văn bản đã sử dụng thêm yếu tố nào?	Để thu hút người đọc, cung cấp thêm thông tin về sự kiện ba văn bản đã sử dụng thêm: các ý kiến khách quan, hình ảnh, số liệu minh họa.
Các sự kiện trong ba văn bản được sắp xếp theo trình tự nào?	Các sự kiện trong ba văn bản được sắp xếp theo trình tự: thời gian có mở đầu, diễn biến và kết thúc.
Ba văn bản được trình bày theo cách nào?(truyền thống hay đồ họa thông tin)	Văn bản Hồ Chí Minh và “Tuyên ngôn độc lập”, “Giờ Trái Đất” được trình bày theo cách truyền thống, văn bản Diễn biến Chiến dịch Điện Biên Phủ trình bày theo đồ họa thông tin.

a) Mục tiêu:

- HS lựa chọn được sự kiện phù hợp; thu thập thông tin, sự việc chính liên quan đến sự kiện; biết lập dàn ý trước khi viết.
- Biết viết bài theo các bước.
- Chỉnh sửa bài viết để tạo được một văn bản chuẩn mực.

b) Nội dung hoạt động: HS đọc sgk/101**c) Sản phẩm học tập:** Câu trả lời/chia sẻ của HS bằng ngôn ngữ**d) Tổ chức hoạt động:***** Chuyển giao nhiệm vụ học tập:**

- GV phát phiếu học tập, hướng dẫn HS tìm hiểu thông tin.

*** Thực hiện nhiệm vụ:**

- Học sinh đọc hướng dẫn
- HS hoạt động cá nhân, cặp đôi, nhóm, thảo luận, thống nhất kết quả ghi vào phiếu bài tập.
- GV quan sát, hỗ trợ HS.

*** Báo cáo kết quả:**

- HS trình bày kết quả (cá nhân/đại diện nhóm).

*** Đánh giá nhận xét:**

- HS khác theo dõi, đánh giá, nhận xét, bổ sung.
- GV quan sát, hỗ trợ, tư vấn; nhận xét, đánh giá kết quả làm việc của HS, chốt kiến thức, chuyển giao nhiệm vụ mới.

2, Thực hành

Em chọn một sự kiện bất kì ở trường học hoặc địa phương và làm bài viết tuần tự theo các bước: - Chuẩn bị - Tìm ý và lập dàn ý - Viết - Kiểm tra và chỉnh sửa	II. THỰC HÀNH Đề bài: Ở địa phương hoặc ở trường em, mọi người thường nhắc đến những sự kiện lớn nào đã diễn ra? Hãy chọn một sự kiện mà em và nhiều người quan tâm để thuật lại sự kiện đó. Trình bày bài viết theo cách truyền thống hoặc đồ họa thông tin. 1. Trước khi viết a. Chuẩn bị: - Chọn sự kiện để thuật lại - Thu thập thông tin về sự kiện từ các nguồn khác nhau như sách báo, internet - Dự kiến cách trình bày bài viết: theo truyền thống hay đồ họa thông tin. - Dự kiến bố cục của bài viết (theo truyền thống hay đồ họa thông tin). b. Tìm ý và lập dàn ý * Tìm ý Tìm ý bằng cách trả lời các câu hỏi: - Sự kiện đó diễn ra khi nào? ở đâu? Liên quan đến những ai? - Đâu là sự việc mở đầu, diễn biến và kết thúc? - Suy nghĩ, cảm xúc của bản thân khi được chứng kiến sự kiện đó. - Tranh ảnh thu thập được liên quan đến sự kiện. * Lập dàn ý <table border="1"> <thead> <tr> <th>Theo cách truyền thống</th> <th>Theo đồ họa thông tin</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>+ Sa pô (nếu có): Giới thiệu tóm tắt về sự kiện.</td> <td>+ Nội dung chính giống như cách truyền thống.</td> </tr> <tr> <td>+ Mở bài: Nêu tên sự kiện, thời gian xảy ra sự kiện.</td> <td>+ Lựa chọn một kiểu đồ họa để trình bày các thông tin chính, ngắn gọn.</td> </tr> <tr> <td>+ Thân bài: Nêu các sự việc cụ thể và sắp xếp các sự việc ấy theo trật tự thời gian; các hình ảnh có liên quan nhằm cung cấp thêm thông tin về sự kiện.</td> <td></td> </tr> <tr> <td>+ Kết bài: Nêu sự việc kết thúc sự kiện.</td> <td></td> </tr> </tbody> </table>	Theo cách truyền thống	Theo đồ họa thông tin	+ Sa pô (nếu có): Giới thiệu tóm tắt về sự kiện.	+ Nội dung chính giống như cách truyền thống.	+ Mở bài: Nêu tên sự kiện, thời gian xảy ra sự kiện.	+ Lựa chọn một kiểu đồ họa để trình bày các thông tin chính, ngắn gọn.	+ Thân bài: Nêu các sự việc cụ thể và sắp xếp các sự việc ấy theo trật tự thời gian; các hình ảnh có liên quan nhằm cung cấp thêm thông tin về sự kiện.		+ Kết bài: Nêu sự việc kết thúc sự kiện.	
Theo cách truyền thống	Theo đồ họa thông tin										
+ Sa pô (nếu có): Giới thiệu tóm tắt về sự kiện.	+ Nội dung chính giống như cách truyền thống.										
+ Mở bài: Nêu tên sự kiện, thời gian xảy ra sự kiện.	+ Lựa chọn một kiểu đồ họa để trình bày các thông tin chính, ngắn gọn.										
+ Thân bài: Nêu các sự việc cụ thể và sắp xếp các sự việc ấy theo trật tự thời gian; các hình ảnh có liên quan nhằm cung cấp thêm thông tin về sự kiện.											
+ Kết bài: Nêu sự việc kết thúc sự kiện.											
Khi viết bài cần lưu ý điều gì? Yêu cầu HS viết bài dựa theo dàn ý đã lập.	2. Viết bài: Viết theo dàn ý										

	Theo cách truyền thống + Sa pô (nếu có): Giới thiệu tóm tắt về sự kiện. + Mở bài: Nêu tên sự kiện, thời gian xảy ra sự kiện. + Thân bài: Nêu các sự việc cụ thể và sắp xếp các sự việc ấy theo trật tự thời gian; các hình ảnh có liên quan nhằm cung cấp thêm thông tin về sự kiện. + Kết bài: Nêu sự việc kết thúc sự kiện. Theo đồ họa thông tin + Nội dung chính giống như cách truyền thống. + Lựa chọn một kiểu đồ họa để trình bày các thông tin chính, ngắn gọn.
--	---

Rà soát và chỉnh sửa bài viết thuyết minh thuật lại một sự việc

Yêu cầu	Gợi ý chỉnh sửa
Xác định rõ người tường thuật trực tiếp tham gia hay chỉ chứng kiến sự kiện và sử dụng ngôi tường thuật thích hợp.	"Nếu chưa xác định người tường thuật, cần xác định rõ. Rà soát để thống nhất về ngôi tường thuật (đại từ nhân xưng)."
Giới thiệu được sự kiện cần thuật lại, nêu được bối cảnh (không gian, thời gian). Thuật lại được diễn biến chính, sắp xếp các sự việc theo một trình tự hợp lí.	Nếu chưa giới thiệu được sự kiện và nêu được bối cảnh, cần bổ sung. Rà soát trình tự sự việc xem đã hợp lí chưa; nếu chưa thì cần sắp xếp lại sao cho hợp lí.
Cung cấp đầy đủ các chi tiết về sự kiện, trong đó có một số chi tiết hấp dẫn, thu hút được sự chú ý của người đọc.	Rà soát các chi tiết trong bài viết xem đã đầy đủ chưa, đã có những chi tiết hấp dẫn chưa. Nếu thiếu thì bổ sung.
Nêu được cảm nghĩ, ý kiến của người viết về sự kiện.	Cảm xúc, đánh giá có thể trình bày sau mỗi hoạt động được tường thuật hoặc ở phần kết bài. Nếu thiếu thì cần bổ sung.
Bảo đảm yêu cầu về chính tả và diễn đạt.	Rà soát lỗi chính tả và diễn đạt (dùng từ, đặt câu,...). Chỉnh sửa nếu phát hiện có lỗi.

3. Sau khi viết:

- Đọc lại bài viết hoặc đồ họa thông tin.
- Xem xét, phát hiện và sửa được các lỗi về nội dung thuật lại một sự kiện theo trật tự thời gian và các lỗi về hình thức trình bày.

3. Hoạt động 3: Luyện tập

- Mục tiêu: Học sinh vận dụng kiến thức đã học vào giải bài tập
- Nội dung hoạt động: Hs trả lời câu hỏi.
- Sản phẩm học tập: Bài văn trình bày sự kiện
- Tổ chức thực hiện:
 - * **Chuyển giao nhiệm vụ:** Viết bài văn trình bày sự kiện
 - * **Thực hiện nhiệm vụ:**

- HS suy nghĩ, hình thành và triển khai ý tưởng, tư duy độc lập...

*** Báo cáo kết quả:**

- GV gọi bất kì cá nhân nào trình bày kết quả.

*** Kết luận, đánh giá:**

- HS, GV đánh giá, nhận xét.

Hoạt động của GV và HS	Nội dung cần đạt
------------------------	------------------

b) Nội dung: HS hiểu được kiến thức trong bài học để vận dụng vào thực tế.

c) Sản phẩm học tập: Văn bản sự kiện

d) Tổ chức thực hiện:

*** Giao nhiệm vụ học tập:** Viết bài văn trình bày sự kiện lễ kỉ niệm ngày nhà giáo Việt Nam

*** Thực hiện nhiệm vụ:** HS suy nghĩ, hình thành và triển khai ý tưởng, tư duy độc lập...

*** Báo cáo kết quả:** GV gọi bất kì cá nhân nào trình bày kết quả.

DỰ KIẾN SP:

LỄ KỈ NIỆM NGÀY NHÀ GIÁO VIỆT NAM 20-11

1. Những ngày đầu tháng 11, các giáo viên ở tất cả các trường trong cả nước lại sôi động với những phong trào, thi đua, các hoạt động giảng dạy tốt để chào mừng ngày nhà giáo Việt Nam, đây cũng là ngày để các thế hệ học trò tri ân tới những thầy cô dạy dỗ chúng ta nên người. Vào ngày 20/11, từ lâu đã được xem là một ngày lễ "tôn sư trọng đạo" để tôn vinh các nhà giáo, người đã đứng trên bục giảng hằng ngày truyền đạt những tri thức quý báu và cách sống trở thành người có ích cho xã hội cho những thế hệ học trò. Đây cũng là dịp để thế hệ học sinh tỏ lòng biết ơn, tri ân của mình tới những "người đưa đò thầm lặng" trên bến sông cuộc đời.

2. Lịch sử của ngày nhà giáo Việt Nam bắt đầu từ một tổ chức quốc tế của các nhà giáo dục tiên bộ thành lập ở Pari (Pháp) vào hồi tháng 7 năm 1946 có tên là F.I.S.E (Fédération Internationale Syndicale des Enseignants - Liên hiệp quốc tế các công đoàn giáo dục) Trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, Công đoàn giáo dục Việt Nam đã mở rộng quan hệ với FISE để tranh thủ sự ủng hộ của quốc tế, tố cáo tội ác của bọn xâm lược đối với nhân dân ta nói chung và với các thầy cô giáo, học sinh nói riêng.

Vào mùa xuân năm 1953, Đoàn Việt Nam do Thứ trưởng Bộ Quốc gia Giáo dục Nguyễn Khánh Toàn làm trưởng đoàn dự Hội nghị quan trọng kết nạp Công đoàn Giáo dục của một số nước vào tổ chức FISE tại Viên (Thủ đô nước Áo), trong đó có Công đoàn Giáo dục Việt Nam. Như vậy, chỉ một thời gian ngắn sau khi thành lập, Công đoàn giáo dục Việt Nam đã được kết nạp là một thành viên của FISE.

Từ ngày 26 đến ngày 30 tháng 8 năm 1975 tại thủ đô Warszawa (Ba Lan) đã diễn ra một buổi hội nghị FISE với 57 quốc gia tham dự, trong đó có Giáo dục Công đoàn Việt Nam và quyết định lấy ngày 20/11/1958 là ngày "Quốc tế hiến chương các nhà giáo". Ngày này, lần đầu tiên được tổ chức tại khu vực phía bắc của nước ta vào năm 1958. Nhiều năm sau ngày này cũng được tổ chức tại các vùng giải phóng ở miền nam.

Vào ngày 28/9/1982, Hội đồng Bộ trưởng (nay là Chính phủ) đã ban hành quyết định số 167-HDBT thiết lập ngày 20/11 hằng năm là ngày lễ mang tên "Ngày nhà giáo Việt Nam". Ngày 20/11 đã trở thành ngày truyền thống của ngành Giáo dục Việt Nam và gắn liền với phong tục tập quán của nước ta.

3. Như trở thành thông lệ, vào ngày 20/11 tất cả các trường trong cả nước lại nô nức với các hoạt động do những học sinh trong trường thực hiện như: Thi văn nghệ, lễ mít-tinh chào mừng ngày nhà giáo Việt Nam, dựng trại, thi cắm hoa... và nhiều hoạt động có ý nghĩa khác. Và vào những ngày này tất cả các thế hệ học trò, cũng như những ngành nghề khác trong xã hội đều giành thời gian để chia sẻ và tri ân tới những người thầy, cô từng ngày âm thầm lặng lẽ cống hiến hết cuộc đời mình cho sự nghiệp trồng người của đất nước.



* Kết luận, đánh giá.

4. Hoạt động 4: Vận dụng (HS thực hiện nhiệm vụ ở nhà)

- Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức của bài học vào việc làm bài tập cụ thể.
- Giúp HS hiểu rõ hơn về cách trình bày văn bản dưới đồ họa thông tin.
- Nội dung:** HS suy nghĩ cá nhân làm bài tập của GV giao.
- Sản phẩm:** Bài làm của học sinh.
- Tổ chức thực hiện:**

* Chuyển giao nhiệm vụ:

Giáo viên cho HS quan sát một đồ họa thông tin:

? Đọc bản đồ họa thông tin và trả lời các câu hỏi vào phiếu học tập:

Xác định tiêu đề của văn bản

2. Các bức ảnh trong văn bản có tác dụng gì?

3. Trình bày bố cục của bản đồ họa thông tin trên.

* Thực hiện nhiệm vụ

HS: thực hiện yêu cầu của Gv giao (thực hiện ở nhà)

GV: Tháo gỡ những khó khăn khi học



Sản phẩm

1. Tiêu đề của văn bản: ***Việt Nam không chế thành công nhiều dịch bệnh nguy hiểm***

2. Các bức ảnh trong văn bản có tác dụng: tạo sự sinh động, hấp dẫn; bổ sung thêm thông tin cho người đọc cũng như làm cho các thông tin trong văn bản có tính chân thực hơn.

Bố cục của đồ họa thông tin:

+ Tiêu đề

+ Dưới tiêu đề các mốc các năm mà Việt Nam đã không chế được dịch bệnh khó khăn.

+ Dưới các mốc là lí do vì sao Việt Nam thành công.

+ Phần cuối sơ đồ là giải thích các khái niệm khoa học trong bảng.

+ Liên hệ với thực trạng không chế dịch bệnh Covid-19 hiện nay.

sinh trao đổi qua Zalo, điện thoại. * Báo cáo, thảo luận: HS báo cáo kết quả học tập qua phiếu học tập. * Kết luận, nhận định: GV đánh giá bài làm của HS bằng nhận xét vào phiếu.	
--	--

D. HD và giao nhiệm vụ về nhà:

Viết hoàn chỉnh bài văn trình bày sự kiện lễ kỉ niệm ngày nhà giáo việt Nam 20-11

- Chuẩn bị trước bài tập thực hành (102) tiết: Nói và nghe.

Ngày dạy:

Tiết 67- NÓI VÀ NGHE

TRAO ĐỔI, THẢO LUẬN VỀ Ý NGHĨA CỦA MỘT SỰ KIỆN LỊCH SỬ

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

- Qua hoạt động nói và nghe giúp các em hiểu rõ hơn ý nghĩa của sự kiện lịch sử đó và ảnh hưởng của nó với cuộc sống ngày nay.

- Thông qua hoạt động HS biết xây dựng các hình thức nói và nghe khác nhau của một văn bản thông tin trao đổi, thảo luận về ý nghĩa của một sự kiện lịch sử từ đó bày tỏ quan điểm, suy nghĩ, ý kiến của mình về một sự kiện làm phong phú, đa dạng và hấp dẫn, gây hứng thú trong tiết học.

2. Năng lực

a. Năng lực chung:

- Năng lực tự chủ và tự học: Tìm kiếm thông tin, đọc sách giáo khoa, quan sát tranh ảnh để trao đổi, thảo luận về ý nghĩa của một sự kiện lịch sử.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Thảo luận nhóm để thực hiện phiếu học tập, hợp tác giải quyết vấn đề để trao đổi, thảo luận về ý nghĩa của một sự kiện lịch sử.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Năng lực trình bày và trao đổi thông tin trước lớp.

b. Năng lực đặc thù:

- Biết lựa chọn và xác định sự kiện lịch sử và lập dàn ý bài nói cần trao đổi, thảo luận về ý nghĩa của sự kiện lịch sử

- Biết kết hợp ngôn ngữ nói với điệu bộ, cử chỉ, nét mặt phù hợp với đặc trưng của kiểu văn bản thông tin

3. Phẩm chất:

- **Chăm chỉ:** Có ý thức vận dụng kiến thức, kĩ năng học được ở nhà trường, trong sách báo và từ các nguồn tin cậy khác vào học tập và đời sống hằng ngày.

- **Trách nhiệm:** Có ý thức trân trọng, giữ gìn sự trong sáng của tiếng việt.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU.

- Học liệu: Ngữ liệu/Sách giáo khoa, phiếu học tập.

- Thiết bị: Máy tính, máy chiếu.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Hoạt động 1: Mở đầu

a) Mục tiêu: Tạo tâm thế và định hướng chú ý cho học sinh; tạo vấn đề vào chủ đề

b) Nội dung hoạt động: HS quan sát ảnh

c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời/chia sẻ của HS bằng ngôn ngữ

d) Tổ chức hoạt động:

* **Chuyển giao nhiệm vụ:** GV chiếu hình ảnh và giao nhiệm vụ cho HS:

Quan sát các hình ảnh sau và cho biết hình ảnh đó phản ánh sự kiện nào trong lịch sử dân tộc mà em biết?

* **Thực hiện nhiệm vụ:** Hs trả lời câu hỏi

* **Báo cáo kết quả:** HS trình bày kết quả (cá nhân).

- Diễn biến chiến dịch Điện Biên Phủ

- Sự kiện chiến dịch lịch sử Hồ Chí Minh toàn thắng

* **Đánh giá nhận xét kết nối vào bài:** Các em thân mến mỗi một sự kiện lịch sử có ý nghĩa to lớn đối với dân tộc ta. Trong bài học hôm nay chúng ta sẽ cùng nhau trao đổi, thảo luận về ý nghĩa của các sự kiện lịch sử tiêu biểu đó.

2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức

Hoạt động của GV và HS	Nội dung cần đạt
a) Mục tiêu: - HS biết được mục đích của buổi trao đổi thảo luận. - HS nắm được những đặc trưng cơ bản cũng như biết được các yêu cầu đối với kiểu bài văn thuyết minh thuật lại một sự kiện. b) Nội dung hoạt động: HS đọc sgk/100 c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời/chia sẻ của HS bằng ngôn ngữ d) Tổ chức hoạt động:	1, Định hướng
* Chuyển giao nhiệm vụ: Đọc phần định hướng sgk/ 102 ? Trao đổi, thảo luận về ý nghĩa của một sự kiện lịch sử là gì? ? Khi Trao đổi, thảo luận về ý nghĩa của một sự kiện lịch sử, cần chú ý điều gì? * Thực hiện nhiệm vụ: Hs trả lời câu hỏi * Báo cáo kết quả: HS trình bày kết quả (cá nhân). * Đánh giá nhận xét	1. Định hướng a, Trao đổi, thảo luận về ý nghĩa của một sự kiện lịch sử là hoạt động giúp chúng ta hiểu rõ hơn ý nghĩa của sự kiện đó và ảnh hưởng của nó với cuộc sống ngày nay. b, Khi Trao đổi, thảo luận về ý nghĩa của một sự kiện lịch sử, cần chú ý: - Lựa chọn và xác định sự kiện lịch sử cần trao đổi, thảo luận. - Lập dàn ý cho bài nói trao đổi, thảo luận về ý nghĩa của một sự kiện lịch sử đã chọn. - Tương tác tốt trong khi trao đổi thảo luận.
a) Mục tiêu: - HS lựa chọn được sự kiện phù hợp; thu thập thông tin, sự việc chính liên quan đến sự kiện; biết lập dàn ý trước khi nói - Biết viết bài theo các bước. - Chỉnh sửa bài viết để tạo được một văn bản chuẩn mực.	2, Thực hành Bài tập: <i>Trao đổi, thảo luận về ý nghĩa của một sự kiện lịch sử nổi bật của Việt Nam hoặc thế giới mà em và mọi người cùng quan tâm</i>

b) Nội dung hoạt động: HS đọc sgk/102 c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời/chia sẻ của HS bằng ngôn ngữ d) Tổ chức hoạt động: * Chuyển giao nhiệm vụ học tập: - GV phát phiếu học tập, hướng dẫn HS tìm hiểu thông tin. * Thực hiện nhiệm vụ: - Học sinh đọc hướng dẫn - HS hoạt động cá nhân, cặp đôi, nhóm, thảo luận, thống nhất kết quả ghi vào phiếu bài tập. - GV quan sát, hỗ trợ HS. * Báo cáo kết quả: - HS trình bày kết quả (cá nhân/đại diện nhóm). * Đánh giá nhận xét: - HS khác theo dõi, đánh giá, nhận xét, bổ sung. - GV quan sát, hỗ trợ, tư vấn; nhận xét, đánh giá kết quả làm việc của HS, chốt kiến thức, chuyển giao nhiệm vụ mới.													
? Hãy nêu các bước thực hiện bài nói? - Gồm 4 bước: Chuẩn bị Tìm ý và lập dàn ý Nói và nghe Kiểm tra và chỉnh sửa													
? Phần chuẩn bị cần chuẩn bị những gì?	a, Chuẩn bị - Lựa chọn sự kiện - Thu thập và lựa chọn các thông tin về sự kiện, những ý kiến đánh giá về ý nghĩa của sự kiện đó từ các nguồn khác nhau như sách báo, internet,... - Lựa chọn phương tiện hỗ trợ trao đổi, thảo luận.												
Điền thông tin vào phiếu học tập số 1: <table border="1" data-bbox="167 1753 954 1933"> <tr> <td colspan="2">Phiếu học tập số 1: Lập dàn ý</td></tr> <tr> <td>Mở bài</td><td>-</td></tr> <tr> <td>Thân bài</td><td>.....</td></tr> <tr> <td>Kết bài</td><td>-</td></tr> </table> Dự kiến sp: <table border="1" data-bbox="167 2018 954 2101"> <tr> <td colspan="2">Phiếu học tập số 1: Lập dàn ý</td></tr> <tr> <td>Mở bài</td><td>- Lời chào</td></tr> </table>	Phiếu học tập số 1: Lập dàn ý		Mở bài	-	Thân bài		Kết bài	-	Phiếu học tập số 1: Lập dàn ý		Mở bài	- Lời chào	b, Tìm ý và lập dàn ý
Phiếu học tập số 1: Lập dàn ý													
Mở bài	-												
Thân bài													
Kết bài	-												
Phiếu học tập số 1: Lập dàn ý													
Mở bài	- Lời chào												

	- Nêu tên sự kiện và ý nghĩa khái quát của sự kiện.	
Thân bài	+ Thuật lại ngắn gọn diễn biến của sự kiện theo trình tự thời gian. + Nêu ý nghĩa của sự kiện vào thời điểm mà nó xảy ra và ảnh hưởng của sự kiện đối với cuộc sống ngày nay	
Kết bài	- Khẳng định lại ý nghĩa sự kiện. - Lời cảm ơn	

c) Nói và nghe

- Dựa vào dàn ý và thực hiện việc nói sự kiện trước tổ hoặc lớp.
- Sự kiện giới thiệu, thuyết trình chính xác, chân thực, hấp dẫn.

1. Nội dung bài thuyết trình về sự kiện đã đầy đủ chưa? Còn thiếu những gì?
2. Phần thuyết trình, thể hiện có gì sáng tạo?
3. Giọng điệu, ngôn ngữ, cách trình bày?
- *Người nghe tự đánh giá cách nghe của bản thân*
4. Đã hiểu và nắm được nội dung của sự kiện chưa? Có gì sáng tạo trong cách thể hiện của bạn không?
5. Thái độ khi nghe bạn thuyết trình thế nào?

d, Kiểm tra và chỉnh sửa

- Rút kinh nghiệm về nội dung Sự kiện và cách trình bày sự kiện
- Người nói xem xét lại nội dung và cách thuyết trình, giới thiệu của nhóm
 - Người nghe: Hiểu đúng và tóm tắt được các thông tin mà người nói cung cấp, thái độ nghe tập trung, nêu câu hỏi nếu thấy chưa rõ.

PHIẾU HỌC TẬP SỐ - ĐÁNH GIÁ THEO TIÊU CHÍ

Tiêu chí	MỨC ĐỘ		
	Chưa đạt	Đạt	Tốt
1. Nêu sự kiện	Chưa nêu được sự kiện tiêu biểu	Đưa ra được sự kiện tương đối tiêu biểu	Đưa ra được sự kiện tiêu biểu
2. Diễn biến sự kiện	Không bám sát dàn ý	Bám vào dàn ý nhưng chưa cụ thể	Bám sát dàn ý trình bày diễn biến nổi bật.
1. Nói to, rõ ràng, truyền cảm	Nói nhỏ, khó nghe, nói lắp, ngập ngừng...	Giọng điệu tương đối phù hợp với đề bài, nói to nhưng đôi chỗ lặp lại hoặc ngập ngừng 1 vài câu.	Giọng điệu phù hợp với đề bài, nói to, hầu như không lặp lại hoặc ngập ngừng.
2. Sử dụng yếu tố phi ngôn ngữ phù hợp	Điệu bộ thiếu tự tin; nét mặt chưa biểu cảm hoặc biểu cảm không phù hợp	Điệu bộ tự tin, nét mặt biểu cảm phù hợp với nội dung câu chuyện	Điệu bộ rất tự tin, mắt nhìn vào người nghe; nét mặt sinh động.
3. Mở đầu và kết thúc hợp	Không mở đầu và kết thúc bài nói	Có chào hỏi/ và có lời kết thúc bài nói	Chào hỏi/ và kết thúc bài nói một

lí			cách tự nhiên, lời cuốn.

3. Hoạt động 3: Luyện tập

a) Mục tiêu: Học sinh vận dụng kiến thức đã học vào giải bài tập

b) Nội dung hoạt động: Hs trả lời câu hỏi.

c) Sản phẩm học tập: Bài văn trình bày sự kiện

d) Tổ chức thực hiện:

* **Chuyển giao nhiệm vụ:** Viết bài văn trình bày sự kiện

* **Thực hiện nhiệm vụ:**

- HS suy nghĩ, hình thành và triển khai ý tưởng, tư duy độc lập...

* **Báo cáo kết quả:**

- GV gọi bất kì cá nhân nào trình bày kết quả.

* **Kết luận, đánh giá:**

- HS, GV đánh giá, nhận xét.

Hoạt động của GV và HS		Nội dung cần đạt								
		III, LUYỆN TẬP Bài tập: Trao đổi, thảo luận về ý nghĩa về sự kiện lịch sử Cách mạng tháng Tám năm 1945								
? Yêu cầu về phần chuẩn bị?		a) Chuẩn bị - Lựa chọn sự kiện lịch sử cần trao đổi, thảo luận: Cách mạng tháng Tám năm 1945. - Thu thập và lựa chọn các thông tin về sự kiện, những ý kiến đánh giá về ý nghĩa của sự kiện đó từ các nguồn khác nhau như sách báo, internet,... - Lựa chọn phương tiện hỗ trợ trao đổi, thảo luận.								
<table border="1"><tr><th colspan="2">Phiếu học tập số 2: Lập dàn ý</th></tr><tr><td>Mở bài</td><td>-</td></tr><tr><td>Thân bài</td><td>.....</td></tr><tr><td>Kết bài</td><td>-</td></tr></table>		Phiếu học tập số 2: Lập dàn ý		Mở bài	-	Thân bài		Kết bài	-	b) Tìm ý và lập dàn ý - Mở bài: Cách mạng tháng Tám năm 1945 – sự kiện vĩ đại trong lịch sử dân tộc Việt Nam. - Thân bài: + Diễn biến: Ỡ 4/1945, thống nhất các lực lượng vũ trang thành Việt Nam giải phóng quân. Ỡ 5/1945, Bác Hồ về Tuyên Quang. Ỡ 8/1945, phát động toàn dân khởi nghĩa giành chính quyền. Ỡ Từ 14 đến 18/8/1945 có 4 tỉnh giành được chính quyền: Bắc Giang, Hải Dương, Hà Tĩnh và Quảng Nam. Ỡ 19/8 giành chính quyền ở Hà Nội. Ỡ 23/8 khởi nghĩa thắng lợi ở Huế,... Ỡ 25/8, khởi nghĩa thắng lợi ở Sài Gòn – Gia Định,... Ỡ Ngày 2/9/1945 tại quảng trường Ba Đình chủ tịch Hồ Chí Minh thay mặt chính phủ lâm thời đọc Tuyên ngôn Độc lập khai sinh nước
Phiếu học tập số 2: Lập dàn ý										
Mở bài	-									
Thân bài										
Kết bài	-									

	Việt Nam dân chủ Cộng hòa. + Ý nghĩa: Ỗ Lật nhào chế độ quân chủ, khai sinh nước Việt Nam dân chủ cộng hòa. Ỗ Mở ra một kỉ nguyên mới cho dân tộc. - Kết bài: Khẳng định lại ý nghĩa của sự kiện.
--	---

Yc dựa vào dàn ý để nói	c) Nói và nghe
-------------------------	-----------------------

Tham khảo bài nói:

Kính thưa cô giáo, thưa các bạn!

Cách mạng tháng Tám năm 1945 là sự kiện vĩ đại trong lịch sử dựng nước và giữ nước của dân tộc Việt Nam. Đây là một trong những mốc son chói lọi, một bước ngoặt vĩ đại; đồng thời, là biểu tượng tuyệt vời của sức mạnh, tinh thần, bản lĩnh và trí tuệ Việt Nam.

Tháng 4 năm 1945, Trung ương triệu tập Hội nghị quân sự cách mạng Bắc Kỳ và quyết định nhiều vấn đề quan trọng. Đặc biệt là thống nhất các lực lượng vũ trang thành Việt Nam giải phóng quân. Ngày 16/4, tổng bộ Việt Minh ra Chỉ thị tổ chức các Ủy ban Dân tộc giải phóng các cấp và chuẩn bị thành lập Ủy ban giải phóng dân tộc Việt Nam, tức Chính phủ lâm thời cách mạng Việt Nam. Tháng 5 năm 1945, Bác Hồ từ Cao Bằng về Tuyên Quang chọn Tân Trào làm căn cứ chỉ đạo cách mạng cả nước và chuẩn bị Đại hội quốc dân. Tháng 8 năm 1945 là thời điểm cao trào của cuộc cách mạng. Hội nghị đại biểu toàn quốc của Đảng họp tại Tân Trào khẳng định đây cơ hội của ta để giành lại độc lập. Sau khi phát động toàn dân khởi nghĩa giành chính quyền, 23 giờ ngày 13/8 ủy ban Khởi nghĩa ra Quân lệnh số 1 hiệu triệu toàn dân tổng khởi nghĩa. Từ 14 đến 18/8/1945 tổng khởi nghĩa nổ ra giành thắng lợi, có 4 tỉnh giành được chính quyền: Bắc Giang, Hải Dương, Hà Tĩnh và Quảng Nam. Ngày 19/8 khởi nghĩa giành chính quyền thắng lợi ở Hà Nội. Tiếp đến 23/8 khởi nghĩa thắng lợi ở Huế và nhiều tỉnh thành khác. Cuối cùng là 25/8, khởi nghĩa thắng lợi ở Sài Gòn – Gia Định, Kon Tum,... Kết quả là ngày 2/9/1945 tại quảng trường Ba Đình chủ tịch Hồ Chí Minh thay mặt chính phủ lâm thời đọc Tuyên ngôn Độc lập khai sinh nước Việt Nam dân chủ Cộng hòa. Như vậy chỉ trong vòng 15 ngày (từ 14/8 đến 28/8/1945) tổng khởi nghĩa tháng Tám đã thành công trong cả nước. Lần đầu tiên trong cả nước chính quyền về tay nhân dân.

Cách mạng thắng lợi mang lại ý nghĩa to lớn với toàn dân tộc. Chiến thắng đã mở ra một bước ngoặt lớn trong lịch sử dân tộc bởi thứ nhất nó phá tan hai tầng xiềng xích nô lệ của Pháp - Nhật, lật nhào chế độ quân chủ, khai sinh nước Việt Nam dân chủ cộng hòa. Thứ hai là mở ra kỷ nguyên độc lập tự do, làm chủ đất nước, làm chủ vận mệnh dân tộc. Với thắng lợi của cách mạng tháng tám thì Đảng Cộng sản trở thành một Đảng cầm quyền, chuẩn bị những điều kiện tiên quyết cho những thắng lợi tiếp theo. Không những vậy, chiến thắng của đất nước ta còn ảnh hưởng đến thế giới góp phần đánh bại chủ nghĩa phát xít. Đặc biệt, cổ vũ mạnh mẽ tinh thần đấu tranh của nhân dân các nước thuộc địa và nửa thuộc địa trên thế giới nhất là Châu Á và châu Phi.

Như các bạn vừa nghe thì tôi xin khẳng định đây là một sự kiện vĩ đại trong lịch sử dân tộc Việt Nam. Bước khởi đầu cho những chiến thắng tiếp theo của chúng ta.

Em xin cảm ơn cco giáo và các bạn đã chú ý lắng nghe.

? Dựa vào tiêu chí đã xây dựng cho bài nói để đánh giá.	d) Kiểm tra và chỉnh sửa
---	---------------------------------

Tiêu chí	MỨC ĐỘ		
	Chưa đạt	Đạt	Tốt
2. Nêu sự kiện	Chưa nêu được sự	Đưa ra được sự kiện	Đưa ra được sự kiện

	kiện tiêu biểu	tương đối tiêu biểu	tiêu biểu
2. Diễn biến sự kiện	Không bám sát dàn ý	Bám vào dàn ý nhưng chưa cụ thể	Bám sát dàn ý trình bày diễn biến nổi bật.
4. Nói to, rõ ràng, truyền cảm	Nói nhỏ, khó nghe, nói lắp, ngập ngừng...	Giọng điệu tương đối phù hợp với đề bài, nói to nhưng đôi chỗ lặp lại hoặc ngập ngừng 1 vài câu.	Giọng điệu phù hợp với đề bài, nói to, hầu như không lặp lại hoặc ngập ngừng.
5. Sử dụng yếu tố phi ngôn ngữ phù hợp	Điệu bộ thiếu tự tin; nét mặt chưa biểu cảm hoặc biểu cảm không phù hợp	Điệu bộ tự tin, nét mặt biểu cảm phù hợp với nội dung câu chuyện	Điệu bộ rất tự tin, mắt nhìn vào người nghe; nét mặt sinh động.
6. Mở đầu và kết thúc hợp lí	Không mở đầu và kết thúc bài nói	Có chào hỏi/ và có lời kết thúc bài nói	Chào hỏi/ và kết thúc bài nói một cách tự nhiên, lôi cuốn.

4. Hoạt động 4: Vận dụng(Giao về nhà)

a) Mục tiêu: HS khắc sâu kiến thức đã học.

b) Nội dung: HS hiểu được kiến thức trong bài học để vận dụng vào thực tế.

c) Sản phẩm học tập: Trả lời câu hỏi.

d) Tổ chức thực hiện:

* **Giao nhiệm vụ học tập:** Trình bày sự kiện Chiến thắng Hà Nội – Điện Biên Phủ trên không: Bản anh hùng ca vĩ đại của dân tộc

* **Thực hiện nhiệm vụ**

* **Báo cáo, thảo luận:**

* **Kết luận, nhận định:**

GV đánh giá bài làm của HS bằng nhận xét vào phiếu.

Đọc cho học sinh tham khảo:

Chiến thắng Hà Nội – Điện Biên Phủ trên không: Bản anh hùng ca vĩ đại của dân tộc

(ĐCSVN) – Chiến thắng Hà Nội - Điện Biên Phủ trên không như một bản anh hùng ca vĩ đại của dân tộc ta trong thế kỷ XX; một trong những chiến công oanh liệt trong lịch sử chống giặc ngoại xâm của dân tộc ta. Chiến thắng “Hà Nội - Điện Biên Phủ trên không” mãi mãi là biểu tượng của bản lĩnh và trí tuệ con Người. Những ngày này cách đây bốn mươi bảy năm, quân và dân Thủ đô Hà Nội, Hải Phòng và một số tỉnh lân cận đã anh dũng chiến đấu đánh bại cuộc tập kích đường không chiến lược quy mô lớn của đế quốc Mỹ vào Hà Nội, Hải Phòng, làm nên Chiến thắng “Hà Nội - Điện Biên Phủ trên không” chấn động địa cầu buộc đế quốc Mỹ phải ký kết Hiệp định Pari chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam; tạo bước ngoặt quan trọng, quyết định để quân và dân thực hiện trọn vẹn lời di huấn của Người: “Đánh cho Mỹ cút, đánh cho ngụy nhào”. Chiến thắng “Hà Nội - Điện Biên Phủ trên không” như một bản anh hùng ca vĩ đại của dân tộc ta trong thế kỷ XX; một trong những chiến công oanh liệt trong lịch sử chống giặc ngoại xâm của dân tộc ta. Chiến thắng “Hà Nội - Điện Biên Phủ trên không” mãi mãi là biểu tượng của bản lĩnh và trí tuệ con người Việt Nam.

Bốn mươi bảy năm đã trôi qua, chúng ta càng có thêm điều kiện để nhận định, đánh giá sâu sắc, toàn diện hơn về tầm vóc to lớn của chiến thắng. Nhiều nhà nghiên cứu, các độc giả trong nước và quốc tế đặt ra câu hỏi vì sao trong cuộc đối đầu với kẻ thù có tiềm lực vật chất, vũ khí mạnh hơn ta, hiện đại hơn ta gấp nhiều lần trong 12 ngày, đêm tháng chạp năm 1972, nhưng chúng ta đã đánh thắng? Có rất nhiều nguyên nhân trong đó có cả nguyên nhân chủ quan, khách quan và bài học kinh nghiệm được rút ra, nhưng điều đầu tiên để minh chứng cho Chiến thắng “Hà Nội - Điện Biên Phủ trên không” là: Sự lãnh đạo tài tình, sáng suốt của Đảng, Bác Hồ, của Quân uỷ Trung ương; sự vận dụng sáng tạo nghệ thuật quân sự Việt Nam trong từng trận đánh, trong từng chiến dịch chống lại cuộc tập kích đường không chiến lược của đế quốc Mỹ vào Thủ đô Hà Nội, Hải Phòng và một số tỉnh lân cận; do phát huy tốt sức mạnh tổng hợp của quân dân, của chiến tranh nhân dân, của thể trận phòng không nhân dân cả nước, đặc biệt là Quân chủng Phòng không - Không quân; biết vận dụng linh hoạt sáng tạo trong xây dựng thể trận nhân dân và xây dựng lực lượng phòng không nhân dân. Mặt khác, chúng ta có sự ủng hộ giúp đỡ to lớn của anh em, bạn bè, các nước xã hội chủ nghĩa và nhân loại tiến bộ trên toàn thế giới, nhất là Liên Xô. Song có một nguyên nhân hết sức quan trọng góp phần làm nên chiến thắng “Hà Nội - Điện Biên Phủ trên không” là chúng ta đã tiên hành có hiệu quả công tác đảng, công tác chính trị trong huấn luyện, sẵn sàng chiến đấu và tinh thần dám đánh, quyết đánh và quyết thắng giặc Mỹ của quân và dân ta.

Để xây dựng nhân tố chính trị tinh thần cho bộ đội, trong quá trình xây dựng lực lượng vũ trang vững mạnh, các đơn vị quân đội đã chú trọng xây dựng đơn vị vững mạnh toàn diện, trong đó lấy xây dựng về chính trị làm cơ sở để phát huy cao độ nhân tố con người, nhân tố cơ bản quyết định thắng lợi của cuộc đọ sức thần kỳ với giặc Mỹ trong 12 ngày đêm tháng Chạp năm 1972.

Công tác đảng, công tác chính trị trong chiến dịch 12 ngày đêm tháng chạp năm 1972 thể hiện ở việc thường xuyên làm tốt công tác giáo dục, quán triệt đường lối, quan điểm của Đảng, tình hình nhiệm vụ, bản chất truyền thống, xây dựng ý chí quyết chiến, quyết thắng; làm cho bộ đội luôn có ý thức đoàn kết, kỷ luật, cảnh giác, sẵn sàng chiến đấu cao; kiên quyết, chủ động, sáng tạo phát huy sức mạnh chiến tranh nhân dân trong chống chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ đối với miền Bắc, là nguồn cội tạo nên ý chí quyết đánh, quyết thắng của quân và dân ta; là tầm nhìn chiến lược của Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh; sự lãnh đạo, chỉ đạo đúng đắn của Trung ương Đảng, Quân uỷ Trung ương và Bộ Quốc phòng, nhân tố quyết định thắng lợi Chiến thắng “Hà Nội - Điện Biên Phủ trên không”. Những lời tiên tri thiên tài của Bác là nguồn cổ vũ, động viên, củng cố quyết tâm cho toàn Đảng, toàn quân trong suốt cuộc kháng chiến đầy cam go, thử thách đối đầu với không quân hiện đại của đế quốc Mỹ.

Ngay từ những năm 1962, Bác Hồ đã đặt vấn đề về việc nghiên cứu B.52 và chuẩn bị cho đánh B.52. Ngày 19 tháng 7 năm 1965, khi Bác đến thăm Trung đoàn 234 của Quân chủng Phòng không - Không quân Bác đã khẳng định: Dù đế quốc Mỹ có lắm súng, nhiều tiền, dù chúng có B.57, B.52 hay B gì đi nữa ta cũng đánh mà đã đánh là nhất định thắng. Năm 1966, khi máy bay đánh Quảng Bình, Bác chỉ thị cho Quân chủng Phòng không - Không quân phải tìm cách đánh cho được B.52, trách nhiệm này Bác giao cho Quân chủng Phòng không - Không quân. Năm 1967, Bác căn dặn Quân chủng Phòng không - Không quân muốn bắt cốp thì phải vào hang. Thực hiện lời căn dặn của Bác, Quân chủng Phòng không - Không quân đã đưa Trung đoàn Tên lửa 238 vào Vĩnh Linh để tìm cách đánh B.52. Sau một thời gian dày công nghiên cứu nhận dạng máy bay B.52, Tiểu đoàn 84, Trung đoàn Tên lửa 238, ngày 17 tháng 9 năm 1967 đã bắn rơi một chiếc B.52. Đây

là kíp chiến đấu đầu tiên của bộ đội tên lửa bắn rơi B.52 của không quân Mỹ trên chiến trường miền Bắc.

Sự lãnh đạo, chỉ đạo tài tình của Đảng và Bác Hồ đã tạo cơ sở niềm tin và ý chí quyết chiến, quyết thắng cho quân và dân ta, là cơ sở để hoạt động công tác đảng, công tác chính trị tiến hành có hiệu quả, góp phần xây dựng nhân tố chính trị tinh thần, tạo nên sức mạnh để quân và dân ta đánh bại cuộc chiến tranh phá hoại lần thứ nhất bằng không quân của đế quốc Mỹ. Để có được chiến thắng lịch sử vẻ vang trong 12 ngày đêm quân và dân ta, đặc biệt là Quân chủng Phòng không - Không quân đã phải tốn biết bao mồ hôi, xương máu qua nhiều năm chuẩn bị từng bước, từng phương án chiến đấu. Các cán bộ lãnh đạo, chỉ huy, đội ngũ cán bộ khoa học kỹ thuật và các kíp chiến đấu của các binh chủng đều phát huy trí tuệ tập thể, hiến kế đánh B.52.

Trước cũng như trong quá trình chiến dịch phòng không 12 ngày đêm cuối tháng 12 năm 1972, Quân uỷ Trung ương đã tập trung chỉ đạo sát sao các hoạt động công tác đảng, công tác chính trị nhằm làm cho mọi cán bộ, chiến sĩ trong quân đội cũng như toàn thể nhân dân miền Bắc, nhân dân Thủ đô Hà Nội nhận thức đúng đắn âm mưu thủ đoạn của địch; tính chất gay go ác liệt của cuộc đối đầu lịch sử; nêu cao tinh thần yêu nước, từ đó củng cố quyết tâm chiến đấu. Chính làm tốt công tác đảng, công tác chính trị nên dù bom đạn Mỹ có thể tàn phá trận địa, công trình cơ sở vật chất, kỹ thuật nhưng không thể khuất phục được ý chí quyết chiến, quyết thắng của quân và dân ta.

Trong điều kiện hạn chế về vũ khí, trang bị kỹ thuật, quân và dân cả nước, nhất là quân và dân Thủ đô Hà Nội, Hải Phòng và Quân chủng Phòng không - Không quân đã vượt qua gian khổ, tìm tòi, sáng tạo vượt qua mọi thử thách quyết liệt, đoàn kết, chi viện lẫn nhau quyết tâm đánh thắng siêu pháo đài bay B.52 của đế quốc Mỹ. Đó chính là sức mạnh, là ý chí chiến đấu, tinh thần dám đánh, quyết đánh và quyết thắng của quân và dân ta trong chiến dịch 12 ngày đêm tháng Chạp năm 1972.

Chấp hành chỉ thị của trên, Đảng uỷ Bộ Tư lệnh và các cơ quan Quân chủng đã dốc sức xây dựng quyết tâm, tìm tòi sáng tạo cách đánh, chuẩn bị thể trận và vũ khí trang bị, các mặt đảm bảo cho đón đánh máy bay chiến lược B.52 và các loại máy bay của Mỹ trên bầu trời Hà Nội, Hải Phòng và các tỉnh lân cận.

Sau khi được Quân uỷ Trung ương và Bộ Tổng tư lệnh thông qua kế hoạch và phương án tác chiến chiến dịch đất đối không vào cuối tháng 9 năm 1972 thì đầu tháng 10, Đảng uỷ Quân chủng Phòng không - Không quân đã ra nghị quyết tăng cường giáo dục cán bộ, chiến sĩ quyết tâm bắn rơi nhiều máy bay Mỹ kể cả B.52. Để thực hiện các quyết tâm đó, Đảng uỷ, Bộ Tư lệnh Quân chủng đã tổ chức tốt các Hội nghị: Sơ kết rút kinh nghiệm lãnh đạo, chỉ huy xây dựng và chiến đấu 6 tháng chống chiến tranh phá hoại lần thứ 2 của đế quốc Mỹ đối với miền Bắc; Chuyên đề bàn về cách đánh B.52; Trao đổi kinh nghiệm về chống nhiễu, cách phân biệt nhiễu thật và nhiễu giả B.52 trong tầm đánh... Trong và sau các hội nghị nói trên đã xây dựng được lòng tin và quyết tâm chiến đấu cao “giải nhiễu được tư tưởng”, đó là thành công bước đầu của Chiến dịch “Điện Biên Phủ trên không” cuối năm 1972.

Thành công lớn nhất trong công tác đảng, công tác chính trị trong chiến dịch phòng không cuối năm 1972 là các đơn vị đã chú trọng và tăng cường công tác giáo dục chính trị tư tưởng, xây dựng được ý chí quyết tâm dám đánh, quyết đánh, quyết thắng không quân chiến lược của đế quốc Mỹ, phát huy dân chủ cao độ, tổng hợp được trí tuệ sáng tạo của mọi quân nhân.

Ngay trước khi bước vào cuộc chiến 12 ngày đêm, Thường vụ Đảng uỷ Quân chủng Phòng không - Không quân cho rằng vấn đề quan trọng hàng đầu vẫn là vấn đề tư tưởng, vấn đề quyết tâm. Thời điểm đó, sau các trận B.52 đánh vào Vĩnh Linh (ngày 10 tháng 4

năm 1972), Thanh Hóa (ngày 13 tháng 4 năm 1972), Hải Phòng (ngày 16 tháng 4 năm 1972), tên lửa chiến đấu hiệu suất kém đã xuất hiện tư tưởng không tin là tên lửa Sam.2 có thể đánh được B.52 rơi tại chỗ. Do đó, đi đôi với nội dung sinh hoạt chính trị đẩy lùi ảo tưởng “hòa bình trong tầm tay” cơ quan chính trị, cán bộ chính trị tập trung đi sâu nắm tình hình tư tưởng bộ đội, suy nghĩ mọi biện pháp để củng cố niềm tin là có thể đánh thắng B.52 như đã từng đánh các loại máy bay khác để giành chiến thắng. Công tác động viên chính trị tư tưởng, xây dựng quyết tâm, công tác thi đua giết giặc lập công được chú trọng và tiến hành liên tục. Điều khẳng định Mỹ sẽ sử dụng máy bay B.52 vào đánh miền Bắc và chúng sẽ đánh Hà Nội, Hải Phòng được phổ biến sâu rộng tới cán bộ, chiến sĩ, tới các tổ chức đảng và các tổ chức quần chúng. Quán triệt cho bộ đội nắm vững phương án tác chiến, động viên cán bộ, chiến sĩ các cấp chiến đấu phát huy trí tuệ sáng tạo, tìm cách đánh, quyết tâm đánh, quyết đánh rơi máy bay B.52 tại chỗ. Quân chủng đã phát động phong trào thi đua lập công được các cấp ủy đảng, cơ quan chính trị, chính ủy, chính trị viên các cấp đi sâu, đi sát để quán triệt nhiệm vụ, động viên cán bộ, chiến sĩ quyết tâm đánh bại cuộc tập kích chiến lược đường không bằng B.52 của đế quốc Mỹ.

Trong quá trình chống lại cuộc tập kích đường không trong chiến dịch 12 ngày đêm, các cấp ủy đảng đã phát huy được vai trò, vị trí của mình đó là sự lãnh đạo tập thể đi đôi với phân công cá nhân phụ trách. Các cấp ủy đảng đã kịp thời nhận định chính xác phương hướng, thời điểm và mục tiêu có khả năng địch sẽ đánh từ đó đưa ra cách sử dụng lực lượng và có thể trận phù hợp, bên cạnh đó phát huy quyền và trách nhiệm của người chỉ huy được linh hoạt xử lý về cách đánh. Vị trí của chính ủy, chính trị viên cũng được phát huy, nhất là tiến hành có hiệu quả công tác chính trị, công tác tư tưởng trong chiến đấu, luôn luôn cùng người chỉ huy trao đổi kịp thời mọi tình huống diễn ra.

Chiến thắng “Hà Nội - Điện Biên Phủ trên không” đã để lại cho chúng ta nhiều bài học kinh nghiệm vô cùng quý giá, những kinh nghiệm công tác đảng, công tác chính trị trước và trong chiến dịch 12 ngày đêm đối đầu với Không quân đế quốc Mỹ góp phần làm nên chiến thắng là những kinh nghiệm được đúc kết trong thực tiễn chiến đấu của quân và dân Hà Nội nói chung, Quân chủng Phòng không - Không quân nói riêng ngày nay vẫn còn nguyên giá trị, tiếp tục được vận dụng sáng tạo trong điều kiện hoàn cảnh mới, góp phần bảo vệ vững chắc độc lập chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ, bảo vệ Đảng, bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa, bảo vệ Nhà nước và bảo vệ nhân dân./.

Ngày dạy:

Tiết 72- TRẢ BÀI KIỂM TRA HỌC KÌ I

A. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

- Hướng dẫn học sinh tự đánh giá kết quả bài làm của mình. Nhận ra những ưu nhược điểm để có biện pháp phát huy ưu điểm, khắc phục hạn chế.
- Phát hiện và đánh giá những khó khăn, thách thức đặt ra trong quá trình tạo lập văn bản nói và viết.

2. Năng lực

2.1. Năng lực chung

- Năng lực giao tiếp: Khiêm tốn, lắng nghe tích cực trong giao tiếp. Diễn đạt ý tưởng một cách tự tin; thể hiện được biểu cảm phù hợp với đối tượng và bối cảnh giao tiếp.

- Năng lực nhận thức và tự hoàn thiện: nhận thức được điểm mạnh, yếu và hoàn thiện bản thân

2.2. Năng lực bộ môn

- Năng lực viết sáng tạo, độc đáo, hiệu quả.
- Năng lực phát hiện lỗi sai khi dùng từ, đặt câu, lỗi diễn đạt.
- Năng lực hợp tác trong các hoạt động học tập

3. Phẩm chất

- Sống thật thà, trung thực, trách nhiệm với bản thân và trong công việc.

B. PHƯƠNG TIỆN VÀ HỌC LIỆU

1. Phương tiện: bảng phụ

2. Học liệu

- Giáo viên: Bài kiểm tra của học sinh đã đánh giá điểm số, nhận xét, thống kê điểm và lỗi sai, kế hoạch dạy học
- Học sinh: sách, vở

C. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

HOẠT ĐỘNG 1

KHỞI ĐỘNG(5')

* GV chuyển giao nhiệm vụ

? Hãy chia sẻ những khó khăn và thuận lợi của em khi làm bài kiểm tra giữa kì? Em đã làm như thế nào để phát huy hết những thuận lợi và khó khăn đó khi kiểm tra?

* HS chia sẻ

* GV phân tích, đánh giá và chốt

HOẠT ĐỘNG 2

HÌNH THÀNH KIẾN THỨC(35')

Hoạt động 1: I. Đề và phân tích yêu cầu đề

Hoạt động của GV và HS	Nội dung
* GV chuyển giao <u>nhiệm vụ học tập 1</u> - GV treo bảng phụ ghi đề bài <i>(1) Đọc lại đề và chỉ ra các yêu cầu về nội dung và hình thức?</i> <i>(2) Lập dàn ý cho phần II</i> - 1 HS đọc lại đề bài. * HS thực hiện nhiệm vụ - HS làm việc các nhân phân tích đề, xác định các yêu cầu về nội dung và hình thức (chú ý đến câu hỏi đánh giá kĩ năng viết) - HS thảo luận theo cặp xây dựng đáp án (dàn ý) cho bài viết. - GV nhận xét và bổ sung cho hoàn chỉnh dàn ý và các yêu cầu cần đạt.(Chú ý trọng tâm đến phần	I. Đề và phân tích yêu cầu đề

thân bài) - HS trả lời. HS khác lắng nghe, nhận xét và bổ sung * GV nhận xét, đánh giá và treo bảng phụ có ghi dàn ý	
--	--

Hoạt động 2: II. Trả bài và đánh giá ưu, nhược điểm

Hoạt động của GV và HS	Nội dung
* GV chuyển giao <u>nhiệm vụ học tập 2</u> - Trả bài, HS xem lại bài làm, đánh giá của GV và tự nhận xét bài viết của mình - HS trao đổi bài kiểm tra (GV phân loại các đối tượng có bài viết đạt các mức điểm tốt, khá, đạt, chưa đạt) và nhận xét đánh giá theo cặp - HS nêu nhận xét của mình về bài viết của bạn, mỗi đối tượng 2HS: + Tốt: + Khá: + Đạt: + Chưa đạt: * HS thực hiện nhiệm vụ - HS nghe để phát huy hoặc rút kinh nghiệm. * Gv tổng hợp nhận xét ưu nhược điểm của HS rút kinh nghiệm.	II. Trả bài và đánh giá ưu, nhược điểm 1. Học sinh tự nhận xét, đánh giá bài viết * Ưu điểm: Phản đọc, hiểu Phản làm văn * Nhược điểm: 2. Giáo viên đánh giá chung cả lớp: * Về ưu điểm - Phản đọc hiểu: Đa số các em nắm vững kiến thức đã học về thể thơ lục bát, về kiến thức tu từ, biết nhận diện bài thơ cùng đề tài..... - Phản làm văn: Biết kể lại các trải nghiệm của bản thân mà mình đã trải qua. * Về nhược điểm - Kỹ năng phân tích đề: - Kiến thức: một số bạn chưa nắm vững yêu cầu của thể thơ lục bát, chưa biết phân tích tác dụng của biện pháp tu từ, chưa nắm vững yêu cầu của đề. - Trình bày, diễn đạt:

Hoạt động 3: III. Chữa lỗi

Hoạt động của GV và HS	Nội dung
------------------------	----------

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Thảo luận nhóm để thực hiện phiếu học tập, hợp tác giải quyết vấn đề để tìm hiểu về tác giả và văn bản. Tóm tắt nội dung văn bản Bài học đường đời đầu tiên; xác định được những đặc sắc trong nghệ thuật miêu tả, kể của tác giả; rút ra bài học ứng xử cho bản thân.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Năng lực trình bày và trao đổi thông tin trước lớp.

b. Năng lực đặc thù:

- Rèn kỹ năng đọc phân vai, kỹ năng tìm hiểu văn bản Văn học hiện đại.
- Văn bản truyện hiện đại có yếu tố tự sự kết hợp với yếu tố miêu tả.
- Phân tích được các nhân vật trong đoạn trích.
- Vận dụng được các biện pháp nghệ thuật so sánh, nhân hóa khi viết văn miêu tả.

3. Phẩm chất:

- *Nhân ái:* Biết lên án thói xấu trong xã hội. Luôn có ý thức rèn luyện bản thân để có lối sống tích cực, hướng thiện.
- *Trách nhiệm:* Có thái độ trân trọng, vun đắp, giữ gìn tình bạn, xây dựng tình bạn đẹp, vô tư, trong sáng, giúp đỡ những người bạn không may mắn.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

Giáo viên: - Học liệu: Ngữ liệu/Sách giáo khoa, phiếu học tập.

- Thiết bị: Máy tính.

Học sinh: Đọc, soạn bài theo câu hỏi SGK.

III. Tiến trình dạy học.

1. Hoạt động 1: Mở đầu

- Mục tiêu: Tạo tâm thế và định hướng chú ý cho học sinh; tạo vấn đề vào chủ đề
- Nội dung hoạt động: HS xem video và trả lời câu hỏi.
- Sản phẩm học tập: Câu trả lời/chia sẻ của HS bằng ngôn ngữ
- Tổ chức hoạt động:

*** Chuyển giao nhiệm vụ:**

Hãy chia sẻ với bạn bè về một chuyện đáng nhớ mà em từng trải qua? Những trải nghiệm đã qua có ý nghĩa như thế nào với mỗi chúng ta?

*** Thực hiện nhiệm vụ:** HS trả lời

*** Báo cáo kết quả:** hs chia sẻ

*** Đánh giá nhận xét, dẫn vào bài:** Ngày hôm nay cô mời tất cả các em cùng đến với hành trình của chú Dế Mèn, nhân vật có những tháng ngày trải nghiệm trải qua những biến cố khác nhau để rồi cuối cùng có những bài học rất là quý giá thậm chí là đắt giá nữa, và cuối cùng Dế Mèn đã trưởng thành từ những sự việc đó. Vậy bài học hôm nay, “*Bài học đường đời đầu tiên*” tác giả Tô Hoài sẽ mang đến cho em những trải nghiệm thật thú vị

2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới

Nội dung 1: Tìm hiểu tri thức ngữ văn

- Mục tiêu:** học sinh hiểu được khái niệm truyện đồng thoại
- Nội dung:** HS sử dụng SGK, hoàn thành bảng kiến thức
- Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của học sinh.
- Tổ chức thực hiện:**

Hoạt động của GV và HS	Nội dung cần đạt
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: Chú ý đọc phần tri thức ngữ văn/ 3(sgk) - Thế nào là truyện đồng thoại? Đối tượng của truyện đồng thoại là ai?	I, Tìm hiểu về truyện đồng thoại. Là loại truyện thường lấy loài vật làm nhân vật. Các con vật trong

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập Hs trao đổi nhóm, tìm, giới thiệu ngắn gọn một truyện đồng thoại. Chỉ ra những “dấu hiệu” nhận biết truyện đồng thoại. Bước 3: Báo cáo sản phẩm học tập - HS trình bày cá nhân. - Các HS khác nhận xét. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ: - GV nhận xét và chuẩn kiến thức. - Gv nhấn mạnh: - Truyện đồng thoại viết cho thiếu nhi, các tác giả thường sử dụng “tiếng chim, lời thú” hồn nhiên, ngộ nghĩnh để nói chuyện con người nên rất phù hợp với tâm lí trẻ em. Đa phần trẻ em đều rất thích đọc truyện đồng thoại. - Truyện đồng thoại rất gần gũi với truyện cổ tích, truyện ngụ ngôn và có giá trị giáo dục sâu sắc. - Trong truyện đồng thoại, sự kết hợp giữa hiện thực và tưởng tượng ngôn ngữ và hình ảnh sinh động...tạo nên sức hấp dẫn kì diệu đối với trẻ em.	truyện đồng thoại được các nhà văn miêu tả, khắc hoạ như con người (gọi là nhân cách hoá)
--	--

Nội dung 2: Thực hành đọc văn bản : Dế Mèn phiêu lưu kí

a) **Mục tiêu:** hs nắm được sơ lược về tác giả, về văn bản.

b) Nội dung hoạt động:

c) Sản phẩm học tập: Những nét chính về tác giả và văn bản.

d) Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Nội dung cần đạt						
*PP, kĩ thuật: Giải quyết vấn đề, động não, GV hướng dẫn cách đọc văn bản: Đọc to, rõ ràng, giọng đầy kiêu hãnh khi miêu tả về vẻ đẹp của Dế Mèn. Đoạn trêu chị Cốc đọc với giọng hách dịch, khi kể về cái chết của chị Cốc đọc với giọng buồn, hối hận. <i>Gv cho học sinh đọc phân vai</i> <i>Sau đó nhận xét và tuyên dương em nào nhập vai tốt.</i> Gọi HS đọc chú thích (Sgk) - Gv chiếu chân dung nhà văn Tô Hoài - GV phát phiếu bài tập số 1, yêu cầu HS làm việc nhóm để điền thông tin vào phiếu bài tập. - Sau khi HS thực hiện xong từng nhiệm vụ, GV nhận xét và chốt lại. PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1 <table border="1"> <tr> <td colspan="2">Văn bản :</td></tr> <tr> <td>Tác giả</td><td></td></tr> <tr> <td>Vị trí đoạn trích</td><td></td></tr> </table>	Văn bản :		Tác giả		Vị trí đoạn trích		I. ĐỌC VĂN BẢN 1. Tác giả Tô Hoài: Tên khai sinh là Nguyễn Sen . Sinh năm 1920, mất năm 2014. Quê : Hà Nội - Vị trí: Là nhà văn lớn, sáng tác nhiều thể loại (truyện ngắn, truyện dài, hồi kí, tự truyện). Số lượng tác phẩm đạt kỉ lục trong nền văn học Việt Nam hiện đại. Trong đó có nhiều tác phẩm viết cho thiếu nhi + Phong cách: Nhà văn có vốn sống phong phú, năng lực quan sát và miêu tả tinh tế, lối văn giàu hình ảnh, nhịp điệu, ngôn ngữ chân thực, gần gũi với đời sống. + Tác phẩm tiêu biểu viết cho thiếu nhi: <i>Võ sĩ Bọ Ngựa, Dế và Lợn, Đồi ri đá, Chuyện nổ thần, Dế Mèn phiêu lưu kí....</i>
Văn bản :							
Tác giả							
Vị trí đoạn trích							

Phương thức biểu đạt	
Ngôi kể	
PTBĐ	
Bố cục	
Tóm tắt	

Tóm tắt.

Dế Mèn ăn uống điều độ và làm việc có chừng mực nên chóng lớn và trở thành một chàng dế thanh niên cường tráng, khỏe mạnh. Cũng chính vì thế mà Dế Mèn sinh ra kiêu căng ngạo mạn luôn hung hăng hống hách đối với mọi người xung quanh, hay bắt nạt kẻ yếu và làm nhiều chuyện dại dột, đáng chê trách. Chẳng hạn thấy Dế Choắt ốm yếu thì hay cười nhạo và tỏ ý khinh ghét. Một hôm, Dế Mèn bày trò trêu chọc chị Cốc khiến chị nổi giận nhưng chị lại lầm tưởng là dế Choắt, chị đã thẳng tay trừng chị Dế Choắt, mổ Choắt quẹo xương sống rồi chết. Trước cái chết của Dế Choắt, Dế Mèn ăn năn, hối hận vô cùng. Đó cũng là bài học đường đời đầu tiên của Dế Mèn.

Tìm hiểu chú thích:

+ Giáo viên hướng dẫn HS tìm hiểu các chú thích SGK.

+ HS trao đổi với bạn bên cạnh về những từ ngữ mình không hiểu hoặc hiểu chưa rõ ràng.

Gv: Các em ạ tác phẩm DMPLK là tác phẩm nổi tiếng nhất của nhà văn Tô Hoài, truyện đã được dịch ra nhiều thứ tiếng trên thế giới. Văn bản mà chúng ta tìm hiểu được trích từ chương I của tác phẩm có tên là : “tôi sống độc lập từ thừa bé một sự nỗ lực đáng ân hận suốt đời”

Và trên tay cô đây là cuốn truyện “Dế mèn phiêu lưu ký” của nhà xuất bản Kim Đồng - Sách có trong thư viện của nhà trường. Các em hãy đến thư viện nhà trường vào các chiều thứ 7 để mượn đọc nhé.

b, Văn bản

***Vị trí:** Trích chương I của “ Dế Mèn phiêu lưu ký”.

*** Phương thức biểu đạt :** Tự sự, miêu tả.

*** Bố cục văn bản:** 2 phần:

+ P1: Từ đầu thiên hạ: Bức chân dung tự họa của Dế Mèn

+ Phần 2: Đoạn còn lại: Câu chuyện về bài học đường đời đầu tiên.

c, Từ khó(SGK)

II, Đọc – hiểu văn bản .

- Mục tiêu: hs hiểu được hình dáng: Cường tráng, khỏe mạnh, đầy sức sống, tính cách: Tự tin, yêu đời nhưng kiêu căng, xốc nổi, hợm hĩnh, tự phụ
- Nội dung hoạt động: Đọc và tìm các chi tiết trong văn bản
- Sản phẩm học tập: Bức chân dung tự họa của Dế

1. Bức chân dung tự họa của Dế Mèn.

Mèn.

d) Tổ chức thực hiện:

- **Phương pháp:** Giải quyết vấn đề, vấn đáp, thảo luận

- **Kĩ thuật:** Động não, trình bày một phút

* **Chuyển giao nhiệm vụ:**

Em hiểu thế nào là bức chân dung tự họa?

- HS: Tự vẽ (kể, miêu tả) về hình dáng, hành động, tính cách của mình.

- GV: Vay qua lời kể của DM thì hình dáng, hành động, tính cách của Mèn hiện lên như thế nào

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2

Nhóm 1+ 2:

Chi tiết miêu tả hình dáng Đế Mèn	Nhận xét từ ngữ
.....	
.....	
.....	

=> **Hình dáng của Đế Mèn?**

Nhóm 3+ 4

Hành động, suy nghĩ của Đế Mèn?	Nhận xét từ ngữ biện pháp nghệ thuật?
.....	
.....	
.....	

=> **Tính cách của Đế Mèn?**

* **Thực hiện nhiệm vụ:**

- Học sinh đọc ngữ liệu văn bản.

- HS hoạt động cá nhân, nhóm, thảo luận, thống nhất kết quả ghi vào phiếu bài tập.

- GV quan sát, hỗ trợ HS.

* **Báo cáo kết quả:** Đại diện nhóm trả lời

Dự kiến sản phẩm:

Nhóm 1+ 2:

Chi tiết miêu tả Đế Mèn	Nhận xét từ ngữ
--------------------------------	------------------------

Càng : mẫm bóng Vuốt nhọn hoắt Cánh: dài Thân hình: màu nâu bóng mỡ Đầu: to, nổi từng tảng Răng: đen nhánh - Râu: dài, uốn cong	Từ miêu tả: danh từ, tính từ tuyệt đối.	
=> Một chàng Dế thanh niên cường tráng, đẹp đẽ, đầy sức sống.		
Nhóm 3+ 4		
Hành động, suy nghĩ của Dế Mèn?	Nhận xét từ ngữ, biện pháp nghệ thuật?	
Đạp phanh phách Nhai ngoàm ngoàm Trịnh trọng vuốt râu Đi đứng oai vệ như con nhà võ, nhún chân, rung đùi... Cà khịa với tất cả hàng xóm Quát mấy chị Cào Cào Đá mấy anh Gọng vó Tưởng mình sắp đứng đầu thiên hạ (suy nghĩ)	+ Từ loại: động từ, +Nghệ thuật: so sánh, nhân hóa.	
=> Tự tin, yêu đời nhưng kiêu căng, xốc nổi, hợm hĩnh, tự phụ.		
* Kết luận, đánh giá: - HS, GV đánh giá, nhận xét. Các em ạ qua miêu tả hành động của DM tác giả đã cho ta thấy được tính cách của nhân vật. Đó là một chàng dế tự tin, yêu đời nhưng lại kiêu căng xốc nổi, hợm hĩnh, tự phụ. ? Vậy qua phân tích em có nhận xét gì về nghệ thuật		- Hình dáng: Cường tráng, khỏe mạnh, đầy sức sống - Tính cách: Tự tin, yêu đời nhưng kiêu căng, xốc nổi, hợm hĩnh, tự phụ

miêu tả của tác giả (thảo luận cặp đôi) - Miêu tả tài tình. - Miêu tả ngoại hình kết hợp với hành động - Miêu tả từ khái quát đến cụ thể - Sử dụng từ ngữ chọn lọc, chính xác, sáng tạo - Thủ pháp so sánh, nhân hóa sinh động. ? Hãy lấy ví dụ cho cô về cách miêu tả từ khái quát đến cụ thể. HS: VD: tác giả đã khái quát DM là một chàng rể thanh niên cường tráng rồi mới đi miêu tả từng bộ phận. GV: Các em ạ đây là một đoạn văn rất độc đáo, đặc sắc về nghệ thuật tả vật, bằng cách nhân hóa dùng nhiều tính từ, động từ, so sánh rất chọn lọc, chính xác. Tô Hoài đã để cho DM tự họa về bức chân dung của mình vô cùng sống động, phù hợp với thực tế, hình dáng, tập tính của loài dê cũng như cách sống của một số thanh thiếu niên ở tuổi mới lớn . ? Qua đoạn truyện giúp em hiểu gì về nhà văn Tô Hoài? + Ông là nhà văn của thiếu nhi. Ông đã thành công khi dựng lên cả một thế giới loài vật trong trắng, ngây thơ, ngộ nghĩnh khao khát và say mê lý tưởng rất phù hợp với tâm lí tuổi thơ.	
a) Mục tiêu: Tiếp tục đi tìm hiểu văn bản để thấy được bài học đường đời đầu tiên của Dế Mèn: Không nên kiêu căng, xúc nổi, làm gì cũng phải suy nghĩ b) Nội dung hoạt động: Đọc và tìm các chi tiết trong văn bản c) Sản phẩm học tập: Bài học đường đời đầu tiên d) Tổ chức thực hiện: - Phương pháp: Giải quyết vấn đề, vấn đáp, thảo luận - Kĩ thuật: Động não, trình bày một phút - ? Theo dõi phần hai của văn bản từ chỗ “ Câu chuyện ân hận đầu tiên mà tôi ghi nhớ suốt đời...đến hết”, em cho cô biết phần này có những sự việc chính nào? - Có 3 sự việc: + Thái độ của DM với DC + DM trêu chị Cốc dẫn đến cái chết của DC + Sự ân hận của DM ? Ở phần 2 của văn bản có những nhân vật nào xuất hiện? - Nhân vật: Dế Mèn, Dế Choắt, chị Cốc ? Theo dõi đoạn truyện từ “ bên hàng xóm tôi...nhiều ngách như hang tôi”, em hãy tìm những	2. Bài học đường đời đầu tiên

chi tiết giới thiệu và miêu tả về DC?

PHIẾU HỌC TẬP NHÓM BÀN(2P)

Những chi tiết giới thiệu và miêu tả về DC?	Nghệ thuật miêu tả
.....	
.....	

Nhận xét về Dế Choắt?

Dự kiến sp:

Những chi tiết giới thiệu và miêu tả về DC?	Nghệ thuật miêu tả
- Là hàng xóm của DM, trạc tuổi với DM - Người gầy gò, dài lêu nghêu như gã nghiện thuốc phiện - Cánh ngắn cùn, hở cả mạng sườn như người cởi trần mặc áo ghi lê - râu ria cụt một mẩu, mặt mũi ngắn ngắn, ngơ ngơ... - Tính nết ăn xổi, ở thì	+ Sử dụng từ láy: gầy gò, lêu nghêu, bẻ bẻ, nặng nề, ngắn ngắn, ngơ ngơ + Hình ảnh so sánh + Nhân hóa

-> **Dế Choắt gầy gò, ốm yếu.**

? Dựa vào chú thích sgk, em hiểu “ ăn xổi ở thì” nghĩa là gì?

Gv: Cụm từ “ăn xổi ở thì” là thành ngữ, các em sẽ được tìm hiểu kĩ hơn đặc điểm của thành ngữ ở chương trình ngữ văn 7

Gv: Bằng sự quan sát tinh tế, sự tưởng tượng phong phú, cách miêu tả từ khái quát đến cụ thể, chọn lọc những từ ngữ gợi hình, gợi cảm tác giả Tô Hoài đã phác họa cho ta thấy chân dung Dế gầy gò, ốm yếu. Đây là một trong những đoạn văn tiêu biểu cho nghệ thuật miêu tả của Tô Hoài, các em có thể tham khảo để làm bài văn miêu tả ở những tiết học sau

Gv: Vậy diễn biến câu chuyện tiếp theo như thế nào, các em hãy đọc phân vai đoạn truyện từ chỗ “Một hôm, tôi sang chơi....đến tôi về không một chút bận tâm”

- Bạn nào xung phong

- Nx bạn đọc

? Từ đoạn truyện trên, hãy tìm những chi tiết thể hiện thái độ của Dế Mèn với Dế Choắt(biểu hiện qua lời lẽ, cách xưng hô, giọng điệu...) ? Nhận xét về thái độ đó?

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 4

Lời lẽ, giọng điệu?	Cách xưng hô?
.....	
.....	
.....	
=>Nhận xét về thái độ của Đế Mèn đối với Đế Choắt?	
* Thực hiện nhiệm vụ: - Học sinh đọc ngữ liệu văn bản. - HS hoạt động cá nhân, cặp đôi, nhóm, thảo luận, thống nhất kết quả ghi vào phiếu bài tập. - GV quan sát, hỗ trợ HS.	
* Báo cáo kết quả: Đại diện nhóm trả lời Dự kiến sản phẩm:	
Lời lẽ, giọng điệu?	Cách xưng hô?
. Chú mày có lớn mà chẳng có khôn . Chú mày sinh sống cầu thả . Chú mày hôi như cú mèo . Khi Đế Choắt nhờ đùa ngách thì hếch răng, xì một hơi rõ dài, mắng, quắc mắt, không một chút bận tâm với DC	Chú mày
=> Đế Mèn trịch thượng, hách dịch, ích kỉ.	
* Đánh giá nhận xét: - HS khác theo dõi, đánh giá, nhận xét, bổ sung. - GV quan sát, hỗ trợ, tư vấn; nhận xét, đánh giá kết quả làm việc của HS, chốt kiến thức, chuyển giao nhiệm vụ mới. Gv: Các em ạ, với một người bạn tội nghiệp đáng thương như DC lẽ ra DM phải quan tâm giúp đỡ nhưng Mèn lại có thái độ khinh thường hách dịch, tỏ ra là một kẻ vô tâm không có chút tình thương yêu đồng loại.	
Vậy với bản tính đó khi chị Cốc xuất hiện DM đã làm gì? - Đế Mèn trêu chị Cốc ? Theo em vì sao Đế Mèn muốn trêu chị Cốc - Vì vốn tính nghịch ranh, muốn cà khịa với tất cả mọi người - Muốn ra oai với DC, muốn chứng tỏ mình không sợ ai Chuyên: Vậy DM đã trêu chị Cốc như thế nào, các em theo dõi đoạn truyện tiếp theo từ chỗ “ Một buổi chiều...hết” - HS thảo luận theo bàn vào phiếu học tập	

Bước 1: Giao nhiệm vụ:

? Tìm những chi tiết miêu tả hành động, suy nghĩ của Đế Mèn trước và sau khi trêu chị Cốc

? Nhận xét về diễn biến tâm trạng của Đế Mèn

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 5

Trước khi trêu:	Tâm trạng:
.....	
Sau khi trêu:	Tâm trạng:
.....	
.....	

Bước 2: các nhóm làm việc, giáo viên giúp đỡ hs thảo luận

Bước 3: Đại diện các nhóm trình bày kết quả:

Dự kiến sản phẩm:

Trước khi trêu: Nghĩ mưu, gọi Đế Choắt trêu cùng, khi Đế Choắt can ngăn thì quắc mắt, mắng Đế Choắt.	Tâm trạng: - > <i>Thích thú</i> <i>Đắc ý</i>
Sau khi trêu: + Chui tọt vào hang, lên giường nằm khểnh, nghĩ thú vị + Núp tận đáy, nằm im thín thít khi chị Cốc mỗ Đế Choắt + Chị Cốc đi rồi mới mon men bò lên - Khi Đế Choắt chết + Hốt hoảng, quỳ xuống nâng đầu Đế Choắt mà than + Ân hận, nghĩ về bài học + Đem xác Đế Choắt chôn .	Tâm trạng: - > <i>Đau xót</i> <i>xất, Ân hận</i> <i>hối lỗi, nghĩ về bài học</i> <i>đường đời</i> <i>đầu tiên</i>

Bước 4: Gv chốt: Như vậy vốn tính nghịch ranh lúc đầu DM cảm thấy rất thích thú, đắc ý với trò đùa của mình. Nhưng bởi không lường trước được hậu quả nên khi thấy chị Cốc mỗ DC thì Mèn lại thấy sợ hãi và rồi tình đồng loại đã thức dậy, cậu ta cảm thấy xót thương cho DC và hối hận về việc làm dại dột của mình. Các em ạ, phải là người có tài quan sát rất tinh tế thì nhà văn mới miêu tả diễn biến tâm lí nhân vật sinh động như vậy

? Vậy trước khi chết, Đế Choắt có lời khuyên gì cho Đế Mèn?

- Ở đời mà có thói hung hăng.....

? Chính hành động ngông cuồng của Đế Mèn đã gây ra cái chết cho Đế Choắt, vậy mà Đế Choắt vẫn khuyên nhủ Đế Mèn điều đó cho em hiểu thêm gì

về Dế Choắt

- Dế choắt bao dung, vị tha

? Theo em lời khuyên của Dế Choắt đã giúp Dế Mèn rút ra bài học gì? Tại sao Dế Mèn lại nói đây là bài học đường đời đầu tiên?

- Không hung hăng, bậy bạ, làm việc gì cũng phải suy nghĩ.

- Bài học đường đời đầu tiên vì: đây là lỗi lầm đầu tiên trong cuộc đời của Dế mèn.

Gv: cái chết thảm thương của Dế Choắt là cái giá quá đắt cho một chàng dế thanh niên ở tuổi mới lớn phải trả cho trò đùa ngỗ nghịch, xốc nổi của mình

? Vậy các em đã bao giờ mắc lỗi chưa? Nếu có em đã sửa chữa lỗi lầm như thế nào?

GV: Các em ạ, trong cuộc đời mỗi người ai cũng có thể mắc những sai lầm, có những sai lầm có thể sửa được ngay nhưng có những lỗi lầm khiến chúng ta phải ân hận suốt đời. Điều quan trọng là chúng ta phải biết dừng lại để nhìn nhận, khắc phục hậu quả đã xảy ra. Sự ân hận của Dế Mèn đã muộn màng nhưng là cần thiết để ngày càng hoàn thiện nhân cách của mình.

? Từ câu chuyện của Dế Mèn, em rút ra bài học gì cho bản thân

- Không kiêu căng, ích kỉ, làm việc gì cũng phải suy nghĩ

? Em cần có thái độ sống ntn với các bạn trong lớp và mọi người

- Phải sống khiêm tốn, thân ái, hòa đồng biết yêu thương, chia sẻ và tôn trọng mọi người...

GV: Đúng rồi các em ạ trong cuộc sống, trong quan hệ với mọi người chúng ta cần phải sống khiêm tốn, thân thiện và biết tôn trọng người khác. Có như vậy thì cuộc sống của chúng ta mới trở nên tốt đẹp.

Gv: Để khắc sâu hơn nữa bài học hôm nay, hôm trước cô đã giao nhiệm vụ cho các em về nhập vai các nhân vật diễn lại đoạn truyện Dế Mèn trêu chị Cốc dẫn đến cái chết của Dế Choắt. Bây giờ bạn nào xung phong

Hs diễn kịch

? Nhận xét về từng vai diễn(giọng điệu, cử chỉ, biểu cảm....)

Chốt: Đoạn kịch các bạn vừa diễn đã giúp các em cảm nhận rõ hơn về từng nhân vật trong truyện.

? Vậy sau khi học xong văn bản, em thấy hình ảnh

những con vật được miêu tả trong truyện có giống với chúng trong thực tế hay không? Có đặc điểm nào của con người được gán cho chúng? - Các con vật được miêu tả giống thực tế - Chúng mang tính cách con người + Dế Mèn: kiêu căng, biết ăn năn, hối lỗi + Dế Choắt: yếu đuối, biết tha thứ + Chị Cốc: tính nóng nảy, dễ tự ái ->Chốt: Như vậy trí tưởng tượng phong phú của nhà văn Tô Hoài đã cho ta cảm nhận thế giới loài vật nhỏ bé kia cũng chính là hình ảnh của xã hội con người. Mỗi nhân vật trong câu chuyện có những suy nghĩ, tình cảm, tâm lí như con người, vì thế tác phẩm của Tô Hoài luôn nhận được tình cảm yêu mến của độc giả ở mọi lứa tuổi. 3, Ở trường em có bạn nào có biểu hiện cách sống như nhân vật Dế Mèn. Nếu có, em hãy lấy ví dụ? Em sẽ làm gì nếu gặp những trường hợp như vậy? - Vd: Ở trường em có bạn là học sinh khuyết tật học hòa nhập nhưng một số bạn học sinh nam thường xuyên bắt chước dáng đi giọng nói để trêu chọc bạn. - Ví dụ về tính kiêu căng..... -> <i>Xử lí: gặp gỡ trao đổi để các bạn hiểu tác hại của lối sống như vậy hoặc có thể nhờ sự giúp đỡ của các thầy cô....</i> - Gv Tích hợp kĩ năng sống Trong cuộc sống có rất nhiều tình huống đòi hỏi chúng ta phải biết nhìn nhận và ứng xử sao cho phù hợp, câu chuyện của nhà văn Tô Hoài đã cho các em một số những kĩ năng sống cần thiết, đó sẽ một trong những hành trang để các em tự tin bước vào đời	
HĐ cá nhân - KT trình bày 1 phút: * GV yêu cầu HS làm việc cá nhân thực hiện yêu cầu sau: Em hãy khái quát nghệ thuật và nội dung chính của văn bản?	IV, Tổng kết. 1. Nghệ thuật - Sử dụng ngôi kể thứ nhất, kết hợp với nhiều chi tiết miêu tả, kể chuyện đặc sắc, nhân cách hóa loài vật giúp câu chuyện về bài học đường đời đầu tiên hấp dẫn, sâu sắc. 2. Nội dung - Đoạn trích mượn câu chuyện loài vật mang đến cho chúng ta bài học về cuộc sống ý nghĩa, biết khiêm tốn, trách nhiệm, nhân ái, tôn trọng sự khác biệt.

3. Hoạt động 3: Luyện tập

a) Mục tiêu: Học sinh vận dụng kiến thức đã học vào giải bài tập

b) Nội dung hoạt động: Hs trả lời câu hỏi.

c) Sản phẩm học tập:

- Câu trả lời của các câu hỏi, bài tập.

d) Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS			Nội dung cần đạt
Truyện đồng thoại là: + Thể loại văn học dành cho thiếu nhi. + Nội dung đa dạng, phong phú. + Nhân vật trong truyện đồng thoại thường là loài vật hoặc đồ vật được nhân hoá. Vì thế, chúng vừa phản ánh đặc điểm sinh hoạt của loài vật vừa thể hiện đặc điểm của con người. THỰC HIỆN PHIẾU HỌC TẬP: Dấu hiệu nhận biết truyện đồng thoại “ Bài học đường đời đầu tiên”			Bài tập: Những dấu hiệu nào giúp em nhận biết “ Bài học đường đời đầu tiên” là truyện đồng thoại?
Nhân vật	Nghệ thuật	Nội dung	
Dế Mèn Dế Choắt Chị Cốc			

Dự kiến:

Nhân vật	Nghệ thuật	Nội dung
Dế Mèn Dế Choắt Chị Cốc	Nhân hoá các loài vật thông qua cách gọi, cách dùng từ miêu tả ngoại hình, tâm lý, hành động và xây dựng đối thoại giữa chúng. Nhân vật vẫn giữ nguyên hình dáng và tập tính của loài vật trong tự nhiên. Nhân vật chính(Dế Mèn) được miêu tả kĩ lưỡng hơn các nhân vật khác.	Cuộc phiêu lưu của Dế Mèn Bài học về tác hại của thói hung hăng, hống hách, xúc nổi và thái độ cần có trước những lỗi lầm của bản thân.

Lưu ý khi đọc truyện đồng thoại:

- Cần đặc biệt quan tâm đến nhân vật.
- Thông qua ngoại hình, hành động, ngôn ngữ và tâm trạng của nhân vật, tác giả giúp ta hiểu thêm về thế giới tự nhiên và gợi lên những thông điệp ý nghĩa về cuộc sống.

Bài 2: Sau khi đọc truyện, em có nhận xét gì về nhan đề Bài học đường đời đầu tiên và tác dụng của nhan đề đối với chủ đề của đoạn trích?

Bài 2:

Nhận xét về nhan đề Bài học đường đời đầu tiên:
- Đây là nhan đề do người biên soạn sách đặt. Nhan đề này lấy từ chi tiết Dế

Mèn chôn cất Dế Choắt, lặng nghĩ: "Tôi đứng lặng giờ lâu, nghĩ về bài học đường đời đầu tiên."

Nhan đề đoạn trích gợi sự tò mò cho người đọc (bài học đường đời đầu tiên là bài học gì?)

- Tác dụng của nhan đề đối với chủ đề của đoạn trích: Góp phần nhấn mạnh chủ đề của đoạn trích

Từ nhan đề và bài học ta nhận biết được **chủ đề của đoạn trích** là bài học cuộc sống: nếu cứ giữ thói hung hăng bậy bạ, có óc mà không biết nghĩ thì sớm muộn cũng mang vạ vào thân hoặc đem họa đến cho người khác.

Đề tài: Cuộc sống loài vật.

4. Hoạt động 4: Vận dụng

- a) Mục tiêu: Giúp HS khắc sâu kiến thức đã học.
- b) Nội dung: HS vận dụng kiến thức đã học để làm bài tập.
- c) Sản phẩm học tập: Suy ngẫm của bản thân
- d) Tổ chức thực hiện:

* **Giao nhiệm vụ học tập:**

? Từ trải nghiệm và bài học của Dế Mèn, em hiểu thêm điều gì về lỗi lầm của những người ở tuổi mới lớn và về thái độ cần có trước những lỗi lầm có thể mắc phải trong cuộc sống?

* **Thực hiện nhiệm vụ:** HS suy nghĩ, hình thành và triển khai ý tưởng, tư duy độc lập...

* **Báo cáo kết quả:** GV gọi bất kì cá nhân nào trình bày kết quả.

Dự kiến: **Lỗi lầm của tuổi mới lớn:**

- **Nguồn gốc:** thiếu trải nghiệm, thiếu sự định hướng từ người trưởng thành.
- **Thái độ nên có:**

+ Với người mắc lỗi cần thẳng thắn nhìn nhận, chân thành xin lỗi và có ý thức sửa chữa để không mắc lỗi và có ý thức sửa chữa để không mắc lỗi trong tương lai.

+ Với người xung quanh: nên vị tha, bao dung khi ai đó có ý hức nhận lỗi và sửa chữa lỗi lầm.

Sau khi HS thực hiện xong từng nhiệm vụ, GV nhận xét và chốt lại.

* **Kết luận, đánh giá.**

* **Giao nhiệm vụ về nhà:** Đọc, tóm tắt lại văn bản: Bài học đường đời đầu tiên. Nắm được nội dung, ý nghĩa của văn bản.

- Đọc, soạn bài: Ông lão đánh cá và con cá vàng

Ngày dạy:

Tiết 76 + 77

Đọc hiểu văn bản **ÔNG LÃO ĐÁNH CÁ VÀ CON CÁ VÀNG**

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức:

+ Tri thức mở rộng về thể loại truyện cổ tích nước ngoài và truyện cổ tích của Pus-kin; nội dung, ý nghĩa và một số chi tiết nghệ thuật tiêu biểu trong văn bản truyện “ Ông lão đánh cá và con cá vàng”.

+ Tư tưởng, tình cảm của nhân dân được thể hiện qua văn bản

+ Cuộc đấu tranh giai cấp được thể hiện trong câu chuyện.

2. Năng lực

a. Năng lực chung:

- Năng lực tự chủ và tự học: Tìm kiếm thông tin, đọc sách giáo khoa, quan sát tranh ảnh để tìm hiểu về tác giả và văn bản. Tóm tắt nội dung văn bản ; xác định được những đặc sắc trong nghệ thuật miêu tả, kể của tác giả; rút ra bài học ứng xử cho bản thân.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Thảo luận nhóm để thực hiện phiếu học tập, hợp tác giải quyết vấn đề để tìm hiểu về tác giả và văn bản.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Năng lực trình bày và trao đổi thông tin trước lớp.

b. Năng lực đặc thù:

- Nhận biết được một số yếu tố hình thức (chi tiết, cốt truyện, nhân vật, yếu tố tưởng tượng, kì ảo..), nội dung (đề tài, chủ đề, ý nghĩa, thái độ người kể,...) của truyện cổ tích Pus-kin; xác định được ngôi kể trong văn bản.

- Hiểu được cách thể hiện tư tưởng, tình cảm của tác giả được thể hiện qua văn bản

- Phân tích được nhân vật, sự kiện, cốt truyện trong tác phẩm thuộc thể loại truyện cổ tích; những biểu hiện của cuộc đấu tranh giai cấp trong tác phẩm.

- Viết được đoạn văn nêu cảm nhận về một nhân vật trong truyện.

3. Phẩm chất:

- *Nhân ái*: HS biết tôn trọng, yêu thương, sống chan hòa với mọi người xung quanh, trân trọng cuộc sống đang có

- *Trách nhiệm*: hành động có trách nhiệm với chính mình(học tập những đức tính tốt, tránh những biểu hiện xấu, sai lệch như: tham lam, bội bạc, dửng dưng, thô lỗ), có trách nhiệm với đất nước, chủ động rèn kĩ năng đọc hiểu văn bản truyện truyền thuyết. HS có ý thức vận dụng bài học vào các tình huống, hoàn cảnh thực tế đời sống của bản thân.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- Học liệu: Ngữ liệu/Sách giáo khoa, phiếu học tập.

- Thiết bị: Máy tính, máy chiếu.

III. Tiến trình dạy học.

1. Hoạt động 1: Mở đầu

a) Mục tiêu: Tạo tâm thế và định hướng chú ý cho học sinh; tạo vấn đề vào chủ đề

b) Nội dung hoạt động: HS xem video và trả lời câu hỏi.

c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời/chia sẻ của HS bằng ngôn ngữ

d) Tổ chức hoạt động:

* **Chuyển giao nhiệm vụ**: Hs xem vi deo và trả lời câu hỏi.? Cảm nhận của em về nhân vật ông lão và mụ vợ?

* **Thực hiện nhiệm vụ**: Hs trả lời

* **Báo cáo kết quả**: hs chia sẻ

* **Đánh giá nhận xét, dẫn vào bài**: Việt Nam ta có kho tàng truyện cổ tích vô cùng phong phú và hấp dẫn. Đây cũng là điểm chung với nhiều nền văn học dân gian trên thế giới. Trong đó quen thuộc hơn cả là nền văn hóa của Trung Quốc, Nga. Rất nhiều những câu chuyện dân gian Nga được đại thi hào Pus-kin viết lại bằng ngòi bút vừa dung dị,

chất phác lại vừa điêu luyện và tinh tế. “ Ông lão đánh cá và con cá vàng” là một câu chuyện như vậy.

2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới

a) **Mục tiêu:** hs nắm được sơ lược về tác giả, về văn bản.

b) Nội dung hoạt động:

c) Sản phẩm học tập:

d) Tổ chức thực hiện:

* **Chuyển giao nhiệm vụ:**

* **Thực hiện nhiệm vụ:** Hs trả lời

* **Báo cáo kết quả:** hs chia sẻ

* **Đánh giá nhận xét, kết luận.**

Hoạt động của GV và HS	Nội dung cần đạt										
*PP, kĩ thuật: Giải quyết vấn đề, động não, GV hướng dẫn cách đọc văn bản: Đọc to, rõ ràng, phân biệt từng giọng đọc của từng nhân vật. <i>Gv cho học sinh đọc phân vai</i> <i>Sau đó nhận xét và tuyên dương em nào nhập vai tốt.</i> Tìm hiểu chú thích: + Giáo viên hướng dẫn HS tìm hiểu các chú thích SGK. + HS trao đổi với bạn bên cạnh về những từ ngữ mình không hiểu hoặc hiểu chưa rõ ràng. Thực hiện phiếu học tập số 1: <table border="1"> <tr> <td>Thể loại</td><td></td></tr> <tr> <td>Ngôi kể</td><td></td></tr> <tr> <td>Nhân vật</td><td></td></tr> <tr> <td>Bố cục</td><td></td></tr> <tr> <td>Các sự việc chính</td><td></td></tr> </table> Các sự việc chính: - Một ông lão nghèo ra biển đánh cá, hai lần thả lưới đầu không được gì đến lần thứ ba, lão kéo được một con cá vàng. Cá vàng kêu van xin thả về biển và hứa trả ơn. - Về đến nhà, ông lão kể chuyện cho vợ nghe, mẹ vợ mắng ông lão và đòi cá vàng đáp ứng yêu cầu của mẹ. - Lần 1: mẹ đòi cái máng lợn. - Lần thứ 2: mẹ vợ đòi căn nhà rộng. - Lần thứ 3: mẹ vợ đòi làm nhất phẩm phu nhân. - Lần thứ 4: mẹ vợ đòi làm Nữ hoàng - Lần thứ 5: mẹ vợ đòi làm Long Vương	Thể loại		Ngôi kể		Nhân vật		Bố cục		Các sự việc chính		- I. ĐỌC VĂN BẢN 1, Tác giả: - Pu-skin (1799 - 1837) - đại thi hào Nga, được mệnh danh là “mặt trời của thi ca Nga” - Là tác giả của nhiều trường ca và truyện cổ tích tuyệt diệu 2, Văn bản: - Thể loại: Truyện cổ tích - Phương thức biểu đạt chính: Tự sự - Ngôi kể: ngôi thứ ba - Nhân vật: ông lão, mẹ vợ, con cá vàng, biển cả... + Nhân vật chính: mẹ vợ + Nhân vật trung tâm: ông lão + Nhân vật phụ: con cá, biển cả, binh lính - Bố cục: 3 phần a) Mở truyện: (Từ đầu.... kéo sợi) Giới thiệu ông lão đánh cá và tình huống phát sinh truyện b) Thân truyện: (Tiếp theo trở về): Những đòi hỏi tham lam của mẹ vợ. c) Kết truyện: (Còn lại) Mẹ chồng ông lão đánh cá trở về cuộc sống nghèo khổ khi xưa 3, Các sự việc chính
Thể loại											
Ngôi kể											
Nhân vật											
Bố cục											
Các sự việc chính											

- Gia đình ông lại trở về cuộc sống như cũ.	
II, KHÁM PHÁ VĂN BẢN	
a) Mục tiêu: Đi tìm hiểu nhân vật ông lão để thấy được ông là người hiền lành, nhu nhược, vô tình tiếp tay cho cái xấu. b) Nội dung hoạt động: Đọc và tìm các chi tiết trong văn bản c) Sản phẩm học tập: các phiếu học tập d) Tổ chức thực hiện: - Phương pháp: Giải quyết vấn đề, vấn đáp, thảo luận - Kĩ thuật: Động não, trình bày một phút * Thực hiện nhiệm vụ: 1, Các chi tiết nào hoàn biết hoàn cảnh sống của ông lão và cách ông lão cư xử với cá vàng? 2, Hình dáng ông lão: còm lặt, lóc cóc, lúi thúi 5 lần đi ra biển theo lời mụ vợ gắp cá vàng gọi cho em suy nghĩ gì? * Báo cáo kết quả: Đại diện nhóm trả lời 1, Các chi tiết về hoàn cảnh sống của ông: Ngày xưa, có hai vợ chồng ông lão đánh cá ở với nhau trong một túp lều nát trên bờ biển Ngày ngày chồng đi đánh cá, vợ ở nhà kéo sợi Các chi tiết về cách cư xử của ông lão với cá vàng: Ngạc nhiên nhưng rồi cũng thả con cá xuống biển Trời phù hộ cho người! Người trở về biển khơi mà vùng vẫy. Ta không đòi hỏi gì cả, ta cũng chẳng cần gì cả. => Tính cách: tốt bụng, giúp đỡ không cần trả ơn 2, - Hiểu tâm tính vợ tham lam-> vẫn nhịn nhục, cam chịu, nhất nhất theo lệnh=> muốn yên phận. - Không phản kháng đấu tranh-> hiền lành, nhu nhược, vô tình tiếp tay cho cái xấu. * Đánh giá nhận xét:	1. Nhân vật ông lão đánh cá: - Hoàn cảnh, công việc: sống nghèo khổ, thả lưới, làm ăn lương thiện - Phẩm chất: hiền lành, nhân hậu, không tham lam. - Hiểu tâm tính vợ tham lam-> vẫn nhịn nhục, cam chịu, nhất nhất theo lệnh=> muốn yên phận. - Không phản kháng đấu tranh-> hiền lành, nhu nhược, vô tình tiếp tay cho cái xấu.
a) Mục tiêu: Đi tìm hiểu nhân vật mụ vợ ông lão để thấy được lòng tham vô độ, không giới hạn. b) Nội dung hoạt động: Đọc và tìm các chi tiết trong văn bản c) Sản phẩm học tập: các phiếu học tập d) Tổ chức thực hiện: - Phương pháp: Giải quyết vấn đề, vấn đáp, thảo luận - Kĩ thuật: Động não, trình bày một phút * Chuyển giao nhiệm vụ:	2. Nhân vật mụ vợ ông lão đánh cá - Tính cách: tham lam và bội bạc - Những chi tiết thể hiện tính tham lam của mụ vợ. + Lần 1: Đòi cái máng lợn ăn mới + Lần 2: Đòi toà nhà đẹp + Lần 3: Đòi làm nhất phẩm phu nhân. + Lần 4: Đòi làm nữ hoàng + Lần 5: Đòi làm Long Vương.

? Em hãy cho biết tính cách của mẹ vợ?

- Tính cách: tham lam và bội bạc

? Tìm những chi tiết thể hiện tính tham lam của mẹ vợ.

	Điều mẹ vợ đòi hỏi	Thái độ của mẹ vợ
Lần 1		
Lần 2		
Lần 3		
Lần 4		
Lần 5		

Dự kiến sp:’

	Điều mẹ vợ đòi hỏi	Thái độ của mẹ vợ
Lần 1	Cái máng lợn	Mắng: đồ ngốc
Lần 2	Ngôi nhà rộng	Quát to hơn : đồ ngu
Lần 3	Làm nhất phẩm phu nhân.	Mắng như tát nước vào mặt
Lần 4	Làm Nữ hoàng	Giận dữ nổi trận lôi đình, tát vào mặt ông lão
Lần 5	Làm Long vương ngự trên mặt biển.	Nổi cơn thịnh nộ, sai người đi bắt ông lão

? Em có nhận xét gì về lòng tham của mẹ vợ?

- Lòng tham của mẹ vợ tăng lên rất nhanh từ thấp đến cao. Đi từ vật chất đến địa vị: từ địa vị có trong thực tế đến địa vị tưởng tượng. Đó là lòng tham vô độ, không giới hạn.

? Lòng tham lam của mẹ vợ khiến em liên tưởng đến câu thành ngữ nào?

- Câu thành ngữ: Được voi đòi tiên.

? Qua 5 lần bắt ông lão ra biển em có nhận xét gì về cách đối xử của mẹ vợ đối với chồng?

- Đối xử với chồng ngày càng tăng tệ bạc không còn tình nghĩa.. Lòng tham càng lớn, tình nghĩa vợ chồng càng teo lại.

Tóm lại: mẹ vợ là giai cấp cần lao nhưng mẹ lại mang trong mình bản chất của giai cấp bóc lột, thống trị, tham ác, tìm mọi cách đạt được danh

→ Lòng tham vô độ được tăng dần từ vật chất đến địa vị, ngày càng quá quắt.

→ Đối xử với chồng ngày càng tăng tệ bạc không còn tình nghĩa.. Lòng tham càng lớn, tình nghĩa vợ chồng càng teo lại.

Tóm lại: mẹ vợ là giai cấp cần lao nhưng mẹ lại mang trong mình bản chất của giai cấp bóc lột, thống trị, tham ác, tìm mọi cách đạt được danh vọng và không cam chịu với sự nghèo khó của mình.

vọng và không cam chịu với sự nghèo khó của mình.	
a) Mục tiêu: Đi tìm hiểu biển cả và cá vàng để thấy được sự bất bình của hai nhân vật trước thái độ việc làm của mẹ vợ.. b) Nội dung hoạt động: Đọc và tìm các chi tiết trong văn bản c) Sản phẩm học tập: các phiếu học tập d) Tổ chức thực hiện: - Phương pháp: Giải quyết vấn đề, vấn đáp, thảo luận - Kĩ thuật: Động não, trình bày một phút Sự thay đổi của biển giống như sự phẫn nộ của thiên nhiên của ông trời trước sự nhẫn nhục trước sự chịu đựng của nhân vật ông lão. Hai là trước sự tham lam quá quắt vô độ của bà mẹ vợ. ? Biển có tham gia vào câu chuyện không? - Biển cũng tham gia vào câu chuyện: biển cả hiền từ, bao dung thanh bình nhưng biển cả cũng giận dữ trước những thói ác thói xấu của người đời. Cảnh biển thay đổi như thế nào? Tại sao lại có sự thay đổi như vậy? Lần 1: biển gợn sóng êm ả - Lần 2: biển xanh nổi sóng - Lần 3: biển xanh nổi sóng dữ dội - Lần 4: biển xanh nổi sóng mù mịt - Lần 5: biển xanh nổi sóng âm âm, một cơn giông tố kinh khủng kéo đến. => Biển nổi sóng bất bình trước lòng tham và bội bạc của mẹ vợ. ? Cá vàng đã trừng trị mẹ vợ những tội gì? Gv: Truyện cổ tích luôn thể hiện ước mơ công lí, dù là truyện cổ tích của VN hay của nước ngoài thì vẫn luôn luôn thể hiện bài học sâu sắc đó. Qua việc tìm hiểu truyện, bài học rút ra từ câu chuyện? Ca ngợi lòng biết ơn đối với những người nhân hậu Nêu ra bài học đích đáng cho những kẻ tham lam, bội bạc từ đó thể hiện ước mơ của nhân dân ta về một xã hội công bằng: kẻ xấu xa, tham lam, bội bạc cuối cùng sẽ bị trừng trị.	3, Thái độ biển cả và cá vàng. a, Cảnh biển thay đổi - Lần 1: biển gợn sóng êm ả - Lần 2: biển xanh nổi sóng - Lần 3: biển xanh nổi sóng dữ dội - Lần 4: biển xanh nổi sóng mù mịt - Lần 5: biển xanh nổi sóng âm âm, một cơn giông tố kinh khủng kéo đến. => Biển nổi sóng bất bình trước lòng tham và bội bạc của mẹ vợ. b, Cá vàng - Cá vàng trừng trị mẹ vợ bằng cách thu về những gì mà cá vàng đã cho, đưa mẹ trở về với cách nghèo đói như xưa. - Trừng trị mẹ vợ ở cả hai tội: tham lam và độc ác. - Cá vàng đại diện cho công lí, hướng thiện, lòng biết ơn. ➔ Sự trừng trị của cá vàng là sự trừng trị của công lí và đạo lí mà nhân dân ta là người thực hiện. 4, Bài học rút ra từ câu chuyện Ca ngợi lòng biết ơn đối với những người nhân hậu Nêu ra bài học đích đáng cho những kẻ tham lam, bội bạc từ đó thể hiện ước mơ của nhân dân ta về một xã hội công bằng: kẻ xấu xa, tham lam, bội bạc cuối cùng sẽ bị trừng trị.

cuối cùng sẽ bị trừng trị.

Quan sát bức tranh để hiểu nội dung được nói tới trong đó, nét mặt ông lão và bà vợ thể hiện điều gì?



-Bức tranh là khung cảnh sau 5 lần ông lão ra biển cầu xin, khi ông xin cho vợ thành Long Vương, điều ước khi ấy quá phi lí khiến cá tức giận mà biến mọi thứ trở về ban đầu. Bức tranh là cảnh ông lão trở về và ngạc nhiên trước khung cảnh nhà cửa như xưa và vợ ngồi trước nhà hậm hực.

HĐ cá nhân - KT trình bày 1 phút:

** GV yêu cầu HS làm việc cá nhân thực hiện*

yêu cầu sau: Em hãy khái quát nghệ thuật và nội dung chính của văn bản?

IV, Tổng kết.

1. Nghệ thuật

- Yếu tố tưởng tượng, hoang đường hấp dẫn.
- Xây dựng hình tượng nhân vật đối lập mang nhiều ý nghĩa.
- Kết thúc truyện quay lại thực tế khác hẳn kết thúc các truyện cổ tích khác có hậu.

2. Nội dung

- Ca ngợi lòng biết ơn đối với những người nhân hậu.
- Phê phán thói tham lam, bội bạc, vô ơn bội nghĩa.
- Bài học đích đáng cho những kẻ tham lam bội bạc.

3. Hoạt động 3: Luyện tập

a) Mục tiêu: Học sinh vận dụng kiến thức đã học vào giải bài tập

b) Nội dung hoạt động: Hs trả lời câu hỏi.

c) Sản phẩm học tập:

- Câu trả lời của các câu hỏi, bài tập.

d) Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Nội dung cần đạt
Hãy nêu một điểm giống và một điểm khác nhau nổi bật của truyện Ông lão đánh cá và con cá vàng (Pu-skin) và truyện cổ tích dân gian (Gợi ý: tìm điểm giống và khác về tác giả; yếu tố hoang đường, kì ảo; kiểu nhân	Bài tập: Hãy nêu một điểm giống và một điểm khác nhau nổi bật của truyện Ông lão đánh cá và con cá vàng (Pu-skin) và truyện cổ tích dân gian (Gợi ý: tìm điểm giống và khác về tác giả; yếu tố hoang đường, kì ảo; kiểu nhân vật;...).

vật;...).	* Giống nhau: • Có các yếu tố kì ảo, hoang đường: • Kiểu nhân vật theo mô típ: người hiền gặp lành, kẻ tham lam sẽ có bài học thích đáng * Khác nhau: + Văn học dân gian là sáng tác của nhân dân lao động truyền miệng từ đời này qua đời khác + Còn tác phẩm trên là do nhà văn người Nga viết
-----------	--

4. Hoạt động 4: Vận dụng

a) Mục tiêu: Giúp HS khắc sâu kiến thức đã học.

b) Nội dung: HS vận dụng kiến thức đã học để làm bài tập.

c) Sản phẩm học tập: Suy ngẫm của bản thân

d) Tổ chức thực hiện:

* Giao nhiệm vụ học tập:

Giả sử trong truyện, cá vàng sẽ tiếp tục đáp ứng yêu cầu của mẹ vợ - cho mẹ làm Long Vương thì em dự kiến sẽ viết tiếp kết thúc như thế nào?

* **Thực hiện nhiệm vụ:** HS suy nghĩ, hình thành và triển khai ý tưởng, tư duy độc lập...

* **Báo cáo kết quả:** GV gọi bất kì cá nhân nào trình bày kết quả.

Dự kiến:

Sau khi HS thực hiện xong từng nhiệm vụ, GV nhận xét và chốt lại.

* Kết luận, đánh giá.

**Hướng dẫn về nhà:

- Học kĩ bài đã học
- Chuẩn bị bài sau: Thực hành Tiếng việt

Ngày dạy:

Tiết 78- THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT: MỞ RỘNG CHỦ NGỮ

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

- Nhận diện được chủ ngữ, các chủ ngữ được mở rộng
- Nhận diện được từ ghép, từ láy và tác dụng.
- Nhận biết được cụm danh từ và cấu tạo của nó.

2. Năng lực

a. Năng lực chung:

- Năng lực tự chủ và tự học: Tìm kiếm thông tin, đọc sách giáo khoa, quan sát tranh ảnh để nêu được các thành phần chính của câu(chủ ngữ- vị ngữ, cụm từ, các loại cụm từ
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Thảo luận nhóm để thực hiện phiếu học tập, hợp tác giải quyết vấn đề để nêu được các thành phần chính của câu(chủ ngữ- vị ngữ, cụm từ, các loại cụm từ

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Năng lực trình bày và trao đổi thông tin trước lớp.

b. Năng lực đặc thù:

- Nêu được tác dụng của việc mở rộng phần chính của câu bằng cụm từ.

-Viết đoạn văn ngắn có sử dụng câu mở rộng phần chính của câu bằng cụm từ.

3. Phẩm chất:

- **Chăm chỉ:** Có ý thức vận dụng kiến thức, kỹ năng học được ở nhà trường, trong sách báo và từ các nguồn tin cậy khác vào học tập và đời sống hằng ngày.

- **Trách nhiệm:** Có ý thức trân trọng, giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU.

Giáo viên:- Học liệu: Ngữ liệu/Sách giáo khoa, phiếu học tập.

- Thiết bị: Máy tính.

Học sinh: Đọc và tìm hiểu trước bài.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Hoạt động 1: Mở đầu

a) Mục tiêu: Tạo tâm thế và định hướng chú ý cho học sinh; tạo vấn đề vào chủ đề

b) Nội dung hoạt động: HS quan sát ảnh

c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời/chia sẻ của HS bằng ngôn ngữ

d) Tổ chức hoạt động:

* **Chuyển giao nhiệm vụ:**

* **Thực hiện nhiệm vụ:** Hs trả lời câu hỏi

* **Báo cáo kết quả:** HS trình bày kết quả (cá nhân).

Ví dụ: Bức tranh này là loài hoa gì?(hồng nhung, hoa hồng,

Chỉ kích thước của bông hoa: nhỏ bé, nhỏ xinh

Sắc màu của bông hoa: đỏ thắm, đỏ đỏ, đỏ tươi

Bông hoa này như thế nào?(xinh xắn, đẹp đẽ, tươi thắm)

Xếp những từ mình vừa tìm được vào bảng sau:

Ví dụ:

Từ láy	Từ ghép
Đẹp đẽ, đỏ đỏ, xinh xắn	Hồng nhung, hoa hồng, nhỏ bé, màu đỏ.

* **Đánh giá nhận xét, dẫn vào bài:** Đây là một bức tranh rất hấp dẫn nó có thể đánh thức chúng ta mọi giác quan để chúng ta có thể tìm ra được túi từ vựng mà phong phú và sinh động. Như vậy bài học hôm nay các em sẽ phát triển được ngôn ngữ tiếng Việt của mình thông qua bài thực hành tiếng Việt “**MỞ RỘNG CHỦ NGỮ**”

2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức

Hoạt động của GV và HS			Nội dung cần đạt
a) Mục tiêu: Hs nhớ lại kiến thức về từ láy, từ ghép, thành ngữ b) Nội dung hoạt động: HS lấy ví dụ và nhắc lại khái niệm c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời/chia sẻ của HS bằng ngôn ngữ d) Tổ chức hoạt động:			I, NHẮC NHỚ KIẾN THỨC
* Chuyển giao nhiệm vụ: Phiếu học tập số 1: Tìm hiểu và ôn tập kiến thức			
Kiến thức	Ví dụ	Khái niệm	
1. Từ ghép			
2. Từ láy			
3. Thành ngữ			

*** Thực hiện nhiệm vụ: Hs trả lời câu hỏi**

*** Báo cáo kết quả:** HS trình bày kết quả (cá nhân).

Kiến thức	Ví dụ	Khái niệm
1. Từ ghép	Ông lão, đánh cá, cá vàng,...	Là những từ có hai tiếng trở lên. Các tiếng có mối quan hệ về nghĩa.
2. Từ láy	Nguy nga, êm ả, cầu nhàu,...	Là những từ có hai tiếng trở lên Các tiếng có mối quan hệ về âm thanh: âm đầu hoặc vần(hoặc cả âm đầu và vần) giống nhau.
3. Thành ngữ	Ếch ngồi đáy giếng Nước mắt cá sấu.	Là những cụm từ cố định quen dùng. Thường ngắn gọn, có hình ảnh.

*** Đánh giá nhận xét, kết luận**

Bài tập 1/ sgk/ 16: Xếp các từ sau đây vào hai nhóm: từ ghép, từ láy.

mầm bóng, hủn hoãn, lợi hại, phành phạch, giòn giã

Từ ghép	Từ láy

Dự kiến:

Từ ghép	Từ láy
<i>hủn hoãn</i> <i>phành phạch</i> <i>giòn giã.</i>	<i>mầm bóng</i> <i>lợi hại.</i>

Phiếu học tập số 3

Bài 2/ sgk/ 16. Các từ mầm bóng, hủn hoãn là sáng tạo của nhà văn Tô Hoài. Qua các từ đó, em hình dung như thế nào về ngoại hình của nhân vật Dế Mèn?

Hai từ *mầm bóng*, *hủn hoãn* diễn tả nét khác biệt về ngoại hình của Dế Mèn ở hai thời điểm:

+ Nếu lúc nhỏ đôi cánh ngắn ngủn, xấu xí đến khó coi.

+ Thì sau này nhờ ăn uống điều độ và làm việc có chừng mực mà trở thành một chàng dế thanh niên cường tráng, đáng yêu, có đôi càng béo tròn, đầy đặn, sáng bóng.

Gv: Như vậy các em thấy rằng ngay cả khi tác giả sử dụng từ láy như là hùn hoản, hay sử dụng từ ghép như là mẫm bóng thì những tính từ mà Tô Hoài dùng đều có giá trị gợi hình, gợi cảm rất cao. Chỉ cần đọc lên thôi chúng ta có thể hình dung ra được những vẽ rất là riêng về ngoại hình của nhân vật Dế Mèn.

Bài 3/ sgk/ 16 Thành ngữ

Bài 3/ sgk/ 16 Thành ngữ	
Câu hỏi	Ý kiến của em
Các thành ngữ chết ngay đuôi, vái cả sáu tay mà nhà văn Tô Hoài sáng tạo ra trong văn bản <i>Bài học đường đời đầu tiên</i> có điểm gì khác những thành ngữ đã có sẵn như chết thẳng cẳng, vái cả hai tay ?	
Theo em, thành ngữ nào phù hợp hơn để nói về loài dế?	

Dự kiến:

Câu hỏi	Ý kiến của em
Các thành ngữ chết ngay đuôi, vái cả sáu tay mà nhà văn Tô Hoài sáng tạo ra trong văn bản <i>Bài học đường đời đầu tiên</i> có điểm gì khác những thành ngữ đã có sẵn như chết thẳng cẳng, vái cả hai tay ?	Thành ngữ " chết ngay đuôi, vái cả sáu tay " sử dụng các bộ phận đuôi và 6 tay thay vì các bộ phận cẳng và 2 tay ở thành ngữ " chết thẳng cẳng, vái cả hai tay ".
Theo em, thành ngữ nào phù hợp hơn để nói về loài dế?	Thành ngữ " chết ngay đuôi, vái cả sáu tay " phù hợp hơn với loài dế, vì loài dế khác với con người, đặc tính của chúng là có đuôi và có 6 chân.

- Từ ghép: Là những từ có hai tiếng trở lên.

Các tiếng có mối quan hệ về nghĩa.

- Từ láy: Là những từ có hai tiếng trở lên

Các tiếng có mối quan hệ về âm thanh: âm đầu hoặc vần(hoặc cả âm đầu và vần) giống nhau.

- Thành ngữ: Là những cụm từ cố định quen dùng.

Thường ngắn gọn, có hình ảnh.

a) Mục tiêu: Hs hiểu Chủ ngữ là gì? Tại sao phải mở rộng chủ ngữ? Mở rộng chủ ngữ là làm gì?

b) Nội dung hoạt động: HS trả lời câu hỏi

c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời/chia sẻ của HS bằng ngôn ngữ

d) Tổ chức hoạt động:

* Chuyển giao nhiệm vụ:

Chủ ngữ là gì? Tại sao phải mở rộng chủ ngữ? Mở rộng chủ ngữ là làm gì?

* Thực hiện nhiệm vụ: Hs trả lời câu hỏi

II, MỞ RỘNG CHỦ NGỮ

1, Chủ ngữ là gì?

-Một trong hai thành phần chính của câu.

- Chỉ sự vật, hiện tượng, có hoạt động trạng thái, đặc điểm nêu ở vị trí vị ngữ.

- Trả lời câu hỏi: Ai? Con gì? Cái gì?

*** Báo cáo kết quả:** HS trình bày kết quả (cá nhân).

*** Đánh giá nhận xét, kết luận**

Mô hình mở rộng chủ ngữ(cụm danh từ)

Thành tố phụ(trước)+ Thành tố chính(trung tâm)+ Thành tố phụ(sau)

Hai+ cái răng+ đen nhánh.

Những + con mèo+ tam thể.

1, Những con mèo tam thể/ đang nằm phoi trên sân.

2, Những con mèo tam thể, những con cún có màu lông đen mượt/ đang cùng chơi đùa trên sân.

- Chủ ngữ thường được biểu hiện bằng danh từ, đại từ.

- Câu có thể có một hoặc nhiều chủ ngữ.

2, Tại sao phải mở rộng chủ ngữ?

-Biểu thị tình cảm, thái độ của người viết (người nói)

-Phản ánh đầy đủ tính chất của sự vật, hiện tượng.

-Câu văn trở nên dài hơn, hấp dẫn hơn

3, Mở rộng chủ ngữ là làm gì?

-Chủ ngữ thường được biểu hiện bằng danh từ, đại từ.

-Trường hợp chủ ngữ là danh từ, thường được mở rộng thành cụm danh từ.

-Như vậy mở rộng chủ ngữ cũng có thể hiểu là mở rộng cụm danh từ.

THỰC HÀNH MỞ RỘNG CHỦ NGỮ

Bài 4/ sgk(16) PHIẾU HỌC TẬP SỐ 5: Tìm chủ ngữ là cụm danh từ trong những câu dưới đây:

Câu văn	Chủ ngữ là cụm danh từ
a) Những cái vuốt ở chân, ở khoeo cứ cứng dần và nhọn hoắt. (Tô Hoài)	
b) Những gã xốc nổi thường làm cử chỉ ngông cuồng là tài ba. (Tô Hoài)	
c) Hàng ngàn ngọn nến sáng rực, lấp lánh trên cành lá xanh tươi và rất nhiều bức tranh màu sắc rực rỡ như những bức bày trong các tủ hàng hiện ra trước mắt em bé. (Cô bé bán diêm)	

Dự kiến:

Câu văn	Chủ ngữ là cụm danh từ
a) Những cái vuốt ở chân, ở khoeo cứ cứng dần và nhọn hoắt. (Tô Hoài)	Những cái vuốt ở chân, ở khoeo
b) Những gã xốc nổi thường làm cử chỉ ngông cuồng là tài ba. (Tô Hoài)	Những gã xốc nổi
c) Hàng ngàn ngọn nến sáng rực, lấp lánh trên cành lá xanh tươi và rất nhiều bức tranh màu sắc rực rỡ như những bức bày trong các tủ hàng hiện ra trước mắt em bé. (Cô bé bán diêm)	Hàng ngàn ngọn nến sáng rực, lấp lánh trên cành lá xanh tươi và rất nhiều bức tranh màu sắc rực rỡ như những bức bày trong các tủ hàng

Bài 5/sgk/16 PHIẾU HỌC TẬP SỐ 6

Xác định danh từ trung tâm và các thành tố phụ trong từng cụm danh từ làm chủ ngữ nói trên. Nêu tác dụng của việc mở rộng chủ ngữ.

Thành tố phụ trước	Thành phần trung tâm	Thành tố phụ sau

Dự kiến:

Thành tố phụ trước	Thành phần trung tâm	Thành tố phụ sau
những	cái vuốt	ở chân, ở khoeo
những	gã	xốc nổi
hàng ngàn	ngọn nến	sáng rực, lấp lánh trên cành lá xanh tươi
rất nhiều	bức tranh	màu sắc rực rỡ như những bức bày trong các tủ hàng

Tác dụng của việc mở rộng chủ ngữ để phản ánh đầy đủ hiện thực khách quan và bộc lộ tình cảm, thái độ của người viết.

	Như vậy: Mở rộng chủ ngữ là một điều cần thiết khi viết các câu văn, đoạn văn. +Biểu thị tình cảm, thái độ của người viết (người nói) + Phản ánh đầy đủ tính chất của hiện thực + Câu văn trở nên lôi cuốn hấp dẫn hơn. Thực hiện mở rộng chủ ngữ (cụm danh từ) theo cấu trúc (Thành tố phụ (trước), (Thành tố chính (trung tâm), (Thành tố phụ (sau)

3. Hoạt động 3: Luyện tập

a) Mục tiêu: Học sinh vận dụng kiến thức đã học vào giải bài tập

b) Nội dung hoạt động: Hs trả lời câu hỏi.

c) Sản phẩm học tập:

- Câu trả lời của các câu hỏi, bài tập.

d) Tổ chức thực hiện:

*** Chuyển giao nhiệm vụ:**

- GV phát phiếu bài tập.

*** Thực hiện nhiệm vụ:**

- HS suy nghĩ, hình thành và triển khai ý tưởng, tư duy độc lập...

*** Báo cáo kết quả:**

- GV gọi bất kì cá nhân nào trình bày kết quả.

*** Kết luận, đánh giá:**

- HS, GV đánh giá, nhận xét.

Hoạt động của GV và HS	Nội dung cần đạt
Kỹ thuật viết tích cực Bài 7/ sgk/ 16: Viết một đoạn văn ngắn (khoảng 5 – 7 dòng) nêu cảm nghĩ của em về một nhân vật trong văn bản Bài học đường đời đầu tiên (Tô Hoài) hoặc Ông lão đánh cá và con cá vàng (Pu - Skin kể), trong đoạn văn có sử dụng chủ ngữ là cụm từ. Xác định chủ ngữ là cụm từ trong đoạn	1, Hình thức: + Đoạn văn, xuống dòng 1 lần + Dung lượng khoảng 5- 7 dòng + Hạn chế gạch xóa(1-2 lỗi) + Diễn đạt trôi chảy + Có chú thích cụm danh từ 2, Nội dung:

văn đó.

Đoạn văn tham khảo: Chắc hẳn khi đọc bài “ Bài học đường đời đầu tiên của nhà văn Tô Hoài, chúng ta đều nhớ về một anh chàng Dế Mèn khoẻ mạnh, cường tráng mà tính tình vô cùng kiêu căng, hóm hỉnh đúng không? Dế Mèn được nhân hoá như một con người, với vẻ ngoài bóng bẩy: nào là cái vuốt cứng, nhọn hoắt, đôi cánh dài kín xuống tận chấm đuôi... Chao ôi, một chàng dế thanh niên thật là đẹp đẽ, mạnh khoẻ và cường tráng làm sao! Có lẽ vì thế mà lúc nào chàng ta cũng nghĩ mình là người tài giỏi nhất, chẳng coi ai ra gì: quát chị Cào Cào, đá anh Gọng Vó. Đỉnh điểm, Mèn ta còn trêu chị Cốc để rồi dẫn đến cái chết thương tâm của Dế Choắt- người hàng xóm kề bên. Những sự đại dột, ngông cuồng của Dế Mèn đã phải trả giá. Dế Mèn nhận ra bài học đường đời đầu tiên thật thấm thía.

+ Giới thiệu được tên và cảm nhận về nhân vật, tên tác phẩm, tác giả.

+ Khai thác được nghệ thuật xây dựng nhân vật, các yếu tố của nhân vật (ngoại hình, hành động, tính cách).

+ Đưa ra được lời nhận xét, bình luận về nhân vật đó.

4. Hoạt động 4: Vận dụng

a) Mục tiêu: Giúp HS khắc sâu, mở rộng kiến thức đã học.

b) Nội dung: HS hiểu được kiến thức trong bài học để vận dụng vào thực tế.

c) Sản phẩm học tập: Đoạn văn

d) Tổ chức thực hiện:

* Giao nhiệm vụ học tập:

Tìm 5 cụm danh từ làm chủ ngữ trong văn bản Bài học đường đời đầu tiên (Tô Hoài)

Bước 1: Gạch chân các chủ ngữ là danh từ

Bước 2: Tìm các thành tố phụ trước và thành tố phụ sau(có 1 hoặc cả 2)

Dự kiến:

+ **Đôi càng tôi** mẫm bóng.

+ **Những ngọn cỏ** , y như có nhát dao vừa lia qua.

+ **Những kẻ yếu đuối, vật lộn cật lực** thế mà cũng không sống nổi.

Bài 2: Ong, khu vườn, chú, những, bông hoa, xinh đẹp, ở

Tạo lập các cụm danh từ

Đặt câu văn có sử dụng các cụm danh từ trên làm chủ ngữ.

Dự kiến:

1, Những cụm danh từ có thể tạo được là:

Những bông hoa

Những bông hoa xinh đẹp

Những bông hoa xinh đẹp ở khu vườn.

Những khu vườn

Những khu vườn xinh đẹp

Những chú ong

Những chú ong xinh đẹp

Những chú ong xinh đẹp ở khu vườn

2, Đặt câu văn có sử dụng các cụm danh từ trên làm chủ ngữ.

Những bông hoa xinh đẹp ở khu vườn đang được đánh thức bởi những tia nắng ban mai đầu tiên.

Những chú ong đang chuẩn bị cho hành trình tìm kiếm cánh đồng hoa ở một nơi rất xa.

* **Thực hiện nhiệm vụ:** HS suy nghĩ, hình thành và triển khai ý tưởng, tư duy độc lập...

* **Báo cáo kết quả:** GV gọi bất kì cá nhân nào trình bày kết quả.

* **Kết luận, đánh giá.**

** Hướng dẫn tự học

Hoàn thiện các bài tập và chọn viết về một nhân vật trong văn bản còn lại.

Chuẩn bị bài “ Cô bé bán diêm”

Ngày dạy:

Tiết 79+ 80

THỰC HÀNH ĐỌC HIỂU VĂN BẢN “ CÔ BÉ BÁN DIÊM”(An-đéc-xen)

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức:

- Nhận biết được một số yếu tố hình thức (nhân vật, cốt truyện, người kể ngôi thứ nhất và ngôi thứ ba,...), nội dung (đề tài, chủ đề, ý nghĩa,...) của truyện đồng thoại; truyện của An-đéc-xen.

- Nhận biết được người kể chuyện ngôi thứ ba.

- Nhận biết được chủ đề của văn bản.

- Tóm tắt được văn bản một cách ngắn gọn.

- Phân biệt được lời người kể chuyện và lời nhân vật, nhận biết thái độ người kể chuyện thông qua lời kể và cách miêu tả.

2. Năng lực

a. Năng lực chung:

- Năng lực tự chủ và tự học: Tìm kiếm thông tin, đọc sách giáo khoa, quan sát tranh ảnh đề

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Thảo luận nhóm để thực hiện phiếu học tập, hợp tác giải quyết vấn đề đề đề .

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Năng lực trình bày và trao đổi thông tin trước lớp.

b. Năng lực đặc thù: Nêu được bài học về cách nghĩ và cách ứng xử của cá nhân do văn bản gợi ra.

3. Phẩm chất:

- *Chăm chỉ*: Có ý thức vận dụng kiến thức, kỹ năng học được ở nhà trường, trong sách báo và từ các nguồn tin cậy khác vào học tập và đời sống hằng ngày.
- *Trách nhiệm*: Biết đồng cảm, sẻ chia và giúp đỡ những người thiệt thòi, bất hạnh trong cuộc sống, trân trọng cuộc sống đang có.

II. THIẾT BỊ VÀ HỌC LIỆU

- Học liệu: Ngữ liệu/Sách giáo khoa, phiếu học tập.
- Thiết bị: Máy tính, máy chiếu.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Hoạt động 1: Mở đầu

- Mục tiêu: Tạo tâm thế và định hướng chú ý cho học sinh; tạo vấn đề vào chủ đề
- Nội dung hoạt động: HS trả lời câu hỏi.
- Sản phẩm học tập: Câu trả lời/chia sẻ của HS bằng ngôn ngữ
- Tổ chức hoạt động:

* **Chuyển giao nhiệm vụ:** Trò chơi mảnh ghép

* **Thực hiện nhiệm vụ học tập:**

Có 4 mảnh ghép, mỗi mảnh ghép là một câu hỏi, sau mảnh ghép sẽ là một bức tranh.

- Ở các nước phương Tây, ngày cuối cùng của năm rất gần với ngày lễ lớn nào của người theo đạo thiên chúa giáo?(Ngày lễ giáng sinh(25/12)
- Một hiện tượng phổ biến của thời tiết ở các nước phương tây vào dịp cuối năm là hiện tượng gì?(tuyết rơi)
- Loại cây luôn xuất hiện trong lễ giáng sinh ở các nước phương Tây được trang trí lộng lẫy?
- Đêm cuối cùng của năm cũ để chuẩn bị bước sang năm mới thì thường được gọi là gì?(Đêm giao thừa)



* **Báo cáo kết quả:**

- HS trình bày kết quả (cá nhân/đại diện nhóm).

* **Đánh giá nhận xét:**

Bức tranh khiến ta liên tưởng đến không khí náo nức của những ngày giáng sinh, không khí tiết trời ở Việt Nam mình thì hơi se lạnh thôi, còn ở các quốc gia phương Tây rất là rét, có tuyết rơi nữa và chính trong cái rét như thế người ta cần nhau và người ta đến với nhau, người ta vui vẻ, sum vầy bên những bữa tiệc thịnh soạn trong đêm giao thừa, người ta tổng kết lại một năm cũ đã qua và người ta bàn bạc về những dự định cho một năm mới sắp tới. Và trong cái khung cảnh đậm ấm ngọt ngào của đêm giao thừa ấy, bức tranh đã gọi lên tất cả không khí đó, rực rỡ ánh sáng, sự đẹp đẽ gọn gàng sang trọng, đủ đầy. Tuy nhiên chúng ta có thấy không trong cuộc sống này, ở đâu đó trong những góc khuất của cuộc sống có những con người, có những sinh linh bé nhỏ vẫn còn vất vả nhọc nhằn trong cuộc mưu sinh thậm trí phải đối diện với hoàn cảnh vô cùng khó khăn và bất hạnh. Ngày hôm nay chúng ta sẽ học một câu chuyện thật xúc động, một câu chuyện rất quen thuộc của nhà văn chuyên viết cho thiếu nhi người Đan Mạch nhà văn An –đéc-xen, “ Cô bé bán diêm” một trong những tác phẩm nổi tiếng của nhà văn An- đéc- xen cũng như là câu chuyện rất quen thuộc với tuổi thơ, của độc giả ở không biết bao phương trời và biết bao nhiều thế hệ.

2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới

Hoạt động của GV và HS	Nội dung cần đạt								
a) Mục tiêu: Hs nắm được những nét cơ bản về tác giả và văn bản. b) Nội dung hoạt động: HS thuyết trình . c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời/chia sẻ của HS bằng ngôn ngữ d) Tổ chức hoạt động:	I, ĐỌC VĂN BẢN								
Yc đọc văn bản(gv chiếu) ? Qua sự chuẩn bị ở nhà các nhóm lên thuyết trình về tác giả? Gv chiếu chân dung tác giả và nhấn mạnh: An-đec-xen (1805 – 1875) là nhà văn Đan Mạch, “người kể chuyện cổ tích” nổi tiếng thế giới. Truyện của ông đem đến cho độc giả những cảm nhận về niềm tin và lòng yêu thương đối với con người, những bài học triết lý đằng sau một giọng văn dí dỏm, nhẹ nhàng. Có lẽ vì vậy, thế giới cổ tích trong truyện của ông không chỉ hấp dẫn trẻ nhỏ Đan Mạch mà vượt qua mọi giới hạn về ranh giới và tuổi tác. Mọi lứa tuổi từ già đến trẻ, từ các nước châu Á hay châu Âu, châu Mỹ... đều rất mến mộ và yêu thích truyện của ông. - GV: trình chiếu các hình ảnh về đất nước Đan Mạch. (Đây là bản đồ đất nước Đan Mạch, một nước nhỏ thuộc khu vực Bắc Âu, diện tích chỉ bằng khoảng một phần tám nước ta. Có thủ đô là Ha-pa-gen.) - GV trình chiếu ảnh về tác giả An-đec-xen và các tác phẩm nổi tiếng.	1. Tác giả. - An-đec-xen (1805 – 1875) là nhà văn Đan Mạch, “người kể chuyện cổ tích” nổi tiếng thế giới. - Phong cách nghệ thuật: nhẹ nhàng, ảm áp, thâm trầm chất nhân văn. - Các tác phẩm tiêu biểu: Bầy chim thiên nga, Nàng tiên cá, Nàng công chúa và hạt đậu, Cô bé bán diêm,... 2. Tác phẩm. a, Xuất xứ: Cô bé bán diêm là một trong những truyện cổ tích nổi tiếng nhất của nhà văn An-đec-xen.								
* Chuyển giao nhiệm vụ: Phiếu học tập số 1: Ngôi kể và người kể chuyện <table border="1" data-bbox="165 1413 1038 1697"> <thead> <tr> <th>Yếu tố</th><th>Nội dung</th></tr> </thead> <tbody> <tr> <td>Ngôi kể</td><td>.....</td></tr> <tr> <td>Người kể chuyện</td><td>.....</td></tr> <tr> <td>Nhận xét</td><td>-</td></tr> </tbody> </table> * Thực hiện nhiệm vụ: Hs điền phiếu học tập * Báo cáo kết quả: HS trình bày ý hiểu của mình về ngôi kể, nhân vật trong truyện kể, bài học. HS khác nghe, nhận xét, bổ sung, đánh giá câu trả lời của bạn * Đánh giá nhận xét: - HS khác theo dõi, đánh giá, nhận xét, bổ sung. - GV quan sát, hỗ trợ, tư vấn; nhận xét, đánh giá kết quả làm việc của HS, chốt kiến thức, chuyển giao	Yếu tố	Nội dung	Ngôi kể		Người kể chuyện		Nhận xét	-	b, Ngôi kể và người kể chuyện - Ngôi kể thứ ba - Người kể chuyện “giấu mình”. Người kể chuyện có mặt ở khắp mọi nơi, chứng kiến và thấu hiểu tất cả ➔ Nhận xét: - Kể lại câu chuyện một cách khách quan, toàn diện - Đây cũng là cách lựa chọn người kể chuyện, ngôi kể quen thuộc của các truyện cổ tích
Yếu tố	Nội dung								
Ngôi kể									
Người kể chuyện									
Nhận xét	-								

nhiệm vụ mới.

*** Chuyển giao nhiệm vụ:**

Phiếu học tập số 2: Tìm hiểu cốt truyện

Trình tự	Sự việc
1	
2	
3	
4	
5	
6	
7	

? Nhận xét về cốt truyện

*** Thực hiện nhiệm vụ:** HS nghe, đặt câu hỏi liên quan đến bài học

*** Báo cáo kết quả:**

Trình tự	Sự việc
1	Đêm giao thừa, có một cô bé bán diêm nhà nghèo, đầu trần, chân đất, bụng đói đang dò dẫm trong bong tối. Cả ngày không bán được que diêm nào khiến em không dám về nhà vì sợ bố mắng. Vừa lạnh vừa đói, cô bé ngồi nép vào một góc tường rồi quẹt một que diêm để sưởi ấm.
2	Em quẹt que diêm thứ nhất, lò sưởi hiện ra.
3	Em quẹt que diêm thứ hai, em thấy một bữa tiệc thịnh soạn.
4	Em quẹt que diêm thứ ba, em thấy cây thông Noeln rực rỡ và những món quà trang trí.
5	Khi quẹt que diêm thứ tư, em thấy người bà hiền hậu xuất hiện.
6	Em đã quẹt tất cả các que diêm còn lại để được thấy hình ảnh của bà.
7	Sáng hôm sau, người ta phát hiện cô bé đã chết bên góc tường.

*** Đánh giá nhận xét:**

- HS khác theo dõi, đánh giá, nhận xét, bổ sung.
- GV quan sát, hỗ trợ, tư vấn; nhận xét, đánh giá kết quả làm việc của HS, chốt kiến thức, chuyển giao nhiệm vụ mới.

- Gvchuyển ý: Câu chuyện cô bé bán diêm không có những tình tiết gay cấn, không có mâu thuẫn xung đột kịch tính nhưng lại để lại trong lòng độc giả những dấu

c, Tìm hiểu cốt truyện

- Các sự việc được sắp xếp theo trình tự thời gian: Mở đầu -> Diễn biến -> Cao trào -> Kết thúc
 - Mang đặc điểm của các câu chuyện cổ tích: có nhân vật bất hạnh và xuất hiện các yếu tố tưởng tượng kì ảo. Nhưng vẫn có những nét khác biệt với truyện cổ tích ở kết thúc
- ⇒ Cốt truyện đơn giản nhưng vẫn hấp dẫn bởi việc sáng tạo các chi tiết kì ảo, kết thúc vừa thực tế, nghiệt ngã vừa nhân ái, đầy yêu thương.

ấn khó phai. Chúng ta hãy đi vào phần tìm hiểu chi tiết văn bản.												
II, KHÁM PHÁ VĂN BẢN												
a) Mục tiêu: Hs hiểu được Gia cảnh của cô bé bán diêm để thấy được cô bé có số phận bất hạnh, tình cảnh thê thảm, tội nghiệp, đáng thương nhưng lại không hề nhận được tình thương.. b) Nội dung hoạt động: Thực hiện các phiếu học tập c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời/chia sẻ của HS bằng ngôn ngữ d) Tổ chức hoạt động:			1, Gia cảnh của cô bé bán diêm									
* Chuyển giao nhiệm vụ: Phiếu học tập số 3: Gia cảnh của cô bé bán diêm <table><tr><td></td><td>Quá khứ</td><td>Hiện tại</td></tr><tr><td>Nơi ở</td><td>Ngôi nhà xinh xắn có dây trường xuân leo quanh.</td><td>Sống ở trên gác, sát mái nhà, gió thổi rít qua những kẽ hở lớn trên vách.</td></tr><tr><td>Người thân</td><td>Có bà, có mẹ được sống trong tình yêu thương.</td><td>Luôn lắng nghe những lời mắng nhiếc, chửi rủa và đòn roi từ người cha.</td></tr></table>				Quá khứ	Hiện tại	Nơi ở	Ngôi nhà xinh xắn có dây trường xuân leo quanh.	Sống ở trên gác, sát mái nhà, gió thổi rít qua những kẽ hở lớn trên vách.	Người thân	Có bà, có mẹ được sống trong tình yêu thương.	Luôn lắng nghe những lời mắng nhiếc, chửi rủa và đòn roi từ người cha.	+ Mất mái nhà: mất tài sản, hai cha con lâm vào cuộc sống nghèo túng + Mất mái ấm: Mất những người thân cùng tình yêu thương ấm áp mà họ dành cho em. ⇒ Số phận đã lấy đi của em những người thân yêu nhất, lấy đi cả cơ hội được sống trong tình yêu gia đình, cơ hội được học hành, được vui chơi. Nghiệt ngã hơn em còn bị đẩy vào cuộc mưu sinh gian khó.
	Quá khứ	Hiện tại										
Nơi ở	Ngôi nhà xinh xắn có dây trường xuân leo quanh.	Sống ở trên gác, sát mái nhà, gió thổi rít qua những kẽ hở lớn trên vách.										
Người thân	Có bà, có mẹ được sống trong tình yêu thương.	Luôn lắng nghe những lời mắng nhiếc, chửi rủa và đòn roi từ người cha.										
Nhận xét: + Mất mái nhà: mất tài sản, hai cha con lâm vào cuộc sống nghèo túng + Mất mái ấm: Mất những người thân cùng tình yêu thương ấm áp mà họ dành cho em ⇒ Số phận đã lấy đi của em những người thân yêu nhất, lấy đi cả cơ hội được sống trong tình yêu gia đình, cơ hội được học hành, được vui chơi. Nghiệt ngã hơn em còn bị đẩy vào cuộc mưu sinh gian khó. * Thực hiện nhiệm vụ: Hs điền phiếu học tập * Báo cáo kết quả:Hs trình bày HS khác nghe, nhận xét, bổ sung, đánh giá câu trả lời của bạn * Đánh giá nhận xét: - HS khác theo dõi, đánh giá, nhận xét, bổ sung. - GV quan sát, hỗ trợ, tư vấn; nhận xét, đánh giá kết quả làm việc của HS, chốt kiến thức, chuyển giao nhiệm vụ mới.												

*** Chuyển giao nhiệm vụ:**

Phiếu học tập số 4: Tình cảnh đặc biệt của cô bé bán diêm

Yếu tố	Thời gian, không gian	Ngoại hình	Hành động
Chi tiết			

*** Thực hiện nhiệm vụ:** Hs điền phiếu học tập

*** Báo cáo kết quả:** Hs trình bày

HS khác nghe, nhận xét, bổ sung, đánh giá câu trả lời của bạn

Yếu tố	Thời gian, không gian	Ngoại hình	Hành động
Chi tiết	- Thời gian: Đêm giao thừa (đêm cuối cùng của năm, thời khắc để mọi gia đình đoàn tụ) - không gian: Ngoài đường phố, rét dữ dội, tuyết rơi	+ Đầu trần, chân đi đất + Đôi chân đỏ ửng lên, rồi tím bầm lại vì rét + Chiếc tạp dề cũ kĩ đựng đầy diêm và tay em còn cầm thêm một bao + Bông tuyết bám đầy trên mái tóc dài xõa thành từng búp trên lưng em + Đôi bàn tay em đã cứng đờ ra	+ Cô bé phải đi bán diêm + “Dò dẫm trong đêm” + “Cố kiếm một nơi có nhiều người qua lại” + “Ngồi nép vào một góc tường, giữa hai ngôi nhà” + “Em thu đôi chân vào người nhưng mỗi lúc em càng thấy rét buốt hơn”

*** Đánh giá nhận xét:**

- HS khác theo dõi, đánh giá, nhận xét, bổ sung.
- GV quan sát, hỗ trợ, tư vấn; nhận xét, đánh giá kết quả làm việc của HS, chốt kiến thức, chuyển giao nhiệm vụ mới.
- ? Em có nhận xét gì về tình cảnh đặc biệt của cô bé bán diêm?

Phiếu học tập số 5: Những hình ảnh tương phản, đối lập trong hoàn cảnh của cô bé bán diêm.

	Thời tiết và mọi người xung quanh	Cô bé bán diêm
Chi tiết	+ Thời tiết giá lạnh, giá rét dữ dội. Mọi người tập trung trong những phòng khách có lò sưởi ấm áp và sáng rực ánh đèn	+ Đầu trần, chân đất giữa băng đất tuyết, dò dẫm trong đêm tối -> RÉT + Chịu đói suốt ngày, chẳng bán được gì cũng không ai bố thí chút đỉnh

- Em chịu đói rét để mưu sinh vào giữa thời khắc mà người người nhà nhà đang đoàn tụ ấm áp
- Em chỉ nhận được sự lạnh lùng, vô cảm, thờ ơ của những người qua đường.
- Em có nhà mà không thể về bởi người cha dữ dòn và ngôi nhà tồi tàn không thể chống lại cái rét
- Cô bé bán diêm đang ở trong tình cảnh vô cùng đáng thương và bất hạnh.

	nào -> ĐÓI + Đơn độc, mỗi một, có nhà không thể về, có cha không thể sẻ chia -> CÔ ĐƠN	
	⇒ Cô bé có số phận bất hạnh, tình cảnh thê thảm, tội nghiệp, đáng thương nhưng lại không hề nhận được tình thương.	
Tiết 2 a) Mục tiêu: Hs hiểu được thông qua các lần quẹt diêm của cô bé bán diêm để thấy được những mong ước của cô bé bán diêm thật giản dị....qua đó thấy được tác giả phê phán xã hội tư bản đương thời, nhắc nhở mỗi chúng ta về tình người, lòng nhân ái trong cuộc sống. b) Nội dung hoạt động: Thực hiện các phiếu học tập c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời/chia sẻ của HS bằng ngôn ngữ d) Tổ chức hoạt động:	2, Những lần quẹt diêm và mong ước của cô bé bán diêm.	
Việc quẹt diêm tưởng là dễ dàng và tự nhiên với cô bé nhưng thực chất lại khó khăn vô cùng: - Đây vừa là mong ước vừa là cuộc sống đấu tranh nội tâm trong suy nghĩ của em: “Chà! Giá quẹt một que diêm lên mà sưởi ấm một chút nhỉ?” - Em không dám quẹt diêm vì sợ bị cha đánh. Với em hành động quẹt diêm là một hành động rất đơn giản và tầm thường đối với người khác nhưng đối với cô bé này quẹt diêm rõ ràng là một việc không hề đơn giản, quyết định quẹt diêm là một việc thật khó khăn và em phải có một quá trình đấu tranh nội tâm ở trong suy nghĩ của mình. Nhưng rồi cuối cùng cô bé vẫn quyết định quẹt diêm và hành động quẹt diêm của cô bé nó thể hiện điều gì? Hành động này chứng tỏ: - Em đang đối diện với đối rét và nỗi cô đơn cùng cực nên mong ước có được hơi ấm và ánh sáng. - Hành động thể hiện sự dũng cảm, vượt lên nỗi sợ hãi đồng thời khẳng định, trong hoàn cảnh tăm tối, cơ cực, con người vẫn hướng về ánh sáng, hơi ấm, sự sống.	-Nguyên nhân của hành động quẹt diêm +Đây vừa là mong ước vừa là cuộc sống đấu tranh nội tâm trong suy nghĩ của em: “Chà! Giá quẹt một que diêm lên mà sưởi ấm một chút nhỉ?” +Em không dám quẹt diêm vì sợ bị cha đánh. Hành động này chứng tỏ: - Em đang đối diện với đối rét và nỗi cô đơn cùng cực nên mong ước có được hơi ấm và ánh sáng. - Hành động thể hiện sự dũng cảm, vượt lên nỗi sợ hãi	

đồng thời khẳng định, trong hoàn cảnh tăm tối, cơ cực, con người vẫn hướng về ánh sáng, hơi ấm, sự sống.

*Chuyển giao nhiệm vụ

Phiếu học tập số 6: Lần đầu quẹt diêm của cô bé

Chi tiết

Hình ảnh ngọn lửa và ước muốn của em

+ Hình ảnh ngọn lửa:

.....

+ Ước muốn của em:.....

....

+ Hành động/ cảm xúc của em:.....

.

Kết quả

.....

.....

Ý nghĩa?

* Thực hiện nhiệm vụ: Hs điền phiếu học tập

* Báo cáo kết quả:Hs trình bày

Chi tiết

Hình ảnh ngọn lửa và ước muốn của em

+ Hình ảnh ngọn lửa “lúc đầu xanh lam, dần dần biếc đi, trắng ra, rực hồng quanh que gỗ, sáng chói”; “sáng rực như than hồng”

+ Ước muốn của em: “Một lò sưởi bằng sắt có những hình nổi bằng đồng bóng nhoáng. Trong lò, lửa cháy nom đến vui mắt và tỏa ra hơi nóng dịu dàng”

+ Hành động/ cảm xúc của em: “”Thật là dễ chịu!”; “bàn tay em hơ trên ngọn lửa...ngón cái nóng bỏng ên”...

Kết quả

+ “Em vừa đuổi chân ra thì lửa vụt tắt, lò sưởi biến mất”.

Que diêm đã tắt dần

+ Thực tại: cô bé đối mặt với bóng tối, giá rét và cả nỗi sợ bị cha mắng.

“Em bần thần cả người”

Ý nghĩa:

+ Trong tăm tối, giá lạnh, cô bé khao khát ánh sáng và hơi ấm.

+ Niềm hạnh phúc đơn sơ, giản dị nhưng với cô bé bất hạnh, nó chỉ là ảo mộng hiện lên ngắn ngủi rồi tan biến.

+Em bị ném trả phũ phàng về với thực tại nghiệt ngã.

HS khác nghe, nhận xét, bổ sung, đánh giá câu trả lời của bạn

a, Lần quẹt diêm thứ 1

330

* Đánh giá nhận xét: - HS khác theo dõi, đánh giá, nhận xét, bổ sung. - GV quan sát, hỗ trợ, tư vấn; nhận xét, đánh giá kết quả làm việc của HS, chốt kiến thức, chuyển giao nhiệm vụ mới. Gv: Nghiệt ngã là bóng tối, là đói rét, là cô đơn là nỗi sợ hãi xâm chiếm. nhưng một khi hi vọng đã được thắp lên thì không bao giờ bị tắt lụi em tiếp tục quét que diêm thứ 2.	Ý nghĩa: + Trong tăm tối, giá lạnh, cô bé khao khát ánh sáng và hơi ấm + Niềm hạnh phúc đơn sơ, giản dị nhưng với cô bé bất hạnh, nó chỉ là ảo mộng hiện lên ngắn ngủi rồi tan biến +Em bị ném trả phũ phàng về với thực tại nghiệt ngã						
*Chuyển giao nhiệm vụ Phiếu học tập số 7: Lần quét diêm thứ 2 của cô bé <table><tr><th>Chi tiết</th><th>Hình ảnh ngọn lửa và ước muốn của em</th><th>Kết quả</th></tr><tr><td></td><td>+ Hình ảnh ngọn lửa: + Ước muốn của em:..... + Hành động/ cảm xúc của em:..... .</td><td>.....</td></tr></table> Ý nghĩa?	Chi tiết	Hình ảnh ngọn lửa và ước muốn của em	Kết quả		+ Hình ảnh ngọn lửa: + Ước muốn của em:..... + Hành động/ cảm xúc của em:..... .		b, Lần quét diêm thứ 2
Chi tiết	Hình ảnh ngọn lửa và ước muốn của em	Kết quả					
	+ Hình ảnh ngọn lửa: + Ước muốn của em:..... + Hành động/ cảm xúc của em:..... .						
* Thực hiện nhiệm vụ: Hs điền phiếu học tập * Báo cáo kết quả:Hs trình bày <table><tr><th></th><th>Hình ảnh ngọn lửa và ước muốn của em</th><th>Kết quả</th></tr><tr><td>Chi tiết</td><td>+ Hình ảnh ngọn lửa: Diêm cháy và sáng rực lên + Ước muốn của em: “Bàn ăn đã dọn, khăn trải trắng tinh...bát đĩa bằng sứ quý giá, có cả một con ngỗng quay”</td><td>+ Diêm vụt tắt, trước mặt em là bức tường lạnh lẽo + Phở xá vằng teo, lạnh buốt, tuyết phủ trắng xóa, gió bắc vi vu + Mọi người thờ ơ, lãnh đạm với em</td></tr></table> Ý nghĩa: + Giữa đói khổ, em mơ về một bữa ăn thịnh soạn, trong nghèo khó, em khao khát cuộc sống đủ đầy, sung túc. + Hình ảnh bức tường dày đặc và lạnh lẽo như một biểu tượng cho đường ranh giới cách ngăn giữa cô bé với những mộng ước, giữa thực và mơ, giữa nghèo khó với giàu sang, cũng là thái độ vô cảm của xã hội đối với những kiếp người bất hạnh.		Hình ảnh ngọn lửa và ước muốn của em	Kết quả	Chi tiết	+ Hình ảnh ngọn lửa: Diêm cháy và sáng rực lên + Ước muốn của em: “Bàn ăn đã dọn, khăn trải trắng tinh...bát đĩa bằng sứ quý giá, có cả một con ngỗng quay”	+ Diêm vụt tắt, trước mặt em là bức tường lạnh lẽo + Phở xá vằng teo, lạnh buốt, tuyết phủ trắng xóa, gió bắc vi vu + Mọi người thờ ơ, lãnh đạm với em	
	Hình ảnh ngọn lửa và ước muốn của em	Kết quả					
Chi tiết	+ Hình ảnh ngọn lửa: Diêm cháy và sáng rực lên + Ước muốn của em: “Bàn ăn đã dọn, khăn trải trắng tinh...bát đĩa bằng sứ quý giá, có cả một con ngỗng quay”	+ Diêm vụt tắt, trước mặt em là bức tường lạnh lẽo + Phở xá vằng teo, lạnh buốt, tuyết phủ trắng xóa, gió bắc vi vu + Mọi người thờ ơ, lãnh đạm với em					
* Đánh giá nhận xét:	Ý nghĩa:						

- HS khác theo dõi, đánh giá, nhận xét, bổ sung. - GV quan sát, hỗ trợ, tư vấn; nhận xét, đánh giá kết quả làm việc của HS, chốt kiến thức, chuyển giao nhiệm vụ mới.			+ Giữa đôi khó, em mơ về một bữa ăn thịnh soạn, trong nghèo khó, em khao khát cuộc sống đủ đầy, sung túc + Hình ảnh bức tường dày đặc và lạnh lẽo như một biểu tượng cho đường ranh giới cách ngăn giữa cô bé với những mộng ước, giữa thực và mơ, giữa nghèo khó với giàu sang, cũng là thái độ vô cảm của xã hội đối với những kiếp người bất hạnh.							
*Chuyển giao nhiệm vụ Phiếu học tập số 8: Lần quét diêm thứ 3 của cô bé <table><tr><td rowspan="3">Chi tiết</td><td>Hình ảnh ngọn lửa và ước muốn của em</td><td>Kết quả</td></tr><tr><td>+ Ước muốn của em:.....</td><td>.....</td></tr><tr><td>....</td><td></td></tr></table> Ý nghĩa?			Chi tiết	Hình ảnh ngọn lửa và ước muốn của em	Kết quả	+ Ước muốn của em:.....				c, Lần quét diêm thứ 3
Chi tiết	Hình ảnh ngọn lửa và ước muốn của em	Kết quả								
	+ Ước muốn của em:.....									
										
* Thực hiện nhiệm vụ: Hs điền phiếu học tập * Báo cáo kết quả:Hs trình bày										
Chi tiết	Hình ảnh ngọn lửa và ước muốn của em	Kết quả								
	+ Ước muốn của em: Cây thông Noel trang trí lộng lẫy, hàng ngàn ngọn nến sáng rực, lấp lánh trên cành lá xanh tươi, và rất nhiều bức tranh màu sắc rực rỡ	+ Em với đôi tay về phía cây...nhưng diêm tắt. + Tất cả các ngọn nến bay lên rồi biến thành những ngôi sao trên bầu trời.								
Ý nghĩa: + Em ước mơ có một cuộc sống sung túc, tràn ngập ánh sáng, một đêm giao thừa đúng nghĩa. + Khi diêm tắt, những hình ảnh cũng dần tan biến, trở thành những thứ đẹp đẽ nhưng hư ảo, vượt ngoài tầm tay với của cô bé.										
* Đánh giá nhận xét: - HS khác theo dõi, đánh giá, nhận xét, bổ sung. - GV quan sát, hỗ trợ, tư vấn; nhận xét, đánh giá kết quả làm việc của HS, chốt kiến thức, chuyển giao nhiệm vụ mới.			Ý nghĩa: + Em ước mơ có một cuộc sống sung túc, tràn ngập ánh sáng, một đêm							

Gv: Chi tiết cô bé vươn đôi tay về phía cây thông noen như muốn bắt lấy ước mơ, nắm chặt lấy những khao khát của mình nhưng không được những ước mơ ấy tuy giản dị đơn sơ nhưng tất cả đều chỉ là hư ảo và nó vượt ngoài tầm tay với của cô bé.	giao thừa đúng nghĩa. + Khi diêm tắt, những hình ảnh cũng dần tan biến, trở thành những thứ đẹp để nhưng hư ảo, vượt ngoài tầm tay với của cô bé.					
	d, Lần quét diêm thứ tư và những lần quét diêm sau đó của cô bé					
*Chuyển giao nhiệm vụ Phiếu học tập 9: Lần thứ tư và những lần quét diêm sau đó của cô bé <table><tr><td rowspan="2">Chi tiết</td><td>Hình ảnh ngọn lửa à ước muốn của em</td><td>Kết quả</td></tr><tr><td>- Ước muốn của em:</td><td>.....</td></tr></table> Ý nghĩa?	Chi tiết	Hình ảnh ngọn lửa à ước muốn của em	Kết quả	- Ước muốn của em:		
Chi tiết		Hình ảnh ngọn lửa à ước muốn của em	Kết quả			
	- Ước muốn của em:					
* Thực hiện nhiệm vụ: Hs điền phiếu học tập * Báo cáo kết quả:Hs trình bày <table><tr><td rowspan="2">Chi tiết</td><td>Hình ảnh ngọn lửa và ước muốn của em</td><td>Kết quả</td></tr><tr><td>- Ước muốn của em: + Hình ảnh người bà đang mỉm cười với em + Hình ảnh bà to lớn và đẹp lão. Bà cụ cầm lấy tay em, rồi hai bà cháu bay vút lên cao, cao mãi, chẳng còn đói rét, đau buồn nào đe dọa họ nữa</td><td>+ Diêm tắt và bà biến mất. + Nhưng cô bé không muốn hình ảnh bà tan biến như bao lần trước, cô quét tắt cả những que diêm trong bao để nín bà ở lại. + Em đã từ giã cõi đời.</td></tr></table> Ý nghĩa: + Hình ảnh bà là biểu tượng cho sự hiền hậu, ấm áp, cho tình yêu thương mà cô bé khao khát. Bà đem đến cho em tình yêu thương và ánh sáng dịu hiền giữa đêm tối giá rét. + Hình ảnh bà còn đại diện cho thế giới đối lập với thế giới thực tại. + Sự ra đi của em như cuộc hành trình xa rời thế giới tăm tối, tàn nhẫn và đói rét để đến với ánh sáng và tình thương ấm áp, hành trình này vừa nhẹ nhàng, đẹp đẽ ừa đau đớn, xót xa.	Chi tiết	Hình ảnh ngọn lửa và ước muốn của em	Kết quả	- Ước muốn của em: + Hình ảnh người bà đang mỉm cười với em + Hình ảnh bà to lớn và đẹp lão. Bà cụ cầm lấy tay em, rồi hai bà cháu bay vút lên cao, cao mãi, chẳng còn đói rét, đau buồn nào đe dọa họ nữa	+ Diêm tắt và bà biến mất. + Nhưng cô bé không muốn hình ảnh bà tan biến như bao lần trước, cô quét tắt cả những que diêm trong bao để nín bà ở lại. + Em đã từ giã cõi đời.	
Chi tiết		Hình ảnh ngọn lửa và ước muốn của em	Kết quả			
	- Ước muốn của em: + Hình ảnh người bà đang mỉm cười với em + Hình ảnh bà to lớn và đẹp lão. Bà cụ cầm lấy tay em, rồi hai bà cháu bay vút lên cao, cao mãi, chẳng còn đói rét, đau buồn nào đe dọa họ nữa	+ Diêm tắt và bà biến mất. + Nhưng cô bé không muốn hình ảnh bà tan biến như bao lần trước, cô quét tắt cả những que diêm trong bao để nín bà ở lại. + Em đã từ giã cõi đời.				

* Đánh giá nhận xét: - HS khác theo dõi, đánh giá, nhận xét, bổ sung. - GV quan sát, hỗ trợ, tư vấn; nhận xét, đánh giá kết quả làm việc của HS, chốt kiến thức, chuyển giao nhiệm vụ mới.	Ý nghĩa: + Hình ảnh bà là biểu tượng cho sự hiền hậu, ấm áp, cho tình yêu thương mà cô bé khao khát. Bà đem đến cho em tình yêu thương và ánh sáng dịu hiền giữa đêm tối giá rét + Hình ảnh bà còn đại diện cho thế giới đối lập với thế giới thực tại + Sự ra đi của em như cuộc hành trình xa rời thế giới tăm tối, tàn nhẫn và đối rét để đến với ánh sáng và tình thương ấm áp, hành trình này vừa nhẹ nhàng, đẹp đẽ vừa đau đớn, xót xa
? Những lần quẹt diêm của cô bé có những gì cần lưu ý? - Những ước vọng ấy vẽ ra một thế giới hoàn toàn đối lập với thực tại. - Những ước vọng ấy bình dị, bé nhỏ, chính đáng vô cùng. - Những ước vọng ấy lại quá xa vời, vượt ngoài tầm với của cô bé. ⇒ Tác giả phê phán xã hội tư bản đương thời, nhắc nhở mỗi chúng ta về tình người, lòng nhân ái trong cuộc sống. Gv: Quả là một chi tiết rất quan trọng của tác phẩm mà nó gửi gắm trong đây cả cái tư tưởng của tác giả về giá trị hiện thực khi tái hiện bức tranh hiện thực xã hội tư bản đương thời và cả giá trị nhân đạo khi muốn nhắc nhở ở mỗi người và hướng mỗi người về lòng nhân ái, vị tha và tình người trong cuộc sống. Tuy nhiên tác phẩm đã có thể khép lại ở đây nhưng tác phẩm đã không khép lại ở đó nhà văn An- dec-xen muốn rằng chúng ta sẽ có một kết thúc khác, một kết thúc đỡ bi thảm hơn, một kết thúc bớt đi phần bi kịch và tác giả sáng tạo phần kết thúc là buổi sáng hôm sau.	
Tiết 3 a) Mục tiêu: Hs hiểu được cái chết của cô bé bán diêm để thấy được nỗi đau đớn trước cái chết của em bé và sự thờ ơ, vô cảm của lòng người. b) Nội dung hoạt động: Thực hiện các phiếu học tập c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời/chia sẻ của HS bằng ngôn ngữ	3, Cái chết của cô bé bán diêm

d) Tổ chức hoạt động:			
* Chuyển giao nhiệm vụ Phiếu học tập số 10			
Chi tiết	Khung cảnh xung quanh	Hình ảnh cô bé	Nguyên nhân cái chết
	- Thiên nhiên:		
	- Mọi người:		
Nhận xét về tính chất của các chi tiết được xây dựng khi tác giả miêu tả cái chết của cô bé bán diêm?			
* Thực hiện nhiệm vụ: Hs điền phiếu học tập			
* Báo cáo kết quả: Hs trình bày			
Chi tiết	Khung cảnh xung quanh	Hình ảnh cô bé	Nguyên nhân cái chết
	+ Thiên nhiên: tuyết vẫn phủ kín mặt đất, bầu trời nhạt – mặt trời đã lên trong sáng, chói chang + Mọi người: vui vẻ ra đường, thờ trước cái chết của cô bé	+ “Ở một xó tường”, “tử thi em bé ngồi giữa một đồng bao diêm, trong đó có một bao đã hết nhãn” + “Em gái có đôi má hồng và đôi môi đang mỉm cười”	+ Vì đói rét, đói khát trong đêm giao thừa + Vì sự giá lạnh, và cảm trong lòng người
Sự tương phản giữa khung cảnh tươi sáng, vui vẻ của ngày đầu năm mới với hình tượng em bé chết nơi xó tường => Nỗi đau đớn trước cái chết của em bé và sự thờ ơ, vô cảm của lòng người			
* Đánh giá nhận xét: - HS khác theo dõi, đánh giá, nhận xét, bổ sung. - GV quan sát, hỗ trợ, tư vấn; nhận xét, đánh giá kết quả làm việc của HS, chốt kiến thức, chuyển giao nhiệm vụ mới.			+ Vì đói rét, đói khát trong đêm giao thừa + Vì sự giá lạnh, và cảm trong lòng người - Sự tương phản giữa khung cảnh tươi sáng, vui vẻ của ngày đầu năm

	mới với hình tượng em bé chết nơi xó tường => Nỗi đau đón trước cái chết của em bé và sự thờ ơ, vô cảm của lòng người
Cô bé bán diêm thuộc những truyện cổ tích mới được sáng tác bởi nhà văn An – đéc – xen. Trong truyện cổ tích thường kết thúc có hậu, theo em Cô bé bán diêm có kết thúc giống vậy không? Vì sao? Kết thúc của truyện: - Truyện có kết thúc không giống nhiều truyện cổ tích khác vì cô bé bán diêm đã chết rét ngoài đường phố, ngay trong đêm giao thừa. - Tuy nhiên nhà văn vẫn miêu tả em ra đi như một thiên thần. Đôi má hồng và đôi môi đang mỉm cười. - Vì em đã được giải thoát khỏi thế giới giá lạnh và tàn nhẫn. Vì em được đoàn tụ ở nơi mà không còn đói rét và đau khổ đe dọa họ. Sáng tác kết thúc như vậy, An – đéc – xen đang muốn nhân mạnh: - Cảnh tỉnh người đọc về sự vô cảm của con người với đồng loại và đặt ra câu hỏi xoáy và lòng người đọc: Làm sao để trên thế giới này sẽ không bao giờ có những tình cảnh thương tâm như vậy nữa? - Tác giả đã mang đến một góc nhìn khác, một cái kết bớt đi phần bi kịch. Thể hiện niềm tin của ông vào ánh sáng, tình thương của con người và lòng nhân từ của thượng đế.	
Thông qua việc đọc hiểu chi tiết tác phẩm, em hãy cho biết thái độ của người kể chuyện với nhân vật cô bé bán diêm là gì? - Truyện được kể ở ngôi thứ ba, người kể chuyện “giấu mình”. Tuy nhiên thông qua cách miêu tả của người kể chuyện chúng ta vẫn thấy được thái độ yêu thương và trân trọng của nhà văn với cô bé bán diêm – một em bé trong sáng ngây thơ và đáng yêu như thiên thần. Cô bé xứng đáng được hưởng những gì đẹp đẽ, an lành và hạnh phúc nhất.	
HD cá nhân - KT trình bày 1 phút: * GV yêu cầu HS làm việc cá nhân thực hiện yêu cầu sau: Em hãy khái quát nghệ thuật và nội dung chính của văn bản?	4, Tổng kết <i>Đặc sắc nghệ thuật</i> - Chân dung nhân vật được khắc họa sinh động, chân thực qua các hình ảnh miêu tả ngoại hình, hành động và thế giới nội tâm

	- Sử dụng liên tiếp các hình ảnh có tính chất đối lập, tương phản để làm nổi bật tình cảnh thê thảm của nhân vật và sự vô cảm, tàn nhẫn của xã hội. <i>Chủ đề văn bản</i> - Truyện thể hiện niềm thương cảm sâu sắc và tình yêu thương trân trọng của nhà văn với các cảnh đời đau khổ, bất hạnh. Đặc biệt là với các em nhỏ ngây thơ, trong sáng nhưng sớm phải vật lộn với mưu sinh và sống thiếu thốn tình yêu thương - Nhà văn cùng lên án xã hội lạnh lùng, thờ ơ, thậm chí tàn nhẫn với những hoàn cảnh bất hạnh, đau khổ cần sự sẻ chia.
--	---

3. Hoạt động 3: Luyện tập

a) Mục tiêu: Học sinh vận dụng kiến thức đã học vào làm bài tập.

b) Nội dung hoạt động:

- HS luyện đọc kĩ một đoạn trích trong văn bản và thực hiện các nhiệm vụ/trả lời các câu hỏi, bài tập để rèn kĩ năng đọc hiểu văn bản.

c) Sản phẩm học tập:

- Câu trả lời của các câu hỏi, bài tập.

d) Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Nội dung cần đạt
* Chuyển giao nhiệm vụ: 1, Truyện có những chi tiết nào mang dáng dấp của truyện cổ tích? 2, Bên cạnh những màu sắc cổ tích ấy, em nhận ra truyện Cô bé bán diêm của An-đéc-xen có kết thúc khác truyện cổ tích như thế nào? Nêu ý nghĩa câu cách kết thúc đó? * Thực hiện nhiệm vụ: Hs trả lời * Báo cáo kết quả: - GV gọi bất kì cá nhân nào trình bày kết quả. * Kết luận, đánh giá: - HS, GV đánh giá, nhận xét.	III, LUYỆN TẬP 1, Truyện có những chi tiết nào mang dáng dấp của truyện cổ tích? - Yếu tố kì ảo: 5 lần quẹt diêm và những mộng tưởng. - Kiểu nhân vật chính: người bất hạnh - Truyện hướng con người tới: tình yêu thương và sẻ chia, biết

	quan tâm tới những người xung quanh. 2, Bên cạnh những màu sắc cổ tích ấy, em nhận ra truyện Cô bé bán diêm của An-đéc-xen có kết thúc khác truyện cổ tích như thế nào? Nêu ý nghĩa câu cách kết thúc đó? - Nhà văn không né tránh hiện thực nghiệt ngã: còn rất nhiều những em bé bất hạnh, những kiếp người thiếu may mắn trong cuộc đời này. - Nhà văn muốn gửi tới con người thông điệp nhân văn: hãy quý trọng và tôn trọng trẻ em, hãy nuôi dưỡng sự hồn nhiên và lòng nhân ái của con người, hãy cho trẻ em được sống trong một môi trường trọn vẹn yêu thương... - Mang đến ý nghĩa khác về cái chết: không phải sự đau thương vô hạn mà đó là một sự giải thoát, đến một thế giới đầy tình yêu thương. Nói cách khác là đến với nước chúa- nơi chỉ có tình yêu và hạnh phúc.
--	---

4. Hoạt động 4: Vận dụng

a) Mục tiêu: HS vận dụng kiến thức đã học.

b) Nội dung: HS hiểu được kiến thức trong bài học để vận dụng vào thực tế.

c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời bằng ngôn ngữ.

d) Tổ chức thực hiện:

* Giao nhiệm vụ học tập:

1, Nếu gặp cô bé bán diêm như trong tác phẩm, em định giúp đỡ cô bé nhưng có người bảo kệt, mình về nhanh kệt lạnh, em sẽ ứng xử như thế nào?

2, Từ việc cô bé quẹt hết hộp diêm để níu kệt hình ảnh người bà, em thấy điều gì quý giá nhất với đời sống con người?

* **Thực hiện nhiệm vụ:** HS suy nghĩ, hình thành và triển khai ý tưởng, tư duy độc lập...

* **Báo cáo kết quả:** GV gọi bất kỳ cá nhân nào trình bày kết quả.

Dự kiến sp:

1, Hiểu việc mình đang làm là một việc tốt, không hề gây ra phiền toái với người khác, giữ được quyết tâm giúp đỡ cô bé.

-Thuyết phục người khác cùng thực hiện.

2, Vật chất cũng là điều quý giá lò sưởi giúp em bớt lạnh, bàn ăn thịnh soạn giúp em bớt đói

Nhưng quý giá hơn là tinh thần và những xúc cảm yêu thương sẽ xoa dịu nỗi đau con người, là động lực để con người sống và làm việc.

Phải nuôi dưỡng những xúc cảm tốt đẹp, tâm hồn nhân ái, biết yêu thương.

*** Kết luận, đánh giá.**

Hướng dẫn học ở nhà:

- Học bài học hôm nay.
- Chuẩn bị bài : Viết bài văn kể lại một trải nghiệm đáng nhớ.

Ngày dạy:

Tiết 81+ 82

VIẾT BÀI VĂN KỂ LẠI MỘT TRẢI NGHIỆM ĐÁNG NHỚ

I. Mục tiêu:

1. Kiến thức:

- Biết kể chuyện ở ngôi thứ nhất.
- Giới thiệu được trải nghiệm đáng nhớ.
- Tập trung được vào các sự việc đã xảy ra theo trình tự hợp lí.

2. Về năng lực

a. Năng lực chung:

- Năng lực tự chủ và tự học: Tìm kiếm thông tin, đọc sách giáo khoa, để nắm vững các bước viết bài văn kể lại trải nghiệm của bản thân. Viết được bài văn kể lại một trải nghiệm của bản thân mình.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Thảo luận nhóm để thực hiện phiếu học tập, hợp tác giải quyết vấn đề về để nắm vững các bước viết bài văn kể lại trải nghiệm của bản thân. Viết được bài văn kể lại một trải nghiệm của bản thân mình.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Năng lực trình bày và trao đổi thông tin trước lớp.

b. Năng lực đặc thù:

- Viết bài văn tự sự.

3. Về phẩm chất:

- **Chăm chỉ:** Thích đọc sách, báo, tìm tư liệu trên mạng Internet để mở rộng hiểu biết.
- **Trách nhiệm:** Biết trân trọng trải nghiệm của bản thân.

II. Thiết bị dạy học và học liệu.

Giáo viên: - Học liệu: Ngữ liệu/Sách giáo khoa, phiếu học tập.

- Thiết bị: Máy tính.

Học sinh: Đọc, tìm hiểu trước bài.

III. Tiến trình dạy học.

1. Hoạt động 1: Mở đầu

- Mục tiêu: Tạo tâm thế và định hướng chú ý cho học sinh; tạo vấn đề vào chủ đề
- Nội dung hoạt động: HS quan sát tranh.
- Sản phẩm học tập: Câu trả lời/chia sẻ của HS bằng ngôn ngữ
- Tổ chức hoạt động:

*** Chuyển giao nhiệm vụ:**

-Trong bài học đường đời đầu tiên Dế Mèn đã kể lại trải nghiệm đáng nhớ nào ?
 ? Em có trải nghiệm nào đáng nhớ không? Đó là trải nghiệm nào?

TRẢI NGHIỆM CỦA TÔI

Trải nghiệm	Đã từng	Cảm xúc.
Một chuyến đi vui		
Giúp đỡ người khác		
Chơi game, quên làm bài tập về nhà		
Một lần thất bại		
Chia tay bạn thân		

* **Thực hiện nhiệm vụ học tập:** Hs chia sẻ

* **Báo cáo kết quả:** Hs

-Dế Mèn kể lại bài học đường đời đầu tiên của bản thân từ sự việc trêu chị Cốc dẫn đến cái chết của Dế Choắt.

-Đây là sự việc rất có ý nghĩa trong cuộc đời Dế Mèn, khiến cho Dế Mèn thay đổi rất lớn trong việc nhìn nhận bản thân, tính cách, suy nghĩ.

* **Đánh giá nhận xét.** Có rất nhiều bài học, mỗi bài học là một cấp độ khác nhau trong cái hành trình trải nghiệm không ai giống ai hết nhưng nó đều quý giá và xứng đáng cho chúng ta học hỏi đúng không các em? Vậy chúng ta thấy rằng mỗi nhân vật, hay mỗi con người đều có những trải nghiệm trong cuộc sống hết, và có lẽ mỗi con người chúng ta cũng có những tâm tư, trăn trở muốn được kể lại những trải nghiệm đó, hoặc giữ riêng trải nghiệm đó cho mình, hoặc đôi lúc chia sẻ với người thân. Vậy làm cách nào chúng ta có thể chia sẻ, chúng ta có thể chia sẻ và kể lại một cách hiệu quả nhất. Bài học hôm nay chúng ta cùng đi tìm hiểu.

2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới

Hoạt động của GV và HS				Nội dung cần đạt
a) Mục tiêu: học sinh nắm được đặc điểm của bài văn kể lại một trải nghiệm của bản thân. b) Nội dung hoạt động: HS trả lời câu hỏi. c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời/chia sẻ của HS bằng ngôn ngữ, bằng phiếu học tập. d) Tổ chức hoạt động:				1, Định hướng - Tên trải nghiệm - Thời gian, địa điểm. - Nhân vật - Hành động, lời nói - Cảm xúc - Bài học rút ra.
* Chuyển giao nhiệm vụ: PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1: TRẢI NGHIỆM VĂN BẢN				Trải nghiệm văn bản “ Bài học đầu tiên” - Tên trải nghiệm - Thời gian, địa điểm. - Nhân vật nào? - Sự việc, cảm xúc?
Sự việc	Nhân vật	Bối cảnh	Cảm xúc, thái độ của nhân vật tôi	
Sang	- “Tôi”	Cái		

chơi nhà Dế Choắt.	- Dế Choắt (ngoại hình “gầy gò, dài lêu nghêu”; tính nết “ăn xổi ở thì”)	hang của Dế Choắt (một “ngôi nhà” tuênh toàng, được làm rất sơ sài, dễ bị phát hiện)		
	- “Tôi” - Chị Cốc - Dế Choắt		Tự đắc, xác xược, coi thường chị Cốc.	
Chúng kiến cái chết của Dế Choắt.		Ở cửa hang nhà Dế Choắt, chị Cốc không nhìn thấy ai ngoài Dế Choắt nên đã nghĩ Dế Choắt chính là kẻ đã trêu mình.		
TÌM HIỂU THÊM				

Trình tự kể:

- Theo diễn biến câu chuyện: Mở đầu- diễn biến- cao trào- kết thúc (hồi tưởng của nhân vật)

- Ngôi kể: Ngôi thứ nhất, Dế Mèn xưng “tôi”

- Sự lôi cuốn: Yếu tố miêu tả, biểu cảm và yếu tố kể hoà quyện.

Đọc đoạn trích sau và hoàn thành phiếu học tập số 2:

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2: VAI TRÒ CỦA YẾU TỐ MIÊU TẢ VÀ BIỂU CẢM

1. Yếu tố kể(sự việc chính)	
2. Yếu tố tả	
3. Yếu tố biểu cảm	
4. Biện pháp tu từ	
5. Lời bình (nhận xét, đánh giá)	

Dự kiến:

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2: VAI TRÒ CỦA YẾU TỐ MIÊU TẢ VÀ BIỂU CẢM

1. Yếu tố kể (sự việc chính)	- Chị Cốc tưởng Dế Choắt trêu chị, mỗ Dế Choắt.
2. Yếu tố tả	- Dế Choắt loay hoay ở cửa hang, Choắt lủi vào, chị Cốc quát lớn, mỗ Cốc như cái dùi sắt chọc xuyên cả đất. Choắt quẹo xương sống, lặn ra kêu văng.
3. Yếu tố biểu cảm	- Mày nói cái gì? Chối này! Chối này!

	- Khiếp, nằm im thín thít																	
4. Biện pháp tu từ	- Mỏ Cốc như cái dùi sắt																	
5. Lời bình (nhận xét, đánh giá)	- Một tai họa đến mà đưa ích kỉ không bao giờ biết được.																	
*Câu chuyện - Có sự việc chính: người đọc biết được sự việc nào đã diễn ra. - Có các yếu tố miêu tả, biểu cảm: người đọc biết được câu chuyện diễn ra như thế nào. - Có lời bình: người đọc biết được thái độ của người kể với sự việc.																		
* Chuyển giao nhiệm vụ Hãy nêu lại các bước viết bài văn? - Chuẩn bị, Tìm ý và lập dàn ý, Viết, Kiểm tra, chỉnh sửa ?Mình cần làm gì ở bước này? PHIẾU HỌC TẬP SỐ 3: <table><tr><td>Chuyến đi đáng nhớ nhất là gì? Xảy ra khi nào?</td><td></td></tr><tr><td>Những ai có liên quan đến chuyến đi đó? Họ đã nói và làm gì?</td><td></td></tr><tr><td>Điều gì đã diễn ra ? Theo thứ tự thế nào?</td><td></td></tr><tr><td>Sự việc nào là ấn tượng nhất? Vì sao ?</td><td></td></tr><tr><td>Cảm xúc của em như thế nào khi chuyến đi diễn ra và khi kể lại chuyến đi đó?</td><td></td></tr></table> DỰ KIẾN: <table><tr><td>Chuyến đi đáng nhớ nhất là gì? Xảy ra khi nào?</td><td> - Chuyến đi đảo Hòn Thơm, Phú Quốc. - Được xảy ra vào mùa hè năm ngoái. </td></tr><tr><td>Những ai có liên quan đến chuyến đi đó? Họ đã nói và làm gì?</td><td>Mẹ và bố</td></tr><tr><td>Điều gì đã diễn ra? Theo thứ tự thế nào?</td><td> - Cả nhà khởi hành vào sáng sớm - Đến khách sạn nghỉ ngơi </td></tr></table>		Chuyến đi đáng nhớ nhất là gì? Xảy ra khi nào?		Những ai có liên quan đến chuyến đi đó? Họ đã nói và làm gì?		Điều gì đã diễn ra ? Theo thứ tự thế nào?		Sự việc nào là ấn tượng nhất? Vì sao ?		Cảm xúc của em như thế nào khi chuyến đi diễn ra và khi kể lại chuyến đi đó?		Chuyến đi đáng nhớ nhất là gì? Xảy ra khi nào?	- Chuyến đi đảo Hòn Thơm, Phú Quốc. - Được xảy ra vào mùa hè năm ngoái.	Những ai có liên quan đến chuyến đi đó? Họ đã nói và làm gì?	Mẹ và bố	Điều gì đã diễn ra? Theo thứ tự thế nào?	- Cả nhà khởi hành vào sáng sớm - Đến khách sạn nghỉ ngơi	2, Thực hành Kể lại một chuyến đi đáng nhớ của em. Bước 1: Chuẩn bị. - Đọc kĩ đề - Nhớ lại trải nghiệm. - Tìm ảnh(nếu có) Bước 2: Tìm ý và lập dàn ý
Chuyến đi đáng nhớ nhất là gì? Xảy ra khi nào?																		
Những ai có liên quan đến chuyến đi đó? Họ đã nói và làm gì?																		
Điều gì đã diễn ra ? Theo thứ tự thế nào?																		
Sự việc nào là ấn tượng nhất? Vì sao ?																		
Cảm xúc của em như thế nào khi chuyến đi diễn ra và khi kể lại chuyến đi đó?																		
Chuyến đi đáng nhớ nhất là gì? Xảy ra khi nào?	- Chuyến đi đảo Hòn Thơm, Phú Quốc. - Được xảy ra vào mùa hè năm ngoái.																	
Những ai có liên quan đến chuyến đi đó? Họ đã nói và làm gì?	Mẹ và bố																	
Điều gì đã diễn ra? Theo thứ tự thế nào?	- Cả nhà khởi hành vào sáng sớm - Đến khách sạn nghỉ ngơi																	

	- Thường thức những món ăn nổi tiếng của Phú Quốc - Đi lặn dưới biển - Trở về nhà trong sự tiếc nuối.	
Sự việc nào là ấn tượng nhất? Vì sao?	- Đi lặn - Được hòa vào thế giới đại dương	
Cảm xúc của em như thế nào khi chuyến đi diễn ra và khi kể lại chuyến đi đó?	- Háo hức và vui sướng - Khi kể lại, em vẫn cảm thấy vui vẻ và háo hức như vậy.	

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 4:

MỞ BÀI	
THÂN BÀI	
KẾT BÀI	

Lập dàn ý

- Mở bài: Giới thiệu câu chuyện (giới thiệu chuyến đi đáng nhớ)
- Thân bài: Kể diễn biến câu chuyện
(Kể lại diễn biến của chuyến đi đó đã diễn ra như thế nào?)
+ Lí do có chuyến đi
+ Hành trình
+ Kể lại sự việc đáng nhớ, miêu tả quang cảnh thiên nhiên, di tích lịch sử, danh lam thắng cảnh...nơi em đi qua.
- Kết bài: kết thúc câu chuyện và nêu cảm xúc của bản thân.
Nêu ý nghĩa của chuyến đi

Dựa vào dàn ý để viết

Bước 3: Viết

Dựa trên dàn ý đã xây dựng

Bước 4: Kiểm tra và chỉnh sửa

Bảng kiểm: Bài văn kể lại một trải nghiệm của bản thân.

Yêu cầu	Nội dung kiểm tra	Đánh giá	
		Đạt	Không đạt
Mở bài	Giới thiệu được trải nghiệm		
	Dùng ngôi thứ nhất để giới thiệu trải nghiệm		
	Dẫn dắt chuyển ý, gợi sự tò mò, hứng thú với người đọc.		
Thân bài	Trình bày chi tiết về thời gian, không gian, hoàn cảnh xảy ra câu chuyện.		
	Trình bày chi tiết về nhân vật liên quan đến trải nghiệm		
	Trình bày các sự việc theo trình tự hợp lí, rõ ràng.		
	Thể hiện được cảm xúc trước sự việc.		
Kết bài	Nêu được ý nghĩa của trải nghiệm đối với bản thân.		
Bảo đảm yêu cầu về hình thức của bài văn với ba phần mở bài, thân bài, kết bài. Mỗi phần tách nhau thành các đoạn văn riêng biệt, riêng phần thân bài có thể do nhiều đoạn văn tạo thành.			
Bảo đảm yêu cầu về chính tả và diễn đạt			
Sử dụng nhất quán từ ngữ xưng hô(ngôi thứ nhất xưng “tôi hoặc “em”			

GỢI Ý ĐIỀU CHỈNH

- Sắp xếp lại các sự việc nếu cần thiết.
- Bổ sung những từ ngữ chuyển tiếp giữa các sự việc để thể hiện rõ trình tự xảy ra sự việc.
- Thay đổi ngôi kể nếu ngôi kể không phải là ngôi thứ nhất.
- Bổ sung những chi tiết miêu tả về các sự việc, nhân vật và thời gian, không gian diễn ra các sự việc.
- Chi tiết hoá những thông tin đã có trong câu chuyện bằng những hình ảnh được cảm nhận từ nhiều giác quan hoặc những đoạn đối thoại.
- Bổ sung những câu văn thể hiện trực tiếp hoặc gián tiếp ý nghĩa của trải nghiệm.
- Điều chỉnh lỗi chính tả, ngữ pháp và lỗi sử dụng từ ngữ.

3. Hoạt động 3: Luyện tập

a) Mục tiêu: Học sinh vận dụng kiến thức đã học vào giải bài tập

b) Nội dung hoạt động:

- HS luyện đọc kĩ một đoạn trích trong văn bản và thực hiện các nhiệm vụ/trả lời các câu hỏi, bài tập để rèn kĩ năng đọc hiểu văn bản.

c) Sản phẩm học tập:

- Câu trả lời của các câu hỏi, bài tập.

d) Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS				Nội dung cần đạt
* Chuyển giao nhiệm vụ: kể lại trải nghiệm lần đầu đi xem biểu diễn xiếc * Thực hiện nhiệm vụ: Xem lại quy trình viết bài văn kể lại một trải nghiệm của bản thân để áp dụng.				III, Luyện tập Đề bài:Viết một bài văn kể lại trải nghiệm lần đầu đi xem biểu diễn xiếc
Quy trình				
STT	Tên bước	Các bước thực hiện	Nội dung cần thực hiện	
1	Lựa chọn đề tài	Xác định mục đích viết	Để lưu giữ và chia sẻ với mọi người về cảm xúc và suy nghĩ của bản thân trong một lần đi xem biểu diễn xiếc.	
		Xác định đối tượng đọc bài viết.	Thầy cô giáo, các bạn, bố mẹ, anh chị em.	
STT	Tên bước	Các bước thực hiện	Nội dung cần thực hiện	
2		Câu chuyện xảy ra khi nào? ở đâu?	Câu chuyện diễn ra tuần trước, tại rạp xiếc Trung ương.	
		Những ai có liên quan đến câu chuyện? Họ đã nói và làm gì ?	Mẹ của em và những chú hề trong rạp xiếc. Mẹ đưa em đến rạp xiếc để được trực tiếp xem các chú hề biểu diễn.	
		Trước khi được đi xem biểu diễn em có thái độ, cảm xúc gì với những chú hề?	Em luôn cảm thấy sợ hãi các chú hề, nhất là khi họ bắt ngờ xuất hiện	
		Sự việc cụ thể gì đã diễn ra?	Em đã có một buổi xem biểu	

	Tìm ý		diễn rất đáng nhớ. Các chú hề diễn rất hay, em còn được mời lên sân khấu giao lưu.
		Vì sao câu chuyện lại xảy ra như vậy?	Vì có sự an ủi của mẹ, sự vui tính, thân thiện của những chú hề.
		Em có cảm xúc gì khi sự việc diễn ra? Tại sao lại có sự thay đổi thái độ về cảm xúc như vậy?	Khi sự việc diễn ra em đã rất bất ngờ và thích thú. Có sự thay đổi này là vì: nhờ sự an ủi của mẹ, sự vui tính, thân thiện của những chú hề.

Bước 3: Lập dàn bài

Các phần	Nội dung cần thực hiện
Mở bài	Buổi xem xiếc lần trước vẫn còn nguyên vẹn trong lòng em với sự hứng thú, bồi hồi và ấn tượng khó phai.
Thân bài	Giới thiệu nguyên nhân sự việc: em vốn sợ những chú hề nên mẹ quyết định cho em đến rạp xiếc để trực tiếp xem các chú hề biểu diễn Lúc mới bước vào rạp xiếc, em đã hồi hộp, sợ hãi biết bao khi thấy những bức poster, ngòai ngay hàng ghế đầu gần sân khấu và nhất là khi những chú hề bước ra. Nhưng khi những chú hề biểu diễn màn tung hứng, rồi đi xe đạp một bánh, làm ảo thuật, em đã rất thích thú. Đặc biệt, khi được mời lên cùng giao lưu với chú hề, em đã thực sự phấn khích, không còn chút sợ hãi nào nữa.
Kết bài	Trải nghiệm ấy đã làm em thôi

	không còn nỗi sợ vô lí, đồng thời có một kỉ niệm thật đáng nhớ.	
Cho hs đọc Bài viết tham khảo. Kiểm tra lại bài viết của bạn bằng bảng kiểm. Gợi ý chỉnh sửa bài viết: Thêm vào phần mở bài những từ ngữ miêu tả khái quát cảm xúc của em về trải nghiệm lần đầu đi xem biểu diễn xiếc. Thêm những từ ngữ miêu tả ngoại hình của các chú hề trong rạp xiếc Viết lại bài để đảm bảo kết bài thể hiện cảm xúc và suy nghĩ về ý nghĩa em rút ra sau trải nghiệm được đi xem biểu diễn xiếc.		
* Báo cáo kết quả: GV: Yêu cầu HS trình bày sản phẩm. HS: - Đọc sản phẩm của mình. - Theo dõi, nhận xét, bổ sung (nếu cần) cho bài của bạn. * Kết luận, đánh giá: - HS, GV đánh giá, nhận xét. **Tổng kết bài học bằng sơ đồ tư duy.		

4. Hoạt động 4: Vận dụng

a) Mục tiêu: HS khắc sâu, mở rộng kiến thức đã học.

b) Nội dung: HS vận dụng kiến thức đã học để làm bài tập.

c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời của hs

d) Tổ chức thực hiện:

*** Giao nhiệm vụ học tập:** Về nhà tìm đọc cuốn sách “ Tôi đã tình cờ viết một cuốn sách như thế nào” của nữ nhà văn Annet Huizing

*** Thực hiện nhiệm vụ:** HS suy nghĩ, hình thành và triển khai ý tưởng, tư duy độc lập...

*** Báo cáo kết quả:** GV gọi bất kì cá nhân nào trình bày kết quả.

*** Kết luận, đánh giá.**

Ngày dạy:

Tiết 83+84 NÓI VÀ NGHE
KỂ VỀ MỘT TRẢI NGHIỆM ĐÁNG NHỚ

I. MỤC TIÊU

I. Mục tiêu:

1. Kiến thức:

- Biết kể chuyện ở ngôi thứ nhất.
- Giới thiệu được trải nghiệm đáng nhớ.
- Tập trung được vào các sự việc đã xảy ra theo trình tự hợp lí.

2. Về năng lực

a. Năng lực chung:

- Năng lực tự chủ và tự học: Tìm kiếm thông tin, đọc sách giáo khoa, để nắm vững các bước viết bài văn kể lại trải nghiệm của bản thân. Viết được bài văn kể lại một trải nghiệm của bản thân mình.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Thảo luận nhóm để thực hiện phiếu học tập, hợp tác giải quyết vấn đề về để nắm vững các bước viết bài văn kể lại trải nghiệm của bản thân. Viết được bài văn kể lại một trải nghiệm của bản thân mình.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Năng lực trình bày và trao đổi thông tin trước lớp.

b. Năng lực đặc thù:

- Viết và nói được bài văn kể về 1 trải nghiệm của bản thân
- Nắm được yêu cầu và các bước kể lại một trải nghiệm của bản thân.
- Trình bày trước mọi người về một trải nghiệm của bản thân.
- Hiểu và đánh giá được nội dung trình bày của người khác.

3. Về phẩm chất:

- **Chăm chỉ:** Thích đọc sách, báo, tìm tư liệu trên mạng Internet để mở rộng hiểu biết.
- **Trách nhiệm:** Yêu hơn những trải nghiệm cuộc sống, trân trọng kỉ niệm, từ đó nuôi dưỡng những cảm xúc đẹp.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU.

- Học liệu: Ngữ liệu/Sách giáo khoa, phiếu học tập.
- Thiết bị: Máy tính, máy chiếu.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC.

1. Hoạt động 1: Mở đầu

- Mục tiêu: Tạo tâm thế và định hướng chú ý cho học sinh; tạo vấn đề vào chủ đề
- Nội dung hoạt động: HS trả lời câu hỏi.
- Sản phẩm học tập: Câu trả lời/chia sẻ của HS bằng ngôn ngữ
- Tổ chức hoạt động:

* **Chuyển giao nhiệm vụ:** Chia khoá để tạo nên bài nói thành công là gì?

- Tài năng thiên bẩm?
- Sự nỗ lực rèn luyện?

* **Thực hiện nhiệm vụ:** Hs trả lời câu hỏi.

* **Báo cáo kết quả:** HS trình bày kết quả (cá nhân).

* **Đánh giá nhận xét, dẫn vào bài:** Để trở thành những nhà diễn thuyết, hùng biện nổi tiếng họ đã phải trải qua một quá trình rèn luyện nói. Các em muốn trở thành một người nói giỏi em hãy bắt đầu học thuyết trình ngay hôm nay.

2. Hoạt động 2: Khám phá

Hoạt động của GV và HS	Nội dung cần đạt
a) Mục tiêu: Hs hiểu để nói tốt thì bước chuẩn bị và luyện tập trước khi nói. b) Nội dung hoạt động: HS trả lời câu hỏi. c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời/chia sẻ của HS bằng ngôn ngữ d) Tổ chức hoạt động:	1, Định hướng -
? Nói về trải nghiệm của bản thân nghĩa là gì? - Trình bày bằng lời nói về trải nghiệm của bản thân ? Đối tượng của bài kể bài nói là gì? - Chú ý đối tượng và xác định cách thức kể. ? Bài nói khác gì với bài viết? ? Xây dựng dàn ý như thế nào sao cho phù hợp?	- Trình bày bằng lời nói về trải nghiệm của bản thân - Chú ý đối tượng và xác định cách thức kể. - Phân biệt với bài viết

Bài nói gồm mấy bước?(gv chiếu mô hình bậc thang)

- Xây dựng dàn ý kể phù hợp.

- **Chuyển giao nhiệm vụ**
- **Phiếu học tập số 1: Chuẩn bị**

Chuẩn bị	Kĩ thuật hình dung
Lời chào	?
Lời dẫn dắt, giới thiệu câu chuyện	?
Giọng điệu	?
Điệu bộ, cử chỉ.	?

Dự kiến sp:

Chuẩn bị	Kĩ thuật hình dung
Lời chào	Nụ cười+ Lời chào, câu hỏi thăm..
Lời dẫn dắt, giới thiệu câu chuyện	Phong phú: Một câu hỏi đánh thức cảm xúc, suy nghĩ, sự đối thoại...
Giọng điệu	Vui vẻ, thoải mái, buồn bã,....
Điệu bộ, cử chỉ.	Gương mặt, tay; kết hợp màn hình...

2, Thực hành

Bước 1: Chuẩn bị:

- Xem lại dàn ý bài viết.
- Bổ sung câu từ, dẫn dắt, chào hỏi, kết nối các phần.
- Xác định giọng kể, ngữ điệu, điệu bộ, nét mặt cho phù hợp.

* **Giao nhiệm vụ học tập:**

Phân tìm ý cần có nội dung gì?

* **Thực hiện nhiệm vụ:** Hs hoàn thành phiếu học tập

* **Báo cáo kết quả:** HS trình bày kết quả

* **Đánh giá nhận xét, chốt kiến thức**

Gv: Cách mở đầu làm sao tạo được không khí rất là vui vẻ và thoải mái ở trong cả một lớp học, có thể đánh thức được, có thể gợi mở được cái suy nghĩ của người nghe thì càng tốt.

Hoặc: Đã bao giờ các bạn nghĩ rằng, buổi sáng thức dậy của chúng ta sẽ được trải nghiệm ở một khu lâu đài nào đấy hay là một cái đảo nhỏ nào đấy, hay một cái cù lao, hay là một cái bãi toàn là cát trắng... chúng ta có thể trình chiếu ra một bức tranh, bức ảnh phong cảnh để mà có thể đánh thức được sự tưởng tượng của người nghe về chuyến đi của chúng ta.

Bước 2: Tìm ý và lập dàn ý

Tìm ý

Mở đầu: Lời chào và giới thiệu chuyến đi.

Mở đầu bằng một câu danh ngôn, một trích dẫn thú vị: Nhà triết học Jeans- Jacques Rousseau đã từng nói: “Người sống nhiều nhất không phải người sống lâu năm nhất mà là người có nhiều trải nghiệm phong phú nhất.” Nói như vậy để thấy được những chuyến đi trong cuộc sống của chúng ta và thật may mắn khi mà tôi cũng có một chuyến đi thú vị như vậy vào thời điểm...

Nội dung

Kết thúc: Lời chào và lười cảm ơn.

? Quan sát dàn ý của bài viết? Mở bài: Giới thiệu câu chuyện (giới thiệu chuyến đi đáng nhớ) Thân bài: - Kể diễn biến của câu chuyện. - Lí do có chuyến đi. - Hành trình - Kể lại sự việc đáng nhớ, miêu tả quang cảnh thiên nhiên, di tích lịch sử, danh lam thắng cảnh...nơi em đi qua. Kết bài: Kết thúc câu chuyện và nêu cảm xúc của bản thân. Nêu ý nghĩa của chuyến đi. Từ dàn ý của bài viết chuyển sang dàn ý của bài nói chúng ta cần chỉnh sửa những thông tin nào?	Lập dàn ý Mở đầu: + Lời chào, lời hỏi thăm... + Dẫn vào câu chuyện. Nội dung chính 1, Chia sẻ về lí do của chuyến đi. 2, Hành trình chuyến đi diễn ra như thế nào? 3, Điều gì làm em thích nhất? Kết thúc: 1, Cảm xúc dành cho chuyến đi. 2, Bài học rút ra từ chuyến đi hoặc mong ước về những chuyến đi tiếp theo. 3, Lời cảm ơn khán giả và mong chờ được góp ý.																														
	Bước 3: Nói và nghe - Giọng điệu, ngôn ngữ nói. - Ngôn ngữ cơ thể - Ảnh và vị deo về chuyến đi.																														
Bước 4: Kiểm tra chỉnh sửa																															
BẢNG KIỂM KỸ NĂNG KỂ LẠI MỘT TRẢI NGHIỆM ĐÁNG NHỚ <table><tr><th>Yêu cầu</th><th>Tiêu chí kiểm tra</th><th>Đạt</th><th>Chưa đạt</th></tr><tr><td rowspan="7">Nội dung</td><td>Bài trình bày có đủ ba phần: giới thiệu, nội dung và kết thúc</td><td></td><td></td></tr><tr><td>Câu chuyện kể về trải nghiệm của người nói</td><td></td><td></td></tr><tr><td>Câu chuyện được giới thiệu rõ ràng về các nhân vật, không gian, thời gian xảy ra</td><td></td><td></td></tr><tr><td>Các sự việc được kể theo trình tự hợp lí</td><td></td><td></td></tr><tr><td>Câu chuyện được kể theo ngôi thứ nhất và nhất quán trong cách xưng hô từ đầu đến cuối bài nói.</td><td></td><td></td></tr><tr><td>Thể hiện rõ cảm xúc về sự việc đã xảy ra.</td><td></td><td></td></tr><tr><td>Nêu được ý nghĩa của trải nghiệm với bản thân.</td><td></td><td></td></tr><tr><td></td><td>Giọng nói to, rõ, mạch lạc</td><td></td><td></td></tr></table>		Yêu cầu	Tiêu chí kiểm tra	Đạt	Chưa đạt	Nội dung	Bài trình bày có đủ ba phần: giới thiệu, nội dung và kết thúc			Câu chuyện kể về trải nghiệm của người nói			Câu chuyện được giới thiệu rõ ràng về các nhân vật, không gian, thời gian xảy ra			Các sự việc được kể theo trình tự hợp lí			Câu chuyện được kể theo ngôi thứ nhất và nhất quán trong cách xưng hô từ đầu đến cuối bài nói.			Thể hiện rõ cảm xúc về sự việc đã xảy ra.			Nêu được ý nghĩa của trải nghiệm với bản thân.				Giọng nói to, rõ, mạch lạc		
Yêu cầu	Tiêu chí kiểm tra	Đạt	Chưa đạt																												
Nội dung	Bài trình bày có đủ ba phần: giới thiệu, nội dung và kết thúc																														
	Câu chuyện kể về trải nghiệm của người nói																														
	Câu chuyện được giới thiệu rõ ràng về các nhân vật, không gian, thời gian xảy ra																														
	Các sự việc được kể theo trình tự hợp lí																														
	Câu chuyện được kể theo ngôi thứ nhất và nhất quán trong cách xưng hô từ đầu đến cuối bài nói.																														
	Thể hiện rõ cảm xúc về sự việc đã xảy ra.																														
	Nêu được ý nghĩa của trải nghiệm với bản thân.																														
	Giọng nói to, rõ, mạch lạc																														

Hình thức	Giọng điệu kể linh hoạt phù hợp với nội dung và cảm xúc của người nói.		
	Người nói tự tin, nhìn vào người nghe khi nói, sử dụng giọng kể, nét mặt cử chỉ hợp lí.		
* Thực hiện nhiệm vụ: HS hoàn thành phiếu học tập * Báo cáo kết quả: HS trình bày kết quả * Đánh giá nhận xét, chốt kiến thức			

3. Hoạt động 3: Luyện tập

- a) Mục tiêu: Học sinh vận dụng kiến thức đã học vào giải bài tập
b) Nội dung hoạt động:
c) Sản phẩm học tập:
d) Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Nội dung cần đạt
1, Đóng vai cô bé trong “ Cô bé bán diêm” kể về những ảo ảnh của mình. 2, Hãy kể thêm về một trải nghiệm của bản thân mà em ấn tượng và nhớ mãi? Gợi ý đề 1: Đặt hệ thống câu hỏi? - Thời gian, địa điểm: Đêm giao thừa, trên đường phố rộng - Nhân vật: Tôi- cô bé bán diêm, người cha, một vài người qua đường. - Sự việc: Lạnh và đói, tôi đánh liều quẹt diêm để sưởi. Ánh sáng lửa diêm dẫn tôi tới những giấc mơ... - Suy nghĩ, cảm xúc: Buồn, đau khổ, tủi thân. Sung sướng và hạnh phúc - Dàn ý: 1, Mở đầu: + Đêm giao thừa, tuyết rơi dày trên những con phố. + Lạnh quá, tôi quyết định quẹt một que diêm để sưởi ấm. 2, Nội dung: + Tôi quẹt que diêm lần thứ nhất. + Tôi quẹt que diêm lần thứ hai cho đến hết bao diêm. + Tôi đã bay lên trời cùng bà. 3, Kết thúc: + Tôi vẫn nghĩ tới cha. + Tôi được đón năm mới ở một thế giới khác.	III, Luyện tập Bài tập:

4. Hoạt động 4: Vận dụng

- a) Mục tiêu: Giúp HS khắc sâu kiến thức đã học.
b) Nội dung: HS vận dụng kiến thức đã học để làm bài tập.
c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời của hs
d) Tổ chức thực hiện:
- * Giao nhiệm vụ học tập: Em đã biết cách lắng nghe người khác?**
*** Thực hiện nhiệm vụ:** HS suy nghĩ, hình thành và triển khai ý tưởng, tư duy độc lập...
*** Báo cáo kết quả:** GV gọi bất kì cá nhân nào trình bày kết quả.
Dự kiến:

- Tập trung vào người nói bằng cách nhìn vào mắt họ thể hiện sự quan tâm đến câu chuyện họ đang chia sẻ.
- Không ngắt lời người đang nói để có thể nghe được trọn vẹn câu chuyện.
- Hãy đặt mình vào họ để hiểu và đồng cảm với câu chuyện người nói đang kể.
- Sau khi nghe hãy có lời khen ngợi/ phản hồi cho người nói.

*** Kết luận, đánh giá.**

**** Hướng dẫn tự học:** Thực hành nói thêm về những trải nghiệm thú vị của bản thân.
Chuẩn bị bài tự đánh giá.

ĐÁP ÁN CÂU HỎI TRANG 25-26 TỰ ĐÁNH GIÁ

Câu	1	2	3	4	5	6	7
Đ/a	D	B	B	C	A	D	B

Câu 8:

Câu b có chủ ngữ được mở rộng: Những anh lười biếng

- Thành phần phụ trước: Những
- Thành phần trung tâm: anh
- Thành phần phụ sau: lười biếng

Câu 9:

Những chú ong chăm chỉ xây dựng hàng nghìn căn phòng ở trên những thân cây cao.

Câu 10:

Câu nói của Ông thợ giúp em rút ra được bài học về tính chăm chỉ và tính trì hoãn. Nếu chúng ta cứ luôn lười biếng, trì hoãn việc cần làm, có khả năng làm ngay thì thời gian hoàn thành công việc ngày càng lâu hơn. Thay vì cứ lười biếng, chúng ta hãy bắt tay làm những công việc mà có thể thực hiện luôn. Hay là chia nhỏ công việc để có thể thực hiện từng phần một.

Ngày dạy:

- **Bài 7: Tiết 85+ 86 +87**
- **THƠ (CÓ YẾU TỐ TỰ SỰ VÀ MIÊU TẢ)**
- **TÌM HIỂU TRI THỨC NGŨ VĂN**

- **Đọc hiểu văn bản ĐÊM NAY BÁC KHÔNG NGỦ (Minh Huệ)**

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức:

- Tri thức về thơ có yếu tố tự sự, miêu tả.
- Nhận biết được một số yếu tố hình thức (chi tiết, nhân vật, thể thơ, yếu tố miêu tả, tự sự, biểu cảm trong bài)
- Nhận biết được một số yếu tố nội dung (đề tài, chủ đề, ý nghĩa, tình cảm của tác giả, của anh đội viên với Bác và tình cảm của Bác đối với các chiến sĩ, đoàn dân công...)

2. Năng lực

a. Năng lực chung:

- Năng lực tự chủ và tự học: Tìm kiếm thông tin, đọc sách giáo khoa, quan sát tranh ảnh để tìm hiểu về văn bản.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Thảo luận nhóm để thực hiện phiếu học tập, hợp tác giải quyết vấn đề để tìm hiểu về văn bản.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Năng lực trình bày và trao đổi thông tin trước lớp.

b. Năng lực đặc thù:

- Trình bày suy nghĩ ý tưởng, cảm nhận của bản thân về những giá trị nội dung và nghệ thuật của bài thơ.

3. Phẩm chất:

- *Trách nhiệm*: Trân trọng, biết ơn những vị lãnh tụ, những con người đã có công dựng xây, bảo vệ đất nước.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- Học liệu: Ngữ liệu/Sách giáo khoa, phiếu học tập.
- Thiết bị: Máy tính.

III. Tiến trình dạy học.

1. Hoạt động 1: Mở đầu

- Mục tiêu: Tạo tâm thế và định hướng chú ý cho học sinh; tạo vấn đề vào chủ đề
- Nội dung hoạt động: HS quan sát tranh và đoán sự kiện
- Sản phẩm học tập: Câu trả lời/chia sẻ của HS bằng ngôn ngữ
- Tổ chức hoạt động:

* **Chuyển giao nhiệm vụ:** hs nhìn hình đoán ra được sự kiện lịch sử.

* **Thực hiện nhiệm vụ:** Hs trả lời

* **Báo cáo kết quả:** hs chia sẻ

* **Đánh giá nhận xét, kết nối vào bài:** Đó là sự kiện vô cùng quen thuộc, là một dấu son rất là chói lọi và vẻ vang trong lịch sử của nước nhà đó chính là chiến thắng Điện Biên Phủ lẫy lừng năm châu chấn động địa cầu. Đây là một chiến thắng rất lớn mà Hồ Chí Minh đã từng nói “ Điện Biên Phủ như một mốc son chói lọi ghi vào lịch sử ”

Nhưng để có trang sử vàng đó cũng có những khó khăn gian khổ “ Năm mươi sáu ngày đêm khoét núi ngủ hầm, mưa dầm cơm vắt. Máu trộn bùn non.(Hoan hô chiến sĩ Điện Biên- Tố Hữu) Những vần thơ rất đẹp mà Tố Hữu đã ghi lại trong bài thơ, có lẽ cũng chỉ là một góc nhỏ để tái hiện lại cuộc kháng chiến chống Pháp của chúng ta rất vẻ vang, rất anh hùng nhưng cũng rất vô cùng gian chuân, có những gian khổ có những đau thương, mất mát có cả những nỗi đau đau hướng về vận nước của con người lãnh tụ. Vị lãnh tụ ấy không ai khác chính là hình ảnh của bác Hồ Chí Minh. Trong những bài thơ được đánh giá viết rất hay, rất chân thực về Bác đã khắc hoạ hình ảnh của Bác trong chiến dịch Việt Bắc 1950 đó chính là bài thơ **ĐÊM NAY BÁC KHÔNG NGỦ của tác giả Minh Huệ** mà ngày hôm nay chúng ta sẽ đi tìm hiểu hình ảnh Bác Hồ trong bài thơ ấy đẹp đẽ và hiện lên như thế nào?

2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới

Nội dung 1: Tìm hiểu tri thức ngữ văn

- Mục tiêu:** học sinh hiểu được khái niệm truyện đồng thoại
- Nội dung:** HS sử dụng SGK, hoàn thành bảng kiến thức
- Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của học sinh.
- Tổ chức thực hiện:**

Hoạt động của GV và HS	Nội dung cần đạt
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:	

Chú ý đọc phần tri thức ngữ văn/ 27(sgk) ? Thơ là gì? ? Thơ có yếu tố tự sự, miêu tả là gì? Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập Hs trả lời câu hỏi Bước 3: Báo cáo sản phẩm học tập - HS trình bày cá nhân. - Các HS khác nhận xét. Dự kiến: Thơ là âm nhạc của tâm hồn, nhất là những tâm hồn cao cả, đa cảm.(Voltaire) Hội hoạ là thi ca được ngắm thay vì được cảm nhận và thi ca là hội hoạ được cảm nhận thay vì được ngắm.(Leonardo da Vinci) Cuộc sống là cánh đồng màu mỡ để cho thơ bén rễ sinh sôi(Puskin) Thơ là cái nhụy của cuộc sống(Tố Hữu) - Thơ là phương tiện truyền tải cảm xúc: + Thơ là âm nhạc của tâm hồn, nhất là những tâm hồn cao cả, đa cảm (Voltaire) + Thơ ra đời giữa những vui buồn của loài người và nó sẽ kết bạn với loài người cho đến ngày tận thế. - Thơ truyền tải những giá trị từ cuộc đời. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ: - GV nhận xét và chuẩn kiến thức.	I, Tìm hiểu về thơ Thơ có yếu tố tự sự, miêu tả là thơ trong đó người viết thường kể lại sự việc và miêu tả sự vật, qua đó, thể hiện tình cảm thái độ của mình.
---	--

Nội dung 2: Thực hành đọc văn bản :

- a) **Mục tiêu:** hs nắm được sơ lược về tác giả, về văn bản.
b) Nội dung hoạt động: Tìm hiểu yếu tố hình thức của bài thơ.
c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời của hs.
d) Tổ chức thực hiện:
- * **Chuyển giao nhiệm vụ:**
 - * **Thực hiện nhiệm vụ:** Hs trả lời
 - * **Báo cáo kết quả:** hs chia sẻ
 - * **Đánh giá nhận xét, kết luận.**

Hoạt động của GV và HS	Nội dung cần đạt
*PP, kĩ thuật: Giải quyết vấn đề, động não, - GV hướng dẫn cách đọc văn bản: - Đọc kĩ và chú ý chú thích - Đọc diễn cảm, ngắt nghỉ phù hợp với nhịp thơ để cảm nhận. - Thực hành kĩ năng tưởng tượng và suy luận. (Hình dung trong đầu về những gì đang đọc: câu chuyện, nhân vật, bối cảnh); từ những tín hiệu nghệ thuật, rút ra được những kết luận hợp lí, nhằm hiểu thông điệp tác giả muốn gửi gắm. PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1:	I. ĐỌC VĂN BẢN 1, Tìm hiểu yếu tố hình thức của bài thơ.

**YẾU TỐ HÌNH THỨC TRONG ĐỀM
NAY BÁC KHÔNG NGỬ**

	Yếu tố hình thức	Thể hiện trong bài thơ	Nhận xét của em
Thể thơ	Số dòng thơ		
	Số khổ thơ		
	Số tiếng trong một dòng		
	Gieo vần		
	Ngắt nhịp		

Dự kiến sp:

	Yếu tố hình thức	Thể hiện trong bài thơ	Nhận xét của em
Thể thơ	Số dòng thơ	64	Câu thơ ngắn Nhịp thơ nhanh, ngắt nhịp 2/3 xen kẽ nhau
	Số khổ thơ	16	
	Số tiếng trong một dòng	5 tiếng: <i>Anh đội viên thức dậy Thấy trời khuya lắm rồi</i>	

	Gieo vần	Kết hợp vần lưng và vần chân (GV nhắc lại vần lưng vần chân là gì?). VD trong bài: khổ 1 Sử dụng vần chân là chủ yếu; kết hợp gieo vần liên tiếp và giãn cách, xen kẽ nhau (GV đọc khổ 2 - 3 - 4)	ở các dòng thơ. Sử dụng vần chân, với cách gieo vần liên tiếp và ngắt quãng xen kẽ là chủ yếu	Nhận xét về yếu tố hình thức. - Câu thơ ngắn, mỗi dòng thơ gồm 5 tiếng đều nhau. - Nhịp thơ nhanh, ngắt nhịp 2/3 xen kẽ nhau ở các dòng thơ. - Sử dụng vần chân, với cách gieo vần liên tiếp và ngắt quãng xen kẽ là chủ yếu => Tạo nhịp điệu chung cho cả bài bởi sự nhịp nhàng, sâu lắng. => Đây cũng chính là đặc trưng cơ bản của thể thơ 5 chữ
	Ngắt nhịp	Nhịp 2/3; 3/2 <i>Lặng yên bên bếp lửa</i> <i>Vẻ mặt Bác trầm ngâm</i>	=> Tạo nhịp điệu chung cho cả bài sự nhịp nhàng, sâu lắng.	2, Hoàn cảnh sáng tác Đêm sông Lam mùa đông 1951 Minh Huệ- tác giả được người bạn của mình tên là Chắt(là bảo vệ của đồng chí Nguyễn Chí Thanh kể cho những câu chuyện về Bác Hồ đi chiến dịch. Trong đó có câu chuyện về Bác không ngủ. Với cảm hứng từ câu chuyện đó, tác giả đã viết nên bài thơ này. Bài thơ ra đời năm 1951.

? Nhận xét về yếu tố hình thức của bài thơ?

? Nêu hoàn cảnh sáng tác bài thơ?

Gv: Như vậy, câu chuyện về đêm nay Bác không ngủ không phải do tác giả chứng kiến mà thuật lại thông qua câu chuyện của người khác. Hay nói cách khác, nhân vật anh đội viên ở đây không phải tác giả.

? Câu chuyện “ Đêm nay Bác không ngủ” được kể với thời gian, không gian, nhân vật, nội dung như thế nào?

Thời gian: Trong đêm khuya, từ lúc anh đội viên thức dậy.

- Không gian: Trong mái lều tranh xơ xác nơi núi rừng Việt Bắc.

- Nhân vật: Bác Hồ, anh đội viên, nhân vật giấu mặt.

3, Câu chuyện “ Đêm nay Bác không ngủ” được kể:

-Thời gian: Trong đêm khuya, từ lúc anh đội viên thức dậy.

- Không gian: Trong mái lều tranh xơ xác nơi núi rừng Việt Bắc.

- Nhân vật: Bác Hồ, anh đội viên, nhân vật giấu mặt.

- Nội dung: Một đêm không ngủ của Bác trên đường đi chiến dịch- lúc này là kháng chiến chống Pháp.

- Nội dung: Một đêm không ngủ của Bác trên đường đi chiến dịch- lúc này là kháng chiến chống Pháp. ? Kể lại câu chuyện trong bài thơ dựa theo trật tự thời gian? Mở đầu Nhân vật và hoàn cảnh Sự việc Dự kiến: 1, Đêm nay, nơi chiến khu mưa lạnh, anh đội viên nửa đêm giật mình tỉnh giấc nhìn thấy Bác vẫn chưa ngủ. 2, Bác đang ngồi lặng yên bên bếp lửa, mái tóc Bác đã bạc đi rất nhiều. Bác lặng lẽ đốt lửa và đi dèm chăn cho từng người rất nhẹ nhàng. 3, Rồi anh đội viên khẽ hỏi: “ Bác ơi! Bác chưa ngủ ạ? Bác có lạnh lắm không ạ? Nghe thế, Bác đáp lại anh đội viên, giọng trầm ấm: “ Chú cứ việc ngủ ngon để mai còn đi đánh giặc.” 4, Nghe lời Bác, anh đội viên nhắm mắt nhưng vẫn lo lắng không yên vì Bác chưa đi ngủ. 5, Lần thứ ba thức dậy, trò chuyện với Bác anh đã biết rằng Bác không an lòng vì thương đoàn dân công nên không ngủ được. 6, Xúc động trước tình thương của Bác, anh thức luôn cùng Bác đêm đó. ? Nhận xét về câu chuyện được kể?	NHẬN XÉT VỀ CÂU CHUYỆN ĐƯỢC KỂ Câu chuyện dung dị, có xuất hiện đầy đủ các yếu tố thời gian, không gian, nhân vật và sự việc nối tiếp nhau, mang đến một thông điệp. Hấp dẫn khi được kể thông qua lời thơ nhịp nhàng. Kết hợp các yếu tố tự tự, miêu tả, biểu cảm.
---	--

II, KHÁM PHÁ VĂN BẢN

a) Mục tiêu: Đi tìm hiểu hình tượng Bác Hồ để thấy được tấm lòng yêu nước thương dân của Bác. b) Nội dung hoạt động: Đọc và tìm các chi tiết trong văn bản c) Sản phẩm học tập: các phiếu học tập d) Tổ chức thực hiện: - Phương pháp: Giải quyết vấn đề, vấn đáp, thảo luận - Kĩ thuật: Động não, trình bày một phút * Chuyển giao nhiệm vụ:	1, Hình tượng Bác Hồ
Hình tượng Bác Hồ được hiện lên qua những yếu tố nào? Hãy lấy dẫn chứng và đưa ra nhận xét của em?	

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1



* **Thực hiện nhiệm vụ:** Hs thảo luận điền phiếu học tập

* **Báo cáo kết quả:** Đại diện nhóm trả lời

Dự kiến sp:



* **Đánh giá nhận xét, kết luận:**

? Khi xây dựng hình tượng Bác Hồ tác giả đã sử dụng nghệ thuật gì? Nêu Tác dụng?

- Các từ láy gợi hình, gợi cảm: trầm ngâm, lâm thâm, xơ xác.
- Kết hợp các yếu tố kể và tả (tả hình dáng Bác Hồ và thời tiết)
- So sánh, ẩn dụ:
- Bóng Bác cao lồng lộng/ Ấm hơn ngọn lửa hồng: Gợi lên bóng dáng của Người thật lớn lao, vĩ đại, lại vừa gần gũi, sưởi ấm lòng người chiến sĩ hơn cả ngọn lửa hồng.
- > Người cha mái tóc bạc/ Đốt lửa cho anh nằm

- Các từ láy gợi hình, gợi cảm: trầm ngâm, lâm thâm, xơ xác.
- Kết hợp các yếu tố kể và tả (tả hình dáng Bác Hồ và thời tiết)
- So sánh, ẩn dụ:
- Bóng Bác cao lồng lộng/ Ấm hơn ngọn lửa hồng: Gợi lên bóng dáng của Người thật lớn lao, vĩ đại, lại vừa gần gũi, sưởi ấm lòng người chiến sĩ hơn cả ngọn lửa

- Gọi tình yêu thương lớn lao mà Bác dành cho chiến sĩ, nhân dân như tình phụ tử thiêng liêng này.
- ? Qua việc phân tích , em thấy hình tượng Bác Hồ hiện lên như thế nào?

hồng.

- > Người cha mái tóc bạc/ Đốt lửa cho anh nằm
- Gọi tình yêu thương lớn lao mà Bác dành cho chiến sĩ, nhân dân như tình phụ tử thiêng liêng này.
Bác Hồ: Hình tượng Bác hiện lên đẹp đẽ, lớn lao và giản dị, gần gũi, giàu tình yêu thương vô bờ dành cho nhân dân, chiến sĩ

- a) Mục tiêu: Đi tìm hiểu nhân vật anh đội viên
- b) Nội dung hoạt động: Đọc và tìm các chi tiết trong văn bản
- c) Sản phẩm học tập: các phiếu học tập
- d) Tổ chức thực hiện:

- **Phương pháp:** Giải quyết vấn đề, vấn đáp, thảo luận

- **Kĩ thuật:** Động não, trình bày một phút

* **Chuyển giao nhiệm vụ:** Đọc kĩ bài thơ, tìm các chi tiết thể hiện cảm xúc, suy nghĩ của anh đội viên đối với Bác trong những lần thức dậy và đưa ra nhận xét của mình?

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2: Tâm tư anh đội viên

	Thái độ	Hành động	Tâm trạng	Nghệ thuật
Lần 1				
Lần 3				

a, Vì sao trong bài thơ không có lần thứ hai anh đội viên thức dậy mà lại có lần thứ ba?
Tác dụng của việc lược bỏ đó?

.....
.....

b, Dựa vào những chi tiết em vừa tìm được em cảm nhận được tình cảm của anh đội viên đối với Bác như thế nào?

.....
.....
.

* **Báo cáo kết quả:** Đại diện nhóm trả lời

Dự kiến sp:

	Thái độ	Hành động	Tâm trạng	Nghệ thuật
Lần	Ngạc	Nhìn	Mơ	- Từ láy:

2. Tâm tư anh đội viên

1	nhiên, băn khoăn đến khắc khoải, lo lắng	và đôi theo những cử chỉ, hành động của Bác Mời bác đi ngủ	màng như nằm trong giấc mộng đẹp dễ, ấm áp Thôn thức, thì thâm xúc động	nhẹ nhàng, mơ màng, thôn thức... - Điệp từ "càng": diễn tả tình thương tăng cấp của anh đội viên với Bác. - Ẩn dụ, so sánh: thể hiện tình cảm thân thiết, ngưỡng mộ của anh đội viên với Bác.	
Lần 3	Hốt hoảng , giật mình	Nặng nặng mời Bác ngủ, nhìn Bác, thức luôn cùng Bác	+ Đồng cảm, thấu hiểu + Niềm vui sướng hạnh phúc, tin yêu, biết ơn khi hiểu được tấm lòng, sự vĩ đại của Bác	- Từ láy "nặng nặng". - Đảo trật tự ngôn từ, lặp lại các cụm từ: <i>Mời Bác ngủ Bác oi/ Bác oi! Mời Bác ngủ</i> => Diễn tả tăng dần mức độ bồn chồn, lo lắng, tình cảm chân thành của anh đội viên với Bác.	
- Chứng tỏ anh đã thức dậy nhiều lần và thấy Bác không ngủ. Từ lần một đến lần 3, tâm trạng của anh					

mới có sự biến đổi rõ rệt. - Anh lo lắng cho sức khỏe của bác, tin yêu và kính trọng, cảm phục trước tấm lòng - mệnh mong yêu thương của Bác dành cho mình và chiến sĩ, nhân dân.	
* Đánh giá nhận xét, kết luận: Khi miêu tả tâm trạng cảm xúc của anh đội viên với Bác, tác giả đã dùng nhiều hình ảnh so sánh, ẩn dụ, hoán dụ. Em thích nhất hình ảnh nào? Vì sao? Ví dụ: Em rất thích hình ảnh: Anh đội viên mơ màng/ Như nằm trong giấc mộng. Đã diễn tả khoảnh khắc mơ màng, nửa hư, nửa thực hạnh phúc vô cùng của người chiến sĩ khi được Bác chăm sóc yêu thương. ? Như vậy, anh đội viên được khắc họa như thế nào? ? Tác giả đã suy nghĩ và lí giải về những đêm không ngủ của Bác và cho rằng đó chỉ là một LỄ THƯỜNG TÌNH, bởi vì sao? Đọc khổ thơ cuối ? Đặt mình vào vị trí của anh đội viên, tác giả đã cảm nhận, suy nghĩ gì những đêm không ngủ của người?	Anh đội viên: Anh đội viên được khắc họa nhiều thông qua suy nghĩ, tình cảm. Tâm trạng anh đội viên được khắc họa rõ nét qua mỗi lần thức dậy, từ lo lắng, khắc khoải, bồn chồn đến hốt hoảng, giật mình, vui. 3, Nhân vật giấu mặt(thay mặt tác giả) - Cảm xúc của tác giả: - Điệp ngữ: Đêm nay, Đêm nay Bác không ngủ lặp lại nhiều lần. - Tác giả đã suy nghĩ và lí giải về những đêm không ngủ của Bác và cho rằng đó chỉ là một LỄ THƯỜNG TÌNH, bởi: + Đó chỉ là một trong vô vàn những đêm không ngủ để lo cho nước cho dân của Bác. + Không ngủ vì yêu nước, thương dân ấy đã trở thành lẽ sống tất yếu của Người, một điều rất bình thường và hiển nhiên, không cần phải lí giải. Bởi cuộc đời của Người đã dành trọn vẹn cho nhân dân, Tổ quốc. =>Tự đặt mình vào vị trí của anh đội viên, tác giả đã thể hiện niềm kính yêu với Bác Hồ- vị cha già của dân tộc.
Em hãy khái quát chủ đề văn bản? ? Tại sao Bác Hồ lại không ngủ? Tại sao đêm nay Bác Hồ không ngủ có điều gì đặc biệt?	4, Chủ đề văn bản - Nhan đề đóng vai trò quan trọng trong việc khơi gợi chủ đề - đề tài của cả bài thơ. - Nhan đề "Đêm nay Bác không ngủ" - một câu kể, gợi trí tò mò của người đọc.

	- Đề tài: Chiến tranh - cuộc kháng chiến chống Pháp. Chủ đề: Tình yêu thương nhân ái.
HĐ cá nhân - KT trình bày 1 phút: * GV yêu cầu HS làm việc cá nhân thực hiện yêu cầu sau: Em hãy khái quát nghệ thuật và nội dung của bài thơ?	IV, Tổng kết. 1, Nghệ thuật - Bài thơ sử dụng thể thơ năm chữ, có nhiều vần liền thích hợp với lối kể chuyện, kết hợp miêu tả, kể với biểu cảm, có nhiều chi tiết giản dị, chân thực và cảm động. 2, Nội dung: Qua câu chuyện về một đêm không ngủ của Bác Hồ trên đường đi chiến dịch, bài thơ đã thể hiện tấm lòng yêu thương sâu sắc của Bác với bộ đội và nhân dân, tình cảm yêu kính, cảm phục của người chiến sĩ đối với lãnh tụ.

3. Hoạt động 3: Luyện tập

a) Mục tiêu: Học sinh vận dụng kiến thức đã học vào giải bài tập

b) Nội dung hoạt động: Hs trả lời câu hỏi.

c) Sản phẩm học tập:

- Câu trả lời của các câu hỏi, bài tập.

d) Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS		Nội dung cần đạt													
* Chuyển giao nhiệm vụ: Bài 6/ sgk/ 32 Chỉ ra và nêu tác dụng của yếu tố miêu tả, tự sự trong bài thơ? <table><tr><td>Giống</td><td colspan="2"></td></tr><tr><td>Khác</td><td></td><td></td></tr></table>		Giống			Khác			III, LUYỆN TẬP Bài 6/ sgk/ 32 <table><tr><td>Giống</td><td colspan="2"></td></tr><tr><td>Khác</td><td></td><td></td></tr></table> Chỉ ra và nêu tác dụng của yếu tố miêu tả, tự sự trong bài thơ?		Giống			Khác		
Giống															
Khác															
Giống															
Khác															
* Thực hiện nhiệm vụ: Hs thảo luận và chỉ ra * Báo cáo kết quả: - GV gọi bất kì cá nhân nào trình bày kết quả. * Kết luận, đánh giá: - HS, GV đánh giá, nhận xét.															
Giống	Đều thể hiện tấm lòng yêu thương sâu sắc, rộng lớn của Bác với bộ đội và nhân dân. Đồng thời nêu lên tình cảm yêu kính, cảm phục của người chiến sĩ đối với lãnh tụ.														
Khác	Thơ: Hình thức thơ 5 chữ, có vần nhịp, dễ	Câu chuyện: Hình thức: văn xuôi.													

	nhớ. Anh đội viên kể về một đêm Bác không ngủ(góc nhìn của anh đội viên) Diễn tả rõ hình ảnh của Bác không ngủ như thế nào, anh đội viên cảm thấy ra sao nên lời thơ tha thiết hơn, giàu xúc cảm, đậm chất trữ tình.	Còn bài văn là lời của Minh Huệ khi nghe kể lại. Chuyện tập trung kể các sự việc, đậm chất tự sự.
--	---	--

4. Hoạt động 4: Vận dụng

a) Mục tiêu: Giúp HS khắc sâu kiến thức đã học.

b) Nội dung: HS vận dụng kiến thức đã học để làm bài tập.

c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời

d) Tổ chức thực hiện:

* **Giao nhiệm vụ học tập:** Chỉ ra và nêu tác dụng của yếu tố miêu tả, tự sự trong bài thơ?

* **Thực hiện nhiệm vụ:** HS suy nghĩ, hình thành và triển khai ý tưởng, tư duy độc lập...

* **Báo cáo kết quả:** GV gọi bất kì cá nhân nào trình bày kết quả.

Dự kiến:

- Miêu tả hình ảnh Bác Hồ:” Vẻ mặt Bác trầm ngâm”, Người Cha mái tóc bạc”, “Bác nhón chân nhẹ nhàng”, ” Bóng Bác cao lồng lộng”

-> Giúp khắc hoạ rõ nét, chân thực hình ảnh Bác Hồ.

- Miêu tả thiên nhiên: “ Ngoài trời mưa lâm thâm”, “ Mai lều tranh xơ xác”, “ Rừng lẩm dốc, lẩm ụ.”

-> Cho thấy hoàn cảnh thiếu thốn, khó khăn của kháng chiến.

=> Khắc hoạ hình ảnh Bác Hồ trở nên đậm nét. Thể hiện sâu sắc hơn tình yêu mệnh mông, bao la mà Bác dành cho nhân dân Việt Nam.

Sau khi HS thực hiện xong từng nhiệm vụ, GV nhận xét và chốt lại.

*** Kết luận, đánh giá.**

****Hướng dẫn về nhà:**

- Học kĩ bài đã học, Tìm đọc những bài thơ cũng có yếu tố tự sự và miêu tả (Chuyện cổ tích về loài người, Những cánh buồm..)
- Chuẩn bị bài sau:

Ngày dạy:

Tiết 88+89

- Đọc hiểu văn bản LƯỢM (Tố Hữu)

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức:

- Tri thức về thơ có yếu tố tự sự, miêu tả.
- Nhận biết được một số yếu tố hình thức (chi tiết, nhân vật, thể thơ, yếu tố miêu tả, tự sự, biểu cảm trong bài)
- Nhận biết được một số yếu tố nội dung (đề tài, chủ đề, ý nghĩa, tình cảm của tác giả, ...)

2. Năng lực

a.Năng lực chung:

- Năng lực tự chủ và tự học: Tìm kiếm thông tin, đọc sách giáo khoa, quan sát tranh ảnh để tìm hiểu về văn bản.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Thảo luận nhóm để thực hiện phiếu học tập, hợp tác giải quyết vấn đề để tìm hiểu về văn bản.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Năng lực trình bày và trao đổi thông tin trước lớp.

b. Năng lực đặc thù:

- Trình bày suy nghĩ ý tưởng, cảm nhận của bản thân về những giá trị nội dung và nghệ thuật của bài thơ.

3. Phẩm chất:

- *Trách nhiệm:* Trân trọng, biết ơn những thế hệ cha anh đã ngã xuống để bảo vệ nền độc lập tự do của dân tộc.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

* Giáo viên: - Học liệu: Ngữ liệu/Sách giáo khoa, phiếu học tập. Tài liệu tham khảo.

- Thiết bị: Máy tính.

* Học sinh: Đọc, trả lời câu hỏi SGK.

III. Tiến trình dạy học.

1. Hoạt động 1: Mở đầu

a) Mục tiêu: Tạo tâm thế và định hướng chú ý cho học sinh; tạo vấn đề vào chủ đề

b) Nội dung hoạt động:

- HS nhìn tranh đã sưu tầm đoán tên anh hùng .

c) Sản phẩm học tập:

- Câu trả lời/chia sẻ của HS bằng ngôn ngữ

d) Tổ chức hoạt động:

* Chuyển giao nhiệm vụ:

Giờ học hôm trước cô đã yêu cầu các em về nhà chuẩn bị bài trong đó có nội dung : sưu tầm các bức chân dung về các tấm gương anh hùng nhỏ tuổi đã hi sinh trong hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mĩ. Bây giờ các em cùng nhìn lên màn chiếu đọc tên cho cô các tấm gương anh hùng nhỏ tuổi đã hi sinh tương ứng với các bức hình trên?

* **Thực hiện nhiệm vụ học tập:** Hs đoán tên

* Báo cáo kết quả:

Dự kiến: Võ Thị sáu, Lê Văn Tám, Vừ A Dính, Kim Đồng, Trần Quốc Toản

* **Đánh giá nhận xét và kết nối vào bài:** Các em ạ, đây là một trong số những tấm gương điển hình trong muôn ngàn vạn những em bé khác đã hy sinh vì độc lập tự do của dân tộc. Để khắc ghi những tấm gương anh hùng ấy có rất nhiều nhà văn nhà thơ ngợi ca trong tác phẩm của mình trong đó có nhà thơ TH với bài thơ Lượm. Hôm nay cô trò chúng ta cùng tìm hiểu.

2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới

Hoạt động của GV và HS	Nội dung cần đạt												
Gọi HS đọc chú thích (Sgk) GV chiếu chân dung nhà thơ - HS quan sát chân dung tác giả, hình ảnh sách... - HS đọc thông tin về tác giả, văn bản. - GV phát phiếu bài tập số 1, yêu cầu HS làm việc nhóm để điền thông tin vào phiếu bài tập. - Sau khi HS thực hiện xong từng nhiệm vụ, GV nhận xét và chốt lại. Phiếu bài tập số 1: <table><tr><th colspan="2">Văn bản : Lượm</th></tr><tr><td>Tác giả</td><td></td></tr><tr><td>Hoàn cảnh ra đời:</td><td></td></tr><tr><td>Thể thơ</td><td></td></tr><tr><td>Phương thức biểu đạt chính</td><td></td></tr><tr><td>Bố cục</td><td></td></tr></table> Gv chiếu chân dung nhà thơ và nhấn mạnh: Nhà thơ lớn lên ở quê hương xứ Huế mộng mơ, với sông Hương, núi Ngự, với những điệu hò mái nhì, mái đẩy... nên “Huế thơ, Huế nghĩa, Huế tình” đã	Văn bản : Lượm		Tác giả		Hoàn cảnh ra đời:		Thể thơ		Phương thức biểu đạt chính		Bố cục		II. ĐỌC VĂN BẢN 1. Tác giả: - Tố Hữu (1920 – 2002), tên thật là Nguyễn Kim Thành, quê ở Thừa Thiên – Huế - Ông được coi là lá cờ đầu của thơ ca cách mạng và kháng chiến. - Các tác phẩm chính: Từ ấy, VB, Gió lộng, Ra trận 2. Tác phẩm - Hoàn cảnh sáng tác: Năm 1949- Kháng chiến chống Pháp, in trong tập " Việt Bắc" - <i>Thể thơ</i>: 4 tiếng, nhịp 2/2, vần chân, vần cách... phù hợp với lối kể chuyện. + Phương thức biểu đạt :: Miêu tả kết hợp với tự sự và biểu cảm
Văn bản : Lượm													
Tác giả													
Hoàn cảnh ra đời:													
Thể thơ													
Phương thức biểu đạt chính													
Bố cục													

trở đi, trở lại trong thơ ông trong trẻo như ca dao, mượt mà như câu hát dân ca... Thơ Tố Hữu luôn theo sát những chặng đường lịch sử của cách mạng VN. Ở Tố Hữu luôn có sự thống nhất đẹp đẽ giữa cuộc đời cách mạng và cuộc đời thơ.

Bài thơ sáng tác 1949. Đây là thời điểm lịch sử vô cùng khó khăn của dân tộc ta, Lúc này Pháp chưa đánh rộng ra quân ta đóng ở đồn Mang Cá một cứ điểm quan trọng của Huế. Cuộc k/c ngày càng gay go giao thông liên lạc giữa trung ương và các địa phương, giữa các vùng ngày càng khó khăn

Để hiểu rõ hơn văn bản, chúng ta cùng sang phần

Bố cục: 3 phần

+ Từ đầu ... "cháu đi xa dân". (Năm khổ thơ đầu): *Nhớ lại cuộc gặp gỡ tình cờ giữa nhà thơ và Lượm.*

+ Bảy khổ giữa: *Chuyến liên lạc cuối cùng và sự hi sinh của Lượm.*

+ Hai khổ cuối: *Hình ảnh Lượm sống mãi.*

II, KHÁM PHÁ VĂN BẢN

a) Mục tiêu: Đi tìm hiểu hình ảnh Lượm trong cuộc gặp gỡ tình cờ với nhà thơ để thấy được Lượm nhỏ nhắn, nhí nhảnh, hồn nhiên, vui tươi, lạc quan yêu đời, say mê công tác.

b) Nội dung hoạt động: Đọc và tìm các chi tiết trong văn bản

c) Sản phẩm học tập: các phiếu học tập

d) Tổ chức thực hiện:

- **Phương pháp:** Giải quyết vấn đề, vấn đáp, thảo luận

- **Kĩ thuật:** Động não, trình bày một phút

* **Chuyển giao nhiệm vụ:**

Hoạt động chung cá nhân

? Nhà thơ Tố Hữu gặp gỡ Lượm trong hoàn cảnh nào? Hình ảnh *đỏ máu* gợi em liên tưởng tới cuộc chiến lúc này như thế nào?

Hoàn cảnh gặp gỡ

- *Huế đỏ máu* -Hoán dụ

-> cuộc chiến ác liệt cam go, nhiều tổn thất hy sinh

Thảo luận phiếu học tập số 2:

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1

Hoàn thành bảng sau:

<i>Trang phục?</i>	<i>Cử chỉ, hành động?</i>	<i>Lời nói ?</i>	<i>Dáng vẻ?</i>	<i>Từ ngữ, biện pháp nghệ thuật? Tác dụng?</i>
.....				
.....				

=> Chú bé Lượm hiện lên như thế nào?

1, Hình ảnh Lượm trong cuộc gặp gỡ tình cờ với nhà thơ.

* **Thực hiện nhiệm vụ:** Hs thảo luận điền phiếu học tập

* **Báo cáo kết quả:** Đại diện nhóm trả lời

Dự kiến sp:

Trang phục	Cử chỉ, hành động	Lời nói :	Dáng vẻ	Từ ngữ, biện pháp nghệ thuật? Tác dụng?
- Cái xắc xinh xinh. - Ca lô đội lệch. -> <i>ngộ nghĩnh y như một người lính thực sự.</i>	- chân thoăn thoắt, - đầu nghênh h nghênh h, - Mồm huýt sáo vang - cười híp mí, ->	- Đi liên lạc/ Vui lắm chú à.	- Bé loắt choắt - má bò quân. Như con chim chích. Nhảy trên đường vàng.	- Từ láy: <i>loắt choắt, xinh xinh, thoăn thoắt, nghênh nghênh...</i> - Hình ảnh so sánh <i>Như con chim chích. Nhảy trên đường vàng?</i> + vừa thể hiện được hình ảnh Lượm nhỏ
	<i>nhANH NHẸN, tháo vát.</i>		-> <i>nhỏ bé, đáng yêu, tinh nghịch.</i>	<i>nhấn</i> đáng yêu, vừa thể hiện được đáng vẻ <i>nhANH NHẸN</i> , đồng thời còn gợi ra vẻ đẹp công việc hữu ích của Lượm.

- *Lượm nhỏ nhắn, nhí nhảnh, hồn nhiên, vui tươi, lạc quan yêu đời, say mê công tác.*

=> *Lượm nhỏ nhắn, nhí nhảnh, hồn nhiên, vui tươi, lạc quan yêu đời, say mê công tác.*

* **Đánh giá nhận xét, kết luận:**

Thảo luận cặp đôi(2p)

? Hình ảnh con đường vàng trong bài thơ gợi cho em những liên tưởng gì?

Dự kiến :

+ Hình ảnh con đường vàng: liên tưởng cánh đồng lúa vàng rực, con đường đầy lá vàng rơi, con đường cách mạng tươi sáng...

GV bình: Đây là con đường trong hồi tưởng của nhà thơ. Có thể là con đường cát vàng, nắng vàng bên đồng lúa vàng, rom vàng.

Có thể là con đường của lí tưởng mà em đã lựa chọn.

Câu thơ “đường vàng” là câu thơ có hình ảnh tượng tượng gắn với cách mạng, là nét điển hình trong thơ Tố Hữu mà lên các lớp trên các em sẽ được gặp rất nhiều.

GV: Trong khổ thơ 5 nhà thơ diễn tả niềm vui của lượm: Cười híp mí. Má đỏ bồ quân: diễn tả niềm vui sướng tốt độ vui sướng một cách hồn nhiên ngây thơ coi đó là niềm vui, niềm hạnh phúc. Lượm hăng hái với nhiệm vụ liên lạc, em chào nhà thơ bằng “đồng chí” để lên đường làm nhiệm vụ.

- Vậy trong khi thực hiện nhiệm vụ hình ảnh lượm hiện lên như thế nào chúng ta cùng sang phần 2

a) Mục tiêu: Đi tìm hiểu hình ảnh Lượm trong chuyến liên lạc cuối cùng và sự hy sinh để thấy được - Lượm là chú bé hồn nhiên, gan dạ, dũng cảm và hi sinh dũng cảm.

b) Nội dung hoạt động: Đọc và tìm các chi tiết trong văn bản

c) Sản phẩm học tập: các phiếu học tập

d) Tổ chức thực hiện:

- **Phương pháp:** Giải quyết vấn đề, vấn đáp, thảo luận

- **Kỹ thuật:** Động não, trình bày một phút

* **Chuyển giao nhiệm vụ:** Đọc kĩ bài thơ

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 3

<i>Hoàn cảnh chiến đấu</i>	Từ ngữ, biện pháp nghệ? Tác dụng?	Âm điệu?	Nhận xét về cấu trúc câu thơ?
.....			
...			
.....			

=> Hình ảnh Lượm?

* **Thực hiện nhiệm vụ:** Học sinh trả lời phiếu học tập.

* **Báo cáo kết quả:** Đại diện nhóm trả lời

Dự kiến sp:

<i>Hoàn cảnh chiến đấu</i>	Từ ngữ, biện pháp nghệ? Tác dụng?	Âm điệu?	Nhận xét về cấu trúc câu thơ?
- Vụt qua mặt trận. - Đạn bay vèo vèo. => khó khăn, nguy hiểm	Động từ "vụt", tính từ "vèo vèo" miêu tả chính xác hành động dũng cảm của Lượm và sự ác liệt của chiến tranh.	Âm điệu lắng xuống trầm buồn xót xa	- Câu hỏi tu từ: <i>Sợ chi hiểm nghèo? Nói lên khí phách dũng cảm như một lời thách thức với quân thù.</i> - <i>Ra thế Lượm ơi !...</i>

2. Hình ảnh Lượm trong chuyến liên lạc cuối cùng và sự hy sinh.

Thôi rồi,
Lượm ơi !
Lượm ơi,
còn
không?

Câu thơ có
cấu tạo đặc
biệt, câu cảm
câu hỏi tu từ,
tách thành
khổ riêng,
nhịp thơ bị
ngắt quãng.

+ Đau xót
như tiếng nước
nở nghẹn
ngào, đau xót
khi nghe tin
Lượm hi
sinh.

+ Câu hỏi tu
từ như xoáy
sâu vào lòng
người đọc
nỗi buồn đau
nhức buốt,
nhà thơ bàng
hoàng như
không muốn
tin vào sự
thật nghiệt
ngã Lượm đã
hy sinh.

-> Lượm là chú bé hồn nhiên, gan dạ, dũng
cảm và hi sinh dũng cảm.

*** Đánh giá nhận xét, kết luận:**

? Cái chết có đổ máu, đau thương nhưng lại được
miêu tả như một giấc ngủ bình yên của trẻ thơ giữa
đồng quê thơm hương lúa. Cái chết ấy gọi cho em
những suy nghĩ và liên tưởng gì về sự hy sinh của
Lượm, về tình cảm của nhà thơ?

- Một cái chết dũng cảm,
- Một sự mất mát đau thương nhưng nhẹ nhàng,
thanh thản.

GV bình chốt

Hình ảnh Lượm nằm giữa cánh đồng lúa được miêu
tả thật hiện thực và lãng mạn. Lượm ngã ngay trên

đất quê hương... Hương thơm của lúa cũng như hương của dòng sữa mẹ đưa em vào giấc ngủ vĩnh hằng. Linh hồn bé nhỏ và anh hùng ấy đã hoá thân vào non sông đất nước. Lượm như một thiên thần bé nhỏ đang bay lượn giữa cánh đồng lúa ngát thơm hương. Nhà thơ đã nhận ra ý nghĩa sự hy sinh cao cả của Lượm nên từ đau xót đã chuyển thành cảm hứng trân trọng, ngợi ca sự hy sinh bất tử của người anh hùng nhỏ tuổi.

? Em hãy kể thêm những tấm gương thiếu niên dũng cảm trong kháng chiến chống giặc ngoại xâm của dân tộc ta.

Giáo viên: Tuổi trẻ Việt Nam luôn thực hiện tốt lời dạy của Bác Hồ:

“Tuổi nhỏ làm việc nhỏ
Tùy theo sức của mình
Để tham gia kháng chiến
Để gìn giữ hòa bình”

Mọi người đều đóng góp công sức cho sự mệnh lịch sử. Dù hoàn cảnh nào kể cả phải hi sinh tính mạng khi ở tuổi thanh xuân thì họ cũng không chùn bước. Đó là Kim Đồng, Lý Tự Trọng, Võ Thị Sáu, Nguyễn Văn Trỗi, Lê Văn Tám,.....Đây chỉ là số ít trong rất nhiều những tấm gương sáng cho thế hệ sau phải noi theo.

Vậy tình cảm của nhà thơ Tố Hữu dành cho chú bé Lượm như thế nào? Chúng ta sang phần 3.

- a) Mục tiêu: Đi tìm hiểu hình ảnh Lượm để thấy Lượm sẽ sống mãi trong lòng mọi người.
- b) Nội dung hoạt động: Đọc và tìm các chi tiết trong văn bản
- c) Sản phẩm học tập: các phiếu học tập
- d) Tổ chức thực hiện:

- **Phương pháp:** Giải quyết vấn đề, vấn đáp, thảo luận

- **Kĩ thuật:** Động não, trình bày một phút

* **Chuyển giao nhiệm vụ:**

.? Nhận xét về câu thơ cuối của bài? Nghệ thuật khổ thơ cuối cùng lặp lại hình ảnh Lượm. Điều đó có ý nghĩa gì trong bộc lộ cảm nghĩ nhà thơ?

- “Lượm ơi còn không?” là câu hỏi tu từ được tách ra thành một khổ thơ riêng ở cuối bài để bộc lộ cảm xúc băng khuâng, tiếc nhớ khôn nguôi của tác giả.

- Khổ cuối: Điệp khúc , nối tiếp một cách hợp lí, trả lời cho câu hỏi tu từ trên- kết cấu đầu cuối tương

- Lượm là chú bé hồn nhiên, gan dạ, dũng cảm và hi sinh dũng cảm.

3, Hình ảnh Lượm vẫn còn sống mãi.

ứng. ⇒ khẳng định Lượm sẽ sống mãi cùng thời gian, trong lòng nhà thơ, trong tình thương nhớ, cảm phục của đồng bào Huế, trong chúng ta và các thế hệ mai sau. => Khắc ghi mãi hình ảnh một chú bé hồn nhiên, vui tươi, nhí nhảnh trong lòng độc giả. => Ước vọng về một cuộc sống hòa bình để trẻ em mãi được hồn nhiên, vui tươi. Thảo luận phiếu học tập số 4 Trong 2 đoạn thơ cuối của bài, tác giả đã thay đổi cách xưng hô. Tìm từ xưng hô ấy và phân tích tác dụng của sự thay đổi cách gọi này đối với việc biểu hiện thái độ, quan hệ tình cảm của tác giả với Lượm? * Thực hiện nhiệm vụ: Học sinh trả lời phiếu học tập. * Báo cáo kết quả: Đại diện nhóm trả lời Dự kiến sp: - Chú bé: cách gọi của người lớn với một đứa trẻ, thể hiện sự thân mật nhưng chưa thật sự gần gũi - Cháu: thể hiện quan hệ gần gũi, thân thiết, triu mến như ruột thịt - Chú đồng chí nhỏ: xem Lượm như một người đồng chí ngang hàng về việc thực hiện nhiệm vụ xong thể hiện sự triu mến trang trọng - Gọi là “Lượm”: thể hiện tình cảm yêu mến, đau xót, cảm phục lên tới cao trào. -> Sự thay đổi về cách gọi với chú bé Lượm để khẳng định mối quan hệ thân thiết, nói lên lòng yêu quý kính trọng của nhà thơ với chú bé Lượm.	
--	--

* Đánh giá nhận xét, kết luận: GV: Nhà thơ Tố Hữu dành rất nhiều tình cảm của mình với Lượm. Điều này thể hiện rõ trong tất cả các câu thơ xuyên suốt bài thơ và để diễn tả cảm xúc của mình về chú bé. Ra thế/ Lượm ơi!-> NT: câu thơ 4 chữ nhưng ngắt làm 2 dòng cùng với câu cảm thán cuối câu để diễn tả cảm xúc bàng hoàng ngỡ ngàng khi nghe tin Lượm hi sinh và tác giả rất đau đớn xót thương. Thôi rồi, Lượm ơi!-> câu cảm thán diễn tả sự tiếc thương vô hạn khi nghe tin Lượm hi sinh. Lượm ơi còn không? -> Nỗi đau xót nghẹn ngào tiếc thương, kính trọng Lượm. Tác giả như không tin rằng Lượm đã hi sinh, tự mình đặt câu hỏi và cũng là để khẳng định Lượm sống mãi với quê hương đất nước Việt Nam.	- Lượm sẽ sống mãi cùng thời gian, trong lòng nhà thơ, trong tình thương nhớ, cảm phục của đồng bào Huế, trong chúng ta và các thế hệ mai sau.
HĐ cá nhân - KT trình bày 1 phút: * GV yêu cầu HS làm việc cá nhân thực hiện yêu cầu sau: Em hãy khái quát nghệ thuật và nội dung của bài thơ?	IV, Tổng kết. 1, Nghệ thuật - Kết hợp miêu tả, tự sự và biểu cảm. - Thể thơ 4 chữ giàu âm điệu. - Nhiều từ láy gợi hình. - Cách so sánh độc đáo. - Kết cấu đầu cuối tương ứng. 2, Nội dung : Bài thơ đã khắc họa và ca ngợi hình ảnh chú bé liên lạc hồn nhiên, vui tươi, hăng hái, dũng cảm. Lượm đã hi sinh anh dũng nhưng hình ảnh em còn sống mãi trong lòng mọi người.

- 3. Hoạt động 3: Luyện tập**
- a) Mục tiêu: Học sinh vận dụng kiến thức đã học vào giải bài tập
- b) Nội dung hoạt động: HS trả lời câu hỏi.
- c) Sản phẩm học tập:
- Câu trả lời của các câu hỏi, bài tập.
- d) Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Nội dung cần đạt
* Chuyển giao nhiệm vụ: Trong cuộc sống và trong tác phẩm văn học có rất nhiều tấm gương thiếu niên dũng cảm như nhân vật Lượm, hãy viết 3-4 dòng giới thiệu về một thiếu niên dũng cảm mà em biết. * Thực hiện nhiệm vụ: HS thảo luận và chỉ ra * Báo cáo kết quả: - GV gọi bất kì cá nhân nào trình bày kết quả. * Kết luận, đánh giá: - HS, GV đánh giá, nhận xét.	III, LUYỆN TẬP Trong cuộc sống và trong tác phẩm văn học có rất nhiều tấm gương thiếu niên dũng cảm như nhân vật Lượm, hãy viết 3-4 dòng giới thiệu về một thiếu niên dũng cảm mà em biết.
Tham khảo đoạn 1: Lê Văn Tám là một thiếu niên anh hùng trong thời kì chiến tranh Đông Dương của Việt Nam. Cậu được biết đến với chiến tích nổi bật là đã cầm tử châm lửa để phá hủy một kho đạn của quân Pháp. Sau chiến tranh, hình ảnh Lê Văn Tám được coi là một biểu tượng anh hùng cách mạng – tấm gương của một thiếu niên anh hùng dân tộc, đã xả thân vì nghiệp lớn giải phóng dân tộc. Tham khảo đoạn 2: Mỗi khi nhắc tới Côn Đảo người ta không thể không nhắc tới tên tuổi Võ Thị Sáu – những người chết còn trẻ mãi. Nhiều thế hệ cả nước đều gọi chị bằng hai tiếng rất gần gũi, thân thương là “Chị Sáu”. Chị tham gia cách mạng từ năm 14 tuổi và bị bắt ra Côn Đảo. Hình ảnh chị ra pháp trường với nụ cười và tiếng hát trên môi là hình ảnh sống mãi trong lòng chúng ta.	

- 4. Hoạt động 4: Vận dụng**
- a) Mục tiêu: Giúp HS khắc sâu kiến thức đã học.
- b) Nội dung: HS vận dụng kiến thức đã học để làm bài tập.
- c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời
- d) Tổ chức thực hiện:
- * **Giao nhiệm vụ học tập:** Học xong bài thơ Lượm em học được gì ở Lượm? Và em thấy mình cần phải làm gì?
 - * **Thực hiện nhiệm vụ:** HS suy nghĩ, hình thành và triển khai ý tưởng, tự duy độc lập...
 - * **Báo cáo kết quả:** GV gọi bất kì cá nhân nào trình bày kết quả.
 - * **Kết luận, đánh giá.**
 - **Hướng dẫn về nhà:
- 1. Học thuộc lòng bài thơ Lượm.**
- 2. Viết một đoạn văn khoảng 10 dòng miêu tả chuyến đi liên lạc cuối cùng và sự hi sinh của Lượm?**
- Gợi ý:**
- Không gian.
 - Thời gian.
 - Hoàn cảnh.
 - Hành động của Lượm.

- Sự hi sinh của Lượm.
- 3. Chuẩn bị bài sau: Thực hành Tiếng việt/ 36

Ngày dạy:

Tiết 90. THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT:
TỪ LÁY, NGUYÊN TẮC VIẾT HOA, NGHỆ THUẬT HOÁN DỤ.

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

- Nhận diện các từ cần viết hoa và phân loại thành hai nhóm: viết hoa tên riêng và viết hoa tu từ.
- Nhận diện được các từ láy và phân tích tác dụng của từ láy trong ngữ cảnh.
- Nhận biết được phép tu từ hoán dụ, phân tích được tác dụng của biện pháp này.

2. Năng lực

a.Năng lực chung:

- Năng lực tự chủ và tự học: Tìm kiếm thông tin, đọc sách giáo khoa, quan sát tranh ảnh để hiểu về bài thực hành tiếng việt.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Thảo luận nhóm để thực hiện phiếu học tập, hợp tác giải quyết vấn đề để hiểu về bài thực hành tiếng việt.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Năng lực trình bày và trao đổi thông tin trước lớp.

b. Năng lực đặc thù:

- Nhận diện các từ cần viết hoa và phân loại thành hai nhóm: viết hoa tên riêng và viết hoa tu từ.
- Nhận diện được các từ láy và phân tích tác dụng của từ láy trong ngữ cảnh.
- Nhận biết được phép tu từ hoán dụ, phân tích được tác dụng của biện pháp này.

3. Phẩm chất:

- **Chăm chỉ:** Có ý thức vận dụng kiến thức, kĩ năng học được ở nhà trường, trong sách báo và từ các nguồn tin cậy khác vào học tập và đời sống hằng ngày.
- **Trách nhiệm:** Có ý thức trân trọng, giữ gìn sự trong sáng của tiếng việt.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU.

- Học liệu: Ngữ liệu/Sách giáo khoa, phiếu học tập.
- Thiết bị: Máy tính.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Hoạt động 1: Mở đầu

- a) Mục tiêu: Tạo tâm thế và định hướng chú ý cho học sinh; tạo vấn đề vào chủ đề
- b) Nội dung hoạt động: HS quan sát ảnh
- c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời/chia sẻ của HS bằng ngôn ngữ
- d) Tổ chức hoạt động:

* **Chuyển giao nhiệm vụ:** Trong 2 phút hãy liệt kê ra giấy thật nhiều các từ láy chỉ đáng vẽ con người bắt đầu bằng chữ “nh”. Những từ láy đó có tác dụng gì?

* **Thực hiện nhiệm vụ:** Hs trả lời câu hỏi

* **Báo cáo kết quả:** HS trình bày kết quả (cá nhân).

- Nhò nhẩn, nhanh nhẹn, nhếch nhác, nhanh nhàu, nhem nhuốc, nhơ nhả...

* **Đánh giá nhận xét, kết nối vào bài:** Ở bài số 2, các em đã được học vai trò của từ láy. Từ láy có tác dụng gợi hình gợi cảm, làm cho câu văn, câu thơ lời nói của chúng ta trở nên sinh động rất nhiều. Theo một giáo sư về ngôn ngữ học thì từ láy được xem là một “nốt nhạc” về âm thanh, chứa đựng trong mình một “bức tranh” cụ thể của các giác quan, kèm theo những xúc cảm, thái độ của người nói, tác động mạnh mẽ tới người nghe. Từ láy có tác dụng gợi hình sinh động, gợi cảm xúc.

2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức

Hoạt động của GV và HS		Nội dung cần đạt															
a) Mục tiêu: Nhớ lại tác dụng của từ láy và hiểu được nguyên tắc viết hoa. b) Nội dung hoạt động: c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời/chia sẻ của HS bằng ngôn ngữ d) Tổ chức hoạt động:		I, TỪ VIẾT HOA VÀ TỪ LÁY															
* Chuyển giao nhiệm vụ: Phiếu học tập số 1: Tìm ra những danh từ được viết hoa trong các câu sau: a. Sự kì lạ của Hạ Long là vô tận. Chính là do tài thông minh của Tạo Hoá đã biết dùng đúng chất liệu hay nhất cho cuộc sáng tạo của mình: Nước. Chính Nước làm cho Đá sống dậy, làm cho Đá vốn bất động và vô tri bỗng trở nên linh hoạt, có thể động đến vô tận, có tri giác, có tâm hồn. (Hạ Long – Đá và nước) b. “...Đất là Mẹ. Điều gì xảy ra với đất đai tức là xảy ra đối với những đứa con của Đất. (Bức thư của thủ lĩnh da đỏ). c. Đất Nước là nơi dân mình đoàn tụ Đất là nơi chim về Nước là nơi Rồng ở Lạc Long Quân và Âu cơ. (Đất nước) * Thực hiện nhiệm vụ: Hs trả lời câu hỏi * Báo cáo kết quả: * Đánh giá nhận xét, kết luận																	
Có những danh từ không phải là danh từ riêng (hay được gọi là danh từ chung) được viết hoa có tác dụng gì? - Để bày tỏ thái độ trân trọng, tôn kính, tình cảm đặc biệt. -> VIẾT HOA TU TỪ		+ Từ láy có tác dụng miêu tả và biểu cảm, hình ảnh trở nên sinh động, hấp dẫn-> tạo lập văn bản hay. + Nguyên tắc viết hoa: Viết hoa danh từ riêng; Viết hoa danh từ chung được dùng để thể hiện thái độ tôn kính.															
Phiếu học tập số 2: Ôn tập nguyên tắc viết hoa và từ láy <table><tr><td>Kiến thức</td><td>Ghi nhớ</td><td>Ví dụ</td></tr><tr><td>Nguyên tắc viết hoa</td><td></td><td></td></tr><tr><td>Từ láy</td><td></td><td></td></tr></table> GỢI Ý: <table><tr><td>Kiến thức</td><td>Ghi nhớ</td><td>Ví dụ</td></tr><tr><td>Nguyên tắc viết hoa</td><td>Viết hoa danh từ riêng; Viết hoa danh từ chung nhưng được dùng để thể hiện thái độ tôn kính.</td><td>Hà Nội, Hà Nam, Hà Giang... Người, Đất Mẹ, Đất Nước...</td></tr></table>			Kiến thức	Ghi nhớ	Ví dụ	Nguyên tắc viết hoa			Từ láy			Kiến thức	Ghi nhớ	Ví dụ	Nguyên tắc viết hoa	Viết hoa danh từ riêng; Viết hoa danh từ chung nhưng được dùng để thể hiện thái độ tôn kính.	Hà Nội, Hà Nam, Hà Giang... Người, Đất Mẹ, Đất Nước...
Kiến thức	Ghi nhớ	Ví dụ															
Nguyên tắc viết hoa																	
Từ láy																	
Kiến thức	Ghi nhớ	Ví dụ															
Nguyên tắc viết hoa	Viết hoa danh từ riêng; Viết hoa danh từ chung nhưng được dùng để thể hiện thái độ tôn kính.	Hà Nội, Hà Nam, Hà Giang... Người, Đất Mẹ, Đất Nước...															

Từ láy	- Từ láy có tác dụng miêu tả và biểu cảm, hình ảnh trở nên sinh động, hấp dẫn => tạo lập văn bản hay.	- <i>Bóng mẹ liêu xiêu trong chiều buống gió (Quê nhà, Trần Tiến).</i>	
Phiếu học tập số 3 Bài 1. Tìm các từ được viết hoa trong hai bài thơ Đêm nay Bác không ngủ của Minh Huệ và Lượm của Tố Hữu. Xếp các từ được viết hoa vào hai nhóm:			-
Danh từ riêng		Danh từ chung	
Hệ thống từ được viết hoa:.....			
DỰ KIẾN:			
Danh từ riêng		Danh từ chung	
- Hồ Chí Minh		- Bác, Người Cha	
- Huế, Hàng Bè, Mang Cá, Hà Nội, Lượm		- Sáu, Thượng khăn	
Hệ thống từ được viết hoa: + Đêm nay Bác không ngủ: Bác, Người Cha, Hồ Chí Minh. + Lượm: Huế, Hà Nội, Hàng Bè, Mang Cá, Lượm, Sáu, Thượng khăn.			
Phiếu học tập số 4: Bài 2. Tìm các từ láy trong bài thơ Đêm nay Bác không ngủ. Phân tích tác dụng miêu tả hoặc biểu cảm của một từ láy trong đó.			
Câu hỏi		Ý kiến của em	
Từ láy tìm được là:			
Phân tích tác dụng của một từ láy			
Dự kiến:			
Câu hỏi	Ý kiến của em		
Từ láy tìm được là:	trầm ngâm, lâm thâm, xơ xác, nhẹ nhàng, mơ màng, lộng lộng, thốn thứt, bốn chôn, bẻ bộn, đỉnh ninh, phẳng phắc, vội vàng, nặng nề, mênh mông, mau mau.		
Phân tích tác dụng của một từ láy	- <i>bốn chôn</i>: trạng thái tình cảm nôn nao, thấp thòm Gợi cảm: người đọc hiểu rõ hơn về trạng thái tình cảm của anh đội viên đang lo lắng cho Bác. - <i>Lộng lộng</i>: cao rộng và thoáng đãng, đến mức cảm thấy như vô cùng tận. Gợi tả: tả thực: Bóng Bác Hồ dưới ngọn lửa hồng; Nghĩa bóng: tình cảm Bác dành cho mọi người cũng lớn lao vô tận như vậy, che chở khắp nơi.		
Phiếu học tập số 5 Bài 3. Các từ láy trong khổ thơ sau giúp em hình dung chú bé Lượm như thế nào? <i>Chú bé loắt choắt</i> <i>Cái xác xinh xinh</i> <i>Cái chân thoăn thoắt</i> <i>Cái đầu nghênh nghênh</i> => Các từ láy tăng sức gợi hình, khiến hình ảnh của chú bé Lượm rất sinh động, đáng hình của Lượm: nhỏ nhắn, tinh nghịch, hồn nhiên, nhanh nhẹn.			
a. Mục tiêu: Qua ví dụ phân tích hs nhận biết được biện pháp hoán dụ. b. Nội dung: HS sử dụng SGK, hoàn thành bảng kiến thức c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời của học sinh. d. Tổ chức thực hiện:			II, BIỆN PHÁP TỪ TỪ HOÁN DỤ
* Chuyển giao nhiệm vụ: Đọc tri thức ngữ văn về hoán dụ sgk 27) Hình ảnh “áo chàm” trong câu thơ sau dùng để chỉ đối tượng nào? Tác dụng của cách nói này là gì? Áo chàm đưa buổi phân li Cầm tay nhau biết nói gì hôm nay. (Tố Hữu, Việt Bắc) *Thực hiện nhiệm vụ: Hs chia sẻ * Báo cáo kết quả : Hs trả lời được câu hỏi. Dự kiến sp: - “ Áo chàm” là trang phục đặc trưng, quen thuộc của đồng bào miền núi ở chiến khu Việt Bắc. - “Áo chàm” trong câu thơ này dùng để chỉ người Việt Bắc. Như vậy, tác giả đã lấy một dấu hiệu đặc trưng(mào áo) của đối tượng để làm tên gọi thay thế cho bản thân đối tượng đó (người dân Việt Bắc) => Tác dụng gợi lên hình ảnh người Việt Bắc với cuộc sống lao động vất vả, đơn sơ nhưng tấm lòng thủy chung, son sắt. * Gv kết luận, đánh giá. Việc sử dụng dấu hiệu đặc trưng thay thế cho người mang dấu hiệu ấy chính là biện pháp tu từ hoán dụ.			1, Xét ví dụ: 2, Nhận xét - “ Áo chàm” là trang phục đặc trưng, quen thuộc của đồng bào miền núi ở chiến khu Việt Bắc. - “Áo chàm” trong câu thơ này dùng để chỉ người Việt Bắc. Như vậy, tác giả đã lấy một dấu hiệu đặc trưng(mào áo) của đối tượng để làm tên gọi thay thế cho bản thân đối tượng đó (người dân Việt Bắc) => Tác dụng gợi lên hình ảnh người Việt Bắc với cuộc sống lao động vất vả, đơn sơ nhưng tấm lòng thủy chung, son sắt.
Lưu ý: Các bước tìm và chỉ ra tác dụng của biện pháp tu từ hoán dụ. Bước 1: Xác định sự vật B(vật thay thế) Bước 2: Tìm ra sự vật A(vật được thay thế) Căn cứ vào ngữ cảnh cụ thể và kiến thức về sự vật, từ sự vật A dựa trên các mối quan hệ liên tưởng gần gũi.. Bước 3: Chỉ ra tác dụng cụ thể của biện pháp hoán dụ với nội dung câu văn, văn bản.			Hoán dụ là biện pháp tu từ, theo đó một sự vật, hiện tượng được gọi bằng tên sự vật, hiện tượng này để gọi tên sự vật, hiện tượng khác có mối quan hệ gần gũi với nó nhằm tăng khả năng gợi hình, gợi cảm cho sự diễn đạt.
PHÂN LOẠI HOÁN DỤ			
* Chuyển giao nhiệm vụ: Nhóm 1: Phiếu học tập số 1:		1, Xét ví dụ: 2, Nhận xét	

Hình ảnh miền Nam trong hai câu thơ sau dùng để chỉ đối tượng nào? “Bác nhớ Miền Nam nổi nhớ nhà Miền Nam mong Bác nổi mong cha” Nhóm 2: Phiếu học tập số 2: Từ “trái tim” trong câu thơ sau dùng để chỉ đối tượng nào? Xe vẫn chạy vì Miền Nam phía trước Chỉ cần trong xe có một trái tim Nhóm 3: Phiếu học tập số 3: Từ “vàng bạc” trong câu văn sau dùng để chỉ đối tượng nào? “Ông là người giàu có, vàng bạc đầy người.” Nhóm 4: Phiếu học tập số 4: Từ một, ba trong câu ca dao dưới đây dùng để chỉ điều gì? Một cây làm chẳng nên non Ba cây chụm lại nên hòn núi cao” *Thực hiện nhiệm vụ: Hs chia sẻ * Báo cáo kết quả : Đại diện nhóm trả lời * Gv kết luận, đánh giá.	Ví dụ 1: - Từ “miền Nam” trong câu thơ thứ nhất để chỉ vùng đất Nam Bộ của nước ta, nơi bị kẻ thù chiếm đóng khi đất nước bị chia cắt hai miền trong cuộc kháng chiến chống Mĩ. - Từ “miền Nam” trong câu thơ thứ hai để chỉ người miền Nam, những người sống ở vùng Nam Bộ. Tác giả lấy vật chứa(miền Nam) để thay thế cho vật bị chứa(người miền Nam) => Tác dụng: Thể hiện tấm lòng, tình cảm của đồng bào miền Nam dành cho Bác. -> kiểu hoán dụ lấy vật chứa để chỉ vật bị chứa Ví dụ 2: - Từ “trái tim”: bộ phận cơ thể, có tác dụng bơm máu tới các cơ quan trong cơ thể, duy trì sự sống. - Từ “trái tim”trong câu thơ này dùng để chỉ người lính lái xe. Vậy nhà thơ đã dùng bộ phận (trái tim) để chỉ toàn thể (người lính) - Tác dụng: nhấn mạnh mối quan hệ gắn bó máu thịt của người lính và chiếc xe đồng thời thể hiện vai trò của người lính, là trái tim, là linh hồn của chiếc xe, giúp chiếc xe không ngừng tiến về phía trước dù bão đạn mưa bom. -> Kiểu hoán dụ dùng bộ phận để chỉ toàn thể Ví dụ 3: - Từ “vàng bạc”: những kim loại quý, có giá trị vật chất lớn. - Từ “vàng bạc” trong câu văn này để chỉ các đồ trang sức được làm bằng vàng, bạc (như dây chuyền, nhẫn, vàng...). Như vậy tác giả dùng chất liệu làm đồ vật để thay thế cho đồ vật được làm từ chất liệu đó. -> tác dụng: thể hiện sự giàu có, xa hoa của đối tượng nhân vật ông. ->Kiểu hoán dụ lấy chất liệu làm đồ vật để thay thế cho đồ vật. Ví dụ 4: Các từ “một”, “ba” là con số cụ thể, chúng được dùng để thể hiện cho thứ trừu tượng: “một”- thể hiện sự ít ỏi, cô độc. “ba”- số nhiều thể hiện sự đông đảo, đoàn kết. Như vậy, câu ca dao đã dùng cái cụ thể (những con số) để chỉ cái trừu tượng. Tác dụng: thể hiện ý nghĩa của câu ca dao, đó là một cá nhân sẽ khó làm nên việc lớn, nhưng nếu nhiều người cùng chung sức hợp lực thì việc lớn đến mấy cũng thành công ➔ Kiểu hoán dụ lấy cái cụ thể để chỉ cái trừu tượng.												
	Có 5 kiểu hoán dụ phổ biến. - Lấy dấu hiệu của sự vật để chỉ sự vật - Lấy bộ phận để chỉ toàn thể - Lấy chất liệu làm đồ vật để thay thế cho đồ vật được làm từ chất liệu đó - Lấy vật chứa để chỉ vật bị chứa - Lấy cái cụ thể để thay cho cái trừu tượng.												
	PHÂN BIỆT BIỆN PHÁP TU TỪ HOÁN DỤ VÀ ẨN DỤ												
* Chuyển giao nhiệm vụ: *Thực hiện nhiệm vụ: Hs thực hiện phân tích ví dụ Ví dụ 1: Người cha mái tóc bạc Đốt lửa cho anh nằm” (Đêm nay Bác không ngủ- Minh Huệ) Ví dụ 2: “Vị sao Trái đất nặng ân tình. Nhắc mãi tên Người Hồ Chí Minh.” (Theo chân Bác- Tố Hữu) Phân tích ví dụ cho biết ví dụ nào sử dụng biện pháp ẩn dụ , ví dụ nào sử dụng biện pháp hoán dụ. * Báo cáo kết quả : Hs trả lời cá nhân Dự kiến sp: * Gv kết luận, đánh giá.	1, Ví dụ: 2, Nhận xét: Ví dụ 1: Hình ảnh “Người Cha” là hình ảnh ẩn dụ. Tác giả lấy hình tượng “ Người Cha” để chỉ Bác Hồ bởi vì giữa người cha và Bác Hồ có nét tương đồng về phẩm chất. ➔ Tác dụng thể hiện tình yêu thương, sự chăm sóc chu đáo ân cần của Bác đối với các anh chiến sĩ. Ví dụ 2: Hình ảnh “trái đất” là hình ảnh hoán dụ. Trái đất được dùng để chỉ tất cả mọi người sống trên hành tinh này. Tác giả đang sử dụng kiểu hoán dụ lấy vật chứa để chỉ vật được chứa. - Tác dụng: để thể hiện tình cảm yêu mến chân thành của người dân Việt Nam nói riêng và nhân dân toàn thế giới nói chung dành cho Bác Hồ.												
?Từ việc phân tích ví dụ, em so sánh sự giống và khác nhau giữa 2 biện pháp tu từ ẩn dụ và hoán dụ? <table><tr><th colspan="3">So sánh biện pháp tu từ ẩn dụ và hoán dụ</th></tr><tr><th>Câu thơ</th><th>Ẩn dụ</th><th>Hoán dụ</th></tr><tr><td>Giống nhau</td><td></td><td></td></tr><tr><td>Khác nhau</td><td></td><td></td></tr></table>	So sánh biện pháp tu từ ẩn dụ và hoán dụ			Câu thơ	Ẩn dụ	Hoán dụ	Giống nhau			Khác nhau			So sánh biện pháp tu từ ẩn dụ và hoán dụ: - Giống nhau: + Đều là lấy sự vật hiện tượng này để gọi tên sự vật hiện tượng khác dựa trên một mối quan hệ nào đó. + Đều làm tăng tính hiệu quả cho diễn đạt: làm cho diễn đạt trở nên hàm súc, giàu tính hình tượng, biểu cảm. - Khác nhau: Ẩn dụ: + Chuyển đổi tên gọi dựa trên mối quan hệ tương đồng (giống nhau) giữa các đối tượng. + Cơ chế hoạt động là dựa trên mối quan hệ giữa các sự vật, hiện tượng độc lập. Hoán dụ + Chuyển đổi tên gọi dựa trên mối quan hệ tương cận (gần gũi, song hành) giữa các đối tượng. + Cơ chế hoạt động là dựa trên mối quan hệ giữa các phương diện khác nhau của cùng một sự vật, hiện tượng.
So sánh biện pháp tu từ ẩn dụ và hoán dụ													
Câu thơ	Ẩn dụ	Hoán dụ											
Giống nhau													
Khác nhau													
Bài 4. Trong những câu thơ dưới đây, các từ ngữ in đậm chỉ ai, chỉ cái gì, việc gì? Giữa sự vật, sự việc mà các từ ngữ ấy biểu thị với sự vật, sự việc mà các từ ngữ ấy hàm ý có mối liên hệ như thế nào? Cách diễn đạt này có tác dụng gì? <table><tr><td>a,</td><td></td></tr><tr><td>b,</td><td></td></tr><tr><td>c,</td><td></td></tr><tr><td></td><td></td></tr></table>	a,		b,		c,				a, Bàn tay là bộ phận của cơ thể người dùng để cầm nắm, tượng trưng cho sức lao động => Bàn tay mẹ chỉ người mẹ (Bộ phận – toàn thể) b, Đổ máu: là thương tích mất mát hi sinh => Ở đây nhắc đến sự kiện khởi nghĩa tháng 8/1945 ở thành phố Huế (dấu hiệu sự vật – sự vật) c, <i>mười năm</i>: con số cụ thể chỉ tương lai gần, còn <i>trăm năm</i>: con số cụ thể chỉ tương lai xa (cụ thể - trừu tượng). Tác dụng: Những cách diễn đạt này làm tăng sức gợi hình gợi cảm giúp cho sự diễn đạt có tính hiệu quả cao, tăng ý nghĩa giá trị cho câu văn.				
a,													
b,													
c,													

Bài 5. Ghép thành ngữ ở cột bên trái với nghĩa tương ứng ở cột bên phải. Nêu tác dụng của biện pháp tu từ hoán dụ ở các thành ngữ này.	PHIẾU HỌC TẬP SỐ 7 Bài 5. Ghép thành ngữ ở cột bên trái với nghĩa tương ứng ở cột bên phải. Nêu tác dụng của biện pháp tu từ hoán dụ ở các thành ngữ này. <table><tr><th>Thành ngữ</th><th>Đáp án</th><th>Nghĩa</th></tr><tr><td>1. Buôn thúng bán mẹt</td><td>1 - c</td><td>a. giúp nhau lúc khó khăn, thiếu thốn</td></tr><tr><td>2. Châm lăm tay bùn</td><td>2 - e</td><td>b. Làm lụng vất vả dãi dầu sương nắng</td></tr><tr><td>3. Gạo chợ nước sông</td><td>3 - d</td><td>c. Buôn bán vật ở đầu đường, góc chợ</td></tr><tr><td>4. Một nắng hai sương</td><td>4 - b</td><td>d. cuộc sống bấp bênh, phụ thuộc</td></tr></table>	Thành ngữ	Đáp án	Nghĩa	1. Buôn thúng bán mẹt	1 - c	a. giúp nhau lúc khó khăn, thiếu thốn	2. Châm lăm tay bùn	2 - e	b. Làm lụng vất vả dãi dầu sương nắng	3. Gạo chợ nước sông	3 - d	c. Buôn bán vật ở đầu đường, góc chợ	4. Một nắng hai sương	4 - b	d. cuộc sống bấp bênh, phụ thuộc
Thành ngữ	Đáp án	Nghĩa														
1. Buôn thúng bán mẹt	1 - c	a. giúp nhau lúc khó khăn, thiếu thốn														
2. Châm lăm tay bùn	2 - e	b. Làm lụng vất vả dãi dầu sương nắng														
3. Gạo chợ nước sông	3 - d	c. Buôn bán vật ở đầu đường, góc chợ														
4. Một nắng hai sương	4 - b	d. cuộc sống bấp bênh, phụ thuộc														

- 3. Hoạt động 3: Luyện tập**
- a) Mục tiêu: Học sinh vận dụng kiến thức đã học vào giải bài tập
 - b) Nội dung hoạt động: Hs trả lời câu hỏi.
 - c) Sản phẩm học tập:
 - Câu trả lời của các câu hỏi, bài tập.
 - d) Tổ chức thực hiện:
- * Chuyển giao nhiệm vụ:**
- GV phát phiếu bài tập.
- * Thực hiện nhiệm vụ:**
- HS suy nghĩ, hình thành và triển khai ý tưởng, tư duy độc lập...
- * Báo cáo kết quả:**
- GV gọi bất kì cá nhân nào trình bày kết quả.
- * Kết luận, đánh giá:**
- HS, GV đánh giá, nhận xét.

Hoạt động của GV và HS	Nội dung cần đạt
Kĩ thuật viết tích cực Bài 6. Viết một đoạn văn (khoảng 5 - 7 dòng), trong đó sử dụng ít nhất một thành ngữ trong bài tập 5. Có thể chọn chủ đề để viết trước-> đặt câu trước với thành ngữ đó. Ví dụ: Cô chọn miêu tả cánh đồng. Thành ngữ mà cô sử dụng sẽ là “một nắng hai sương” Sau những ngày tháng một nắng hai sương nhọc nhằn lam lũ, cuối cùng người nông dân cũng thoả nguyện thu hoạch một vụ mùa bội thu.	1, Hình thức: + Đoạn văn, xuống dòng 1 lần + Dung lượng khoảng 5- 7 dòng + Hạn chế gạch xóa(1-2 lỗi) + Diễn đạt trôi chảy + Có sử dụng thành ngữ(gạch chân chú thích) Ví dụ: một nắng hai sương 2, Nội dung: + Có chủ đề thống nhất + Chọn chủ đề phù hợp Ví dụ: Cánh đồng lúa chín Vẽ sơ đồ tư duy bài học

- 4. Hoạt động 4: Vận dụng**
- a) Mục tiêu: Giúp HS khắc sâu, mở rộng kiến thức đã học.
 - b) Nội dung: HS hiểu được kiến thức trong bài học để vận dụng vào thực tế.
 - c) Sản phẩm học tập: Đoạn văn
 - d) Tổ chức thực hiện:
- * Giao nhiệm vụ học tập:**
- 1, Cho các cụm từ sau:** tâm lòng nhân ái, một trái tim lớn, bộ óc vĩ đại. Hãy đặt các câu văn có sử dụng phép hoán dụ chứa cụm từ đó.
- Ví dụ: Những **tấm lòng nhân ái** sẽ giúp cuộc sống này trở nên tốt đẹp hơn.
- 2, Đặt câu văn có sử dụng biện pháp tu từ ẩn dụ và hoán dụ về bức tranh sau, chỉ rõ từ ngữ ẩn dụ và hoán dụ về bức tranh sau, chỉ rõ từ ngữ ẩn dụ hoặc hoán dụ được sử dụng.**
- Ví dụ: **Sớm nay, sân trường nhộn nhịp đông vui quá!**
- * Thực hiện nhiệm vụ:** HS suy nghĩ, hình thành và triển khai ý tưởng, tư duy độc lập...
- * Báo cáo kết quả:** GV gọi bất kì cá nhân nào trình bày kết quả.
- * Kết luận, đánh giá.**
- ** Hướng dẫn tự học**
- Hoàn thiện sơ đồ tư duy bài học .
- Sưu tầm thêm các câu thơ, câu văn sử dụng phép tu từ hoán dụ và phân tích tác dụng xuất hiện từ lấy.
- Chuẩn bị bài “ **GÁU CON CHÂN VÒNG KIỀNG**”

Ngày dạy: Tiết 91+92 Thực hành đọc hiểu:
GÁU CON CHÂN VÒNG KIỀNG (U-XA-CHÓP)

- I. MỤC TIÊU**
- 1. Kiến thức:**
- Tri thức về thơ có yếu tố tự sự, miêu tả.

- Nhận biết được một số yếu tố hình thức (chỉ tiết, nhân vật, thể thơ, yếu tố miêu tả, tự sự, biểu cảm trong bài)
- Nhận biết được một số yếu tố nội dung (đề tài, chủ đề, ý nghĩa, tình cảm của tác giả, của anh đội viên với Bác và tình cảm của Bác đối với các chiến sĩ, đoàn dân công...)

2. Năng lực

a. Năng lực chung:

- Năng lực tự chủ và tự học: Tìm kiếm thông tin, đọc sách giáo khoa, quan sát tranh ảnh để tìm hiểu về văn bản.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Thảo luận nhóm để thực hiện phiếu học tập, hợp tác giải quyết vấn đề để tìm hiểu về văn bản.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Năng lực trình bày và trao đổi thông tin trước lớp.

b. Năng lực đặc thù:

- Trình bày suy nghĩ ý tưởng, cảm nhận của bản thân về những giá trị nội dung và nghệ thuật của bài thơ.

3. Phẩm chất:

- *Trách nhiệm:* Trân trọng, biết ơn những vị lãnh tụ, những con người đã có công dựng xây, bảo vệ đất nước.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- Học liệu: Ngữ liệu/Sách giáo khoa, phiếu học tập.
- Thiết bị: Máy tính.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Hoạt động 1: Mở đầu

- Mục tiêu: Tạo tâm thế và định hướng chú ý cho học sinh; tạo vấn đề vào chủ đề
- Nội dung hoạt động: HS trả klwo
- Sản phẩm học tập: Câu trả lời/chia sẻ của HS bằng ngôn ngữ
- Tổ chức hoạt động:

* **Chuyển giao nhiệm vụ:** đọc 2 câu tục ngữ. Có gì khác nhau trong hai câu này?

**TỐT GỖ HƠN TỐT NƯỚC SƠN.
TRÔNG MẶT MÀ BẮT HÌNH DONG.**

* **Thực hiện nhiệm vụ:** Hs trả lời

* **Báo cáo kết quả:** hs chia sẻ

* **Đánh giá nhận xét, kết nối vào bài:** “Tốt gỗ.....”: khi mình xem xét hay nhìn nhận một đồ vật hay một con người thì mình coi trọng vẻ đẹp bên trong, vẻ đẹp tâm hồn, tính cách phẩm chất của họ chứ không phải vẻ đẹp bên ngoài.

Thế nhưng cùng ở trong kho tàng tục ngữ, ông cha ta lại đưa ra một lời khuyên đó là “nhìn mặt mà bắt hình dong”, câu thứ hai này lại đưa ra một góc nhìn khác đó chính là khi mà chúng ta lần đầu tiên nhìn một con người, bằng những trực giác rất cơ bản, bằng giác quan rất cơ bản để chúng ta có thể cảm nhận và phần nào đây nhận ra được những tính cách của con người đó và thậm chí có thể khám phá một phần nào những vẻ đẹp mà tiềm ẩn của con người đó. Vậy hai câu tục ngữ này liệu có mâu thuẫn với nhau hay không, chúng ta cần phải có cách nhìn nhận với nhau như thế nào về vẻ đẹp, về giá trị của con người thì khi tìm hiểu bài thơ ngày hôm nay, hi vọng là chúng ta sẽ có một câu trả lời thỏa đáng.

2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới

a) **Mục tiêu:** hs nắm được sơ lược về tác giả, về văn bản.

b) Nội dung hoạt động:

c) Sản phẩm học tập:

d) Tổ chức thực hiện:

* **Chuyển giao nhiệm vụ:**

* **Thực hiện nhiệm vụ:** Hs trả lời

* **Báo cáo kết quả:** hs chia sẻ

* **Đánh giá nhận xét, kết luận.**

Hoạt động của GV và HS				Nội dung cần đạt																
*PP, kĩ thuật: Giải quyết vấn đề, động não, GV hướng dẫn cách đọc văn bản: - Đọc to, rõ ràng, lưu loát tránh phát âm sai - Đoạn đầu lướt nhanh, giọng tươi vui; các đoạn sau chú ý phân biệt rõ lời của gấu con, mẹ gấu và các bạn - Kết hợp kĩ thuật hình dung và tưởng tượng về không gian, thời gian, nhân vật, sự việc xảy ra. PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1: YẾU TỐ HÌNH THỨC TRONG BÀI THƠ <table><tr><td></td><td>Yếu tố hình thức</td><td>Thể hiện trong bài thơ</td><td>Nhận xét của em</td></tr><tr><td rowspan="5">Thể thơ</td><td>Số dòng thơ</td><td></td><td rowspan="5"></td></tr><tr><td>Số khổ thơ</td><td></td></tr><tr><td>Số tiếng trong một dòng</td><td></td></tr><tr><td>Gieo vần</td><td></td></tr><tr><td>Ngắt nhịp</td><td></td></tr></table>					Yếu tố hình thức	Thể hiện trong bài thơ	Nhận xét của em	Thể thơ	Số dòng thơ			Số khổ thơ		Số tiếng trong một dòng		Gieo vần		Ngắt nhịp		III. ĐỌC VĂN BẢN 1, Tìm hiểu yếu tố hình thức của bài thơ.
	Yếu tố hình thức	Thể hiện trong bài thơ	Nhận xét của em																	
Thể thơ	Số dòng thơ																			
	Số khổ thơ																			
	Số tiếng trong một dòng																			
	Gieo vần																			
	Ngắt nhịp																			
Dự kiến sp: <table><tr><td></td><td>Yếu tố hình thức</td><td>Thể hiện trong bài thơ</td><td>Nhận xét của em</td></tr><tr><td></td><td></td><td></td><td></td></tr></table>					Yếu tố hình thức	Thể hiện trong bài thơ	Nhận xét của em													
	Yếu tố hình thức	Thể hiện trong bài thơ	Nhận xét của em																	

Thể thơ	Số dòng thơ	44	Câu thơ ngắn Nhịp thơ nhanh, ngắt nhịp 2/3 xen kẽ nhau ở các dòng thơ, gieo vần chân là chủ yếu. Phù hợp để diễn tả câu chuyện vui tươi, hồn nhiên về bạn gấu con và tạo nhịp điệu nhịp nhàng, tha thiết.
	Số khổ thơ	11	
	Số tiếng trong một dòng	5 tiếng: Gấu con chân vòng kiềng Đi dạo trong rừng nhỏ	
	Gieo vần	Gieo vần chân và vần lưng. Vần liền và giãn cách	
	Ngắt nhịp	Nhịp 2/3; 3/2	

? Nhận xét về yếu tố hình thức của bài thơ?

? Câu chuyện “GẤU CON CHÂN VÒNG KIỀNG” được kể với thời gian, không gian, nhân vật, nội dung như thế nào?

- Thời gian: Không xác định

- Không gian: Trong một khu rừng nhỏ

- Nhân vật: Gấu con, con sáo, năm con thỏ, mẹ gấu.

- Nội dung: Kể về chuyện bạn gấu con chân vòng kiềng bị bạn bè chê bai nhưng cuối cùng gấu đã kiêu hãnh nhắc đến đôi chân ấy.

TÌM HIỂU SỰ KIỆN: Đọc kĩ bài thơ và trả lời câu hỏi:
Bạn gấu con của chúng ta đã đi đâu, làm gì, gặp những ai, có những cảm xúc gì? Cuối cùng kết thúc gấu con đã có hành động suy nghĩ ra sao?

STT	SỰ KIỆN

Dự kiến:

STT	SỰ KIỆN
1	Gấu con đi chơi vui vẻ
2	Gấu con vấp ngã và bị chê cười
3	Gấu buồn bã, tủi thân về nhà mách mẹ
4	Sau khi nghe lời mẹ giảng giải, gấu con đã kiêu hãnh khi nghĩ về đôi chân vòng kiềng của mình.

? Em có nhận xét gì về trình tự kể câu chuyện này?

- Câu chuyện bằng thơ được kể theo diễn biến cảm xúc của gấu nhỏ

- Cốt truyện đơn giản, nhẹ nhàng

ĐẶC TRƯNG CỦA THỂ THƠ 5 CHỮ

- Câu thơ ngắn.
- Nhịp thơ nhanh, ngắt nhịp 3/2 xen kẽ nhau ở các dòng thơ, gieo vần chân hoặc gieo vần lưng, có thể gieo liền tiếp hoặc giãn cách.
- Nhịp thơ nhịp nhàng

=> Thích hợp để kể câu chuyện.

2, Câu chuyện “GẤU CON CHÂN VÒNG KIỀNG” được kể:

- Thời gian: Không xác định

- Không gian: Trong một khu rừng nhỏ

- Nhân vật: Gấu con, con sáo, năm con thỏ, mẹ gấu.

- Nội dung: Kể về chuyện bạn gấu con chân vòng kiềng bị bạn bè chê bai nhưng cuối cùng gấu đã kiêu hãnh nhắc đến đôi chân ấy.

NHẬN XÉT VỀ CÂU CHUYỆN ĐƯỢC KỂ

- Câu chuyện bằng thơ được kể theo diễn biến cảm xúc của gấu nhỏ
- Cốt truyện đơn giản, nhẹ nhàng

II, KHÁM PHÁ VĂN BẢN			
a) Mục tiêu: Cách đối xử của các loài vật khác với gấu con b) Nội dung hoạt động: Đọc và tìm các chi tiết trong văn bản c) Sản phẩm học tập: các phiếu học tập d) Tổ chức thực hiện:			
- Phương pháp: Giải quyết vấn đề, vấn đáp, thảo luận - Kỹ thuật: Động não, trình bày một phút			
? Gấu con gặp gỡ các nhân vật khác trong hoàn cảnh nào?			
? Các loài vật trong rừng sẽ làm gì đây? * Chuyên giao nhiệm vụ: Đọc 5 khổ thơ đầu tiên và chỉ ra cách cư xử của các loài vật khác với gấu con khi gấu con bị ngã là gì?			
PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2 : Cách đối xử của các loài vật khác với gấu con			
Loài vật	Con sáo	Năm con thỏ	Tất cả khu rừng

1, Cách đối xử của các loài vật khác với gấu con

Hoàn cảnh gặp gỡ: Gấu con đi dạo trong khu rừng, nhặt những quả thông già, chẳng may bị một quả thông rơi trúng đầu và ngã cái bộp.

Cách cư xử 1. Ngoại hình của gấu con trong nhận xét của sáo, thỏ và các loài vật trong khu rừng như thế nào? Em có suy nghĩ gì về những nhận xét ấy? 2. Tại sao ngoài con sáo, tác giả con đưa thêm chi tiết cả đàn thỏ, tất cả khu rừng? * Thực hiện nhiệm vụ: Hs thảo luận điền phiếu học tập * Báo cáo kết quả: Đại diện nhóm trả lời																							
Dự kiến sp: <table border="1"> <tr> <td>Loài vật</td> <td>Con sáo</td> <td>Năm con thỏ</td> <td>Tất cả khu rừng</td> </tr> <tr> <td>Cách cư xử</td> <td>Hết thật to trên chọc: - Ế gấu, chân vòng kiềng Giẫm phải đuôi à nhóc!</td> <td>Núp trong bụi hòa theo: Hết thật to - đến xấu!</td> <td>Đều chê bai Gấu con chân vòng kiềng/ Đi dạo trong rừng nhỏ...</td> </tr> </table> - Ngoại hình của gấu con trong nhận xét của sáo, thỏ và các loài vật trong khu rừng là rất xấu. Những lời nhận xét ác ý, dễ làm người nghe bị tổn thương. - Việc từ một con sáo đến năm con thỏ, cuối cùng là tất cả khu rừng chứng tỏ số lượng những con vật chê bai Gấu con tăng dần. Những nhận xét ác ý lan truyền thật nhanh, từ một con vật, lan ra cả khu rừng; xuất phát từ những điều rất nhỏ.				Loài vật	Con sáo	Năm con thỏ	Tất cả khu rừng	Cách cư xử	Hết thật to trên chọc: - Ế gấu, chân vòng kiềng Giẫm phải đuôi à nhóc!	Núp trong bụi hòa theo: Hết thật to - đến xấu!	Đều chê bai Gấu con chân vòng kiềng/ Đi dạo trong rừng nhỏ...												
Loài vật	Con sáo	Năm con thỏ	Tất cả khu rừng																				
Cách cư xử	Hết thật to trên chọc: - Ế gấu, chân vòng kiềng Giẫm phải đuôi à nhóc!	Núp trong bụi hòa theo: Hết thật to - đến xấu!	Đều chê bai Gấu con chân vòng kiềng/ Đi dạo trong rừng nhỏ...																				
* Đánh giá nhận xét, kết luận: ? Theo em, những lời nhận xét của các bạn sẽ khiến gấu con như thế nào? - Có thể khóc, giận hờn, hay có thể mạnh mẽ đứng lên và có thể đáp trả những lời nói ấy bằng cái suy nghĩ của mình																							
a) Mục tiêu: Tìm hiểu nhân vật anh đội viên b) Nội dung hoạt động: Đọc và tìm các chi tiết trong văn bản c) Sản phẩm học tập: các phiếu học tập d) Tổ chức thực hiện:		2. Gấu con																					
- Phương pháp: Giải quyết vấn đề, vấn đáp, thảo luận - Kĩ thuật: Động não, trình bày một phút * Chuyển giao nhiệm vụ: PHIẾU HỌC TẬP SỐ 3 : Diễn biến tâm trạng của Gấu con chân vòng kiềng <table border="1"> <tr> <td>Hoàn cảnh</td> <td>Dẫn chứng</td> <td>Nghệ thuật</td> <td>Nhận xét</td> </tr> <tr> <td>Khi đi dạo</td> <td></td> <td></td> <td></td> </tr> <tr> <td>Khi bị ngã</td> <td></td> <td></td> <td></td> </tr> <tr> <td>Khi bị trêu chọc</td> <td></td> <td></td> <td></td> </tr> <tr> <td>Sau khi nghe mẹ giải thích</td> <td></td> <td></td> <td></td> </tr> </table>				Hoàn cảnh	Dẫn chứng	Nghệ thuật	Nhận xét	Khi đi dạo				Khi bị ngã				Khi bị trêu chọc				Sau khi nghe mẹ giải thích			
Hoàn cảnh	Dẫn chứng	Nghệ thuật	Nhận xét																				
Khi đi dạo																							
Khi bị ngã																							
Khi bị trêu chọc																							
Sau khi nghe mẹ giải thích																							
* Báo cáo kết quả: Đại diện nhóm trả lời Dự kiến sp: <table border="1"> <tr> <td>Hoàn cảnh</td> <td>Dẫn chứng</td> <td>Nghệ thuật</td> <td>Nhận xét</td> </tr> <tr> <td>Khi đi dạo</td> <td>Hát líu lo, líu lo</td> <td>Từ láy, điệp ngữ</td> <td>Gấu con hồn nhiên, yêu đời</td> </tr> <tr> <td>Khi bị ngã</td> <td>Luống cuống, vướng chân, ngã bộp</td> <td>Từ láy, câu cảm thán</td> <td>Gấu con luống cuống, bối rối</td> </tr> <tr> <td>Khi bị trêu chọc</td> <td>Mách mẹ, xấu hổ, nấp sau cánh tủ, khóc to.</td> <td>Câu cảm thán</td> <td>Gấu con trở về với vòng tay mẹ, uất ức, tủi hờn.</td> </tr> <tr> <td>Sau khi nghe mẹ giải thích</td> <td>Bình tâm trở lại ngay. Ăn bánh mật. Kiêu hãnh bước ra hết to. Chân vòng kiềng là ta Ta vào rừng đi dạo.</td> <td></td> <td>Gấu tự hào và kiêu hãnh, không quan tâm lời người khác phê bình về ngoại hình và còn nhận thấy rằng vòng kiềng không có gì là xấu.</td> </tr> </table>				Hoàn cảnh	Dẫn chứng	Nghệ thuật	Nhận xét	Khi đi dạo	Hát líu lo, líu lo	Từ láy, điệp ngữ	Gấu con hồn nhiên, yêu đời	Khi bị ngã	Luống cuống, vướng chân, ngã bộp	Từ láy, câu cảm thán	Gấu con luống cuống, bối rối	Khi bị trêu chọc	Mách mẹ, xấu hổ, nấp sau cánh tủ, khóc to.	Câu cảm thán	Gấu con trở về với vòng tay mẹ, uất ức, tủi hờn.	Sau khi nghe mẹ giải thích	Bình tâm trở lại ngay. Ăn bánh mật. Kiêu hãnh bước ra hết to. Chân vòng kiềng là ta Ta vào rừng đi dạo.		Gấu tự hào và kiêu hãnh, không quan tâm lời người khác phê bình về ngoại hình và còn nhận thấy rằng vòng kiềng không có gì là xấu.
Hoàn cảnh	Dẫn chứng	Nghệ thuật	Nhận xét																				
Khi đi dạo	Hát líu lo, líu lo	Từ láy, điệp ngữ	Gấu con hồn nhiên, yêu đời																				
Khi bị ngã	Luống cuống, vướng chân, ngã bộp	Từ láy, câu cảm thán	Gấu con luống cuống, bối rối																				
Khi bị trêu chọc	Mách mẹ, xấu hổ, nấp sau cánh tủ, khóc to.	Câu cảm thán	Gấu con trở về với vòng tay mẹ, uất ức, tủi hờn.																				
Sau khi nghe mẹ giải thích	Bình tâm trở lại ngay. Ăn bánh mật. Kiêu hãnh bước ra hết to. Chân vòng kiềng là ta Ta vào rừng đi dạo.		Gấu tự hào và kiêu hãnh, không quan tâm lời người khác phê bình về ngoại hình và còn nhận thấy rằng vòng kiềng không có gì là xấu.																				
* Đánh giá nhận xét, kết luận: CÂU HỎI SUY NGẪM? Mẹ đã nói gì để gấu con nhận ra chân vòng kiềng không xấu? Từ đó em nhận ra ngoại hình của một người có quan trọng không? Ta có nên đánh giá người khác qua ngoại hình không? Vì sao? Dự kiến Đó là nét di truyền Chân mẹ vòng kiềng nhé/ Cả chân bố cũng cong và cả ông nội.																							

Nhấn mạnh việc chân vòng kiềng không ảnh hưởng đến tài năng vì: “ Vòng kiềng giới nhất vùng/ Chính là ông nội đây!” => Khẳng định ngoại hình không quan trọng. Khuyến nhủ mọi người không nên đánh giá người khác qua ngoại hình.	Một chú gấu hồn nhiên, vui tươi và yêu đời gặp phải sự trêu chọc của mọi người, trở về trong vòng tay yêu thương của mẹ, nghe mẹ giải thích, gấu đã dần lấy lại được sự tự tin về đôi chân vòng kiềng của mình.
? Đề tài và chủ đề của bài thơ là gì?	4, Chủ đề văn bản - Đề tài: Đời sống loài vật - Chủ đề: Ngoại hình của con người, không nên đánh giá người khác qua vẻ ngoài.
HĐ cá nhân - KT trình bày 1 phút: * GV yêu cầu HS làm việc cá nhân thực hiện yêu cầu sau: Em hãy khái quát nghệ thuật và nội dung của bài thơ?	IV, Tổng kết. 1, Nghệ thuật Thơ năm chữ với giọng điệu vui tươi hồn nhiên cùng các biện pháp nghệ thuật: điệp ngữ, hoán dụ,... 2, Nội dung: Qua câu chuyện về ngoại hình của chú gấu con, bài thơ đã khẳng định ngoại hình không quan trọng và không nên đánh giá người khác qua vẻ bề ngoài.

3. Hoạt động 3: Luyện tập

a) Mục tiêu: Học sinh vận dụng kiến thức đã học vào giải bài tập

b) Nội dung hoạt động: HS trả lời câu hỏi.

c) Sản phẩm học tập:

- Câu trả lời của các câu hỏi, bài tập.

d) Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Nội dung cần đạt
* Chuyển giao nhiệm vụ: Khái quát nội dung bài học bằng sơ đồ tư duy * Thực hiện nhiệm vụ: HS thảo luận và chỉ ra * Báo cáo kết quả: - GV gọi bất kì cá nhân nào trình bày kết quả. * Kết luận, đánh giá: - HS, GV đánh giá, nhận xét.	III, LUYỆN TẬP Khái quát nội dung bài học bằng sơ đồ tư duy

4. Hoạt động 4: Vận dụng

a) Mục tiêu: Giúp HS khắc sâu kiến thức đã học.

b) Nội dung: HS vận dụng kiến thức đã học để làm bài tập.

c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời

d) Tổ chức thực hiện:

*** Giao nhiệm vụ học tập:** Em đã bao giờ chứng kiến hay phải nhận những lời chê bai về ngoại hình chưa? Em sẽ phản ứng ra sao trong trường hợp đó? Vì sao?

Lựa chọn:

A, Khóc, xấu hổ về bản thân, tự ti và rơi vào trạng thái trầm cảm.

B, Cảm thấy bị xúc phạm, đánh lại kẻ đã chê bai mình.

C, Yêu bản thân mình, chăm chút cho tâm hồn và nỗ lực học tập, khiến người khác thay đổi góc nhìn.

? Nếu gặp một người bị khiếm khuyết về ngoại hình, hay bị tàn tật, em sẽ cư xử như thế nào?

- Họ là ai?

+ Họ là những người thiếu may mắn, dễ bị tổn thương, nhạy cảm, khó giao tiếp trong cuộc sống.

+ Đây không phải là sự lựa chọn hay là lỗi của họ.

Ta nên cư xử như thế nào?

+ Không bình phẩm và chê bai.

+ Ý thức rằng chê bai về ngoại của người khác chỉ làm mình xấu xí hơn.

THÔNG điệp từ BÀI THƠ

- Tôn trọng sự khác biệt của các bạn

- Không có những lời lẽ nhạo báng về ngoại hình của các bạn.

*** Thực hiện nhiệm vụ:** HS suy nghĩ, hình thành và triển khai ý tưởng, tự duy độc lập...

*** Báo cáo kết quả:** GV gọi bất kì cá nhân nào trình bày kết quả.

*** Kết luận, đánh giá.**

****Hướng dẫn về nhà:**

- Học kĩ bài đã học, Hoàn thành sơ đồ tư duy

- Chuẩn bị bài sau: **VIẾT ĐOẠN VĂN GHI LẠI CẢM XÚC VỀ BÀI THƠ CÓ YẾU TỐ TỰ SỰ, MIÊU TẢ.**

Ngày dạy:	Tiết 93 +94 +95
VIẾT ĐOẠN VĂN GHI LẠI CẢM XÚC VỀ BÀI THƠ CÓ YẾU TỐ TỰ SỰ, MIÊU TẢ.	
I. MỤC TIÊU 1. Kiến thức - Viết được một đoạn văn hoàn chỉnh, đảm bảo yêu cầu về hình thức và nội dung. - Trình bày những suy nghĩ, tình cảm, cảm xúc, ấn tượng của bản thân về một bài thơ có sử dụng yếu tố tự sự và miêu tả. 2. Năng lực a.Năng lực chung: - Năng lực tự chủ và tự học: Tìm kiếm thông tin, đọc sách giáo khoa, quan sát tranh ảnh để nhận biết được đặc điểm của đoạn văn ghi lại cảm xúc về bài thơ có sử dụng yếu tố tự sự và miêu tả.	

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Thảo luận nhóm để thực hiện phiếu học tập, hợp tác giải quyết vấn đề để nhận biết được đặc điểm của đoạn văn ghi lại cảm xúc về bài thơ có sử dụng yếu tố tự sự và miêu tả.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Năng lực trình bày và trao đổi thông tin trước lớp.
- b. Năng lực đặc thù:**
- Viết được một đoạn văn ngắn(từ 7-10 câu) ghi lại cảm xúc về một bài thơ có sử dụng yếu tố tự sự và miêu tả.
- 3. Phẩm chất:**
- **Chăm chỉ:** Có ý thức vận dụng kiến thức, kĩ năng học được ở nhà trường, trong sách báo và từ các nguồn tin cậy khác vào học tập và đời sống hằng ngày.
- **Trách nhiệm:** Biết cảm nhận, rung động trước vẻ đẹp của những vần thơ hay, viết về những nhân vật, sự việc cao đẹp, ý nghĩa trong cuộc sống.
- II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU.**
- Học liệu: Ngữ liệu/Sách giáo khoa, phiếu học tập.
- Thiết bị: Máy tính.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

- 1. Hoạt động 1: Mở đầu**
- a) Mục tiêu: Tạo tâm thế và định hướng chú ý cho học sinh; tạo vấn đề vào chủ đề
- b) Nội dung hoạt động: HS quan sát ảnh
- c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời/chia sẻ của HS bằng ngôn ngữ
- d) Tổ chức hoạt động:
- * **Chuyển giao nhiệm vụ:** Gv chiếu đoạn văn của học sinh ghi lại những câu thơ cuối của bài thơ “ Những cánh buồm” hình ảnh cuốn sách Thi nhân Việt Nam.
 - Nhận xét đoạn văn bạn viết?
 - * **Thực hiện nhiệm vụ học tập:** Hs đọc đoạn văn và nhận xét.
 - * **Báo cáo kết quả:** HS trình bày kết quả (cá nhân).
 - * **Đánh giá nhận xét, kết nối bài học:** Đây là những dòng cảm xúc rất chân thành của các bạn học sinh ghi lại những câu thơ cuối của bài thơ “ Những cánh buồm”
- Những cảm xúc chúng ta lần đầu đến với bài thơ thì điều quan trọng chúng ta cần ghi lại những cảm xúc của mình. Đó là dòng cảm xúc rất chân thành và cũng rất là đúng nữa, tuy nhiên nó cũng còn có cái rất là vụng dại của tuổi học trò. Còn trang bìa của cuốn thi nhân Việt Nam- một trong những cuốn tuyển tập phê bình về phong trào thơ mới rất là hay, có thể nói là xuất sắc bậc nhất viết về phong trào thơ mới của hai tác giả là Hoài Thanh và Hoài Chân. Trong cuốn sách này tác giả đã tập hợp những bài cảm nhận, những bài phê bình đánh giá về những bài thơ hay nhất của phong trào thơ mới(1932-1945). .trong đó khi ta đọc các bài của các nhà phê bình ta nhận thấy sự hiểu biết rất sâu rộng, cũng như là cách cảm nhận vô cùng tinh tế của các nhà nghiên cứu, của các nhà phê bình về nội dung cũng như đặc sắc nghệ thuật, phong cách nghệ thuật của mỗi nhà thơ.
- Vậy khi đến với thơ ca, một trong những yếu tố quan trọng là cảm xúc. Và để chúng rèn luyện được cảm xúc của mình khi chúng ta đọc và tiếp cận một văn bản thơ cũng như để chúng ta lưu lại được những cái cảm xúc đó thì điều quan trọng chúng ta phải ghi lại những cảm xúc của mình. Vậy bài viết ngày hôm nay sẽ cho phép ta luyện tập cái kĩ năng đó.

2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức

Hoạt động của GV và HS	Nội dung cần đạt										
a) Mục tiêu: Hs hiểu được những yêu cầu khi viết một đoạn văn ghi lại cảm xúc về một bài thơ có sử dụng yếu tố tự sự và miêu tả. b) Nội dung hoạt động: c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời/chia sẻ của HS bằng ngôn ngữ d) Tổ chức hoạt động: * Chuyển giao nhiệm vụ: Đặt câu hỏi: 1, Đó là bài thơ nào? 2, Chỉ rõ các yếu tố về nội dung hoặc nghệ thuật trong bài thơ mà em yêu thích? 3, Lí do vì sao em lựa chọn bài thơ này? Chú ý các yếu tố tự sự, miêu tả và vai trò của các yếu tố này trong việc thể hiện nội dung. * Thực hiện nhiệm vụ: Hs trả lời câu hỏi * Báo cáo kết quả: * Đánh giá nhận xét, kết luận Một số kĩ năng cần lưu ý: 1, Kĩ năng đọc hiểu ngôn từ + Hiểu đúng ý nghĩa từ ngữ. + Nhận ra tư tưởng, tình cảm của tác giả. 2, Kĩ năng phát hiện tín hiệu thẩm mĩ(nhãn tự) + Từ ngữ độc đáo + Sự lặp lại của từ ngữ + Biện pháp tu từ + Sự ngắt nhịp, thanh điệu. + Các yếu tố tự sự, miêu tả. 3, Kĩ năng phân tích + Cái hay, đẹp của ngôn từ, của các yếu tố tự sự, miêu tả + So sánh, liên tưởng, tưởng tượng. + Tình cảm của tác giả. 4, Kĩ năng nhận xét, đánh giá. + Cảm nhận của bản thân. + Nhận xét.	1, Định hướng										
a. Mục tiêu: b. Nội dung: HS sử dụng SGK, hoàn thành bảng kiến thức c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời của học sinh. d. Tổ chức thực hiện: * Chuyển giao nhiệm vụ: PHIẾU HỌC TẬP 1: Lập dàn ý cho đoạn văn <table border="1"> <tr> <td>1, Mở đoạn</td><td></td></tr> <tr> <td>2, Thân đoạn</td><td></td></tr> <tr> <td>3, Kết đoạn</td><td></td></tr> </table> *Thực hiện nhiệm vụ: Hs chia sẻ * Báo cáo kết quả : Hs trả lời được câu hỏi. Dự kiến sp: <table border="1"> <tr> <td>1, Mở đoạn</td><td>- Nêu tên bài thơ, tác giả, cảm nghĩ chung của em về bài thơ.</td></tr> <tr> <td>2, Thân đoạn</td><td>- Chỉ ra nội dung hoặc nghệ thuật cụ thể của bài thơ khiến em yêu thích và có nhiều cảm xúc, suy nghĩ.</td></tr> </table>	1, Mở đoạn		2, Thân đoạn		3, Kết đoạn		1, Mở đoạn	- Nêu tên bài thơ, tác giả, cảm nghĩ chung của em về bài thơ.	2, Thân đoạn	- Chỉ ra nội dung hoặc nghệ thuật cụ thể của bài thơ khiến em yêu thích và có nhiều cảm xúc, suy nghĩ.	2, Thực hành
1, Mở đoạn											
2, Thân đoạn											
3, Kết đoạn											
1, Mở đoạn	- Nêu tên bài thơ, tác giả, cảm nghĩ chung của em về bài thơ.										
2, Thân đoạn	- Chỉ ra nội dung hoặc nghệ thuật cụ thể của bài thơ khiến em yêu thích và có nhiều cảm xúc, suy nghĩ.										
* Chuyển giao nhiệm vụ: PHIẾU HỌC TẬP 1: Lập dàn ý cho đoạn văn <table border="1"> <tr> <td>1, Mở đoạn</td><td></td></tr> <tr> <td>2, Thân đoạn</td><td></td></tr> <tr> <td>3, Kết đoạn</td><td></td></tr> </table> *Thực hiện nhiệm vụ: Hs chia sẻ * Báo cáo kết quả : Hs trả lời được câu hỏi. Dự kiến sp: <table border="1"> <tr> <td>1, Mở đoạn</td><td>- Nêu tên bài thơ, tác giả, cảm nghĩ chung của em về bài thơ.</td></tr> <tr> <td>2, Thân đoạn</td><td>- Chỉ ra nội dung hoặc nghệ thuật cụ thể của bài thơ khiến em yêu thích và có nhiều cảm xúc, suy nghĩ.</td></tr> </table>	1, Mở đoạn		2, Thân đoạn		3, Kết đoạn		1, Mở đoạn	- Nêu tên bài thơ, tác giả, cảm nghĩ chung của em về bài thơ.	2, Thân đoạn	- Chỉ ra nội dung hoặc nghệ thuật cụ thể của bài thơ khiến em yêu thích và có nhiều cảm xúc, suy nghĩ.	Bước 1: Chuẩn bị Đọc kĩ bài thơ mà em yêu thích. Chú ý các yếu tố tự sự, miêu tả trong bài thơ này và nêu tác dụng của chúng. Bước 2: Tìm ý và lập dàn ý 1, Đó là bài thơ nào?Em thích chi tiết nội dung hoặc nghệ thuật nào trong bài thơ đó? 2, Em có thích các yếu tố tự sự, miêu tả trong bài này không? Vì sao? 3, Bài thơ gợi cho em những suy nghĩ, cảm xúc gì?
1, Mở đoạn											
2, Thân đoạn											
3, Kết đoạn											
1, Mở đoạn	- Nêu tên bài thơ, tác giả, cảm nghĩ chung của em về bài thơ.										
2, Thân đoạn	- Chỉ ra nội dung hoặc nghệ thuật cụ thể của bài thơ khiến em yêu thích và có nhiều cảm xúc, suy nghĩ.										

	+ Nội dung: Nêu rõ chủ đề, câu chuyện được kể trong bài thơ. + Hình thức: Bài thơ có sử dụng các yếu tố tự sự, miêu tả để khiến câu chuyện trở nên sinh động hơn. Chỉ rõ các biện pháp nghệ thuật tu từ nào đã xuất hiện góp phần tô đậm vẻ đẹp của nhân vật, tình cảm của người viết. + Chú ý nét độc đáo trong cách tự sự, miêu tả của nhà thơ. - Nêu các lí do em yêu thích.	
3, Kết đoạn	- Khái quát lại cảm nghĩ của bản thân về bài thơ	
* Gv kết luận, đánh giá.		
? Khi viết đoạn văn, em cần chú ý những yêu cầu nào? Hình thức, nội dung. 1, Hình thức: Đoạn văn (khoảng 12 câu) 2, Nội dung: Trình bày được những cảm xúc của em về một bài thơ có yếu tố tự sự và miêu tả 3, Ngôi kể: Sử dụng ngôi thứ nhất để dễ dàng bộc lộ cảm xúc cá nhân. 4, Bố cục” 3 phần Mở đoạn: Giới thiệu nhan đề, tác giả, cảm xúc chung về bài thơ (câu chủ đề) Thân đoạn: Trình bày những cảm xúc của em về các yếu tố nội dung và nghệ thuật của bài thơ khiến em thấy thích. Chú ý nét độc đáo trong cách tự sự, miêu tả của nhà thơ. Nêu các lí do khiến em thích bài thơ. Kết đoạn: Khẳng định lại cảm xúc về bài thơ và ý nghĩa của bài thơ đó đối với em.		Bước 3: Viết
Kiểm tra và chỉnh sửa như thế nào?. Sau đó đối chiếu bằng kiểm		Bước 4: Kiểm tra và chỉnh sửa. Đọc lại đoạn văn hoàn chỉnh. Đối chiếu với các yêu cầu đã xác định tại các bước trước đó. Soát lại và đối chiếu với dàn ý. Chỉnh sửa lỗi chính tả, ngữ pháp, liên kết câu... Đánh giá kĩ năng viết của bản thân.

3. Hoạt động 3: Luyện tập

- a) Mục tiêu: Học sinh vận dụng kiến thức đã học vào giải bài tập
- b) Nội dung hoạt động: Hs trả lời câu hỏi.
- c) Sản phẩm học tập:
- Câu trả lời của các câu hỏi, bài tập.
- d) Tổ chức thực hiện:
- * Chuyển giao nhiệm vụ:
- GV phát phiếu bài tập.
- * Thực hiện nhiệm vụ:
- HS suy nghĩ, hình thành và triển khai ý tưởng, tư duy độc lập...
- * Báo cáo kết quả:
- GV gọi bất kì cá nhân nào trình bày kết quả.
- * Kết luận, đánh giá:
- HS, GV đánh giá, nhận xét.

Hoạt động của GV và HS		Nội dung cần đạt	
Phiếu học tập số 3: Sắp xếp các ý sau để có một đoạn văn hợp lí?		Bài 1: Sắp xếp các ý sau để có một đoạn văn hợp lí?	
A, Giọng điệu chân thực, thiết tha xúc cảm.	B, Đêm nay Bác không ngủ	Dự kiến	1, B, Đêm nay Bác không ngủ
Các hình ảnh ẩn dụ, so sánh đẹp.	Mình Huệ		2, A, Giọng điệu chân thực, thiết tha xúc cảm.
C, Lí do tôi thích:	D, Câu chuyện được kể bằng thơ	1, B, Đêm nay Bác không ngủ	Các hình ảnh ẩn dụ, so sánh đẹp.
- Lời thơ gần gũi, bình dị.	Không gian	Mình Huệ	
- Câu chuyện được kể lại với những yếu tố miêu tả, tự sự chân thực khiến ta cảm động.	Thời gian	Văn thơ đẹp viết về Bác Hồ.	
	Hình ảnh Bác Hồ ví đại và lớn lao với những hành động ân cần, ấm áp yêu thương.		
	Tình yêu mến, kính trọng, biết ơn của anh đội viên dành cho Bác.	3, D, Câu chuyện được kể bằng thơ	4, C, Lí do tôi thích:
		Không gian	- Lời thơ gần gũi, bình dị.
		Thời gian	- Câu chuyện được kể lại với những yếu tố miêu tả, tự sự chân thực khiến ta cảm động.
		Hình ảnh Bác Hồ ví đại và lớn lao với những hành động ân cần, ấm áp yêu thương.	
		Tình yêu mến, kính trọng, biết ơn của anh đội viên dành cho Bác.	
Chưa chỉ ra được nét độc đáo trong cách tự sự, miêu tả của nhà thơ: Câu chuyện dung dị, có xuấ hiện đầy đủ các yếu tố thời gian, không gian, nhân vật và sự việc nối tiếp nhau, lằng đọng thông điệp ở khổ cuối cùng.			
Chưa chỉ ra được vai trò của yếu tố miêu tả qua hệ thống các từ láy, gọi tả không gian, thời gian và hình ảnh nhân vật hiện lên sinh động hơn.			
Chưa có phân kết đoạn: khẳng định ý nghĩa của bài thơ và cảm xúc của người viết.			
NHỮNG LỖI THƯỜNG GẶP			
Diễn xuôi bài thơ			
+ Kết hợp với lời nhận xét, nêu cảm xúc(Ví dụ như gắn liền với hình ảnh Bác xuấ hiện trong đêm khuya thì chúng ta đưa ra lời nhận xét: Hình ảnh của Bác đẹp làm sao, tựa như một ông tiên ở trong chuyện cổ tích, với tình yêu thương, với gương mặt như thể nào, với tình yêu thương ra làm sao?			
Hay khi mà ta kể về hành động của Bác: Bác đi dếm chăn, Bác đốt lửa cho anh nằm thì chúng ta đưa ra một lời nhận xét, hay đưa ra cảm xúc của chúng			

ta trước hành động ấy của Bác. Nếu mà chúng ta chỉ đưa ra dẫn chứng là Bác làm gì? Trong thười gian, không gian như thế nào? Thì rõ ràng không phải là bài ghi lại cảm nhận, hay bài phân tích, đây chỉ là bài kể lại bài thơ.

+ Câu chuyện đêm nay Bác không ngủ được kể bằng lời thơ giản dị, chân thực.

Không trích dẫn

+ Chọn lọc từ trích dẫn vừa phải(Trích dẫn các từ khoá, các từ mang nhân tự, các tín hiệu thẩm mỹ) Ví dụ: Bài “ Đêm nay Bác không ngủ” , ta thường trích dẫn các từ khoá đó là các từ lấy “ mái lều tranh xơ xác” một không gian đã gợi ra sự khốn khó, sự khó nhọc của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và từ đó chúng ta mới nhận ra được tấm lòng bao la , giữa một không gian, giữa một mái lều tranh xơ xác, ta thấy ngời sáng chân dung một vị lãnh tụ, với tình yêu của người đã xua tan đi cái lạnh lẽo của mùa đông.

+ Đặt trong ngoặc kép

Bị thiếu ý, các ý thiếu sự liên kết.

+ Sử dụng từ ngữ liên kết linh hoạt.(phép thế, phép lặp

+ Bám sát dàn ý.

**** Hướng dẫn tự học**

Hoàn thành bài viết và rút kinh nghiệm cho bản thân

Chuẩn bị bài **NÓI VÀ NGHE “ TRÌNH BÀY Ý KIẾN VỀ MỘT VẤN ĐỀ”**

Ngày dạy:

Tiết 96 - NÓI VÀ NGHE TRÌNH BÀY Ý KIẾN VỀ MỘT VẤN ĐỀ

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức:

- HS nắm vững những yêu cầu khi trình bày ý kiến về một vấn đề bằng ngôn ngữ nói (nêu lên những suy nghĩ, nhận xét, đưa ra lí lẽ và những bằng chứng cụ thể để làm sáng tỏ cho ý kiến của mình.)
- Cùng cố kiến thức về các vấn đề có liên quan đến nội dung nói.
- Biết tìm ý, lập dàn ý, cách trình bày ý kiến về một vấn đề xã hội (hoặc văn học), đề thông qua đó tập nói năng một cách mạnh dạn, tự nhiên, trôi chảy.
- Nắm bắt được những thông tin bài nói của các bạn, có thể đưa ra được những nhận xét, góp ý cho bạn.

2. Năng lực

- Năng lực tự chủ và tự học, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo, năng lực giao tiếp và hợp tác.
- Năng lực sử dụng ngôn ngữ: tạo điều kiện để HS thể hiện tư tưởng của mình một cách trung thực nhất, tự nhiên nhất. Tôn trọng những ý kiến, cách nhìn nhận, quan điểm của cá nhân người học về các vấn đề được đặt ra.

3. Phẩm chất:

- *Nhân ái*: Qua tiết luyện nói và nghe, HS biết đoàn kết, nhận xét đánh giá theo hướng khích lệ, động viên.
- *Chăm học, chăm làm*: HS có ý thức vận dụng bài học vào các tình huống, hoàn cảnh thực tế đời sống của bản thân.
- *Trách nhiệm*: Trong việc chuẩn bị nội dung tiết nói và nghe một cách tích cực và trách nhiệm với hành vi của bản thân trong cuộc sống.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Thiết bị dạy học: Máy tính,...

2. Học liệu: Sách giáo khoa, kế hoạch bài dạy, tài liệu tham khảo, phiếu học tập...

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC:

1. Hoạt động 1: Khởi động

- a) **Mục đích:** Kết nối kiến thức thực tế với bài học, tạo hứng thú, tâm thế cho học sinh.
- b) **Nội dung:** Giáo viên đưa ra tình huống cho HS , đặt ra các câu hỏi để HS trả lời.
- c) **Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.
- d) **Tổ chức thực hiện**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV & HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập: - GV ổn định tổ chức, cho học sinh tiếp cận tình huống. Trong văn bản “Cổng trường mở ra”, Lý Lan viết: Mẹ sẽ đưa con đến trường, cầm tay con dắt qua cánh cổng, rồi buông tay mà nói: đi đi con, hãy can đảm lên, thế giới này là của con. Từ sự hiểu biết và thực tế của bản thân, hãy trình bày về tính tự lập và sự chủ động hòa nhập với thế giới xung quanh.	

- HS trả lời câu hỏi bằng cách trình bày hiểu biết của mình về tính tự lập và sự chủ động hòa nhập với thế giới xung quanh. Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập - HS làm việc cá nhân, suy nghĩ, trả lời. Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận - Tổ chức cho HS trình bày ý kiến. - Học sinh trả lời câu hỏi, báo cáo sản phẩm và chia sẻ ý kiến cá nhân. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - Gọi HS nhận xét, thống nhất ý kiến. - Giáo viên tổng hợp, kết nối bài học.	
2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới I. ĐỊNH HƯỚNG a) Mục đích: - HS hiểu được như thế nào là trình bày ý kiến về một vấn đề. - Nắm bắt được các yêu cầu chung để trình bày ý kiến của bản thân về một vấn đề - Có kĩ năng tự tin trình bày sản phẩm của cá nhân trước nhóm, trước tập thể,... b) Nội dung: - Học sinh tìm hiểu thông tin SGK, sử dụng các hình thức hoạt động nhóm, hoạt động chung cả lớp để thực hiện các nhiệm vụ. - HS trình bày sản phẩm của cá nhân, của nhóm bằng ngôn ngữ nói. c) Sản phẩm: Học sinh khai thác kênh chữ, trả lời câu hỏi, báo cáo sản phẩm thảo luận và chia sẻ ý kiến cá nhân. - Chuẩn bị đề cương (dàn ý). - Rèn kĩ năng nói, nghe. - Phần chuẩn bị của HS được trình bày bằng ngôn ngữ nói, đảm bảo các yêu cầu (nội dung, hình thức, giọng điệu,...) d) Tổ chức thực hiện	
HOẠT ĐỘNG CỦA GV & HS Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập: GV nêu định hướng. - GV cho HS thảo luận nhóm (thời gian 3 phút) (1) Theo em thế nào là trình bày ý kiến về 1 vấn đề? (2) Để trình bày ý kiến về 1 vấn đề, em cần làm những việc gì? Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập - HS làm việc cá nhân, thảo luận theo nhóm, suy nghĩ. - HS hình thành kĩ năng khai thác ngữ liệu trả lời. Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận: - GV mời HS trả lời câu hỏi, báo cáo sản phẩm thảo luận và chia sẻ ý kiến cá nhân. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - Gọi HS nhận xét, thống nhất ý kiến.	DỰ KIẾN SẢN PHẨM I. Định hướng: (1)- Ở phần <i>Nói và nghe</i>, các em không viết thành văn, cũng không phải kể lại bằng lời câu chuyện đã đọc mà là trình bày bằng miệng một vấn đề trong cuộc sống được nêu lên trong tác phẩm văn học nhằm thuyết phục người nghe . (2). Để trình bày ý kiến về một vấn đề các em cần: +Xác định vấn đề của cuộc sống đặt ra trong một tác phẩm văn học +Tìm ý và lập dàn ý cho bài nói + Thực hành trình bày ý kiến +Lưu ý những lỗi khi trình bày a. Trình bày ý kiến về 1 vấn đề - Trình bày ý kiến về một vấn đề là người viết nêu lên những suy nghĩ, nhận xét đưa ra những lí lẽ và bằng chứng cụ thể để làm sáng tỏ cho ý kiến của mình. - Ví dụ: + Có người cho rằng: Việc sử dụng các từ tiếng Anh trong giao tiếp của người Việt trẻ đang làm mất đi sự trong sáng của tiếng Việt. Ý kiến của em như thế nào? + Sau khi học xong bài: “Gấu con chân vòng kiềng” của U-xa-chốp em thấy vấn đề ngoại hình của con người có quan trọng không? Hãy trình bày ý kiến của mình. b. Để trình bày ý kiến của mình về một vấn đề, HS cần xác định: - Đó là vấn đề gì? Ý kiến của em về vấn đề đó như thế nào? - Các lí lẽ và bằng chứng mà em định sử dụng để làm sáng tỏ vấn đề, thuyết phục mọi người là những gì? - Khi trình bày cần có thêm thiết bị gì? - Cần chú ý như thế nào khi nói (âm lượng, tốc độ, tư thế, thái độ và các yếu tố phi ngôn ngữ,...)?
II. THỰC HÀNH a) Mục đích: - Biết tìm ý, lập dàn ý, cách trình bày ý kiến về một vấn đề xã hội (hoặc văn học), để thông qua đó tập nói năng một cách mạnh dạn, tự nhiên, trôi chảy. - Nắm bắt các thông tin bài nói của các bạn trong nhóm, trong lớp và từ đó có thể đưa ra những nhận xét, góp ý cho nội dung nói của bạn.	

- Có kĩ năng tự tin trình bày sản phẩm của cá nhân trước nhóm, trước tập thể,... b) Nội dung: HS trình bày sản phẩm của cá nhân, của nhóm bằng ngôn ngữ nói. c) Sản phẩm: Phần chuẩn bị của HS được trình bày bằng ngôn ngữ nói, đảm bảo các yêu cầu (nội dung, hình thức, giọng điệu,...) d) Tổ chức thực hiện	
HOẠT ĐỘNG CỦA GV & HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập: - GV nêu đề bài và hướng dẫn HS thảo luận, trình bày sự chuẩn bị của cá nhân, nhóm. - Cho đề bài: Sau khi học xong bài: “Gấu con chân vòng kiềng” của U-xa-chốp em thấy vấn đề ngoại hình của con người có quan trọng không? Hãy trình bày ý kiến của mình. (1) Với đề bài đã cho, em cần phải chuẩn bị những gì? (2) Trình bày các ý và đề cương (dàn ý) của đề bài trên? (3) Ngoài chuẩn bị đề cương, để thực hiện tốt tiết luyện nói, em cần chuẩn bị những gì? (4) Nêu yêu cầu đối với người nói và người nghe. Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập - GV hướng dẫn HS thảo luận để tìm ra quy trình các bước trình bày ý kiến về một vấn đề. - HS dựa vào hướng dẫn của GV chuẩn bị bài nói, trình bày ý kiến của bản thân mình theo yêu cầu của đề bài trên. Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận: - GV gọi HS đại diện cho nhóm trình bày bài nói của nhóm mình. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - Gọi HS nhận xét. - GV đưa ra nhận xét về các khía cạnh sau: nội dung, kĩ năng nói và kĩ năng nghe.	1. Chuẩn bị - Xác định mục đích và nội dung bài nói: + Mục đích nói: Nêu ý kiến, quan điểm của mình về nhận xét trên. Các bước thực hiện: *Trước khi nói: • a. Chuẩn bị nội dung nói • - Mục đích nói: Ngoại hình con người có quan trọng hay không. • - Người nghe: thầy cô, bạn bè, người thân... • - Dựa vào trải nghiệm của bản thân để tìm ý • - Đọc lại văn bản trong SGK để có thêm ý tưởng. • - Chuẩn bị tranh, ảnh minh họa (nếu cần). • - Ghi ra giấy những ý chính cần nói và sắp xếp theo trình tự. • b. Tập luyện • - Trình bày trước người thân và bạn bè... để được mọi người nhận xét, góp ý về cách trình bày, nội dung trình bày. • - Cách nói tự nhiên, gần gũi. Phân biệt trình bày miệng với trình bày bằng viết, chú ý cách trình bày, giọng nói, kết hợp với ngôn ngữ hình thể (cử chỉ, ánh mắt, nét mặt) phù hợp với nội dung bài thuyết trình. *Trình bày bài nói • Trình bày theo các ý chính đã chuẩn bị. Có lời chào, giới thiệu, lời kết thúc cảm ơn. • Tập trung vào vấn đề đã chọn, liên hệ với trải nghiệm của bản thân.

-MB:

Từ bài Gấu con chân vòng kiềng đặt ra vấn đề: Ngoại hình con người không quan trọng

- TB:

+ Vẻ đẹp bên ngoài theo thời gian sẽ phai nhạt dần, khi ấy thứ để đánh giá cái đẹp của con người chính là vẻ đẹp tâm hồn bên trong con người họ.

+ Nếu chân giá trị của vật dụng là chất gốc thì chân giá trị của con người chính là đạo đức tài năng và trí tuệ. Chính vì thế ngoại hình của con người lúc này đây không được đánh giá cao

+ Nhưng trong xã hội ngày nay, một người có tâm hồn đẹp đến đâu mà không biết chăm chút cho nhan sắc bên ngoài của mình thì rất khó có thể thành công được. Bởi vậy chúng ta cũng không nên coi thường vẻ đẹp bên ngoài.

+ Bài thơ gấu con chân vòng kiềng một lời khuyên sáng suốt, thiết thực trong cách đánh giá sự vật và con người trong mọi hoàn cảnh, đồng thời đó cũng là lời cảnh tỉnh đối với những ai chỉ chạy theo hình thức hào nhoáng bên ngoài mà quên đi phẩm chất tốt đẹp – yếu tố cơ bản tạo nên giá trị đích thực của một con người

- **KB:** Ngoại hình con người không quan trọng nhưng cũng không thể xem thường. Học sinh cần chú ý rèn luyện vẻ đẹp tâm hồn và chau chuốt cả vẻ đẹp ngoại hình của bản thân.

- Kết hợp sử dụng tranh ảnh, bài hát để hấp dẫn hơn. Chú ý sắp xếp tranh ảnh cho phù hợp

***Sau khi nói**

Người nghe: chia sẻ và nhận xét về cách trình bày.

Người nói: Phản hồi về nhận xét, đóng góp.

2. Tìm ý, lập dàn ý

-MB:

Từ bài Gấu con chân vòng kiềng đặt ra vấn đề: Ngoại hình con người không quan trọng

- TB:

Vẻ đẹp bên ngoài theo thời gian sẽ ntn?

+ Nếu chân giá trị của vật dụng là chất gốc thì chân giá trị của con người chính là đạo đức tài năng và trí tuệ.

+ Quan niệm về vẻ đẹp bên ngoài và vẻ đẹp tâm hồn theo quan niệm ngày nay.

+ Bài thơ gấu con chân vòng kiềng đặt ra lời khuyên gì?

- **KB:** Ngoại hình con người không quan trọng nhưng cũng không thể xem thường. Học sinh cần chú ý rèn luyện vẻ đẹp tâm hồn và chau chuốt cả vẻ đẹp ngoại hình của bản thân.

3. Nói và nghe:

- Người nói:

+ Phong thái bình tĩnh, tự tin, thân thiện.

+ Đảm bảo kết cấu của một bài nói (có lời mở đầu, kết thúc)

+ Trình bày nội dung ngắn gọn, rõ ràng

	với ngôn ngữ chính xác, trong sáng, có tính biểu cảm. + Kết hợp cử chỉ, điệu bộ, thái độ một cách phù hợp. - Người nghe: + Thể hiện thái độ tôn trọng người nói. + Chú ý lắng nghe nắm bắt những nội dung chính của bài nói. + Mạnh dạn nhận xét, góp ý mang tính xây dựng khi được yêu cầu. 4. Kiểm tra và chỉnh sửa: - Người nói: Xem xét bài nói đã đầy đủ các ý có trong dàn bài chưa, còn thiếu nội dung nào, có mắc các lỗi về cách trình bày không,... - Người nghe: Kiểm tra các thông tin thu được từ người nói, tự xác định các lỗi cần khắc phục khi nghe.
--	--

THỰC HÀNH NÓI VÀ NGHE

- a) Mục đích:** Dựa vào dàn ý rèn kỹ năng trình bày ý kiến về một vấn đề trước tập thể, kỹ năng nhận xét và kỹ năng xây dựng, dẫn chương trình,...
- b) Nội dung:** Hướng dẫn HS trình bày sản phẩm trong nhóm, trước lớp bằng ngôn ngữ nói và nhận xét, cho điểm,...
- c) Sản phẩm:** Phần trình bày, nhận xét của HS.
- d) Tổ chức thực hiện**

Hoạt động của GV và HS		Dự kiến sản phẩm đạt được							
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập: (1) <i>Giáo viên yêu cầu mỗi nhóm chọn ra 3 Hs nói trong nhóm cho các bạn góp ý.</i> (2) <i>Gv tổ chức cuộc thi “Em là nhà hùng biện”:</i> * Phân vai: + <i>Gv đóng vai người dẫn chương trình, trưởng ban tổ chức.</i> + <i>Mỗi nhóm cử 1 Hs tham gia cuộc thi, 1 Hs tham gia ban thư kí.</i> + <i>Hs còn lại trong lớp đóng vai khán giả + giám khảo. (HS nghe nhận xét, đánh giá vào phiếu theo tiêu chí đã hướng dẫn)</i> PHIẾU NHẬN XÉT <table><tr><th>Tên</th><th>Nội dung</th><th>Diễn đạt</th><th>Tác phong</th><th>Điểm</th></tr></table>		Tên	Nội dung	Diễn đạt	Tác phong	Điểm	1. Luyện nói trong nhóm 2. Luyện nói trước lớp <i>Cuộc thi “Em là nhà hùng biện”</i>		
Tên	Nội dung	Diễn đạt	Tác phong	Điểm					

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập

*** Cách thức tiến hành:**

- Người dẫn chương trình giới thiệu từng thí sinh lên thi.
- Sau khi mỗi thí sinh kết thúc phần thi sẽ tiếp tục đứng trên sân khấu nghe lời nhận xét góp ý của khán giả.
- Giám khảo sẽ lựa chọn mức điểm cho thí sinh bằng cách giơ tay (MC đọc từng mức điểm cho GK lựa chọn)
- Thư kí tổng hợp điểm (Điểm của thí sinh là điểm trung bình của các GK)
- Trưởng ban tổ chức tổng kết, đánh giá, thông báo kết quả, tuyên dương, khen thưởng.
- Gv quan sát, nhắc nhở, hỗ trợ các nhóm học tập

Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận:

- Học sinh đại diện nhóm báo cáo sản phẩm thảo luận và chia sẻ ý kiến cá nhân.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

- HS nêu cảm nghĩ sau khi được luyện nói trong tình huống trải nghiệm: tham gia một cuộc thi.
- Gv rút kinh nghiệm, hướng dẫn Hs kỹ năng tổ chức, tham gia các hoạt động trải nghiệm.

4. Hoạt động 4: Vận dụng

a) *Mục tiêu:* HS hiểu được kiến thức trong bài học để vận dụng linh hoạt kiến thức đó vào thực hiện bài tập GV giao.

b) *Nội dung:* Phân nhiệm vụ GV giao, hoạt động cá nhân để thực hiện và hoàn thành phiếu học tập.

c) *Sản phẩm:* Phần làm việc và phiếu học tập của học sinh đã hoàn thiện.

d) *Tổ chức thực hiện:*

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập

- HS trả lời nhanh các câu hỏi phần tự đánh giá.
- **Tình huống giả định:** Tổ chức một diễn đàn văn học với chủ đề “**Đi tìm cái hay, cái đẹp trong tác phẩm văn chương**”. Em hãy chuẩn bị một bài nói để tham gia diễn đàn đó. (GV gợi ý: Hs vận dụng các thao tác lập luận đã học để bàn về cái hay, cái đẹp có trong tác phẩm văn chương đó...).
- Tìm thêm các vấn đề của cuộc sống được gợi ra trong tác phẩm văn học.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS nghe câu hỏi, làm việc cá nhân, nhóm, suy nghĩ, trả lời.

Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận:

- Học sinh trả lời câu hỏi, báo cáo sản phẩm thảo luận và chia sẻ ý kiến cá nhân.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

- Gọi HS nhận xét ý kiến của bạn, thống nhất.
- GV tổng hợp - kết luận.
- Chuẩn bị bài 8: Văn bản nghị luận (NL xã hội). Soạn bài: Vì sao chúng ta phải đối xử thân thiện với động vật. Đọc và tìm hiểu phần Tri thức Ngữ văn để hiểu thế nào là ý kiến, lí lẽ và dẫn chứng.

Ngày dạy:

Tiết 97+98+99

TÌM HIỂU TRI THỨC NGŨ VĂN

- ĐỌC HIỂU VĂN BẢN:

VÌ SAO CHÚNG TA PHẢI ĐỐI XỬ THÂN THIỆN VỚI ĐỘNG VẬT?

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức:

- Khái niệm văn nghị luận xã hội (trình bày một ý kiến)
- Ý kiến nghị luận, lí lẽ, bằng chứng trong văn bản
- Nhan đề, nội dung, đề tài của bài viết
- Tóm tắt được văn bản nghị luận để nắm được ý chính của văn bản

2. Năng lực

a. Năng lực chung:

- Năng lực tự chủ và tự học: Tìm kiếm thông tin, đọc sách giáo khoa, quan sát tranh ảnh để tìm hiểu về văn bản.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Thảo luận nhóm để thực hiện phiếu học tập, hợp tác giải quyết vấn đề để tìm hiểu về văn bản.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Năng lực trình bày và trao đổi thông tin trước lớp.

b. Năng lực đặc thù:

- Nhận biết được nhan đề đề cập đến nội dung, đề bài
- Nhận biết được ý chính của mỗi đoạn trong văn bản.
- Nhận biết được ý kiến, lí lẽ, bằng chứng trong văn bản
- Trình bày được mối quan hệ giữa ý kiến lí lẽ, bằng chứng dưới dạng sơ đồ
- Nhận ra được ý nghĩa vấn đề đặt ra trong văn bản đối đời sống xã hội và đối với bản thân

3. Về phẩm chất:

- *Chăm chỉ:* Có ý thức vận dụng kiến thức, kĩ năng học được ở nhà trường, trong sách báo và từ các nguồn tin cậy khác vào học tập và đời sống hằng ngày.
- *Trách nhiệm:* Yêu quý động vật, sống hòa hợp với thiên nhiên.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- Học liệu: Ngữ liệu/Sách giáo khoa, phiếu học tập.
- Thiết bị: Máy tính, máy chiếu.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Hoạt động 1: Mở đầu

- Mục tiêu: Tạo tâm thế và định hướng chú ý cho học sinh; tạo vấn đề vào chủ đề
- Nội dung hoạt động: Quan sát tranh nêu suy nghĩ?

c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời/chia sẻ của HS bằng ngôn ngữ

d) Tổ chức hoạt động:

* **Chuyển giao nhiệm vụ:** Bức tranh gợi cho em suy nghĩ gì?

* **Thực hiện nhiệm vụ:** Hs trả lời

* **Báo cáo kết quả:** Hs trả lời

Dự kiến sản phẩm: Con người và thiên nhiên phải sống hòa hợp với nhau

* **Gv kết luận và kết nối vào bài:** Bức tranh đã gợi cho chúng ta suy nghĩ rằng, con người và động vật cần phải sống thân thiện, hài hoà với nhau. Vì sao lại như vậy? Đi tìm hiểu bài học hôm nay ta sẽ có câu trả lời này.

2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới

Nội dung 1: Tìm hiểu tri thức ngữ văn

a. **Mục tiêu:** học sinh hiểu được khái niệm truyện ngắn, đặc điểm nhân vật; lời người kể chuyện và lời nhân vật.

b. **Nội dung:** HS sử dụng SGK, hoàn thành bảng kiến thức

c. **Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của học sinh.

d. **Tổ chức thực hiện:**

Hoạt động của GV và HS	Nội dung cần đạt
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: Chú ý đọc phần tri thức ngữ văn/ 47(sgk) Nghị luận xã hội là gì? Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập Hs trả lời câu hỏi Bước 3: Báo cáo sản phẩm học tập - HS trình bày cá nhân. - Các HS khác nhận xét. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ: - GV nhận xét và chuẩn kiến thức.	** Tìm hiểu về nghị luận xã hội Là nêu lên ý kiến và các lí lẽ, bằng chứng cụ thể nhằm thuyết phục người đọc, người nghe tán thành ý kiến của người viết, người nói về hiện tượng ấy.

Nội dung 2: Thực hành đọc văn văn bản

Hoạt động của GV và HS	Nội dung cần đạt
a) Mục tiêu: học sinh nắm được những nét khái quát về văn bản. b) Nội dung hoạt động: HS trả lời câu hỏi. c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời/chia sẻ của HS bằng ngôn ngữ, bằng phiếu học tập. d) Tổ chức hoạt động: *PP, kĩ thuật: Giải quyết vấn đề, động não, làm việc nhóm thông qua phiếu bài tập. * Đọc sao cho hay? - Giọng to rõ ràng mạch lạc, dứt khoát. - Đoạn cuối đọc nhấn mạnh Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: ? Nối cột A với cột B	I, Đọc văn bản a) Thể loại - Văn nghị luận xã hội (trình bày một ý kiến) b) Vấn đề nghị luận: Cần đối xử thân thiện, yêu quý và bảo vệ động vật c) Bố cục - 4 phần + Phần 1: Đoạn 1,2 -> Động vật gắn bó với con người, gắn bó với kí ức tuổi thơ. +Phần 2: Đoạn 3 => Vai trò của động vật trong hệ sinh thái + Phần 3: Đoạn 4 Thực trạng hiện nay + Phần 4: Còn lại => Lời kêu

2. Trục tiếp	b) Là một hiện tượng xảy ra trong tự nhiên khi một loài hoặc một quần thể biến mất hoàn toàn trên trái đất.	gọi bảo vệ động vật.
3. Tạo hóa	c) Quan hệ giữa sinh vật với môi trường	
4. tuyệt chủng	d) Có quan hệ thẳng với đối tượng tiếp xúc, không qua khâu trung gian gián tiếp: không có quan hệ thẳng với đối tượng tiếp xúc mà phải qua khâu trung gian	
5. Sinh thái	e) Những người thuộc thế hệ đầu tiên của một dòng họ.	
? Văn bản “Vì sao chúng ta phải đối xử thân thiện với động vật thuộc thể loại gì? ?Dựa vào nhan đề em hãy cho biết nội dung, đề tài của bài viết? ? Văn bản chia làm mấy phần? Nêu nội dung của từng phần? Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập Hs trả lời câu hỏi Bước 3: Báo cáo sản phẩm học tập ước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ: - GV nhận xét và chuẩn kiến thức.		
a) Mục tiêu: học sinh nắm được những bằng chứng và lí lẽ cho thấy động vật nuôi dưỡng tâm hồn trẻ thơ, gắn liền với cuộc sống con người. b) Nội dung hoạt động: HS trả lời câu hỏi. c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời/chia sẻ của HS bằng ngôn ngữ , bằng phiếu học tập. d) Tổ chức hoạt động: * Chuyển giao nhiệm vụ:		II. Khám phá văn bản 1, Động vật nuôi dưỡng tâm hồn trẻ thơ, gắn liền với cuộc sống con người

THẢO LUẬN:
làm việc cá
nhân 2p, thảo
luận cặp đôi
3p

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1

? Xác định ý chính của đoạn 1, 2

? Để làm rõ ý chính đó tác giả đã đưa ra bằng chứng nào?

? Biện pháp nghệ thuật được tác giả sử dụng ở phần 1? Tác dụng

Ý chính
đoạn 1, 2

Bằng chứng 1:

.....
.....
.....

Bằng chứng 1:

.....
.....

Nghệ thuật:

.....
.....

* Thực hiện nhiệm vụ

- Học sinh: suy nghĩ, trả lời
- Giáo viên: nghe, quan sát, gọi nhận xét

* **Báo cáo kết quả:** HS trả lời miệng, trình bày kết quả. HS khác nghe nhận xét, đánh giá

Dự kiến sp:

Động vật,
nuôi dưỡng
tâm hồn trẻ
thơ gắn liền
với cuộc
sống con
người (lí lẽ

1)

Bằng chứng 1: Đứng nhìn lũ kiến hành quân, buộc
chỉ vào chân cánh cam làm điều.

Bằng chứng 1: Gà gáy báo thức, chim hót trên cây, lũ
trâu cày ruộng...

Nghệ thuật: Sử dụng phép liệt kê => Khẳng định về
vai trò không thể thiếu của động vật đối
với đời sống con người.

* Đánh giá kết quả

- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá
- Giáo viên nhận xét, đánh giá

- Bằng chứng: Đứng nhìn lũ kiến hành quân, buộc chỉ
vào chân cánh cam làm điều.

- Bằng chứng: Gà gáy báo thức, chim hót trên cây, lũ
trâu cày ruộng...

NT: Sử dụng phép liệt kê

=> Khẳng định về vai trò không thể thiếu của động
vật đối với đời sống con người.

a) Mục tiêu: học sinh nắm được **vai trò của động vật trong hệ sinh thái**

b) Nội dung hoạt động: HS trả lời câu hỏi.

c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời/chia sẻ của HS bằng ngôn ngữ, bằng phiếu học tập.

d) Tổ chức hoạt động:

2. **Vai trò của động vật trong hệ sinh thái**

* **Chuyên giao nhiệm vụ:**

Phiếu học tập số 2:

? Ý chính của đoạn 3 là gì?

? Câu nào trong phần 3 cho thấy con người liên quan đến động vật?

? Môi trường sinh tồn là gì?

? Con người, động vật và môi trường có mối quan hệ như thế nào?



- Ý chính đoạn 3:

- Bằng chứng 1:

- Bằng chứng 2:

.....

.....

- Môi trường sinh tồn

-

.....

- Mối quan hệ:

* **Thực hiện nhiệm vụ**

- Học sinh: suy nghĩ, trả lời

- Giáo viên: nghe, quan sát, gọi nhận xét

* **Báo cáo kết quả:** HS trả lời miệng, trình bày kết quả. HS khác nghe nhận xét, đánh giá.

* **Đánh giá kết quả**

- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá

- Giáo viên nhận xét, đánh giá

- Bằng chứng: khi và vườn có chung tổ tiên với con người.

- Bằng chứng: Mỗi loài động vật có quan hệ trực tiếp hoặc gián tiếp đối với con người.

=> ***Con người, động vật, và môi trường có mối quan hệ chặt chẽ với nhau.***

a) Mục tiêu: học sinh nắm được thực trạng của động vật trong cuộc sống.

b) Nội dung hoạt động: HS trả lời câu hỏi.

c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời/chia sẻ của HS bằng ngôn ngữ, bằng phiếu học tập.

d) Tổ chức hoạt động:

3, Thực trạng

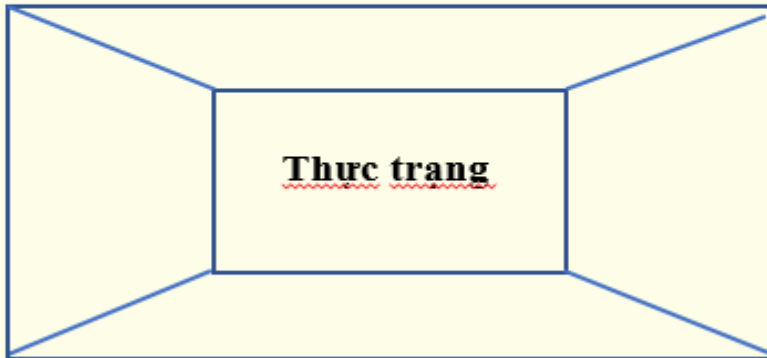
* **Chuyển giao nhiệm vụ:**

Phiếu học tập số 3

? Tác giả đã nêu lên thực trạng đáng báo động nào

? Để nêu lên thực trạng đó tác giả sử dụng biện pháp nghệ thuật gì?

? Tác giả có thái độ như thế nào trước thực trạng đó?



- Nghệ thuật:

- Thái độ:

* **Thực hiện nhiệm vụ**

- Học sinh: suy nghĩ, trả lời

- Giáo viên: nghe, quan sát, gọi nhận xét

* **Báo cáo kết quả**: HS trả lời miệng, trình bày kết quả. HS khác nghe nhận xét, đánh giá

Dự kiến sp:

Phiếu học tập số 3

Con người phá hoại môi trường sống của động vật

Nhiều loài có nguy cơ tuyệt chủng

Thực trạng

Các loại động vật đang ngày càng giảm đi

Săn bắt động vật trái phép

- NT: đối lập

=> Thể hiện thái độ bất bình của tác giả.

* **Đánh giá kết quả**

- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá

- Giáo viên nhận xét, đánh giá

- Bằng chứng

+ Con người phá hoại môi trường sống của động vật

+ Săn bắt động vật trái phép

	+ Các loại động vật đang ngày càng giảm đi - NT: đối lập => Thể hiện thái độ bất bình của tác giả.
a) Mục tiêu: học sinh nắm được lời kêu gọi bảo vệ động vật b) Nội dung hoạt động: HS trả lời câu hỏi. c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời/chia sẻ của HS bằng ngôn ngữ, bằng phiếu học tập. d) Tổ chức hoạt động:	4, Lời kêu gọi bảo vệ động vật
* Chuyển giao nhiệm vụ: ? Ý chính của đoạn 5 là gì? Tìm câu văn thể hiện ý chính đó? ? Em cần có thái độ như thế nào với động vật? Kể một số biện pháp em có thể làm để bảo vệ động vật? * Thực hiện nhiệm vụ - Học sinh: suy nghĩ, trả lời - Giáo viên: nghe, quan sát, gọi nhận xét * Báo cáo kết quả: HS trả lời miệng, trình bày kết quả. HS khác nghe nhận xét, đánh giá	
* Đánh giá kết quả - Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá - Giáo viên nhận xét, đánh giá	- Chúng ta phải thay đổi, phải bảo vệ ngôi nhà chung của Trái Đất, để động vật cũng có quyền được sống giống như con người. => Nhấn mạnh sự cấp thiết phải bảo vệ động vật
HĐ cá nhân - KT trình bày 1 phút: * GV yêu cầu HS làm việc cá nhân thực hiện yêu cầu sau: Em hãy khái quát nghệ thuật và nội dung chính của văn bản?	III. Tổng kết 1, Nghệ thuật. - - Lí lẽ bằng chứng chặt chẽ, giàu sức thuyết phục. - - Bố cục mạnh mẽ, sử dụng phép liệt kê, đối lập làm sáng tỏ vấn đề nghị luận. 2, Nội dung - Cần phải đối xử thân thiện với động vật, yêu quý và bảo vệ động vật như bảo vệ ngôi nhà chung của trái đất. - Động vật cũng có quyền được sống giống như con người.

3. Hoạt động 3: Luyện tập

a) Mục tiêu: Học sinh vận dụng kiến thức đã học vào làm bài tập

b) Nội dung hoạt động:

- HS luyện đọc kĩ một đoạn trích trong văn bản và thực hiện các nhiệm vụ/trả lời các câu hỏi, bài tập để rèn kĩ năng đọc hiểu văn bản.

c) Sản phẩm học tập:

- Câu trả lời của các câu hỏi, bài tập.

d) Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Nội dung cần đạt
* Chuyển giao nhiệm vụ: Bài tập 1: Văn bản trên giúp em hiểu biết thêm gì về động vật? Tìm các lí lẽ, và bằng chứng khác để làm sáng tỏ sự cần thiết phải thân thiện với động vật. * HS thực hiện nhiệm vụ. HS suy nghĩ * Nhận xét sản phẩm, bổ sung. -HS đưa ra quan điểm cá nhân và lí giải lí do yêu thích nhân vật nào HS trả lời, nhận xét, bày tỏ * Chuẩn kiến thức.	III, Viết kết nối với đọc Bài 1: - Văn bản trên giúp em hiểu động vật và con người có mối quan hệ chặt chẽ, gắn liền với nhau. - Một số lí lẽ khác: Động vật có vai trò to lớn trong đời sống con người: + Cung cấp thực phẩm (thịt, cá, trứng, tôm....) + Giúp con người lao động + Giúp con người giải trí + Bảo vệ an ninh.... Bài 2: Vẽ sơ đồ tư duy bài học

4. Hoạt động 4: Vận dụng

a) Mục tiêu: HS hiểu được kiến thức trong bài học để vận dụng vào thực tế.

b) Nội dung: Chia sẻ suy nghĩ

c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời

d) Tổ chức thực hiện:

* **Giao nhiệm vụ học tập:** Em đã làm gì để góp phần vào việc bảo vệ động vật?

- * **Thực hiện nhiệm vụ:** HS suy nghĩ, hình thành và triển khai ý tưởng, tư duy độc lập...
- * **Báo cáo kết quả:** GV gọi bất kì cá nhân nào trình bày kết quả.
- * HDVN: Đọc – soạn bài: Khan hiếm nước ngọt.

Ngày dạy:

Tiết 100+101

ĐỌC HIỂU VĂN BẢN: KHAN HIẾM NƯỚC NGỌT

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức:

- Khái niệm văn nghị luận xã hội (trình bày một ý kiến)
- Ý kiến nghị luận, lí lẽ, bằng chứng trong văn bản
- Nhan đề, nội dung, đề tài của bài viết
- Tóm tắt được văn bản nghị luận để nắm được ý chính của văn bản

2. Năng lực

a. Năng lực chung:

- Năng lực tự chủ và tự học: Tìm kiếm thông tin, đọc sách giáo khoa, quan sát tranh ảnh để tìm hiểu về văn bản.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Thảo luận nhóm để thực hiện phiếu học tập, hợp tác giải quyết vấn đề để tìm hiểu về văn bản.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Năng lực trình bày và trao đổi thông tin trước lớp.

b. Năng lực đặc thù:

- Nhận biết được nhan đề đề cập đến nội dung, đề bài
- Nhận biết được ý chính của mỗi đoạn trong văn bản.
- Nhận biết được ý kiến, lí lẽ, bằng chứng trong văn bản
- Trình bày được mối quan hệ giữa ý kiến lí lẽ, bằng chứng dưới dạng sơ đồ
- Nhận ra được ý nghĩa vấn đề đặt ra trong văn bản đối đời sống xã hội và đối với bản thân

3. Về phẩm chất:

- *Chăm chỉ:* Có ý thức vận dụng kiến thức, kĩ năng học được ở nhà trường, trong sách báo và từ các nguồn tin cậy khác vào học tập và đời sống hằng ngày.
- *Trách nhiệm:* Hành động có trách nhiệm với chính mình, có trách nhiệm với đất nước về vấn đề tiết kiệm nước.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- Học liệu: Ngữ liệu/Sách giáo khoa, phiếu học tập.
- Thiết bị: Máy tính, máy chiếu.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Hoạt động 1: Mở đầu

- Mục tiêu: Tạo tâm thế và định hướng chú ý cho học sinh; tạo vấn đề vào chủ đề
- Nội dung hoạt động: Trình bày nội dung giao làm ở nhà.
- Sản phẩm học tập: Câu trả lời/chia sẻ của HS bằng ngôn ngữ
- Tổ chức hoạt động:

*** Chuyển giao nhiệm vụ:**

? Hằng ngày, em vẫn sử dụng nước, hãy giải thích cho mọi người rõ sự khác nhau giữa nước: nước, nước ngọt, nước mặn, nước sạch. Nguồn nước nhà em đang sử dụng trong sinh hoạt là loại nước nào?

? Nếu phải trình bày trước lớp ba tác dụng của nước ngọt, em sẽ nêu những tác dụng nào?

***Thực hiện nhiệm vụ:** Hs trả lời

*** Báo cáo kết quả:** Hs trả lời

Dự kiến sản phẩm:

1,

Nước	Nước mặn	Nước ngọt	Nước sạch
Là một loại chất lỏng, trong suốt, không màu không mùi không vị.	+ Có vị mặn, chứa hàm lượng muối cao. + Thường là nguồn nước biển, ở các đại dương.	+ Nước ngọt hay nước nhạt là loại nước chứa một lượng muối tối thiểu. + Tất cả các nguồn nước có xuất phát điểm là từ các cơn mưa được tạo ra do sự ngưng tụ tới hạn của hơi nước trong không khí, rơi xuống ao, hồ, sông.	Nước sạch là nước hợp vệ sinh, đảm bảo an toàn cho sức khỏe, nước trong, không màu, không mùi, không vị, không chứa vi sinh vật gây bệnh và các chất độc hại gây ảnh hưởng đến sức khoẻ người dùng.

- Nguồn nước nhà em đang dùng là nước sạch.

2, Ba tác dụng tiêu biểu của nước:

+ Là nguồn nước duy trì sự sống của con người, phục vụ cho nhu cầu ăn uống, tắm rửa.

+ Nước dùng để tưới tiêu, duy trì sự sống của thực vật và động vật.

+ Cân bằng hệ sinh thái, không thể sống trong môi trường thiếu nước ngọt.

*** Gv kết luận và kết nối vào bài:** Nếu như ngày 5/6 hàng năm là ngày môi trường thế giới thì ngày 22/3 hàng năm chính là ngày nước thế giới. Đến năm 2021, ngày nước thế giới đã lấy chủ đề “ giá trị của nước” nhấn mạnh ý nghĩa và tầm quan trọng của tài nguyên nước; giá trị của nước về mặt kinh tế, văn hóa và xã hội; giải pháp hiệu quả để bảo vệ nguồn nước trước các áp lực do gia tăng dân số, phát triển công nghiệp, nông nghiệp và biến đổi khí hậu. Và điều đó được thể hiện như thế nào thì chúng ta cùng nhau đi vào tìm hiểu bài học ngày hôm nay “”.

2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới

Hoạt động của GV và HS	Nội dung cần đạt
a) Mục tiêu: học sinh nắm được những nét khái quát về văn bản. b) Nội dung hoạt động: HS trả lời câu hỏi. c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời/chia sẻ của HS bằng ngôn ngữ, bằng phiếu học tập. d) Tổ chức hoạt động: *PP, kĩ thuật: Giải quyết vấn đề, động não, làm việc nhóm thông qua phiếu bài tập. * Đọc sao cho hay? - Giọng to rõ ràng mạch lạc, dứt khoát. Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1 Văn bản: Khan hiếm nước ngọt.	I, Đọc văn bản 1. Tác giả: Trịnh Văn. 2. Tác phẩm - Xuất xứ: Theo báo Nhân Dân (2003). - Phương thức biểu đạt: Nghị luận. - Vấn đề nghị luận: Vấn đề báo động của việc khan hiếm nước ngọt hiện nay. * Bố cục: -<u>Phần 1</u>: nội dung 1: Nêu thực trạng khan hiếm nước ngọt. - <u>Phần 2</u>: nội dung 2: Nguyên

Tác giả		nhân- hậu quả của việc khan hiếm nước ngọt. - Phần 3: nội dung 3: Nêu quan điểm và giải pháp của việc khan hiếm nước ngọt.
Xuất xứ		
Phương thức biểu đạt		
Vấn đề nghị luận		
Bố cục		
Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập		
Hs trả lời câu hỏi		
Bước 3: Báo cáo sản phẩm học tập		
ước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ:		
- GV nhận xét và chuẩn kiến thức.		
Gv chuyển ý: Bài viết đã nêu ra những vấn đề, khẳng định rằng nguồn nước ngọt trên trái đất không hề dồi dào vô tận. Hơn nữa nguồn nước ngọt hiện nay còn bị ô nhiễm rất nặng nề do ý thức sử dụng của người dân, dân số ngày càng tăng cuộc sống càng văn minh tiến bộ thì con người càng cần sử dụng nhiều nước cho nhu cầu của mình. Vì vậy mà nước ngọt ngày càng trở nên khan hiếm. Hơn nữa nguồn nước ngọt lại phân bố không đồng đều nơi thì thừa còn nơi thì lại thiếu trầm trọng. Trong phần cuối của bài viết tác giả đã đưa ra một số giải pháp để có thể khắc phục tình trạng này như sử dụng nguồn nước hợp lý, không làm ô nhiễm môi trường nước. Vậy để tìm hieur rõ hơn về vấn abnr , chúng ta cùng sang phần Khám phá văn bản.		
II. KHÁM PHÁ VĂN BẢN		1, Nêu vấn đề khan hiếm nước ngọt
a) Mục tiêu: học sinh nắm được thực trạng của việc khan hiếm nước ngọt. b) Nội dung hoạt động: HS trả lời câu hỏi. c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời/chia sẻ của HS bằng ngôn ngữ , bằng phiếu học tập. d) Tổ chức hoạt động:		
* Chuyển giao nhiệm vụ: Chú ý phần 1: PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2: - Ý chính của phần mở đầu là gì? Nó liên quan với tên văn bản như thế nào? - Nhận xét về cách đặt vấn đề của tác giả?		
* Thực hiện nhiệm vụ - Học sinh: suy nghĩ , trả lời - Giáo viên: nghe, quan sát, gọi nhận xét		
* Báo cáo kết quả: HS trả lời miệng, trình bày kết quả. HS khác nghe nhận xét, đánh giá		
Dự kiến sp: 1, Ý chính của phần mở đầu là nguồn nước trên trái đất không hề dồi dào vô tận như chúng ta nghĩ. Ý chính của phần mở có liên quan trực tiếp đến nhan đề. Gọi mở và khẳng định vấn đề bàn đến		

trong văn bản này là “Khan hiếm nước ngọt”.
 Hiện nay, con người chúng ta bị ảo tưởng về vấn đề nước không không bao giờ cạn kiệt
 + Bởi hệ thống nước xung quanh chúng ta là rất nhiều.
 + Điều đó tạo cảm giác chúng ta sẽ không bao giờ thiếu nước
 + Đây chính là suy nghĩ sai lầm, thật “nhảm to” của chúng ta.
 ⇒ Đặt vấn đề ngắn gọn, thông qua chính thực tế của chúng ta.

- * Đánh giá kết quả**
 - Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá
 - Giáo viên nhận xét, đánh giá

Bài tập nhanh:

- ? Tác giả đồng ý với ý kiến nào sau đây?
 1, Nước ngọt không vô tận.
 2, Nước mặn là nguồn vô tận.
 3, Nước mặn không vô tận.
 4, Nước ngọt là nguồn vô tận.
 Đáp án: 1

- Nguồn nước trên trái đất không hề dồi dào vô tận như chúng ta nghĩ
 - Hiện nay, con người chúng ta bị ảo tưởng về vấn đề nước không không bao giờ cạn kiệt
- + Bởi hệ thống nước xung quanh chúng ta là rất nhiều.
 + Điều đó tạo cảm giác chúng ta sẽ không bao giờ thiếu nước
 + Đây chính là suy nghĩ sai lầm, thật “nhảm to” của chúng ta.
 ⇒ Đặt vấn đề ngắn gọn, thông qua chính thực tế của chúng ta.

Ngày dạy:

Tiết 101:

- a) Mục tiêu: Học sinh nêu nguyên nhân- hậu quả của việc khan hiếm nước ngọt
 b) Nội dung hoạt động: HS trả lời câu hỏi.
 c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời/chia sẻ của HS bằng ngôn ngữ, bằng phiếu học tập.
 d) Tổ chức hoạt động:

2. Giải quyết vấn đề (Nguyên nhân- hậu quả của việc khan hiếm nước ngọt)

*** Chuyển giao nhiệm vụ:**

1, Theo tác giả, có những lí do nào khiến nước ngọt ngày càng khan hiếm? Liệt kê ra vở các lí do theo bảng sau:

Hiện tượng	Lí do
Nước ngọt ngày càng khan hiếm	a. Số nước ngọt không phải là vô tận và đang ngày càng bị nhiễm bẩn bởi chính con người gây ra.

a, Nguyên nhân:

- Số nước ngọt không phải là vô tận và đang ngày càng bị nhiễm bẩn bởi chính con người gây ra.
- Số lượng nước ngọt được sử dụng trong sinh hoạt hàng ngày ngày

Dự kiến sp:	
Hiện tượng	Lí do
Nước ngọt ngày càng khan hiếm	a. Số nước ngọt không phải là vô tận và đang ngày càng bị nhiễm bẩn bởi chính con người gây ra.
	b. Số lượng nước ngọt được sử dụng trong sinh hoạt hàng ngày ngày càng tăng do nhu cầu của con người và dân số tăng.
	c. Nguồn nước ngọt phân bố không đồng đều, có nơi lúc nào cũng ngập nước, nơi lại rất khan hiếm.
	d. Ý thức sử dụng của con người còn phung phí nước ngọt, chưa khai thác hợp lí.

2, Các câu in nghiêng ở phần 2 dùng để phản đối ý kiến nào?

- Các câu in nghiêng ở phần 2 dùng để phản đối ý kiến nguồn nước trên trái đất dồi dào và vô tận đâu đâu cũng thấy biển cả, đại dương mênh mông. Vì đó chỉ là nước mặn. trong khi nguồn nước mà con người, động vật, thực vật cần là nước ngọt.

3, Chỉ ra những lí lẽ và bằng chứng trong phần 2?

Những lí lẽ và bằng chứng trong phần 2	
Lí lẽ	Bằng chứng

Dự kiến:

Những lí lẽ và bằng chứng trong phần 2	
Lí lẽ	Bằng chứng
Bề mặt quả đất mênh mông là nước nhưng đó là nước mặn chứ không phải nước ngọt, lại càng không phải là nước sạch mà con người và động vật, thực vật quanh ta có thể	+ Hầu hết trên hành tinh mà chúng ta sống là nước mặn, nước ngọt thì bị đóng băng ở Bắc Cực, Nam Cực + Do con người khai thác bừa bãi, xả bỏ rác thải, chất độc lại cứ vô tư ngấm xuống đất, thải ra sông suối lại ngày càng khan hiếm hơn nữa.

càng tăng do nhu cầu của con người và dân số tăng.

- Nguồn nước ngọt phân bố không đồng đều, có nơi lúc nào cũng ngập nước, nơi lại rất khan hiếm.
- Ý thức sử dụng của con người còn phung phí nước ngọt, chưa khai thác hợp lí.

b, Hậu quả:

-Tình trạng thiếu nước diễn ra trong sinh hoạt con người, đất đai khô cằn; cây cối, muôn vật không sống nổi.

=> Ảnh hưởng trực tiếp đến sức khỏe và kinh tế nghiêm trọng đối với con người

dùng được.		
Nước có vai trò quan trọng trong sinh hoạt hằng ngày nhưng tình cảnh thiếu nước ngọt đang ngày càng gia tăng	+ Một tấn ngũ cốc phải sử dụng 1000 tấn nước, một tấn khoai tây cần từ 500-1500 tấn nước + Để có một tấn thịt gà ít nhất cũng phải dùng tới 3500 tấn nước, còn để có một tấn thịt bò thì số nước cần sử dụng còn ghê gớm hơn 15000 đến 70000 tấn. + Thiếu nước, đất đai sẽ khô cằn, cây cối, muôn vật không sống nổi.	
Nguồn nước khan hiếm nhưng lại phân bố không đều.	Vùng núi đá Đồng Văn, Hà Giang thiếu nước ngọt bà con còn phải đi xa vài cây số để lấy nước.	
* Thực hiện nhiệm vụ - Học sinh: suy nghĩ , trả lời - Giáo viên: nghe, quan sát, gọi nhận xét * Báo cáo kết quả: HS trả lời miệng, trình bày kết quả. HS khác nghe nhận xét, đánh giá.		
* Đánh giá kết quả - Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá - Giáo viên nhận xét, đánh giá		
Qua văn bản Khan hiếm nước ngọt, người viết thể hiện thái độ như thế nào đối với vấn đề nước ngọt? Qua văn bản Khan hiếm nước ngọt, người viết thể hiện thái độ trân trọng nước ngọt, phê phán những hành động làm ô nhiễm, khan hiếm nước ngọt.		
a) Mục tiêu: Học sinh nêu nguyên nhân- hậu quả của việc khan hiếm nước ngọt b) Nội dung hoạt động: HS trả lời câu hỏi. c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời/chia sẻ của HS bằng ngôn ngữ , bằng phiếu học tập. d) Tổ chức hoạt động:		3, Nêu quan điểm và giải pháp của việc khan hiếm nước ngọt.
* Chuyển giao nhiệm vụ: Chú ý đoạn 3 ? Tác giả đã khẳng định vấn đề về khan hiếm nước ngọt như thế nào? ? Đưa ra giải pháp gì? * Thực hiện nhiệm vụ - Học sinh: suy nghĩ , trả lời - Giáo viên: nghe, quan sát, gọi nhận xét * Báo cáo kết quả: HS trả lời miệng, trình bày kết quả. HS khác nghe nhận xét, đánh giá		

* Đánh giá kết quả - Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá - Giáo viên nhận xét, đánh giá	- Khẳng định vấn đề + Nước ngọt ngày càng khan hiếm + Chi phí để có nước sạch và hợp vệ sinh rất tốn kém. - Giải pháp + Tăng cường khai thác nguồn nước ngọt. + Sử dụng hợp lý nguồn nước. + Tiết kiệm nguồn tài nguyên nước có sẵn trong tự nhiên.
HD cá nhân - KT trình bày 1 phút: * GV yêu cầu HS làm việc cá nhân thực hiện yêu cầu sau: Em hãy khái quát nghệ thuật và nội dung chính của văn bản?	III. Tổng kết 1, Nghệ thuật. Sử dụng thành công văn nghị luận xã hội để phản ánh một sự việc, hiện tượng trong cuộc sống qua phương pháp lập luận thông qua số liệu, dẫn chứng cụ thể đầy thuyết phục. 2, Nội dung Văn bản là hồi chuông báo động cho thực trạng khan hiếm nước ngọt trên toàn cầu. Đồng thời là thức tỉnh bài học nhận thức của mỗi chúng ta về thực trạng khan hiếm nước ngọt.

3. Hoạt động 3: Luyện tập

a) Mục tiêu: Học sinh vận dụng kiến thức đã học vào làm bài tập

b) Nội dung hoạt động:

- HS luyện đọc kĩ một đoạn trích trong văn bản và thực hiện các nhiệm vụ/trả lời các câu hỏi, bài tập để rèn kĩ năng đọc hiểu văn bản.

c) Sản phẩm học tập:

- Câu trả lời của các câu hỏi, bài tập.

d) Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Nội dung cần đạt
* Chuyển giao nhiệm vụ: Bài tập 1: Văn bản Khan hiếm nước ngọt viết về vấn đề gì? Vấn đề có được nêu khái quát ở phần nào? Tên văn bản và vấn đề đặt ra trong có liên quan như thế nào? Bài tập 2: Viết đoạn văn khoảng 8-10 dòng về chủ đề môi trường, có sử dụng thành ngữ “nhiều như nước”. * HS thực hiện nhiệm vụ. HS suy nghĩ * Nhận xét sản phẩm, bổ sung. -HS đưa ra quan điểm cá nhân và lí giải lí do yêu thích	III, Viết kết nối với đọc Bài 1: - Văn bản nói về vấn đề tình trạng khan hiếm nước ngọt trên thế giới - Vấn đề đó được nêu khái quát ở phần 1. - Tên văn bản chính chính là nội dung của văn bản Bài 2: Viết đoạn văn khoảng 8-10

nhân vật nào HS trả lời, nhận xét, bày tỏ * Chuẩn kiến thức. Tham khảo đoạn văn: Môi trường có một tầm quan trọng đối với cuộc sống của nhân loại. Hiện nay, việc đất đai bị ô nhiễm chủ yếu do con người sử dụng các chất hóa học như thuốc trừ sâu, thuốc bảo vệ thực vật dùng trong sản xuất, làm ngấm xuống đất. Tiếp đến là nguồn nước - nhiều người cho rằng chẳng có gì “như nhiều nước”. Thực tế nguồn nước ngọt phục vụ cho cuộc sống của con người trên trái đất đang ngày càng khan hiếm. Việc các nhà máy không xử lý hóa chất mà đã thải chất bẩn ra sông, biển khiến nguồn nước nhiễm bẩn. Các loại thuốc trừ sâu, bảo vệ thực vật ngấm xuống mạch nước ngầm gây ô nhiễm nguồn nước sạch. Cuối cùng là môi trường không khí hiện nay cũng đang bị ô nhiễm rất lớn bởi khí thải của các phương tiện giao thông, các nhà máy chưa qua xử lý. Điều đó làm tăng khả năng mắc các bệnh về hô hấp ở con người. Chính vì vậy, mỗi người hãy tích cực bảo vệ môi trường vì cuộc sống của chính mình.	dòng về chủ đề môi trường, có sử dụng thành ngữ “như nhiều nước”.
--	---

4. Hoạt động 4: Vận dụng

a) Mục tiêu: HS hiểu được kiến thức trong bài học để vận dụng vào thực tế.

b) Nội dung: Chia sẻ suy nghĩ

c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời

d) Tổ chức thực hiện:

*** Giao nhiệm vụ học tập:** So với những điều em biết về nước, văn bản cho em hiểu thêm được những gì?

*** Thực hiện nhiệm vụ:** HS suy nghĩ, hình thành và triển khai ý tưởng, tư duy độc lập...

DỰ KIẾN: So với những điều em biết về nước, văn bản cho em hiểu thêm được vai trò của nguồn nước, thực trạng nguồn nước đang diễn ra trên thế giới.

*** Báo cáo kết quả:** GV gọi bất kì cá nhân nào trình bày kết quả.

Ngày dạy:

Tiết 102+103

Tiết : ÔN TẬP GIỮA KÌ 2

I. MỤC TIÊU

1. Năng lực

a, Năng lực đặc thù: Hệ thống được các kiến thức về đọc hiểu, thực hành tiếng việt và làm văn trong 8 tuần đầu của học kì 2.

b, Năng lực chung

- Năng lực tự chủ và tự học: Tìm kiếm thông tin, đọc sách giáo khoa, quan sát tranh ảnh để hệ thống được các kiến thức về đọc hiểu, thực hành tiếng việt và tập làm văn trong 8 tuần đầu của học kì.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Thảo luận nhóm để thực hiện phiếu học tập, hợp tác giải quyết vấn đề hệ thống được các kiến thức về đọc hiểu, thực hành tiếng việt và tập làm văn trong 8 tuần đầu của học kì.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Năng lực trình bày và trao đổi thông tin trước lớp.

2, Phẩm chất

- Chăm chỉ: Thích đọc sách, báo, tìm tư liệu trên mạng Internet để mở rộng hiểu biết.
- Trách nhiệm: Có ý thức học tập môn học.

II. THIẾT BỊ VÀ HỌC LIỆU

- Học liệu: Ngữ liệu/Sách giáo khoa, phiếu học tập.
- Thiết bị: Máy tính, máy chiếu.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Hoạt động 1: Mở đầu

a) Mục tiêu: Tạo tâm thế và định hướng chú ý cho học sinh; tạo vấn đề vào chủ đề

b) Nội dung hoạt động: HS trả lời câu hỏi.

c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời/chia sẻ của HS bằng ngôn ngữ

d) Tổ chức cho hoạt động:

* **Chuyển giao nhiệm vụ:** Hãy kể tên các đơn vị kiến thức các em đã được học trong chủ đề 6 và chủ đề 7

* **Thực hiện nhiệm vụ:** Hs trả lời

* **Báo cáo kết quả:** HS trình bày kết quả (cá nhân).

* **Đánh giá nhận xét, dẫn vào bài:** Hôm nay chúng ta sẽ đi ôn tập kiến thức đã học để chuẩn bị cho làm bài kiểm tra của tiết sau cho đạt kết quả cao.

2. Hoạt động 2+ 3: Ôn tập

Hoạt động của GV và HS		Nội dung cần đạt
a) Mục tiêu: củng cố kiến thức về Mở rộng chủ ngữ, Hoán dụ b) Nội dung hoạt động: Hs làm việc nhóm, HS trả lời câu hỏi. c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời/chia sẻ của HS bằng ngôn ngữ d) Tổ chức cho hoạt động:		A, PHẦN THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT
Kĩ thuật công đoạn * Chuyển giao nhiệm vụ: Nhóm 1+ 3: Nhắc lại mở rộng chủ ngữ Nhóm 2+ 4: Nhắc lại biện pháp tu từ hoán dụ * Thực hiện nhiệm vụ: Hs trả lời * Báo cáo kết quả: HS trình bày kết quả (cá nhân). * Đánh giá nhận xét, chốt kiến thức.		I, Mở rộng chủ ngữ
	Chủ ngữ	
Khái niệm	<i>Chủ ngữ</i> là một trong hai thành phần chính của câu; chỉ sự vật, hiện tượng có hoạt động, trạng thái, đặc điểm nêu ở vị ngữ.	

Các kiểu hoán dụ	Lấy bộ phận để gọi toàn thể: <i>Bàn tay ta làm nên tất cả</i> <i>Có sức người sỏi đá cũng thành cơm.</i>		
	Lấy vật chứa đựng để gọi vật bị chứa đựng: <i>Làng xóm ta xưa kia lam lũ quanh năm mà vẫn quanh năm đói rách.</i> <i>Làng xóm ta ngày nay bốn mùa nhộn nhịp cảnh làm ăn tập thể.</i>		
	Lấy dấu hiệu của sự vật để gọi sự vật: <i>Ngày Huế đỏ máu</i> <i>Chú Hà Nội về</i> <i>Tình cờ chú cháu</i> <i>Gặp nhau Hàng Bè.</i>		
	Lấy cái cụ thể để gọi cái trừu tượng: <i>Một cây làm chẳng nên non</i> <i>Ba cây chụm lại nên hòn núi cao.</i>		
a) Mục tiêu: Củng cố kiến thức về truyện đồng thoại và thơ. b) Nội dung hoạt động: Hs làm việc nhóm, HS trả lời câu hỏi. c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời/chia sẻ của HS bằng ngôn ngữ d) Tổ chức choạt động:		B, PHẦN ĐỌC HIỂU	
Kĩ thuật công đoạn * Chuyển giao nhiệm vụ: Nhóm 1+ 3: Nhắc lại các văn bản về truyện đồng thoại Nhóm 2+ 4: Nhắc lại các văn bản về thơ * Thực hiện nhiệm vụ: Hs trả lời * Báo cáo kết quả:HS trình bày kết quả (cá nhân). * Đánh giá nhận xét, chốt kiến thức.			
Thể loại	Khái niệm	Đặc điểm	Một số văn bản

Truyện đồng thoại	Là loại truyện thường lấy loài vật làm nhân vật. Các con vật trong truyện đồng thoại được các nhà văn miêu tả, khắc họa như con người (gọi là nhân cách hoá).	- Đề tài là phạm vi cuộc sống được miêu tả trong văn bản. Ví dụ: Đề tài của truyện Sự tích Hồ Gươm là đánh giặc cứu nước. - Chủ đề là vấn đề chính được thể hiện trong văn bản. Ví dụ: Chủ đề của truyện Sự tích Hồ Gươm là tinh thần yêu nước và khát vọng hoà bình của nhân dân ta.	- <i>Bài học đường đời đầu tiên</i> - <i>Giọt sương đêm</i> - <i>Câu chuyện của hạt Dẻ Gai</i> - <i>Anh Cút Lủi</i>
Thơ (có yếu tố tự sự, miêu tả)	Thơ có yếu tố tự sự, miêu tả là thơ trong đó người viết thường kể lại sự việc và miêu tả sự vật; qua đó, thể hiện tình cảm, thái độ của mình.	- Ngôn ngữ thơ cô đọng, giàu nhạc điệu và hình ảnh, sử dụng nhiều biện pháp tu từ (so sánh, ẩn dụ, điệp ngữ...) - Nội dung chủ yếu của thơ là tình cảm, cảm xúc của nhà thơ trước cuộc sống.	- <i>Đêm nay Bác không ngủ</i> - <i>Lượm</i> - <i>Chuyện cổ tích về loài người</i>

- a) Mục tiêu: củng cố kiến thức về kiểu bài kể lại một trải nghiệm đáng nhớ.
- b) Nội dung hoạt động: Hs làm việc nhóm, HS trả lời câu hỏi.
- c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời/chia sẻ của HS bằng ngôn ngữ
- d) Tổ chức hoạt động:

C, PHẦN LUYỆN VẤN
Kiểu bài : Kể lại một trải nghiệm đáng nhớ (một chuyến đi đáng nhớ)
Viết đoạn văn ghi lại cảm xúc về một bài thơ có yếu tố tự sự, miêu tả

3, Hướng dẫn quy trình viết

STT	Tên bước	Nội dung cần thực hiện
1	Chuẩn bị trước khi viết	- Đọc và xác định yêu cầu của bài tập về kiểu bài, nội dung và dung lượng bài viết. - Nhớ lại một chuyến đi có nhiều kỉ niệm của em. - Tìm các ảnh về chuyến đi (nếu có).

2	Tìm ý và lập dàn ý	- Tìm ý bằng cách đặt ra và trả lời các câu hỏi như: + Chuyến đi diễn ra trong hoàn cảnh nào (đi với ai, đi tham quan hay đi du lịch, khi nào, đi đâu)? + Chuyến đi đã diễn ra thế nào (gặp ai, nhìn thấy gì, có hoạt động nào, có chuyện gì đáng nhớ,...)? + Cảm xúc, thái độ, ấn tượng của em trong chuyến đi như thế nào? - Lập dàn ý: lựa chọn các ý đã tìm được và sắp xếp theo ba phần của bài văn. Tham khảo cách lập dàn ý sau: + Mở bài: Nêu khái quát về chuyến đi đáng nhớ mà em muốn kể. + Thân bài: • Nêu lí do có chuyến đi đáng nhớ. • Kể lại hành trình chuyến đi: bắt đầu, trên đường đi, điểm đến,... • Kể lại sự việc đáng nhớ hoặc miêu tả quang cảnh thiên nhiên, di tích lịch sử, danh lam thắng cảnh,... ở những nơi em đã đi qua. + Kết bài: • Điều gì đáng nhớ nhất ở chuyến đi? • Suy nghĩ về bài học rút ra từ chuyến đi hoặc mong ước về những chuyến đi bổ ích, lí thú tiếp theo,...
3	Viết bài	- Dựa vào dàn ý đã lập để viết bài văn kể lại một chuyến đi đáng nhớ. - Lưu ý: + Sử dụng các từ ngữ thể hiện được trình tự thời gian hoặc diễn biến sự việc; các từ láy, từ tượng hình, tượng thanh để đặc tả được các sự vật, hiện tượng, hoạt động được đề cập; chú ý các từ liên kết giữa các phần, các đoạn. + Thể hiện những cảm xúc và suy nghĩ của bản thân một cách chân thực, tự nhiên.
4	Xem lại và chỉnh sửa, rút kinh nghiệm	- Kiểm tra: + Kiểm tra lại xem bài viết đã đầy đủ, chính xác như yêu cầu của đề bài và dàn ý hay chưa. + Xác định những chỗ mắc các lỗi về chính tả, dùng từ, ngữ pháp, liên kết câu,... và nêu cách sửa chữa.
		II, Viết đoạn văn ghi lại cảm xúc về một bài thơ có yếu tố tự sự, miêu tả 1, Khái niệm Viết đoạn văn ghi lại cảm xúc về một bài thơ có yếu tố tự sự, miêu tả là nêu lên những suy nghĩ và rung

động của em về bài thơ đó.
Đoạn văn có thể chỉ nêu cảm xúc về một chi tiết nội dung hoặc nghệ thuật của bài thơ có yếu tố tự sự, miêu tả mà em có ấn tượng và yêu thích.

2, Yêu cầu đối với kiểu bài

- Đảm bảo yêu cầu về hình thức của đoạn văn.
- Trình bày cảm xúc về một bài thơ có yếu tố tự sự, miêu tả
- Sử dụng ngôi thứ nhất để chia sẻ cảm xúc.
- Đoạn văn có ba phần:

+ Mở đoạn: Nêu tên bài thơ, tác giả và cảm nghĩ chung của em về bài thơ.

+ Thân đoạn:

Chỉ ra nội dung hoặc nghệ thuật cụ thể của bài thơ khiến em yêu thích và có nhiều cảm xúc, suy nghĩ.
Nêu các lí do khiến em yêu thích.

+ Kết đoạn: Khái quát lại cảm nghĩ của bản thân về ý nghĩ của bản thân về ý nghĩa bài thơ.

Hướng dẫn quy trình viết

STT	Tên bước	Nội dung cần thực hiện
1	Chuẩn bị trước khi viết	- Xem lại nội dung văn bản; chú ý hoàn cảnh ra đời của bài thơ. - Chú ý các yếu tố tự sự, miêu tả trong bài thơ và tác dụng của chúng.
2	Tìm ý và lập dàn ý	- Tìm ý cho đoạn văn bằng cách đặt và trả lời các câu hỏi như: + Em thích chi tiết nội dung hoặc yếu tố nghệ thuật nào trong bài thơ? Em có thích các yếu tố tự sự, miêu tả trong bài thơ này không? Vì sao em thích?

3	Viết bài	Viết đoạn văn theo dàn ý đã lập. Chú ý khai thác các yếu tố tự sự, miêu tả và tác dụng của chúng trong bài thơ; thể hiện và diễn tả cảm nghĩ của em một cách xúc động, trung thực.
4	Xem lại và chỉnh sửa, rút kinh nghiệm	- Kiểm tra lại đoạn văn đã viết, tự phát hiện các lỗi về nội dung (thiếu ý, trùng lặp ý,...) và hình thức (chính tả, ngữ pháp,...). - Xác định và nêu cách sửa những chỗ mắc lỗi.
		Sai lầm thường gặp: Không phân biệt được biện pháp tu từ ẩn dụ và biện pháp tu từ hoán dụ a. Nguyên nhân và ví dụ • Nguyên nhân: Chúng đều là biện pháp tu từ giúp sự diễn đạt thêm sinh động, tăng sự gợi cảm gợi hình và được tạo ra bằng việc thay đổi tên gọi của sự vật này (A) bằng tên gọi của sự vật khác (B). * Cách phân biệt Khi xử lí dạng bài tập về biện pháp tu từ ẩn dụ và hoán dụ, học sinh cần theo hai bước: Bước 1: Từ yếu tố đã cho trong văn bản, học sinh cần tìm ra yếu tố bị ẩn đi hay tên gọi ban đầu của nó dựa vào văn cảnh và ngữ cảnh. Bước 2: Xét mối quan hệ giữa hai yếu tố để khẳng định đó là ẩn dụ hay hoán dụ. Chú ý: “<i>Bản chất của ẩn dụ đó là phép so sánh ngầm. Vậy khi ta đã khôi phục được hai hình ảnh A và B, ta thử đặt 1 từ so sánh giữa chúng, nếu hợp lý thì rõ ràng mối quan hệ giữa A và B là mối quan hệ tương đồng. Ta khẳng định đó là ẩn dụ. Còn ngược lại nếu ta thêm từ so sánh vào giữa A và B mà câu này không có nghĩa, không hợp lý thì ra nói đây là biện pháp tu từ hoán dụ.</i>” * Phân tích ví dụ Phân tích ví dụ, tìm biện pháp tu từ trong hai câu thơ: <i>Tay ta tay búa tay cày</i> <i>Tay gươm, tay bút dựng xây nước mình.</i> Trước hết cần xác định được hình ảnh, từ ngữ đã được thay thế trước. Ta dễ dàng nhận thấy các dấu hiệu “<i>tay búa</i>”, “<i>tay cày</i>”, “<i>tay gươm</i>”, “<i>tay bút</i>” là những từ đã bị thay đổi tên gọi. - Bước 1: Khôi phục lại từ đã bị ẩn đi. Chúng ta có thể dễ dàng liên tưởng hình ảnh tay búa là người cầm búa, tay cày là người cầm cày, tay gươm là người cầm gươm, còn tay bút sẽ là người cầm bút. - Bước 2: Thử mối quan hệ giữa 2 bên A, B

Khi thêm từ so sánh “*Tay búa như người cầm búa*” không hợp lý. Tay búa không thể giống như người cầm búa được, bởi một cái là một bộ phận còn kia là cả một con người, mối quan hệ này không thể là mối quan hệ tương đồng.
=> Vậy đây không phải là biện pháp tu từ ẩn dụ mà phải là phép tu từ hoán dụ.

LUYỆN TẬP:

Bài 1: Xác định biện pháp tu từ được sử dụng trong từng trường hợp sau

a. *Một tiếng chim kêu sáng cả rừng.*

b. *Mồ hôi mà đổ xuống đồng*

Lúa mọc trùng trùng sáng cả đồi nương.

c. *Thân em vừa trắng lại vừa tròn*

Bảy nổi ba chìm với nước non.

d. *Vì sao? Trái Đất nặng ân tình*

Nhắc mãi tên Người: Hồ Chí Minh

Gợi ý:

a. Ẩn dụ: Tiếng chim kêu như một chiếc chuông, một chiếc đồng hồ báo thức đánh thức, gọi dậy vạn vật khiến cả khu rừng bừng sáng lên.

b. Hoán dụ: Hình ảnh “*mồ hôi*” được dùng để chỉ công sức, sự vất vả của người nông dân.

c. Ẩn dụ: Hình ảnh chiếc bánh trôi “*vừa trắng lại vừa tròn*” giống với vẻ đẹp ngoại hình của người phụ nữ; Cách luộc bánh trôi bảy phần nổi, ba phần chìm cũng giống như cuộc đời chìm nổi, phụ thuộc của người phụ nữ trong xã hội xưa.

d. Hoán dụ: Hình ảnh “*Trái Đất*” được dùng để chỉ toàn bộ nhân dân Việt Nam, và rộng lớn hơn là cả nhân loại.

Bài 2: . Đọc văn bản sau và trả lời câu hỏi:

Biết chị Cốc đi rồi, tôi mới mon men bò lên. Trông thấy tôi, Dế Choắt khóc thảm thiết.

Tôi hỏi một câu ngớ ngẩn:

- Sao? Sao? Choắt không dậy được nữa, nằm thoi thóp. Thấy thế tôi hốt hoảng quỳ xuống, nâng đầu Choắt lên mà than rằng:

- Nào tôi đâu biết cơ sự lại ra nông nổi này! Tôi hối lắm. Tôi hối hận lắm! Anh mà chết là chỉ vì cái tội ngông cuồng dại dột của tôi. Tôi biết làm thế nào bây giờ?

Tôi không ngờ Dế Choắt nói với tôi một câu như thế này:

- Thôi tôi ốm yếu quá rồi, chết cũng được. Nhưng trước khi nhắm mắt, tôi khuyên anh: ở đời mà có thói hung hăng bậy bạ, có óc mà không biết nghĩ, sớm muộn rồi cũng mang vạ vào mình đấy.

Thế rồi Choắt tắt thở. Tôi thương lắm. Vừa thương vừa ăn năn tội mình. Giá tôi không trêu chị Cốc thì Choắt đâu đến nỗi. Cả tôi nữa, nếu không nhanh chạy vào hang thì tôi cũng chết toi rồi.

Tôi đem xác Dế Choắt đến chôn vào một vùng cỏ bùm tùm. Tôi đắp thành nấm mồ to. Tôi đứng lặng giờ lâu, nghĩ về bài học đường đời đầu tiên.”

1, Em hãy cho biết đoạn trích trên được kể bằng lời nhân vật nào? Kể theo ngôi thứ mấy?

2, Em hãy ghi lại lời nói của nhân vật Dế Mèn thể hiện tâm trạng ăn năn, hối hận khi chứng kiến cái chết của Dế Choắt.

3, Sau cái chết của Dế Choắt, Dế Mèn đã nhận được “*bài học đường đời đầu tiên*”. Theo em, bài học đó là gì?

4, Nếu gặp một người bạn có đặc điểm như Dế Choắt (sức khỏe yếu, hình thể có khiếm khuyết, tính cách nhút nhát, yếu đuối,...) em sẽ đối xử với bạn như thế nào?

Gợi ý:

1,

- Đoạn trích trên được kể bằng lời của nhân vật Dế Mèn, theo ngôi kể thứ nhất.
- Tác dụng của việc kể theo ngôi kể ấy:
 - + Tạo nên sự khách quan cho câu chuyện, làm cho câu chuyện trở nên gần gũi, chân thực hơn.
 - + Lộ tả chính xác cảm xúc, tâm tư của nhân vật.

2, Lời nói của nhân vật Dế Mèn thể hiện tâm trạng ăn năn, hối hận khi chứng kiến cái chết của Dế Choắt

- *Nào tôi đâu biết cơ sự lại ra nông nổi này! Tôi hối lắm! Tôi hối hận lắm! Anh mà chết là chỉ tại cái tội ngông cuồng dại dột của tôi. Tôi biết làm thế nào bây giờ?*

3, Sau cái chết của Dế Choắt, Dế Mèn đã nhận được bài học: không nên kiêu ngạo, hung hăng, nghịch ngợm tai quái mang tai vạ đến cho người khác và cho chính bản thân mình.

4, Nếu gặp một người bạn có đặc điểm như Dế Choắt:

- Em sẽ yêu thương và giúp đỡ bạn.
- Chia sẻ cùng bạn những công việc khó khăn.

Bài 3:

1. Tìm chủ ngữ là cụm danh từ trong những câu dưới đây. Xác định thành tố chính và các thành tố phụ trong mỗi cụm từ đó.

- a. Những cái vuốt ở chân, ở khoeo cứ cứng dần và nhọn hoắt.
- b. Từ trong hốc đá, một mụ nhện cái to nhất cong chân nhảy ra.
- c. Một cơn dông tố kinh khủng kéo đến, mặt biển nổi sóng ầm ầm.
- d. Gương mặt mẹ tôi vẫn tươi sáng với đôi mắt trong.

Thành tố phụ trước	Từ trung tâm	Thành tố phụ sau

Gợi ý:

Thành tố phụ trước	Từ trung tâm	Thành tố phụ sau
<i>Những</i>	<i>cái vuốt</i>	<i>ở chân, ở khoeo</i>
<i>một</i>	<i>mụ nhện</i>	<i>cái to nhất.</i>
<i>Một</i>	<i>cơn dông tố</i>	<i>kinh khủng</i>
	<i>gương mặt</i>	<i>mẹ tôi</i>
<i>đôi</i>	<i>mắt</i>	<i>trong</i>

Bài 4: Chỉ ra phép hoán dụ trong những câu thơ, câu văn sau và cho biết mối quan hệ giữa các sự vật trong phép hoán dụ là gì

- a. *Cả nhà ăn cơm trong hương lúa đầu mùa từ đồng Chỗ thoáng về;...*

(Lao xao ngày hè – Duy Khán)

b, Kháng chiến ba ngàn ngày không nghỉ Bắp chân, đầu gối vẫn săn gân (Ta đi tới – Tố Hữu)
c, Bỗng lòe chớp đỏ
Thôi rồi, Lượm ơi
Chú đồng chí nhỏ
Một dòng máu tươi

(Trích *Lượm* – Tố Hữu)

Gợi ý:

Ý	Phép hoán dụ	Mối quan hệ giữa các sự vật
a	<i>Cả nhà</i> – những người ở trong nhà	Quan hệ giữa vật chứa đựng với vật bị chứa đựng
b	<i>Bắp chân, đầu gối</i> – những người lính/ người chiến sĩ	Quan hệ giữa bộ phận với toàn thể.
c	<i>chớp đỏ</i> - bom nổ, đạn rơi <i>dòng máu tươi</i> – sự hi sinh	Quan hệ giữa dấu hiệu của sự vật với sự vật

Câu 5: Hãy viết bài văn kể lại một chuyến đi đáng nhớ của em

1, Về hình thức:

- Đảm bảo bố cục của một bài văn: Mở bài – Thân bài – Kết bài
- Bài văn không mắc lỗi diễn đạt, dùng từ, chính tả, ngữ pháp.

2, Về nội dung

a. Mở bài:

Nêu nhận xét khái quát về chuyến đi đáng nhớ mà em muốn kể.

(Gợi ý:

- *Em đã được đi tham quan nhiều nơi nhưng chuyến đi dã ngoại cùng với lớp đến thăm Vườn Quốc gia Cúc Phương khiến em nhớ mãi.*
- *Chuyến đi khiến em hiểu thêm về vẻ đẹp của đất nước, hiểu thêm về các bạn trong lớp.)*

b, Thân bài

- Nêu lí do có chuyến đi đáng nhớ.

(Gợi ý:

+ *Chuyến đi này do trường em tổ chức để giúp học sinh có trải nghiệm thực tế về thảm thực vật ở Vườn Quốc Gia Cúc Phương và phục vụ cho việc hoàn thành dự án môn Sinh học.)*

* Kể lại hành trình chuyến đi: bắt đầu, trên đường đi, điểm đến,... (Gợi ý:

- *Trước chuyến đi: Cả lớp ai cũng mong ngóng, chờ đợi.*
- + *Cô giáo giao cho mỗi tổ chuẩn bị một vài món ăn tự làm để thi “Khéo tay hay làm”.*
- + *Sau khi tham quan sẽ có cuộc thi hiểu biết về Vườn Quốc gia Cúc Phương nên ai cũng hào hứng.*
- *Trên đường đi:*
- + *Em cảm nhận được sự vui vẻ, náo nức của các bạn. Cả lớp cùng chơi trò chơi và ngắm cảnh đẹp hai bên đường.*

+ Em thấy Tổ quốc ta thật tươi đẹp, cây cối xanh tốt, trù phú, đồng ruộng thẳng cánh cò bay, những dòng sông êm đềm chảy quanh xóm làng.

+ Mỗi địa phương đi qua, cô giáo lại cung cấp thêm cho chúng em vài nét cơ bản về truyền thống lịch sử, nét đẹp nổi bật của địa phương đó.

- Tới địa điểm tham quan:

+ Chúng em vô cùng vui sướng được chiêm ngưỡng cảnh núi rừng hùng vĩ mà thơ mộng).

* Kể lại sự việc đáng nhớ hoặc miêu tả quang cảnh thiên nhiên, di tích lịch sử, danh lam thắng cảnh,... ở những nơi em đã đi qua.

(Gợi ý:

-Chúng em được đến thăm động Người xưa, ngắm cây trò chỉ 100 tuổi với nhiều loài thực vật, động vật phong phú.

- Đến lúc cắm trại, 4 tổ đã dựng lều rất nhanh và đẹp (do được tập từ ở nhà).

- Các bạn trở tài nấu nướng. Thật bất ngờ khi em thấy bạn Trang bốn rất ít giao tiếp, ít nói lại khéo tay. Hỏi han tâm sự, chúng em mới biết gia đình bạn rất khó khăn, bạn cùng mẹ phải nấu và bán cơm bình dân thuê để kiếm sống. Ai cũng thương bạn và thấy mình thật là vô tâm.

- Khi thuyết trình về khu dã ngoại, em đã chiến thắng sự nhút nhát lên trình bày về tham thực vật của rừng Cúc Phương (điều này em đã được qua tài liệu của bố ở nhà). Các bạn đã động viên em nhiệt tình. Em được cô giáo khen và trao giải nhất. Lòng em thật hạnh phúc, vui sướng.

- Kết thúc buổi dã ngoại, chúng em thu xếp đồ đạc lên ô tô ra về.)

c, Kết bài: Điều gì đáng nhớ nhất ở chuyến đi?

- Suy nghĩ về bài học rút ra từ chuyến đi hoặc mong ước về những chuyến đi bổ ích, lí thú tiếp theo.

(Gợi ý:- Chuyến tham quan khiến tập thể lớp hiểu nhau hơn, thêm gắn bó và yêu quý nhau.

- Em thêm tự tin để tiếp tục mơ ước trở thành một nhà sinh vật học trong tương lai.)

- Về ôn tập chuẩn bị buổi sau làm bài kiểm tra 24 tuần.

Ngày dạy:

Tiết 104+105 : KIỂM TRA GIỮA KÌ 2

I.MỤC TIÊU

1.Kiến thức: Hs biết vận dụng những kiến thức đã học về thể thơ lục bát, hiểu nội dung của bài thơ và vận dụng kiến thức đã học về các biện pháp nghệ thuật để làm bài.

- Biết cách kể về một trải nghiệm của bản thân.

2. Năng lực: Học sinh làm được các bài kiểm tra thông qua các nội dung đã học.

3. Phẩm chất: Nghiêm túc khi làm bài, bày tỏ được tình cảm của mình trong khi làm bài.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- **GV:** Tài liệu tham khảo, đề bài, đáp án, photo đề.

- **HS:** Soạn bài ở nhà và chuẩn bị tốt cho tiết kiểm tra.

III. TIẾN TRÌNH

MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KỲ II

MÔN: NGỮ VĂN LỚP 6 – THỜI GIAN LÀM BÀI: 90 PHÚT

	Mức độ	Tổng
--	--------	------

Chủ đề		Biết	Hiểu	Vận dụng	số
Đọc hiểu	Văn bản thơ (tương đương về đề tài, thể thơ với các văn bản trong SGK)	- Nhận biết được thể thơ, phương thức biểu đạt. - Nhận biết được từ láy trong bài thơ.	- Nêu được chủ đề của bài thơ. - Hiểu quan niệm của nhà thơ về tình bạn đẹp		
	Số câu Số điểm Tỉ lệ	2 1,5 15%	2 1,5 15%		4 3,0 30%
Viết	Viết đoạn văn nghị luận xã hội Viết bài văn tự sự.			Viết đoạn văn suy nghĩ về tình bạn. Kể lại một trải nghiệm của bản thân	2,0 5,0
	Số câu Số điểm Tỉ lệ			2 7,0 70%	2 7,0 70%
Tổng số		2 1,5 15%	2 1,5 15%	2 7,0 70%	6 10 100%

PHÒNG GD&ĐT BA VÌ
TRƯỜNG THCS CỎ ĐỎ

(Đề thi gồm có 02 trang)

ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ II

Môn: NGỮ VĂN

(Thời gian làm bài: 90 phút)

I. Phần đọc - hiểu (3,0 điểm).

Đọc ngữ liệu sau và trả lời các câu hỏi:

Tình bạn

Tình bạn như phép nhiệm màu
Giúp ta xích lại gần nhau trong đời
Cùng bạn dạo cảnh rong chơi
Trên môi luôn thắm nụ cười đẹp tươi
Gặp nhau vui lắm bạn ơi
Cười đùa nắc nẻ thành thơ yên bình
Gạt buồn khơi lấy niềm tin
Tìm trong vạt nắng một tình bạn thân
Niềm vui nhân gấp bội lần

Khi tình bạn đẹp không phân sang hèn..
(Axeng)

Câu 1 (1,0 điểm) Bài thơ trên viết theo thể thơ gì? Nêu phương thức biểu đạt chính của bài thơ?

Câu 2 (0,5 điểm) Nêu nội dung chính của bài thơ?

Câu 2 (0,5 điểm) Chỉ ra từ láy có trong đoạn thơ?

Câu 4 (1,0 điểm) Nhà thơ quan niệm như thế nào là một tình bạn đẹp? Tìm những chi tiết, hình ảnh thơ thể hiện điều đó?

Phần II. Làm văn (7.0 điểm)

Câu 1 (2,0 điểm) Suy nghĩ của em về vai trò của tình bạn (5- 7 câu)

Câu 2 (5,0 điểm) Hãy kể lại một trải nghiệm của em khiến em nhớ mãi.

HƯỚNG DẪN CHẤM

Câu	Nội dung cần đạt	Điểm
Phần đọc hiểu		
1	- Bài thơ trên viết theo thể thơ: Lục bát.	0.5
	- Phương thức biểu đạt chính của bài thơ: biểu cảm.	0.5
2	Nội dung chính của bài thơ: Nhà thơ đã nói lên được vai trò, ý nghĩa quan trọng của tình bạn trong cuộc sống.	0,5
3	Từ láy có trong đoạn thơ: <i>nắc nẻ, thanh thoi</i>	0,5
4	-Theo quan niệm của tác giả, tình bạn đã đem đến cho chúng ta những điều thú vị, đẹp đẽ trong cuộc sống, giúp chúng ta có tinh thần lạc quan, tin yêu hơn vào cuộc đời.	0,5
	- Biểu hiện: + Tình bạn như phép nhiệm màu giúp ta xích lại gần nhau. + Cùng bạn rong chơi, môi luôn thắm nụ cười đẹp tươi, cười đùa nắc nẻ thanh thoi yên bình. + Khơi lấy niềm tin, niềm vui nhân gặp bội lần.	0,5
Phần Tạo lập văn bản		
1	<i>a. Đảm bảo thể thức, dung lượng yêu cầu của một đoạn văn</i>	0.25
	<i>b. Xác định đúng nội dung chủ yếu cần trình bày suy nghĩ.</i>	0,25
	<i>c. Triển khai hợp lý nội dung đoạn văn. Có thể viết đoạn văn theo hướng sau:</i> - Tình bạn là mối quan hệ không thể thiếu trong đời sống của tất cả chúng ta. - Biểu hiện: + Đồng hành cùng nhau trong học tập. + Cùng nhau tham gia và thực hiện những hoạt động chung, nhóm, câu lạc bộ. + Chia sẻ tâm tư nguyện vọng, niềm vui nỗi buồn với nhau. + Tình bạn là động lực để ta noi gương bạn, hỗ trợ nhau học tập. + Tình bạn giúp ta hoàn thiện nhân cách. Nhờ tình bạn, ta trưởng thành hơn, giàu nghị lực hơn trong cuộc sống, giúp ta cảm thấy cuộc sống trở nên vô cùng ý nghĩa.	1.0
	<i>d. Sáng tạo: Cách diễn đạt độc đáo, có suy nghĩ riêng về vấn đề yêu</i>	0,25

	<i>câu.</i>	
	<i>e. Chính tả, dùng từ, đặt câu: Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp, ngữ nghĩa Tiếng Việt.</i>	0,25
2	<i>a. Đảm bảo cấu trúc của một bài văn: Có đầy đủ các phần: Mở bài, Thân bài, Kết bài.</i>	0,25
	<i>b. Xác định đúng vấn đề yêu cầu.</i>	0,25
	<i>c. Triển khai vấn đề rõ ràng, đầy đủ, thể hiện sự nhận thức sâu sắc và vận dụng tốt các kiến thức tập làm văn đã học để làm bài đạt hiệu quả cao. Có thể triển khai theo hướng sau: 1. Mở bài: Giới thiệu trải nghiệm 2. Thân bài: Triển khai các sự việc đã trải nghiệm theo một trình tự hợp lí Bài văn có thể trình bày theo nhiều cách khác nhau nhưng cần thể hiện được những nội dung sau: - Đó là câu chuyện gì? Xảy ra khi nào ? Ở đâu ? - Những ai có liên quan đến câu chuyện ? Họ đã nói và làm gì ? - Điều gì đã xảy ra ? Theo thứ tự nào ? - Vì sao câu chuyện lại xảy ra như vậy ? - Cảm xúc của em khi câu chuyện diễn ra và khi kể lại câu chuyện ? - Bài học rút ra... 3. Kết bài: Kết thúc trải nghiệm, cảm xúc, suy nghĩ.</i>	4,0
	<i>d. Sáng tạo: Cách diễn đạt độc đáo, có suy nghĩ riêng về vấn đề yêu cầu.</i>	0,25
	<i>e. Chính tả, dùng từ, đặt câu: Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp, ngữ nghĩa Tiếng Việt.</i>	0,25

C. Gv thu bài và nhận xét giờ làm bài.

D. HD và giao nhiệm vụ về nhà:

- Ôn lại các nội dung đã học.

- Chuẩn bị trước bài tập thực hành tiếng Việt: Từ Hán Việt, Văn bản, đoạn văn.

Ngày dạy:

Tiết 106+107

THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT: VĂN BẢN- ĐOẠN VĂN

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

- Nhận biết các từ Hán Việt
- Nhận biết nghĩa của một số yếu tố Hán Việt thông dụng và từ có yếu tố Hán Việt.
- Biết cách trình bày đúng hình thức một đoạn văn, văn bản.
- Nhận biết được câu chủ đề của đoạn văn, văn bản

2. Năng lực

a. Năng lực chung:

- Năng lực tự chủ và tự học: Tìm kiếm thông tin, đọc sách giáo khoa, quan sát tranh ảnh để tìm hiểu nội dung bài học.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Thảo luận nhóm để thực hiện phiếu học tập, hợp tác giải quyết vấn đề để tìm hiểu biện pháp tu từ ẩn dụ, hoán dụ và tác dụng của chúng.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Năng lực trình bày và trao đổi thông tin trước lớp.

b. Năng lực đặc thù: Biết cách viết một đoạn văn theo chủ đề, có sử dụng câu chủ đề

3. Phẩm chất:

- **Chăm chỉ:** Có ý thức vận dụng kiến thức, kỹ năng học được ở nhà trường, trong sách báo và từ các nguồn tin cậy khác vào học tập và đời sống hằng ngày.

- **Trách nhiệm:** Có ý thức trân trọng, giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU.

- Học liệu: Ngữ liệu/Sách giáo khoa, phiếu học tập.

- Thiết bị: Máy tính, máy chiếu.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Hoạt động 1: Mở đầu

a) Mục tiêu: Tạo tâm thế và định hướng chú ý cho học sinh; tạo vấn đề vào chủ đề

b) Nội dung hoạt động: HS tìm hiểu ví dụ

c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời/chia sẻ của HS bằng ngôn ngữ

d) Tổ chức hoạt động:

* Chuyển giao nhiệm vụ:

- Đọc đoạn trích dưới đây và thực hiện yêu cầu bên dưới: Đẻ lửa có màu đỏ, nhỏ hơn con đỉ than nhưng đánh nhau không ai bì. Trong chiến trận, đẻ lửa nổi tiếng lì đòn. Đẻ lửa có hàm răng rất khỏe, có thể cắt đứt chân những con đỉ than to gấp đôi nó.. Nhiều chú đỉ than chỉ mới thấy đẻ lửa phồng cánh gáy một tràng “rét re re”, chưa đánh đấm gì đã quay đầu bỏ chạy, lấy cọng cỏ cứng làm thế nào cũng không chịu quay lại “võ đài”.

1, Có bao nhiêu dấu câu trong văn bản trên?

2, Hãy quan sát và nêu đặc điểm hình thức và nội dung của đoạn văn trên

* **Thực hiện nhiệm vụ:** Hs trả lời câu hỏi

* **Báo cáo kết quả:** HS trình bày kết quả (cá nhân).

Dự kiến sp:

1, Dấu chấm, dấu phẩy, dấu ngoặc kép.

2,

Hình thức: Viết hoa, lùi vào đầu dòng. Kết thúc bằng dấu câu để ngắt đoạn

Nội dung: Đẻ lửa có màu đỏ, nhỏ hơn con đỉ than nhưng đánh nhau không ai bì.

* **Đánh giá nhận xét, dẫn vào bài:** Với hoạt động khởi động, các em đã có hình dung ban đầu về nội dung bài học. Bài học hôm nay chúng ta sẽ cùng đi tìm hiểu “ **VĂN BẢN-**

ĐOẠN VĂN”

2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức

Hoạt động của GV và HS	Nội dung cần đạt
? Đọc tri thức Tiếng Việt trang 47 sgk ? Thế nào là văn bản? Cho các từ: một hoặc một số, thống nhất về chủ đề, đơn vị, xuống dòng, nêu chủ đề, sắp xếp, điền các từ trên vào chỗ trống. Văn bản là của hoạt động giao tiếp bằng ngôn ngữ. Thông thường, văn bản là bài nói, bài viết (lá	I, Nhắc nhớ lí thuyết 1, Văn bản Văn bản là đơn vị ngôn ngữ trình bày trọn vẹn một vấn đề trong giao tiếp. Thông thường, văn bản là bài nói, bài viết (lá đơn, bức thư, bài thơ, truyện kể, thông báo, bài văn nghị luận,...) có các bộ phận thống nhất về chủ đề (

đơn, bức thư, bài thơ, truyện kể, thông báo, bài văn nghị luận,...) có các bộ phận (xoay quanh một vấn đề nhất định), liên kết bằng những từ ngữ nhất định và đượctheo thứ tự hợp lí.

Văn bản có thể gồmđoạn văn. Mỗithể hiện một chủ đề nhỏ, hết đoạn văn phải

Ở dạng phổ biến(điển hình), đoạn văn gồm một số câu, trong đó thường có một câucủa đoạn văn(câu chủ đề), một số câu phát triển chủ đề(câu phát triển)

? Nhắc lại thế nào là đoạn văn?

xoay quanh một vấn đề nhất định), liên kết bằng những từ ngữ nhất định và được sắp xếp theo thứ tự hợp lí.

Văn bản có thể gồm một hoặc một số đoạn văn. Mỗi đoạn văn thể hiện một chủ đề nhỏ, hết đoạn văn phải xuống dòng.

Ở dạng phổ biến(điển hình), đoạn văn gồm một số câu, trong đó thường có một câu nêu chủ đề của đoạn văn(câu chủ đề), một số câu phát triển chủ đề(câu phát triển)

Nối nội dung cột A với cột B sao cho phù hợp

A	B
1. Tráng sĩ	a. Người làm thơ
2. Dũng sĩ	b. Người có sức lực cường tráng chí khí mạnh mẽ.
3. Thi sĩ	c. Người giỏi nghề vẽ.
4. Họa sĩ	d. Người dũng cảm, không ngại hiểm nguy

3, Từ Hán Việt

* Khái niệm: Là những từ mà tiếng Việt mượn từ tiếng Hán (tiếng Trung Quốc) được đọc theo cách đọc Hán Việt.

Ví dụ: sơn hà, quốc gia, vĩ đại, nhân ái

* Cấu tạo: thường không có khả năng sử dụng như một từ đơn, để tạo câu như từ thuần việt, mà thường dùng để tạo từ ghép

* Một số từ Hán Việt được Việt hóa ở mức độ cao được sử dụng như từ thuần việt.

Ví dụ: áo, quần, buồm, buông

3. Hoạt động 3: Luyện tập

a) Mục tiêu: Học sinh vận dụng kiến thức đã học vào giải bài tập

b) Nội dung hoạt động: Hs trả lời câu hỏi.

c) Sản phẩm học tập:

- Câu trả lời của các câu hỏi, bài tập.

d) Tổ chức thực hiện:

* **Chuyển giao nhiệm vụ:**

- GV phát phiếu bài tập.

* **Thực hiện nhiệm vụ:**

- HS suy nghĩ, hình thành và triển khai ý tưởng, tư duy độc lập...

* **Báo cáo kết quả:**

- GV gọi bất kì cá nhân nào trình bày kết quả.

* **Kết luận, đánh giá:**

- HS, GV đánh giá, nhận xét.

Hoạt động của GV và HS	Nội dung cần đạt
Hoạt động nhóm	Câu 1 trang 54 SGK - Từ Hán Việt: thái độ, động vật, tiêu chí, văn minh, cá nhân, cộng đồng. - “Văn minh” là trình độ phát triển đạt đến một mức nhất định của xã hội loài người, có nền văn hoá vật chất và tinh thần với những đặc trưng riêng. - Cách đối xử với động vật được coi là kém văn minh, lạc hậu: + Hủy diệt môi trường sống của động vật; + Giết hại vô tội vạ các loài động vật; + Sử dụng các đồ như sừng tê giác, răng nanh hổ, da gấu, mật gấu,... chỉ để phục vụ sở thích của bản thân. + Hành hạ động vật.
Hoạt động cá nhân	Câu 2 trang 54 SGK a) - Từ thuần Việt: đất liền, biển cả - Từ Hán Việt: đại dương, lục địa b) Các từ thuần Việt, Hán Việt thành các cặp đồng nghĩa: <i>đại dương</i> và <i>biển cả</i>, <i>đất liền</i> và <i>lục địa</i>. c) Tìm thêm hoặc đặt câu có sử dụng một trong các từ <i>đại dương</i>, <i>lục địa</i>. <i>Bề mặt của Trái Đất được bao phủ bởi 70,8% là nước biển và được chia thành 5 đại dương.</i>
Hoạt động nhóm	Câu 3 trang 54 SGK a) Chủ đề của văn bản là sự khan hiếm nước ngọt ngày nay. b) Xác định các đoạn văn và chủ đề của mỗi đoạn: - Đoạn 1 (Từ đầu đến ...nhằm to): Nhằm tường về việc không bao giờ thiếu nước trên trái đất. - Đoạn 2 (Từ Đúng là bề mặt... đến ...trập trùng núi đá): Lí do khan hiếm nước ngọt. - Đoạn 3 (Còn lại): Phương hướng giải quyết vấn đề khan hiếm nước ngọt. c) Nội dung các đoạn văn đều phục vụ làm sáng tỏ chủ đề của văn bản:

	- Đoạn 1: Giới thiệu vấn đề nước ngọt khan hiếm. - Đoạn 2: Chứng minh vì sao nước ngọt khan hiếm. - Đoạn 3: Đưa ra giải pháp tiết kiệm nước ngọt. d) Dựa vào hiểu biết về các phép liên kết đã học ở tiểu học, hãy chỉ ra và phân tích một phép liên kết câu ở một đoạn văn trong văn bản. - Ở đoạn 1, tác giả sử dụng phép liên kết câu thay thế khi chọn những từ đồng nghĩa về biển: đại dương, biển cả,...
Hoạt động cặp đôi	Câu 4 trang 54 SGK: Nhan đề phù hợp cho văn bản: Ai mới là hoa hậu thực sự?
Hoạt động nhóm	Câu 5 trang 54, 55 SGK Câu chủ đề của mỗi đoạn: a) Chăm sóc vật nuôi sẽ giúp trẻ có một cơ hội tuyệt vời để tìm hiểu về hậu quả. b) Động vật không xa lạ với cuộc sống con người; gần như mỗi chúng ta đều từng có những kí ức tuổi thơ tươi đẹp gần gũi với động vật và thiên nhiên. c) Vì vậy, khó mà tưởng tượng được rằng nếu không có động vật thì cuộc sống của con người sẽ ra sao.

4. Hoạt động 4: Vận dụng

- a) Mục tiêu: Giúp HS khắc sâu kiến thức đã học.
- b) Nội dung: HS vận dụng kiến thức đã học để làm bài tập.
- c) Sản phẩm học tập: Đoạn văn
- d) Tổ chức thực hiện:

* **Giao nhiệm vụ học tập: Câu 6 trang 55 SGK**

Bước 1: Chuẩn bị trước khi viết

Bước 2: Tìm ý, lập dàn ý

Bước 3: Viết đoạn văn

Bước 4: Xem lại và chỉnh sửa, rút kinh nghiệm.

* **Thực hiện nhiệm vụ:** HS suy nghĩ, hình thành và triển khai ý tưởng, tư duy độc lập...

* **Báo cáo kết quả:** GV gọi bất kì cá nhân nào trình bày kết quả.

* **Kết luận, đánh giá.**

Tham khảo:

Đoạn 1: Chúng ta cần sử dụng nước ngọt một cách hợp lí, tiết kiệm. Bởi vì dân số thì ngày càng tăng mà lượng nước thì lại có hạn. Chúng ta luôn lầm tưởng rằng Trái đất có nhiều đại dương lớn nên lượng nước không bao giờ hết, có thể dùng muôn đời. Thế nhưng số lượng nước ngoài đại dương là nước mặn và không thể sử dụng chúng trong sinh hoạt.

Đoạn 2: Chúng ta cần đối xử thân thiện với động vật. Động vật không chỉ có vai trò quan trọng trong đời sống con người, mà nó còn nuôi dưỡng tâm hồn, kí ức tuổi thơ của mỗi chúng ta. Vì vậy mỗi chúng ta cần yêu quý bảo vệ động vật như bảo vệ ngôi nhà chung của Trái đất, bằng những việc làm cụ thể. Tạo môi trường sống cho động vật, tham gia bảo vệ, trồng và chăm sóc cây xanh, không xả rác bừa bãi. Tuyên thủ tuyên truyền các biện pháp bảo vệ, yêu quý động vật cho bạn bè, người thân. Động vật cũng có quyền được sống giống như con người.

Ngày

**Tiết 108, 109: THỰC HÀNH ĐỌC HIỂU :
TẠI SAO NÊN CÓ VẬT NUÔI TRONG NHÀ?**

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức:

- Khái niệm văn nghị luận xã hội (trình bày một ý kiến)
- Ý kiến nghị luận, lí lẽ, bằng chứng trong văn bản
- Nhan đề, nội dung, đề tài của bài viết
- Tóm tắt được văn bản nghị luận để nắm được ý chính của văn bản

2. Năng lực

a. Năng lực chung:

- Năng lực tự chủ và tự học: Tìm kiếm thông tin, đọc sách giáo khoa, quan sát tranh ảnh để tìm hiểu về văn bản.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Thảo luận nhóm để thực hiện phiếu học tập, hợp tác giải quyết vấn đề để tìm hiểu về văn bản.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Năng lực trình bày và trao đổi thông tin trước lớp.

b. Năng lực đặc thù:

- Nhận biết được nhan đề đề cập đến nội dung, đề bài
- Nhận biết được ý chính của mỗi đoạn trong văn bản.
- Nhận biết được ý kiến, lí lẽ, bằng chứng trong văn bản
- Trình bày được mối quan hệ giữa ý kiến lí lẽ, bằng chứng dưới dạng sơ đồ
- Nhận ra được ý nghĩa vấn đề đặt ra trong văn bản đối đời sống xã hội và đối với bản thân

3. Về phẩm chất:

- *Chăm chỉ*: Có ý thức vận dụng kiến thức, kĩ năng học được ở nhà trường, trong sách báo và từ các nguồn tin cậy khác vào học tập và đời sống hằng ngày.
- *Trách nhiệm*: Yêu quý động vật, sống hòa hợp với thiên nhiên.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- Học liệu: Ngữ liệu/Sách giáo khoa, phiếu học tập.
- Thiết bị: Máy tính

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Hoạt động 1: Mở đầu

- Mục tiêu: Tạo tâm thế và định hướng chú ý cho học sinh; tạo vấn đề vào chủ đề
- Nội dung hoạt động: Quan sát tranh nêu suy nghĩ?
- Sản phẩm học tập: Câu trả lời/chia sẻ của HS bằng ngôn ngữ
- Tổ chức hoạt động:

* **Chuyển giao nhiệm vụ:** Bức tranh gợi cho em suy nghĩ gì?

* **Thực hiện nhiệm vụ:** Hs trả lời

* **Báo cáo kết quả:** Hs trả lời

Dự kiến sản phẩm: Con người và thiên nhiên phải sống hòa hợp với nhau

* **Gv kết luận và kết nối vào bài:** Bức tranh đã gợi cho chúng ta suy nghĩ rằng, con người và động vật cần phải sống thân thiện, hài hoà với nhau. Vì sao lại như vậy? Đi tìm hiểu bài học hôm nay ta sẽ có câu trả lời này.

2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới

Hoạt động của GV và HS	Nội dung cần đạt
a) Mục tiêu: học sinh nắm được những nét khái quát về văn bản. b) Nội dung hoạt động: HS trả lời câu hỏi. c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời/chia sẻ của HS bằng ngôn ngữ, bằng phiếu học tập.	I, Đọc văn bản a) <i>Thể loại</i> - Văn nghị luận xã hội (trình bày một ý kiến) b) Vấn đề nghị luận: Bảo vệ,

d) Tổ chức hoạt động: *PP, kĩ thuật: Giải quyết vấn đề, động não, làm việc nhóm thông qua phiếu bài tập. * Đọc sao cho hay? - Giọng to rõ ràng mạch lạc, dứt khoát. - Đoạn cuối đọc nhấn mạnh Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: ? Nói cột A với cột B <table border="1" data-bbox="165 533 948 965"> <thead> <tr> <th>A</th><th>B</th></tr> </thead> <tbody> <tr> <td>1. Trắc ẩn</td><td>a) Cam đoan làm đúng những điều đã hứa(cam: bằng lòng; kết: hợp lại)</td></tr> <tr> <td>2. Stress(tiếng Anh)</td><td>b) Thương xót trong lòng</td></tr> <tr> <td>3. Cam kết</td><td>c) Sự căng thẳng thần kinh do một yêu cầu, áp lực hay một tác động nào đó.</td></tr> </tbody> </table> ? Văn bản “.....” thuộc thể loại gì? ?Dựa vào nhan đề em hãy cho biết nội dung, đề tài của bài viết? ? Văn bản chia làm mấy phần? Nêu nội dung của từng phần? Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập Hs trả lời câu hỏi Bước 3: Báo cáo sản phẩm học tập Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ: - GV nhận xét và chuẩn kiến thức.	A	B	1. Trắc ẩn	a) Cam đoan làm đúng những điều đã hứa(cam: bằng lòng; kết: hợp lại)	2. Stress(tiếng Anh)	b) Thương xót trong lòng	3. Cam kết	c) Sự căng thẳng thần kinh do một yêu cầu, áp lực hay một tác động nào đó.	khẳng định, lý giải vì sao cần có vật nuôi trong nhà. c) <i>Bố cục</i> - Có 11 đoạn và 9 lí do
A	B								
1. Trắc ẩn	a) Cam đoan làm đúng những điều đã hứa(cam: bằng lòng; kết: hợp lại)								
2. Stress(tiếng Anh)	b) Thương xót trong lòng								
3. Cam kết	c) Sự căng thẳng thần kinh do một yêu cầu, áp lực hay một tác động nào đó.								
a) Mục tiêu: học sinh nắm được những bằng chứng và lí lẽ cho thấy động vật nuôi dưỡng tâm hồn trẻ thơ, gắn liền với cuộc sống con người. b) Nội dung hoạt động: HS trả lời câu hỏi. c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời/chia sẻ của HS bằng ngôn ngữ, bằng phiếu học tập. d) Tổ chức hoạt động:	II. Khám phá văn bản 1, Các lợi ích của vật nuôi trong nhà								
* Chuyển giao nhiệm vụ: PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1 (Thảo luận cặp đôi 2p) 1, Dựa vào cách trình bày văn bản để nêu khái quát các lợi ích của vật nuôi? <table border="1" data-bbox="165 1868 948 1957"> <tr> <td>Lợi ích của vật nuôi</td><td>Giảm stress</td></tr> </table> 2, Chỉ ra lí lẽ và bằng chứng trong đoạn giảm stress Phiếu học tập số 2 (thảo luận nhóm 5') * Lí lẽ lợi ích của vật nuôi trong giảm stress:	Lợi ích của vật nuôi	Giảm stress							
Lợi ích của vật nuôi	Giảm stress								

..... - Bằng chứng 1: - Bằng chứng 2: 	
* Thực hiện nhiệm vụ - Học sinh: suy nghĩ , trả lời - Giáo viên: nghe, quan sát, gọi nhận xét * Báo cáo kết quả: HS trả lời miệng, trình bày kết quả. HS khác nghe nhận xét, đánh giá	
* Đánh giá kết quả - Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá - Giáo viên nhận xét, đánh giá	+ Phát triển ý thức + Bồi dưỡng sự tự tin + Vui chơi và luyện tập + Giúp trẻ thoải mái, bình tĩnh. + Giảm stress + Cải thiện kỹ năng đọc + Tìm hiểu về hậu quả + Học cách cam kết + Tạo tính kỉ luật * Lí lẽ và bằng chứng trong đoạn giảm stress: - Lí lẽ: Loài vật cũng tỏ ra thật tuyệt vời khi có thể làm giảm stress + Cử chỉ âu yếm, vuốt ve những chú chó có thể mang đến cảm giác an toàn cho lũ trẻ + Loài mèo có thể giúp làm giảm căng thẳng và mệt mỏi cho con người + Khi chúng cọ vào người bạn, lớp lông mềm mượt cùng với tiếng : " gừ, gừ" sẽ mang đến cho bạn một cảm giác thật bình yên =>Khẳng định lợi ích, tầm quan trọng của việc nuôi một con vật trong nhà sẽ giúp trẻ học được nhiều kỹ năng sống cũng như cải thiện đời sống tinh thần.
Các lí lẽ và bằng chứng đã nêu lên trong văn bản có phù hợp với mục đích của tác giả không? Vì	

sao? - Các lí lẽ và bằng chứng đã nêu lên trong văn bản có phù hợp với mục đích của tác giả. Vì tác giả đã đưa ra những lí lẽ và bằng chứng đúng đắn có căn cứ nhằm chứng minh cho kết luận của tác giả nên nuôi động vật trong nhà.	
a) Mục tiêu: học sinh nắm được vai trò của động vật trong hệ sinh thái b) Nội dung hoạt động: HS trả lời câu hỏi. c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời/chia sẻ của HS bằng ngôn ngữ, bằng phiếu học tập. d) Tổ chức hoạt động:	2) Bài học liên hệ bản thân
* Chuyển giao nhiệm vụ ? Theo em hiểu “Hậu quả” là gì? - Hậu quả là kết quả không hay về sau. ? Nội dung hai văn bản “Tại sao nên có vật nuôi trong nhà” và “Vì sao chúng ta phải đối xử thân thiện với động vật” có điểm gì giống nhau? Điểm giống nhau ấy có ý nghĩa gì đối với em? * Thực hiện nhiệm vụ - Học sinh: suy nghĩ, trả lời - Giáo viên: nghe, quan sát, gọi nhận xét * Báo cáo kết quả: HS trả lời miệng, trình bày kết quả. HS khác nghe nhận xét, đánh giá.	
* Đánh giá kết quả - Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá - Giáo viên nhận xét, đánh giá	- Điểm giống nhau của hai văn bản chính là nội dung của hai văn bản đều hướng về đối xử, bảo vệ động vật. Điểm giống nhau ấy chính là bài học cho em, giúp em hiểu được cách nên đối xử với động vật như thế nào. => Con người cần có ý thức bảo vệ, chăm sóc, yêu quý động vật và thiên nhiên.
Qua văn bản, em thấy tác giả đồng tình hay phản đối việc nuôi động vật trong nhà? Em nhận ra điều ấy dựa vào những bằng chứng nào trong văn bản? - Qua văn bản em thấy tác giả đồng tình với việc nuôi động vật trong nhà - Em nhận ra điều đó ở việc tác giả đã đưa ra 9 lí lẽ là những tác dụng, lợi ích của việc nuôi động vật trong nhà và dùng những bằng chứng xác thực để chứng minh cho ý kiến đó.	

3. Hoạt động 3: Luyện tập

- a) Mục tiêu: Học sinh vận dụng kiến thức đã học vào làm bài tập
- b) Nội dung hoạt động:

- HS luyện đọc kĩ một đoạn trích trong văn bản và thực hiện các nhiệm vụ/trả lời các câu hỏi, bài tập để rèn kĩ năng đọc hiểu văn bản.

c) Sản phẩm học tập:

- Câu trả lời của các câu hỏi, bài tập.

d) Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Nội dung cần đạt
* Chuyển giao nhiệm vụ: Con vật mà em yêu quý nhất là con gì? Em hãy đưa ra những lí lẽ, dẫn chứng nhằm thuyết phục bố mẹ em để được nuôi con vật em yêu quý đó? * HS thực hiện nhiệm vụ. HS suy nghĩ * Nhận xét sản phẩm, bổ sung. -HS đưa ra quan điểm cá nhân và lí giải lí do yêu thích nhân vật nào HS trả lời, nhận xét, bày tỏ * Chuẩn kiến thức.	III, Viết kết nối với đọc Bài 2: Vẽ sơ đồ tư duy bài học

4. Hoạt động 4: Vận dụng

a) Mục tiêu: HS hiểu được kiến thức trong bài học để vận dụng vào thực tế.

b) Nội dung: Chia sẻ suy nghĩ

c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời

d) Tổ chức thực hiện:

*** Giao nhiệm vụ học tập:** Em đã làm gì để góp phần vào việc bảo vệ động vật?

*** Thực hiện nhiệm vụ:** HS suy nghĩ, hình thành và triển khai ý tưởng, tư duy độc lập...

*** Báo cáo kết quả:** GV gọi bất kì cá nhân nào trình bày kết quả.

Về nhà: Tìm hiểu trước bài Tự đánh giá

=====

Ngày dạy:

Tiết 110: TỰ ĐÁNH GIÁ

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

HS ôn nhớ lại kiến thức trong bài 8 và vận dụng kiến thức trong bài học để thực hiện bài tập phần Tự đánh giá (Trang 61/SGK): Kiến thức về phần văn nghị luận xã hội, viết được đoạn văn trình bày được quan điểm của mình về đặc điểm của văn nghị luận., hiểu và sử dụng được kiến thức phần Tiếng việt: Văn bản, đoạn văn, Từ Hán Việt

2 Năng lực

- Hệ thống được các kiến thức về văn nghị luận xã hội, về đọc hiểu văn bản nghị luận xã hội, thực hành tiếng việt và tạo lập đoạn văn nghị luận trong bài 8.

- Năng lực tự chủ, giao tiếp, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo.

2, Phẩm chất

- Chăm chỉ: Thích đọc sách, báo, tìm tư liệu trên mạng Internet để mở rộng hiểu biết.

- Trách nhiệm: Có ý thức học tập môn học.

II. THIẾT BỊ VÀ HỌC LIỆU

- Học liệu: Ngữ liệu/Sách giáo khoa, phiếu học tập.
- Thiết bị: Máy tính.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Hoạt động 1: Mở đầu

a) Mục tiêu: Tạo tâm thế và định hướng chú ý cho học sinh; tạo vấn đề vào chủ đề

b) Nội dung hoạt động: HS trả lời câu hỏi.

c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời/chia sẻ của HS bằng ngôn ngữ

d) Tổ chức hoạt động:

* **Chuyển giao nhiệm vụ:** Hãy kể tên các đơn vị kiến thức các em đã được học trong bài 4

* **Thực hiện nhiệm vụ:** Hs trả lời

* **Báo cáo kết quả:** HS trình bày kết quả (cá nhân).

* **Đánh giá nhận xét, dẫn vào bài:** Hôm nay chúng ta học bài tự đánh giá kiến thức đã học trong bài 8 để nắm vững kiến thức đã học trong bài.

2. Hoạt động 2

Hoạt động của GV và HS	Nội dung cần đạt
Mục tiêu: củng cố kiến thức về văn nghị luận xã hội và các VBNL Nội dung hoạt động: HS trả lời câu hỏi. Sản phẩm học tập: Câu trả lời/chia sẻ của HS bằng ngôn ngữ Tổ chức hoạt động: ? Thế nào là văn bản nghị luận xã hội? ? Nêu những yếu tố cần có trong văn nghị luận XH ? ? Có mấy loại văn nghị luận XH?	A. Ôn tập I. Kiến thức Ngữ văn: Tìm hiểu về nghị luận xã hội Là nêu lên ý kiến và các lí lẽ, bằng chứng cụ thể nhằm thuyết phục người đọc, người nghe tán thành ý kiến của người viết, người nói về hiện tượng ấy. - Để thuyết phục, người viết, người nói phải nêu lên được ý kiến (quan điểm) của mình, sau đó dùng lí lẽ và các bằng chứng cụ thể làm sáng tỏ ý kiến ấy. Nghị luận văn học là văn bản nghị luận bàn về các vấn đề văn học.
<i>Mục tiêu:</i> Hs nắm được những đặc sắc về nội dung nghệ thuật từ đó có những hiểu biết đầy đủ, cụ thể hơn về đặc điểm của văn bản nghị luận xh <i>Nội dung:</i> Hướng dẫn học sinh nêu ý kiến để khái quát lại những thành công về nghệ thuật, nội dung. <i>Sản phẩm:</i> Các câu trả lời của học sinh <i>Tổ chức thực hiện</i> B1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập: GV giao nhiệm vụ cho HS thông qua hệ thống câu hỏi - Trình bày khái quát nội dung và những	2. Đọc hiểu Văn bản: a. VB: Vì sao chúng ta phải đối xử thân thiện với động vật 1, Nghệ thuật. - Lí lẽ bằng chứng chặt chẽ, giàu sức thuyết phục. - Bố cục mạnh mẽ, sử dụng phép liệt kê, đối lập làm sáng tỏ vấn đề nghị luận. 2, Nội dung - Cần phải đối xử thân thiện với động vật, yêu quý và bảo vệ động vật như bảo vệ ngôi nhà chung của trái đất. - Động vật cũng có quyền được sống giống như con người. b. Văn bản: Khan hiếm nước ngọt

đặc sắc về nghệ thuật của văn bản. - Hãy nêu những đặc điểm của kiểu văn bản nghị luận và nghị luận văn học B 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập - Học sinh làm việc cá nhân, suy nghĩ, trả lời. - Giáo viên: Quan sát, theo dõi quá trình học sinh thực hiện, gợi ý nếu cần B 3: Báo cáo kết quả và thảo luận - Học sinh trình bày cá nhân: B 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - Yêu cầu học sinh nhận xét câu trả lời. - Gv sửa chữa, đánh giá, chốt kiến thức.	1, Nghệ thuật. Sử dụng thành công văn nghị luận xã hội để phản ánh một sự việc, hiện tượng trong cuộc sống qua phương pháp lập luận thông qua số liệu, dẫn chứng cụ thể đầy thuyết phục. 2, Nội dung Văn bản là hồi chuông báo động cho thực trạng khan hiếm nước ngọt trên toàn cầu. Đồng thời là thức tỉnh bài học nhận thức của mỗi chúng ta về thực trạng khan hiếm nước ngọt. C, VB: Tại sao nên có vật nuôi trong nhà => <i>Con người cần có ý thức bảo vệ, chăm sóc, yêu quý động vật và thiên nhiên.</i>
B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV) - GV yêu cầu trả lời các câu hỏi. ? Thế nào là Văn bản, Đoạn văn, Từ Hán Việt? ? Cho ví dụ. B2: Thực hiện nhiệm vụ HS: HS quan sát, suy nghĩ trả lời câu hỏi - Đọc phần kiến thức ngữ văn SGK trang 73 GV: Hướng dẫn HS hoàn thành nhiệm vụ. B3: Báo cáo HS: Trả lời câu hỏi - Nhận xét và bổ sung cho bạn (nếu cần) B4: Kết luận, nhận định (GV) - Chốt kiến thức lên màn hình - Chuyển dẫn sang câu hỏi phần bài tập	II. Kiến thức Tiếng việt 1, Văn bản Văn bản là đơn vị ngôn ngữ trình bày trọn vẹn một vấn đề trong giao tiếp. 2, Đoạn văn Đoạn văn là đơn vị trực tiếp tạo nên văn bản, biểu đạt một nội dung tương đối trọn vẹn. - Hình thức của đoạn văn. + Đoạn văn mở đầu bằng việc lùi vào đầu dòng, viết hoa chữ cái đầu tiên, kết thúc bằng dấu câu dùng để ngắt đoạn. + Cấu trúc của một đoạn văn gồm ba phần. Đó là: mở đoạn, thân đoạn và kết đoạn. - Cấu trúc của một đoạn văn cần có sự liên kết với nhau, được sắp xếp, trình bày một cách mạch lạc. - Nội dung của đoạn văn. + Mỗi đoạn văn phải thể hiện một chủ đề thống nhất. + Các câu trong đoạn văn phải góp phần làm sáng tỏ nội dung chung của cả đoạn văn. + Câu đầu hoặc câu cuối đoạn văn thường là câu nêu lên nội dung chung của cả đoạn. 3, Từ Hán Việt * Khái niệm: Là những từ mà tiếng Việt mượn từ tiếng Hán (tiếng Trung Quốc) được đọc theo cách đọc Hán Việt. Ví dụ: sơn hà, quốc gia, vĩ đại, nhân ái

Mục tiêu: HS hiểu được kiến thức trong bài học để thực hiện bài tập phần Tự đánh giá (Trang 61/SGK).

Nội dung: HS làm việc cá nhân.

Sản phẩm: Câu trả lời đúng của HS.

Tổ chức thực hiện: TỰ ĐÁNH GIÁ (Trang 61,62,63/SGK):

*** GV giao nhiệm vụ:**

- HS trả lời nhanh các câu hỏi phần Tự đánh giá

- **HS thực hiện nhiệm vụ:** các nhóm thảo luận, trả lời ra phiếu Học tập:

+ Trả lời bằng cách chọn 1 đáp án:

Câu	Đáp án
1	
...	

+ **Cá nhân tự trả lời Câu 10:** Viết 1 đoạn văn khoảng 4-5 dòng mở đầu bằng “Nếu không có cây xanh.....” trong đoạn có sử dụng từ Hán việt?

- **HS báo cáo sản phẩm.**

- **Đánh giá sản phẩm bằng điểm.**

GV chốt kiến thức

B, TỰ ĐÁNH GIÁ

Tìm hiểu văn bản “ Con cò trong ca dao”

Câu	Đáp án
1	C
2	D
3	A
4	D
5	B
6	C
7	A
8	D
9	D

Câu 10: HS trình bày

Nếu không có cây xanh, cuộc sống của con người sẽ trở nên vô cùng khó khăn. Bạn có biết rằng vai trò của cây xanh đối với thế giới rất quan trọng, cây xanh như một lá phổi của trái đất, mất đi phổi thì đương nhiên sức khỏe của con người giảm sút đi rất nhiều, và đối với trái đất cũng vậy, nếu thế giới không có cây xanh, bạn đã bao giờ tự hỏi con người sẽ ra sao? Con người chính là nguyên nhân lớn nhất dẫn đến việc ô nhiễm môi trường. Con người làm nhiều việc khiến môi trường ô nhiễm như vứt rác bừa bãi, phá, đốt rừng, chặt cây... Con người chúng ta nên hiểu được nỗi khổ của các loại cây xanh khi bị chặt, đốt đi hay phải nhìn thấy đồng loại của chúng bị hành hạ. Cây xanh giữ vai trò rất quan trọng với thế giới, ta nên biết giữ gìn các loại cây xanh nói riêng và môi trường thiên nhiên nói chung để góp phần giúp thế giới thiên nhiên trở nên tươi đẹp và **nhân loại** có một môi trường trong sạch hơn.

Chú thích:

Từ Hán Việt: “nhân loại”.

Hướng dẫn tự học

1. Đọc sách báo, truy cập internet, sưu tầm, tìm đọc các bài nghị luận xã

2. Ghi chép và tích lũy những đoạn văn nghị luận xã hay mà em đã đọc được.

*** Về nhà:**

- Nắm vững nội dung đã học

- Làm hoàn chỉnh bài tự đánh giá

- Đọc, tìm hiểu nội dung bài 9: Bức tranh của em gái tôi

=====

Ngày dạy:

Tiết 111: TRẢ BÀI GIỮA KỲ II

A. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

- Hướng dẫn học sinh tự đánh giá kết quả bài làm của mình. Nhận ra những ưu nhược điểm để có biện pháp phát huy ưu điểm, khắc phục hạn chế.
- Phát hiện và đánh giá những khó khăn, thách thức đặt ra trong quá trình tạo lập văn bản viết.

2. Năng lực

2.1. Năng lực chung

- Năng lực giao tiếp: Khiêm tốn, lắng nghe tích cực trong giao tiếp. Diễn đạt ý tưởng một cách tự tin; thể hiện được biểu cảm phù hợp với đối tượng và bối cảnh giao tiếp.
- Năng lực nhận thức và tự hoàn thiện: nhận thức được điểm mạnh, yếu và hoàn thiện bản thân

2.2. Năng lực bộ môn

- Năng lực viết sáng tạo, độc đáo, hiệu quả.
- Năng lực phát hiện lỗi sai khi dùng từ, đặt câu, lỗi diễn đạt.
- Năng lực hợp tác trong các hoạt động học tập

3. Phẩm chất

- Sống thật thà, trung thực, trách nhiệm với bản thân và trong công việc.

B. PHƯƠNG TIỆN VÀ HỌC LIỆU

1. Phương tiện: máy tính

2. Học liệu

- Giáo viên: Bài kiểm tra của học sinh đã đánh giá điểm số, nhận xét, thống kê điểm và lỗi sai, kế hoạch dạy học
- Học sinh: sách, vở

C. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

HOẠT ĐỘNG 1

KHỞI ĐỘNG

*** GV chuyển giao nhiệm vụ**

? Hãy chia sẻ những khó khăn và thuận lợi của em khi làm bài kiểm tra giữa kì? Em đã làm như thế nào để phát huy hết những thuận lợi và khó khăn đó khi kiểm tra?

*** HS chia sẻ**

*** GV phân tích, đánh giá và chốt**

HOẠT ĐỘNG 2

HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 1: I. Đề và phân tích yêu cầu đề

Hoạt động của GV và HS	Nội dung
* GV chuyển giao <u>nhiệm vụ học tập 1</u>	I. Đề và phân tích yêu cầu đề

- GV treo bảng phụ ghi đề bài (1) <i>Đọc lại đề và chỉ ra các yêu cầu về nội dung và hình thức?</i> (2) <i>Lập dàn ý cho phần II</i> - 1 HS đọc lại đề bài. * HS thực hiện nhiệm vụ - HS làm việc cá nhân phân tích đề, xác định các yêu cầu về nội dung và hình thức (chú ý đến câu hỏi đánh giá kĩ năng viết) - HS thảo luận theo cặp xây dựng đáp án (dàn ý) cho bài viết. - GV nhận xét và bổ sung cho hoàn chỉnh dàn ý và các yêu cầu cần đạt.(Chú ý trọng tâm đến phần thân bài) - HS trả lời. HS khác lắng nghe, nhận xét và bổ sung * GV nhận xét, đánh giá và treo bảng phụ có ghi dàn ý	Kiến thức: - Thể thơ - Từ láy - Đọc hiểu bài thơ - Suy nghĩ về tình bạn - Kể trải nghiệm bản thân
--	--

Hoạt động 2: II. Trả bài và đánh giá ưu, nhược điểm

Hoạt động của GV và HS	Nội dung
* GV chuyển giao <u>nhiệm vụ học tập 2</u> - HS trả bài, xem lại bài làm, đánh giá của GV và tự nhận xét bài viết của mình - HS trao đổi bài kiểm tra (GV phân loại các đối tượng có bài viết đạt các mức điểm giỏi, khá, TB, yếu) và nhận xét đánh giá theo cặp - HS nêu nhận xét của mình về bài viết của bạn, mỗi đối tượng 2HS: + Giỏi: + Khá: + Đạt: + Chưa đạt: * HS thực hiện nhiệm vụ - HS nghe để phát huy hoặc rút kinh nghiệm. * Gv tổng hợp nhận xét ưu nhược điểm của HS rút kinh nghiệm.	II. Trả bài và đánh giá ưu, nhược điểm 1. Học sinh tự nhận xét, đánh giá bài viết * Ưu điểm: Phản đọc, hiểu Phản làm văn * Nhược điểm: 2. Giáo viên đánh giá chung cả lớp: * Về ưu điểm - Phản đọc hiểu: Đa số các em nắm vững kiến thức đã học về thể thơ lục bát, về kiến thức từ láy, cảm nhận ngữ liệu đã cho - Phản làm văn:Biết trình bày suy nghĩ của mình , kể lại trải nghiệm đáng nhớ của bản thân * Về nhược điểm - Kỹ năng phân tích đề: - Kiến thức: một số bạn chưa nắm vững yêu cầu của thể thơ lục bát, kể

lại trải nghiệm chưa có dẫn chứng
truyết phục để lại điều đáng nhớ, bài
học.....
- Trình bày, diễn đạt chưa rõ ràng,
chưa đảm bảo liên kết...

Hoạt động 3: III. Chữa lỗi

Hoạt động của GV và HS	Nội dung
* GV chuyển giao <u>nhiệm vụ học tập 3</u> - GV dùng bảng phụ thống kê một số lỗi tiêu biểu trong bài viết của HS và yêu cầu HS phát hiện, sửa lỗi (tập trung vào lỗi chính tả, dùng từ, đặt câu, bố cục). * HS thực hiện nhiệm vụ - HS quan sát ở bảng phụ, thảo luận, phát hiện và nêu hướng sửa chữa trong thời gian nhóm * GV chốt lỗi cơ bản của bài viết và phương pháp sửa. - GV nhận xét, bổ sung và kết luận về hướng sửa chữa. - HS tự đối chiếu với yêu cầu của đề phát hiện lỗi và trao đổi với bạn bên cạnh và sửa - HS đọc phần đã sửa (GV yêu cầu HS về nhà tiếp tục chữa các lỗi còn lại)	III. Chữa lỗi

Lỗi	Lỗi sai	Sửa
Chính tả		
Câu, dùng từ		
Diễn đạt		
Bố cục trình bày		

HOẠT ĐỘNG 3

VẬN DỤNG

*** GV giới thiệu một số bài viết tốt**

- GV chọn 3 bài viết tốt cho HS đọc, HS học tập.

*** HS đọc**

*** GV hướng dẫn HS tự học ở nhà**

- Xem lại đề bài và dàn ý

- Chữa các lỗi đã mắc trong bài làm

- Soạn bài: Bức tranh của em gái tôi.

.=====

Ngày dạy:

- **Tiết 112+113+114 : TÌM HIỂU TRI THỨC NGŨ VĂN**

Văn bản: BỨC TRANH CỦA EM GÁI TÔI(Tạ Duy Anh)

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức:

- Nhận biết được chủ đề của văn bản và tóm tắt được văn bản một cách ngắn gọn.
- Nhận biết được một số yếu tố của truyện, cốt truyện, nhân vật, ngôi kể, người kể chuyện
- Nhận biết và phân tích được đặc điểm nhân vật thể hiện qua hành động, ngôn ngữ, tâm trạng, ý nghĩ của nhân vật.

2. Năng lực

a. Năng lực chung:

- Năng lực tự chủ và tự học: Tìm kiếm thông tin, đọc sách giáo khoa, quan sát tranh ảnh để tìm hiểu về văn bản.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Thảo luận nhóm để thực hiện phiếu học tập, hợp tác giải quyết vấn đề để tìm hiểu về văn bản.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Năng lực trình bày và trao đổi thông tin trước lớp.

b. Năng lực đặc thù: - Nêu được bài học về cách nghĩ và cách ứng xử của cá nhân văn bản gợi ra.

3. Về phẩm chất:

- **Chăm chỉ:** Có ý thức vận dụng kiến thức, kĩ năng học được ở nhà trường, trong sách báo và từ các nguồn tin cậy khác vào học tập và đời sống hằng ngày.
- **Trách nhiệm:** Yêu thương cha mẹ và gđ. Cảm nhận được vẻ đẹp của thiên nhiên xung quanh.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- Học liệu: Ngữ liệu/Sách giáo khoa, phiếu học tập.
- Thiết bị: Máy tính, máy chiếu.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Hoạt động 1: Mở đầu

- Mục tiêu: Tạo tâm thế và định hướng chú ý cho học sinh; tạo vấn đề vào chủ đề
- Nội dung hoạt động: Chia sẻ về bản thân
- Sản phẩm học tập: Câu trả lời/chia sẻ của HS bằng ngôn ngữ
- Tổ chức hoạt động:

*** Chuyển giao nhiệm vụ:** Trước khi đi vào tìm hiểu vb cô có một trò chơi cho các em khởi động :

Phiếu học tập số 1

Hãy tự do phác họa thật nhanh về bản thân(bằng ngôn ngữ hoặc hình ảnh...miễn sao em cảm thấy thú vị và gọi lên bản thân mình rõ nhất)

Sau đó hãy phát hiện và ghi lại vắn tắt những điều em thấy yêu mình và những điều em thấy mình chưa hoàn hảo (hình thức, tính cách...)

*Thực hiện nhiệm vụ: Hs chia sẻ

*** Báo cáo kết quả (Hs chia sẻ về mình)**

Gv chia sẻ về một bài làm của hs(gv chiếu)

*** Gv kết luận và dẫn vào bài: Vậy giữa 2 cái điều em thấy yêu mình và những điều em thấy mình chưa hoàn hảo thì em thích cái nào?** Điều quan trọng mỗi chúng ta cần phải nhận ra những điểm mình chưa hoàn hảo để hoàn thiện bản thân mình.

Cô rất tâm đắc một câu danh ngôn “tự hào về bản thân là tốt nhưng biết xấu hổ về bản thân còn tự hào hơn.” Hôm nay các em sẽ được học vb “ Bức tranh của em gái tôi” của tác giả Tạ Duy Anh .

2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới

Nội dung 1: Tìm hiểu tri thức ngữ văn

- Mục tiêu:** học sinh hiểu được khái niệm truyện ngắn, đặc điểm nhân vật; lời người kể chuyện và lời nhân vật.
- Nội dung:** HS sử dụng SGK, hoàn thành bảng kiến thức
- Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của học sinh.
- Tổ chức thực hiện:**

Hoạt động của GV và HS	Nội dung cần đạt
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: Chú ý đọc phần tri thức ngữ văn/ 65(sgk) Truyện ngắn là gì? Đặc điểm nhân vật là gì? Lời người kể chuyện là gì? Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập Hs trả lời câu hỏi Bước 3: Báo cáo sản phẩm học tập	I, Tìm hiểu về truyện ngắn - Truyện ngắn là tác phẩm văn xuôi cỡ nhỏ, ít nhân vật, ít sự việc phức tạp... Chỉ tiết lời văn trọng truyện ngắn rất cô đọng. Truyện ngắn hiện đại Việt Nam xuất hiện tương đối muộn.

- HS trình bày cá nhân. - Các HS khác nhận xét. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ: - GV nhận xét và chuẩn kiến thức.	- Đặc điểm nhân vật là những nét riêng của nhân vật trong truyện, thường được thể hiện qua hình dáng, cử chỉ, hành động, ngôn ngữ, ý nghĩ,... - Lời người kể chuyện là lời của người đã kể lại câu chuyện. Nếu người kể theo ngôi thứ nhất thì lời của người kể là lời của người xưng “tôi”. Ví dụ: “Em gái tôi tên là Kiều Phương, nhưng tôi quen gọi nó là Mèo...” (Bức tranh của em gái tôi - Tạ Duy Anh). Nếu người kể theo ngôi thứ ba thì lời của người kể là lời của người ngoài, không tham gia câu chuyện. Ví dụ: “Ngày xưa, ở quận Cao Bình có hai vợ chồng tuổi già mà chưa có con” (Thạch Sanh). Lời nhân vật là lời của một nhân vật trong truyện, ví dụ lời Thánh Gióng: “Mẹ ra mời sứ giả vào đây.” (Thánh Gióng)
---	---

Nội dung 2: Thực hành đọc văn văn bản

Hoạt động của GV và HS	Nội dung cần đạt																
a) Mục tiêu: học sinh nắm được những nét khái quát về tác giả và văn bản. b) Nội dung hoạt động: HS trả lời câu hỏi. c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời/chia sẻ của HS bằng ngôn ngữ, bằng phiếu học tập. d) Tổ chức hoạt động: *PP, kĩ thuật: Giải quyết vấn đề, động não, làm việc nhóm thông qua phiếu bài tập. * Đọc sao cho hay? - Đọc rõ ràng, lưu loát, tránh phát âm sai. - Cần bộc lộ được cảm xúc, tình cảm của nhân vật trong quá trình đọc văn bản. - Trong quá trình đọc các em cần chú ý các từ khó được giải thích dưới chân trang để nắm được nội dung văn bản hiệu quả hơn. Phiếu bài tập số 1: <table border="1"> <thead> <tr> <th colspan="2">Văn bản : BỨC TRANH CỦA EM GÁI TÔI</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>Tác giả</td> <td></td> </tr> <tr> <td>Hoàn cảnh ra đời vb</td> <td></td> </tr> <tr> <td>Thể loại</td> <td></td> </tr> <tr> <td>Phương thức biểu đạt</td> <td></td> </tr> <tr> <td>Nhân vật chính</td> <td></td> </tr> <tr> <td>Ngôi kể-> nhận xét</td> <td></td> </tr> <tr> <td>Người kể chuyện-></td> <td></td> </tr> </tbody> </table>	Văn bản : BỨC TRANH CỦA EM GÁI TÔI		Tác giả		Hoàn cảnh ra đời vb		Thể loại		Phương thức biểu đạt		Nhân vật chính		Ngôi kể-> nhận xét		Người kể chuyện->		I, Đọc văn bản 1. Tác giả Tạ Duy Anh, tên khai sinh là Tạ Việt Đăng, sinh năm 1959, quê ở Hà Nội - Là nhà văn trẻ trong thời kì đổi mới, có nhiều sáng tác viết cho thiếu nhi như: <i>Quả trứng vàng</i>, <i>Vó ngựa trở về</i>, <i>Bức tranh của em gái tôi</i>... - Truyện viết cho thiếu nhi của ông trong sáng, đậm chất thơ, giàu ý nghĩa nhân văn. - Tác phẩm chính: Thiên thần sám hối, Bước qua lời nguyện, lão khổ, Bức tranh của em gái tôi, hiệp sĩ áo cỏ. 2. <u>Văn bản</u>. a. Hoàn cảnh sáng tác: Truyện ngắn đoạt giải nhì cuộc thi "Tương lai vẫy gọi" do báo TNTTP tổ chức. b. Ngôi kể: ngôi thứ nhất -> <i>Ngôi thứ nhất, cho phép tác giả miêu tả một cách tự nhiên bằng lời kể của chính nhân vật. ý nghĩa truyện được thể hiện chân thành, đáng tin cậy. Nhân vật cô em gái qua cái nhìn của người anh cũng hiện lên đầy đủ hơn.</i> Người kể xưng « tôi » : nhân vật em
Văn bản : BỨC TRANH CỦA EM GÁI TÔI																	
Tác giả																	
Hoàn cảnh ra đời vb																	
Thể loại																	
Phương thức biểu đạt																	
Nhân vật chính																	
Ngôi kể-> nhận xét																	
Người kể chuyện->																	

nhận xét.		gái hiện lên qua cái nhìn của anh trai khách quan tự nhiên hơn. Diễn biến tâm trạng kín đáo của người anh được bộc lộ tinh tế, chân thực.																				
GV mở rộng thêm về tác giả: Ông từng làm cán bộ Nhà máy thủy điện Hòa Bình, trung sĩ bộ binh ở Lào Cai. Sau đó Tạ Duy Anh tham gia học ở Trường viết văn Nguyễn Du. Trải qua 4 năm học, ông đỗ đầu và được giữ lại làm giảng viên. Là cây bút trẻ trong thời kì đổi mới. Hiện ông là biên tập viên tại Nhà xuất bản Hội Nhà văn. Tạ Duy Anh trở thành hội viên Hội Nhà văn Việt Nam từ năm 1993. PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2 Điền nội dung vào cột sự kiện trong bảng dưới đây sao cho thể hiện đúng trình tự cốt truyện của văn bản “”. Nhận xét về trình tự sắp xếp các sự việc? <table><tr><th>Trình tự</th><th>Sự việc</th></tr><tr><td>1</td><td>.....</td></tr><tr><td>2</td><td>.....</td></tr><tr><td>3</td><td>.....</td></tr><tr><td>4</td><td>.....</td></tr></table> Dự kiến sp: <table><tr><th>Trình tự</th><th>Sự kiện</th></tr><tr><td>1</td><td>Kiều Phương tên gọi ở nhà là Mèo là cô bé thích lục lọi đồ vật và tự pha chế màu vẽ.</td></tr><tr><td>2</td><td>Nhờ bé Quỳnh mà chú Tiến Lê đã phát hiện ra Kiều Phương có tài năng hội họa.</td></tr><tr><td>3</td><td>Cả nhà đều vui mừng duy chỉ có người anh trai ghen tị, mặc cảm và luôn tìm cách xa lánh em gái.</td></tr><tr><td>4</td><td>Trong một lần tham gia trại thi vẽ Quốc tế, Mèo đạt giải nhất với bức tranh của mình cả nhà cùng đi xem đề</td></tr></table>		Trình tự	Sự việc	1		2		3		4		Trình tự	Sự kiện	1	Kiều Phương tên gọi ở nhà là Mèo là cô bé thích lục lọi đồ vật và tự pha chế màu vẽ.	2	Nhờ bé Quỳnh mà chú Tiến Lê đã phát hiện ra Kiều Phương có tài năng hội họa.	3	Cả nhà đều vui mừng duy chỉ có người anh trai ghen tị, mặc cảm và luôn tìm cách xa lánh em gái.	4	Trong một lần tham gia trại thi vẽ Quốc tế, Mèo đạt giải nhất với bức tranh của mình cả nhà cùng đi xem đề	c. Phương thức biểu đạt: Tự sự, miêu tả, biểu cảm d. Nhân vật chính: Anh trai – Kiều Phương e. Cốt truyện? -Cốt truyện được xây dựng theo cấu trúc quen thuộc: Giới thiệu- mở đầu- phát triển- cao trào- kết thúc. Kết thúc truyện bất ngờ, tạo sự ngạc nhiên, thú vị cho người đọc. - Mạch sự việc được sắp xếp theo trình tự thời gian -Bên cạnh mạch kể (tự sự) còn có những đoạn tác giả miêu tả và đặc biệt là bộc lộ cảm xúc suy nghĩ của nhân vật chính. g, Từ khó
Trình tự	Sự việc																					
1																						
2																						
3																						
4																						
Trình tự	Sự kiện																					
1	Kiều Phương tên gọi ở nhà là Mèo là cô bé thích lục lọi đồ vật và tự pha chế màu vẽ.																					
2	Nhờ bé Quỳnh mà chú Tiến Lê đã phát hiện ra Kiều Phương có tài năng hội họa.																					
3	Cả nhà đều vui mừng duy chỉ có người anh trai ghen tị, mặc cảm và luôn tìm cách xa lánh em gái.																					
4	Trong một lần tham gia trại thi vẽ Quốc tế, Mèo đạt giải nhất với bức tranh của mình cả nhà cùng đi xem đề																					

	triển lãm tranh của cô bé.	
	Tại đây, người anh trai ngỡ ngàng nhận ra bức tranh đạt giải nhất với bức tranh của mình, cả nhà cùng đi xem triển lãm tranh của cô bé.	
6	Cậu nhận ra tấm lòng nhân hậu của em gái và hối hận vì đã đối xử không tốt với em.	
? Nhận xét cốt truyện? - Cốt truyện được xây dựng theo cấu trúc quen thuộc: Giới thiệu- mở đầu- phát triển- cao trào- kết thúc. Kết thúc truyện bất ngờ, tạo sự ngạc nhiên, thú vị cho người đọc. - Mạch sự việc được sắp xếp theo trình tự thời gian - Bên cạnh mạch kể (tự sự) còn có những đoạn tác giả miêu tả và đặc biệt là bộc lộ cảm xúc suy nghĩ của nhân vật chính. *Tóm tắt (nhân vật chính: người anh trai, em gái Kiều Phương-Mèo) Kiều Phương là cô gái hay lục lọi đồ và thường bôi bẩn lên mặt. Cô bé có sở thích vẽ tranh nên thường bí mật pha chế màu và vẽ. Khi mọi người phát hiện ra Kiều Phương có tài năng hội họa thì người anh lúc này tỏ ra ghen tị và xa lánh em. Kiều Phương đạt giải nhất tại trại thi vẽ tranh quốc tế với bức vẽ “anh trai tôi”, lúc này người anh trai mới nhận ra tấm lòng nhân hậu của em và hối lỗi về bản thân mình.		
a) Mục tiêu: học sinh nắm được những hành động, lời nói của nhân vật Kiều Phương để thấy em là một người đáng yêu. b) Nội dung hoạt động: HS trả lời câu hỏi. c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời/chia sẻ của HS bằng ngôn ngữ, bằng phiếu học tập. d) Tổ chức hoạt động:		II. Khám phá văn bản 1. Nhân vật Kiều Phương.
* Chuyên giao nhiệm vụ: <i>PHIẾU HỌC TẬP SỐ 3</i>		

Tìm hiểu về nhân vật Kiều Phương			
Đặc điểm	Trước khi phát hiện ra tài năng hội họa	Khi phát hiện ra tài năng hội họa	Khi tham gia hội thi và đạt giải nhất
Hành động			
Lời nói			
Nhận xét			
* Thực hiện nhiệm vụ - Học sinh: suy nghĩ , trả lời - Giáo viên: nghe, quan sát, gọi nhận xét * Báo cáo kết quả: HS trả lời miệng, trình bày kết quả. HS khác nghe nhận xét, đánh giá Dự kiến sp:			
PHIẾU HỌC TẬP SỐ 3			
Đặc điểm	Trước khi phát hiện ra tài năng hội họa	Khi phát hiện ra tài năng hội họa	Khi tham gia hội thi và đạt giải nhất
Hành động	- Thích lục lại đồ vật - Luôn bôi bẩn lên mặt - Tự pha chế thuốc vẽ bằng nhọ nôi. - Luôn vui vẻ vừa làm vừa ca hát	- Quan sát tỉ mỉ và đưa mọi thứ gần gũi, thân thuộc vào trong tranh(cái bát sứt, con mèo, người nah trai) - Được mọi người yêu quý, quan tâm, khen ngợi nhưng không kiêu ngạo. - Bị anh mắng, nhiều khi anh câu gắt vô cớ cũng không cãi lại.	- Em vẽ người anh để dự thi với tất cả những gì đẹp để hoàn hảo nhất. - Khi muốn được anh chia vui mà không được đáp cô bé không buồn nản mà tìm cách kác.
Lời nói	“- Mèo mà lại, em không phá là được..”	“ Em muốn cả anh cũng đi nhận giải”	
Nhận xét	Một cô bé hồn nhiên, vui tươi và đáng yêu.	- Một cô bé có tài năng hội họa đáng quý. - Cô bé có tấm lòng nhân hậu, bao dung và vị tha.	

* Đánh giá kết quả - Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá - Giáo viên nhận xét, đánh giá ? Chân dung cô em gái Kiều Phương?	- Một cô bé hồn nhiên, vui tươi, đáng yêu. - Một cô bé có tài năng hội họa đáng quý - Một cô bé có tấm lòng nhân hậu, vị tha và bao dung đáng phục.								
a) Mục tiêu: học sinh nắm được tâm trạng người anh có sự thay đổi ở hai thời điểm. b) Nội dung hoạt động: HS trả lời câu hỏi. c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời/chia sẻ của HS bằng ngôn ngữ, bằng phiếu học tập. d) Tổ chức hoạt động:	2. Nhân vật người anh trai.								
* Chuyển giao nhiệm vụ: PHIẾU HỌC TẬP SỐ 4 <table border="1"> <tr> <td colspan="2" data-bbox="107 762 1377 846"> Tìm những chi tiết cho thấy tâm trạng người anh có sự thay đổi ở hai thời điểm dưới đây. </td> </tr> <tr> <td data-bbox="107 846 732 930"> Khi tài năng của em gái chưa được phát hiện </td> <td data-bbox="732 846 1377 930"> Khi tài năng của em gái được phát hiện </td> </tr> <tr> <td data-bbox="107 930 732 1108"> </td> <td data-bbox="732 930 1377 1108"> Với chính bản thân: Với em gái: </td> </tr> <tr> <td data-bbox="107 1108 732 1192"> Nhận xét: </td> <td data-bbox="732 1108 1377 1192"> Nhận xét: </td> </tr> </table>		Tìm những chi tiết cho thấy tâm trạng người anh có sự thay đổi ở hai thời điểm dưới đây.		Khi tài năng của em gái chưa được phát hiện	Khi tài năng của em gái được phát hiện		Với chính bản thân: Với em gái: 	Nhận xét: 	Nhận xét:
Tìm những chi tiết cho thấy tâm trạng người anh có sự thay đổi ở hai thời điểm dưới đây.									
Khi tài năng của em gái chưa được phát hiện	Khi tài năng của em gái được phát hiện								
..... 	Với chính bản thân: Với em gái: 								
Nhận xét: 	Nhận xét: 								
* Thực hiện nhiệm vụ - Học sinh: suy nghĩ, trả lời - Giáo viên: nghe, quan sát, gọi nhận xét * Báo cáo kết quả: HS trả lời miệng, trình bày kết quả. HS khác nghe nhận xét, đánh giá Dự kiến sp:									
PHIẾU HỌC TẬP SỐ 4 <table border="1"> <tr> <td colspan="2" data-bbox="107 1497 1377 1581"> Tìm những chi tiết cho thấy tâm trạng người anh có sự thay đổi ở hai thời điểm dưới đây. </td> </tr> <tr> <td data-bbox="107 1581 732 1665"> Khi tài năng của em gái chưa được phát hiện </td> <td data-bbox="732 1581 1377 1665"> Khi tài năng của em gái được phát hiện </td> </tr> <tr> <td data-bbox="107 1665 732 1881"> - Đặt biệt danh cho em là Mèo (gọi sự ngây thơ, tinh nghịch và đáng yêu) - Thấy em lục lọi đồ đạc-> Nhắc nhở quan tâm </td> <td data-bbox="732 1665 1377 1881"> Với chính bản thân: - Cảm thấy mình bất tài nên bị đẩy ra ngoài. - Khi ngồi một mình, chỉ muốn gục mặt xuống khóc. </td> </tr> </table>		Tìm những chi tiết cho thấy tâm trạng người anh có sự thay đổi ở hai thời điểm dưới đây.		Khi tài năng của em gái chưa được phát hiện	Khi tài năng của em gái được phát hiện	- Đặt biệt danh cho em là Mèo (gọi sự ngây thơ, tinh nghịch và đáng yêu) - Thấy em lục lọi đồ đạc-> Nhắc nhở quan tâm	Với chính bản thân: - Cảm thấy mình bất tài nên bị đẩy ra ngoài. - Khi ngồi một mình, chỉ muốn gục mặt xuống khóc.		
Tìm những chi tiết cho thấy tâm trạng người anh có sự thay đổi ở hai thời điểm dưới đây.									
Khi tài năng của em gái chưa được phát hiện	Khi tài năng của em gái được phát hiện								
- Đặt biệt danh cho em là Mèo (gọi sự ngây thơ, tinh nghịch và đáng yêu) - Thấy em lục lọi đồ đạc-> Nhắc nhở quan tâm	Với chính bản thân: - Cảm thấy mình bất tài nên bị đẩy ra ngoài. - Khi ngồi một mình, chỉ muốn gục mặt xuống khóc.								

- Khi thấy em có hành động lạ thì bí mật theo dõi	Với em gái: - Không thân với em như trước kia - Chỉ cần một lỗi nhỏ là gắt um lên - Lén lút xem trộm tranh của em rồi trút tiếng thở dài. - Khi em đạt giải, ôm cổ anh để chia sẻ niềm vui thì viện cớ gạt ra.
Nhận xét: Tình cảm anh em thân thiết gắn bó.	Nhận xét: Từ giận mình, người anh chuyển sang giận em gái, từ sự tự ti chuyển thành sự ghen tị , đố kị.

* Đánh giá kết quả - Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá - Giáo viên nhận xét, đánh giá Gv: đã bao giờ em có tâm trạng như người anh chưa, khi thấy một người khác giỏi hơn mình, hạn phúc và may mắn hơn mình, mình có ghen ghét đố kị không đây cũng là một cảm xúc rất là con người và giờ đây và ở đây tác giả cũng muốn nói rằng tình cảnh của người anh cũng có thể là tình cảnh của mỗi chúng ta trong cuộc sống.	
a) Mục tiêu: học sinh nắm được tâm trạng người anh có sự thay đổi ở hai thời điểm. b) Nội dung hoạt động: HS trả lời câu hỏi. c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời/chia sẻ của HS bằng ngôn ngữ , bằng phiếu học tập. d) Tổ chức hoạt động:	3, Bức tranh “ Anh trai tôi”.

* Chuyển giao nhiệm vụ: PHIẾU HỌC TẬP SỐ 5	
<i>Vẽ đẹp của bức tranh “Anh trai tôi”</i>	
<i>Nội dung tranh</i>	
<i>Người anh trong bức tranh</i>	
<i>So sánh với người anh ngoài đời thực</i>	
<i>Ý nghĩa bức tranh:.....</i> 	
* Thực hiện nhiệm vụ	

- Học sinh: suy nghĩ , trả lời - Giáo viên: nghe, quan sát, gọi nhận xét * Báo cáo kết quả: HS trả lời miệng, trình bày kết quả. HS khác nghe nhận xét, đánh giá Dự kiến sp:	
---	--

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 5

Vẽ đẹp của bức tranh “Anh trai tôi”	
Nội dung tranh	“ Anh trai tôi” – “ một chú bé đang ngồi nhìn ra ngoài cửa sổ, nơi bầu trời trong xanh. Mặt chú bé như tỏa ra một ánh sáng rất lạ. Toát lên từ cặp mắt, tư thế ngồi của chú không chỉ sự suy tư mà còn rất mơ mộng nữa.
Người anh trong bức tranh	Đẹp hoàn hảo, vừa có tâm hồn mơ mộng, vừa có vẻ đẹp trí tuệ
So sánh với người anh ngoài đời thực	Ghen tị, đố kị với tài năng của em.
Ý nghĩa bức tranh: vừa thể hiện tài năng, vẽ đẹp tâm hồn nhân hậu, vị tha, cao thượng của Kiều Phương vừa làm người anh thay đổi cả nhận thức, tình cảm, thái độ.	

* Đánh giá kết quả - Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá - Giáo viên nhận xét, đánh giá Gv: Cụ thể người anh đã thay đổi ra sao, đã nhận thức như thế nào khi nhìn thấy bức tranh trong buổi triển lãm.	
---	--

Yc hs chú ý vào phần cuối vb

*** Chuyển giao nhiệm vụ:**

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 6

Diễn biến tâm trạng người anh khi đứng trước bức tranh của em gái.		
Nội dung	Chi tiết	Nhận xét
Tâm trạng		
Suy nghĩ		

* Thực hiện nhiệm vụ - Học sinh: suy nghĩ , trả lời - Giáo viên: nghe, quan sát, gọi nhận xét	
--	--

* Báo cáo kết quả: HS trả lời miệng, trình bày kết quả. HS khác nghe nhận xét, đánh giá Dự kiến sp:		
PHIẾU HỌC TẬP SỐ 6		
Diễn biến tâm trạng người anh khi đứng trước bức tranh của em gái.		
Nội dung	Chi tiết	Nhận xét
Tâm trạng	- Giật sững người ngạc nhiên bám chặt lấy tay mẹ	- Không ngờ mình lại xuất hiện trong bức tranh của em
	- Ngỡ ngàng	
	- Hãnh diện	- Không ngờ hình ảnh của mình đẹp đẽ, hoàn hảo đến vậy.
	- Xấu hổ	- Xấu hổ vì mình đã có suy nghĩ, tình cảm và cách ứng xử nhỏ nhen, không xứng đáng với sự cao thượng, vị tha của em mình.
	- Nhìn như thôi miên vào dòng chữ “ anh trai tôi”	- Không tin vào mắt mình
	- Muốn khóc quá	- Đây không còn là tiếng khóc tủi hổ, tự ti mà là tiếng khóc hối hận, chân thành trước tâm hồn trong sáng và nhân hậu của em gái.
Suy nghĩ	- Không phải con đâu. Đây là tâm hồn và lòng nhân hậu của em con đây”	- Quá trình nhận thức đã hoàn thành trọn vẹn. Cậu bé đã cất đi gánh nặng vẫn đè lên trái tim, đánh đuổi được con rắn của lòng ghen tị.
* Đánh giá kết quả - Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá - Giáo viên nhận xét, đánh giá		
? Chân dung nhân vật người anh trai?		- Yêu thương em gái - Để sự tự ti biến thành ghen tị, đố kị và cư xử không đúng với em gái. - Nhận ra sai lầm và hối hận, xấu hổ vì hành vi của mình, từ đó hoàn thiện bản thân hơn.
? Cách xây dựng hình ảnh nhân vật người anh trai và em gái Kiều Phương có gì khác biệt? Cách xây dựng nhân vật như vậy có phù hợp không? - Nhân vật người anh được xây dựng chủ yếu qua		

diễn biến tâm trạng, tự bộc lộ qua lời kể xưng “tôi”. - Người em gái hiện lên qua lời kể của người anh và chủ yếu qua hành động. - Cách miêu tả và xây dựng nhân vật như vậy nhân vật như vậy phù hợp với việc biểu hiện sâu sắc những thay đổi tâm trạng củ người anh trong quá trình tự nhận thức và hoàn thiện bản thân.	
Gv: Nv người anh mà tác giả xây dựng ở đây không phải là xây dựng chân dung về ngoại hình , về hành động mà phải xây dựng một chân dung về sự nhận thức về quá trình nhận thức để hoàn thiện bản thân, đây cũng chính là chủ đề tư tưởng của toàn bộ tác phẩm. Nv không có tên gọi riêng, không có diện mạo riêng mà chỉ chủ yếu được khắc họa qua những chi tiết cảm xúc , suy nghĩ.	
HĐ cá nhân - KT trình bày 1 phút: * GV yêu cầu HS làm việc cá nhân thực hiện yêu cầu sau: Em hãy khái quát nghệ thuật và nội dung chính của văn bản?	III. Tổng kết 1, Nghệ thuật. - Miêu tả tâm lí nhân vật đặc sắc, ngôn ngữ độc thoại nội tâm. - Cách kể chuyện tự nhiên, hấp dẫn. - Ngôi kể thứ nhất tạo điều kiện cho nhân vật bộc lộ diễn biến tâm lí tự nhiên, chân thực. 2, Nội dung- chủ đề văn bản. – Sự ganh gét đố kị sẽ che mờ nhận thức, tình cảm khiến ta tầm thường, nhỏ nhen và đánh mất chính mình. - Lòng nhân hậu , bao dung và tâm hồn cao thượng có..sức mạnh thức tỉnh, cảm hóa để hướng con người đến những gì đẹp đẽ. -Tình yêu thương của các thành viên trong gia đình là động lực mạnh mẽ giúp con người hoàn thiện bản thân, tìm thấy hạnh phúc.

3. Hoạt động 3: Luyện tập

a) Mục tiêu: Học sinh vận dụng kiến thức đã học vào làm bài tập

b) Nội dung hoạt động:

- HS luyện đọc kĩ một đoạn trích trong văn bản và thực hiện các nhiệm vụ/trả lời các câu hỏi, bài tập để rèn kĩ năng đọc hiểu văn bản.

- c) Sản phẩm học tập:
- Câu trả lời của các câu hỏi, bài tập.

d) Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Nội dung cần đạt
* Chuyển giao nhiệm vụ: - Em có thiện cảm với Kiều Phương hay anh trai Kiều Phương? Vì sao? - Qua câu chuyện, em rút ra bài học gì cho mình? * HS thực hiện nhiệm vụ. HS suy nghĩ * Nhận xét sản phẩm, bổ sung. -HS đưa ra quan điểm cá nhân và lí giải lí do yêu thích nhân vật nào HS trả lời, nhận xét, bày tỏ * Chuẩn kiến thức. GV hướng HS tới thái độ sống tích cực, đúng đắn.	III, Viết kết nối với đọc Bài 1: - Yêu cầu 1: HS có thể chọn 1 trong 2 nhân vật. - Yêu thích nhân vật người em gái: vì Kiều Phương là cô bé có tài năng hội họa, đặc biệt ở em có tình cảm trong sáng, hồn nhiên, tấm lòng nhân hậu, sự đáng yêu. Chính Kiều Phương đã giúp người anh nhận ra sự hạn chế của chính mình. - Nhân vật người anh tuy có những điểm tiêu cực như sự đố kị, nhỏ nhen, ghen ghét trước tài năng của em mình; nhưng người anh đã sớm tự nhận thức và biết nhận ra sai lầm của mình. Từ đó, người anh đã tự hoàn thiện nhân cách, tâm hồn trong sáng trở lại, cư xử đúng mực với em, gìn giữ và vun đắp tình cảm anh em. – Bài học: + Từ cảm xúc chân thật của người anh giúp người đọc tự nhận thức mình, tự nhận ra những sai lầm của bản thân để sống tốt hơn. + Không được đố kị trước tài năng, thành công, niềm vui của người khác. Bài 2: Vẽ sơ đồ tư duy bài học

4. Hoạt động 4: Vận dụng

- a) Mục tiêu: HS hiểu được kiến thức trong bài học để vận dụng vào thực tế.
- b) Nội dung: Chia sẻ suy nghĩ
- c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời
- d) Tổ chức thực hiện:

*** Giao nhiệm vụ học tập:**

1, Trong cuộc sống, hẳn không ít lần chúng ta gặp những trường hợp tương tự như người anh trai trong tác phẩm trên: điểm bài kiểm tra của mình kém bài của bạn, đôi giày mình đi không đẹp bằng đôi giày, mình không đạt được giải còn bạn đạt được giải nhất. Trong những hoàn cảnh ấy, em có suy nghĩ và cách ứng xử như thế nào?

2, Từ văn bản *Chuyện cổ tích về loài người*, *Mây và sóng*, *Bức tranh của em gái tôi*, em nhận thấy điều quan trọng nhất có thể gắn kết các thành viên trong gia đình là gì?

- Mọi thành viên trong gia đình luôn yêu thương, chia sẻ, gắn kết với nhau.

- Sự gắn kết đó phải ở cả hai phía, trao đi và nhận lại.

- Tôn trọng sự khác biệt, biết gạt bỏ những cảm xúc ghen ghét, đố kỵ, trân trọng những điểm mạnh của các thành viên, động viên cổ vũ cho người thân để họ có điều kiện phát triển bản thân.

.....

*** Thực hiện nhiệm vụ:** HS suy nghĩ, hình thành và triển khai ý tưởng, tư duy độc lập...

*** Báo cáo kết quả:** GV gọi bất kì cá nhân nào trình bày kết quả.

Ngày dạy:

TIẾT: 115+116

ĐỌC VĂN BẢN: ĐIỀU KHÔNG TÍNH TRƯỚC (NGUYỄN NHẬT ÁNH)

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức:

- Tri thức bước đầu biết về thể loại truyện ngắn; đọc- hiểu nội dung văn bản truyện hiện đại có yếu tố tự sự kết hợp với miêu tả tâm lý nhân vật.

- Những nét đặc sắc trong nghệ thuật kể chuyện và miêu tả tâm lý nhân vật trong tác phẩm. Ca ngợi sự điềm đạm, bình tĩnh, suy nghĩ thấu đáo cũng như sự đoàn kết trong tình bạn; phê phán sự bốc đồng, hiếu thắng, thâm thía nhất là sự đoàn kết trong tình bạn. Bởi vì đó là một tình cảm tốt đẹp cần được trân trọng.

- Những nét đặc sắc trong nghệ thuật miêu tả tâm lý nhân vật và nghệ thuật kể chuyện.

- Cách thức thể hiện vấn đề giáo dục nhân cách của câu chuyện: không khô khan, giáo huấn mà tự nhiên, sâu sắc qua sự tự nhận thức của nhân vật chính.

2. Năng lực

a. Năng lực chung:

- Năng lực tự chủ và tự học: Tìm kiếm thông tin, đọc sách giáo khoa, quan sát tranh ảnh để tìm hiểu về bài học.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Thảo luận nhóm để thực hiện phiếu học tập, hợp tác giải quyết vấn đề để tìm hiểu về bài học.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Năng lực trình bày và trao đổi thông tin trước lớp.

b. Năng lực đặc thù:

- Xác định được ngôi kể trong văn bản.
- Nhận biết được một số yếu tố hình thức (chi tiết, cốt truyện, nhân vật, yếu tố nghệ thuật,...), nội dung (đề tài, chủ đề, ý nghĩa, thái độ người kể,...) của truyện ngắn
- Hiểu nội dung văn bản truyện hiện đại có yếu tố tự sự kết hợp với miêu tả tâm lý nhân vật thể hiện qua văn bản.
- Phân tích được nhân vật, sự kiện, cốt truyện trong tác phẩm thuộc thể loại truyện ngắn.

3. Phẩm chất:

- Biết tôn trọng, yêu thương mọi người xung quanh, nhận thức và xác định cách ứng xử, sống khiêm tốn, biết tôn trọng người khác.
- Thích đọc sách, báo, tìm tư liệu trên mạng Internet để mở rộng hiểu biết.

II. THIẾT BỊ VÀ HỌC LIỆU

- Học liệu: Ngữ liệu/Sách giáo khoa, phiếu học tập.
- Thiết bị: Máy tính, máy chiếu.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Hoạt động 1: Mở đầu

a) Mục tiêu: Tạo tâm thế và định hướng chú ý cho học sinh; tạo vấn đề vào chủ đề

b) Nội dung hoạt động: HS trả lời câu hỏi.

c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời/chia sẻ của HS bằng ngôn ngữ

d) Tổ chức hoạt động:

* **Chuyển giao nhiệm vụ:** đã bao giờ em tính trước một việc, hay một điều gì mà lại không thực hiện được không? Em hãy chia sẻ với các bạn trong lớp.

* **Thực hiện nhiệm vụ:** Hs trả lời

* **Báo cáo kết quả:** HS trình bày kết quả

* **Đánh giá nhận xét:**

2. Hoạt động 2+3: Hình thành kiến thức mới

Hoạt động của GV và HS	Nội dung cần đạt
a) Mục tiêu: học sinh nắm được những vấn đề cơ bản về tác giả, văn bản. b) Nội dung hoạt động: Gv tổ chức cho học sinh tìm hiểu tri thức tiếng Việt bằng câu hỏi gợi mở, phiếu học tập. c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời của các câu hỏi, bài tập. d) Tổ chức thực hiện:	
* Chuyển giao nhiệm vụ: Yêu cầu đọc: + Đọc to, diễn cảm m, đúng giọng nhân vật. + Giọng đọc, kể nhấn mạnh giọng của nhân vật tôi ở đoạn nguyên nhân và sự chuẩn bị của nhân vật tôi khi rủ Phước “đánh nhau” với Nghi. + Giọng đọc, kể ngạc nhiên, hồi hộp ở đoạn 4 khi Nghi	I, ĐỌC VĂN BẢN 1, Tác giả: -Tên: Nguyễn Nhật Ánh -Sinh năm: ngày 7 tháng 5 năm 1955 -Quê: làng Đo Đo, xã Bình Quế, huyện Thăng

xuất hiện và những dự định trước đây của tôi và Phước.

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1: TÌM HIỂU CHUNG

Văn bản:	
Tác giả	
Xuất xứ	
Thể loại	
Phương thức biểu đạt chính	
Ngôi kể	
Nhân vật	
Các sự việc chính	
Bố cục	

*** Thực hiện nhiệm vụ:**

- HS suy nghĩ, hình thành và triển khai ý tưởng, tự duy độc lập...

*** Báo cáo kết quả:**

- GV gọi bất kì nhóm nào trình bày kết quả.

*** Kết luận, đánh giá:**

- HS, GV đánh giá, nhận xét.

? Em hãy dựa vào các sự việc để tóm tắt ngắn gọn văn bản?

Tóm tắt: Không phục vì bị Nghi cho là mình phạm lỗi viết vị trong trận bóng giao hữu, “tôi” quyết định đánh nhau để giành lại công bằng, thậm chí còn chuẩn bị sẵn vũ khí và rủ thêm Phước làm đồng bọn, nấp sẵn trong bụi cây đánh lén hòng muốn cho Nghi một trận nhớ đời. Thế nhưng khi gặp nhau, hành động của Nghi đã làm cả hai chú bé bất ngờ, Nghi đưa ra một cuốn sách về luật bóng đá để “tôi” đọc tham khảo, còn rủ hai người bạn cùng đi xem phim. “Tôi” và Phước thấy thế bỗng nhiên nguôi giận, không còn muốn đánh nhau nữa, cả ba lại hòa đồng vui vẻ.

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2: TÌM HIỂU TỪ KHÓ

TỪ	NỘI DUNG
Viết vị	
Hậu vệ	
Chọi	
Ná thun	
Phim “ Trộm mắt Phật”	

Bình, tỉnh Quảng Nam.

-Bút danh: *Chu Đình Ngạn, Đông Phương Sóc, Lê Duy Cật, ...*

Vị trí: Là nhà văn hiện đại, là cây bút trẻ của thời kì đổi mới.

-Đề tài: Ông rất thành công trong việc tái hiện và đưa người đọc trở về những năm tháng tuổi thơ dữ dội cùng với bè bạn, cùng với những thứ cảm xúc mơ hồ tuổi mới lớn mà bất cứ ai cũng đã từng trải qua.

- Tác phẩm: Khối lượng tác phẩm đồ sộ: Tôi thấy hoa vàng trên cỏ xanh, Mất biếc, Cho tôi xin một vé về tuổi thơ, Cô gái đến từ hôm qua...là một trong những tác phẩm nổi tiếng của nhà văn Nguyễn Nhật Ánh

Giải thưởng: Ông nhận được rất nhiều giải thưởng: Giải thưởng văn học trẻ hạng A, Được trao tặng huy chương Vì thế hệ trẻ, Nhận giải văn học Asean.

2, Văn bản

- Xuất xứ: ”Điều không tính trước” in trong tập Ut Quyên và tôi, NXB Trẻ, Thành phố Hồ Chí Minh, 2019.

- Thể loại: Truyện ngắn

- PTBD chính: Tự sự

- Ngôi kể: Ngôi thứ nhất-

Hén		nhân vật “tôi”. Nhân vật: tôi, Nghi, Phước - Các sự việc chính: + Tôi tham gia trận bóng giao hữu với lớp Nghi. + Tôi ghi bàn thắng nhưng lại không được công nhận vì đôi bạn nói đó là pha bóng việt vị. + Tôi chuẩn bị vũ khí và rủ Phước đi đánh nhau với Nghi. + Lên kế hoạch “kỉ luật chiến” chờ Nghi xuất hiện. + Kết thúc bất ngờ: Nghi tìm gặp nhân vật tôi để đưa cuốn sách ghi luật bóng đá và rủ đi xem phim. - Bố cục: 2 phần + Phần 1: (Từ đầu đến <i>lăn đùng ra đất</i>): Nguyên nhân và sự chuẩn bị cho trận đánh nhau. + Phần 2: " Còn lại": Điều không lường trước khi giải quyết mâu thuẫn.
Sút		
Thiệt		
II, KHÁM PHÁ VĂN BẢN		
a, Mục tiêu: học sinh tìm hiểu các chi tiết văn bản để thấy được nhân vật “tôi” là người nóng giận, nóng nôi, hiếu chiến, muốn giải quyết mọi việc bằng bạo lực b) Nội dung hoạt động: Gv tổ chức cho học sinh tìm hiểu tri thức tiếng Việt bằng câu hỏi gợi mở, phiếu học tập. c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời của các câu hỏi, bài tập. d) Tổ chức thực hiện:		1, Nhân vật “ Tôi”
? Vì sao nhân vật “tôi” lại có ý định trả thù? -“ Tôi” sút vào gôn một quả bóng tuyệt đẹp.		a, Nguyên nhân của sự trả thù. -“ Tôi” sút vào gôn một quả bóng tuyệt đẹp.

- Nghi lại la toáng lên bảo rằng “tôi” viết vị. - Tôi không công nhận điều đó: “rõ ràng khi nhận bóng thì trước mặt “tôi” còn đến hai hậu vệ của đội nó - Mâu thuẫn xảy ra giữa hai đội.	- Nghi lại la toáng lên bảo rằng “tôi” viết vị. - Tôi không công nhận điều đó: “rõ ràng khi nhận bóng thì trước mặt “tôi” còn đến hai hậu vệ của đội nó - - Mâu thuẫn xảy ra giữa hai đội.						
• Chuyển giao nhiệm vụ PHIẾU HỌC TẬP SỐ 3: TIM HIỂU NHÂN VẬT TÔI <table border="1" data-bbox="115 632 998 982"> <tr> <td>Tâm trạng của nhân vật “tôi”</td><td></td></tr> <tr> <td>Suy nghĩ của nhân vật “tôi”</td><td></td></tr> <tr> <td>Hành động của nhân vật “tôi”</td><td></td></tr> </table> ⇒ Nhận xét về nhân vật “tôi” * Thực hiện nhiệm vụ: - HS suy nghĩ, hình thành và triển khai ý tưởng, tự duy độc lập... * Báo cáo kết quả: - GV gọi bất kì nhóm nào trình bày kết quả. * Kết luận, đánh giá: - HS, GV đánh giá, nhận xét. ? Khi không được đội bạn công nhận bàn thắng của mình nhân vật “tôi có tâm trạng như thế nào? - Ưc chế: “Ưc chế nhất là lúc bên tôi đang bị dẫn trước một bàn” - Giận tím mặt. - Hậm hực ra về	Tâm trạng của nhân vật “tôi”		Suy nghĩ của nhân vật “tôi”		Hành động của nhân vật “tôi”		b, Tâm trạng của nhân vật “tôi” - Ưc chế: “Ưc chế nhất là lúc bên tôi đang bị dẫn trước một bàn” - Giận tím mặt. - Hậm hực ra về
Tâm trạng của nhân vật “tôi”							
Suy nghĩ của nhân vật “tôi”							
Hành động của nhân vật “tôi”							
? Nhân vật “tôi có suy nghĩ như thế nào khi bàn thắng của mình không được công nhận? - Được rồi, nếu mày muốn gây sự, ông sẽ cho mày biết tay. Gv: Nhân vật “tôi” đã vô cùng tức giận khi bàn thắng của mình không được chấp nhận, đã vậy trước khi ra về Nghi còn tỏ vẻ khiêu tức nhân vật “tôi” : lần sau đừng ăn cắp	c, Suy nghĩ của nhân vật “tôi” - Được rồi, nếu mày muốn gây sự, ông sẽ cho mày biết tay. ⇒ nhân vật “tôi” đã quyết tâm trả thù						

trúng gà nũa nhen” điều đó đã khiến Nghi ức chế lại càng thêm ức chế. Với suy nghĩ này đã cho thấy nhân vật “tôi” đã quyết tâm trả thù bằng được. Vậy nhân vật này đã có hành động như thế nào?	bằng được.
- Tìm vũ khí (chiếc kềm” trong hộp đồ nghề của anh Nghĩa. - Rủ Phước cùng thực hiện kế hoạch “trả thù” của mình. - Lên kế hoạch “trả thù” của mình đầy đủ, cẩn thận: + Phước nấp vào trong bụi cây ở ngã tư, chờ “tôi” xung tay ra hiệu thì sẽ dùng ná thun để bắn vào bụng Nghi. + “ Tôi” nói chuyện với Nghi để đánh lạc hướng, đợi Phước bắn vào bụng Nghi thì ‘tôi” sẽ rút “vũ khí hoá học” ra, xịt vào người Nghi. + “Tôi” dặn dò Phước đủ thứ “kỉ luật chiến trường”	d, Hành động của nhân vật “tôi” - Tìm vũ khí (chiếc kềm” trong hộp đồ nghề của anh Nghĩa. - Rủ Phước cùng thực hiện kế hoạch “trả thù” của mình. - Lên kế hoạch “trả thù” của mình đầy đủ, cẩn thận: + Phước nấp vào trong bụi cây ở ngã tư, chờ “tôi” xung tay ra hiệu thì sẽ dùng ná thun để bắn vào bụng Nghi. + “ Tôi” nói chuyện với Nghi để đánh lạc hướng, đợi Phước bắn vào bụng Nghi thì ‘tôi” sẽ rút “vũ khí hoá học” ra, xịt vào người Nghi. + “Tôi” dặn dò Phước đủ thứ “kỉ luật chiến trường”
? Em có nhận xét gì về nhân vật “tôi” Gv: Trong cuộc sống hằng ngày chắc hẳn các con từng ít nhất một lần đã gặp những tình huống mà mình vô cùng tức giận, điều quan trọng là các con phải biết kiềm chế sự nóng giận của bản thân, phải tìm cách giải quyết vấn đề sao cho êm xuôi và tích cực nhất. Vậy kế hoạch của nhân vật tôi thực hiện được không?	⇒ Nhân vật “tôi” là người nóng giận, nông nổi, hiếu chiến, muốn giải quyết mọi việc bằng bạo lực.
Khi đọc tác phẩm phần nào ta đã hiểu nhan đề của tác phẩm là “ điều không tính trước”, nhân vật “tôi” đã tính trước rằng mình sẽ trả thù nhân vật Nghi và nhân vật “tôi” đã phần nào có những sự tính toán rằng Nghi cũng sẽ đem vũ khí để đánh nhau với mình thế nhưng mọi chuyện lại không như suy nghĩ của nhân vật “tôi”	Tình huống “ không tính trước” của nhân vật “tôi” khi gặp Nghi + Ngơ ngác, bất ngờ lúng túng trước thái độ và hành động của Nghi.

? Các em đã đọc tác phẩm, vũ khí đặc biệt của Nghi là gì? - Vũ khí đặc biệt của Nghi chính là một cuốn sách nhỏ viết về luật chơi bóng đá. Lúc này “tôi” bỗng trở nên ấp úng nói dối về sự xuất hiện của cái kìm. Ta thấy rằng nhân vật “tôi” đã bỏ vũ khí và dừng ý định đánh nhau	+ Bỏ vũ khí và dừng ý định đánh nhau + Khi Phước chuẩn bị bắn, đã “hoảng hốt nhảy tới một bước” để ngăn lại.						
Vậy là lúc này kế hoạch được chuẩn bị kĩ lưỡng bỗng chốc không được thực hiện nữa bởi vì Nghi đã có những thái độ và hành động khác xa suy nghĩ của nhân vật “tôi”, qua đây ta có thể thấy	⇒ Tác giả thể hiện ngòi bút miêu tả tâm lí nhân vật tinh tế, am hiểu tâm lí lứa tuổi và cách tạo tình huống, hồi hộp và thú vị.						
a, Mục tiêu: học sinh tìm hiểu các chi tiết văn bản để thấy được nhân vật Nghi là một cậu bé nhân hậu, tốt bụng, vô tư, cởi mở. b) Nội dung hoạt động: Gv tổ chức cho học sinh tìm hiểu tri thức tiếng Việt bằng câu hỏi gợi mở, phiếu học tập. c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời của các câu hỏi, bài tập. d) Tổ chức thực hiện:	2, Nhân vật Nghi						
* Chuyển giao nhiệm vụ PHIẾU HỌC TẬP SỐ 4: TIM HIỂU NHÂN VẬT NGHI <table border="1" data-bbox="110 1144 1000 1323"> <tr> <th>Trong trận đấu</th><th>Sau trận đấu</th></tr> <tr> <td></td><td></td></tr> <tr> <td colspan="2">? Nhận xét về nhân vật Nghi?</td></tr> </table>	Trong trận đấu	Sau trận đấu			? Nhận xét về nhân vật Nghi?		a, Trong trận đấu - La toáng lên bảo nhân vật “tôi” viết vị. - Không công nhận bàn thắng của đội bạn. - Trước khi bỏ đi, Nghi nhe răng trêu “tôi”: “ Lần sau đừng “ăn cắp trứng gà” nữa ghen!”
Trong trận đấu	Sau trận đấu						
? Nhận xét về nhân vật Nghi?							
* Thực hiện nhiệm vụ: - HS suy nghĩ, hình thành và triển khai ý tưởng, tư duy độc lập... * Báo cáo kết quả: - GV gọi bất kì nhóm nào trình bày kết quả. * Kết luận, đánh giá: - HS, GV đánh giá, nhận xét.	b, Sau trận đấu - Nghi lôi trong túi ra “vũ khí” là một quyển sách nhỏ về luật bóng đá. - Cho “tôi” mượn đọc để “mai một mình đá bóng khỏi phải cãi nhau nữa”.						

	- Rủ bạn đi xem phim ⇒ Nghi là một cậu bé nhân hậu, tốt bụng, vô tư, cởi mở.
? Đọc kết thúc truyện cho biết tác giả đã sử dụng biện pháp tu từ nào? Nắng chiều hắt bóng ba đứa xuống mặt đường thành một khối, giống như người khổng lồ trong truyện cổ {...} Dự kiến: - “Nắng chiều hắt bóng ba đứa xuống mặt đường thành một khối”: từ những người có mâu thuẫn đã trở thành “một khối” thống nhất, đoàn kết, gắn bó với nhau. - “Người khổng lồ trong truyện cổ”: sức mạnh to lớn ⇒ Phép so sánh độc đáo, giàu ý nghĩa, ngợi ca tình thân đoàn kết.	3, Ý nghĩa của kết thúc truyện
HĐ cá nhân - KT trình bày 1 phút: * GV yêu cầu HS làm việc cá nhân thực hiện yêu cầu sau: Em hãy khái quát nghệ thuật và nội dung chính của văn bản?	III, TỔNG KẾT 1, Nghệ thuật: + Tình huống với kết truyện bất ngờ, tạo nên sức hấp dẫn cho câu chuyện. + Nghệ thuật miêu tả tâm lí tinh tế cùng ngôi kể thứ nhất chân thực, thể hiện sự am hiểu trẻ thơ của tác giả. 2, Nội dung: Từ câu chuyện về cách giải quyết mâu thuẫn giữa các nhân vật, truyện ca ngợi tình thân nhân ái, đoàn kết.

3. Hoạt động 3: Luyện tập

a) Mục tiêu: Học sinh vận dụng kiến thức đã học để làm bài tập

b) Nội dung hoạt động: HS ĐÓNG VAI

c) Sản phẩm học tập:

d) Tổ chức thực hiện:

*** Chuyển giao nhiệm vụ:**

*** GV cho học sinh chơi trò chơi: đóng vai**

LUẬT CHƠI: sắm vai ở tình huống

Em thích nhân vật nào nhất? Điểm mạnh, điểm yếu của nhân vật?...

*** Thực hiện nhiệm vụ:**

- Học sinh tiếp nhận: Nắm được yêu cầu, thực hiện nhiệm vụ thông qua nhóm.

- Giáo viên: Quan sát, theo dõi quá trình học sinh thực hiện, gợi ý nếu cần

*** Báo cáo kết quả:**

- Học sinh phát biểu tùy theo cảm nhận của từng cá nhân, của nhóm.

- Giáo viên: Quan sát, theo dõi quá trình học sinh thực hiện, gợi ý nếu cần.

*** Đánh giá nhận xét:**

- Học sinh nhận xét câu trả lời.

4. Hoạt động 4: Vận dụng

a) Mục tiêu: HS vận dụng những kiến thức đã học để giải quyết một số vấn đề trong cuộc sống

b) Nội dung: Giáo viên yêu cầu học sinh thảo luận theo tổ để thực hiện dự án, hoàn thành nhiệm vụ: làm bài tập viết đoạn văn cảm nhận, miêu tả, vẽ tranh, làm thơ...

c) Sản phẩm: Bài làm của học sinh

d) Tổ chức thực hiện

*** Chuyển giao nhiệm vụ:**

***GV giao bài tập thảo luận nhóm theo tổ để dự án viết đoạn, vẽ tranh, làm thơ, hoạt cảnh....:**

Hình ảnh nhân vật “tôi” đã bao giờ bạn bắt gặp trong cuộc sống chưa? Kể lại một lần nóng giận của em với bạn bè và cách em giải tỏa sự nóng giận của mình với bạn bè? Em hãy hoàn thành dự án sau:

❖ *Nhóm 1: Viết đoạn văn kể lại một lần nóng giận của em.*

❖ *Nhóm 2: Vẽ tranh minh họa đoạn truyện hoặc nhân vật mình thích.*

❖ *Nhóm 3: Viết kịch bản, dựng hoạt cảnh*

*** Thực hiện nhiệm vụ:**

- Học sinh trả lời câu hỏi

- Giáo viên: Quan sát, theo dõi quá trình học sinh thực hiện, gợi ý nếu cần

*** Báo cáo kết quả:**

Học sinh làm việc nhóm, cử đại diện trình bày.

- Giáo viên: Quan sát, theo dõi quá trình học sinh thực hiện, gợi ý nếu cần

*** Đánh giá nhận xét:**

- Học sinh nhận xét câu trả lời

- Giáo viên sửa chữa, đánh giá, chốt kiến thức.

Ngày dạy:

TIẾT: 117+118 - THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT(Trạng ngữ)

I. MỤC TIÊU

1, Kiến thức:

- Xác định được đặc điểm và chức năng của trạng ngữ.
- Vận dụng được những hiểu biết về trạng ngữ vào đọc, viết, nói và nghe.

2, Năng lực

a, Năng lực chung

- Năng lực tự chủ và tự học: Tìm kiếm thông tin, đọc sách giáo khoa, quan sát tranh ảnh để tìm hiểu được nội dung bài học.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Thảo luận nhóm để thực hiện phiếu học tập, hợp tác giải quyết vấn đề để tìm hiểu được nội dung bài học.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Năng lực trình bày và trao đổi thông tin trước lớp.

b, Năng lực đặc thù: - Rèn luyện được kĩ năng nói, viết, đặt câu có sử dụng trạng ngữ.

2, Phẩm chất: Yêu nước, trách nhiệm

- Có ý thức sử dụng Tiếng Việt một cách phù hợp, hiệu quả
- Góp phần gìn giữ sự trong sáng của tiếng Việt

II. THIẾT BỊ VÀ HỌC LIỆU

- Học liệu: Ngữ liệu/Sách giáo khoa, phiếu học tập.
- Thiết bị: Máy tính, máy chiếu.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Hoạt động 1: Mở đầu

a) Mục tiêu: Tạo tâm thế và định hướng chú ý cho học sinh; tạo vấn đề vào chủ đề

b) Nội dung hoạt động: HS trả lời câu hỏi.

c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời/chia sẻ của HS bằng ngôn ngữ

d) Tổ chức hoạt động:

*** Chuyển giao nhiệm vụ:** Đặt 2 câu về chủ đề học tập có sử dụng trạng ngữ và chỉ ra đó thuộc loại trạng ngữ nào

*** Thực hiện nhiệm vụ:** Hs trả lời

*** Báo cáo kết quả:** HS trình bày kết quả

1. Trong lớp, chúng em đang học bài

2. Đúng bảy giờ, chúng em vào học tiết một

*** Đánh giá nhận xét:**

2. Hoạt động 2+3: Hình thành kiến thức mới+ Luyện tập

Hoạt động của GV và HS	Nội dung cần đạt
b) Mục tiêu: - Nhận biết được đặc điểm và chức năng liên kết câu của trạng ngữ. - Biết cách sử dụng trạng ngữ để liên kết câu và dựng đoạn. b) Nội dung hoạt động: Gv tổ chức cho học sinh tìm hiểu	I, TRẠNG NGỮ LÀ GÌ?

tri thức tiếng Việt bằng câu hỏi gợi mở, phiếu học tập
c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời của các câu hỏi, bài tập.
d) Tổ chức thực hiện:

*** Chuyển giao nhiệm vụ:**

Bài 1: Tìm trạng ngữ và nêu tác dụng

(1) Thế nước rất nguy, người người hoảng hốt. (2) Vừa lúc đó, sứ giả đem ngựa sắt, roi sắt, áo giáp sắt đến.

Bài 2: Phân tích thành phần cấu tạo ngữ pháp trong câu sau(chủ ngữ, vn, trạng ngữ):

Đúng ngày hẹn(TN), bà mẹ(CN) vô cùng ngạc nhiên vì trong nhà tự nhiên có bao nhiêu là sinh lễ(VN).

Nếu giả sử cô bỏ trạng ngữ đi thì câu này còn ý nghĩa không?

- Vẫn còn ý nghĩa. Nhưng chúng ta cho thêm trạng ngữ vào thì cái thông tin của câu giải thích cho hành động mà cái thời điểm đúng ngày đã hẹn với phú ông thì nghĩa của câu sẽ trở nên sáng rõ hơn và người đọc dễ dàng nắm bắt thông tin về thời điểm hơn.

*** Thực hiện nhiệm vụ:**

- HS suy nghĩ, hình thành và triển khai ý tưởng, tự duy độc lập...

*** Báo cáo kết quả:**

- GV gọi bất kì cá nhân nào trình bày kết quả.

*** Kết luận, đánh giá:**

- HS, GV đánh giá, nhận xét.

Hãy xác định trạng ngữ và phân loại trạng ngữ trong những câu sau:

a, “Hồi đó, có một nước láng giềng lắm le muốn chiếm bờ cõi nước ta”

➔ Phân loại trạng ngữ: Trạng ngữ chỉ thời gian

b, “Để dò xem bên này có nhân tài hay không, họ sai sứ giả đưa sang một cái vỏ ốc vặn rất dài, rộng hai đầu, đổ làm sao sâu một sợi chỉ mảnh xuyên qua đường ruột ốc.

➔ Phân loại trạng ngữ: Trạng ngữ chỉ mục đích

c, “Thế nước rất nguy, người người hoảng hốt. Vừa lúc đó, sứ giả đem ngựa sắt, roi sắt và áo giáp sắt đến

⇒ Tác dụng của trạng ngữ: Liên kết câu

a, Xét ví dụ:

b, Nhận xét

Trạng ngữ “Vừa lúc đó”

+ Trạng ngữ dùng để liên kết thời điểm ra hai sự việc “người người hoảng hốt” và “sứ giả đem ngựa sắt, roi sắt, áo giáp sắt đến”

⇒ Trạng ngữ có chức năng liên kết nội dung giữa các câu trong đoạn văn

Đúng ngày hẹn(TN), bà mẹ(CN) vô cùng ngạc nhiên vì trong nhà tự nhiên có bao nhiêu là sinh lễ(VN).

c, Kết luận

+ Trạng ngữ là thành phần phụ của câu, giúp xác định thời gian, nơi chốn, nguyên nhân, mục đích, phương tiện, tính chất của sự việc nêu trong câu

⇒ Trạng ngữ có chức

d, Ở lớp, Hà là một học sinh ngoan ngoãn. -> Tác dụng của trạng ngữ: TN chỉ nơi chốn e, Với trí thông minh và lòng say mê tìm tòi những điều mới lạ, nó đã chiếm giải nhất cuộc thi sáng tạo trẻ. ➔ Tác dụng của trạng ngữ: TN chỉ phương tiện ? Em học trạng ngữ để làm gì? - Cung cấp thông tin đầy đủ, có liên kết khi giao tiếp. - Phân biệt được đâu là thông tin chính, đâu là thông tin bổ sung khi đọc, viết, nói, nghe. - Có được tư duy trong việc sàng lọc, ghi nhớ, liên kết thông tin.	năng liên kết nội dung giữa các câu trong đoạn văn + Trạng ngữ có thể được biểu hiện
a) Mục tiêu: củng cố kiến thức thông qua các bài tập. b) Nội dung hoạt động: Gv tổ chức cho học sinh tìm hiểu tri thức tiếng Việt bằng câu hỏi gợi mở, phiếu học tập c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời của các câu hỏi, bài tập. d) Tổ chức thực hiện: * Chuyển giao nhiệm vụ: Bài 1: Trong những câu dưới đây, cụm từ ngày hôm nay ở câu nào là trạng ngữ? Vì sao? a. Ngày hôm nay là ngày khai trường đầu tiên ở nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà. (Hồ Chí Minh) b. Ngày hôm nay, nhân buổi tựu trường của các em, tôi chỉ biết chúc các em một năm đầy vui vẻ và đầy kết quả tốt đẹp. (Hồ Chí Minh)	II, LUYỆN TẬP Bài tập 1: - Cụm từ ngày hôm nay ở câu a là chủ ngữ. - Cụm từ ngày hôm nay ở câu b là trạng ngữ vì cụm từ này ngăn cách bằng dấu phẩy với các thành phần khác của câu.
Tìm 3 trạng ngữ chỉ thời gian trong truyện <i>Bức tranh của em gái tôi</i> (Tạ Duy Anh). Nêu tác dụng liên kết câu của một trong các trạng ngữ đó.	Bài tập 2: - Ba trạng ngữ chỉ thời gian trong truyện bức tranh của em gái tôi (Tạ Duy Anh): - Một hôm, tôi bắt gặp nó nhào một thứ bột gì đó đen sì, trông rất sợ, thỉnh thoảng lại bôi bôi ra cổ tay. - Hôm đó, chú Tiến Lê – họa sĩ, bạn thân của bố tôi – đưa theo bé Quỳnh đến chơi. - Kể từ hôm đó, mặc dù mọi

	chuyện vẫn như cũ trong căn nhà của chúng tôi, nhưng tôi luôn luôn cảm thấy mình bất tài nên bị đẩy ra ngoài. - Tác dụng của trạng ngữ: "<i>Kể từ hôm đó</i>" nhằm liên kết nội dung với đoạn văn trước đó.
- GV treo bảng trống lên bảng, yc hs chia 2 đội, chơi trò chơi “Ai hiểu biết hơn”, làm bài tập trong 2 phút, sau đó trình bày. 3. Thử lược bỏ các trạng ngữ (in đậm) trong những câu dưới đây và cho biết nghĩa của câu bị ảnh hưởng như thế nào. Từ đó, hãy rút ra nhận xét về vai trò của trạng ngữ đối với nghĩa của câu. a. <i>Mùa đông, giữa ngày mùa, làng quê toàn màu vàng</i> (Tô Hoài) b. <i>Đó, mẹ tôi kéo tôi chen qua đám đông để xem bức tranh của Kiều Phương đã được đóng khung lồng kính. Trong tranh, một chú bé đang ngồi nhìn ra ngoài cửa sổ, nơi bầu trời trong xanh.</i> (Tạ Duy Anh) c. <i>Con đường trải nhựa kẻ thẳng băng sóng soài không bóng cây. Đã bao nhiêu năm tháng, mỗi ngày hai buổi má đạp xe đi về trên con đường ấy.</i> (Phong Thu)	<u>Bài tập 3:</u> a. =>Nếu lược bỏ các trạng ngữ trong những câu thì: Không xác định được thời gian khi nào làng quê toàn màu vàng. b. =>Nếu lược bỏ các trạng ngữ trong những câu thì: Không thấy được sự liên kết với câu trước và không xác định được vị trí mà có một chú bé đang ngồi nhìn ra ngoài cửa sổ, nơi bầu trời trong xanh. c. =>Nếu lược bỏ các trạng ngữ trong những câu thì: Không thấy được sự liên kết với câu trước và không xác định được khoảng thời gian má đạp xe đi về trên con đường ấy.
Gv yc hs hoạt động cá nhân trong 2 phút và trả lời câu hỏi sau: 4. So sánh vị trí của trạng ngữ trong những cặp câu dưới đây và cho biết vì sao tác giả lựa chọn cách diễn đạt ở câu a₁ và câu b₁. a₁. <i>Nghe chuyện, vua lấy làm mừng lắm. Nhưng để biết</i>	<u>Bài tập 4:</u> - Trạng ngữ ở câu a₁) được đặt trước các thành phần chính trong câu còn trạng ngữ ở câu a₂) được

chính xác hơn nữa, vua cho thử lại. (Em bé thông minh) a2) Nghe chuyện, vua lấy làm mừng lắm. Nhưng vua cho thử lại để biết chính xác hơn nữa. b1) Đền Thượng nằm chót vót trên đỉnh núi Nghĩa Lĩnh. Trước đền, những khóm hải đường đâm bông rực đỏ, những cánh bướm nhiều màu sắc bay dập dờn như đang múa quạt xoè hoa. (Theo Đoàn Minh Tuấn) b2) Đền Thượng nằm chót vót trên đỉnh núi Nghĩa Lĩnh. Những khóm hải đường đâm bông rực đỏ, những cánh bướm nhiều màu sac bay dập dờn như đang múa quạt xoè hoa trước đền.	đặt sau các thành phần chính trong câu. - Trang ngữ ở câu b₁) được đặt trước các thành phần chính trong câu còn trạng ngữ ở câu b₂) được đặt sau các thành phần chính trong câu. ⇒ Tác giả chọn cách diễn đạt ở câu a₁ và câu b₁ vì muốn đưa bối cảnh của câu lên trước về mục đích, vị trí để người đọc hiểu rõ hơn nội dung chính phía sau.													
Phiếu học tập số 5: Vận dụng trạng ngữ vào viết đoạn văn <table><tr><th colspan="2">Yêu cầu</th><th>Mô tả / Gợi ý thực hiện</th></tr><tr><td rowspan="2">Hình thức</td><td>Đoạn văn</td><td>Lùi đầu dòng, không tách thành nhiều đoạn</td></tr><tr><td>Độ dài</td><td>150 chữ đến 200 chữ</td></tr><tr><td rowspan="2">Nội dung</td><td>Kể lại một đoạn truyện đã học hoặc đã đọc</td><td>Dề Mèn</td></tr><tr><td>Phương diện lựa chọn để kể</td><td>Hình dáng, tính tình</td></tr></table>	Yêu cầu		Mô tả / Gợi ý thực hiện	Hình thức	Đoạn văn	Lùi đầu dòng, không tách thành nhiều đoạn	Độ dài	150 chữ đến 200 chữ	Nội dung	Kể lại một đoạn truyện đã học hoặc đã đọc	Dề Mèn	Phương diện lựa chọn để kể	Hình dáng, tính tình	<u>Bài tập 5: Viết ngắn</u> Chọn một trong hai đề sau: a. Viết đoạn văn kể lại một đoạn truyện đã học hoặc đã đọc, trong đó có sử dụng một số trạng ngữ chỉ thời gian có chức năng liên kết các câu trong đoạn b. Viết đoạn văn trình bày suy nghĩ của em về một tác phẩm đã học đã đọc trong đó có sử dụng một số trạng ngữ chỉ vị trí để liên kết các câu trong đoạn Gợi ý: a, Dề Mèn là một chú dế cường tráng bởi biết ăn uống điều độ. Tuy nhiên, cậu chàng lại có tính kiêu
Yêu cầu		Mô tả / Gợi ý thực hiện												
Hình thức	Đoạn văn	Lùi đầu dòng, không tách thành nhiều đoạn												
	Độ dài	150 chữ đến 200 chữ												
Nội dung	Kể lại một đoạn truyện đã học hoặc đã đọc	Dề Mèn												
	Phương diện lựa chọn để kể	Hình dáng, tính tình												

Trạng ngữ sử dụng	Trạng ngữ thời gian	
Dàn ý	+ Mở đoạn: Giới thiệu vấn đề - Dế Mèn là một chú dế cường tráng bởi biết ăn uống điều độ. Tuy nhiên, cậu chàng lại có tính kiêu căng, luôn nghĩ mình “có thể sắp đứng đầu thiên hạ”. + Thân đoạn: Dế Mèn luôn coi thường những người xung quanh, đặc biệt là Dế Choắt - người bạn hàng xóm gây gò và yếu ớt. Một lần, Dế Mèn bày trò trêu chị Cốc khiến cho Dế Choắt phải chịu oan. Choắt bị chị Cốc mổ đến kiệt sức. Trước khi chết, Choắt khuyên Dế Mèn bỏ thói kiêu căng của mình. + Kết đoạn: Dế Mèn vô cùng ân hận và nhận ra bài học đường đời đầu tiên của mình.	căng, luôn nghĩ mình “có thể sắp đứng đầu thiên hạ”. Dế Mèn luôn coi thường những người xung quanh, đặc biệt là Dế Choắt - người bạn hàng xóm gây gò và yếu ớt. Một lần, Dế Mèn bày trò trêu chị Cốc khiến cho Dế Choắt phải chịu oan. Choắt bị chị Cốc mổ đến kiệt sức. Trước khi chết, Choắt khuyên Dế Mèn bỏ thói kiêu căng của mình. Dế Mèn vô cùng ân hận và nhận ra bài học đường đời đầu tiên của mình. b, Truyện ngắn “Bức tranh của em gái tôi” là một trong những truyện ngắn mà tôi yêu thích. Nội dung truyện kể về cô bé Kiều Phương có năng khiếu vẽ. Lúc đầu chưa ai biết đến khả năng này của Kiều Phương. Nhưng sau khi chú Tiến Lê xem các bức vẽ của cô bé thì cả nhà đều biết và quan tâm đến tài năng hội họa này nhiều hơn. Chỉ có người anh là cảm thấy mình bất tài, kém cỏi so với em và bắt đầu cáu kỉnh, có chút ghen ghét với em mình. Bằng tấm lòng yêu thương anh của Kiều Phương, một lần thi vẽ, cô bé đã vẽ hình ảnh anh trai của mình và giành được giải nhất. Ở phòng triển lãm, người anh nhìn thấy bức tranh, ân hận và yêu thương em mình

	nhiều hơn. Đây là một truyện ngắn khai thác sự phát triển trong tâm lý của người anh, từ việc coi cô em gái là trẻ con đến khi cảm thấy đổ kị và cuối cùng là nhận ra lỗi lầm và yêu thương em mình. Truyện ngắn đã cho tôi bài học về cách suy nghĩ và ứng xử với mọi người trong cuộc sống. Trạng ngữ chỉ vị trí để liên kết các câu trong đoạn: Ở phòng triển lãm.
--	---

Hoạt động 4: VẬN DỤNG

a) **Mục tiêu:** củng cố kiến thức về trạng ngữ .

b) **Nội dung:** HS chơi trò chơi “

c) **Sản phẩm:** HS làm ra vở

d) **Tổ chức thực hiện**

* **Chuyển giao nhiệm vụ:** Vượt chướng ngại vật bằng cách trả lời các câu hỏi.

* **Thực hiện nhiệm vụ:** Hs quan sát và đặt câu.

* **Báo cáo, thảo luận:** đại diện nhóm trả lời

* **Đánh giá nhận xét:**

* **Giao nhiệm vụ về nhà:** Đọc, soạn bài: Chích bông ơi.

Ngày dạy:

TIẾT: 119+120 THỰC HÀNH ĐỌC HIỂU: CHÍCH BÔNG ƠI!
(CAO DUY SƠN)

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức:

- Tri thức bước đầu biết về thể loại truyện ngắn; đọc- hiểu nội dung văn bản truyện hiện đại có yếu tố tự sự kết hợp với miêu tả tâm lý nhân vật.

- Những nét đặc sắc trong nghệ thuật kể chuyện và miêu tả tâm lý nhân vật trong tác phẩm. Ca ngợi sự điềm đạm, bình tĩnh, suy nghĩ thấu đáo cũng như sự đoàn kết trong tình bạn; phê phán sự bốc đồng, hiếu thắng, thâm thía nhất là sự đoàn kết trong tình bạn. Bởi vì đó là một tình cảm tốt đẹp cần được trân trọng.

- Những nét đặc sắc trong nghệ thuật miêu tả tâm lý nhân vật và nghệ thuật kể chuyện.

- Cách thức thể hiện vấn đề giáo dục nhân cách của câu chuyện: không khô khan, giáo huấn mà tự nhiên, sâu sắc qua sự tự nhận thức của nhân vật chính.

2. Năng lực

a. Năng lực chung:

- Năng lực tự chủ và tự học: Tìm kiếm thông tin, đọc sách giáo khoa, quan sát tranh ảnh để tìm hiểu về bài học.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Thảo luận nhóm để thực hiện phiếu học tập, hợp tác giải quyết vấn đề để tìm hiểu về bài học.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Năng lực trình bày và trao đổi thông tin trước lớp.

b. Năng lực đặc thù:

- Xác định được ngôi kể trong văn bản.
- Nhận biết được một số yếu tố hình thức (chi tiết, cốt truyện, nhân vật, yếu tố nghệ thuật,...), nội dung (đề tài, chủ đề, ý nghĩa, thái độ người kể,...) của truyện ngắn
- Hiểu nội dung văn bản truyện hiện đại có yếu tố tự sự kết hợp với miêu tả tâm lý nhân vật thể hiện qua văn bản.
- Phân tích được nhân vật, sự kiện, cốt truyện trong tác phẩm thuộc thể loại truyện ngắn.

3. Phẩm chất:

- Biết tôn trọng, yêu thương mọi người xung quanh, nhận thức và xác định cách ứng xử, sống khiêm tốn, biết tôn trọng người khác.
- Thích đọc sách, báo, tìm tư liệu trên mạng Internet để mở rộng hiểu biết.

II. THIẾT BỊ VÀ HỌC LIỆU

- Học liệu: Ngữ liệu/Sách giáo khoa, phiếu học tập.
- Thiết bị: Máy tính, máy chiếu.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Hoạt động 1: Mở đầu

- a) Mục tiêu: Tạo tâm thế và định hướng chú ý cho học sinh; tạo vấn đề vào chủ đề
- b) Nội dung hoạt động: HS quan sát tranh và chia sẻ cảm nhận.
- c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời/chia sẻ của HS bằng ngôn ngữ
- d) Tổ chức hoạt động:

* **Chuyển giao nhiệm vụ:** Cho học sinh nghe bài hát “ Chim chích bông”

<https://www.youtube.com/watch?v=dcuL9l-A5zo>

Em có yêu thích loài chim này không? Em đã từng nhìn thấy chú chim non chưa?

* **Báo cáo kết quả:** HS trình bày kết quả

* **Đánh giá nhận xét:** Các em đã được tìm hiểu 2 văn bản truyện ngắn. Hôm nay, các em sẽ áp dụng những kiến thức về thể loại đã được học vào thực hành 1 văn bản cụ thể.

2. Hoạt động 2+3: Hình thành kiến thức mới

Hoạt động của GV và HS	Nội dung cần đạt
c) Mục tiêu: học sinh nắm được những vấn đề cơ bản về tác giả, văn bản.	
b) Nội dung hoạt động: Gv tổ chức cho học sinh tìm hiểu	

tri thức tiếng Việt bằng câu hỏi gợi mở, phiếu học tập. c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời của các câu hỏi, bài tập. d) Tổ chức thực hiện:																											
* Chuyển giao nhiệm vụ: Yêu cầu đọc: + Đọc to, diễn cảm, đúng giọng nhân vật. PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1: TÌM HIỂU CHUNG <table border="1" data-bbox="207 548 1068 921"> <tr> <td colspan="2">Văn bản:</td></tr> <tr> <td>Tác giả</td><td></td></tr> <tr> <td>Xuất xứ</td><td></td></tr> <tr> <td>Thể loại</td><td></td></tr> <tr> <td>Phương thức biểu đạt chính</td><td></td></tr> <tr> <td>Ngôi kể và tác dụng</td><td></td></tr> <tr> <td>Nhân vật</td><td></td></tr> <tr> <td>Bố cục</td><td></td></tr> </table> * Thực hiện nhiệm vụ: - HS suy nghĩ, hình thành và triển khai ý tưởng, tự duy độc lập... * Báo cáo kết quả: - GV gọi bất kì nhóm nào trình bày kết quả. * Kết luận, đánh giá: - HS, GV đánh giá, nhận xét. ? Em hãy dựa vào các sự việc để tóm tắt ngắn gọn văn bản? Tóm tắt: PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2: TÌM HIỂU TỪ KHÓ <table border="1" data-bbox="188 1434 1076 1654"> <tr> <th>TỪ</th><th>NỘI DUNG</th></tr> <tr> <td>Pa</td><td></td></tr> <tr> <td>Thung</td><td></td></tr> <tr> <td>Siêm</td><td></td></tr> <tr> <td>Mé</td><td></td></tr> </table>	Văn bản:		Tác giả		Xuất xứ		Thể loại		Phương thức biểu đạt chính		Ngôi kể và tác dụng		Nhân vật		Bố cục		TỪ	NỘI DUNG	Pa		Thung		Siêm		Mé		I, ĐỌC VĂN BẢN 1, Tác giả: -Tên thật: Nguyễn Cao Sơn -Sinh năm: ngày 28 tháng 4 năm 1956 - Quê: Thị trấn Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng - Vị trí: Là hội viên nhà văn Việt Nam, hiện ông là Tổng biên tập Tạp chí Văn hoá các dân tộc. - Tác phẩm: 5 cuốn tiểu thuyết, 4 tập truyện ngắn đã xuất bản như: "Người lang thang", "Cực lạc", "Hoa mạn đỏ", "Đàn trời", "Chòm ba nhà", "Những chuyện ở lưng Cô Sầu", "Những đám mây hình người", "Hoa bay cuối trời" và "Ngôi nhà xưa bên suối".. - Giải thưởng: hai lần đoạt giải A giải thưởng của hội văn học Nghệ thuật các dân tộc thiểu số Việt Nam, giải thưởng hội nhà văn Việt Nam và giải thưởng văn học Asean. 2, Văn bản - Xuất xứ: Cao Bằng 3/1999; trích Tuyển tập truyện viết về thiểu nhi dân tộc và miền núi. - Thể loại: Truyện ngắn - PTBD chính: Tự sự
Văn bản:																											
Tác giả																											
Xuất xứ																											
Thể loại																											
Phương thức biểu đạt chính																											
Ngôi kể và tác dụng																											
Nhân vật																											
Bố cục																											
TỪ	NỘI DUNG																										
Pa																											
Thung																											
Siêm																											
Mé																											

	- Ngôi kể: Ngôi kể thứ 3 người kể tự giấu mình đi và gọi tên các nhân vật theo tên của chúng. Cách kể này giúp người kể có thể kể chuyện một cách linh hoạt, tự do những gì diễn ra với nhân vật. - Nhân vật: Con trai của Dế Vằn, Dế Vằn, pa của Dế Vằn, nhân vật chính Dế Vằn. - Bố cục: 2 phần + Phần 1 (Từ đầu đến Dế Vằn bối rối): Sự việc gặp chú chim nhỏ. + Phần 2 (Tiếp đến run rẩy trong lòng): Dế Vằn hồi tưởng lại chuyện trong quá khứ. + Phần 3 (Còn lại): Dế Vằn và Ô Khin cứu và thả chú chim lên trời.
II, KHÁM PHÁ VĂN BẢN	
a, Mục tiêu: học sinh tìm hiểu các chi tiết văn bản để thấy được vẻ đẹp tâm hồn của hai cha con. b) Nội dung hoạt động: Gv tổ chức cho học sinh tìm hiểu tri thức tiếng Việt bằng câu hỏi gợi mở, phiếu học tập. c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời của các câu hỏi, bài tập. d) Tổ chức thực hiện:	1, Câu chuyện về chim chích bông
*Chuyển giao nhiệm vụ: Thời gian: 3p - Nhiệm vụ : Đọc văn bản và trả lời các câu hỏi sau PHIẾU HỌC TẬP SỐ 3: Thảo luận cặp đôi Câu 1: Truyện viết về ai, về việc gì? Câu 2: Trong văn bản có mấy câu chuyện được kể? Đó là những câu chuyện nào? Từ đó em hiểu cách viết truyện trong truyện ở đây như thế nào? * Thực hiện nhiệm vụ: - HS suy nghĩ, hình thành và triển khai ý tưởng, tư	- Truyện kể về một lần cậu bé nhờ bố giúp đỡ một chú chim chích bông con xa mẹ phải chết. - Truyện chim chích bông được kể thông qua hai câu chuyện của người cha: quá khứ- hiện tại.

duy độc lập... * Báo cáo kết quả: - GV gọi bất kì nhóm nào trình bày kết quả. * Kết luận, đánh giá: - HS, GV đánh giá, nhận xét.			
	a, Câu chuyện của người cha trong quá khứ - Dế Vằn theo pa lên nương và bắt chim non mang về - Chú chim non bị chết. - Dế Vằn vẫn ân hận đến bây giờ.		
? Qua hai câu chuyện , em có cảm nhận gì về người bố Dế Vằn và đứa con Ò Khìn? - Dế Vằn là một người hiền lành, biết nhận lỗi sai và luôn ân hận về những hành vi sai lầm của mình. Anh đã rút kinh nghiệm của bản thân mình cho đứa con. - Ò Khìn sau khi nghe được câu chuyện pa kể và em hiểu được nỗi buồn, sự ăn năn của cha về cái chết của con chim nhỏ năm xưa nên không muốn lặp lại.	b, Câu chuyện hiện tại của hai cha con Ò Khìn. Nghi. - Đầu truyện: Ò Khìn muốn bắt bcon chích bông để chơi. - Cuối truyện lại thả để chim bay vút lên trời với lười thì thầm: “ Bay đi, bay về với mẹ mày đi.”		
a, Mục tiêu: học sinh tìm hiểu các chi tiết văn bản để thấy được hình ảnh những con chim chích gọi nhiều liên tưởng. b) Nội dung hoạt động: Gv tổ chức cho học sinh tìm hiểu tri thức tiếng Việt bằng câu hỏi gợi mở, phiếu học tập. c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời của các câu hỏi, bài tập. d) Tổ chức thực hiện:	2, Hình ảnh những con chim chích		
*Chuyển giao nhiệm vụ: PHIẾU HỌC TẬP SỐ 4: Hình ảnh những con chim chích Hình ảnh những con chim chích bông non, chích bông mẹ, những bụi gai theo em gợi ra điều gì?Hãy điền vào bảng thống kê sau đây: <table border="1" data-bbox="186 1787 1073 1829"> <tr> <td>Hình ảnh</td><td>Biểu tượng cho điều gì?</td></tr> </table>	Hình ảnh	Biểu tượng cho điều gì?	
Hình ảnh	Biểu tượng cho điều gì?		

Những bụi gai, việc bị bắt	
Chim chích bông non	
Chim mẹ	

*** Thực hiện nhiệm vụ:**

- HS suy nghĩ, hình thành và triển khai ý tưởng, tự duy độc lập...

*** Báo cáo kết quả:**

- GV gọi bất kì nhóm nào trình bày kết quả.

Dự kiến sản phẩm:

Hình ảnh	Biểu tượng cho điều gì?
Những bụi gai, việc bị bắt	Biểu tượng cho những khó khăn, trở ngại trong cuộc đời mỗi con người. Để trưởng thành con người phải vượt qua những thử thách ấy.
Chim chích bông non	Là biểu tượng cho sự trưởng thành, lòng yêu thương con. Gọi liên tưởng đến ông nội và người bố(Những người trưởng thành, có tấm lòng yêu thương, có những trải nghiệm và bài học giáo dục và hướng dẫn lớp sau phát triển). Những chú chim còn là biểu hiện cho sự tự do hoà bình, yên bình.
Chim mẹ	Biểu tượng cho những khó khăn, trở ngại trong cuộc đời mỗi người. Để trưởng thành con người phải vượt quan những thử thách ấy.

*** Kết luận, đánh giá:**

- HS, GV đánh giá, nhận xét.

? Vì sao ở đầu truyện, Ô Khìn muốn pa bắt con chích nông để chơi nhưng đến cuối truyện lại thả để chim bay vút lên trời với lời thì thầm: "bay đi, bay về với mẹ mày đi".

- Vì Ô Khìn sau khi nghe được câu chuyện pa kể và hiểu được nỗi day dứt trong lòng pa, cậu bé hiền lành đã rút được bài học cho mình và thả để chim bay vút lên trời với lời thì thầm: "bay đi, bay về với

⇒

mẹ mày đi".	
- Câu chuyện muốn nhắn gửi ta rằng cần lòng nhân hậu, luôn giúp đỡ người khác, bảo vệ động vật và không nên chọc phá tổ chim, bắt chim non, suy nghĩ cẩn thận trước khi làm một điều gì đó. - Điều gây ấn tượng sâu sắc với em là cách lồng ghép hai câu chuyện một cách khéo léo tài tình, người đọc chúng ta vừa đọc hiểu câu chuyện vừa có thể rút ra bài học đúng đắn cho mình.	
HD cá nhân - KT trình bày 1 phút: * GV yêu cầu HS làm việc cá nhân thực hiện yêu cầu sau: Em hãy khái quát nghệ thuật và nội dung chính của văn bản?	III, TỔNG KẾT 1, Nghệ thuật: Nghệ thuật “truyện lồng trong truyện” độc đáo, sinh động. 2, Nội dung: Văn bản là câu chuyện nhắc nhở con người hãy biết yêu thương, nâng niu và bảo vệ loài vật, đừng vô tình trở thành kẻ nhẫn tâm, thô bạo. Truyện cũng nhằm ca ngợi những tâm hồn nhân hậu, trong sáng.

3. Hoạt động 3: Luyện tập

a) Mục tiêu: Học sinh vận dụng kiến thức đã học để làm bài tập

b) Nội dung hoạt động: Trả lời câu hỏi

c) Sản phẩm học tập:

d) Tổ chức thực hiện:

*** Chuyển giao nhiệm vụ:**

Chỉ ra điểm giống nhau giữa hai câu chuyện trong văn bản này:

a) Chuyện của người cha trong quá khứ

b) Chuyện hiện tại của hai cha con Ò Khìn

Từ đó em hiểu cách viết "truyện trong truyện" ở đây thế nào?

*** Thực hiện nhiệm vụ:**

- Học sinh tiếp nhận: Nắm được yêu cầu, thực hiện nhiệm vụ thông qua nhóm.

- Giáo viên: Quan sát, theo dõi quá trình học sinh thực hiện, gợi ý nếu cần

*** Báo cáo kết quả:**

- Học sinh phát biểu tùy theo cảm nhận của từng cá nhân, của nhóm.

- Giáo viên: Quan sát, theo dõi quá trình học sinh thực hiện, gợi ý nếu cần.

Dự kiến sản phẩm:

- Hai câu chuyện trong văn bản này giống nhau ở chỗ cả hai cha con đều gặp tình huống giống nhau: thấy con chim chích bông nhỏ, rất thích và muốn bắt nó để nuôi.

- Người kể đã lồng câu chuyện đã xảy ra của người cha(quá khứ) vào chuyện đang xảy ra(hiện tại). Từ chuyện của người cha nhớ lại kỉ niệm năm xưa của chính mình. Đó là cách kể „ truyện trong truyện“.

*** Đánh giá nhận xét:**

- Học sinh nhận xét câu trả lời.

4. Hoạt động 4: Vận dụng

a) Mục tiêu: HS vận dụng những kiến thức đã học để giải quyết một số vấn đề trong cuộc sống

b) Nội dung:

c) Sản phẩm: Bài làm của học sinh

d) Tổ chức thực hiện

*** Chuyển giao nhiệm vụ:**

❖ Viết đoạn văn khoảng 5- 7 dòng nêu cảm nhận về điều gây ấn tượng sâu sắc nhất với em trong câu chuyện?

*** Thực hiện nhiệm vụ:**

- Học sinh trả lời câu hỏi

- Giáo viên: Quan sát, theo dõi quá trình học sinh thực hiện, gợi ý nếu cần

*** Báo cáo kết quả:**

Học sinh làm việc nhóm, cử đại diện trình bày.

- Giáo viên: Quan sát, theo dõi quá trình học sinh thực hiện, gợi ý nếu cần

*** Đánh giá nhận xét:**

- Học sinh nhận xét câu trả lời

- Giáo viên sửa chữa, đánh giá, chốt kiến thức.

NÓI VÀ NGHE “ THẢO LUẬN NHÓM NHỎ VỀ MỘT VẤN ĐỀ”

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

- Hiểu được tầm quan trọng của việc thảo luận nhóm tìm ra giải pháp thống nhất cho vấn đề.
- Xác định được các bước cần thực hiện(chuẩn bị và thảo luận) để buổi thảo luận nhóm hiệu quả.
- Biết tham gia thảo luận nhóm nhỏ để tìm ra giải pháp thống nhất cho một vấn đề cụ thể.

2. Năng lực

a. Năng lực chung:

- Năng lực tự chủ và tự học: Tìm kiếm thông tin, đọc sách giáo khoa, quan sát tranh ảnh để thảo luận nhóm nhỏ về một vấn đề có giải pháp thống nhất.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Thảo luận nhóm để thực hiện phiếu học tập, hợp tác giải quyết vấn đề để thảo luận nhóm nhỏ về một vấn đề có giải pháp thống nhất.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Năng lực trình bày và trao đổi thông tin trước lớp.

b. Năng lực đặc thù:

- Thảo luận nhóm nhỏ về một vấn đề có giải pháp thống nhất.

3. Phẩm chất:

- **Chăm chỉ:** Có ý thức vận dụng kiến thức, kĩ năng học được ở nhà trường, trong sách báo và từ các nguồn tin cậy khác vào học tập và đời sống hằng ngày.
- **Trách nhiệm:** Có ý thức tham gia hoạt động nhóm để thống nhất vấn đề. Xây dựng thái độ hoà nhã khi tham gia làm việc theo nhóm. Có trách nhiệm trong việc trình bày, lắng nghe và phản biện.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU.

- Học liệu: Ngữ liệu/Sách giáo khoa, phiếu học tập.
- Thiết bị: Máy tính, máy chiếu.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Hoạt động 1: Mở đầu

a) Mục tiêu: Tạo tâm thế và định hướng chú ý cho học sinh; tạo vấn đề vào chủ đề

b) Nội dung hoạt động: HS trả lời câu hỏi

c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời/chia sẻ của HS bằng ngôn ngữ

d) Tổ chức hoạt động:

*** Chuyển giao nhiệm vụ:** Em hãy rút ra những ý nghĩa của việc thảo luận nhóm từ những bài học trước.

*** Thực hiện nhiệm vụ học tập:** Hs nhớ lại và trả lời

*** Báo cáo kết quả:** HS trình bày kết quả (cá nhân).

Dự kiến sản phẩm:

- + Nhanh chóng tìm ra nhiều giải pháp hiệu quả để giải quyết vấn đề
 - + Tiếp cận những quan điểm, cách giải quyết mới, đem đến cho cá nhân cái nhìn đa chiều.
 - + Giúp mỗi cá nhân có cơ hội bày tỏ quan điểm cá nhân, học hỏi và trau dồi về kiến thức, kỹ năng, thái độ.
- * Đánh giá nhận xét, kết nối bài học:** Các em thấy việc thảo luận nhóm quả có vai trò rất quan trọng đối với việc học tập, việc giải quyết vấn đề. Vậy ngày hôm nay chúng ta sẽ tiếp tục khám phá hoạt động thảo luận nhóm qua bài “.....”

2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức

Hoạt động của GV và HS	Nội dung cần đạt
a) Mục tiêu: Hs nhắc lại kiến thức về thảo luận nhóm b) Nội dung hoạt động: c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời/chia sẻ của HS bằng ngôn ngữ d) Tổ chức hoạt động:	I, ĐỊNH HƯỚNG
* Chuyển giao nhiệm vụ: ? Nhắc lại những công việc quan trọng khi thảo luận nhóm? ? Khi thảo luận nhóm em cần lưu ý điều gì? * Thực hiện nhiệm vụ: Hs trả lời câu hỏi * Báo cáo kết quả: * Đánh giá nhận xét, kết luận	1, Chuẩn bị Thành lập nhóm và phân công công việc Chuẩn bị nội dung buổi thảo luận Thống nhất mục tiêu và thời gian của buổi thảo luận. 2, Tiến hành thảo luận Trình bày ý kiến Phản hồi các ý kiến Thống nhất giải pháp 3, Lưu ý khi thảo luận nhóm - Khi trình bày và phản hồi các ý kiến, cần tự tin, tôn trọng và hòa nhã với các bạn trong nhóm - Cần vận dụng kỹ năng ghi chép tóm tắt để việc thảo luận và phản hồi hiệu quả hơn - Thảo luận nhóm sẽ hiệu quả hơn nếu có thêm các phương tiện hỗ trợ - Cần chú ý đánh giá, tổng kết, rút kinh nghiệm sau mỗi lần nhóm làm việc - Nhóm làm việc hiệu quả là nhóm phát huy được tối đa khả năng của các thành viên vì mục tiêu chung của nhóm.

3. Hoạt động 3: Luyện tập

- a) Mục tiêu: Học sinh vận dụng kiến thức đã học vào giải bài tập
- b) Nội dung hoạt động: Hs trả lời câu hỏi.
- c) Sản phẩm học tập:
- Câu trả lời của các câu hỏi, bài tập.
- d) Tổ chức thực hiện:
- * **Chuyển giao nhiệm vụ:**
 - GV phát phiếu bài tập.
 - * **Thực hiện nhiệm vụ:**
 - HS suy nghĩ, hình thành và triển khai ý tưởng, tư duy độc lập...
 - * **Báo cáo kết quả:**
 - GV gọi bất kì cá nhân nào trình bày kết quả.
 - * **Kết luận, đánh giá:**
 - HS, GV đánh giá, nhận xét.

Hoạt động của GV và HS	Nội dung cần đạt
- ? Hãy nhắc lại các bước thực hành bài nói?	II, THỰC HÀNH Bài tập: Trao đổi về vấn đề “ <i>Chơi game chỉ có tác hại. Đúng hay sai?</i> ”
? Em cần chuẩn bị những gì khi nói?	1, Chuẩn bị - Lựa chọn vấn đề cần thảo luận. - Tìm hiểu, thu thập thông tin về vấn đề cần thảo luận. - Xem lại các yêu cầu nói và nghe trong thảo luận nhóm.
Tìm ý bằng cách đặt và trả lời một số câu hỏi như thế nào? + Game là gì? Nêu tên một số trò chơi game mà em biết? + Việc chơi game có hại gì và có lợi gì?	2, Tìm ý và lập dàn ý a, Tìm ý bằng cách đặt và trả lời một số câu hỏi như: + Game là gì? Nêu tên một số trò chơi game mà em biết?(Game là một trò chơi sử dụng các thiết bị điện tử để tạo ra một hệ thống tương tác mà người chơi có thể chơi. Trò chơi điện tử là hình thức phổ biến nhất hiện nay. Ví dụ như DOTA, FIFA, Candy, Crush Saga... + Việc chơi game có hại gì và có lợi gì? Lợi ích của việc chơi game: (Giúp giải trí, giảm căng thẳng. Vận động đầu óc một cách thoải mái. Được công nhận là một môn thể thao điện tử viết tắt là E-Sports.) Tác hại của việc chơi game: (Dễ khiến việc học hành chậm tiến, hình thành các thói quen xấu như trộm cắp, nói dối cha mẹ... Chơi game quá nhiều còn đem đến những ảnh hưởng vô cùng nghiêm trọng đến sức khỏe.)

Lập dàn ý bằng cách dựa vào những ý đã tìm được, sắp xếp lại theo ba phần của bài viết: + Mở đầu: + Nội dung chính + Kết thúc:	+ Nên chơi game như thế nào cho phù hợp?(Nên chơi game điều độ dành một chút thời gian mỗi ngày để chơi. b, Lập dàn ý bằng cách dựa vào những ý đã tìm được, sắp xếp lại theo ba phần của bài viết: + Mở đầu: Chơi game mang đến tác hại hay lợi ích? + Nội dung chính Game là một trò chơi sử dụng các thiết bị điện tử để tạo ra một hệ thống tương tác mà người chơi có thể chơi. Trò chơi điện tử là hình thức phổ biến nhất hiện nay. Ví dụ như DOTA, FIFA, Candy, Crush Saga... Mặt tiêu cực: Để khiến việc học hành chậm tiến, hình thành các thói quen xấu như trộm cắp, nói dối cha mẹ... Chơi game quá nhiều còn đem đến những ảnh hưởng vô cùng nghiêm trọng đến sức khỏe. Mặt tích cực: Giúp giải trí, giảm căng thẳng. Vận động đầu óc một cách thoải mái. Được công nhận là một môn thể thao điện tử viết tắt là E-Sports. Nguyên nhân khiến các bạn trẻ nghiện game: Sự thiếu hiểu biết và không biết kiểm soát Các bậc phụ huynh thiếu quan tâm giáo dục đối với con cái. Thiếu sự tuyên truyền, giáo dục của nhà trường cho học sinh về tác hại của việc chơi game quá mức. + Kết thúc: Phương thức giải trí như chơi game không hề xấu nhưng lạm dụng quá mức sẽ thành nghiện. Phải tự ý thức được mức độ giải trí, không nên quá đắm chìm vào việc chơi game mà bỏ bê việc học hành, sức khỏe.
* Chuyển giao nhiệm vụ (GV) - Yêu cầu HS nói theo dàn ý đã được gợi ý trong SGK - Trình chiếu phiếu đánh giá nói theo các tiêu chí và yêu cầu HS đọc. *Thiện nhiệm vụ - HS xem lại dàn ý - GV hướng dẫn HS nói theo	3, Nói và nghe - Dựa vào dàn ý đã chuẩn bị, trình bày ý kiến thảo luận. - Nêu các câu hỏi chất vấn những điều chưa rõ hoặc không tán thành ý kiến. - Trả lời câu hỏi bạn nêu ra cho em. - Tập trung theo dõi và tôn trọng khi bạn phát biểu.

phiếu tiêu chí * Thảo luận, báo cáo - HS nói (4 – 5 phút). - GV hướng dẫn HS nói * Kết luận, nhận định - Nhận xét HĐ của HS và chuyển dẫn sang mục sau.	
* Chuyển giao nhiệm vụ (GV) Giáo viên: - Trình chiếu phiếu đánh giá HĐ nói theo các tiêu chí. - Yêu cầu HS đánh giá theo các tiêu chí đã nêu ra trong phiếu đánh giá - GV đặt thêm câu hỏi: + Với người nghe: Em thích nhất điều gì trong phần trình bày của bạn? Nếu muốn thay đổi, em muốn thay đổi điều gì trong phần trình bày của bạn? + Với người nói: Em tâm đắc nhất điều gì trong phần trình bày của mình? Em muốn trao đổi, bảo lưu hay tiếp thu những góp ý của các bạn và thầy cô? Nếu được trình bày lại, em muốn thay đổi điều gì? - Học sinh: tiếp nhận nhiệm vụ. * Thực hiện nhiệm vụ GV: Hướng dẫn HS nhận xét, đánh giá HĐ nói của bạn theo phiếu tiêu chí. HS: Ghi nhận xét, đánh giá HĐ nói của bạn ra giấy. * Thảo luận, báo cáo - GV yêu cầu HS nhận xét, đánh giá. - HS nhận xét, đánh giá HĐ nói của bạn theo phiếu đánh giá các tiêu chí nói.	4, Kiểm tra và chỉnh sửa - Nhớ lại, rút kinh nghiệm về nội dung vấn đề thảo luận và cách phát biểu, thảo luận: + Người nói xem xét lại nội dung thảo luận; rút kinh nghiệm cách phát biểu và các lỗi trong phát biểu, thảo luận. + Người nghe: Xem xét yêu cầu nắm được thông tin; rút kinh nghiệm các lỗi về thái độ trong khi nghe và khi phát biểu, thảo luận.

* Kết luận, nhận định	
------------------------------	--

- GV nhận xét HĐ nói của HS, nhận xét nhận xét của HS và kết nối sang hoạt động sau.	
--	--

4. Hoạt động 4: Vận dụng

a) Mục tiêu: Học sinh vận dụng kiến thức đã học vào giải bài tập

b) Nội dung hoạt động: Hs trả lời câu hỏi.

c) Sản phẩm học tập:

- Câu trả lời của các câu hỏi, bài tập.

d) Tổ chức thực hiện:

*** Chuyển giao nhiệm vụ:** Khi thảo luận chúng ta không tránh khỏi những mâu thuẫn xích mích, vậy ta cần có cách giải quyết mâu thuẫn đó như thế nào?*** Thực hiện nhiệm vụ:**

- HS suy nghĩ, hình thành và triển khai ý tưởng, tư duy độc lập...

*** Báo cáo kết quả:**

- GV gọi bất kì cá nhân nào trình bày kết quả.

Dự kiến:

- Xác định nguồn gốc xung đột, tìm ra nút thắt.

- Bình tĩnh lắng nghe, trao đổi và giải quyết mâu thuẫn trên tinh thần tôn trọng nhau và vì mục tiêu chung của nhóm.

- Sau khi vấn đề được giải quyết, cần có thoả thuận về cách thức làm việc cho những lần sau để tránh xung đột nhóm tiếp diễn lần nữa.

*** Kết luận, đánh giá:**

- HS, GV đánh giá, nhận xét.

*** Hướng dẫn tự học**

Hoàn thành bài viết và rút kinh nghiệm cho bản thân

Chuẩn bị bài **10: VĂN BẢN THÔNG TIN**

Ngày dạy:

TIẾT 123: TỰ ĐÁNH GIÁ

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

HS ôn nhớ lại kiến thức trong bài 9 và vận dụng kiến thức trong bài học để thực hiện bài tập phần Tự đánh giá (Trang 84/SGK): Kiến thức về phân truyện ngắn, đặc điểm nhân vật, lời kể, ngôi kể,hiểu và sử dụng được kiến thức phần Tiếng việt: trạng ngữ, biết cách làm bài văn tả cảnh sinh hoạt của con người trong đời sống, lao động.

2 Năng lực

- Hệ thống được các kiến thức về truyện ngắn về đọc hiểu văn bản truyện, thực hành tiếng việt và tạo lập đoạn văn tả cảnh sinh hoạt trong bài 9.
- Năng lực tự chủ, giao tiếp, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo.

2, Phẩm chất

- Chăm chỉ: Thích đọc sách, báo, tìm tư liệu trên mạng Internet để mở rộng hiểu biết.
- Trách nhiệm: Có ý thức học tập môn học.

II. THIẾT BỊ VÀ HỌC LIỆU

- Học liệu: Ngữ liệu/Sách giáo khoa, phiếu học tập.
- Thiết bị: Máy tính.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Hoạt động 1: Mở đầu

a) Mục tiêu: Tạo tâm thế và định hướng chú ý cho học sinh; tạo vấn đề vào chủ đề

b) Nội dung hoạt động: HS trả lời câu hỏi.

c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời/chia sẻ của HS bằng ngôn ngữ

d) Tổ chức hoạt động:

* **Chuyển giao nhiệm vụ:** Hãy kể tên các đơn vị kiến thức các em đã được học trong bài 9

* **Thực hiện nhiệm vụ:** Hs trả lời

* **Báo cáo kết quả:** HS trình bày kết quả (cá nhân).

* **Đánh giá nhận xét, dẫn vào bài:** Hôm nay chúng ta học bài tự đánh giá kiến thức đã học trong bài 9 để nắm vững kiến thức đã học trong bài.

2. Hoạt động 2

Hoạt động của GV và HS	Nội dung cần đạt
a) Mục tiêu: Củng cố kiến thức về văn bản truyện và các văn bản tự sự. b) Nội dung hoạt động: HS trả lời câu hỏi. c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời/chia sẻ của HS bằng ngôn ngữ d) Tổ chức hoạt động:	A. Ôn tập I. Đọc hiểu văn bản truyện: 1. Truyện ngắn: Truyện ngắn là tác phẩm văn xuôi cỡ nhỏ, ít nhân vật, ít sự việc phức tạp... Chi tiết lời văn trong truyện

Truyện ngắn là gì? Đặc điểm nhân vật là gì? Lời người kể chuyện là gì? Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập Hs trả lời câu hỏi Bước 3: Báo cáo sản phẩm học tập - HS trình bày cá nhân. - Các HS khác nhận xét. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ: - GV nhận xét và chuẩn kiến thức.	ngắn rất cô đọng. Truyện ngắn hiện đại Việt Nam xuất hiện tương đối muộn. - Đặc điểm nhân vật là những nét riêng của nhân vật trong truyện, thường được thể hiện qua hình dáng, cử chỉ, hành động, ngôn ngữ, ý nghĩ,... - Lời người kể chuyện là lời của người đã kể lại câu chuyện. Nếu người kể theo ngôi thứ nhất thì lời của người kể là lời của người xưng “tôi”. Nếu người kể theo ngôi thứ ba thì lời của người kể là lời của người ngoài, khụng tham gia cõu chuyện
a. <i>Mục tiêu:</i> Hs nắm được những đặc sắc về nội dung nghệ thuật từ đó có những hiểu biết đầy đủ, cụ thể hơn về đặc điểm của truyện ngắn. b. <i>Nội dung:</i> <i>Hướng dẫn học sinh</i> nêu ý kiến để khái quát lại những thành công về nghệ thuật, nội dung. c. <i>Sản phẩm:</i> Các câu trả lời của học sinh d. <i>Tổ chức thực hiện</i> B1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập: GV giao nhiệm vụ cho HS thông qua hệ thống câu hỏi - Trình bày khái quát nội dung và những đặc sắc về nghệ thuật của văn bản. - Hãy nêu nội dung và nghệ thuật của truyện ngắn. B 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập - Học sinh làm việc cá nhân, suy nghĩ, trả lời. - Giáo viên: Quan sát, theo dõi quá trình học sinh thực hiện, gợi ý nếu cần	2. Đọc hiểu Văn bản: a. Bức tranh của em gái tôi: 1, Nghệ thuật. - Miêu tả tâm lí nhân vật đặc sắc, ngôn ngữ độc thoại nội tâm. - Cách kể chuyện tự nhiên, hấp dẫn. - Ngôi kể thứ nhất tạo điều kiện cho nhân vật bộc lộ diễn biến tâm lí tự nhiên, chân thực. 2, Nội dung- chủ đề văn bản. – Sự ganh ghét đố kỵ sẽ che mờ nhận thức, tình cảm khiến ta tầm thường, nhỏ nhen và đánh mất chính mình. - Lòng nhân hậu , bao dung và tâm hồn cao thượng có..sức mạnh thức tỉnh, cảm hóa để để hướng con người đến những gì đẹp đẽ. - Tình yêu thương của các thành viên trong gia đình là động lực mạnh mẽ giúp con người hoàn thiện bản thân, tìm thấy hạnh phúc.

B 3: Báo cáo kết quả và thảo luận - Học sinh trình bày cá nhân: B 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - Yêu cầu học sinh nhận xét câu trả lời. - Gv sửa chữa, đánh giá, chốt kiến thức. HD cá nhân - KT trình bày 1 phút: <i>* GV yêu cầu HS làm việc cá nhân thực hiện yêu cầu sau: Em hãy khái quát nghệ thuật và nội dung chính của văn bản?</i> HD cá nhân - KT trình bày 1 phút: <i>* GV yêu cầu HS làm việc cá nhân thực hiện yêu cầu sau: Em hãy khái quát nghệ thuật và nội dung chính của văn bản?</i>	b. Văn bản: Điều không tính trước: 1, Nghệ thuật: + Tình huống với kết truyện bất ngờ, tạo nên sức hấp dẫn cho câu chuyện. + Nghệ thuật miêu tả tâm lí tinh tế cùng ngôi kể thứ nhất chân thực, thể hiện sự am hiểu trẻ thơ của tác giả. 2, Nội dung: Từ câu chuyện về cách giải quyết mâu thuẫn giữa các nhân vật, truyện ca ngợi tinh thần nhân ái, đoàn kết. c, VB: Chích bông ới 1, Nghệ thuật: Nghệ thuật “truyện lồng trong truyện” độc đáo, sinh động. 2, Nội dung: Văn bản là câu chuyện nhắc nhở con người hãy biết yêu thương, nâng niu và bảo vệ loài vật, đừng vô tình trở thành kẻ nhẫn tâm, thô bạo. Truyện cũng nhằm ca ngợi những tâm hồn nhân hậu, trong sáng.
B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV) - GV yêu cầu trả lời các câu hỏi. ? Thế nào là trạng ngữ. ? Cho ví dụ. B2: Thực hiện nhiệm vụ HS: HS quan sát, suy nghĩ trả lời câu hỏi - Đọc phần kiến thức ngữ văn SGK trang 73 GV: Hướng dẫn HS hoàn thành nhiệm vụ. B3: Báo cáo	II. Kiến thức Tiếng việt 1. Trạng ngữ: + Trạng ngữ là thành phần phụ của câu, giúp xác định thời gian, nơi chốn, nguyên nhân, mục đích, phương tiện, tính chất của sự việc nêu trong câu ⇒ Trạng ngữ có chức năng liên kết nội dung giữa các câu trong đoạn văn

HS: Trả lời câu hỏi - Nhận xét và bổ sung cho bạn (nếu cần) B4: Kết luận, nhận định (GV) - Chốt kiến thức lên màn hình - Chuyển dẫn sang câu hỏi phần bài tập	+ Trạng ngữ có thể được biểu hiện bằng từ, cụm từ và thường trả lời cho các câu hỏi: Khi nào, ở đâu? Vì sao, như thế nào..?								
PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2: Yêu cầu cụ thể của một bài văn tả cảnh sinh hoạt <table border="1" data-bbox="115 510 846 688"> <tr> <th>Phương diện</th><th>Yêu cầu</th></tr> <tr> <td>Nội dung</td><td></td></tr> <tr> <td>Hình thức</td><td></td></tr> <tr> <td>Cấu trúc</td><td></td></tr> </table> <i>Mục tiêu:</i> Nhận biết được các yêu cầu đối với đoạn văn tả cảnh sinh hoạt - Biết dùng từ ngữ miêu tả, nhận xét về nội dung hoặc yếu tố nghệ thuật ẩn tượng trong bài văn miêu tả <i>Nội dung:</i> - GV hỏi, HS về xác định yêu cầu, nội dung của đề. - HS trả lời <i>Sản phẩm:</i> Các câu trả lời của học sinh <i>Tổ chức thực hiện:</i> Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - Đặt câu hỏi: + Theo SGK, viết bài văn tả cảnh sinh hoạt. + Để viết bài văn tả cảnh sinh hoạt, các em cần chú ý những gì? Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ Bước 3: Báo cáo, thảo luận HS trả lời Bước 4: Kết luận, nhận định - Nhận xét kết quả học tập của hs	Phương diện	Yêu cầu	Nội dung		Hình thức		Cấu trúc		III. TLV: Viết bài văn tả cảnh sinh hoạt: 1, Nội dung - Giới thiệu được cảnh sinh hoạt, thời gian và địa điểm diễn ra cảnh sinh hoạt - Tả lại cảnh sinh hoạt theo một trật tự hợp lý (từ xa đến gần, từ bao quát đến cụ thể) - Thể hiện được hoạt động của con người trong thời gian, không gian cụ thể - Gọi tả được quang cảnh, không khí chung, những hình ảnh tiêu biểu, nổi bật của bức tranh sinh hoạt - Nêu được suy nghĩ, cảm nhận của người viết về cảnh được miêu tả 2, Hình thức: Sử dụng phù hợp các từ ngữ chỉ đặc điểm, tính chất, hoạt động,... và các biện pháp nghệ thuật để tăng hiệu quả diễn đạt c, Cấu trúc - Mở bài: Giới thiệu cảnh sinh hoạt. - Thân bài: Miêu tả cảnh sinh hoạt theo một trình tự hợp lý - Kết bài: Phát biểu suy nghĩ hoặc nêu ẩn tượng chung về cảnh sinh hoạt.
Phương diện	Yêu cầu								
Nội dung									
Hình thức									
Cấu trúc									
a. Mục tiêu: HS hiểu được kiến thức trong bài học để thực hiện bài tập phần Tự đánh giá (Trang 84/SGK).	B, TỰ ĐÁNH GIÁ Tìm hiểu văn bản: <i>Nắng trưa bồi hồi</i>								

- b. Nội dung: HS làm việc cá nhân.
 c. Sản phẩm: Câu trả lời đúng của HS.
 d. Tổ chức thực hiện: TỰ ĐÁNH GIÁ (Trang 84, 85, 86, 87, 88/SGK):

* GV giao nhiệm vụ:

- HS trả lời nhanh các câu hỏi phần Tự đánh giá
- HS thực hiện nhiệm vụ: các nhóm thảo luận, trả lời ra phiếu Học tập:

+ Trả lời bằng cách chọn 1 đáp án:

Câu	Đáp án
1	
...	

+ Cá nhân tự trả lời Câu 10:

Em viết đoạn văn ngắn (4 – 6 dòng) tóm tắt văn bản, đảm bảo các nội dung chính.

- HS báo cáo sản phẩm.

- Đánh giá sản phẩm bằng điểm.

GV chốt kiến thức

Câu	Đáp án
1	B
2	C
3	B
4	C
5	D
6	B
7	D
8	A
9	A

Câu 10: HS trình bày

Trả lời câu 10 (trang 88 SGK Ngữ văn 6 tập 2)

Phương pháp giải:

Em viết đoạn văn ngắn (4 – 6 dòng) tóm tắt văn bản, đảm bảo các nội dung chính.

Lời giải chi tiết:

Một lần nọ, có cô công tác đoàn Phụ nữ tới gặp mẹ Thủy nhưng chỉ có Thủy ở nhà một mình. Thủy đã cư xử không đúng khi khách đến nhà. Mẹ Thủy sau khi nghe chuyện đã tức giận và hai mẹ con có to tiếng với nhau. Thủy nghĩ hành động của mình không sai và rất giận mẹ. Khi bố Thủy trở về nghe được câu chuyện, ông đã phân tích cho Thủy nghe và hiểu được lỗi sai của mình. Thủy nhận ra được lỗi sai, hiểu được sự hy sinh của mẹ, tình thương mẹ dành cho mình và quyết định sẽ giúp đỡ mẹ nhiều việc và ngoan hơn để mẹ không bận lòng về mình nữa.

Hướng dẫn tự học

1. Đọc sách báo, truy cập internet, sưu tầm, tìm đọc các truyện ngắn, các tác phẩm văn học, nhất là các tác phẩm đã học, theo cách sau:

- Sử dụng công cụ tìm kiếm, gõ tên các tác phẩm văn học cần tìm.
- Thu thập các nguồn tư liệu gồm: bài viết, hình ảnh, video,...

2. Ghi chép và tích lũy những truyện hay và ý nghĩa mà em đã đọc được.

*** Về nhà:**

- Nắm vững nội dung đã học
- Làm hoàn chỉnh bài tự đánh giá
- Đọc, tìm hiểu nội dung bài 10: Văn bản thông tin qua bài Phạm Tuyên và ca khúc mừng chiến thắng.

Ngày dạy:

Tiết 124+125

ĐỌC HIỂU VĂN BẢN
PHẠM TUYÊN VÀ CA KHÚC MỪNG CHIẾN THẮNG
(THEO NGUYỆT CÁT)

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức:

- Nhận biết được một số yếu tố hình thức (nhan đề, bố cục, sapoo, hình ảnh, cách triển khai...) nội dung (đề tài, vấn đề, ý nghĩa...) của bản thông tin thuật lại một sự kiện, triển khai thông tin theo mối quan hệ nguyên nhân, kết quả.
- Nhận biết được một số yếu tố hình thức (từ ngữ, nhan đề, bố cục, sa pô, hình ảnh, cách triển khai,...), nội dung (đề tài, chủ đề, ý nghĩa, thái độ, tình cảm người viết,...) thể hiện qua văn bản.

2. Năng lực

a. Năng lực chung:

- Năng lực tự chủ và tự học: Tìm kiếm thông tin, đọc sách giáo khoa, quan sát tranh ảnh để tìm hiểu về văn bản **PHẠM TUYÊN VÀ CA KHÚC MỪNG CHIẾN THẮNG**
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Thảo luận nhóm để thực hiện phiếu học tập, hợp tác giải quyết vấn đề để tìm hiểu về văn bản **PHẠM TUYÊN VÀ CA KHÚC MỪNG CHIẾN THẮNG**
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Năng lực trình bày và trao đổi thông tin trước lớp.

b. Năng lực đặc thù:

- Phân tích được những đặc sắc về nội dung, nghệ thuật của văn bản

3. Phẩm chất:

- Bồi dưỡng phẩm chất trung thực và trách nhiệm trong việc tiếp nhận, truyền đạt thông tin về các sự kiện.
- Thích đọc sách, báo, tìm tư liệu trên mạng Internet để mở rộng hiểu biết.

II. THIẾT BỊ VÀ HỌC LIỆU

- Học liệu: Ngữ liệu/Sách giáo khoa, phiếu học tập.
- Thiết bị: Máy tính, máy chiếu.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Hoạt động 1: Mở đầu

- Mục tiêu: Tạo tâm thế và định hướng chú ý cho học sinh; tạo vấn đề vào chủ đề
- Nội dung hoạt động: Xem vi deo bài hát
- Sản phẩm học tập: Câu trả lời/chia sẻ của HS bằng ngôn ngữ
- Tổ chức hoạt động:

*** Chuyển giao nhiệm vụ:** Hs xem và đoán tên bài hát? Cảm xúc của em khi nghe bài hát đó?

***Thực hiện nhiệm vụ:** Hs trả lời câu hỏi

*** Báo cáo kết quả :**

*** Gv kết luận, nhận xét và kết nối vào bài:** Bài hát rất hân hoan rất hào hùng thể hiện niềm vui chiến thắng của nhân dân ta. Các em có tò mò về hoàn cảnh ra đời bài hát này không? Bài học hôm nay chúng mình sẽ cùng nhau trả lời câu hỏi này.

2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức

Nội dung 1: Tìm hiểu tri thức về văn bản thông tin

Hoạt động của GV và HS	Nội dung cần đạt
a) Mục tiêu: Hs hiểu văn bản thông tin là gì? b) Nội dung hoạt động: Trả lời câu hỏi c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời/chia sẻ của HS bằng ngôn ngữ d) Tổ chức hoạt động:	**TRI THỨC NGŨ VĂN
* Chuyển giao nhiệm vụ: Đọc kiến thức ngữ văn/ 89 ? Thế nào là văn bản thông tin thuật lại một sự kiện? *Thực hiện nhiệm vụ: Hs trả lời câu hỏi * Báo cáo kết quả : * Gv kết luận, nhận xét.	Đặc trưng của văn bản thông tin thuật lại một sự kiện. - Sự kiện được trình bày theo mối quan hệ nhân- quả thường bao gồm ba thông tin chính: Nguyên nhân- diễn biến- kết quả. - Trả lời cho ba câu hỏi chính: Vì sao lại xảy ra sự việc ấy? Sự việc ấy diễn ra như thế nào? Kết quả ra sao?

Nội dung 2: Tìm hiểu văn bản thông “ Hồ Chí Minh và Tuyên ngôn Độc lập.

Hoạt động của GV và HS	Nội dung cần đạt
a) Mục tiêu: Hs hiểu những vấn đề chung về văn bản .	I, ĐỌC –VĂN BẢN

b) Nội dung hoạt động: Trả lời câu hỏi c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời/chia sẻ của HS bằng ngôn ngữ d) Tổ chức hoạt động:																																		
Yêu cầu đọc: "<i>Chiến thuật</i>" đọc văn bản - Áp dụng chiến thuật đọc theo dõi, đọc lướt để nắm được nhan đề, sa pô, nội dung của các đề mục. - Chú ý các yếu tố như Nhan đề, Sa pô, các yếu tố phi ngôn ngữ (hình ảnh) - Giọng đọc nhanh vừa phải, thể hiện được tinh thần hào hùng, niềm vui chiến thắng. * Chuyển giao nhiệm vụ: Gv, học sinh đọc văn bản THỰC HIỆN PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1: Tìm hiểu chung <table><tr><td colspan="2">Văn bản:</td></tr><tr><td>Tác giả</td><td></td></tr><tr><td>Xuất xứ</td><td></td></tr><tr><td>Thể loại</td><td></td></tr><tr><td>Bố cục</td><td></td></tr><tr><td colspan="2"></td></tr></table> Tìm hiểu từ khó? ? Bài 5, văn bản thông tin đã học cho các em biết về việc nếu tìm hiểu hình thức của một văn bản thông tin thuật lại một sự kiện cần tìm hiểu những yếu tố nào? THỰC HIỆN PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2: yếu tố hình thức được thể hiện trong văn bản <table><tr><td></td><td>Thể hiện trong văn bản</td><td>Ý nghĩa</td></tr><tr><td>Thời gian đăng tải</td><td></td><td></td></tr><tr><td>Nhan đề</td><td></td><td></td></tr><tr><td>Sa pô</td><td></td><td></td></tr><tr><td>Đề mục</td><td></td><td></td></tr><tr><td>Hình ảnh</td><td></td><td></td></tr><tr><td>Bố cục</td><td></td><td></td></tr></table>	Văn bản:		Tác giả		Xuất xứ		Thể loại		Bố cục					Thể hiện trong văn bản	Ý nghĩa	Thời gian đăng tải			Nhan đề			Sa pô			Đề mục			Hình ảnh			Bố cục			1, Tác giả: Nguyệt Cát 2, Văn bản - Xuất xứ: Được tác giả viết và đăng trên báo điện tử kienthuc.net ngày 28/04/2013 - Thể loại: Văn bản thông tin - Bố cục: 3 phần Phần 1: Từ đầu đến “bất hủ ấy”: Giới thiệu về bài hát, tác giả và dẫn dắt tới nội dung của văn bản về quá trình ra đời bài hát. Phần 2: (Tiếp đến người khác viết thay): Quá trình ra đời bài hát Phần 3: Còn lại: Ý nghĩa và giá trị của bài hát. - Tìm hiểu từ khó. 3, Tìm hiểu yếu tố hình thức của văn bản thông tin Nhan đề: Thể hiện nội dung chính Sa pô: Đoạn văn dưới nhan đề, thường được in đậm, tóm tắt nội dung chính. Hình ảnh: Hình ảnh minh họa có tính chân thật. Có thể có một hoặc nhiều hình ảnh minh họa. Thời gian đăng tải: Thời gian bài viết được công bố. Thường các văn bản được công bố gần trước thời gian kỉ niệm của sự kiện lớn. Đề mục: Tên của các
Văn bản:																																		
Tác giả																																		
Xuất xứ																																		
Thể loại																																		
Bố cục																																		
	Thể hiện trong văn bản	Ý nghĩa																																
Thời gian đăng tải																																		
Nhan đề																																		
Sa pô																																		
Đề mục																																		
Hình ảnh																																		
Bố cục																																		

? Thế mạnh của văn bản thông tin có yếu tố hình thức nào đặc trưng? Nhận xét về các yếu tố hình thức trong văn bản thông tin: + Kết hợp với kênh chữ, còn có hình ảnh minh họa vừa sinh động, gắn với nội dung văn bản vừa phù hợp với đối tượng là thiếu nhi. + Các đoạn văn trong văn bản cung cấp những thông tin góp phần làm sáng tỏ cho chủ đề chính của văn bản. Nhận xét về yếu tố nghệ thuật của văn bản? Nghệ thuật: + Từ ngữ thể hiện đề tài, chủ đề nhạc phẩm, bài hát, cánh nhạc sĩ, bản hợp xướng. + Sa-pô: nằm dưới tiêu đề, được in đậm, trích dẫn một câu văn quan trọng của bài viết, thu hút sự chú ý của người đọc. + Bố cục: rõ ràng, rành mạch, khoa học. + Lời văn: ngắn gọn, rõ ràng, chính xác, giàu cảm xúc. + Bài viết có cách đưa thông tin đa dạng, kết hợp kênh chữ với kênh hình (văn bản đa phương thức).	
II, KHÁM PHÁ VĂN BẢN	
a) Mục tiêu: Hs nắm được giới thiệu về sự kiện được thuật lại. b) Nội dung hoạt động: Trả lời câu hỏi c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời/chia sẻ của HS bằng ngôn ngữ d) Tổ chức hoạt động: * Chuyển giao nhiệm vụ: Gv, học sinh đọc đoạn 1 Thực hiện phiếu học tập số 1: Giới thiệu chung Câu 1: Bài hát ra đời vào thời điểm nào? Câu 2: Văn bản thuật lại sự kiện gì? *Thực hiện nhiệm vụ: Hs trả lời câu hỏi * Báo cáo kết quả : Câu 1: Chiến thắng lịch sử 30/4/1975, giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước. Câu 2: Sự kiện ra đời bài hát Như có Bác trong ngày đại thắng. * Gv kết luận, nhận xét.	1, Giới thiệu về sự kiện được thuật lại - Chiến thắng lịch sử 30/4/1975, giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước. - Sự kiện ra đời bài hát Như có Bác trong ngày đại thắng.
* Chuyển giao nhiệm vụ: Gv, học sinh đọc đoạn 2	b, Nguyên nhân, diễn biến, kết quả của sự kiện.

? Nguyên nhân nào dẫn đến sự kiện ?

+ Ngay đầu tháng 4-1975, tin chiến thắng vang dội từ các chiến trường miền Nam đã thôi thúc nhạc sĩ sáng tác.

+ Bản tin chiều ngày 28-4-1975 của Đài Tiếng nói Việt Nam về hành động oanh tạc sân bay Tân Sơn Nhất của phi công Nguyễn Thành Trung là cú hích quan trọng cho ra đời bài hát.

+ Sự thôi thúc của trái tim và ý chí, mong muốn góp một phần nhỏ bé vào cái chung lớn lao của đất nước.

Thực hiện phiếu học tập số 2: Quá trình sáng tác và phổ biến bài hát

Tiêu chí	Ngày tháng	Công việc	Kết quả
a, Thời gian hoàn thành bài hát			
b, Quá trình phổ biến bài hát			

? Qua những chi tiết vừa tìm được, em có nhận xét gì về thông tin được cung cấp, lời văn kể chuyện về quá trình sáng tác và phổ biến bài hát trong đoạn văn bản này?

Nêu hiệu quả của cách truyền tin này?

***Thực hiện nhiệm vụ:** Hs trả lời câu hỏi

*** Báo cáo kết quả :**

Tiêu chí	Ngày tháng	Công việc	Kết quả
a, Thời gian hoàn thành bài hát	Đêm ngày 28/4/1975	Sáng tác bài hát” trong nguồn cảm hứng dạt dào”	Hoàn thành sau hai “tiếng đồng hồ”, “không cần sửa một câu, một chữ”
b, Quá trình phổ biến bài hát	Ngày 29/4	Hội đồng phê duyệt bài hát	Quyết định đề dành đến 7/5 kỉ niệm chiến thắng

Nguyên nhân

+ Ngay đầu tháng 4-1975, tin chiến thắng vang dội từ các chiến trường miền Nam đã thôi thúc nhạc sĩ sáng tác.

+ Bản tin chiều ngày 28-4-1975 của Đài Tiếng nói Việt Nam về hành động oanh tạc sân bay Tân Sơn Nhất của phi công Nguyễn Thành Trung là cú hích quan trọng cho ra đời bài hát.

+ Sự thôi thúc của trái tim và ý chí, mong muốn góp một phần nhỏ bé vào cái chung lớn lao của đất nước.

			Điện Biên Phủ mới dần dựng.
	Chiều 30/4	Dàn dựng thu thanh bài hát	Bài hát được “dàn dựng thu thanh ngay để kịp truyền đi cùng tin thắng trận ra toàn thế giới.”
	Đêm 30/4 ngày 1/5	Biểu bài hát diễn	Bài hát được biểu diễn bằng nhiều hình thức khác nhau: hát, quân nhạc; được truyền đi qua loa phát thanh, biểu diễn trực tiếp trên đường phố
Nhận xét: Thông tin cụ thể, chính xác; lời văn ngắn gọn, rõ ràng, rành mạch, giàu cảm xúc -> tiếp nhận thông tin dễ dàng -> hiểu được tâm trạng, tình cảm sâu kín của tác giả * Gv kết luận, nhận xét.			
? Đón nhận đứa con tình thần ra đời trong hoàn cảnh đặc biệt của đất nước, nhạc sĩ có tâm trạng, cảm xúc như thế nào? - Cả hai vợ chồng nhạc sĩ đều “bồi hồi xúc động” - “Những lần trước, khi nghe bài hát của mình được phát sóng, tôi (nhạc sĩ) hay chú ý đến ca từ, giai điệu xem đã đúng chưa.” - - “Lần này thì khác, cảm giác như bài hát đã có sẵn đâu			

đó rồi, mình không viết cũng có người khác viết thay.” ? Nhìn lại quá trình sáng tác và phổ biến của bài hát cùng tâm, sự của Phạm Tuyên, em có cảm nhận gì về người nhạc sĩ này? - Nghệ sĩ tài năng, có tấm lòng nhiệt huyết và yêu nước thiết tha. - Nghệ sĩ khiêm tốn, có trách nhiệm, tận tâm với nghề. -> Hiểu vì sao những ca khúc của ông có sức sống trở thành ca khúc đi cùng năm tháng.	
? Những biểu hiện nào cho thấy bài hát “ Như có Bác Hồ trong ngày vui đại thắng” có số phận đặc biệt? + Bài hát ra đời trong hoàn cảnh đặc biệt. + Bài hát vượt qua mọi thử thách của thời gian, không gian, đến với mọi người, mọi lứa tuổi, vùng miền. + Được coi là bài hát “giã bạn” để kết thúc các cuộc gặp gỡ, mít tinh, văn nghệ quần chúng. ? Kể thêm một vài ví dụ để thấy được sức sống của bài hát vẫn mạnh mẽ đến tận hôm nay? - Mừng chiến thắng của đội tuyển bóng đá đạt Á quân vòng chung kết bóng đá U-23 châu Á 2018, tấm HCV lịch sử ở môn bóng đá nam SEA Games 2019,... - Chương trình nghệ thuật mừng ngày lễ lớn, sự kiện trọng đại của đất nước.	3, Giá trị của bài hát
? Câu nói nào của tác giả đã khẳng định rằng hành trình thai nghén không chỉ trong thời gian tiếng? - Câu cuối bài.	- Tôi viết trong hai tiếng cộng cả cuộc đời... - Bài hát được viết trong thời gian nhanh chóng, khẩn trương nhưng đã được thai nghén, dồn cộng xúc cảm trong suốt cả quãng thời gian đau thương đắng đắng. - Bài thơ như lời khắc ghi, tri ân công ơn của các thế hệ cha ông đi trước, nhắc nhở hậu thế lễ sống giản dị uống nước nhớ nguồn, ân nghĩa thủy chung cùng quá khứ dân tộc.
? Hãy khái quát ngắn gọn nghệ thuật và nội dung của văn bản?	III, Tổng kết 1, Nghệ thuật + Bố cục rõ ràng, mạch lạc,

	khoa học + Từ ngữ, lời văn: mang đặc trưng ngôn ngữ báo chí. + Cách đưa thông tin đa dạng, sử dụng sa pô, kết hợp kênh chữ với kênh hình tự nhiên, hiệu quả. 2, Nội dung - Cung cấp thông tin chính xác về thời gian, địa điểm, quá trình ra đời bài hát “Như có Bác trong ngày vui đại thắng”/ - Cho thấy tài năng, tình yêu Tổ Quốc sâu sắc của nhạc sĩ Phạm Tuyên. - Thể hiện niềm cảm mến, trân trọng của tác giả với bài hát và người nghệ sĩ tài hoa Phạm Tuyên.
--	---

3. Hoạt động 3: Luyện tập

a) Mục tiêu: Học sinh vận dụng kiến thức đã học vào làm bài tập.

b) Nội dung hoạt động:

- HS luyện đọc kĩ một đoạn trích trong văn bản và thực hiện các nhiệm vụ/trả lời các câu hỏi, bài tập để rèn kĩ năng đọc hiểu văn bản.

c) Sản phẩm học tập:

- Câu trả lời của các câu hỏi, bài tập.

d) Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Nội dung cần đạt
* Giao nhiệm vụ học tập: Gv chiếu bài tập * Thực hiện nhiệm vụ: * Báo cáo kết quả : * Gv kết luận và nhận xét:	Bài 1: Hãy nghe hoặc hát bài Như có Bác trong ngày đại thắng và viết lại suy nghĩ, cảm xúc của em (trong khoảng 5-6 dòng) về bài hát. Mở đoạn: Giới thiệu bài hát và cảm xúc chung của em Thân đoạn: Cảm nhận về nội dung và ca từ, giai điệu của bài hát, chia sẻ về cảm xúc của em khi lịch sử đã sang trang, sự kiện lịch sử đã qua đi, ở thời điểm hiện tại, lắng nghe bài hát, em cảm thấy như thế nào?

	Kết đoạn: Rút ra một lời nhắn, thông điệp ý nghĩa từ bài hát. Bài 2: Lí giải câu nói cuối cùng của nhạc sĩ Phạm Tuyên “tôi viết trong hai tiếng cộng cả cuộc đời”. + Thời gian viết trực tiếp bài hát không dài, chỉ hai tiếng nhưng để viết nhanh như thế cần cả cuộc đời. → Để có cảm hứng sáng tác người nghệ sĩ cần có cả cảm xúc mãnh liệt. → Những tác phẩm có giá trị thường không chỉ thể hiện cảm xúc cá nhân của người nghệ sĩ mà còn thể hiện chiêm nghiệm, quan sát cá nhân của người nghệ sĩ trong cả cuộc đời.
--	---

4. Hoạt động 4: Vận dụng

a) Mục tiêu: HS khắc sâu kiến thức đã học.

b) Nội dung: HS hiểu được kiến thức trong bài học để vận dụng vào thực tế.

c) Sản phẩm học tập: Chia sẻ thông tin

d) Tổ chức thực hiện:

* **Giao nhiệm vụ học tập:** Em hãy trình bày hiểu biết về nhạc sĩ Phạm Tuyên?

* **Thực hiện nhiệm vụ:** Hs chia sẻ thông tin

* **Báo cáo kết quả:** Cá nhân

* **Gv kết luận và nhận xét:**

* **HD chuẩn bị bài sau: Đọc, soạn bài: Điều gì giúp bóng đá Việt Nam chiến thắng.**

Ngày dạy:

Tiết 126+127

ĐỌC HIỂU VĂN BẢN

ĐIỀU GÌ GIÚP BÓNG ĐÁ VIỆT NAM CHIẾN THẮNG?

(Theo thethaovanhoa.vn)

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức:

- Nhận biết được một số yếu tố hình thức(nhan đề, bố cục, sapoo, hình ảnh, cách triển khai...) nội dung(đề tài, vấn đề, ý nghĩa...) của bản thông tin thuật lại một sự kiện, triển khai thông tin theo mối quan hệ nguyên nhân, kết quả.

2. Năng lực

a. *Năng lực chung:*

- Năng lực tự chủ và tự học: Tìm kiếm thông tin, đọc sách giáo khoa, quan sát tranh ảnh để tìm hiểu về văn bản
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Thảo luận nhóm để thực hiện phiếu học tập, hợp tác giải quyết vấn đề để tìm hiểu về văn bản
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Năng lực trình bày và trao đổi thông tin trước lớp.

b. Năng lực đặc thù:

- Phân tích được những đặc sắc về nội dung, nghệ thuật của văn bản

3. Phẩm chất:

- Bồi dưỡng phẩm chất trung thực và trách nhiệm trong việc tiếp nhận, truyền đạt thông tin về các sự kiện. Rút ra những bài học cho bản thân từ những nguyên nhân giúp bóng đá Việt Nam chiến thắng: sự tự tin, có khát vọng, có tinh thần đoàn kết. Lòng tự hào dân tộc.

- Thích đọc sách, báo, tìm tư liệu trên mạng Internet để mở rộng hiểu biết.

II. THIẾT BỊ VÀ HỌC LIỆU

- Học liệu: Ngữ liệu/Sách giáo khoa, phiếu học tập.
- Thiết bị: Máy tính, máy chiếu.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Hoạt động 1: Mở đầu

- Mục tiêu: Tạo tâm thế và định hướng chú ý cho học sinh; tạo vấn đề vào chủ đề
- Nội dung hoạt động: Xem vi deo bài hát
- Sản phẩm học tập: Câu trả lời/chia sẻ của HS bằng ngôn ngữ
- Tổ chức hoạt động:

* **Chuyên giao nhiệm vụ:** Hs xem và đoán tên bài hát? Cảm xúc của em khi nghe bài hát đó?

***Thực hiện nhiệm vụ:** Hs trả lời câu hỏi

* **Báo cáo kết quả :**

* **Gv kết luận, nhận xét và kết nối vào bài:** Trước chiến thắng của đội tuyển Việt Nam chúng ta sẽ ăn mừng chiến thắng rất Việt Nam. Gợi cho hs nhớ tới hình ảnh của những con đường rực rỡ cờ hoa, mọi người đi bão trong đêm, lá cờ tổ quốc bay phấp phới, mọi người giống như là đang say sưa để thưởng thức một phần thưởng tinh thần một cách sung sướng và hào hứng, muôn người hoà đồng làm một và hô vang hai tiếng Việt Nam. Một môn thể thao gắn kết được tinh thần và khơi lòng tự tôn dân tộc. Trong hành trình nền bóng đá của Việt Nam trong những năm tháng quá khứ, đội tuyển bóng đá của Việt Nam cũng chưa từng được đánh giá cao trong khu vực. Tuy nhiên, cho tới hiện nay những năm gần đây, bóng đá Việt Nam đã từng bước thực hiện được những cái mục tiêu của mình và gây được tiếng vang trong khu vực Đông Nam Á, Châu Á và cả thế giới. Khi mà chính thức được tham gia vòng loại un cấp 2020-2021 và nguyên nhân nào đã làm nên chiến thắng bước ngoặt đó cô trò mình cũng sẽ được tìm hiểu trong bài học hôm nay.

2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức

Hoạt động của GV và HS	Nội dung cần đạt																												
a) Mục tiêu: Hs hiểu những vấn đề chung về văn bản . b) Nội dung hoạt động: Trả lời câu hỏi c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời/chia sẻ của HS bằng ngôn ngữ d) Tổ chức hoạt động:	I, ĐỌC –VĂN BẢN																												
Yêu cầu đọc: "Chiến thuật" đọc văn bản - Áp dụng chiến thuật đọc theo dõi, đọc lướt để nắm được nhan đề, sa pô, các đề mục được in đậm. - Chú ý các yếu tố hình ảnh. - Giọng đọc khỏe khoắn, thể hiện được tinh thần tự hào và niềm vui chiến thắng của bóng đá Việt Nam * Chuyển giao nhiệm vụ: Gv, học sinh đọc văn bản THỰC HIỆN PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1: Tìm hiểu chung <table><tr><td colspan="2">Văn bản:</td></tr><tr><td>Xuất xứ</td><td></td></tr><tr><td>Thể loại</td><td></td></tr><tr><td>Bố cục</td><td></td></tr><tr><td></td><td></td></tr></table> Tìm hiểu từ khó? ? Bài 5, văn bản thông tin đã học cho các em biết về việc nếu tìm hiểu hình thức của một văn bản thông tin thuật lại một sự kiện cần tìm hiểu những yếu tố nào? THỰC HIỆN PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2: yếu tố hình thức được thể hiện trong văn bản <table><tr><td></td><td>Thể hiện trong văn bản</td><td>Ý nghĩa</td></tr><tr><td>Nhan đề</td><td></td><td></td></tr><tr><td>Sa pô</td><td></td><td></td></tr><tr><td>Đề mục</td><td></td><td></td></tr><tr><td>Hình ảnh</td><td></td><td></td></tr><tr><td>Thời gian đăng tải</td><td></td><td></td></tr></table>	Văn bản:		Xuất xứ		Thể loại		Bố cục					Thể hiện trong văn bản	Ý nghĩa	Nhan đề			Sa pô			Đề mục			Hình ảnh			Thời gian đăng tải			1, Xuất xứ: Văn bản đăng tải trên trang thethaovanhoa.vn vào ngày 15/12/ 2019 2, Thể loại: Văn bản thông tin 3, Bố cục: 2 phần Phần 1: “ Sẽ không quá lời...thời điểm hiện tại”/; Nêu kết quả Phần 2: Còn lại: Nêu các nguyên nhân. - Tìm hiểu từ khó. 4, Tìm hiểu yếu tố hình thức của văn bản thông tin Nhan đề: Thể hiện nội dung chính Sa pô: Đoạn văn dưới nhan đề, thường được in đậm, tóm tắt nội dung chính. Hình ảnh: Hình ảnh minh họa có tính chân thật. Có thể có một hoặc nhiều hình ảnh minh họa. Thời gian đăng tải: Thời gian bài viết được công bố. Thường các văn bản được công bố gần trước thời gian kỉ niệm của sự kiện lớn. Đề mục: Tên của các chương, mục, phần,...
Văn bản:																													
Xuất xứ																													
Thể loại																													
Bố cục																													
	Thể hiện trong văn bản	Ý nghĩa																											
Nhan đề																													
Sa pô																													
Đề mục																													
Hình ảnh																													
Thời gian đăng tải																													

***Thực hiện nhiệm vụ:** Hs trả lời câu hỏi

*** Báo cáo kết quả :**

	Thể hiện trong văn bản	Ý nghĩa
Nhan đề	Điều gì giúp bóng đá Việt Nam chiến thắng	Nêu chủ đề của văn bản
Sa pô	Tờ báo... hiện tại (phần in đậm đầu văn bản)	Tóm tắt nội dung của văn bản ngắn gọn, khơi gợi trí tò mò vì sao bóng đá Việt thống trị Đông Nam Á ở thời điểm đó (2019)
Đề mục	1. Lòng khao khát của các cầu thủ 2. Sự tự tin 3. Sự tiến bộ của V-League 4. Các cầu thủ Việt Nam gắn bó với nhau trong thời gian dài. 5. Được dẫn dắt bởi huấn luyện viên giỏi	Chỉ ra các nguyên nhân chiến thắng của bóng đá Việt Nam, được tô đậm và làm nổi bật các thông tin chính.
Hình ảnh	2 bức ảnh chụp đội tuyển bóng đá nam và đội tuyển bóng đá nữ Việt Nam vô địch tại SEA games 2019.	- Văn bản sinh động hơn, tăng tính chân thực và giúp người đọc hình dung rõ hơn về khoảnh khắc được nhắc tới trong văn bản.
Thời gian đăng tải	Văn bản đăng tải trên trang Thethaovanh	Đội tuyển bóng đá Việt Nam nữ vô địch SEA Games vào ngày

	oa.vn vào ngày 15/12/2019	8/12/2019, đội tuyển bóng đá nam vô địch SEA Games vào vào ngày 10/12/2019. => Văn bản cập nhật thông tin thời sự, gợi nhắc sự kiện quan trọng trong lịch sử bóng đá Việt Nam, thu hút sự chú ý của mọi người với sự kiện này.	
--	---------------------------	---	--

*** Gv kết luận, nhận xét.**

Văn bản đăng tải trên trang thethaovanhoa.vn vào ngày 15/12/ 2019

-Thời điểm này có gì đặc biệt ?

+Đội tuyển bóng đá Việt Nam nữ vô địch SEA Games vào ngày 8/12/2019, đội tuyển bóng đá nam vô địch SEA Games vào ngày 10/12/2019

+Văn bản cập nhật thông tin thời sự, gợi nhắc sự kiện quan trọng lịch sử bóng đá Việt Nam, thu hút sự chú ý của mọi người với sự kiện này.

? So với văn bản “Phạm Tuyên và ca khúc mừng chiến thắng”, cách trình bày thông tin của văn bản này có gì khác?

- Phạm Tuyên và ca khúc mừng chiến thắng : trình bày theo lối truyền thống, có kết hợp và lối tường thuật, phù hợp với một bài báo thuật lại sự kiện ra đời của một bài hát mang tính lịch sử

- Điều gì giúp bóng đá Việt Nam chiến thắng : sử dụng các đề mục và in đậm các thông tin chính để làm nổi bật chủ đề văn bản, giúp thông tin nhanh chóng, rõ ràng đầy đủ.

-Nhận xét về hình thức trình bày văn bản?

+Cách trình bày thông tin rõ ràng. Có kết hợp hình ảnh, in đậm các đề mục để người đọc dễ dàng tiếp nhận các thông tin chính.

+Bố cục mạnh lạc, logic đi từ kết quả đến trình bày các

nguyên nhân, tác động mạnh tới người đọc, giúp họ nhận thức vấn đề sâu sắc hơn.		
II, KHÁM PHÁ VĂN BẢN		
a) Mục tiêu: Hs nắm được giới thiệu về sự kiện được thuật lại. b) Nội dung hoạt động: Trả lời câu hỏi c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời/chia sẻ của HS bằng ngôn ngữ d) Tổ chức hoạt động: * Chuyển giao nhiệm vụ: Ở thời điểm hiện tại, bóng đá Việt Nam có vị thế như thế nào trong khu vực Đông Nam Á? Nêu dẫn chứng để chứng minh? * Thực hiện nhiệm vụ: Hs trả lời câu hỏi * Báo cáo kết quả : - Bóng đá Việt Nam thống trị Đông Nam Á + Đội tuyển bóng đá Việt Nam: vô địch AFF CUP 2018 + U22 Việt Nam và tuyển nữ Việt Nam đều giành Huy chương Vàng tại Seagame 2019 + Đội tuyển bóng đá nữ vô địch ĐNA năm 2019. * Gv kết luận, nhận xét.		1, Vị thế của bóng đá Việt Nam ở thời điểm hiện tại Bóng đá Việt Nam thống trị Đông Nam Á + Đội tuyển bóng đá Việt Nam: vô địch AFF CUP 2018 + U22 Việt Nam và tuyển nữ Việt Nam đều giành Huy chương Vàng tại Seagame 2019 + Đội tuyển bóng đá nữ vô địch ĐNA năm 2019.
* Chuyển giao nhiệm vụ: Nêu những nguyên nhân chính dẫn đến bóng đá Việt Nam ? * Thực hiện nhiệm vụ: Hs trả lời câu hỏi * Báo cáo kết quả : + Lòng khao khát của các cầu thủ + Sự tự tin + Sự tiến bộ của V-League + Các cầu thủ gắn bó với nhau trong thời gian dài + Huấn luyện viên giỏi. * Gv kết luận, nhận xét.		2, Những nguyên nhân chính dẫn đến bóng đá Việt Nam + Lòng khao khát của các cầu thủ + Sự tự tin + Sự tiến bộ của V-League + Các cầu thủ gắn bó với nhau trong thời gian dài + Huấn luyện viên giỏi.
- PHIẾU HỌC TẬP SỐ 3: TÌM HIỂU NỘI DUNG VĂN BẢN		
1. Vì sao bài viết dành phần lớn nội dung để nói về các nguyên nhân này?		

2. Trong các nguyên nhân ở trên, em thấy nguyên nhân nào là quan trọng nhất? Vì sao?		
3. Từ những nguyên nhân chính dẫn giúp bóng đá Việt Nam chiến thắng, em rút ra được bài học gì cho mình.		
4. Dựa vào các câu dẫn từ tờ báo Smmsport trong văn bản trên, em hãy nêu nhận xét về thái độ của tờ báo ấy đối với bóng đá Việt Nam.		
- DỰ KIẾN SP:		
1. Vì sao bài viết dành phần lớn nội dung để nói về các nguyên nhân này?	- Mục đích văn bản: Để giải thích vì sao bóng đá VN đang thống trị khu vực ĐNA ở thời điểm diễn ra một sự kiện trọng đại của thể thao VN. - Ca ngợi cá nhân và tập thể đã góp sức làm nên chiến thắng	
2. Trong các nguyên nhân ở trên, em thấy nguyên nhân nào là quan trọng nhất? Vì sao?	- Sự tự tin (ý kiến riêng) - Vì: Khi ta tin vào bản thân mình, ta có thể vượt qua những khó khăn thử thách.	
3. Từ những nguyên nhân chính dẫn giúp bóng đá Việt Nam chiến thắng, em rút ra được bài học gì cho mình.	Bài học: Cần tự tin, đoàn kết, có khát vọng mạnh mẽ để đạt được ước mơ.	
4. Dựa vào các câu dẫn từ tờ báo Smmsport trong văn bản trên, em	- Thái độ: ca ngợi các cầu thủ và huấn luyện viên của đội tuyển.	

	hãy nêu nhận xét về thái độ của tờ báo ấy đối với bóng đá Việt Nam.	=> Nhận xét thái độ: đúng mực, khách quan, công bằng.	
	Nhận xét về nội dung? + Lý giải nguyên nhân bóng đá Việt Nam chiến thắng + Không chỉ đưa ra nguyên nhân đơn thuần mà có được những lý lẽ rất thuyết phục. + Tác giả có cái nhìn toàn diện và thao tác so sánh được sử dụng nhiều so sánh Việt Nam-Thái Lan; so sánh quá khứ- hiện tại, chứng cứ xác thực từ tình hình thực tế (ví dụ lí do HLV giỏi không chỉ đưa ra lý lẽ, mà còn chứng minh bằng việc hàng triệu người hâm mộ bóng đá VN xác nhận tài năng.		
	? Hãy khái quát ngắn gọn nghệ thuật và nội dung của văn bản?		

III, Tổng kết

1, Nghệ thuật

- Văn bản mang đặc trưng của văn bản thông tin
- Văn bản được trình bày theo các đề mục rõ ràng, logic, lời văn mang tính trang trọng, đan xen các từ ngữ có giá trị biểu cảm, thao tác so sánh

2, Nội dung

Văn bản mang đến thông tin về vị thế của bóng đá Việt Nam hiện nay trong khu vực (thời điểm 2019) đồng thời lí giải nguyên nhân làm nên vị thế đó, nhân việc đội tuyển quốc gia Việt Nam giành được thành tích lớn

3. Hoạt động 3: Luyện tập

a) Mục tiêu: Học sinh vận dụng kiến thức đã học vào làm bài tập.

b) Nội dung hoạt động:

- HS luyện đọc kĩ một đoạn trích trong văn bản và thực hiện các nhiệm vụ/trả lời các câu hỏi, bài tập để rèn kĩ năng đọc hiểu văn bản.

c) Sản phẩm học tập:

- Câu trả lời của các câu hỏi, bài tập.

d) Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Nội dung cần đạt
* Giao nhiệm vụ học tập: Gv chiếu bài tập * Thực hiện nhiệm vụ: * Báo cáo kết quả : * Gv kết luận và nhận xét:	III, LUYỆN TẬP Bài 1: Nhận xét về cách đặt nhan đề của bài báo này? Nếu chuyển thành một câu khẳng định, hiệu quả cách diễn đạt bị ảnh hưởng như thế nào? - Nhan đề là một câu hỏi ⇒ Tạo ra cuộc đối thoại, sự trăn trở, suy ngẫm cuốn người đọc vào tìm hiểu thông tin cụ thể - Nếu đổi thành một câu khẳng định: Những nguyên nhân làm nên chiến thắng của bóng đá Việt Nam ⇒ Nhan đề mất đi tính hấp dẫn, lôi cuốn Bài tập 2: Các thông tin thu nhận được trên các phương tiện thông tin có cần kiểm chứng không? Em hãy thử đưa một số phương pháp để đánh giá mức độ đáng tin cậy của thông tin - Có cần kiểm chứng vì thời đại công nghệ, thông tin bùng nổ, nhiều nguồn thông tin đa dạng, lẫn lộn - Có thể kiểm chứng bằng cách: + Tìm hiểu nguồn dẫn + Tìm hiểu các thông tin được đăng tải trên các trang báo và phương tiện khác xem có trùng khớp không + Hỏi ý kiến của những người có hiểu biết - Bài viết mang tính thời điểm, đúng ở thời điểm này nhưng không đúng ở thời điểm khác Bài tập 3: Nghĩa của các từ được đặt trong dấu ngoặc kép ở văn bản khác với nghĩa thông thường như thế nào? - Từ trong ngoặc kép là gì? => Thống trị, không ngàn - Từ “thống trị” được nhắc đến 4 lần: sa pô, đoạn khái quát 1, lí do 1, => Xác định nghĩa gốc - Thống trị: nắm và sử dụng bộ máy chính

	trị quyền để điều khiển, quản lí, chi phối mọi mặt - Không ngán cũng gần giống không chán, thường dùng với đồ ăn, không có giới hạn về việc chán không muốn ăn một món gì đó ⇒ Nghĩa chuyển: - Thống trị: nhấn mạnh sức mạnh của bóng đá VN đang đứng đầu ĐNA - Không ngán: không sợ bất kì một đối thủ nào khi ra sân thi đấu ⇒ Làm tăng giá trị biểu cảm, tăng sức thuyết phục cho văn bản
--	---

4. Hoạt động 4: Vận dụng

a) Mục tiêu: HS khắc sâu kiến thức đã học.

b) Nội dung: HS hiểu được kiến thức trong bài học để vận dụng vào thực tế.

c) Sản phẩm học tập: Chia sẻ thông tin

d) Tổ chức thực hiện:

* **Giao nhiệm vụ học tập:** Tìm hiểu những bài báo khác ra đời cùng thời điểm, cũng nêu những nguyên nhân làm nên chiến thắng của bóng đá Việt Nam.

? Vậy theo các em, vì sao bóng đá Việt Nam trở nên chiến thắng?

* **Thực hiện nhiệm vụ:** Hs chia sẻ thông tin

* **Báo cáo kết quả:** Cá nhân

* **Gv kết luận và nhận xét:**

Ngày dạy:

Tiết 128+ 129

LỰA CHỌN TỪ NGỮ VÀ CẤU TRÚC CÂU

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức:

- Nhận biết được vai trò của việc dùng từ và đặt câu phù hợp.

- Biết cách sử dụng từ ngữ phù hợp với đề tài của văn bản, tính chất của loại văn bản phù hợp với bạn đọc.

2. Năng lực

a. Năng lực chung:

- Năng lực tự chủ và tự học: Tìm kiếm thông tin, đọc sách giáo khoa, quan sát tranh ảnh để tìm hiểu về bài học.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Thảo luận nhóm để thực hiện phiếu học tập, hợp tác giải quyết vấn đề để tìm hiểu về bài học.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Năng lực trình bày và trao đổi thông tin trước lớp.

b. Năng lực đặc thù: - Biết đặt câu phù hợp với tính chất loại văn bản và lựa chọn cấu trúc câu phù hợp với ngữ cảnh.

3. Phẩm chất:

- Yêu nước: Thông qua việc thấy được vẻ đẹp, sự phong phú của tiếng Việt, thêm trân trọng và có ý thức giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt.

- Thích đọc sách, báo, tìm tư liệu trên mạng Internet để mở rộng hiểu biết.

II. THIẾT BỊ VÀ HỌC LIỆU

Giáo viên: - Học liệu: Ngữ liệu/Sách giáo khoa, phiếu học tập.

- Thiết bị: Máy tính, máy chiếu.

Học sinh: Đọc, tìm hiểu trước bài theo hướng dẫn.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Hoạt động 1: Mở đầu

a) Mục tiêu: Tạo tâm thế và định hướng chú ý cho học sinh; tạo vấn đề vào chủ đề

b) Nội dung hoạt động:

c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời/chia sẻ của HS bằng ngôn ngữ

d) Tổ chức hoạt động:

*** Chuyển giao nhiệm vụ:** Em hãy đọc lá đơn xin phép nghỉ học của bạn học sinh sau và cho biết cách bạn lựa chọn từ ngữ trong lá đơn đã phù hợp chưa?

Đơn xin phép nghỉ học của một học sinh có đoạn sau: Trên đường đi học, em đang đi với vận tốc 30km/h, bỗng rầm! Ôi một đồng cát phía trước. Hậu quả là xe hỏng và lý do thì cô biết rồi đó ạ. Mắt em tối sầm lại, không còn nhìn thấy gì nữa...Viết đến đây thì chắc thầy cô đang rung rức nước mắt, em không muốn thầy cô rơi nước mắt trước các bạn, rơi lệ trước các trò. Em xin thầy cô cho em nghỉ học buổi hôm nay.

*** Thực hiện nhiệm vụ:** Hs đọc và trả lời

*** Báo cáo kết quả :** Cách dùng từ không phù hợp với văn bản hành chính)

*** Gv kết luận, nhận xét và kết nối vào bài:** Nghệ thuật lựa chọn trật tự từ, nghệ thuật việc lựa chọn từ ngữ cấu trúc câu như thế nào cho phù hợp, đó chính là nội dung bài học hôm nay.

2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức

Hoạt động của GV và HS	Nội dung cần đạt
a) Mục tiêu: Học sinh hiểu được lựa chọn từ ngữ và cấu trúc câu b) Nội dung hoạt động: Trả lời câu hỏi c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời/chia sẻ của HS bằng ngôn ngữ d) Tổ chức hoạt động:	1, Lựa chọn từ ngữ và cấu trúc câu

*** Chuyển giao nhiệm vụ:**

a, Tình huống: Trên đường đi học, Mai bảo với Yên:

- Cậu còn nhớ con mèo hoang đến nhà tớ không? Ui, khổ thân nó lắm, nó bị cảm và bỏ ăn hơn một ngày rồi bị chết luôn.

Yên thắc mắc:

- Ở thế à? Khổ thân nó lắm. Mà nó chết đáng thương như vậy, mình phải dùng là con mèo đã hi sinh chứ?

Theo em, em đồng tình với ý kiến của bạn nào? Vì sao?

Dự kiến:

Từ “hi sinh” cũng đồng nghĩa với “chết” nhưng chỉ dùng cho những người chịu sự tổn hại về vật chất, tinh thần nhằm một mục tiêu cao cả hoặc một lí tưởng tốt đẹp.

b, Em hãy thay đổi trật tự sắp xếp của các câu sau và đưa ra nhận xét?

+ Thằng cháu nhà tôi, đến một năm nay chẳng có giấy má gì đấy ông giáo ạ.

+ Mẹ đi về, nhẹ nhàng mở cửa bước vào nhà, mẹ ngạc nhiên khi thấy tôi mất đồ hoe ngồi trên ghế.

Dự kiến:

Khi thay đổi cấu trúc câu:

Câu gốc	Câu mới
Thằng cháu nhà tôi, đến một năm nay chẳng có giấy má gì đấy ông giáo ạ.	Đến một năm nay, thằng cháu nhà tôi chẳng có giấy má gì đấy ông giáo ạ. ⇒ Nhấn mạnh thời gian xa cách.
Mẹ đi về, nhẹ nhàng mở cửa bước vào nhà, mẹ ngạc nhiên khi thấy tôi mất đồ hoe ngồi trên ghế.	Mẹ ngạc nhiên khi thấy tôi mất đồ hoe ngồi trên ghế, nhẹ nhàng mở cửa bước vào nhà, mẹ đi về. ⇒ Câu vô nghĩa vì thứ tự các hành động của nhân vật bị đảo lộn không logic, không hợp lí.

Dựa vào phần vừa tìm hiểu và phân tích thức ngữ văn trang 90.

THỰC HIỆN PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1: Lựa chọn từ ngữ và cấu trúc câu

Trong nói và viết, ta có cần thường xuyên cân nhắc, lựa chọn khi sử dụng từ ngữ không? Vì sao?		
Theo em, muốn lựa chọn từ ngữ phù hợp trong câu, ta cần phải làm gì?		
Khi chọn cấu trúc câu, em cần chú ý những yếu tố nào?		
Dự kiến:		
Trong nói và viết, ta có cần thường xuyên cân nhắc, lựa chọn khi sử dụng từ ngữ không? Vì sao?	- Có Vì ở bất cứ vị trí nào trong câu, trong nhiều từ có thể được sử dụng, chỉ có một từ được xem là phù hợp nhất.	
Theo em, muốn lựa chọn từ ngữ phù hợp trong câu, ta cần phải làm gì?	Ta cần hiểu nghĩa của từ định dùng và đề tài, tính chất của loại văn bản, bạn đọc (sgk.tr90)	
Khi chọn cấu trúc câu, em cần chú ý những yếu tố nào?	- Mỗi cấu trúc câu có giá trị biểu đạt riêng. - Cần chọn cấu trúc câu phù hợp với tính chất của loại văn bản, phù hợp với ngữ cảnh (câu đứng trước, sau), mục đích nói/viết để tạo mạch văn thống nhất, không lặp cấu trúc và bớt nhàm chán.	
* Gv kết luận, nhận xét.		
a) Mục tiêu: Học sinh hiểu được lựa chọn từ ngữ và cấu trúc câu		2, Trạng ngữ

b) Nội dung hoạt động: Trả lời câu hỏi c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời/chia sẻ của HS bằng ngôn ngữ d) Tổ chức hoạt động: * Chuyển giao nhiệm vụ: Trạng ngữ thường trả lời cho các câu hỏi nào? Vị trí của trạng ngữ trong câu? Vai trò mới của trạng ngữ là gì? * Thực hiện nhiệm vụ: Hs đọc và trả lời * Báo cáo kết quả : Cá nhân trả lời * Gv kết luận, nhận xét	
	Thường trả lời cho các câu hỏi sau: Địa điểm: Ở đâu? Nguyên nhân: Vì sao? Nhờ đâu? Tại sao? Mục đích: Để làm gì? Nhằm mục đích gì? Vì cái gì? Phương tiện: Bằng cái gì? Với cái gì? Thời gian: Bao giờ? Khi nào? Mấy giờ? Vị trí trong câu: + Thường đứng đầu câu, được phân cách với các thành phần nòng cốt bằng dấu phẩy. + Giữa câu + Cuối câu.
-	Vai trò mới của trạng ngữ là gì? + Trạng ngữ còn có chức năng liên kết với câu trước đó. Vd: Tôi rất yêu mùa thu Hà Nội. Vì thế, tôi nâng niu từng giọt nắng thu, từng khoảnh khắc rơi nghiêng của những chiếc lá vàng trên phố. ⇒ Trạng ngữ trên chỉ nguyên nhân, đồng

	thời liên kết với câu trước đó.
-	

3. Hoạt động 3: Luyện tập

a) Mục tiêu: Học sinh vận dụng kiến thức đã học vào làm bài tập.

b) Nội dung hoạt động:

- HS luyện đọc kĩ một đoạn trích trong văn bản và thực hiện các nhiệm vụ/trả lời các câu hỏi, bài tập để rèn kĩ năng đọc hiểu văn bản.

c) Sản phẩm học tập:

- Câu trả lời của các câu hỏi, bài tập

d) Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS		Nội dung cần đạt		
* Giao nhiệm vụ học tập: Gv chiếu bài tập * Thực hiện nhiệm vụ: * Báo cáo kết quả : * Gv kết luận và nhận xét:		Bài 1:		
Văn bản	Từ ngữ	Đặc điểm, tính chất		
		Đề tài	Tính chất	Đối tượng độc giả
“ Phạm Tuyên và ca khúc mừng chiến thắng”	Nhạc phẩm, bài hát, cánh nhạc sĩ, bản hợp xướng, thu thanh, giai điệu.	Phù hợp với đề tài về văn hoá, nghệ thuật.	Trang trọng, vui tươi	Phù hợp với đối tượng độc giả làm nghệ thuật trong lĩnh vực âm nhạc và đối tượng khác thuộc nhiều lứa tuổi, ngành nghề, tầng lớp, vùng miền....
Điều gì giúp bóng đá Việt Nam chiến thắng?”	Bóng đá, cầu thủ, thi đấu, trận đấu, đội bóng, đội tuyển bóng đá, phòng ngự, tấn công, huấn luyện viên, chiến thuật	Phù hợp với đề tài về văn hoá.	Tươi vui, sôi nổi, tự hào.	Phù hợp với đối tượng độc giả là người hâm mộ, yêu thích thể thao.
Ghi lại những từ ngữ chuyên dùng trong lĩnh vực bóng đá ở bài báo Điều gì giúp bóng đá Việt Nam chiến thắng?. Các từ ngữ đó phù hợp với đề tài, tính chất và bạn đọc của văn bản như thế?		Bài tập 2 - Những từ ngữ chuyên dùng trong lĩnh vực bóng đá ở bài báo Điều gì giúp bóng đá Việt Nam chiến thắng?: đội tuyển bóng đá nam, vô địch, tuyển nữ, U22, cầu thủ, sân thi đấu, đối thủ, sân tập, giải đấu lớn, đội bóng, giải vô địch quốc gia, ăn ý, đồng đội, phòng ngự,		

	tấn công, huấn luyện viên, sơ đồ chiến thuật, cổ động viên,... → Các từ ngữ đó phù hợp với đề tài đá bóng của văn bản và cho bạn đọc rõ được thành công của đội tuyển Việt Nam, lí do giúp cho bóng đá Việt Nam chiến thắng.
	Bài tập 3 a, - Trạng ngữ: Một lần, khi được hỏi về thời gian sáng tác bài hát -> Tác giả không cần nêu đích xác ngày tháng: vì thông tin được nêu không yêu cầu cần phải chính xác về thời gian, không gian. b, - Trạng ngữ: hai tiếng cộng cả cuộc đời - Nội dung của trạng ngữ được giải thích ở những câu tiếp theo: Theo tác giả, sở dĩ bài hát được hoàn thành “trong hai tiếng cộng cả cuộc đời” vì tác giả đã được sống trong những ngày gian khổ, nuôi khát vọng giải phóng dân tộc và thấu hiểu rằng để chiến thắng, chúng ta đã phải đổi bằng máu và nước mắt. - Sự giải thích của tác giả giúp ta hiểu rõ bối cảnh ra đời của bài hát. c, - Cần chọn cấu trúc câu phù hợp với tính chất của loại văn bản, phù hợp với ngữ cảnh, mục đích nói/ viết để tạo mạch văn thống nhất, không lặp cấu trúc và bớt nhàm chán.

4. Hoạt động 4: Vận dụng

a) Mục tiêu: HS khắc sâu kiến thức đã học.

b) Nội dung: HS hiểu được kiến thức trong bài học để vận dụng vào thực tế.

c) Sản phẩm học tập: Chia sẻ thông tin

d) Tổ chức thực hiện:

* Giao nhiệm vụ học tập:

Bài tập 1: Đọc đoạn văn sau và trả lời câu hỏi: “ Cũng lời văn Nam Cao kể, đây là một đêm mùa đông giá buốt của Hà Nội 1944. Buổi chiều, ông đi dọc đường phố qua ga Hàng Cỏ(nay là ga Hà Nội), qua Hàng Bông rồi ra bờ hồ. Ông vừa đi vừa nghiền ngẫm tìm ý cho bản hành khúc mà tổ chức vừa giao trách nhiệm. Hiện thực đập vào mắt ông là những tốp người đói khổ từ nông thôn tràn về Hà Nội, là ánh mắt của bé gái chừng ba

tuổi, là ngọn lửa tím sẫm, bập bùng trong hốc mắt mọi người. Đêm ấy, về căn gác nhỏ số 171 phố Mông-gơ-răng(nay là 45 Nguyễn Thượng Hiền), nhạc sĩ Văn Cao đã viết nốt nhạc đầu tiên cho bản hành khúc . Cũng phải mất rất nhiều ngày, bản hành khúc cho một dự báo mới hoàn chỉnh. Do đang trong thời kì hoạt động bí mật, “Tiến quân ca” được ghi tên tác giả bằng mật danh Anh Thợ”.

(Theo Nguyễn Thụy Kha- Nhạc sĩ Văn Cao và Tiến quân ca”- Thứ hai, 17-08- 2015, nhân dân.vn)

1, Tìm các từ ngữ chuyên dùng trong lĩnh vực âm nhạc được sử dụng trong đoạn trích trên? Các từ ngữ đó phù hợp với đề tài, tính chất và bạn đọc của bài viết như thế nào?

2, Chỉ ra một trạng ngữ và nêu tác dụng.

Gợi ý:

1,

- Các từ ngữ chuyên dùng trong lĩnh vực âm nhạc được sử dụng trong đoạn trích: hành khúc, nhạc sĩ Văn Cao, nốt nhạc, Tiến quân ca.

- Đặt các yêu cầu:

- + Phù hợp với đề tài(về văn hoá), thể hiện rõ chủ đề (quá trình sáng tác bài” Tiến quân ca”)

- + Thể hiện tính chất trang trọng, gần gũi.

- + Phù hợp với đối tượng độc giả làm nghệ thuật trong lĩnh vực âm nhạc và nhiều đối tượng khác thuộc các lứa tuổi, ngành nghề, tầng lớp, vùng miền,...khác nhau.

2, Trạng ngữ: Đêm ấy, về căn gác nhỏ số 171 phố Mông-gơ-răng(nay là 45 Nguyễn Thượng Hiền), nhạc sĩ Văn Cao đã viết nốt nhạc đầu tiên cho bản hành khúc .

Trạng ngữ: Đêm ấy

- Tác dụng: Chỉ thời gian, đồng thời liên kết với câu văn số 1: “**Cũng lời văn Nam Cao kể, đây là một đêm mùa đông giá buốt của Hà Nội 1944.**”

Bài tập 2: Viết một đoạn văn (khoảng 4 – 5 dòng) nói về cảm xúc của em khi xem một buổi biểu diễn văn nghệ hoặc một cuộc thi thể thao.

Hình thức: Đoạn văn, diễn đạt trôi chảy, từ 4-5 dòng, ngôn từ trong sáng.

Nội dung:

- + Thời gian, không gian, tên buổi biểu diễn/ thi đấu

- + Nội dung, sự kiện chính.

- + Cảm xúc và lí do.

Tham khảo đoạn văn:

Thứ sáu vừa rồi, cả lớp em đã cùng nhau đi xem chương trình ca nhạc ở Cung văn hóa thiếu nhi. Em thích nhất chính là tiết mục cuối cùng. Đó là tiết mục hát gồm các bạn nhỏ ở mọi lứa tuổi trong cung thiếu nhi cùng biểu diễn. Các bạn hát vang ca khúc Trái đất này là của chúng mình, vừa hát vừa nhún nhảy thật là hay. Sau buổi biểu diễn hôm đó, em trở về nhà mà dư âm của các ca khúc vẫn còn mãi trong đầu.

*** Thực hiện nhiệm vụ:** Hs chia sẻ thông tin

*** Báo cáo kết quả :** Cá nhân

Ngày dạy:

VĂN BẢN THÔNG TIN NHỮNG PHÁT MINH “TÌNH CỜ VÀ BẤT NGỜ”

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức:

- Nhận biết được một số yếu tố hình thức(nhan đề, bố cục, sapoo, hình ảnh, cách triển khai...) nội dung(đề tài, vấn đề, ý nghĩa...) của bản thông tin thuật lại một sự kiện, triển khai thông tin theo mối quan hệ nguyên nhân, kết quả.

2. Năng lực

a. Năng lực chung:

- Năng lực tự chủ và tự học: Tìm kiếm thông tin, đọc sách giáo khoa, quan sát tranh ảnh để tìm hiểu về văn bản

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Thảo luận nhóm để thực hiện phiếu học tập, hợp tác giải quyết vấn đề để tìm hiểu về văn bản

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Năng lực trình bày và trao đổi thông tin trước lớp.

b. Năng lực đặc thù:

- Phân tích được những đặc sắc về nội dung, nghệ thuật của văn bản

3. Phẩm chất:

- Bồi dưỡng phẩm chất trung thực và trách nhiệm trong việc tiếp nhận, truyền đạt thông tin về các sự kiện. Bồi dưỡng khát khao khám phá thông tin và sự say mê trong lĩnh vực khoa học, kĩ thuật.

- Thích đọc sách, báo, tìm tư liệu trên mạng Internet để mở rộng hiểu biết.

II. THIẾT BỊ VÀ HỌC LIỆU

- Học liệu: Ngữ liệu/Sách giáo khoa, phiếu học tập.

- Thiết bị: Máy tính, máy chiếu.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Hoạt động 1: Mở đầu

a) Mục tiêu: Tạo tâm thế và định hướng chú ý cho học sinh; tạo vấn đề vào chủ đề

b) Nội dung hoạt động: Nhìn hình ảnh

c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời/chia sẻ của HS bằng ngôn ngữ

d) Tổ chức hoạt động:

*** Chuyển giao nhiệm vụ:** Quan sát những hình ảnh sau và cho biết những hình ảnh đã nói tới phát minh nào?

***Thực hiện nhiệm vụ:** Hs trả lời câu hỏi

*** Báo cáo kết quả :**

*** Gv kết luận, nhận xét và kết nối vào bài:** Các em biết không, những phát minh trên thực sự rất kì diệu và nó đã mang đến những sự đột phá trong cuộc sống của chúng ta và nó cũng là kết quả của một hành trình tìm kiếm rất là bền bỉ của những nhà nghiên cứu khoa học nghiêm túc hết mình và vô cùng kiên trì, những vật dụng mới đó đã ra đời và làm thay đổi cuộc sống con người của chúng ta gần như là một cách toàn diện. Nhưng liệu có khi nào sự ra đời của một vài những phát minh thú vị, chỉ là sự tình cờ và bất ngờ không nhỉ? Buổi học ngày hôm nay, chúng ta sẽ cùng nhau khám phá một số những phát minh tình cờ và bất ngờ như vậy.

2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức

Hoạt động của GV và HS	Nội dung cần đạt																		
a) Mục tiêu: Hs hiểu những vấn đề chung về văn bản . b) Nội dung hoạt động: Trả lời câu hỏi c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời/chia sẻ của HS bằng ngôn ngữ d) Tổ chức hoạt động: - Yêu cầu đọc: Áp dụng những chiến thuật đọc đã hướng dẫn từ bài trước: đọc lướt, quét, chú thích, theo dõi... - Giọng đọc rõ ràng. * Chuyển giao nhiệm vụ: Gv, học sinh đọc văn bản THỰC HIỆN PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1: Tìm hiểu chung <table border="1"> <tr> <td colspan="2">Văn bản:</td></tr> <tr> <td>Xuất xứ</td><td></td></tr> <tr> <td>Thể loại</td><td></td></tr> <tr> <td>Bố cục</td><td></td></tr> <tr> <td></td><td></td></tr> </table> Tìm hiểu từ khó? ? Hãy nhắc lại, những đặc trưng của văn bản thông tin là gì? <table border="1"> <tr> <td>Những đặc trưng của văn bản thông tin</td><td>Ý nghĩa</td></tr> <tr> <td>Nhan đề</td><td></td></tr> <tr> <td>Hình ảnh</td><td></td></tr> <tr> <td>Thời gian đăng tải</td><td></td></tr> </table>	Văn bản:		Xuất xứ		Thể loại		Bố cục				Những đặc trưng của văn bản thông tin	Ý nghĩa	Nhan đề		Hình ảnh		Thời gian đăng tải		I, ĐỌC –VĂN BẢN 1, Xuất xứ: Lược trích theo khoa hoc.tv 2, Thể loại: Văn bản thông tin 3, Bố cục: 4 phần Phần 1: Đất nặn Phần 2: Kem que Phần 3: Lát khoai tây. Phần 4: Giấy nhớ 4, Tìm hiểu yếu tố hình thức của văn bản thông tin
Văn bản:																			
Xuất xứ																			
Thể loại																			
Bố cục																			
Những đặc trưng của văn bản thông tin	Ý nghĩa																		
Nhan đề																			
Hình ảnh																			
Thời gian đăng tải																			

Sapo	
Đề mục	
Dự kiến sp:	
Những đặc trưng của văn bản thông tin	Ý nghĩa
Nhan đề	Thể hiện chủ đề văn bản
Hình ảnh	Văn bản thêm lời cuốn, hấp dẫn. Xác thực các thông tin trong văn bản.
Thời gian đăng tải	+ Thể hiện ngày đăng tải thông tin. + Gợi sự kiện kỉ niệm quan trọng.
Sapo	+ Tóm tắt nội dung văn bản. + Kích thích sự tò mò.
Đề mục	Tô đậm, người đọc dễ dàng nắm bắt thông tin chính.

THỰC HIỆN PHIẾU HỌC TẬP SỐ 3: Yếu tố hình thức được thể hiện trong văn bản

Yếu tố	Thể hiện trong văn bản	Ý nghĩa
Nhan đề		
Sapo		
Đề mục		
Hình ảnh		

***Thực hiện nhiệm vụ:** Hs trả lời câu hỏi

*** Báo cáo kết quả :**

Yếu tố	Thể hiện trong văn bản	Ý nghĩa
Nhan đề	Những phát minh tình cờ và bất ngờ	Nêu chủ đề của văn bản
Sapo	“Những huyền thoạikhông hai	Tóm tắt nội dung

Nhan đề: Nêu chủ đề của văn bản

Sapo: Tóm tắt nội dung của văn bản ngắn gọn, khơi gợi trí tò mò vì sao các phát minh này được coi là những huyền thoại và nó được ra đời trong

	như vậy” (phần in đậm đầu văn bản)	của văn bản ngắn gọn, khơi gợi trí tò mò vì sao các phát minh này được coi là những huyền thoại và nó được ra đời trong hoàn cảnh như thế nào	hoàn cảnh như thế nào Hình ảnh: Văn bản sinh động hơn, tăng tính chân thực và giúp người đọc hình dung rõ hơn về các phát minh đó Đề mục: Chỉ ra được các phát minh quan trọng, người đọc dễ theo dõi văn bản.
Đề mục	1. Đất nặn 2. Kem que 3. Lát khoai tây chiên 4. Giấy nhớ	Chỉ ra được các phát minh quan trọng, người đọc dễ theo dõi văn bản.	
Hình ảnh	4 bức ảnh về 4 phát minh	Văn bản sinh động hơn, tăng tính chân thực và giúp người đọc hình dung rõ hơn về các phát minh đó.	
* Gv kết luận, nhận xét. Khi chúng ta đọc mỗi một phần đề mục 1,2,3,4 chúng ta đều thấy rằng có sự lặp lại của các thông tin: nhà phát minh, mục đích ban đầu, diễn biến và kết quả ở cả bốn phát minh. ? Vậy việc lặp lại cách trình bày thông tin ở các phát minh ở trong văn bản có tác dụng gì? - Việc lặp lại cách trình bày thông tin như vậy ở các phần đã tạo tính khoa học, rành mạch cho bố cục bài viết, người đọc có thể theo dõi thông tin dễ dàng. Nhận xét về hình thức trình bày văn bản? - Cách trình bày thông tin rõ ràng, có kết hợp hình ảnh, in đậm các đề mục để người đọc dễ dàng			

tiếp nhận các thông tin chính. - Bố cục mạch lạc, logic, lời văn ngắn gọn, rõ ràng, chính xác.	
---	--

II, KHÁM PHÁ VĂN BẢN

a) Mục tiêu: Hs tìm hiểu những phát minh tình cờ và bất ngờ

b) Nội dung hoạt động: Trả lời câu hỏi

c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời/chia sẻ của HS bằng ngôn ngữ

d) Tổ chức hoạt động:

*** Chuyển giao nhiệm vụ:**

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 3: Những phát minh tình cờ và bất ngờ

Tên phát minh – Người phát minh	Nguyên nhân	Kết quả
1, Đất nặn		
2, Kem que		
3, Lát khoai tây.		
4, Giấy nhớ		

***Thực hiện nhiệm vụ:** Hs trả lời câu hỏi

*** Báo cáo kết quả :**

Tên phát minh – Người phát minh	Nguyên nhân	Kết quả
1, Đất nặn	Do người dân chuyển sang nấu ga, bột đất sét không còn được sử dụng để loại	Đất nặn trở thành một loại đồ chơi cho trẻ em với nhiều màu sắc hấp

1, Những phát minh tình cờ và bất ngờ

	bỏ bỏ hóng do than củi gây ra khi nấu nướng, sưởi ấm. Công ty của Vich-co có thể bị thua lỗ nặng, ông sử dụng chất bột nhão để mô phỏng độ dẻo của đất sét.	đần, mang lại cho công ti hàng triệu đô la Mỹ.	
2, Kem que			
3, Lát khoai tây.			
4, Giấy nhớ			
* Gv kết luận, nhận xét.			
? Hãy khái quát ngắn gọn nghệ thuật và nội dung của văn bản?			III, Tổng kết 1, Nghệ thuật + Bố cục rõ ràng, rành mạch, khoa học. + Từ ngữ, lời văn: ngắn gọn, chính xác. + Cách đưa thông tin đa dạng sử dụng sa pô, kết hợp kênh chữ với kênh hình tự nhiên,

	hiệu quả. 2, Nội dung + Cung cấp những thông tin khoa học chính xác và rõ ràng về nhà phát minh, mục đích ban đầu, diễn biến và kết quả của 4 phát minh: Đất nặn, kem que, lát khoai tây chiên và giấy nhớ. + Giúp người đọc hiểu được tính ứng dụng của các phát minh đó trong đời sống.
--	--

3. Hoạt động 3: Luyện tập

a) Mục tiêu: Học sinh vận dụng kiến thức đã học vào làm bài tập.

b) Nội dung hoạt động:

- HS luyện đọc kĩ một đoạn trích trong văn bản và thực hiện các nhiệm vụ/trả lời các câu hỏi, bài tập để rèn kĩ năng đọc hiểu văn bản.

c) Sản phẩm học tập:

- Câu trả lời của các câu hỏi, bài tập.

d) Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Nội dung cần đạt
* Giao nhiệm vụ học tập: Gv chiếu bài tập * Thực hiện nhiệm vụ: * Báo cáo kết quả : Những phát minh “tình cờ và bất ngờ” : thuật lại nhiều sự kiện, liệt kê, lặp lại các thông tin của các phát minh về nhà phát minh, mục đích ban đầu, diễn biến kết quả, tập trung trình bày phần diễn biến và kết quả. Phạm Tuyên và ca khúc mừng chiến	III, LUYỆN TẬP Chỉ ra sự khác nhau trong cách trình bày thông tin giữa văn bản những phát minh “tình cờ và bất ngờ” và hai văn bản thông tin đã học. Cách trình bày của mỗi văn bản phù hợp với mục đích của văn bản như thế nào

thắng, điều gì giúp bóng đá Việt Nam chiến thắng? được trình bày theo mối quan hệ: nguyên nhân-kết quả, tập trung lí giải nguyên nhân dẫn đến sự ra đời bài hát hay chiến thắng của bóng đá Việt Nam. => Cách trình bày của mỗi văn bản phù hợp với mục đích của văn bản đó. * Gv kết luận và nhận xét:	
---	--

4. Hoạt động 4: Vận dụng

a) Mục tiêu: HS khắc sâu kiến thức đã học.

b) Nội dung: HS hiểu được kiến thức trong bài học để vận dụng vào thực tế.

c) Sản phẩm học tập: Chia sẻ thông tin

d) Tổ chức thực hiện:

*** Giao nhiệm vụ học tập:** Tìm hiểu những bài báo khác ra đời cùng thời điểm, cũng nêu những nguyên nhân làm nên chiến thắng của bóng đá Việt Nam.

? Vậy theo các em, vì sao bóng đá Việt Nam trở nên chiến thắng?

*** Thực hiện nhiệm vụ:** Hs chia sẻ thông tin

*** Báo cáo kết quả:** Cá nhân

*** Gv kết luận và nhận xét:**

Ngày dạy:

Tiết 132

VIẾT: TÓM TẮT VĂN BẢN THÔNG TIN

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức: Phát triển kĩ năng viết:

- Hiểu khái niệm tóm tắt văn bản thông tin và tóm tắt được văn bản thông tin và tóm tắt được văn bản thông tin bất kì theo trình tự các bước, bằng đoạn văn, sơ đồ hay các hình thức sáng tạo khác.

2. Năng lực

a. Năng lực chung:

- Năng lực tự chủ và tự học: Tìm kiếm thông tin, đọc sách giáo khoa, quan sát tranh ảnh để tìm hiểu về bài học.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Thảo luận nhóm để thực hiện phiếu học tập, hợp tác giải quyết vấn đề để tìm hiểu về bài học.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Năng lực trình bày và trao đổi thông tin trước lớp.

b. Năng lực đặc thù: - Biết tóm tắt được văn bản thông tin

3. Phẩm chất:

- Chăm chỉ: Hs có ý thức vận dụng bài học vào hoàn cảnh thực tế, kiên trì, học hỏi, sáng tạo. Thích đọc sách, báo, tìm tư liệu trên mạng Internet để mở rộng hiểu biết.
- Trách nhiệm: Làm chủ được bản thân trong quá trình học tập, có ý thức vận dụng kiến thức lý thuyết để tạo lập văn bản.

II. THIẾT BỊ VÀ HỌC LIỆU

- Học liệu: Ngữ liệu/Sách giáo khoa, phiếu học tập.
- Thiết bị: Máy tính, máy chiếu.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Hoạt động 1: Mở đầu

a) Mục tiêu: Tạo tâm thế và định hướng chú ý cho học sinh; tạo vấn đề vào chủ đề

b) Nội dung hoạt động:

c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời/chia sẻ của HS bằng ngôn ngữ

d) Tổ chức hoạt động:

* **Chuyển giao nhiệm vụ:** Làm sao khi đọc một văn bản dài chúng ta có thể nhớ được các thông tin quan trọng một cách dễ dàng?

* **Thực hiện nhiệm vụ:** Hs đọc và trả lời

* **Báo cáo kết quả :** Hs trả lời cá nhân

* **Gv kết luận, nhận xét và kết nối vào bài:** Hành trình từ những bước đi đầu tiên, bài đầu tiên cô luôn nhắc về tóm tắt văn bản. Chúng mình đã thực hành từ những câu chuyện đầu tiên. Vậy thì tóm tắt văn bản truyện, khác gì với văn bản thông tin. Chúng mình cùng xem nhé!

2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức

Hoạt động của GV và HS	Nội dung cần đạt
a) Mục tiêu: Học sinh hiểu được tác dụng của việc tóm tắt văn bản thông tin. b) Nội dung hoạt động: Trả lời câu hỏi c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời/chia sẻ của HS bằng ngôn ngữ d) Tổ chức hoạt động:	1, Tóm tắt văn bản thông tin
* Chuyển giao nhiệm vụ: Hãy động não và kết hợp kiến thức trong sách giáo khoa để trả lời các câu hỏi sau:	a, Tóm tắt văn bản thông tin.

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1

- 1, Tóm tắt văn bản là gì?
- 2, Quy trình tóm tắt văn bản gồm những bước nào?
- 3, Có những cách tóm tắt nào thông dụng?
- 4, Có những tiêu chí đánh giá văn bản tóm tắt nào?

Dự kiến:

- 1, Tóm tắt văn bản là gì?

Nêu ngắn gọn nội dung chính của một văn bản nào đó

- 2, Quy trình tóm tắt văn bản gồm những bước nào?

+ 3 bước : xác định thông tin chính => xác định từ khoá phản ánh thông tin cốt lõi và giữ nguyên mốc thời gian quan trọng
=> kết nối các từ khoá và hoàn thành bản tóm tắt

- 3, Có những cách tóm tắt nào thông dụng?

+ Viết đoạn văn

+ Sơ đồ tư duy

+ Sketchote...

- 4, Có những tiêu chí đánh giá văn bản tóm tắt nào?

+ Tính thẩm mỹ

+ Làm nổi bật nội dung văn bản

+ Tính lô-gic, khoa học

+ Tính khái quát

Những lợi ích của việc tóm tắt

1. Nâng cao kỹ năng đọc-hiểu.

2. Rèn luyện năng nắm bắt nhanh các thông tin chủ yếu, tổng hợp vấn đề.

3. Cải thiện vốn từ vựng ghi nhớ vấn đề một cách lô-gic, mạch lạc.

4. Nâng cao khả năng ghi nhớ vấn đề một cách logic, mạch lạc.

* Gv kết luận, nhận xét.

+ Nâng cao kỹ năng đọc-hiểu.

+ Rèn luyện năng nắm bắt nhanh các thông tin chủ yếu, tổng hợp vấn đề.

+ Cải thiện vốn từ vựng ghi nhớ vấn đề một cách lô-gic, mạch lạc.

+ Nâng cao khả năng ghi nhớ vấn đề một cách logic, mạch lạc.

Văn bản thông tin điều gì giúp bóng đá Việt Nam chiến thắng được tóm tắt theo hai cách thông dụng.

+ **Đoạn văn**

+ **Sơ đồ**

Em hãy so sánh hai cách và đưa ra nhận xét của mình về ưu, nhược điểm của hai cách trên khi tóm tắt văn bản thông tin.

b, Tìm hiểu văn bản mẫu

+ **Sơ đồ:** Bắt mắt, trực quan, sinh động, dễ nắm bắt từ khó, thông tin cốt lõi và mối quan hệ giữa các thông tin đó.

+ **Đoạn văn:** rèn kỹ năng viết trôi chảy, mở

	rộng vốn từ, diễn đạt tốt hơn. Nhưng khó nắm bắt, khó nhìn thấy mối quan hệ giữa các ý chính trong văn bản, không có hình ảnh nên không lôi cuốn, hấp dẫn.																				
a) Mục tiêu: Học sinh vận dụng để tóm tắt văn bản thông tin. b) Nội dung hoạt động: Trả lời câu hỏi c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời/chia sẻ của HS bằng ngôn ngữ d) Tổ chức hoạt động: Phiếu học tập số 2: Các bước tóm tắt <table> <tr> <th>Các bước</th><th>Nội dung</th></tr> <tr> <td>Chuẩn bị</td><td></td></tr> <tr> <td>Tìm ý</td><td></td></tr> <tr> <td>Viết</td><td></td></tr> <tr> <td>Kiểm tra và chỉnh sửa</td><td></td></tr> </table> Dự kiến: <table> <tr> <th>Các bước</th><th>Nội dung</th></tr> <tr> <td>Chuẩn bị</td><td>Đọc kĩ văn bản, dự kiến cách trình bày</td></tr> <tr> <td>Tìm ý</td><td>Chú ý tên phát minh, tên nhà phát minh, mục đích ban đầu, diễn biến và kết quả</td></tr> <tr> <td>Viết</td><td>+ Đoạn văn, dùng lại lời văn của mình + Sơ đồ</td></tr> <tr> <td>Kiểm tra và chỉnh sửa</td><td>Bổ sung thêm thông tin(nếu còn thiếu), sửa nếu bị thừa hoặc thiếu hình ảnh minh hoạ, màu sắc cần bổ sung thêm.</td></tr> </table> Sơ đồ tư duy	Các bước	Nội dung	Chuẩn bị		Tìm ý		Viết		Kiểm tra và chỉnh sửa		Các bước	Nội dung	Chuẩn bị	Đọc kĩ văn bản, dự kiến cách trình bày	Tìm ý	Chú ý tên phát minh, tên nhà phát minh, mục đích ban đầu, diễn biến và kết quả	Viết	+ Đoạn văn, dùng lại lời văn của mình + Sơ đồ	Kiểm tra và chỉnh sửa	Bổ sung thêm thông tin(nếu còn thiếu), sửa nếu bị thừa hoặc thiếu hình ảnh minh hoạ, màu sắc cần bổ sung thêm.	2, Thực hành Bài tập: Em hãy tóm tắt văn bản “ Những phát minh “tình cờ và bất ngờ”
Các bước	Nội dung																				
Chuẩn bị																					
Tìm ý																					
Viết																					
Kiểm tra và chỉnh sửa																					
Các bước	Nội dung																				
Chuẩn bị	Đọc kĩ văn bản, dự kiến cách trình bày																				
Tìm ý	Chú ý tên phát minh, tên nhà phát minh, mục đích ban đầu, diễn biến và kết quả																				
Viết	+ Đoạn văn, dùng lại lời văn của mình + Sơ đồ																				
Kiểm tra và chỉnh sửa	Bổ sung thêm thông tin(nếu còn thiếu), sửa nếu bị thừa hoặc thiếu hình ảnh minh hoạ, màu sắc cần bổ sung thêm.																				

Nhà phát minh: Giô-Sép Mác Vích-cơ Nguyên nhân: Bột đất sét không còn được sử dụng để loại bỏ bồ hóng do than củi gây ra khi nấu nướng, sưởi ấm. Kết quả: Đất nặn trở thành một loại đồ chơi cho trẻ em với nhiều màu sắc hấp dẫn, mang lại cho công ti hàng hiệu đồ la Mỹ.		Nhà phát minh: Phrăng Ép-pơ-xơ-nơ Nguyên nhân: Ép-pa-xơ-nơ vô tình dùng chiếc que trộn bột socola khô và nước lại với nhau trong một cái cốc để đùa nghịch, để quên ngoài trời Kết quả: Kem que đã trở thành sản phẩm bán chạy nhất mọi thời đại khi hè đến.												
Nhà phát minh: Xpen-xơ-vơ Xin-vơ Nguyên nhân: Xin-vơ tạo ra một chất dính tạm trong phòng thí nghiệm nhưng không biết ứng dụng. Đồng nghiệp của Xin-vơ không tìm ra cách gì để dán một số giấy tờ lên cuốn sách hợp ca. Hai ý tưởng lên gặp nhau. Kết quả: Giấy nhả ra đời. Năm 1980 trở nên phổ biến.	NHỮNG PHÁT MINH TÌNH CỜ VÀ BẤT NGỜ 	Nhà phát minh: Gióc Cẳm Nguyên nhân: khách liên tục gửi trả lại món ăn đã phục vụ, yêu cầu phải tạt mỏng và giòn hơn nữa khiến Cẳm đã mất bình tĩnh, cắt lát khoai mỏng đến nỗi không thể mỏng hơn, chiên chúng khô cứng. Kết quả: lát khoai tây chiên ra đời, được yêu thích, đặt mua.												
Thống kê thành bảng: <table border="1" data-bbox="203 798 1144 1911"> <thead> <tr> <th>Tên phát minh</th><th>Nguyên nhân</th><th>Kết quả</th></tr> </thead> <tbody> <tr> <td>1. Đất nặn</td><td>Người dân thay vì sử dụng than, củi để nấu và sưởi ấm thì họ chuyển sang dùng ga khiến ông thua lỗ và nhớ về bài học chỉ dạy ông cách sử dụng bột nhào mô phỏng độ dẻo của đất sét</td><td>Trở thành đồ chơi cho trẻ em với nhiều màu sắc hấp dẫn thu về hàng triệu đô la Mỹ</td></tr> <tr> <td>2. Kem que</td><td>Ép – pơ – xơ-nơ vô tình dùng chiếc que trộn bột soda khô và nước lại với nhau trong một cái cốc để đùa nghịch và để quên ngoài trời.</td><td>Trở thành sản phẩm bán chạy nhất mọi thời đại khi hè đến</td></tr> <tr> <td>3. Lát khoai tây chiên</td><td>Cẳm đã mất bình tĩnh khi khách hàng liên tục gửi trả lại món ăn và cắt lát khoai mỏng đến nỗi không thể</td><td>Nhiều người thích nó và đặt mua rất nhiều.</td></tr> </tbody> </table>			Tên phát minh	Nguyên nhân	Kết quả	1. Đất nặn	Người dân thay vì sử dụng than, củi để nấu và sưởi ấm thì họ chuyển sang dùng ga khiến ông thua lỗ và nhớ về bài học chỉ dạy ông cách sử dụng bột nhào mô phỏng độ dẻo của đất sét	Trở thành đồ chơi cho trẻ em với nhiều màu sắc hấp dẫn thu về hàng triệu đô la Mỹ	2. Kem que	Ép – pơ – xơ-nơ vô tình dùng chiếc que trộn bột soda khô và nước lại với nhau trong một cái cốc để đùa nghịch và để quên ngoài trời.	Trở thành sản phẩm bán chạy nhất mọi thời đại khi hè đến	3. Lát khoai tây chiên	Cẳm đã mất bình tĩnh khi khách hàng liên tục gửi trả lại món ăn và cắt lát khoai mỏng đến nỗi không thể	Nhiều người thích nó và đặt mua rất nhiều.
Tên phát minh	Nguyên nhân	Kết quả												
1. Đất nặn	Người dân thay vì sử dụng than, củi để nấu và sưởi ấm thì họ chuyển sang dùng ga khiến ông thua lỗ và nhớ về bài học chỉ dạy ông cách sử dụng bột nhào mô phỏng độ dẻo của đất sét	Trở thành đồ chơi cho trẻ em với nhiều màu sắc hấp dẫn thu về hàng triệu đô la Mỹ												
2. Kem que	Ép – pơ – xơ-nơ vô tình dùng chiếc que trộn bột soda khô và nước lại với nhau trong một cái cốc để đùa nghịch và để quên ngoài trời.	Trở thành sản phẩm bán chạy nhất mọi thời đại khi hè đến												
3. Lát khoai tây chiên	Cẳm đã mất bình tĩnh khi khách hàng liên tục gửi trả lại món ăn và cắt lát khoai mỏng đến nỗi không thể	Nhiều người thích nó và đặt mua rất nhiều.												

	mỏng hơn và chiên chúng khô cứng.		
4. Giấy nhớ	Xin – vợ tạo ra một chất dính tạm trong phòng thí nghiệm nhưng không biết ứng dụng để làm gì. Vài năm sau đồng nghiệp của ông là Át Phrai đang tìm cách dán một số giấy tờ lên cuốn sách hợp ca của mình tại nhà thờ.	Ý tưởng lớn gặp nhau, giấy nhớ ra đời.	
Soát lại tóm tắt bằng sơ đồ bằng phiếu sau:			
Yêu cầu tóm tắt		Đạt/ Chưa đạt	
Tương ứng về số phần, đoạn, ý chính giữa sơ đồ và văn bản cần tóm tắt.			
Sử dụng từ khoá.			
Thể hiện mối quan hệ giữa các phần, đoạn, ý chính.			
Bao quát nội dung chính của văn bản cần tóm tắt.			
Rút kinh nghiệm:			
+ Hình thức: Rối, không lồi cuốn.			
+ Nội dung: Không đủ ý chính, trình tự các ý chưa lô-gic, khoa học.			
⇒ Phương án điều chỉnh.			

4. Hoạt động 4: Vận dụng

- Mục tiêu: HS khắc sâu kiến thức đã học.
- Nội dung: HS hiểu được kiến thức trong bài học để vận dụng vào thực tế.
- Sản phẩm học tập: Chia sẻ thông tin
- Tổ chức thực hiện:

*** Giao nhiệm vụ học tập:** Tóm tắt văn bản “ Phạm Tuyên và ca khúc mừng chiến thắng”

*** Thực hiện nhiệm vụ:** Hs chia sẻ thông tin

*** Báo cáo kết quả :** Cá nhân

*** Gv kết luận và nhận xét:**

Ngày dạy:

VIẾT: BIÊN BẢN

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức: Phát triển kĩ năng viết:

- Hiểu khái niệm biên bản, cách viết biên bản và thực hành viết được biên bản về một cuộc họp hay cuộc thảo luận.

2. Năng lực

a. Năng lực chung:

- Năng lực tự chủ và tự học: Tìm kiếm thông tin, đọc sách giáo khoa, quan sát tranh ảnh để tìm hiểu về bài học.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Thảo luận nhóm để thực hiện phiếu học tập, hợp tác giải quyết vấn đề để tìm hiểu về bài học.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Năng lực trình bày và trao đổi thông tin trước lớp.

b. Năng lực đặc thù: - Biết viết biên bản.

3. Phẩm chất:

- Chăm chỉ: Hs có ý thức vận dụng bài học vào hoàn cảnh thực tế, kiên trì, học hỏi, sáng tạo. Thích đọc sách, báo, tìm tư liệu trên mạng Internet để mở rộng hiểu biết.

- Trách nhiệm: Làm chủ được bản thân trong quá trình học tập, có ý thức vận dụng kiến thức lý thuyết để tạo lập văn bản.

II. THIẾT BỊ VÀ HỌC LIỆU

- Học liệu: Ngữ liệu/Sách giáo khoa, phiếu học tập.

- Thiết bị: Máy tính, máy chiếu.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Hoạt động 1: Mở đầu

a) Mục tiêu: Tạo tâm thế và định hướng chú ý cho học sinh; tạo vấn đề vào chủ đề

b) Nội dung hoạt động:

c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời/chia sẻ của HS bằng ngôn ngữ

d) Tổ chức hoạt động:

*** Chuyển giao nhiệm vụ:** Làm sao khi đọc một văn bản dài chúng ta có thể nhớ được các thông tin quan trọng một cách dễ dàng?

*** Thực hiện nhiệm vụ:** Hs đọc và trả lời

* **Báo cáo kết quả :** Hs trả lời cá nhân

* **Gv kết luận, nhận xét và kết nối vào bài:** Hành trình từ những bước đi đầu tiên, bài đầu tiên cô luôn nhắc về tóm tắt văn bản. Chúng mình đã thực hành từ những câu chuyện đầu tiên. Vậy thì tóm tắt văn bản truyện, khác gì với văn bản thông tin. Chúng mình cùng xem nhé!

2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức

Hoạt động của GV và HS	Nội dung cần đạt
a) Mục tiêu: Học sinh tìm hiểu về biên bản. b) Nội dung hoạt động: Trả lời câu hỏi c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời/chia sẻ của HS bằng ngôn ngữ d) Tổ chức hoạt động:	1, Tìm hiểu về biên bản
* Chuyển giao nhiệm vụ: Hãy động não và kết hợp kiến thức trong sách giáo khoa để trả lời các câu hỏi sau: PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1: Tìm hiểu về biên bản 1, Biên bản là gì? 2, Biên bản có vai trò gì trong đời sống? 3, Hình thức của biên bản cần đảm bảo yêu cầu gì? Dự kiến: 1, Biên bản là gì? + Là một loại văn bản nhật dụng, thuộc loại văn bản thông tin. + Là bản ghi lại những gì thực tế đã và đang xảy ra để làm chứng cứ, hoặc là bản ghi lại tiến trình, nội dung, kết quả thảo luận. 2, Biên bản có vai trò gì trong đời sống? + Được lưu lại như một hồ sơ, chứng cứ để khi cần đưa ra đánh giá vụ việc, vấn đề nào đó. +Giúp người đọc nắm bắt đầy đủ, chính xác nội dung sự việc đã diễn ra. 3, Hình thức của biên bản cần đảm bảo yêu cầu gì? - Phần đầu có quốc hiệu, tiêu ngữ, bên trái có tên cơ quan chức năng có nhiệm vụ tổ chức cuộc họp. - Phần ghi tên BIÊN BẢN - Phần ghi thời gian, địa điểm. - Phần ghi thành phần tham dự và tên người chủ trì, thư kí - Phần ghi diễn biến cuộc họp, thảo luận theo trình tự thực tế diễn ra. - Ghi thời gian kết thúc cuộc họp - Người chủ trì và thư kí kí tên.	

- Nơi nhận. * Gv kết luận, nhận xét.	
Quan sát biên bản mẫu sgk/105	2, Các bước viết biên bản - Xác định nội dung biên bản, thể hiện bằng tên biên bản. - Thu thập thông tin liên quan đến sự việc để viết phần nội dung. - Viết biên bản theo mẫu. - Đọc và rà soát, chỉnh sửa (nếu cần)

3. Hoạt động 3: Luyện tập

a) Mục tiêu: Học sinh vận dụng kiến thức đã học vào làm bài tập.

b) Nội dung hoạt động:

- HS luyện đọc kĩ một đoạn trích trong văn bản và thực hiện các nhiệm vụ/trả lời các câu hỏi, bài tập để rèn kĩ năng đọc hiểu văn bản.

c) Sản phẩm học tập:

- Câu trả lời của các câu hỏi, bài tập

d) Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Nội dung cần đạt
* Giao nhiệm vụ học tập: Gv chiếu bài tập Để hưởng ứng ngày trái đất 22-4, lớp em đã tổ chức thảo luận về chủ đề “Hạn chế sử dụng bao bì ni lông và chất thải nhựa” trong giờ sinh hoạt lớp. Em hãy ghi lại biên bản của buổi thảo luận đó. Có thể viết tay hoặc tạo lập văn bản trên máy tính. * Thực hiện nhiệm vụ: * Báo cáo kết quả : * Gv kết luận và nhận xét:	3, Thực hành Bước 1: Chuẩn bị + Xác định mục đích ghi chép + Chuẩn bị giấy, bút, màu nếu có + Ngồi ở vị trí dễ quan sát và lắng nghe. Bước 2: Viết bài + Quan sát lắng nghe mọi người trình bày ý kiến thảo luận trong buổi thảo luận để viết biên bản theo yêu cầu. + Viết biên bản đầy đủ bố cục 3 phần. + Thông qua biên bản đã được viết trước nhóm, tập thể lớp. Bước 3: Kiểm tra và chỉnh sửa. + Bổ sung các ý kiến góp ý của các nhóm về

	biên bản(nếu có) + Đọc soát lại biên bản(nếu có) + Soát lỗi, sửa lỗi.
--	---

4. Hoạt động 4: Vận dụng

a) Mục tiêu: HS khắc sâu kiến thức đã học.

b) Nội dung: HS hiểu được kiến thức trong bài học để vận dụng vào thực tế.

c) Sản phẩm học tập: Chia sẻ thông tin

d) Tổ chức thực hiện:

* **Giao nhiệm vụ học tập:** Những sơ đồ tư duy em đã thực hành vẽ ở những bài học trước, có được coi là một dạng tóm tắt văn bản không?

Muốn sử dụng sơ đồ tư duy để tóm tắt văn bản, em cần lưu ý điều gì?

* **Thực hiện nhiệm vụ:** Hs chia sẻ thông tin

* **Báo cáo kết quả :** Cá nhân

Các sơ đồ tư duy cũng là một dạng tóm tắt văn bản và các bài học.

- Muốn làm tốt sơ đồ tư duy em cần xem lại nội dung bài học kĩ càng, chọn lọc từ khoá và acsc thông tin quan trọng, tìm mối liên hệ giữa chúng; tư duy thêm các hình ảnh minh hoạ để sơ đồ lôi cuốn hơn.

* **Gv kết luận và nhận xét:**

* **Hướng dẫn về nhà:**

+ **Hoàn thành sơ đồ tư duy.**

+ **Chuẩn bị bài :** Nói và nghe thảo luận nhóm về một vấn đề.

Ngày dạy:

Tiết : 133-134

NÓI VÀ NGHE: THẢO LUẬN NHÓM VỀ MỘT VẤN ĐỀ

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức: Phát triển năng lực nói và nghe:

- Biết thuật lại nguyên nhân dẫn đến kết quả một sự việc.
- Nói được nguyên nhân sự việc.
- Biết cách nói và nghe phù hợp với đặc trưng của kiểu bài thảo luận về một vấn đề.

2. Năng lực

a. Năng lực chung:

- Năng lực tự chủ và tự học: Tìm kiếm thông tin, đọc sách giáo khoa, quan sát tranh ảnh để tìm hiểu về bài học.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Thảo luận nhóm để thực hiện phiếu học tập, hợp tác giải quyết vấn đề để tìm hiểu về bài học.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Năng lực trình bày và trao đổi thông tin trước lớp.

b. Năng lực đặc thù: - Biết kiểu bài thảo luận về một vấn đề.

3. Phẩm chất:

- Chăm chỉ: Hs có ý thức vận dụng bài học vào hoàn cảnh thực tế, kiên trì, học hỏi, sáng tạo. Thích đọc sách, báo, tìm tư liệu trên mạng Internet để mở rộng hiểu biết.
- Trách nhiệm: Có ý thức vận dụng bài học vào các tình huống, hoàn cảnh thực tế đời sống của bản thân, nỗ lực sáng tạo những điều mới mẻ mang dấu ấn cá nhân.

II. THIẾT BỊ VÀ HỌC LIỆU

- Học liệu: Ngữ liệu/Sách giáo khoa, phiếu học tập.
- Thiết bị: Máy tính, máy chiếu.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Hoạt động 1: Mở đầu

- Mục tiêu: Tạo tâm thế và định hướng chú ý cho học sinh; tạo vấn đề vào chủ đề
- Nội dung hoạt động:
- Sản phẩm học tập: Câu trả lời/chia sẻ của HS bằng ngôn ngữ
- Tổ chức hoạt động:

*** Chuyển giao nhiệm vụ:** Hãy đặt câu hỏi vì sao, xoay quanh các hình ảnh?



? Vì sao hoa bồ công anh con lại bay theo gió?



Vì sao lại có ngày 22/3 là ngày nước thế giới?

*** Thực hiện nhiệm vụ:** Hs đọc và trả lời

*** Báo cáo kết quả :** Hs trả lời cá nhân

*** Gv kết luận, nhận xét và kết nối vào bài:** Như vậy là trong cuộc sống trước bất kỳ một hoàn cảnh nào đó chúng ta thường đặt cho mình câu hỏi “Vì sao”. Không chỉ đứng yên mà khi đứng trước kết quả của một sự việc, một sự kiện nào đấy ta thường có câu hỏi như vậy để đi tìm cội nguồn của vấn đề, lí giải nguyên nhân của vấn đề. Vậy làm thế nào để chúng ta có thể giải quyết được vấn đề này? Đọc sách, tìm hiểu thông tin, hay là đối thoại với chính mình, thực ra đây cũng là những cách rất là thú vị, đó sẽ là những cách nâng cao năng lực tự học cho mình. Nhưng bên cạnh đây cũng có một cách khá là

tuyệt vời, khá là hay đó chính là mình sẽ làm việc nhóm và trao đổi với người khác về một vấn đề đó, đối thoại với người khác để cùng đưa ra nguyên nhân cuối cùng. Vậy bài học hôm nay chúng ta sẽ....

2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức

Hoạt động của GV và HS	Nội dung cần đạt
a) Mục tiêu: Học nêu được các vấn đề chung về thảo luận nhóm về một vấn đề b) Nội dung hoạt động: Trả lời câu hỏi c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời/chia sẻ của HS bằng ngôn ngữ d) Tổ chức hoạt động:	1, Tìm hiểu chung
* Chuyển giao nhiệm vụ: PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1: Tìm hiểu chung 1, Vấn đề thảo luận của tiết học này là gì? 2, Thảo luận nhóm về nguyên nhân dẫn đến kết quả của sự việc là gì? 3, Cách thức thảo luận nhóm tìm nguyên nhân của vấn đề cần trải qua những bước nào? Dự kiến: 1, Vấn đề: Nguyên nhân dẫn đến kết quả của một sự việc, sự kiện. 2, Thảo luận nhóm: thành viên nêu ý kiến và trao đổi, thảo luận, cuối cùng thống nhất các nguyên nhân dẫn đến kết quả đó. 3, Cách thức: + Xác định sự việc, sự kiện. + Nêu kết quả + Chỉ ra các nguyên nhân. + Thảo luận và thống nhất ý kiến. * Gv kết luận, nhận xét.	
? Lợi ích của thảo luận nhóm là gì? - Giúp các cá nhân rèn luyện kĩ năng lắng nghe, tổ chức công việc, biết lắng nghe và tôn trọng lẫn nhau... - Giúp cá nhân có trách nhiệm hơn với công việc được giao và đưa ra những quyết định đúng đắn. - Giúp bạn tăng khả năng kết nối, học hỏi, sáng tạo, tăng cường hiệu quả giải quyết vấn đề. - Kĩ năng quan trọng bậc nhất đối với con người ở thế kỉ XXI, thời kì hội nhập.	

? Khi thảo luận nhóm cần dựa trên những nguyên tắc nào? - Lắng nghe, tôn trọng giúp đỡ. - Phân công công việc hợp lí, công bằng. - Có trách nhiệm hoàn thành - Khen ngợi, khích lệ - Tôn trọng mục tiêu chung.									
a) Mục tiêu: Học sinh vận dụng để thực hành thảo luận. b) Nội dung hoạt động: Trả lời câu hỏi c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời/chia sẻ của HS bằng ngôn ngữ d) Tổ chức hoạt động:	2, Thực hành Vấn đề 1: Nguyên nhân nào làm cho nước sạch ngày càng khan hiếm? Vấn đề 2: Vì sao cuối học kì I, lớp em được tuyên dương và khen thưởng là lớp đứng đầu khối 6?								
-	Bước 1: Chuẩn bị - Lựa chọn sự việc cần thảo luận. - Thu nhập thông tin và xác định nguyên nhân. - Dự kiến các phương tiện hỗ trợ thảo luận giấy, máy tính, tranh ảnh, sơ đồ..... - Chú ý yêu cầu nói và nghe trong thảo luận nhóm.								
PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2: TÌM Ý <table border="1" data-bbox="203 1486 1149 1707"> <tr> <td>Kết quả của sự việc đó là gì?</td><td></td></tr> <tr> <td>Có những nguyên nhân nào dẫn đến kết quả đó?</td><td></td></tr> <tr> <td>Theo em nguyên nhân nào là quan trọng?</td><td></td></tr> </table> Dự kiến: <table border="1" data-bbox="203 1749 1149 1877"> <tr> <td>Kết quả của sự việc đó</td><td> - Hiện nay ở VN và trên thế giới, nhiều nơi thiếu nước sạch để uống và sử dụng. - Thiếu nước sạch hay phải sử dụng nguồn nước ô </td></tr> </table>	Kết quả của sự việc đó là gì?		Có những nguyên nhân nào dẫn đến kết quả đó?		Theo em nguyên nhân nào là quan trọng?		Kết quả của sự việc đó	- Hiện nay ở VN và trên thế giới, nhiều nơi thiếu nước sạch để uống và sử dụng. - Thiếu nước sạch hay phải sử dụng nguồn nước ô	Bước 2: Tìm ý và lập dàn ý Tìm ý
Kết quả của sự việc đó là gì?									
Có những nguyên nhân nào dẫn đến kết quả đó?									
Theo em nguyên nhân nào là quan trọng?									
Kết quả của sự việc đó	- Hiện nay ở VN và trên thế giới, nhiều nơi thiếu nước sạch để uống và sử dụng. - Thiếu nước sạch hay phải sử dụng nguồn nước ô								

là gì?	nhiễm, gây ra những hậu quả lớn tới sức khỏe con người. - Báo cáo của LHQ cho biết năm 2020 có hơn 2.2 tỉ người đang sống thiếu nước sạch, dự báo đến trước năm 2030, có khoảng 60 nước sẽ lâm vào tình trạng thiếu nước trầm trọng. Hàng năm, hàng triệu người chết vì các căn bệnh do ô nhiễm nước gây ra							
Có những nguyên nhân nào dẫn đến kết quả đó?	- Nguyên nhân khách quan: nguồn nước sạch không phải là vô tận. - Nguyên nhân chủ quan: + Ý thức sử dụng của con người chưa tốt, lãng phí nước sạch. + Xả rác bừa bãi, ô nhiễm nguồn nước + Dân số thế giới tăng nhanh, nhu cầu sử dụng ngày càng lớn. + Cơ chế quản lí tại các quốc gia...							
Theo em nguyên nhân nào là quan trọng?	- Ý thức sử dụng của con người. + Khi con người nhận thức về vai trò của nguồn nước sạch, con người sẽ giữ gìn nguồn nước sạch tốt hơn, sử dụng hiệu quả và tiết kiệm. + Ý thức con người sẽ giải quyết những vấn đề còn lại: không vứt rác bừa bãi, phá hủy môi trường sinh thái, chặt phá rừng,...							
Phân công trong nhóm(5-6 bạn) + Nhóm trưởng: điều phối công việc, phân công cho các bạn, đốc thúc và kết nối các thành viên. + Nhóm phó: hỗ trợ nhóm trưởng. + Thư kí: ghi chép lại các thông tin và dàn ý. + Các thành viên: trao đổi tích cực và mạnh dạn, bổ sung ý kiến cho nhau... + Ai cũng cần tập trung và làm việc hết sức mình, để bạn nào cũng có thể thay mặt nhóm và trình bày được vấn đề. PHIẾU HỌC TẬP SỐ 3: LẬP DÀN Ý <table><tr><td>Mở bài</td><td></td></tr><tr><td>Thân bài</td><td></td></tr><tr><td>Kết bài</td><td></td></tr></table> Dự kiến sản phẩm:		Mở bài		Thân bài		Kết bài		Lập dàn ý Phân công trong nhóm(5-6 bạn)
Mở bài								
Thân bài								
Kết bài								

Mở bài	- Lời chào. - Nêu vấn đề: Bức ảnh, một lời trích dẫn, một câu hỏi - Khẳng định nội dung trọng tâm của bài nói: Đi tìm nguyên nhân của sự việc thiếu nước sạch hiện nay.	
Thân bài	- Nguyên nhân 1: Nguồn nước sạch không vô tận - Nguyên nhân 2: Nguồn nước bị ô nhiễm - Nguyên nhân 3: Ý thức của người sử dụng chưa tốt - Nguyên nhân 4: Dân số thế giới gia tăng	
Kết bài	- Rút ra bài học: Ta cần làm gì để bảo vệ nguồn nước sạch? - Lời cảm ơn và xin được góp ý, đối thoại cởi mở.	
Với mỗi nguyên nhân, cần khai thác sâu hơn bằng cách đặt câu hỏi: Vì sao lại như vậy? Chứng cứ nào khẳng định điều đó? Ví dụ: Nguyên nhân nguồn nước bị ô nhiễm. + Tại các cơ sở sản xuất công nghiệp, vì không có công trình và thiết bị xử lý nước thải nên chất thải được thải trực tiếp ra ngoài môi trường(nước thải, khí thải, chất thải rắn), nguồn nước xung quanh các khu vực này vì ô nhiễm trầm trọng. + Các khu công nghiệp ngày càng gia tăng. + Nhiều con sông chết ra đời và khoác lên mình những chiếc áo màu đen kinh hoàng. ***Theo các nghiên cứu tác động Môi trường của cơ quan Tổng cục Môi trường cho thấy: ở ngành công nghiệp dệt may, ngành công nghiệp giấy và bột giấy, nước thải thường hàm lượng chất rắn lơ lửng...cao cấp nhiều lần giới hạn cho phép. Hàm lượng nước thải của các ngành này có chứa xyanua(CN) vượt đến 84 lần, H₂S vượt 4,2 lần, hàm lượng NH₃ vượt 84 lần tiêu chuẩn cho phép nên đã gây ô nhiễm nặng nề các nguồn nước mặt trong vùng dân cư.(https://suwckhoedoi-song.vn/o-nhiem-nguon-nuoc-thuc-trang-dang-bao-dong-169123592.htm)		
		BƯỚC 3: THỰC HÀNH NÓI VÀ NGHE

				BUỚC 4: KIỂM TRA VÀ CHỈNH SỬA - Với người nghe: Em thích nhất điều gì trong phần trình bày của bạn? Nếu muốn thay đổi, em muốn thay đổi điều gì trong phần trình bày của bạn? - Với người nói: Em tâm đắc nhất điều gì trong phần trình bày của mình? Em muốn trao đổi, bảo lưu hay tiếp thu những góp ý của các bạn và thầy cô? Nếu được trình bày lại, em muốn thay đổi điều gì?
Tiêu chí	Mức độ			
	Chưa đạt	Đạt	Tốt	
1. Nêu được Nguyên nhân	Chưa nêu được nguyên nhân	Đưa ra được nguyên nhân nhưng chưa rõ ràng	Phân tích được được các nguyên nhân sâu sắc, thuyết phục, lôi cuốn	
2. Hợp tác nhóm	Các thành viên trong nhóm chưa làm việc hiệu quả	Các bạn hỗ trợ nhau, nhưng chưa tích cực	Cả nhóm luân phiên nói, các bạn hỗ trợ và có sự tương tác với nhau	
3. Nói to, rõ ràng, truyền cảm.	Nói nhỏ, khó nghe; nói lắp, ngập ngừng...	Giọng điệu tương đối phù hợp với đề bài, nói to nhưng đôi chỗ lặp lại hoặc ngập ngừng 1 vài câu	Giọng điệu phù hợp với đề bài, nói to, hầu như không lặp lại hoặc ngập ngừng.	
4. Sử dụng yếu tố phi ngôn ngữ phù hợp	Điều bộ thiếu tự tin; nét mặt chưa biểu cảm hoặc biểu cảm không phù hợp	Điều bộ tự tin, nét mặt biểu cảm phù hợp với nội dung câu chuyện	Điều bộ rất tự tin, mắt nhìn vào người nghe; nét mặt sinh động.	
5. Mở đầu và kết thúc	Không mở đầu và kết thúc bài nói	Có chào hỏi và có lời kết thúc bài nói	Chào hỏi/ và kết thúc bài nói	

4. Hoạt động 4: Vận dụng

a) Mục tiêu: HS khắc sâu kiến thức đã học.

b) Nội dung: HS hiểu được kiến thức trong bài học để vận dụng vào thực tế.

c) Sản phẩm học tập: Chia sẻ thông tin

d) Tổ chức thực hiện:

*** Giao nhiệm vụ học tập:**

Phát hiện các tình huống thực tiễn và vận dụng được các kiến thức, kỹ năng trong cuộc sống tương tự tình huống/ vấn đề đã đọc.

Ví dụ: số lượng người hút thuốc lá điện tử ngày càng tăng. Nhóm em hãy thảo luận vấn đề này và, lí giải nguyên nhân vì sao?

*** Thực hiện nhiệm vụ:** Hs chia sẻ thông tin

*** Báo cáo kết quả :**

1, Vấn đề: số người hút thuốc lá điện tử ngày càng gia tăng

2, Hút thuốc lá điện tử có hậu quả nghiêm trọng:

- Gây nghiện: trong thuốc lá điện tử cũng có chất gây nghiện như thuốc lá truyền thống.

- Gây ảnh hưởng đến sức khỏe nghiêm trọng: sức khỏe răng miệng; nguy cơ ung thư tăng cao cấp 15 lần ; ảnh hưởng đến khả năng hô hấp và tim mạch.

3, Nguyên nhân

- Thuốc lá điện tử, khá hấp dẫn: kiểu dáng sành điệu, hiện đại, có hương thơm.

- Có những thông tin không đúng sự thật để che đậy tác hại.

*** Gv kết luận và nhận xét:**

*** Giao nhiệm vụ học tập:** Tìm hiểu bài: Tự đánh giá.

Ngày dạy:

TIẾT 135: TỰ ĐÁNH GIÁ

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

HS ôn nhớ lại kiến thức trong bài 10 và vận dụng kiến thức trong bài học để thực hiện bài tập phần Tự đánh giá (Trang 109/SGK): Kiến thức về phần văn bản thông tin, biên bản, ...hiểu và sử dụng được kiến thức phần Tiếng việt:dấu ngoặc kép, lựa chọn từ ngữ và cấu trúc câu, biết cách tóm tắt một văn bản thuật lại một sự kiện và biết cách viết một biên bản.

2 Năng lực

- Hệ thống được các kiến thức về văn bản thông tin về đọc hiểu văn bản thông tin, thực hành tiếng việt và tóm tắt một văn bản thuật lại một sự kiện, biết cách trình bày một biên bản.

- Năng lực tự chủ, giao tiếp, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo.

2, Phẩm chất

- Chăm chỉ: Thích đọc sách, báo, tìm tư liệu trên mạng Internet để mở rộng hiểu biết.

- Trách nhiệm: Có ý thức học tập môn học.

II. THIẾT BỊ VÀ HỌC LIỆU

Giáo viên: - Học liệu: Ngữ liệu/Sách giáo khoa, phiếu học tập. Kế hoạch bài dạy.

Học sinh: Đọc, xem lại bài 10 về văn bản thông tin.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Hoạt động 1: Mở đầu

a) Mục tiêu: Tạo tâm thế và định hướng chú ý cho học sinh; tạo vấn đề vào chủ đề

b) Nội dung hoạt động: HS trả lời câu hỏi.

c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời/chia sẻ của HS bằng ngôn ngữ

d) Tổ chức hoạt động:

* **Chuyển giao nhiệm vụ:** Hãy kể tên các đơn vị kiến thức các em đã được học trong bài 10.

* **Thực hiện nhiệm vụ:** Hs trả lời

* **Báo cáo kết quả:** HS trình bày kết quả (cá nhân).

* **Đánh giá nhận xét, dẫn vào bài:** Hôm nay chúng ta học bài tự đánh giá kiến thức đã học trong bài 10 để nắm vững kiến thức đã học trong bài.

2. Hoạt động 2

Hoạt động của GV và HS	Nội dung cần đạt
a) Mục tiêu: củng cố kiến thức về văn bản thông tin. b) Nội dung hoạt động: HS trả lời câu hỏi. c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời/chia sẻ của HS bằng ngôn ngữ d) Tổ chức hoạt động: Thế nào là văn bản thuật lại một sự kiện theo nguyên nhân- kết quả? Biên bản là gì? Biên bản có vai trò gì trong đời sống? Hình thức của biên bản cần đảm bảo yêu cầu gì?	A. Ôn tập I. Đọc hiểu văn bản thông tin. 1. Đặc trưng của văn bản thông tin thuật lại một sự kiện. - Sự kiện được trình bày theo mối quan hệ nhân- quả thường bao gồm ba thông tin chính: Nguyên nhân- diễn biến- kết quả. - Trả lời cho ba câu hỏi chính: Vì sao lại xảy ra sự việc ấy? Sự việc ấy diễn ra như thế nào? Kết quả ra sao? 2, Biên bản là gì? + Là một loại văn bản nhật dụng, thuộc loại văn bản thông tin. + Là bản ghi lại những gì thực tế đã và đang xảy ra để làm chứng cứ, hoặc là bản ghi lại tiến trình, nội dung, kết quả

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập Hs trả lời câu hỏi Bước 3: Báo cáo sản phẩm học tập - HS trình bày cá nhân. - Các HS khác nhận xét. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ: - GV nhận xét và chuẩn kiến thức.	thảo luận. - Vai trò của biên bản trong đời sống: + Được lưu lại như một hồ sơ, chứng cứ để khi cần đưa ra đánh giá vụ việc, vấn đề nào đó. + Giúp người đọc nắm bắt đầy đủ, chính xác nội dung sự việc đã diễn ra. - Hình thức của biên bản cần đảm bảo yêu cầu: + Phần đầu có quốc hiệu, tiêu ngữ, bên trái có tên cơ quan chức năng có nhiệm vụ tổ chức cuộc họp. + Phần ghi tên BIÊN BẢN + Phần ghi thời gian, địa điểm. + Phần ghi thành phần tham dự và tên người chủ trì, thư kí + Phần ghi diễn biến cuộc họp, thảo luận theo trình tự thực tế diễn ra. + Ghi thời gian kết thúc cuộc họp + Người chủ trì và thư kí kí tên. + Nơi nhận.
<i>a. Mục tiêu:</i> Hs nắm được những đặc sắc về nội dung nghệ thuật từ đó có những hiểu biết đầy đủ, cụ thể hơn về đặc điểm củavăn bản thông tin. <i>b. Nội dung:</i> <i>Hướng dẫn học sinh</i> nêu ý kiến để khái quát lại những thành công về nghệ thuật, nội dung. <i>c. Sản phẩm:</i> Các câu trả lời của học sinh <i>d. Tổ chức thực hiện</i> B1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập: GV giao nhiệm vụ cho HS thông qua hệ thống câu hỏi - Trình bày khái quát nội dung và những đặc sắc về nghệ thuật của văn bản.	II. Đọc hiểu Văn bản: 1. Phạm Tuyên và ca khúc mừng chiến thắng: a. Nghệ thuật. + Bố cục rõ ràng, mạch lạc, khoa học + Từ ngữ, lời văn: mang đặc trưng ngôn ngữ báo chí. + Cách đưa thông tin đa dạng, sử dụng sa pô, kết hợp kênh chữ với kênh hình tự nhiên, hiệu quả. b. Nội dung - Cung cấp thông tin chính xác về thời gian, địa ddiemr, quá trình ra đời bài hát “Như có Bác trong ngày vui đại thắng”/ - Cho thấy tài năng, tình yêu Tổ Quốc sâu sắc của nhạc sĩ Phạm tuyên. Thể hiện niềm cảm mến, trân trọng của tác giả với bài hát và người nghệ sĩ tài

B 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập - Học sinh làm việc cá nhân, suy nghĩ, trả lời. - Giáo viên: Quan sát, theo dõi quá trình học sinh thực hiện, gợi ý nếu cần B 3: Báo cáo kết quả và thảo luận - Học sinh trình bày cá nhân: B 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - Yêu cầu học sinh nhận xét câu trả lời. - Gv sửa chữa, đánh giá, chốt kiến thức. HĐ cá nhân - KT trình bày 1 phút: <i>* GV yêu cầu HS làm việc cá nhân thực hiện yêu cầu sau: Em hãy khái quát nghệ thuật và nội dung chính của văn bản?</i> HĐ cá nhân - KT trình bày 1 phút: <i>* GV yêu cầu HS làm việc cá nhân thực hiện yêu cầu sau: Em hãy khái quát nghệ thuật và nội dung chính của văn bản?</i>	hoa Phạm Tuyên. 2. Văn bản: Điều gì giúp bóng đá Việt Nam chiến thắng a- Nghệ thuật: - Văn bản mang đặc trưng của văn bản thông tin - Văn bản được trình bày theo các đề mục rõ ràng, logic, lời văn mang tính trang trọng, đan xen các từ ngữ có giá trị biểu cảm, thao tác so sánh b- Nội dung Văn bản mang đến thông tin về vị thế của bóng đá Việt Nam hiện nay trong khu vực (thời điểm 2019) đồng thời lí giải nguyên nhân làm nên vị thế đó, nhân việc đội tuyển quốc gia Việt Nam giành được thành tích lớn 3. Những phát minh “tinh cò và bất ngờ” a, Nghệ thuật + Bố cục rõ ràng, rành mạch, khoa học. + Từ ngữ, lời văn: ngắn gọn, chính xác. + Cách đưa thông tin đa dạng sử dụng sa pô, kết hợp kênh chữ với kênh hình tự nhiên, hiệu quả. b, Nội dung + Cung cấp những thông tin khoa học chính xác và rõ ràng về nhà phát minh, mục đích ban đầu, diễn biến và kết quả của 4 phát minh: Đất nặn, kem que, lát khoai tây chiên và giấy nhớ. + Giúp người đọc hiểu được tính ứng dụng của các phát minh đó trong đời sống.
B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)	II. Kiến thức Tiếng việt

- GV yêu cầu trả lời các câu hỏi. ? Trong nói và viết, ta có cần thường xuyên cân nhắc, lựa chọn khi sử dụng từ ngữ không? Vì sao? ?Theo em, muốn lựa chọn từ ngữ phù hợp trong câu, ta cần phải làm gì? ? Khi chọn cấu trúc câu, em cần chú ý những yếu tố nào? B2: Thực hiện nhiệm vụ HS: HS quan sát, suy nghĩ trả lời câu hỏi - Đọc phần kiến thức ngữ văn SGK trang 90. GV: Hướng dẫn HS hoàn thành nhiệm vụ. B3: Báo cáo HS: Trả lời câu hỏi - Nhận xét và bổ sung cho bạn (nếu cần) B4: Kết luận, nhận định (GV) - Chốt kiến thức lên màn hình - Chuyển dẫn sang câu hỏi phần bài tập	1.Lựa chọn từ ngữ và cấu trúc câu: - Có Vì ở bất cứ vị trí nào trong câu, trong nhiều từ có thể được sử dụng, chỉ có một từ được xem là phù hợp nhất. - Ta cần hiểu nghĩa của từ định dùng và đề tài, tính chất của loại văn bản, bạn đọc. - Mỗi cấu trúc câu có giá trị biểu đạt riêng. - Cần chọn cấu trúc câu phù hợp với tính chất của loại văn bản, phù hợp với ngữ cảnh (câu đứng trước, sau), mục đích nói/viết để tạo mạch văn thống nhất, không lặp cấu trúc và bớt nhàm chán.
PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2: 1, Tóm tắt văn bản là gì? 2, Quy trình tóm tắt văn bản gồm những bước nào? 3, Có những cách tóm tắt naog thông dụng? 4, Có những tiêu chí đánh giá văn bản tóm tắt nào? 5, Thế nào là biên bản? Biên bản có vai trò gì trong đời sống? Hình thức của biên bản cần đảm bảo yêu cầu gì? Dự kiến: 1, Tóm tắt văn bản là gì? Nêu ngắn gọn nội dung chính của một văn bản nào đó 2, Quy trình tóm tắt văn bản gồm những bước nào? + 3 bước : xác định thông tin chính => xác định từ khoá phản ánh thông tin cốt lõi và giữ nguyên mốc thời gian quan trọng => kết nối các từ khoá và hoàn thành bản tóm tắt	III. Viết : Tóm tắt văn bản thông tin: 1, Lợi ích của tóm tắt văn bản thông tin. + Nâng cao kĩ năng đọc-hiểu.

3, Có những cách tóm tắt nào thông dụng? + Viết đoạn văn + Sơ đồ tư duy + Sketchote... 4, Có những tiêu chí đánh giá văn bản tóm tắt nào? + Tính thẩm mỹ + Làm nổi bật nội dung văn bản + Tính lô-gic, khoa học + Tính khái quát Những lợi ích của việc tóm tắt 1. Nâng cao kỹ năng đọc-hiểu. 2. Rèn luyện năng nắm bắt nhanh các thông tin chủ yếu, tổng hợp vấn đề. 3. Cải thiện vốn từ vựng ghi nhớ vấn đề một cách lô-gic, mạch lạc. 4. Nâng cao khả năng ghi nhớ vấn đề một cách logic, mạch lạc. 5, Thế nào là biên bản? <i>Nội dung:</i> - GV hỏi, HS về xác định yêu cầu, nội dung của đề. - HS trả lời <i>Sản phẩm:</i> Các câu trả lời của học sinh <i>Tổ chức thực hiện:</i> Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - Đặt câu hỏi: Theo yêu cầu trên. Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ Bước 3: Báo cáo, thảo luận HS trả lời Bước 4: Kết luận, nhận định - Nhận xét kết quả học tập của hs	+ Rèn luyện năng nắm bắt nhanh các thông tin chủ yếu, tổng hợp vấn đề. + Cải thiện vốn từ vựng ghi nhớ vấn đề một cách lô-gic, mạch lạc. + Nâng cao khả năng ghi nhớ vấn đề một cách logic, mạch lạc. 2, Biên bản là gì? a- Khái niệm: + Là một loại văn bản nhật dụng, thuộc loại văn bản thông tin. + Là bản ghi lại những gì thực tế đã và đang xảy ra để làm chứng cứ, hoặc là bản ghi lại tiến trình, nội dung, kết quả thảo luận. b, Biên bản có vai trò gì trong đời sống? + Được lưu lại như một hồ sơ, chứng cứ để khi cần đưa ra đánh giá vụ việc, vấn đề nào đó. + Giúp người đọc nắm bắt đầy đủ, chính xác nội dung sự việc đã diễn ra. c, Hình thức của biên bản cần đảm bảo yêu cầu gì? - Phần đầu có quốc hiệu, tiêu ngữ, bên trái có tên cơ quan chức năng có nhiệm vụ tổ chức cuộc họp. - Phần ghi tên BIÊN BẢN - Phần ghi thời gian, địa điểm. - Phần ghi thành phần tham dự và tên người chủ trì, thư kí - Phần ghi diễn biến cuộc họp, thảo luận theo trình tự thực tế diễn ra. - Ghi thời gian kết thúc cuộc họp - Người chủ trì và thư kí kí tên. - Nơi nhận.
a. Mục tiêu: HS hiểu được kiến thức trong bài học để thực hiện bài tập phần Tự đánh giá (Trang 109/SGK).	B, TỰ ĐÁNH GIÁ Tìm hiểu văn bản: <i>world wide web ra đời và phát triển như thế nào 30 năm</i>

- b. Nội dung: HS làm việc cá nhân.
 c. Sản phẩm: Câu trả lời đúng của HS.
 d. Tổ chức thực hiện: TỰ ĐÁNH GIÁ (Trang 109-> 111)

* GV giao nhiệm vụ:

- HS trả lời nhanh các câu hỏi phần Tự đánh giá

- HS thực hiện nhiệm vụ: các nhóm thảo luận, trả lời ra phiếu Học tập:

+ Trả lời bằng cách chọn 1 đáp án:

Câu	Đáp án
1	
...	

+ Cá nhân tự trả lời Câu 9,10:

Câu 9. Hãy tóm tắt lại nội dung của văn bản.

Câu 10. Nêu một số mặt trái của internet mà em biết.

- HS báo cáo sản phẩm.

- Đánh giá sản phẩm bằng điểm.

GV chốt kiến thức

qua.

Câu	Đáp án
1	A
2	A
3	A
4	C
5	D
6	A
7	A
8	A

Câu 9

Phương pháp giải:

Đọc lại văn bản và tóm tắt.

Lời giải chi tiết:

Vì để xây dựng một mạng lưới giúp các đồng nghiệp kết nối tốt hơn, vào ngày 12/3/1989 Tim Bo-no-li đã xây dựng lên mạng toàn cầu World Wide Web. Năm 1991, các trang web dần hoạt động toàn thế giới. Từ mục đích sử dụng đơn giản người sử dụng giờ phải đối mặt với nguy cơ về bảo mật dữ liệu và nhà sáng lập khuyên cáo rằng chúng ta cần nâng cao ý thức cảnh giác hơn trong vấn đề bảo vệ thông tin và ra đời những nền tảng kiểm soát dữ liệu tốt hơn nữa.

Câu 10

Trả lời câu 10 (trang 111 SGK Ngữ văn 6 tập 1)

Phương pháp giải:

Dựa vào kiến thức của bản thân, liệt kê ra các mặt trái của internet.

Lời giải chi tiết:

	Mặt trái của Internet: + Thế giới internet hiện nay đang tràn lan các trang web đăng tải những nội dung dung tục, lừa đảo người dùng. + Tăng tình cảm ảo, xa rời tình cảm thật. + Lãng phí thời gian và xao nhãng học tập, làm việc. + Nhiều thông tin không đáng tin cậy, khiến người xem dễ hiểu lầm, có tri thức không chính xác. + Nhiều hiện tượng mạng xã hội truyền bá tư tưởng xấu cho các thế hệ trẻ.
--	---

Hướng dẫn tự học

1. Đọc sách báo, truy cập internet, sưu tầm, tìm đọc các văn bản thông tin, nhất là các tác phẩm đã học, theo cách sau:

- Sử dụng công cụ tìm kiếm, gõ tên các tác phẩm văn học cần tìm.
- Thu thập các nguồn tư liệu gồm: bài viết, hình ảnh, video,...

2. Ghi chép và tích lũy những văn bản thông tin hay và ý nghĩa mà em đã đọc được.

* Về nhà:

- Nắm vững nội dung đã học
- Làm hoàn chỉnh bài tự đánh giá
- Xem lại nội dung kiến thức đã học trong HK II.

Ngày dạy:

Tiết 140

TRẢ BÀI KIỂM TRA HỌC KÌ II **(Đề của phòng)**

A. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

- Hướng dẫn học sinh tự đánh giá kết quả bài làm của mình. Nhận ra những ưu nhược điểm để có biện pháp phát huy ưu điểm, khắc phục hạn chế.

- Phát hiện và đánh giá những khó khăn, thách thức đặt ra trong quá trình tạo lập văn bản nói và viết.

2. Năng lực

2.1. Năng lực chung

- Năng lực giao tiếp: Khiêm tốn, lắng nghe tích cực trong giao tiếp. Diễn đạt ý tưởng một cách tự tin; thể hiện được biểu cảm phù hợp với đối tượng và bối cảnh giao tiếp.
- Năng lực nhận thức và tự hoàn thiện: nhận thức được điểm mạnh, yếu và hoàn thiện bản thân

2.2. Năng lực bộ môn

- Năng lực viết sáng tạo, độc đáo, hiệu quả.
- Năng lực phát hiện lỗi sai khi dùng từ, đặt câu, lỗi diễn đạt.
- Năng lực hợp tác trong các hoạt động học tập

3. Phẩm chất

- Sống thật thà, trung thực, trách nhiệm với bản thân và trong công việc.

B. PHƯƠNG TIỆN VÀ HỌC LIỆU

1. Phương tiện: bảng phụ

2. Học liệu

- Giáo viên: Bài kiểm tra của học sinh đã đánh giá điểm số, nhận xét, thống kê điểm và lỗi sai, kế hoạch dạy học
- Học sinh: sách, vở

C. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

HOẠT ĐỘNG 1 **KHỞI ĐỘNG(5')**

*** GV chuyển giao nhiệm vụ**

? Hãy chia sẻ những khó khăn và thuận lợi của em khi làm bài kiểm tra cuối học kì II?
Em đã làm như thế nào để phát huy hết những thuận lợi và khó khăn đó khi kiểm tra?

*** HS chia sẻ**

*** GV phân tích, đánh giá và chốt**

HOẠT ĐỘNG 2

HÌNH THÀNH KIẾN THỨC(35')

Hoạt động 1: I. Đề và phân tích yêu cầu đề

Hoạt động của GV và HS	Nội dung
* GV chuyển giao <u>nhiệm vụ học tập 1</u> - GV treo bảng phụ ghi đề bài	I. Đề và phân tích yêu cầu đề

(1) Đọc lại đề và chỉ ra các yêu cầu về nội dung và hình thức? (2) Lập dàn ý cho phần II - 1 HS đọc lại đề bài. * HS thực hiện nhiệm vụ - HS làm việc các nhân phân tích đề, xác định các yêu cầu về nội dung và hình thức (chú ý đến câu hỏi đánh giá kỹ năng viết) - HS thảo luận theo cặp xây dựng đáp án (dàn ý) cho bài viết. - GV nhận xét và bổ sung cho hoàn chỉnh dàn ý và các yêu cầu cần đạt.(Chú ý trọng tâm đến phần thân bài) - HS trả lời. HS khác lắng nghe, nhận xét và bổ sung * GV nhận xét, đánh giá và treo bảng phụ có ghi dàn ý	
---	--

Hoạt động 2: II. Trả bài và đánh giá ưu, nhược điểm

Hoạt động của GV và HS	Nội dung
* GV chuyển giao <u>nhiệm vụ học tập 2</u> - Trả bài, HS xem lại bài làm, đánh giá của GV và tự nhận xét bài viết của mình - HS trao đổi bài kiểm tra (GV phân loại các đối tượng có bài viết đạt các mức điểm tốt, khá, đạt, chưa đạt) và nhận xét đánh giá theo cặp - HS nêu nhận xét của mình về bài viết của bạn, mỗi đối tượng 2HS: +Tốt: + Khá: + Đạt: + Chưa đạt: * HS thực hiện nhiệm vụ - HS nghe để phát huy hoặc rút kinh nghiệm.	II. Trả bài và đánh giá ưu, nhược điểm 1. Học sinh tự nhận xét, đánh giá bài viết * Ưu điểm: Phân đọc, hiểu Phân làm văn * Nhược điểm: 2. Giáo viên đánh giá chung cả lớp: * Về ưu điểm - Phần đọc hiểu: Đa số các em nắm vững kiến thức đã học về thể thơ lục bát, về kiến thức tu từ, biết nhận diện bài thơ cùng đề tài..... - Phần làm văn:Biết kể lại các trải nghiệm của bản thân mà mình đã trải

* Gv tổng hợp nhận xét ưu nhược điểm của HS rút kinh nghiệm.	qua. * Về nhược điểm - Kỹ năng phân tích đề: - Kiến thức: một số bạn chưa nắm vững yêu cầu của thể thơ lục bát, chưa biết phân tích tác dụng của biện pháp tu từ, chưa nắm vững yêu cầu của đề. - Trình bày, diễn đạt:
--	---

Hoạt động 3: III. Chữa lỗi

Hoạt động của GV và HS	Nội dung															
* GV chuyển giao <u>nhiệm vụ học tập 3</u> - GV dùng bảng phụ thống kê một số lỗi tiêu biểu trong bài viết của HS và yêu cầu HS phát hiện, sửa lỗi (tập trung vào lỗi chính tả, dùng từ, đặt câu, bố cục). * HS thực hiện nhiệm vụ - HS quan sát ở bảng phụ, thảo luận, phát hiện và nêu hướng sửa chữa trong thời gian nhóm,5 phút * GV chốt lỗi cơ bản của bài viết và phương pháp sửa. - GV nhận xét, bổ sung và kết luận về hướng sửa chữa. - HS tự đối chiếu với yêu cầu của đề phát hiện lỗi và trao đổi với bạn bên cạnh và sửa - HS đọc phần đã sửa	III. Chữa lỗi <table><tr><th>Lỗi</th><th>Lỗi sai</th><th>Sửa</th></tr><tr><td>Chính tả</td><td></td><td></td></tr><tr><td>Câu, dùng từ</td><td></td><td></td></tr><tr><td>Diễn đạt</td><td></td><td></td></tr><tr><td>Bố cục trình bày</td><td></td><td></td></tr></table> (GV yêu cầu HS về nhà tiếp tục chữa các lỗi còn lại)	Lỗi	Lỗi sai	Sửa	Chính tả			Câu, dùng từ			Diễn đạt			Bố cục trình bày		
Lỗi	Lỗi sai	Sửa														
Chính tả																
Câu, dùng từ																
Diễn đạt																
Bố cục trình bày																

HOẠT ĐỘNG 3: VẬN DỤNG(5')

*** GV giới thiệu một số bài viết tốt** - GV chọn 3 bài viết tốt cho HS đọc, HS học tập.

*** HS đọc**

*** GV hướng dẫn HS tự học ở nhà**

- Xem lại đề bài và dàn ý
- Chữa các lỗi đã mắc trong bài làm
- Soạn bài: HK II: Bài học đường đời đầu tiên (Tô Hoài).

Tiết:
TRẢ BÀI

a) Mục tiêu:

- Thấy được ưu điểm và nhược điểm của bài viết.
- Chỉnh sửa bài viết cho mình và cho bạn.

b) Nội dung:

- HS thảo luận theo cặp nhận xét bài của mình và bài của bạn.
- HS đọc bài viết, làm việc theo cặp.

c) Sản phẩm: Bài đã sửa của HS.

d) Tổ chức thực hiện

HOẠT ĐỘNG CỦA GV & HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV) - Yêu cầu HS đọc, nhận xét chữa bài theo cặp - HS chữa lại bài sau khi đã đọc lại và nhận phiếu góp ý từ bạn. Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - GV giao nhiệm vụ - HS làm việc theo cặp và làm việc cá nhân - Gv thu một vài cặp ngẫu nhiên và chữa Bước 3: Báo cáo thảo luận - GV yêu cầu 3 -5 nhóm báo cáo kết quả thảo luận rút kinh nghiệm của cặp mình với bạn. Bước 4: Kết luận, nhận định (GV) - GV chốt lại những ưu điểm và tồn tại của bài viết.	- Đoạn văn đã chỉnh sửa của HS

4. Hoạt động 4 : Vận dụng

a) Mục tiêu: Phát triển năng lực viết đoạn văn nêu cảm nghĩ về một bài thơ lục bát

b) Nội dung: Giáo viên giao nhiệm vụ, HS thực hiện nhiệm vụ.

c) Sản phẩm: Sản phẩm của HS

d) Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV & HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: (GV giao nhiệm vụ) <i>Viết đoạn văn nêu cảm nghĩ về một câu thơ hoặc đoạn thơ lục bát mà em thích.</i> Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ GV: Hướng dẫn HS xác nhiệm vụ. HS: Đọc, xác định yêu cầu của bài tập. Bước 3: Báo cáo, thảo luận - Nộp sản phẩm về GV sau 1 tuần Bước 4: Kết luận, nhận định (GV) - Nhận xét ý thức làm bài của HS (HS nộp bài không đúng qui định (nếu có).	- Bài làm của HS

***Hướng dẫn học:**

- Học bài, hoàn thành bài viết hoàn chỉnh
- Soạn bài: Đọc hiểu VB: Hồ Chí Minh và tuyên ngôn độc lập.

=====